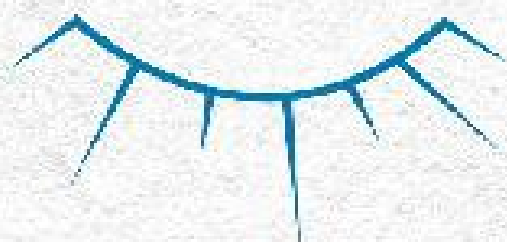


Đại sư Tinh Vân

Nguyễn Phổ *dịch*

Pháp môn hạnh phúc



CHỦNG VIỆN
SAC BONG



THE BOOKS
STORE 5/107 29/10/17

Pháp Môn Hạnh Phúc

Mục lục

Lời nói đầu

PHẦN 1: SỰ NGHIỆP

Bạn có thể thành công?

Cẩm nang về nghề nghiệp

Học tập quản trị đời sống

Tiền được sử dụng mới là tiền của mình

PHẦN 2: SINH HOẠT

Tình yêu có thể hợp pháp và không hợp pháp

Chăm sóc “đóa hoa” hôn nhân

Vũ khí của người phụ nữ

Dấu ấn của sự trưởng thành

Thêm chất ngọt cho đời

Trí tuệ trong xử trí chuyện vật ở đời

PHẦN 3: CUỘC SỐNG

Không thể không biết kinh nghiệm của cuộc sống

Ánh sáng của sự giao tế giữa người và người

Phương pháp chiến thắng trầm cảm

Dùng con mắt thiện cảm để nhìn thế giới

Trí huệ thấu suốt sinh tử

PHẦN 4: TINH THẦN

Lối vào Pháp môn bất nhị

Cuộc đời của đại ngã

Niềm vui ở cõi Niết bàn

Tâm sinh vạn pháp

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NÓI ĐẦU

Đây là những bài nói của thầy Tinh Vân về vấn đề “Pháp môn hạnh phúc”, và cũng là nhan đề của tập sách mà bạn đọc đang có trong tay, một tập sách trình bày quan điểm của tác giả về những vấn đề quan trọng của cuộc sống thường ngày của kiếp người trong xã hội ngày nay. Tập sách có tên gốc là Khoan tâm. Theo nghĩa thông thường, “khoan tâm” có nghĩa là giải bỏ những phiền muộn, buồn rầu ở trong lòng, một nghĩa khác là tâm tình thanh thản, thoải mái, một nghĩa nữa là yên tâm, không lo nghĩ. Như vậy, “khoan tâm” chỉ trạng thái tâm tình khoan khoái, dễ chịu, không vương bận. Những trạng thái ấy cộng lại chính là hạnh phúc của đời người vậy. Hạnh phúc ấy bao gồm nhiều yếu tố, trong đó quan trọng nhất chính là giải trừ phiền não, dứt bỏ thị phi, tu tập hành thiện, phục vụ nhân sinh.

Sách viết về những sự việc đời thường, những sự việc tưởng chừng như ai cũng biết, cũng thấy, cũng hành xử, nhưng mấy ai thấu triệt tính chất quan trọng của nó đối với nhân sinh. Đọc tập sách này, bạn đọc sẽ thấy điều đó. Sách chia làm bốn phần: Phần thứ nhất trình bày về sự nghiệp, tức những gì liên quan đến đời sống của mỗi cá nhân trong xã hội; phần thứ hai nói về sự sinh hoạt, tức những điều mà con người thường gặp phải trong cuộc sống hằng ngày; phần thứ ba bàn về cuộc đời, tức những việc liên quan đến sự giao tế, đối xử cùng những biện pháp giải quyết; phần thứ tư trình bày vấn đề tinh thần, đây là phần tương đối đi sâu vào triết lý Phật giáo, giúp người đọc bước đầu làm quen với những khái niệm về Phật pháp. Tất cả các nội dung trên được tác giả trình bày một cách mạch lạc, có lý luận, có thực tiễn, đặc biệt là những thực tiễn của chính cuộc đời tác giả, nên qua đó, người đọc phần nào cũng hiểu được hành trang của tác giả, một con người suốt đời cống hiến cho Phật pháp, tất cả vì hạnh phúc của nhân sinh.

Với tinh thần thực sự cầu thị, người dịch đã cố gắng chuyển tải các nội dung trên bằng ngôn ngữ tiếng Việt nhằm giúp bạn đọc hiểu biết thêm một số khía cạnh của hạnh phúc nhân sinh qua lời của một vị đại sư từng đi hoằng pháp nhiều nơi, từng tiếp xúc nhiều hạng người, từng thông hiểu sâu sắc Phật pháp, từng sống cuộc đời đạo hạnh, đặc biệt là từng trải qua những khó khăn vấp ngã, những chê trách phỉ báng trong cuộc đời tu hành của mình. Những trải nghiệm ấy đối với người tu hành, bằng sự nhẫn nhục, lòng từ bi và tinh thần vô úy họ đều có thể vượt qua, còn đối với chúng ta chưa hẳn đã khắc phục nổi. Vậy mời bạn hãy đọc tập sách nhỏ này để chia sẻ và thực hành.

Trong khi thực hiện bản dịch này, dĩ nhiên có chỗ này, chỗ khác không được như ý, có từ ngữ này, từ ngữ khác không thể thấu triệt, nên không tránh khỏi những sai sót, những chỗ chưa đạt, rất mong các vị thiện tri thức góp ý, chỉ giáo để lần sau nếu được xuất bản lại sẽ hoàn thiện hơn. Người dịch xin chân thành cảm ơn.

Thuận Hóa, mùa Vu Lan 2016

Nguyễn Phó

Phần 1 SỰ NGHIỆP

BẠN CÓ THỂ THÀNH CÔNG?

Muốn trở thành trụ cột của nhà Phật, trước hết phải là thân trâu ngựa của chúng sinh

Thành tựu tài lớn

Nhớ một bộ phim Nhật Bản trước đây, nội dung kể lại quá trình tu hành của Tôn Ngộ Không. Trong phim, Đường Tam Tạng nói với Tôn Ngộ Không: “Nếu người muốn theo ta học đạo, hàng ngày phải đứng yên một chỗ trong 100 ngày; đứng xong, phải quỳ ở đó 100 ngày; quỳ xong phải đưa hai tay lên trời 100 ngày; sau đó ngâm mình trong nước 100 ngày rồi đốt lửa bên người 100 ngày... Nếu qua được những thách thức trong nhiều ngày đó, ta mới dạy người Phật pháp.” Tôn Ngộ Không nghe xong bèn y theo lời của Đường Tam Tạng đứng bất động 100 ngày, quỳ trên đất 100 ngày, đưa hai tay lên trời 100 ngày, ngâm mình trong nước 100 ngày... Trải qua một lần 100 ngày, hai lần 100 ngày, mười lần 100 ngày... cuối cùng, Tôn Ngộ Không đã chịu được tất cả những thử thách của những lần 100 ngày ấy, lúc bấy giờ ông ta đã thành đạo quả.

Tuổi trẻ ngày nay, chính vì không trải qua những gì mà Tôn Ngộ Không đã rèn luyện kiểu 100 ngày của nhiều lần thử thách ấy, nên mới không thể chịu đựng, không thể chịu khó, bị quá nhiều lý do, bị ngã chấp quá nặng làm mê mờ chính mình. Như trên đã kể, nhiều những lần 100 ngày ấy có thể huấn luyện sức mạnh, tăng cường ý chí của chúng ta, nhưng có bao nhiêu người có thể chịu khó được như vậy?

Mỗi cá nhân đều mong muốn mình có thể thành công, học nghề, sự nghiệp, nuôi dạy con cái thành tựu. Nhưng người ta thường nói “tài lớn muộn thành”, rất nhiều thành công không thể đến dễ dàng, như một cái cây cũng phải trải qua gió đập mưa vùi trong mười mấy năm trời mới to lớn. Điều gọi là “Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người”, tức là con người không qua thời gian rèn luyện, không qua trắc trở mà muốn thành công thì thật là rất khó. Cho nên muốn thành tựu tài lớn phải có bốn điều kiện:

1. Cần vượt qua dư luận ồn ào. Con người phải trải qua các loại phiền não mới có thể thành tựu được. Ví như là một học sinh, phải hoàn tất kỳ thi đầy phiền hà, bạn cần phải chấp nhận sự thật mới có thể cố gắng, không lười nhác; là một thầy giáo hướng dẫn một vấn đề giống nhau đối với những học sinh khác nhau, phải lặp đi lặp lại nhiều lần, phải chịu được tính khí của từng cá nhân, có như vậy mới có thể trở thành giáo viên; người thương nhân buôn bán cũng phải có thất bại, sau đó mới có thể thành công; tác phẩm của nhà nghệ thuật làm không đạt, cũng phải làm lại đôi ba lần... Nên có điều thế gian gọi là “nhiều người lắm chuyện”, nếu không vượt qua được lời dèm pha của người khác, không vượt qua được sự quấy rầy của ngoại cảnh, không vượt qua được các thứ phiền não, bị lún sâu trong phiền não, thì không thể nào thoát ra khỏi cảnh ngộ khó khăn.

2. Cần chịu đựng sự tức giận. Trên thế gian không có ai là vừa ý mọi nơi, vui vẻ mọi lúc, có khi những sự việc không như ý có thể liên tiếp xảy ra, mình cảm giác như chịu hết mọi nỗi oan ức. Nhưng tức giận có thể giải quyết được vấn đề chẳng? Tức giận không những không thể thành tựu việc tốt, mà trái lại có thể thành ra việc xấu. Vì vậy, lúc tức giận trước tiên nên nhin nơi cái miệng, không nên tùy tiện mắng người; lại nhin nơi nét mặt, không nên tỏ lộ sự căm giận; rồi nhin ở trong lòng, lòng không nổi giận, rốt cuộc sẽ không có gì xảy ra. Kinh “Bồ Tát giới” ghi, Đức Phật, lúc tu hành trong thời quá khứ, đã từng bị năm “tay chửi giỏi” đuổi theo chửi mắng, Đức Phật đi đến đâu thì chúng đi theo chửi đến đấy, nhưng thái độ của Đức Phật là “như chưa từng khởi một chút tâm nào đối với chúng”. Cách tu

hành như vậy rồi cuộc Đức Phật chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên chúng ta cần xem tất cả những ngang ngược và mắng chửi bên ngoài là làm tăng thượng duyên trong sự nghiệp. Người có dũng khí, có năng lực vượt qua được những cơn phong ba bão táp của cuộc đời, vững vàng trước tất cả những công kích phá hoại của ma chướng. Khi vinh nhục khen chê có ập đến thì cũng cần nhẫn nhịn, chịu đựng, như vậy mới có thể thành tựu sự nghiệp.

3. Cần chịu được những trắc trở. Khi bị đá kích, phê bình, hăm hại, nên làm thế nào? Đi đánh nhau với người ta chẳng? Hay cãi cọ với người ta? Đó không phải là cách giải quyết cơ bản. Trong “Cảnh hành lục” có nói: “Chốc lát không thể nhịn, phiền não năm tháng tăng.” Có thể chịu được những trắc trở, chứng tỏ bạn là người có sức mạnh, có thể gánh vác việc lớn; không thể chịu nhịn được sự chê cười thì phiền não không dứt, tài lớn khó thành. Tuổi trẻ ngày nay thường tỏ ra cái dũng nhất thời của kẻ thất phu, chỉ vì một chuyện nhỏ mà rút dao chém tới, chỉ vì một câu nói đùa mà găm sâu trong lòng khó bề trừ bỏ. Không có bản lĩnh nhẫn nhục thì bất kể làm việc gì cũng không thể đạt được mục tiêu. Một câu nói đùa cũng cần tranh cãi, một chút giày vò cũng chịu không được, những thanh niên không có sức mạnh ứng phó với hoàn cảnh như vậy đều không thể gánh vác trách nhiệm, không thể tạo dựng sự nghiệp. Đức Phật nói: “Người học đạo, nếu không thể chịu đựng được chê bai mắng chửi, đối với những công kích ác độc không coi như được uống nước cam lộ thì không thể xem là người học đạo.” Chúng ta thấy chữ “nhẫn” (忍) gồm lưỡi dao (“nhận” 刃) nằm trên trái tim (“tâm” 心), từ sự cấu tạo của chữ này, chúng ta có thể nhận ra ý nghĩa của sự nhẫn nại. Con người nếu trong cuộc sống đời thường không bồi dưỡng sức mạnh của sự nhẫn nại, không tu tập cho thật tốt, thì chưa cần nói đến việc chịu đựng được con dao cắm vào trái tim, mà da chân chỉ bị xước một tí đã chịu không nổi, đã kêu khóc om sòm!

4. Kiên gan với thời gian. Có đôi lúc sự nhẫn nại của con người chỉ có mức độ, có thể nhẫn nại trong một năm, qua hai năm đã chịu không nổi, có thể nhẫn nại hai năm, nhưng qua ba năm thì không thể được... Thời gian nhẫn nại như vậy là chưa đủ thâm hậu, trên đời có những việc thường thường cần nhẫn nhịn một năm, hai năm, mười năm, thậm chí phải nhẫn nhịn rồi lại nhẫn nhịn nữa. Bạn phải chịu đựng với thời gian, với vật đổi sao dời, và khi con người trưởng thành như thấy được hoa nở, cũng tức là thời gian quả chín không còn cách xa nữa.

Làm người ở đời tất cả đều phải chịu đựng. Người có lòng khoáng khoáng rộng mở, nhìn mọi sự cao xa, không bị sự được thua trước mắt che lấp; người có lòng hẹp hòi thiển cận thì ở đâu cũng so đo tính toán, tăng thêm phiền não, thường không thể xong việc, không thành tài lớn.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”^[1]

Cái đáng quý của nhân cách là cái nằm ngoài công danh phú quý,

Điều đáng yêu của vật chất là ở chỗ tình nghĩa sâu nặng của người trao tặng,

Nhân cách được tạo nên bằng ba chữ “không ích kỷ”,

Thành công có nên tăng bởi một lời “không cầu thả”.

^[1] Thái căn đàm: Tên sách, do Hồng Ứng Minh, người thời nhà Minh viết. “Thái căn đàm” nghĩa là bàn về rễ rau, tức ý nói bàn về gốc rễ đạo đức làm người, dụng ý của tác giả là muốn nhấn mạnh tài trí, việc tu dưỡng của con người chỉ có thể đạt được khi đã trải qua một quá trình học tập, rèn luyện

gian khổ, bèn bị. “Thái căn đàm” xuất phát từ câu nói của học giả đời Tống là Uông Tín Dân: “Giảo đắc thái căn, bách sự khả tố” (nhai được rễ rau thì mọi việc đều có thể làm được), ý của câu này là con người chỉ cần kiên trì thích ứng với cuộc sống thanh bần thì bất kể làm việc gì cũng có thể thành tựu. Hồng Ứng Minh đọc thấy câu ấy và lấy làm đắc ý, cảm khái thốt lên rằng: “Tâm an mâu ốc ổn, tính định thái căn hương” (tâm an thì ở nhà tranh cũng thấy yên ổn, tính định thì ăn rễ rau cũng thấy vị thơm). Lấy cảm hứng từ đó, ông viết ra “Thái căn đàm”. Những câu châm ngôn xử thế trong “Thái căn đàm” dung hợp tư tưởng trung dung của đạo Nho, tư tưởng vô vi của đạo Lão và tư tưởng xuất thế của đạo Phật. Trên cơ sở những tư tưởng đó, “Thái căn đàm” trình bày triết lý nhân sinh trong nhiều phương diện của cuộc sống như tu dưỡng, xử thế, xuất thế... với nội dung sâu sắc, cô đọng, với lời lẽ chân thật dễ hiểu. Sách đã được dịch ra tiếng Việt với nhan đề “Thái căn đàm - Tinh hoa xử thế phương Đông”, người dịch là Thành Khang - Kim Thoa.



Người không bị đánh gục

Có một con ốc sên nhỏ luôn giận mình vì cái vỏ cứng trên lưng, vừa nặng nề vừa khó coi. Nó ngưỡng mộ con chim bay trên trời, có trời cao bảo vệ; nó ngưỡng mộ con trùn dưới đất đen, có đất dày che chở. Nhưng mẹ ốc sên nói với nó: “Con không tựa vào trời, cũng không tựa vào đất, con nên tựa vào cái vỏ cứng trên mình của con.” Cái vỏ trên mình tuy không đẹp, nhưng lại bảo vệ an toàn cho bản thân; ghét bỏ của mình, hăm dọa người khác, làm sao có thể thành công được?

Tất cả phẩm chất của con người đều do tự chính mình xây dựng nên. Phúc lạc người khác ban cho chúng ta không thể nương nhờ, phải tự khẳng định mình, tự mình cố gắng tiến lên, tự tìm lấy phúc lạc. Chỉ khi tự mình ngã quỵ trước mới có thể bị người khác đánh gục, cần tin tưởng vận mệnh đang nằm trong tay của chính mình. Từ khi ra đời, con người dần dần cảm nhận được nhiều vấn đề của nhân thế, như sinh lão bệnh tử, thị phi giữa người với người, giàu nghèo sang hèn, được thua phiền não, ngoài ra còn có những vấn đề khác như quốc gia, xã hội, chính trị, kinh tế, tình cảm, nhân sự, có một số người rất dễ bị những vấn đề ấy đánh gục, một số người khác thì không. Vậy cần phải có đủ các loại phẩm chất nào mới không bị đánh gục?

1. Làm một con người có khí phách. Có người “người nghèo nhưng chí không nghèo”, làm người có khí phách vững mạnh, không xu phụ hoàn cảnh, khắc phục khó khăn. Người có khí phách được người khác tôn kính, tin cậy, xem trọng, không thể bị người khác đánh gục.

2. Làm một người có sức chịu đựng. Con người cần có sức mạnh mới không bị người khác đánh gục, trong đó điều quan trọng nhất là sức mạnh của sự chịu đựng. Người có sức chịu đựng không vì một lúc, một người, một lời mà ảnh hưởng đến tinh thần của người ấy, và đương nhiên cũng không thể dễ dàng bị người khác đánh gục. Chọn vận động viên tham gia cuộc thi chạy Marathon cần dựa vào sức chịu đựng mới có thể đạt đến đích cuối cùng, bất cứ cuộc thi nào, trừ dựa vào trí năng, vũ khí để tranh thắng, thì sức chịu đựng mới là sức mạnh chủ yếu của bạn để đánh gục đối phương.

3. Làm một con người có đủ dũng khí. Người hèn yếu rất dễ dàng bị người khác đánh gục, thậm chí có người không đợi người khác đánh thì đã ngã quỵ trước rồi. Thực ra, con người không nên dễ bị đánh gục, chỉ cần bạn có dũng khí thì có cửa ải khó nào mà không thể vượt qua, có khó khăn nào không thể gánh vác? Tùng, trúc, mai đều phải trải qua thử thách của sương lạnh mưa tuyết, người có dũng khí và

phần đầu vươn lên trong khó khăn mới có thể sống còn.

4. Có tầm nhìn rộng. Sở dĩ có những người không bị đánh gục là vì họ có gan dạ và hiểu biết, biết nhìn xa trông rộng. Họ thấy được cao, họ nhìn được xa, không tính toán được thua nhất thời, có thể nắm chắc thời cơ, cơ hội thuận lợi, có tiền có lui, có trước có sau, có có có không. Dù gặp trắc trở hay đá kích, lòng họ vẫn tin chắc mưa tuyết cũng có lúc ngừng, gió xuân nhất định đến, như thế, làm sao có thể bị đánh gục?

5. Làm một người có bước đi vững chắc. Làm người phải đứng trên lập trường ổn định của mình mới có thể không bị người khác đánh gục. Nhà võ thuật chuyên môn có bước chân ổn chắc nên không thể bị đối phương đánh ngã; người làm chính trị không tham ô, không làm việc trái lương tâm, nên “nửa đêm có người gõ cửa, lòng vẫn không sợ hãi”. Cho nên muốn không bị người khác đánh gục, trước tiên cần tự mình không làm việc gì để dễ bị người khác đánh gục.

6. Làm một người có lòng tin kiên định. Người có lòng tin vững chắc, không dễ bị người khác đánh gục. Con người cần lòng tin đối với lời nói và việc làm của mình, cần có lòng tin đối với sự nghiệp của mình. Nếu thiếu hẳn lòng tin đối với chính mình, không cần người khác đánh gục, thì tự mình cũng đã ngã quy rồi. Lòng tin là sức mạnh, lòng tin là tài sản, chúng ta không những có lòng tin đối với chính mình, mà còn có lòng tin đối với mọi người, bạn hữu, không thể dùng lòng nghi hoặc để đối nhân xử thế. Đương nhiên, người xưa nói: “Lòng hãm hại người không thể có, lòng đề phòng người không thể không”, có người tự tin thái quá, hoặc tin tưởng người khác thái quá cũng có thể bị thiệt thòi. Nhưng thà bị thiệt thòi chứ không thể dùng lòng nghi hoặc để đối xử. Đối với chính mình, chỉ cần ý chí, đạo đức, nhân cách, thành thực phòng thủ nghiêm mật thì không dễ bị người khác đánh gục.

Trên thực tế, việc lập thân ở đời muốn không bị người đánh gục quả là không dễ dàng, bởi vì trong xã hội khắp nơi đầy rẫy những cạm bẫy, đâu đâu cũng có kẻ ganh ghét chúng ta, hãm hại chúng ta, phát sinh những chướng ngại của thế lực đen tối. Muốn tránh khỏi những thế lực đen tối ấy, chúng ta phải cẩn thận chú ý, không làm những chuyện thương luân bại lý. Chỉ cần đầu thuyền ổn cố thì không sợ sóng cả xô dồn bốn phía, sóng gió trong xã hội càng lớn, người có tài cán càng vững chãi, tự nhiên không thể bị người khác đánh gục.

Lời bàn từ sách “Thái căn đàm”

Bùn dơ có thể nuôi lớn hoa sen, nhà nghèo có thể bồi dưỡng con hiếu, lò lớn có thể tôi luyện gang thép;

Cảnh khó có thể thành tựu vĩ nhân, đắng chát có thể ủ thành ngon ngọt, phiền não có thể chuyển thành Bồ đề.

Cuộc sống như con sóng, có bụng sóng, cũng có đỉnh sóng;

Khi ở trên núi cao, hãy khoan ca lớn,

Khi ở nơi chỗ thấp, cũng đừng rơi lệ.



Lợi ích của sự vấp ngã

Một nhà đánh cá thiện nghệ vô cùng buồn khổ vì kỹ năng đánh cá của ba người con quá tầm thường. Ông ta kể khổ với mọi người: “Tôi theo mấy đứa con mới hiểu ra kỹ năng mà tôi truyền dạy cho chúng sao mà tệ hơn so với trẻ con của một người đánh cá bình thường?”

Một người đi đường nghe xong, hỏi: “Vậy bác có trực tiếp cầm tay chỉ việc cho chúng không?”

- Có chứ, tôi rất chú ý, rất kiên nhẫn bày vẽ bọn chúng.

- Bọn chúng vẫn theo bác đi đánh bắt chứ?

- Vâng. Vì muốn chúng ít đi qua con đường vòng, tôi cứ mãi để cho chúng theo tôi làm việc.

- Xem ra đó là lỗi của bác rồi. Người qua đường nói. Bác chỉ truyền thụ kỹ năng mà lại không truyền thụ cho chúng kinh nghiệm của sự thất bại, không dạy kinh nghiệm thất bại sẽ không thành việc lớn.

Cuộc sống không thể thiếu việc học hỏi, như té ngã là việc mà mỗi đứa bé tập đi đều phải trải qua. Không chú ý thì vấp ngã, tốt nhất là không bị thương tổn, càng không nên vì thất ý nhất thời mà một bước nhỏ cũng không dám tiến lên. Tổng giám đốc tập đoàn Kỳ Mỹ Hứa Văn Long nói: “Đã vấp ngã không nên vội đứng dậy, hãy tìm xem chung quanh có gì để nhặt nhanh rồi hãy đứng lên.” Lời nói này quả là không sai. Tình cảnh thuận lợi hay khó khăn của cuộc sống, đối với một người có trí tuệ mà nói thì đều là những kinh nghiệm quý báu, đều có thể từ đó tích lũy vốn liếng của thành công. Cho nên, cuộc sống dù có những vấp ngã bất ngờ, nhưng chỉ cần mình không vì đó mà không đứng dậy nổi, thì vấp ngã có những ích lợi ngoài ý muốn.

1. Vấp ngã có thể tích lũy kinh nghiệm. Vấp ngã chưa hẳn là việc xấu, trẻ con vấp ngã, cha mẹ thường nói: “Không quan trọng, không sao.” Quá trình trưởng thành của mỗi người giống như tập đi xe đạp, phải té ngã nhiều lần mới có thể biết đi. Cho nên người bị vấp ngã có thể tích lũy kinh nghiệm. Một số người lớn tuổi còn tự hào nói rằng mình rất hay bị vấp ngã, bởi vì ông ta hiểu khi vấp ngã hai tay cần nắm chặt, trước tiên dùng cánh tay chống đất, rồi lần đến một nơi an toàn mới dựa lưng ra sau. Tích lũy nhiều kinh nghiệm vấp ngã, thì không sợ vấp ngã nữa, dù có bị vấp ngã cũng có thể an toàn, không sao cả.

2. Vấp ngã có thể rèn luyện ý chí. Người thành công trong sự nghiệp nhất định phải có nhiều kinh nghiệm về sự vấp ngã. Nhiều việc trên thế gian không phải một bước mà đạt được, tất cả đều phải kinh qua bao nhiêu trắc trở, khó khăn, vấp ngã sau đó mới đứng lại được, nên có điều gọi là “bị đánh gãy răng và chảy máu”, lần sau lại xông lên mới có thể đi đến thành công. Bao nhiêu những nhà khoa học thành danh đều phải trải qua nhiều lần nghiên cứu thất bại mới có thành công, bao nhiêu nhà chính trị cách mạng cũng phải qua nhiều lần thất bại mới thành công, bao nhiêu nhà kinh doanh lập nghiệp cũng tích lũy nhiều kinh nghiệm thất bại mới có tình hình sáng sủa. Thất bại là mẹ thành công, thành công thuộc về người có ý chí mạnh mẽ và lòng kiên trì đến cùng. Vấp ngã có thể rèn luyện ý chí, đó chẳng phải là nguyên nhân mở đầu cho sự thành công sau này sao?

3. Vấp ngã có thể hiểu được tình người. Người bị vấp ngã, ngoài cái lợi lớn nhất là tăng thêm kinh nghiệm cho cuộc sống, còn có cái lợi nữa là kiểm nghiệm lòng người. Có những người bạn thấy chúng ta vấp ngã thì liền quay mặt bỏ đi, hạ người ấy chỉ có thể cùng chung hưởng giàu sang chứ không cùng chia sẻ hoạn nạn; có những người bạn lúc bình thường qua lại không lấy gì mật thiết, nhưng khi thấy chúng ta vấp ngã, họ thật lòng an ủi, nhiệt tình giúp đỡ, đó mới là những người bạn đồng cam

cộng khổ. Vì vấp ngã có thể nhận rõ lòng người, nên có thể kết giao được những người bạn chân chính, đó chẳng phải là một cái lợi khác nữa sao? Đến như sau khi vấp ngã, có những người bạn vui sướng trước tai họa của người khác, thậm chí lạnh lùng cười cợt. Những lúc ấy rất cần ý chí của chúng ta - bị loại người ấy bàn chuyện tào lao về những gì thua thiệt của ta, ta lại chuyển lòng bị phần thành sức mạnh để đứng lên!

Vấp ngã có thể thu được thành công. Lúc Tô Tần chưa thành công, khi trở về nhà, mọi người trong gia đình không ai thèm để mắt tới, thậm chí đến bữa cơm cũng không có để ăn. Về sau, ông được bộ sách “Thái Công Âm Phù”, dày công đọc tụng nghiên cứu, nhận được tướng ấn của sáu nước, khi ông trở về lại nhà, người chị dâu vội vã nghinh đón. Nghiêm Tử Lăng và Lưu Tú cùng lúc theo đuổi Âm Lệ Hoa, tuy tình yêu và sự nghiệp đều thất bại bởi tay Lưu Tú, nhưng ông đứng đằng sau giúp đỡ, phò trì Lưu Tú làm vua, công lao của mình không nhận lãnh, đời sau người ta ca ngợi ông không thua gì Lưu Tú, đức sáng của Nghiêm Tử Lăng lại càng chói chang hơn trong lòng mọi người.

Người bị vấp ngã tuyệt đối không được nhụt chí, sau khi vấp ngã cần dũng cảm đứng lên, thành công đang còn vẫy tay đón bạn.

Lời bàn từ sách “Thái căn đàm”

Khi vấp ngã cần nhận ra chướng ngại, dũng cảm đứng lên,

Khi thất ý cần kiểm điểm lại mình, lần sau bắt đầu lại,

Khi gặp khó khăn cần bình tĩnh phân tích, phá bỏ cố chấp,

Khi do dự không quyết cần nhìn rõ mục tiêu, cần tùy duyên để quyết định.



Cơ hội ở nơi nào

Quốc vương nọ có hai vị đại thần Ất và Giáp, đại thần Giáp được quốc vương ưa thích, đại thần Ất lại thường bị quốc vương chê trách và ghét bỏ. Ban đầu đại thần Ất rất lấy làm khó hiểu, thế là ông ta quan sát kỹ và phát hiện thì ra mỗi lần sau khi quốc vương khạc nhổ đàm, đại thần Giáp liền lấy chân chùi sạch bãi đàm, nên rất được quốc vương vui thích. Đại thần Ất cũng muốn làm theo cách ấy, nhưng mỗi lần như thế đều bị đại thần Giáp đi trước một bước, trước sau đều không tìm ra cơ hội. Về sau, ông nghĩ ra một cách có thể nhanh chân lên trước, và cho là có thể chớp trước được cơ hội. Một hôm nọ, quốc vương đang ho, muốn nhổ đàm, đại thần Ất thấy cơ hội đã đến không thể để mất, vội chạy lại đứng bên cạnh quốc vương chờ miệng nhổ đàm là đá đi để tiện tranh trước chỗ đại thần Giáp chực chà sạch chỗ đàm, nào hay lại đá bay hàm răng của quốc vương không còn một cái.

Đại thần Ất ngu dốt cho rằng chỉ cần bãi đàm không rơi xuống đất thì ông ta có thể tranh trước một bước đại thần Giáp đến chà chỗ đàm. Vốn tưởng khéo thành ra hư sự, đó là do đại thần Ất không biết cách nắm chắc cơ hội, thậm chí ông ta cũng không biết cơ hội là gì. Thực ra, muốn được quốc vương vui thích không nhất thiết là việc chùi sạch bãi đàm mà thôi. Vậy cơ hội ở đâu? Cơ hội chính là ở trong tay, ở trước mắt, ở dưới chân của mỗi cá nhân. Cơ hội không phải là điều để tìm kiếm, mà cần bồi dưỡng nhiều phúc đức nhân duyên, chỉ cần gieo giống thì lo gì không ra hoa kết trái?

Con người đều mong muốn gặp được cơ hội tốt, cơ hội tốt thường được ví là “ngàn năm khó gặp, vạn kiếp khó tìm”, thật không dễ có được. Gọi là cơ hội nhưng cũng cần có duyên phận. Bạn có duyên phận như vậy, đương nhiên bạn có cơ hội như vậy; bình thường ít kết duyên lành thì cũng không thể có nhiều cơ hội. Như vậy, cơ hội ở đâu?

1. Cơ hội có nơi niềm tin. Cơ hội không thể do người khác đem lại, cũng không thể do ông trời ban phát, cơ hội là phải dựa vào sự sáng tạo của chính mình. Bạn có niềm tin mới có cơ hội. Bạn có hứng thú về hàng không, hàng hải, bạn có niềm tin về hàng không, hàng hải, thì nhân duyên hàng không, hàng hải sẽ vẫy tay chào đón bạn; bạn có niềm tin về du học, về di dân thì con đường du học, di dân có thể rộng mở với bạn. Bạn muốn bán thầy học việc, muốn tìm kiếm nhà thiện tri thức, bạn có niềm tin, khiêm tốn cầu học, thì nhà thiện tri thức sẽ mỉm cười đón tiếp bạn; bạn muốn học văn tập võ, học các loại kỹ năng, chỉ cần bạn có lòng tin đối với những thứ ấy, thì hàng trăm ngành nghề sẽ cung cấp cơ hội cho bạn và cũng có thể vì bạn mà có cả duyên lành, có cả trợ duyên.

2. Cơ hội có nơi năng lực. Cơ hội thuộc về những người có năng lực. Bạn muốn có cơ hội, trước tiên cần phải bồi dưỡng đầy đủ năng lực bản thân. Bạn biết ca hát thì có cơ hội để ca hát; bạn biết vẽ tranh thì có cơ hội để vẽ tranh; bạn biết nghề làm vườn thì trong hàng ngũ của nghề này bạn sẽ có một phần. Nội chính ngoại giao, quốc phòng kinh tế, kế toán kinh doanh, văn thư hành chính... Bạn có những thứ năng lực ấy chăng? Nếu bạn có năng lực, có khả năng, bạn không cần phải tìm cơ hội, cơ hội tự nhiên tìm đến bạn. Có thể bạn than vãn mình không có tài cán gì ra hồn, không thể dùng vào việc lớn, vậy thì biết quét dọn chăng? Thì trong đội vệ sinh môi trường sẽ nghênh đón những người quét dọn. Bạn có biết giữ công? Thì rất nhiều sở bảo vệ nhà cao tầng sẽ xem trọng bạn. Trong xã hội này, cơ hội đều dành cho những người hữu ích, những người chuyên môn. Chỉ cần bạn có năng lực, khắp nơi đều là cơ hội.

3. Cơ hội ở tại lý tưởng. Cơ hội hoàn toàn không phải ở trong tay người khác điều khiển, chỉ cần mình có lý tưởng thì có thể tạo ra cơ hội. Trong lý tưởng của bạn có người thì người sẽ cần bạn, trong lý tưởng của bạn có việc thì việc sẽ cần bạn; trong lý tưởng của bạn có từ bi, đạo đức, thì các ngành nghề từ bi, đạo đức sẽ cần bạn. Trong lý tưởng của bạn muốn làm một viên cảnh sát mẫu mực, xã hội sẽ cần đến bạn; trong lý tưởng của bạn muốn làm một kế toán, thì ngân hàng, nhà buôn sẽ đem lại cơ hội cho bạn. Trong mục tiêu xây dựng lý tưởng, không kể việc lớn hay việc nhỏ, chỉ muốn cống hiến cho xã hội, thì cơ hội sẽ có rất nhiều. Nếu bạn không có lý tưởng cống hiến, mà chỉ muốn người ta cung cấp cho mình, hoàn toàn không muốn phục vụ cho người, thì cơ hội có đến với bạn nó cũng tự động rút lui.

4. Cơ hội ở tại kết giao duyên lành. Có những lúc cơ hội không đến tìm bạn thì bạn có thể chủ động kết giao rộng rãi duyên lành, trong các duyên lành của bạn sẽ có cơ hội. Không có cơ hội, thì để cho người ta thử thách mình trước, thử thách cũng là cơ hội; không có cơ hội, thì hãy chịu khó nhận lời làm công việc lao lực trước, trong lao lực cũng có cơ hội; không có cơ hội, thì chủ động phục vụ, phụ thêm người trong hàng ngũ làm công tác xã hội, cơ hội sẽ có trong công tác xã hội ấy. Mọi sự có nhân mới có quả, do đó, không nên mới bắt đầu đã muốn hưởng dụng sự ngon ngọt của trái chín, trước tiên phải gieo trồng mới có trái ngọt để ăn.

Cơ hội không phải cầu ở người, mà trước hết hãy cầu ở mình!

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Thế giới ở đâu cũng là tiên của, nhưng hãy nhìn việc tốt, lời hay, tâm địa đẹp;

Nhân gian lúc nào cũng thuận lợi, nhưng hãy dựa vào tình thật, nghĩa thật, ý tứ thật.



Hạng người nào không thể thành công

Có hai người bụng đói cồn cào được một cần câu cá và một giỏ cá, thế là Giáp muốn giỏ cá, Ất muốn cần câu cá, sau đó hai người chia tay nhau. Giáp nhen lửa nấu cá, ăn ngấu ăn nghiến, nước kho cá cũng húp sạch, sau đó, không còn gì ăn nữa và nằm chết đói bên chiếc giỏ trống không. Ất chịu khó nhin đói vác cần câu đi về phía biển, chưa đi đến biển, cuối cùng cũng hết khí lực đành bị chết đói.

Lại có hai người khác, cũng cùng được một cần câu và một giỏ cá. Hai người này không chia tay nhau đi mỗi người một ngã mà mỗi ngày nấu cá cùng ăn và cùng trải qua khó khăn nguy hiểm để đi đến bờ biển. Sau đó, họ đi đánh cá làm nghề sinh nhai, họ rất hạnh phúc.

Người ta thường nói: “Một con tằm không kéo thành tơ, một cái cây không tạo nên rừng”, tầng tầng cây cối nương tựa, bao bọc nhau mới tạo nên rừng rậm. Trên đời, đằng sau sự thành công của bất cứ việc gì ắt phải là sự nương tựa và thành tựu của hàng hàng lớp lớp nhân duyên. Như sự khai phá của người xưa, sự xây dựng triều đại của đế vương, sự khai phá của các xí nghiệp, việc xây dựng gia đình, cho đến cả bữa ăn hàng ngày, tất cả đều là thành quả của nhiều người, nhiều đoàn thể cùng hợp tác, cùng lao động.

Con người ở đời không ai là không mong muốn lập nên công lao sự nghiệp; không hẳn là công tích trùu đời, nhưng ít nhất cũng để lại “ba điều bất hủ” là lập công, lập đức, lập ngôn. Con người đều muốn có công lao đối với quê hương đất nước, nhưng đáng tiếc cũng có nhiều người muốn thu công hám lợi, nên thường thường bị kết quả ngược lại, sắp thành công thì bị thất bại. Thế thì hạng người nào không thể thành công?

Thứ nhất là người không bỏ công mà muốn hưởng lợi. Không làm mà muốn hưởng lợi cũng giống như người muốn bắt cá mà trèo lên cây vậy, không gieo nhân làm sao gặt được quả? Chúng ta nhìn thấy sự thành công của người khác thì cũng nên biết rằng họ phải trải qua nhiều gian nan vất vả mới công thành danh toại. Con người ở đời chỉ cần lập nên công tích, có thực tài thực lực thì tự nhiên danh tiếng sẽ tìm đến, mọi người sẽ không phụ lòng bạn, lịch sử và quần chúng sẽ không quay lưng với bạn; trái lại, kẻ ngồi không hưởng lợi, bọ bám vào quan hệ hôn nhân gia đình, cho dù được thụ phong chức tước, nhưng mọi người đều không vâng phục, họ là hạng người không thể thành công.

Thứ hai là người ham cái lợi trước mắt. Lập nên công lao sự nghiệp là việc của cả đời người, chứ không phải là việc nhất thời. Có những người không có lòng nhẫn nại, chỉ muốn may mắn nhất thời, nên chỉ muốn cái lợi trước mắt. Thực ra, cây cối lớn lên nhanh chóng thì giá trị của hoa trái rất hữu hạn.

Thứ ba là người ỷ có công đâm ra ngạo mạn. Có những người từng có công tích, được mọi người kính trọng, nhưng người ấy ỷ có công rồi đâm ra tự cao tự đại, thì lại hóa ra vì công mà đắc tội. Ví như Ngao Bái, vì ỷ có công trạng rồi tự cao ngạo mạn khiến vua Khang Hy không chịu nổi, cuối cùng bị trừ khử. Người ỷ có công tự cao ngạo mạn nên lấy đó làm gương.

Thứ tư là người tham công gây sự. Có những người vì ham công danh mà đặt điều thị phi, khiêu khích

gây sự khiến người khác đấu đá nhau, còn mình ngồi yên hưởng lợi. Loại người này có thể do may mắn mà được lợi, nhưng về lâu về dài người ta sẽ nhận ra kế hiểm của họ, khiến hai bên qua lại dè dặt, thận trọng, dù cho thành công nhất thời, nhưng chỉ một mình đơn độc, không có bạn bè, cuộc đời còn gì là vui thú?

Thứ năm là người tranh công đòi thưởng. Những anh hùng xưa nay sau khi tạo nên công tích đều mong được khen thưởng. Hàn Tín yêu cầu Hán Cao Tổ phong làm Tề Vương giả định, ban đầu Hán Cao Tổ tức giận không chấp thuận, nhưng sau qua ám hiệu của Trương Lương, nhanh trí hiểu ý, bèn đổi giọng, nói: “Đã phong là phong chính thức luôn, cần gì phải phong giả định!” Do đó, phong ông làm Tề Vương, nhưng Hàn Tín vì thế mà bị họa sát thân.

Thứ sáu là người vứt bỏ công lao trước đây. Có những người lập nên nhiều công tích, nhưng không bảo vệ thành quả của mình, có thể do nhân duyên ngoại tại không đủ, khiến cho công lao trước đây trôi theo dòng nước chảy, thật là đáng tiếc. Nên có điều gọi là “Bắt được chim cung tốt cất, bắt được thỏ chó săn thịt”, cho nên bảo vệ cẩn thận được thành tích cũng là một công quả quan trọng của đời người vậy.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

*Công việc khiến con người khai phá tiềm lực của cuộc đời, thể hiện giá trị của cuộc sống,
Phục vụ khiến con người phát huy ánh sáng của cuộc đời, chiếu rọi nội hàm của cuộc sống.*



Bạn có thể thành công

Mẹ tôi nói chuyện với tôi về tình hình lúc còn bé: “Hồi trước, trong nhà bao giờ cũng có bánh kẹo, lúc con hơn ba tuổi, bánh kẹo trong tủ chẳng ai động đến, đôi lúc phải đem ra trước sân kê mời mấy đứa nhỏ ở trong xóm đến ăn bánh kẹo. Mọi người đều cười mẹ nuôi lấy một thằng ngốc... Những vật dụng thường dùng hàng ngày phải dựa vào chuyến đò ngang vượt qua con sông đào để mua sắm. Lúc ấy con mới 10 tuổi, cởi áo quần quần trên đầu thành một cục rồi lội xuống nước. Con sông đào này nước rất xiết, hiếm người dám nhảy xuống bơi lội, nhưng mỗi lần con mua về những thứ cần dùng trong gia đình, mọi người đều nói thằng bé này không phải đơn giản, quả trên cây đào của nhà họ Lý sau này sẽ là một trái màu đỏ.”

Cuộc sống của con người luôn theo đuổi một sự tròn đầy. Cuộc sống tròn đầy cần phải thành tựu về nhiều phương diện mới có thể hoàn chỉnh, ví như về đường hôn nhân tình cảm mong cầu trăm năm hòa hợp, về đối nhân xử thế cần kết rộng duyên lành, về sự nghiệp kinh tế mong cầu thành tựu to lớn. Thế nhưng thành công cũng có điều kiện của thành công, muốn thành công, trước hết cần phải xây dựng một quan niệm tốt đẹp, nếu không, có thể sai một ly đi ngàn dặm. Quan niệm của sự thành công phải như “chỉ hỏi việc cấy cây mà không hỏi việc thu gặt”, “chỉ an ủi người khác khổ mà không mong cầu mình sướng”, “chỉ muốn cống hiến mà không cầu báo đáp”, “chỉ mong thành tựu mà không ngại gian khổ”. Điều kiện của sự thành công sự nghiệp thì có rất nhiều, nhưng có bốn điểm cần phải đặc biệt chú ý:

1. Người chân thành trung thực có thể thành công. Người không có chữ tín không thể đứng vững, chân thành là đạo đức cơ bản của đạo làm người. Trước đây, có người mở một cái quán nhỏ, trong quán có đề tám bảng: “Không dối già lừa trẻ”, nói rõ điều mà việc mua bán coi trọng là sự chân thực. Làm

người cũng cần phải chân thực, không được lừa bịp người khác, người muốn lừa bịp người khác cuối cùng cũng tự lừa bịp chính mình. Câu chuyện thằng bé kêu lớn “chó sói đến” để dối lừa mọi người, cuối cùng kêu đến lần thứ ba khi thật sự chó sói đến, thì thằng bé quả đã bị chó sói ăn thịt. Cho nên làm người cần làm đúng bản phận, không cần phải đầu cơ kiếm lợi. Người Trung Quốc xưa nay lấy sự trung hậu đối đãi mọi người làm một nét đẹp. Nói lời đường mật lừa người chỉ trong nhất thời, không thể mãi mãi trót lọt, cho nên mỗi người muốn thành công ắt hẳn phải chân thành, trung thực.

2. Người siêng năng đúng giờ có thể thành công. Đúng giờ là phép lịch sự mà con người cần phải có, nó cũng là thứ đạo đức cùng tuân thủ trong giao tế giữa người với người. Còn nhớ trong sách giáo khoa thời tiểu học có câu “đi học mặc áo ngắn quần cộc, không được đến trễ nửa phút”, câu ấy vẫn khắc sâu trong lòng tôi. Trong đời tôi, tôi không những “không trả lui vé” mà còn luôn luôn đúng giờ, đó là do ảnh hưởng sâu sắc của câu nói trên. Trước đây tôi từng nói, cả đời tôi, trong việc “chuyên đưa đúng giờ”, thì tôi luôn là người nhanh nhất, đến nỗi sau này tôi trở thành “người đưa nhanh”. Người đúng giờ chắc chắn phải biết dự tính trong khoảng thời gian nào thì làm xong việc, việc hôm nay làm xong trong hôm nay.

3. Người kết rộng duyên lành để giúp người có thể thành công. Thông thường nghe người ta nói “kết rộng duyên lành”, “giúp người làm vui” thì không nên cho là lời nói tầm thường, không có ý nghĩa, mà trong đó ẩn chứa một đạo lý sâu xa của sự thành công. Người nông dân nói chung đều hiểu cái lẽ xuân gieo thu gặt, một người nếu ngày thường kết rộng duyên lành khắp nơi và giúp đỡ người khác thì còn sợ gì người khác không kết duyên lành với mình, không giúp đỡ mình? Trong vô ý, nếu bạn nói một lời hay đẹp ở đâu đó, hoặc làm một điều thiện nào đó, thì qua một thời gian, hạt giống mà bạn đã gieo đang bắt đầu có tác dụng, khiến bạn thu được nhiều trợ lực không thể nghĩ bàn một cách ngoài ý định, đó chính là sự giúp đỡ nhân duyên trong thành công của bạn. Cho nên, nếu kết duyên giúp người thì người khác cũng có thể giúp bạn thành công.

4. Người trí tuệ viên dung có thể thành công. Có người cho rằng điều kiện chính yếu của sự thành công là nhất định phải thông minh, có trí tuệ, phải có kiến thức học vấn cao sâu. Nhưng sự thực không hẳn như vậy, có người thông minh mà cố chấp, có người nhanh nhạy mà không trung hậu, như vậy đối với tương lai của sự nghiệp trí tuệ cũng không giúp được gì. Hiểu được sự phân tích, tổng hợp, phán đoán, coi trọng hiệu quả của việc làm, phải hợp tình, hợp lý, hợp pháp, phải vì mình, vì người, vì đại chúng, có thái độ xử thế viên dung... đó mới là trí tuệ chân chính. Người có trí tuệ viên dung như vậy đương nhiên dễ đi đến thành công.

Con đường dẫn đến thành công thì rất nhiều, trên đây chỉ đưa ra những điều chính yếu.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Có người đáng được người khác lợi dụng nên có thể thành tài,

Có người có thể bị người khác lợi dụng nên có thể thành tài lớn,

Có người không thể bị người khác lợi dụng nên khó thành công,

Có người cự tuyệt bị người khác lợi dụng nên khó thành tựu.



Làm thế nào để vượt qua cảnh ngộ khó khăn

Năm 1967, khi chùa Phật Quang vừa mới khai mở, một vùng tre gai mọc đầy, khắp nơi khe sâu đồi dốc, có thể nói là “không có đước ba thước đất bằng, tre trúc mọc cao ba trượng”, nhiều người nhìn thấy đều lắc đầu lui gót. Có một hôm vào lúc chiều tối, khi tôi đang xem bản thiết kế công trình, tôi nói với Tâm Bình đứng bên cạnh: “Xem ra mở núi dựng chùa thật không dễ chút nào!” Tâm Bình lập tức quay đầu đáp: “Thưa thầy, con còn nhớ trước đây tại Nghi Lan thầy thường nói với chúng con rằng cần phải có dũng khí chiến đấu với khó khăn! Con nguyện theo thầy đến cùng vượt qua tất cả mọi cửa ải khó qua.” Tâm Bình không hề là người theo tôi xuất gia trước nhất, rất hiểu tâm ý của tôi.

“Người không có một ngàn ngày tốt, hoa không có một trăm ngày tươi.” Tiền đồ của mỗi người đều như thủy triều lên lên xuống xuống, có lúc triều xuống, có lúc triều lên. Gặp cảnh ngộ khó khăn, rất nhiều người đi bói toán, cầu đổi vận mệnh, theo thổ thần, thánh mẫu xin được hóa giải, hy vọng tiền đồ phát triển thuận lợi, nhưng thường thường rồi rắm không đầu. Khi gặp cảnh ngộ khó khăn, rốt cuộc phải vượt qua như thế nào?

1. Ngậm miệng im hơi, nói ít làm nhiều. Có lúc gặp phải cảnh ngộ khó khăn, không nên nói nhiều vô ích. Bởi vì không phải tất cả mọi người đều hiểu rõ tình hình, cũng không phải mọi thị phi đều được nói ra rõ ràng. Những lúc như vậy chỉ nên ngậm miệng im hơi, làm nhiều việc, nói ít lời, cần phải có tinh thần, có sức lực, điều đúng nhất là cứ làm việc, chắc chắn sẽ có lúc khởi sắc.

2. Nghiến chặt răng phân đấu tiến lên. Điều bất như ý của đời người thường có đến tám chín phần mười, đối mặt với hoàn cảnh khó khăn, sự giúp đỡ của người khác thường rất hữu hạn, chủ yếu là hãy dựa vào chính mình. Đời Hán, Tư Mã Thiên chịu cái nhục cung hình (tức hình phạt thiên bộ phận sinh dục của đàn ông), nhưng ông nghiến răng chịu đựng và sau đó hoàn thành bộ “Sử ký”, một tác phẩm bất hủ trong lịch sử nhân loại; đời Tùy, đại sư Tĩnh Uyển, vì muốn bảo tồn pháp bảo, sự nghiến chặt răng chạm khắc “Phòng Sơn Thạch kinh”, để lại một bộ sách khắc trên đá lớn nhất thế giới. Xưa nay, đằng sau những thành tựu của những đại đức thánh hiền, không ai là không do từ sự kiên trì đối với lý tưởng của mình. Nghiến chặt răng tức là có thể kích thích tiềm năng, tăng thêm sức mạnh, dũng cảm tiến lên.

3. Khép chặt cửa lòng, không mất chánh niệm. Theo sự tiến bộ và phong phú của vật chất, loài người đang đối mặt với những thách thức về nhân tính. Có một số người gặp phải cảnh ngộ khó khăn thì đâm ra bán rẻ nhân cách, bán rẻ lý tưởng; cũng có một số người nợ nần chồng chất, tự kết liễu đời mình, một đời hoa niên bị tiêu vong trong một ngày. Thực ra, tình cảnh khó khăn không đáng sợ, cho dù sự nghiệp bị thất bại, chỉ cần khép chặt cửa lòng, như nhà Phật thường dạy: “Nói về chánh niệm, đối tượng sở duyên”, không đánh mất lập trường chánh niệm, đạo đức nhân cách, chắc chắn sẽ có ngày bóng tối qua đi ánh sáng lại về.

4. Bám chặt trên bùn đất, tránh rơi vào hư ảo. Phật giáo có câu ví “lâu đài giữa không trung”, ý nói muốn cao muốn xa mà không cố sức bắt đầu từ cơ sở thì không có cách gì thành công được. Có một số người không coi trọng vốn liếng phước huệ tu tập lúc này, không kết giao duyên lành rộng rãi, mà lại mong muốn một nơi tịnh độ xa vời không thể với tới. Đi giữa vùng mơ hồ huyền ảo, đó là điều không thực tế chút nào cả. Chỉ có bước chân giẫm trên nền đất thực, nắm chắc cái trước mắt mới có thể tránh khỏi những lời nói suông.

5. Nắm chặt tay chiến thắng nghịch cảnh. Khi con người gặp trắc trở, thất ý, khó khăn, trong lòng dễ chán nản, thiếu trợ lực, thiếu tự tin rồi co lại trong cái vỏ của thế giới tự ngã. Nghịch cảnh, không thông thuận chỉ là chuyện nhất thời, hãy dựa vào sức mạnh của chính mình, tin tưởng vào chính mình để có thể đạt đến mục tiêu, hãy hoàn thiện chính mình, hãy làm mạnh thêm cho mình để thoát ra khỏi vận hạn.

6. Nhắm đúng mục tiêu, thành công viên mãn. Mục tiêu chính là phương hướng, là phương châm. Quốc gia cần có phương châm thực thi chính sự, xí nghiệp cần có mục tiêu về thành tích, hiệu quả của công việc, Bồ tát tu hành cũng phải có 52 giai vị để làm mục tiêu tu đạo. Không có mục tiêu dễ mất phương hướng, dù mình đang ở trong cảnh ngộ khó khăn cũng cần có kế hoạch, bám theo mục tiêu tiến bước không ngừng nghỉ, không lười biếng, chắc chắn sẽ có lúc hoàn thành.

Cảnh ngộ khó khăn không phải là cảnh ngộ không có lối thoát, can đảm, mạnh mẽ đối mặt với chúng mới có phương cách tháo gỡ, chạy trốn cũng không thể tránh khỏi. Bạn thử xem bông hoa nhỏ trong hốc đá, nó đang vượt ra khỏi cảnh ngộ khó khăn để ung dung trước gió khoe vẻ xinh đẹp của nó; con cá nhỏ trong cơn nước xiết đang bơi ngược dòng thể hiện sức sống linh hoạt của nó. Con người chúng ta cần mở rộng cõi lòng, vượt qua chính mình sẽ không bị vòng vây của cảnh ngộ trói buộc, như vậy mới có thể kiện toàn sức mạnh.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Về vật chất không cần phải quá đầy đủ mới có thể chịu đựng được trong khó khăn chật vật,

Về tình người không cần phải quá xuôi thuận mới có thể chịu đựng được trong gay go phức tạp.

Vật chất không cần thiết không nên lãng phí dù chỉ chút ít,

Thời gian không nên chậm trễ dù chỉ phút giây,

Lời nói không cần thiết không nên tùy tiện mở lời,

Tâm sự không cần thiết không nên tùy ý vọng tưởng.



Xử lý nguy cơ

Năm 1949, địa vị Phật giáo ở Đài Loan bị giảm sút. Nhiều đồng đạo đối mặt với sự hoàng pháp bị ngưng trệ, việc thi hành bị giới hạn, điều tra xem xét, đâu đâu cũng có những vấn đề, xem ra tiền đồ rất mù mịt, nhón nháo cõi áo hoàn tục. Nhưng tôi thì trước sau vẫn quyết giữ thái độ không thoái lui. Vì như khi dạy học ở Tân Trúc, tôi được đồn công an sở tại yêu cầu mở lớp bổ túc dạy chữ quốc ngữ cho dân chúng, ngày thứ nhất có 14 người, qua ngày thứ hai tăng lên 80 người, ngày thứ ba hơn 200 người... như vậy là giải quyết vấn đề trước đây đồn công an ra lệnh triệu tập mà không có một người nào đến tham dự khóa học. Do đó, ông trưởng đồn đến lớp cảm ơn, và nói với tôi: “Về sau, đi ra ngoài hoàng pháp, thầy có thể không cần đến đồn công an báo cáo nữa.” Được cái nê này, tôi không ngờ Phật giáo đã có một vùng trời rộng mở để khai phá, điều này tôi có cảm giác như là ý nghĩa của hai câu thơ trong bài “Há Giang Lăng” của Lý Bạch: “Lưỡng ngàn viên thanh đề bất trú, khinh châu dĩ quá vạn trùng sơn” (Vượn hót đôi bờ không ngớt tiếng, thuyền trôi nhanh nhẹ vượt trùng sơn).

Trong đời của bạn có bao giờ bạn gặp nguy cơ chưa? Khi gặp nguy cơ, bạn có đủ cơ trí để xử lý không?

Trẻ con thơ ấu, trên đường đi gặp một kẻ lạ mưu toan hãm hại, nó đuổi theo bạn, bạn phải làm thế nào? Vào trường học tập, trong nhà nghèo khó phải đi làm kiếm sống, nhưng thầy giáo buộc ba ngày phải làm bài tập nhỏ, năm ngày phải làm bài tập lớn, không có thời giờ học bài, thấy rõ là số mình sắp phải bỏ học, lúc đó làm thế nào để vượt qua tình cảnh khó khăn này? Sau khi kết hôn, không có nghề nghiệp đàng hoàng, cuộc sống trở nên khó khăn, vật dụng hàng ngày trong gia đình ngày một túng thiếu, thiếu đường muốn phải ly hôn, lúc này nên làm thế nào? Đến lúc già cả, con cháu ai nấy đều có cuộc sống riêng, phát triển trong môi trường sinh hoạt của chúng, một người già cả cô độc phải sống như thế nào?

Cuộc sống của con người thỉnh thoảng có lúc gặp một số nguy cơ có thể dự liệu, hoặc không thể dự liệu. Ví dụ ban đêm bỗng dưng mất điện, lúc bình thường không chuẩn bị đèn pin hay đèn sáp, vậy phải làm sao? Đi thuyền ra khơi, bỗng nhiên gió nổi, sóng lớn kinh người, thuyền nhỏ chao đảo, nguy hiểm muôn phần, vậy phải làm sao? Đang đi trên đường phố bị cảnh sát bắt nhầm người, bạn phải làm thế nào để tự cứu? Xem như bạn là một thư sinh gặp một đũa côn đồ, nói đạo lý cũng vô ích, vậy bạn làm sao?

Đêm gió bão, lúc động đất, chiến tranh bắt đầu, trộm cướp vào nhà, tai nạn xe cộ bị thương, làm việc bị sa thải, đến như đang tuổi sung sức đột nhiên bác sĩ nói bạn đang bị bệnh nan y, hoặc bệnh truyền nhiễm ác tính sắp phải lìa đời, những lúc ấy bạn phải làm thế nào?

Khi nguy cơ ập đến, không được cuống cuống, dù lâm nguy cũng không hoảng loạn, phải bình tĩnh để đối phó. Bất kể là nguy cơ gì, trước tiên cần biết nguyên nhân, tuyệt đối không làm phức tạp hóa vấn đề, cần tìm ra cho mình biện pháp có thể giải quyết vấn đề một cách đơn giản. Do đó, đối mặt với nguy cơ, chỉ có bình tĩnh, cơ trí mới có thể giải quyết vấn đề. Có nghe tờ báo Mỹ nào đó từng tổ chức một cuộc thi trả lời có thưởng với nội dung như sau: Trên một khinh khí cầu chở một nhà khoa học, một chuyên gia bảo vệ môi trường, một chuyên gia lương thực, trên đường bay, bỗng khinh khí cầu bị rò khí, không thể chở nặng, phải ném bớt một trong số ba vị để giảm trọng lượng. Ba vị chuyên gia có những sở trường khác nhau về phát triển khoa học kỹ thuật, về bảo vệ môi trường, về sản xuất lương thực, tất cả họ đều có liên quan chặt chẽ đến vận mệnh của loài người, rất cuộc, lúc này nên hy sinh vị nào đây? Hàng ngàn người tham gia cuộc thi đều có kiến giải riêng của mỗi người, mọi người nhao nhao bàn tán, và ai cũng cho mình đúng. Kết quả một em bé trai trúng thưởng, câu trả lời của nó là: ném người nào mập nhất đi là xong!

Xử lý nguy cơ, thứ nhất cần có một số hiểu biết thông thường về nguy cơ, thứ hai cần có năng lực ứng biến, thứ ba cần có sự tu tập bình tĩnh, thứ tư cần có nhân duyên của ngày trước. Có đủ bốn yếu tố nêu trên thì việc xử lý nguy cơ không còn khó khăn nữa!

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Con đường của cuộc đời dù gặp gheñh hay bằng phẳng đều phải dựa vào chính mình,

Mùi vị của cuộc đời nào sợ chua cay ngọt đắng, mình đều cần nếm trải,

Không có một cá nhân nào mãi mãi là người thắng lợi,

Cũng không có một cá nhân nào chính xác là người thất bại;

Chỉ cần bạn có niềm tin, chỉ cần bạn dịu dàng hòa khí, yên tâm chịu nhịn,

Thì bạn có thể nhẫn nhịn tự an dù không muốn cũng mạnh.



Lấy gì làm sức mạnh

Lúc tôi mới bắt đầu vào viện Phật học học tập, thường bị các bạn đồng học coi thường, thậm chí các thầy cũng cho tôi không thể có tiền đồ, khi sắp xếp công việc tôi thường bị gạt ra ngoài. Bài làm cũng bị thầy giáo phê bình không có lấy một chỗ đúng, tình cờ có bài làm tốt thì bị nghi là sao chép lại của người khác. Thậm chí một vị có chức quyền nói trước đám đông rằng nếu tôi có chút tiền đồ thì mặt trời sẽ mọc đằng tây. Nhớ có một lần tôi báo lại với gia sư rằng có một vị giáo sư của học viện tiến cử tôi đi học ở học viện giáo dục của nhà nước, gia sư nghe xong, mắng tôi: “Đồ ngu xuẩn! Làm sao có thể ra ngoài xã hội mà học được?” Rồi tát tôi hai bạt tai. Sau việc này, tôi không hề cảm thấy tức giận. Theo một cách nhìn khác, hiện nay thanh niên đối với cấp trên động một chút là chống đối, thật là đáng lo, họ làm sao có thể đón nhận được các loại thử thách trong thời đại này nhỉ?

Muốn thành tài lớn, trước tiên cần phải học tập nhẫn nại trong cuộc sống. “Muốn thành trụ cột của nhà Phật, trước hết phải là thân trâu ngựa của chúng sinh”, đối với nghịch cảnh, hãy nhịn ở cái miệng trước, đó gọi là hạ nhẫn (nhịn cấp thấp), rồi nhịn ở bộ mặt, đó gọi là trung nhẫn (nhịn cấp vừa); nếu có thể mọi sự không làm mình động tâm, đó mới gọi là thượng nhẫn (nhịn cấp cao). Con người sở dĩ khác cầm thú là vì biết chú trọng đến nhân cách, đạo đức. Phẩm cách là cơ sở của đạo đức, một người nếu không chú trọng đến phẩm cách, đức hạnh thì có gì khác biệt với cầm thú? Có nhiều cách bồi dưỡng phẩm cách, đạo đức của chúng ta, nhưng muốn bồi dưỡng nhân cách đạo đức của chúng ta, điều có sức mạnh nhất và có hiệu lực nhất là sự nhẫn nại. Mạnh Tử nói: “Trời sắp giao việc lớn cho một ai, trước tiên ắt phải khổ về tâm trí, phải nhọc về gân cốt, đói khát về thể xác, phải vất vả về thân mình”. Nếu thời gian nhẫn nại của bạn càng lâu thì thành tựu sự nghiệp tương lai của bạn càng lớn.

Đây là một cuộc thi thể hiện về sức mạnh, là lãnh vực dùng sức mạnh để giành chiến thắng. Một trận chiến tranh, người thắng làm vua, chứng tỏ có sức mạnh. Trong thể dục, ai cao nhất, xa nhất, nhanh nhất là người có sức mạnh. Trẻ con lấy kêu khóc làm sức mạnh. Khi đứa bé không có cách gì giành lấy những điều mình muốn có được chỉ cần “oe” lên một tiếng thì đó là thể hiện sức mạnh của nó. Nó muốn uống sữa thì có thể có sữa; nó muốn bánh kẹo, thì có thể có bánh kẹo. Trẻ con lấy nước mắt làm sức mạnh để giành thắng lợi.

Đàn bà con gái lấy xinh đẹp làm sức mạnh. Thông thường, phụ nữ chỉ cần xinh đẹp là có thể biểu hiện được thực lực của mình. Đương nhiên, nếu ngoài xinh đẹp còn có tài ca hát, nhảy múa, hoặc có hoàn cảnh xuất thân đàng hoàng, hoặc có đủ tư thái ôn nhu nền nã thì sức mạnh của cô ta không những chinh phục cánh đàn ông mà ngay cả giới nữ cũng phải ngưỡng mộ.

Người lãnh đạo lấy quyền thế làm sức mạnh. Người lãnh đạo có quyền lực rất lớn, có thể quyết định họa phúc, nên hù dọa với nhiều người. Cho dù là học giả uy tín, là đại gia trên thương trường, là dư luận của công chúng, trước một nhân vật chính trị đầy quyền thế, thử hỏi ai không sợ sệt?

Nhà giàu lấy tiền bạc làm sức mạnh. “Có tiền có thể khiến ma quỷ đầy cõi xay”, trên đời, rất nhiều

chuyện khó xử thì dùng đồng tiền có thể giải quyết tốt đẹp. Chỉ cần bạn có tiền, bạn có thể mua quan chức; chỉ cần bạn có tiền, bạn có thể giao du với xã hội thượng lưu; chỉ cần bạn có tiền, bạn có thể chạy chọt hối lộ qua nhiều cửa ải khó qua; thậm chí kẻ làm càn phạm pháp, bung tiền ra cũng có thể tai qua nạn khỏi. Cho nên ở đời, con người thuộc các tầng lớp khác nhau đều cố gắng tích cóp tiền của.

Thánh hiền lấy nhẫn nại làm sức mạnh. Trên đời còn có một hạng người đặc biệt, họ không có quyền thế, cũng không có tiền của, nhưng sự nhẫn nại của họ có thể khiến trộm cướp phải sợ hãi, quan chức chính trị cũng nhường bước. Đại sư Huệ Viễn cư trú tại Lư Sơn, đám quyền thần chuẩn bị sa thải Sa môn, Hoàn Huyền ra lệnh, nói: “Chỉ có những vị đạo đức núi Lư Sơn được ở lại, không nằm trong điều lệ bị lục soát sa thải”. Nhẫn không phải là yếu mềm, nhẫn là trí huệ, nhẫn là sức mạnh, nhẫn là dũng cảm, đối với thánh nhân quân tử, dao kiếm, súng ống cũng trở thành vô dụng.

Bồ tát lấy từ bi làm sức mạnh. Trên thế gian, sức mạnh lớn nhất không phải là công tích chiến đấu của dao súng kiếm kích, mà là lòng từ bi. Từ bi ở khắp nơi, có thể khiến cho kẻ tâm chí cao ngạo cũng phải khuất phục, khiến cho kẻ bản lĩnh cao cường hiếu thắng, trong lòng cũng nảy sinh kính sợ, khiến cho kẻ ăn tham phá hại pháp luật thấy sai lầm phải tỉnh ngộ. Điều gọi là “nhà nhà đều là Quan Thế Âm” có nghĩa là Bồ tát Quan Thế Âm lấy sức mạnh của từ bi ngự tại giữa sảnh đường của mỗi gia đình, điều này chứng tỏ từ bi chinh phục tất cả.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Lấy nhân từ thay thế vũ lực mới có thể đạt được hòa bình vĩnh cửu,

Lấy nhẫn nại thay thế can đảm mới có thể đạt được sức mạnh muôn đời,

Chỉ có từ bi có thể biến đao binh thành tiền của, tiêu trừ mọi oán hận,

Chỉ có từ bi có thể kết giao duyên lành, chuyển đổi nghịch cảnh thành sự nghiệp độ giải chúng sinh.



Cổ chấp

Có con nhện đang bò về phía bức tường trên một mạng nhện đã bị rách toạc. Sau trận mưa, bức tường bị ẩm ướt, con nhện bò lên lại rớt xuống, cứ mỗi lần rớt xuống, lại mỗi lần bò lên.

Sau khi Giáp nhìn thấy, anh ta than thở: “Mình cả đời này chẳng phải là cứ bận bận rộn rộn mà không được việc gì như thế này chẳng?” Từ đó, anh ta càng thêm ủ rũ suy sút.

Sau khi Ất nhìn thấy, nói: “Con nhện này quá ngu xuẩn, tại sao không theo cái chỗ khô ráo kia mà bò quanh lên?” Rõ là anh ta có sáng ý, hiểu được lẽ biến thông.

Sau khi Bính nhìn thấy, bị sự cố chấp của con nhện đánh động, từ đó anh ta càng mạnh mẽ hơn lên.

“Cổ chấp” là tốt hay không tốt? Cổ chấp chọn điều thiện không hẳn là không tốt; chấp sai làm đúng, chấp tà làm chính, thì đó là không tốt. “Chấp” trong Phật giáo chia làm “chấp ngã”, “chấp pháp”. “Chấp ngã” tức là cho mình là đúng, lấy mình làm trọng. Tôi thấy, tôi nghe, tôi nghĩ, tôi biết,... việc gì cũng lấy tôi làm trung tâm. Người chấp ngã hầu như không biết có người khác, có đạo lý, có quần

chúng, người chấp trước tự ngã khó có thể sống chung. Ngoài “chấp ngã” còn có “chấp pháp”, tức là đối với đúng sai, thiện ác, dài ngắn, cao thấp, có không, chẳng phải chấp có thì cũng chấp không. Người “chấp pháp” trầm trọng thì chấp lớn, chấp nhỏ, chấp vuông, chấp tròn, chấp nghiêng, chấp lệch, tức là đối với tất cả các pháp đều cố chấp một cách cực đoan, khó có thể viên dung.

Người trên thế gian vì không thể phá bỏ “chấp ngã” và “chấp pháp”, nên ít nhiều đều có cố chấp.

1. Cố chấp trong quan niệm. Điều gì mình đã có chủ ý thì cố chấp, không thể sửa đổi. Nếu chính xác còn được, không chính xác cũng cố chấp, cũng tranh cãi. Cố chấp chỉ tự giới hạn mình, tự trói buộc mình, khiến mình không thể rộng mở và viên dung, kết quả là không tiến bộ, không thể thành công.

2. Cố chấp trong chữ nghĩa. Vương Bột đời Đường, trong bài “Đăng Vương Các tự” (bài tựa Góc Đăng Vương) có câu “Lạc hà dữ cô vụ tề phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” (Ráng chiều cùng bay với cái cò đơn lẻ, làn nước thu cùng một màu với bầu trời cao rộng), ông ta tự cảm thấy câu chữ tuyệt diệu, tự nhiên hồn hậu, dương dương tự đắc, ngồi ngâm mãi hai câu ấy trên bãi cát cạnh chùa Kim Sơn. Hòa thượng ở chùa Kim Sơn nghe xong, nói: Văn chương quý ở sự đơn giản, ví như nói “Lạc hà cô vụ tề phi, thu thủy trường thiên nhất sắc”, cần gì phải có chữ “dữ” và chữ “cộng” trong đó cho nặng nề? Vương Bột đại ngộ, từ đó không còn cố chấp nữa.

3. Cố chấp trong thói quen. Có một số người rất cố chấp đối với các thói quen của mình, thích màu sắc gì, ưa môi trường nào, chỉ cần hợp với ý muốn của mình, không cần biết người khác có thích hay không, tức là họ cố chấp vào thói quen của mình. Nhưng người ta không nên chỉ cảm thấy thói quen của mình là luôn luôn đúng, nếu người khác không tán đồng, không thừa nhận, thì cũng nên thay đổi thói quen của mình mới được.

4. Cố chấp trong suy nghĩ. Từ trong cách suy nghĩ của cá nhân mà ta có thể thấy sự tu dưỡng, trí tuệ, năng lực, tính tình của cá nhân đó. Đại sư Từ Hàng còn nói cho con người biết rằng cần “lấy tâm Phật làm tâm của mình, lấy chí của thầy làm chí của mình”, không nên để cho cách suy nghĩ của mình rời kinh xa đạo, hoặc rộng tuếch, hoặc sai lệch mù quáng, hoặc không thiết thực. Suy nghĩ cần chú trọng đến thực dụng, chú trọng đến sự thích hợp với đại chúng.

5. Cố chấp trong tình cảm. Con người còn có một danh xưng khác gọi là “loài hữu tình”, cho nên tình cảm của loài người dễ ích kỷ nhất, dễ cố chấp nhất. Những gì mình có liên quan, mình yêu thích đều là tốt, đều là đúng; những gì mình không liên quan, không yêu thích, thì mình không quan tâm. Cố chấp về mặt tình cảm rất dễ phạm sai lầm, tình cảm là một tấm chắn ngăn che tầm mắt của chúng ta, không cho chúng ta thấy rõ người khác, thấy rõ thế giới. Cố chấp trong tình cảm thì sẽ nảy sinh lòng tự ái, sự nuông chiều, sự rủ lòng thương; vậy cần từ bỏ cố chấp, tất cả đều dùng đến sự công bằng, công khai, không để cho tình cảm riêng tư lừa dối, bùng bít.

6. Cố chấp trong lý tưởng. Đối với lý tưởng cần có sự cố chấp, nhưng cũng cần chú ý lý tưởng đó có hợp với nhu cầu của thời đại hay không. Thời đại đang tiến bộ không ngừng, xã hội đang thay đổi liên tục, tư tưởng cũng cần phải đổi mới, biến chuyển, hoàn thiện. Con người cần có lý tưởng mới có thể xác định mục tiêu, lý tưởng là tất cả sự ích dụng của thực tế, thực tế là tất cả sự hiệu quả của lý tưởng. Lý tưởng cũng cần phải thanh tịnh, chính đáng, toàn diện, đặc biệt là cần phải thiện lương, mỹ diệu, lý tưởng như vậy mới đáng được duy trì và bảo vệ.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Con người nên có ít cố chấp, nhiều buông bỏ.

Đối với danh lợi không cố chấp, đối với quyền chức không cố chấp, đối với ta người, thị phi có thể buông bỏ, đối với tình yêu dục vọng có thể buông bỏ, mới có thể hưởng được cuộc sống giải thoát trong tùy duyên tùy hỷ.



CẨM NANG VỀ NGHỀ NGHIỆP

Có người mắng lão già, lão già chỉ nói tốt;

Có người đánh lão già, lão già tự nằm xuống;

Có người nhỏ vào mặt lão già, thì nó sẽ tự khô;

Bạn cũng đỡ tốn hơi sức, mà tôi cũng ít phiền não.

Từ trong công hiến sẽ có được niềm vui

Sáng sớm, tôi gặp cô Tăng Thục Phương ở quầy hàng, cô tốt nghiệp trường văn học ngoại ngữ của Thiên Chúa giáo. Tôi hỏi cô: “Cô phục vụ ở đây, đối với Phật giáo, cô có niềm tin hay không có niềm tin? Bởi vì cô được giáo dục khá lâu trong môi trường đạo Cơ Đốc, nay tiếp xúc với Phật giáo, cô có cảm tưởng như thế nào?” Cô nói: “Tôi không có niềm tin đối với Thiên Chúa giáo, trái lại là đấng khác, tôi rất tin ở Phật giáo. Nhưng ở Thiên Chúa giáo, tôi nhận được một thứ gợi ý, đó là các mẹ và các xơ rất coi trọng sự công hiến, họ rất lạc quan đối với cuộc sống, mà niềm lạc quan của họ có được là từ trong sự công hiến.”

Chúng ta mong muốn sự nghiệp tương lai có thể thành công, trước tiên cần nuôi dưỡng một quan niệm, đó là từ trong công hiến sẽ có được niềm vui. Con người nói chung là do lòng ham muốn mà theo đuổi khoái lạc, là do ích kỷ cá nhân mà chiếm hữu khoái lạc, là do sự hưởng thụ vật chất mà tìm kiếm khoái lạc. Nhưng muốn có được sự quân bình chân chính của nội tâm, ắt hẳn phải từ bỏ quan niệm tự tư ích kỷ, tẩy sạch thân tâm của chính mình, thay đổi khí chất của chính mình, chỉnh lý tư tưởng của chính mình, từ trong công hiến sẽ có được niềm vui.

Giúp người là gốc rễ của niềm vui. Trong Phật giáo, công hiến cũng là cái gốc của sự hoan hỷ. Một tín đồ tôn giáo nếu không biết công hiến thì về căn bản không đủ tư cách tiếp cận với tôn giáo ấy. Ông Tôn Trung Sơn từng nói: “Phật giáo lấy hy sinh làm chủ thuyết”, hy sinh tức là công hiến. Nếu chúng ta muốn nắm chắc tinh thần cơ bản của Phật giáo, thì cần bắt đầu từ sự công hiến.

Hiện nay, các bạn có gì có thể công hiến người khác? Nói: “Tôi có năng lực vì đại chúng phục vụ”, “Tôi có trí tuệ công hiến cho mọi người”, điều đó đương nhiên rất tốt; giả như bạn nói mình không có năng lực, cũng không có trí tuệ, thì làm thế nào nhỉ? Thực ra vẫn còn có một cách công hiến đấy, đó là bạn thấy người khác thành công, ít nhất bạn có thể khởi cái tâm tùy hỷ, nói một lời khen ngợi, hoặc nở một nụ cười, hoặc kể cả một cái gật đầu đối với người thành công ấy, tức là bạn đang dâng tặng niềm vui cho người khác... bấy nhiêu cũng có thể được xem là công hiến.

Cho nên công hiến không nhất thiết phải chú trọng đến sự ban cấp vật chất, mà chỉ cần bày tỏ một tấm lòng chân thật là cũng đủ rồi. Chúng ta đối với việc cứu độ chúng sinh, cần có khí phách gánh vác phù hợp với sức vóc của mình, đối đãi bạn bè, thầy giáo, cha mẹ cũng cần có tấm lòng chân thành khẩn thiết, đối với tôn giáo tín ngưỡng lại càng phải có lòng tin của trí năng. Cho nên gọi là công hiến tức là không ngoài sự công hiến bằng cả một tấm lòng từ bi chân thành thanh tịnh của chúng ta, đó chính là điều trân quý nhất.

Ngoài ra, chúng ta cũng thấy trong xã hội còn bao nhiêu người có danh vọng khác nữa - xưa gọi là

“viên ngoại lang”, nay gọi là “nhà từ thiện”, “thân sĩ thái bình”. Trong xã hội, họ được mọi người khen ngợi, vì danh tiếng. Danh tiếng của họ không phải từ trên trời rơi xuống, mà phải trải qua bao nhiêu hy sinh công hiến, ví như quên tiền làm việc công ích, chắt tể xã hội, hoặc cúng dường phúc điền, giúp đỡ đại chúng. Do họ đã gieo hạt giống dâng tặng niềm vui cho mọi người, nên qua thời gian tích lũy, mới có được quả ngọt thanh danh cao vời. Như vậy, tất cả đều cần có nhân mới có quả.

Người lấy sự công hiến làm niềm vui có thể nói là người có tính cách của vị Bồ tát, việc nâng cao nhân cách tự ngã ấy không những nhanh chóng hơn so với người bình thường, mà trong lòng còn có được pháp hỷ hơn so với người bình thường. Mọi người, nếu có thể phát nguyện như cây đèn sáp chiếu sáng người khác, công hiến khả năng của mình, lấy việc giúp người làm vui, hy sinh, phục vụ, dâng hiến trong mọi công việc, thì đây không chỉ là nguyên nhân của mọi thuận lợi mà còn là một trợ duyên lớn của việc thành công sự nghiệp trong tương lai.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Mặt trời vì tỏa ra sức nóng mà mọi người ấm áp,

Bông hoa vì tỏa hương thơm mà làm cho mọi người vui thích,

Biển cả vì bao bọc vạn hữu mà được con người xem trọng,

Con người vì tích lũy từ bi mà được mọi người tôn kính.



Địa vị

Có con chuột trú ngụ trong tháp Phật, hàng ngày được hưởng các thứ đồ cúng. Mỗi khi thiệ nam tín nữ dâng hương khấu đầu, con chuột đều cười thầm trong bụng: Loài người chẳng qua cũng chỉ có thể, bảo quỳ là quỳ, đều ở dưới chân của ta cả! Một hôm, có con mèo hoang đột nhập vào tháp, sắp bắt con chuột. Con chuột liền nói: “Người không thể ăn được ta, người phải quỳ lạy ta, ta là đại biểu của Phật!” Mèo hoang chế giễu: “Người ta quỳ lạy là hướng theo vị trí mà người đã chiếm giữ, chứ không phải hướng theo chính người.”

Vấn đề người đời quan tâm thì rất nhiều, trong đó có một điều người ta lo lắng nhất là địa vị của mình như thế nào. Như địa vị trong gia đình, địa vị trong công ty, địa vị trong bạn bè, địa vị trong bà con quyến thuộc v.v, nói chung là cần có một địa vị phù hợp với thân phận của mình.

1. Địa vị trong thứ tự chỗ ngồi. Hội họp, yến tiệc, hội nghị... chỗ ngồi của tôi có thể đại biểu cho địa vị của tôi. Nếu tôi là người không có tiếng tăm gì trong quần chúng thì đương nhiên không tính đến chuyện địa vị; nếu tôi có nhiều tiền của, có quan chức cao, thì có thể tính toán chỗ ngồi có phù hợp với thân phận của tôi hay không. Cái gọi là chỗ ngồi, tức là sau khi khách quan nói chung đã yên định, bỗng có một vị khách quý đến, thì phải chuyển đổi vị trí, đó gọi là nhường chỗ ngồi. Trong truyện “Thủy Hử” rất nhiều hảo hán tụ tập tại Lương Sơn Bạc, vậy phải lấy địa vị để định thân phận: Chỗ ngồi tôn quý thứ nhất là của Hồ Bảo Nghĩa Tổng Giang, chỗ ngồi tôn quý thứ hai là của Ngọc Kỳ Lân Lưu Tuấn Nghĩa, chỗ ngồi tôn quý thứ ba là của Trí Đa Tinh Ngô Dụng... Xã hội hiện nay, trong tiệc tùng hay hội nghị, có chỗ ngồi hình vuông, có chỗ ngồi hình tròn, có chỗ ngồi hình chữ nhật, lại còn dùng thẻ chỗ ngồi để sắp xếp thứ tự chỗ ngồi, hầu tránh ngồi sai vị trí lẫn lộn thân phận, cũng tức là

lần lộn thứ tự của địa vị.

2. Địa vị trong quan trường. Thứ tự trước sau, trái phải, trên dưới của địa vị ở quan trường được phân biệt rất rõ ràng, các loại đẳng cấp quan chức không thể lộn xộn. Theo đạo lý của quan trường, quan chức càng cao thì uy quyền càng lớn; người càng có uy quyền thì lời nói càng có uy lực. Thực ra cũng không thể nói quan trường luôn là quyền thế và lợi lạc, quan trường vẫn có lớn nhỏ trước sau, để định thứ tự cao thấp, trên dưới.

3. Địa vị trong xã hội. Có những người trên trường chính trị không có địa vị, hay trong giới học thuật cũng không có địa vị, họ chỉ có thể tranh thủ địa vị trong xã hội. Ví như người nhiệt tâm làm việc nghĩa, vui vẻ giúp đỡ người khác, người ngay thẳng ở chốn xã thôn, người chủ trương công bằng hợp đạo, những người như vậy có thể có địa vị nhất định trong xã hội; người vui làm việc thiện, hay giúp đỡ người khác, người không bỏ rơi người khác, người luôn làm việc công ích, người đem hết sức mình để giúp người khác, tất cả họ có thể có địa vị trong xã hội; người nói lời vắn tắt mà hợp lý có thể là lãnh tụ của ngôn luận cũng có thể có địa vị trong xã hội; người viết sách lập ngôn, tạo phúc cho làng xóm, quan tâm đến mọi người, họ cũng có thể có địa vị trong xã hội. Trong dân gian có rất nhiều lãnh tụ xã hội như vậy, và có một địa vị xã hội, được các nhân sĩ trong xã hội tôn trọng, ca ngợi. Nếu một nền chính trị dân chủ thật sự, “tuyển hiền chọn đức”, thì những người có địa vị xã hội ấy sẽ rất dễ dàng đáng được tuyển chọn.

4. Địa vị trong lịch sử. Có những ông vua thi hành nền chính trị đúng đắn thì họ có địa vị trong lịch sử; một trận chiến không kể thắng thua, chỉ cần có một nhân vật anh hùng thì vị anh hùng ấy có địa vị trong lịch sử. Ví như Quan Vũ, Nhạc Phi, Văn Thiên Tường, Sử Khả Pháp,... đều có địa vị lịch sử của họ. Thực ra, một nhân vật nhỏ bé cũng có thể có địa vị lịch sử, ví như Vũ Huân xin xây dựng trường học, hiện nay, những người chân hưng nền giáo dục đều lấy Vũ Huân làm gương. Lão Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử đều chưa từng làm quan to nhưng căn cứ vào đạo đức, trí tuệ, nhân cách của họ đều có địa vị xứng đáng trong lịch sử.

Do đó, con người không nên chán nản, chỉ cần cống hiến cho quốc gia, cho xã hội, lịch sử sẽ không thể phụ người có công, chẵn chẵn đều có thể dành cho một địa vị trong lịch sử.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Tình cảm nếu là ý nguyện đơn phương thì khó lâu bền mãi mãi,

Tiền của nếu là cướp đoạt bằng mảnh khốc sẽ có ngày tan biến

Tiếng tăm nếu là do lừa đăm đông để lấy lòng thì rốt cuộc bị người đời phi nhổ,

Địa vị nếu ngồi không mà hưởng thì sẽ khiến người ta chê trách.



Điều hòa hơi thở

Học trò hỏi tôi một vấn đề: “Làm thế nào để không tức giận?” Thực ra, tức giận là chứng tỏ mình không có sức mạnh. Ngoài việc hiểu cách để hóa giải, cách tu tiến để không tức giận chính là nhẫn nhịn. Bởi vì nhẫn nhịn có thể kích động sức mạnh ở bên trong, có sức mạnh tự nhiên sẽ không phiền

não, không khởi tâm, không nổi sân, và càng bị làm nhục càng mạnh mẽ. Nhấn đến cuối cùng tức trở thành một thứ trí tuệ, và khi đã có trí tuệ thì nhìn mọi lẽ trên thế gian còn có gì để đáng tức giận?

Tình cảm của con người, mừng giận buồn vui đều có ảnh hưởng đến sự thở ra hít vào của thân thể, nếu thở ra hít vào không quân bình, tất nhiên thân thể đang bị tổn thương.

Phép ngồi thiền của Phật giáo dạy con người ngồi nhắm mắt định thần, điều hòa thân thể, điều hòa hơi thở, điều hòa tâm thái, trong đó điều hòa hơi thở gọi là điều khí. Thông thường, con người chỉ tranh nhau một hơi thở mà hai bên làm tổn thương hòa khí lẫn nhau. Nhưng nói một cách nghiêm túc, sự sống của con người chẳng phải là ở khoảng giữa sự hô hấp của một hơi thở đó sao? Một hơi thở không trở lại thì sự sống của con người xem như đã kết thúc.

Cho nên, chúng ta cần điều hòa hơi thở của mình một cách bình hòa thoải mái, làm cho tâm hoan hỷ, làm cho hơi thở hoan hỷ, và người khác khi tiếp xúc với mình cũng sẽ nhận được sự hoan hỷ; không hoan hỷ, tức giận, thì không những người khác loại trừ mà chính mình cũng rất khó chấp nhận. Do đó, chúng ta phải biết điều hòa hơi thở.

1. Tiến lên phía trước, chứ không nên tức giận. Từ nhỏ, cha mẹ, thầy giáo thường khuyến khích chúng ta cần cố gắng tiến lên phía trước, cần phải làm một người có tiền đề, tức là tranh lên phía trước. Nhưng tiến lên phía trước hoàn toàn không phải là người của “trên”, “giữa”, “trước”, mà là cần làm một người dẫn được nổi bực, chịu được nổi khổ, không nên động một chút gì cũng tức giận. Tức giận không giúp được việc gì mà chỉ có hại thôi, cho nên làm người cần tiến lên phía trước mà không nên tức giận. Chỉ cần mình có chí lớn, kinh qua dùi mài tôi luyện, thì có thể đi đến thành công.

2. Tức giận, chứ không nên căm tức. Nếu như tu tập không đầy đủ, khó điều khiển được tính khí của mình, gặp chuyện bất bình khó tránh khỏi tức giận. Đã giận thật sự thì nên nói rõ dứt khoát với mọi người rằng “Tôi đang tức giận đây”. Nhưng bạn không được căm tức, căm tức thì sinh ra uất ức, giữ sự uất ức ấy trong lòng sẽ có tổn hại đến bản thân, khí tốt nhất là cần có chỗ thoát ra ngoài. Chúng ta xây dựng phòng ốc đều cần lắp đặt cửa nhằm để thông khí, phòng ốc, nhà cửa thông khí sáng sủa thì chỗ ở mới thoải mái dễ chịu; con người nếu thường hay ầm ức trong lòng, không cho nó thoát ra ngoài, thì đó là điều vô cùng nguy hiểm.

3. Căm tức, chứ không nên chán nản. Lòng bạn không vui là bạn đang căm tức cha mẹ chăng? Đang căm tức bạn bè chăng? Đang căm tức công việc chăng? Đang căm tức đồng tiền chăng? Căm tức không có gì quan trọng, nhưng không được chán nản. Con người sống trên đời, có điều gọi là “Phật dựa vào một nén hương, người dựa vào một hơi thở”, có hơi sức mới có thể lập chí tiến lên, có hơi sức mới có thể khởi tâm phát nguyện. Một trái banh da bị xì hơi thì không thể chơi được, con người khi đã chán nản thì xem như đồ bỏ đi, không thể sử dụng. Sở Bá Vương một đời chí khí trùm thiên hạ, nhưng cuối cùng chán nản, trầm mình tự vẫn ở sông Ô Giang; Đường Huyền Tông trên đường trốn chạy, vì đám tùy tùng can gián nhà vua không thể không để cho Dương Quý Phi phải thắt cổ chết ở đồi Mã Ngôi, từ đó ý chí nhà vua suy sút, ủ rũ buồn rầu mà chết.

4. Chán nản, chứ không nên làm liều. Chán nản chỉ là sự không tranh đấu tiến lên của chính bản thân mình mà thôi, điều quan trọng là không thể làm liều. Vì khi làm liều mất hết lý trí sẽ để lại tai họa, hậu quả khó có thể sửa chữa. Vì khi đã chán nản thì không có chính khí, không có ý chí nữa, chỉ có tà khí và oán khí, vì khi đã làm liều thì có thể đưa đến nhiều chuyện sai lầm. Con người không có lý tính thì

hậu quả thật khó suy lường.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Người nhẫn nhịn ắt có thể phấn đấu,

Người nhẫn nhục ắt có thể biết xấu hổ,

Người nén giận ắt có thể hài hòa,

Người chịu khổ ắt có thể có ngọt bùi.



Công việc là sử dụng thời gian hiệu quả

Tổng giám đốc của một công ty ở Cao Hùng nói: “Tài sản hiện có của tôi, dù mỗi ngày tôi tiêu 10000 vạn nguyên, tôi sống đến 100 tuổi tiêu cũng không hết tiền của tôi. Tôi có rất nhiều tiền, nhưng tôi vẫn làm việc. Tôi tham lam không biết chán chường? Không phải, tôi làm việc là để sử dụng thời gian hiệu quả.

Con người chỉ ở trong công việc, cuộc sống mới có nơi an trú, đời người mới có ý nghĩa. Người không có công việc là người khổ nhất trên thế gian, nỗi đau khổ lớn nhất của con người là vắng lặng buồn chán. Có một số người trẻ tuổi rong chơi suốt ngày, không làm việc gì cả, giống như những cô hồn không biết an trú thân tâm vào một nơi nào, giống như đám lục bình không biết trôi dạt theo phương hướng nào, đó là điều bất hạnh biết dường nào! Chỗ ích lợi của công việc thì rất nhiều, tôi chỉ đưa ra ba điểm:

1. Trong công việc mới có sự sống. Một người nếu không có công việc chẳng khác nào một cái xác biết đi, không có tinh thần, không có tâm hồn; một ngày kia có công việc mới có thể phát huy tiềm năng của cuộc sống, thể hiện giá trị của cuộc sống, cho nên nói trong công việc mới có sự sống.

2. Trong công việc mới có duyên phận. Trong một tập thể, người không có duyên phận nhất là người lười biếng nhất, người không phát tâm lập chí nhất là người không chịu làm việc nhất. Muốn khởi tâm làm việc thì từ trong công việc sẽ có được duyên phận; muốn cần mẫn làm việc thì người ta mới tiếp nhận bạn. Cho nên tôi thường khuyến khích mọi người: “Công việc không có sang hèn, phục vụ là cao cả nhất.”

3. Trong công việc mới có tiền của. Thế gian có rất nhiều người đều muốn có gia tài lớn, vậy làm thế nào mới có được? Con đường dẫn đến giàu có là gì? Đó chính là làm việc và làm việc. Tiền của không làm mà có là không đáng quý, chỉ có tiền của kiếm được do mồ hôi, công sức, tinh thần của mình mới là đáng quý nhất. Vàng trong cát theo nước triều đưa đến, nhưng phải có bàn tay của mình sàng lọc mới có được vàng ròng. Tất cả mọi thứ có được đều phải dựa vào sự làm việc của chính mình. Chỉ có làm việc mới có lợi tức, trong công việc tự nhiên sẽ có tinh thần, có sức mạnh, và cũng chỉ có công việc mới có thể an định thân tâm của chúng ta, bởi vì công việc đem lại lạc thú cho chúng ta. Con người có làm việc, cuộc sống mới có ý nghĩa, đời người mới có giá trị.

Ngày xưa, có một người cha, khi sắp chết, ông gọi các con lại và nói với chúng: “Cha có rất nhiều tài sản để lại cho các con, đó là có một số vàng chôn ở dưới dàn nho.” Sau khi người cha qua đời, mấy

người con đào xới rất kỹ đất dưới dàn nho, hy vọng tìm được di sản của người cha. Dưới dàn nho ấy có chôn vàng chãng? Không có. Nhưng nhờ thường hay đào đất lật cỏ mà đất cát trở nên tơi xốp, phì nhiêu, những cây nho trên dàn ra nhiều trái ngọt, đó là cái để những người con có được rất nhiều tiền của.

Một cỗ máy nếu để lâu ngày không khởi động, không sử dụng, sẽ sinh ra gỉ sét; thân thể con người nếu không thường hay luyện tập thì cũng sẽ suy yếu. Con người không thường làm việc, ý chí sẽ sa sút, suy nghĩ sẽ cạn kiệt. Một ngày có 24 giờ đồng hồ, một đời cũng có sáu, bảy mươi năm. Trong cuộc sống dài đằng đẵng ấy, làm sao tiêu phí hết thời gian, đó là vấn đề rất quan trọng. Viện Phật học Mân Nam có pháp sư Trí Tạng, lúc 16 tuổi vào viện Phật học, một chữ cũng không biết, nhưng đến 22 tuổi, ông trở thành chủ biên của tờ báo Hải Triều Âm. Thời gian chỉ có sáu năm, vậy năng lực trí tuệ của ông do đâu mà có? Ông chẳng phải hoàn toàn không làm việc gì, mà chỉ lo học tập đâu, ông vẫn làm việc bình thường. Ông quét dọn nhà vệ sinh không bao giờ dùng chổi mà chỉ dùng tay lau chùi; phàm công ngầm không có người khơi thông, việc khó không ai chịu làm thì ông đều làm tất. Trong bản tính của ông là muốn mình khắc khổ, siêng năng. Sau khi tạo thành thói quen chịu thương chịu khó như vậy, ông lại say sưa học tập, và sẽ thu được kết quả nhanh như những người khác. Chịu được lạnh giá mùa đông là cây tùng cây bách, người chịu được khổ hạnh sau này mới trở thành tài năng của rừng cội.

Bất cứ sự thành công của người nào, hoàn toàn không phải do từ sự an hưởng nhàn nhã mà đều từ sự phấn đấu cần mẫn khắc khổ mới thu hoạch được. “Ai ăn thì tự biết no nấy, ai sống chết thì tự hiểu biết nấy.” Chắc chắn tự mình từ trong siêng năng cố gắng để làm nên vẻ vang, từ trong siêng năng hăng hái để hoàn thành lý tưởng của chính mình.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bạn rộn mới có thể thúc đẩy sự mạnh mẽ của tâm hồn,

Bạn rộn mới có thể bồi dưỡng nhân duyên của chính mình,

Bạn rộn mới có thể phát huy sức mạnh của cuộc sống,

Bạn rộn mới có thể nâng cao giá trị của con người.



Tiềm năng kinh người

Có một anh chàng say rượu, đêm hôm khuya khoắt đi nhậu về không chú ý bị rơi xuống một cái hố sâu. Cú té ngã ấy làm anh ta tỉnh rượu phần nào, thế là anh ta rón sóc bò lên, lúc ấy phía sau bỗng có một tiếng nói đưa lại: “Ông anh ơi, không cần bò lên nữa, vô ích thôi!” Chàng say rượu cho là có ma, liền nhảy một cú lên khỏi miệng hố. Sau khi lên rồi, quay đầu nhìn kỹ thì ra cũng là một gã say bét nhè như mình đã rơi xuống hố sâu trước mình một bước.

Bị thất kinh bất ngờ, kích phát tiềm năng của người say rượu khiến anh ta may mắn thoát nạn. Con người giống như một ngọn núi, trong núi ấy ẩn chứa các thứ của quý như vàng bạc sắt đồng v.v; trong thân thể của con người cũng ẩn chứa các thứ năng lượng như từ bi, trí tuệ Căn cứ lời phát biểu của các nhà khoa học, năng lực đích thực của con người chỉ mới được sử dụng chưa đến 10%, còn trên 90% tiềm năng đang chờ khai thác.

Đức Phật nói: “Người người đều có Phật tính”, ý nói là mọi người đều có tính năng thành Phật; tính năng thành Phật đều có, còn năng lực khác làm sao có thể có được? Con người có bản năng thích ứng hoàn cảnh, cũng có tính năng biến an thành nguy, các loại sát hạch, huấn luyện thường ngày là để kích thích tiềm năng của mỗi cá nhân. Có người có thể nói được tám ngôn ngữ, nếu họ không khai phá tiềm năng thì làm sao có được như vậy? Có người có thể phát minh nhiều loại khí cụ, nếu không khai phá tiềm năng thì làm thế nào họ có được thành tựu như thế?

Tiềm năng của con người là vô hạn, nhưng cần phải được khai phá. Con người cần khai phá tiềm năng như thế nào?

1. Hoàn cảnh có thể kích thích tiềm năng. Ở vào cảnh ngộ khó khăn, không có người trợ giúp, chỉ dựa vào sự phấn đấu của chính mình mới mong sống còn, lúc đó, để tồn tại không thể không đấu tranh với hoàn cảnh, không thể không tìm biện pháp vượt ra khỏi cảnh ngộ khó khăn. Ví như người vợ trong nhà không biết nấu nướng, nhưng để duy trì gia đình, để mọi người có bữa ăn, cô ta buộc phải học kỹ năng nấu nướng.

2. Hy vọng có thể khuyến khích tiềm năng. Con người sống trong hy vọng, cuộc đời sẽ có ý nghĩa; nếu cuộc sống mất đi hy vọng thì sẽ như lời tuyên bố cuộc đời đã kết thúc. Có sự sống ắt có hy vọng; có hy vọng sẽ có thể kích lệ cuộc sống, sẽ có thể khai phá tiềm năng. Bạn hy vọng kiếm tiền mưu sinh, nhưng không có năng lực làm sao có thể kiếm tiền lo cho cuộc sống? Chỉ cần bạn có hy vọng, thì hy vọng có thể cổ vũ bạn tìm được năng lực mưu sinh. Bạn mong muốn học hành để hưởng thưởng, làm con người chính nhân quân tử, chỉ cần bạn có hy vọng, vùi đầu chịu khó học tập, hy vọng có thể kích lệ bạn, khai phá tiềm năng nội tại của bạn, thuận lợi đạt được nguyện vọng.

3. Quyết chí có thể phát huy tiềm năng. “Người có chí, việc ắt thành”, con người có tiềm năng vô hạn, có quyết chí thì có thể hoàn thành tất cả mọi việc. Mong muốn trở thành một nhà chính trị, vì dân phục vụ, quyết chí trở thành một nhà học giả, tạo phúc cho thế gian... Chỉ cần chịu quyết chí, đồng thời không ngừng rèn luyện chính mình, luôn luôn cố gắng kiên trì, chí nguyện có thể kích phát tiềm năng, thành tựu mục tiêu.

4. Hiếu thắng có thể khai sáng tiềm năng. Mọi người đều có cảm giác của sự vinh dự, đều có tinh thần hiếu thắng. Các vận động viên điền kinh, vì quyết tâm chiến thắng, khi tham gia dự thi, họ có thể chạy hết mình để có được thành tích tốt; người chơi bóng rổ phải dốc hết bản lĩnh hiện có vì khát khao chiến thắng, kích phát năng lực bản thân cao hơn bình thường. Người chơi bóng đá phải chạy khắp sân bóng trong thời gian dài mà không mệt cũng là do tinh thần hiếu thắng đã phát động tiềm năng.

Con người có tiềm năng vô hạn, như ngọn núi chứa chất bên trong nhiều khoáng sản; bạn có biết để khai thác chăng?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Mỗi cá nhân đều là người sáng tạo của chính mình,

Mỗi cá nhân đều là công trình sư của xã hội.

Không nên xem nhẹ tiềm năng của chính mình,

Nếu tự hứa “Không làm chuyện rang mầm diệt giống”, thì chẳng những mình đã có lợi rất nhiều

mà xã hội cũng hưởng được lợi không kém.



Tìm kiếm việc làm

Có một người nước Lỗ sở trường về đan giày cỏ, người vợ của ông ta lại sở trường về dệt lụa. Hai vợ chồng muốn chuyển về sống ở nước Việt. Bạn bè nói với họ: “Nếu anh đến nước Việt, chắc chắn anh sẽ nghèo đói. Người nước Việt có thói quen đi chân trần, không mang giày; tập tục của họ là để đầu trần không vấn khăn đội mũ. Đến đây, nghề cũ của hai vị sẽ trở thành không có đất dụng võ, làm sao mà không nghèo đói cho được?”

Xã hội hiện nay tuy có tỷ lệ thất nghiệp khá cao, nhưng biết được một số kỹ năng kỹ xảo thì tìm một công việc thực ra không phải là chuyện quá khó. Một số người tìm việc không được là vì vào không đúng cửa, hoặc do mình không có ngón nghề; đặc biệt là không thể yêu cầu đãi ngộ quá đáng, trước hết cần mong cầu có việc, rồi sau đó mới mong cầu lý tưởng, không nên cao không thành thấp không xong. Nếu phù hợp với sở thích thì có thể phát huy sở trường, nhất là công việc chính đáng có ích cho mọi người trong xã hội, đó đều là công việc tốt, cần tận tâm thực hiện.

Con người ở đời đều cần có một công việc. Công việc có mặt tốt cũng có mặt không tốt, có ưa thích cũng có không ưa thích. Ví như, làm Tổng thống là điều mọi người đều ngưỡng vọng, nhưng trong một cuộc thăm dò ý dân ở nước Mỹ, Tổng thống bị xếp hạng dưới 150 nghề ưa thích của nhân dân Mỹ; ba hạng người mà phụ nữ Nhật Bản ưa kết hôn nhất là bác sĩ, thầy tu và giáo sư, như vậy có thể thấy ba nghề đó là công việc tốt nhất tại Nhật Bản.

Nếu bản thân mình không có năng lực đặc biệt, hoặc tài nghệ của mình nhiều người khác cũng đã có, thì tìm được việc làm lý tưởng cho mình là điều không phải dễ dàng. Tìm công việc cũng cần phải có biện pháp tốt, ý tưởng hay, ngoài sở trường đặc biệt ra, cũng nên chú ý đến đáng đáp và thành ý của mình.

Sinh viên tốt nghiệp ở các trường đại học hiện nay tìm không ra việc là vì xã hội hiện đại không cần những người chỉ ngồi tại văn phòng vạch kế hoạch, thiết kế đồ án, mà sản xuất theo dây chuyền, người lao động chân tay cũng không cần phải có học lực cao, cho nên hiện nay phần lớn sinh viên đều dùng chứng chỉ tốt nghiệp bậc trung học để đi xin việc.

Trước khi tìm việc làm cần chuẩn bị thật tốt, phải kinh qua phỏng vấn, nếu không được chọn, cũng cần dũng cảm chấp nhận. Bị trắc trở thất bại nhất thời không có gì quan trọng, chỉ cần bạn tiếp tục làm lại, nhất định bạn sẽ có cơ hội thành công.

Hiện nay thường có một số người ở sở giới thiệu việc làm đi xin việc nhưng lại bị lừa dối, cho nên khi đi tìm việc, không những mình cần có năng lực phán đoán tốt xấu, mà còn phải nghe ý kiến của người thân và người lớn tuổi. Tìm việc không nên phó thác cho người khác để tránh áp lực do người khác mang lại, cần dựa vào kiến thức chuyên môn của mình, tự mình viết đơn xin việc, nói rõ mình chịu để cho ông chủ thử việc, như vậy ông chủ nhất định vui lòng thu dụng.

Người đi tìm việc, ngoài năng lực ra, còn phải chú trọng tư cách làm người, khi phỏng vấn cần phải nhanh trí mới có thể được chú trọng. Có một bạn trẻ mới bước chân vào đời, đến một công ty nọ trình danh thiếp, muốn tự giới thiệu mình, nhưng bị từ chối thẳng thừng. Anh bạn trẻ coi như không, nói:

“Không can chi! Lần sau tôi sẽ đến thăm lại, xin ông nhận lấy danh thiếp của tôi.” Không ngờ, đối phương cầm tấm danh thiếp xé làm hai mảnh, đồng thời lấy từ trong túi ra một đồng bạc, và nói: “Xé một tấm danh thiếp bồi thường một đồng bạc, có đủ không?” Anh bạn trẻ ấy lại vui vẻ nhận đồng bạc, nói: “Một đồng có thể mua được mấy tấm danh thiếp, như vậy là tôi đã mắc nợ ông.” Liền sau đó cậu ta lại đưa ra một tấm danh thiếp nữa. Khiêm tốn, thành ý của anh bạn trẻ rốt cuộc đã đánh động tấm lòng của ông chủ. Nếu khi đi xin việc có tinh thần không nhụt chí, có khả năng tùy cơ ứng biến như vậy, thì nhất định có thể được thu dụng.

Khi đi xin việc cần đem theo bản lý lịch cá nhân, người phỏng vấn sẽ xem tuổi tác, trải nghiệm của bạn, có thể nhìn thấy năng lực, nhân cách, cá tính của bạn. Cho nên, một khi được tuyển dụng, nhất định phải toàn tâm toàn lực, tích cực chủ động làm việc, tài năng sáng tạo thuộc vào tương lai của chính mình.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Thách thức với khó khăn, thực ra là thách thức với chính mình,

Có thể thực hiện ngay từ ban đầu thông qua kinh nghiệm,

Cuộc sống của chúng ta mới có thể từ trong đột phá sáng tạo mà có được muôn vàn ý nghĩa.



Con người nên có năng lực ứng biến như thế nào

Có một binh sĩ cụt chân đã giải ngũ gặp một người đi đường, nói: “Con người thật đáng thương, lẽ nào anh cầu xin thượng đế để được có lại cái chân đã cụt ấy chẳng?” Người binh sĩ nghe được, quay người lại nói: “Tôi không cầu xin có được cái chân mới, mà là cầu xin thượng đế giúp cho tôi biết sống như thế nào sau khi tôi mất đi một cái chân.”

Tiến hóa luận của Darwin nói: “Mọi vật theo sự chọn lựa tự nhiên, vật nào thích nghi được với hoàn cảnh thì sống còn”, con người cần có khả năng ứng biến mới có thể sống còn.

Con người sinh ra ở đời, nơi cư trú có thể có chuyển dời, thời tiết nóng lạnh có thể có thay đổi, đặc biệt là sự thích ứng về nghề nghiệp, sự điều tiết về nhân sự, những việc đó đều cần chú trọng đến các loại năng lực thích ứng. Làm người không thể một thay đổi nhỏ cũng không có, khiến người ta cảm thấy bạn cố chấp và không tùy duyên. Người ta sống ở đời chú trọng đến triết lý viên dung, ngoài việc không vi phạm pháp luật, đạo đức, mọi người cũng cần biết lẽ tiến thoái, cần có đủ năng lực ứng biến. Vậy con người nên có năng lực ứng biến như thế nào?

1. Năng lực giải quyết lo lắng hoạn nạn. Có câu “Người không nghĩ xa, ắt có lo gần”, trời nắng không thể không phòng bị trời mưa, ban ngày không thể không biết ban đêm sắp đến. Con người cần có năng lực giải quyết lo lắng hoạn nạn, đó là điều cần thiết của sự sống còn, như đề phòng hỏa hoạn thời bình, đề phòng không kích thời chiến, kể cả khi đi du lịch nước ngoài cũng phải chuẩn bị đầy đủ các thứ vật dụng. Con người có thể xây dựng ý thức lo lắng hoạn nạn, cùng với năng lực phòng bị và xử lý, thì nào còn sợ chuyện gì xảy ra?

2. Năng lực kiên nhẫn vượt qua khó khăn. Con người ở đời, kể cả vua chúa cũng có khó khăn của vua

chúa, nhà buôn cũng có khó khăn của nhà buôn, không ai dám nói cuộc đời của mình là không có khó khăn. Con người không thể bị khó khăn đánh gục. Kinh tế rơi vào tình cảnh khó khăn, không thể ngồi than cảnh khổ, mà cần thoát khổ làm giàu; bị tình làm khổ, cần biết điều tiến thoái, tình cảm phải là đôi bên, không thể chỉ có một phía, việc gì phải chịu khổ vì ai? Mỗi người cần nghĩ cho thoáng, cần rũ bỏ lo lắng, mới có thể kiên nhẫn thoát khổ, mới không đến nỗi chết rấp trong ngõ hẹp.

3. Năng lực xử lý khẩn cấp. Có người bị bệnh khẩn cấp, cần biết nhanh chóng đưa vào bệnh viện chẩn đoán chữa trị gấp, hoặc thực hiện các biện pháp cấp cứu tại chỗ; trong nhà có xảy ra tai nạn như hỏa hoạn, trộm cướp, hoặc động đất, đều cần có biện pháp ứng phó khẩn cấp. Đặc biệt là trong một tập thể, một tổ chức, người phụ trách cần phải có năng lực ứng biến các trường hợp khẩn cấp. Bỗng nhiên bị nạn cắt nước, chưa cần nói người chủ quản phải chịu trách nhiệm, mà một nhân viên quản lý nào đó của cơ quan hành chính tổng hợp cũng phải có năng lực ứng phó tương đương, mới có thể hóa giải được tai nạn.

4. Năng lực sắp xếp hiện trường. Thường chúng ta có thể thấy một cuộc sinh hoạt đã bắt đầu, nhưng khách mời không đến, người tham gia không đầy đủ; hoặc đến giờ học, bỗng phát hiện không đem theo sách giáo khoa... tức là xảy ra đủ các thứ bất ngờ, trong những trường hợp như vậy cần biết sắp xếp hiện trường. Có một nhà quân sự học nói, đánh thắng trận chiến dễ, nhưng khi bị bại trận biết dàn xếp việc trước mắt càng cần có một đại bản lĩnh.

5. Năng lực biến phức tạp thành đơn giản. Trong ứng biến năng lực, điều quan trọng là trong bận rộn không được làm cho bận rộn thêm, không được làm cho rối loạn thêm, phải biết trong bận rộn cần có nhàn tản, phải biết biến phức tạp thành đơn giản. Biến phức tạp thành đơn giản là phương pháp tốt nhất để tiết kiệm thời gian và sức lực.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Học mà có sử dụng, tức là học thực,

Biết mà có làm, tức là biết thực,

Học thực biết thực, tức là trí huệ.



Thái độ quyết định hiệu quả

Có hai người nông dân, đất đai của hai nhà chỉ cách nhau một nương nước. Một hôm, Giáp vui vẻ nói: “Xem ra mùa thu hoạch năm nay không tồi!” Ất nói: “Đặng ấy có gì mà vui vẻ thế? Ngày ngày bằm đất kiếm ăn, chỉ có trà thô cơm nhạt!” Giáp nói: “Cày cấy trồng tía trong đám đất của mình, tôi thấy mùa màng xanh tốt, hy vọng một mùa bội thu đang hiện ra trước mắt, làm sao mà không vui cho được?” Ất không cho là như vậy, sau đó, Ất cho Giáp thuê phần đất của mình, rồi lên thành phố đi làm công. Mấy năm sau, Giáp trở thành một nhà nông giàu có nổi tiếng khắp gần xa, còn Ất thì không nên cơm cháo gì cả.

Rất nhiều người mỗi ngày đều làm việc ít nhất là một phần ba thời gian, thậm chí có nhiều người xem công việc là cuộc sống. Đối với người duy trì được thành quả sự nghiệp mà nói thì công việc chỉ là sinh kế; đối với người có chí lớn mà nói thì công việc chính là học tập lại một lần nữa; đối với người

có mưu đồ, biết đề ra kế hoạch mà nói thì công việc chính là thực hiện lý tưởng. Giống như công việc, thái độ như thế nào mới giúp chúng ta trưởng thành hơn?

1. Cần xây dựng thái độ luân lý chân thực. Trong xã hội, mỗi người cần có chỗ đứng, trước hết điều cần học tập là quan niệm về luân lý. Có luân lý trong gia đình, như cha từ con hiếu, anh thân em kính; có luân lý trong công việc, như tôn trọng nề nếp, tuân theo kỷ luật, kính trọng nghề nghiệp, yêu thương đồng bạn. Ngoài ra, thái độ làm việc thành thực cũng rất quan trọng, bất kể có cấp trên trước mặt hay không, bất kể có người trước kẻ sau hay không, luôn luôn tuân theo chức nghiệp, không tùy tiện không sai sót, đó mới là thái độ làm việc đúng đắn.

2. Cần phát huy trách nhiệm chủ động phục vụ. Vương Trinh Trị vừa mới đến Nhật Bản tham gia đội bóng vũ dã cầu, một hôm đại biểu đội bóng nói: “Nếu lấy sự thể hiện trên sân bóng và sự cống hiến cho tập thể thì cần trừ bớt lương của anh. Nhưng chúng tôi quyết định tăng lương cho anh.” Vương Trinh Trị vô cùng kinh ngạc. Đại biểu đội bóng nói tiếp: “Bởi vì anh rất quý tiếc những quả bóng của chúng ta.” Thì ra Vương Trinh Trị lúc đó phụ trách quản lý những quả bóng của đội, anh ta thường thu nhặt các quả bóng bị hư rách lại và mỗi đêm bỏ ra khoảng một hai tiếng đồng hồ để khâu vá. Trong ý vốn là chỉ muốn làm hết phận sự của người quản lý bóng, không ngờ sự chủ động phục vụ và trách nhiệm của mình lại được đội cầu khẳng định. Do đó, có thể thấy người nhiệt tình làm việc, có tinh thần trách nhiệm có thể từ trong một việc nhỏ tạo ra được giá trị của việc làm vô cùng to lớn.

3. Cần khiêm tốn tinh giáo học tập. Thước có thể ngắn, tác có thể dài, tận thiện tận mỹ rất là khó khăn, nói chung là luôn có chỗ thiếu sót. Do đó, cần mãi mãi duy trì tinh thần học tập, không ngừng theo đuổi để hướng thượng, mới có thể ngày một tiến bộ. Trong quá trình học tập, cần có tâm ý chân thành, có thái độ khiêm tốn cầu học, tin tưởng người chỉ dạy, như vậy mới có thể khiến người ta động lòng mà dốc hết tâm huyết truyền thụ.

4. Cần tạo sự vui vẻ hài hòa giữa người và việc. Chúng ta cảm thấy làm việc dễ, làm người khó, thực ra, quan hệ giữa người với người hòa thuận thì sự việc càng dễ dàng giải quyết. Không thể coi thường tính chất quan trọng của việc kết giao rộng rãi duyên lành. Tục ngữ nói; “Không được dang tay đánh người đang vui cười”, chúng ta hòa nhã đối đãi với người khác thì đôi phương cũng phải dùng lễ đối đãi lại chúng ta. Ngoài sự hài hòa giữa người và việc ở bên ngoài, còn phải chú ý đến sự vui vẻ ở bên trong; tùy lúc mà thể hiện tâm hoan hỷ, điều này không chỉ có ích cho sự mạnh mẽ thân tâm của mình mà còn là sự thể hiện lòng từ bi đối với người khác.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Công việc không nên dây dưa, phải trọng nghề nghiệp mà không ham chơi biếng nhác,

Báo cáo không được lừa dối, phải tích cực mà không ỷ rỗi chán nản,

Lệnh cấp trên không được vi phạm, phải chịu quả trách mà không tỏ vẻ giận hờn,

Theo yêu cầu chung mà không đòi đặc quyền, phải viên dung mà không được cực đoan.



Không sợ chê bai

Thời xưa có một vị tể tướng, phong thái khoan dung đại độ. Một hôm, người em của ông muốn đến nơi khác để làm quan, người anh nói: “Tính khí em không đảm đảm, anh lo sự nghiệp của em sẽ không thuận lợi.” Người em nói: “Không sao đâu! Em nghe lời dạy bảo của anh, người khác có chê bai phỉ báng em, em đều không đòi co tranh cãi!” Người anh nói: “Có thật không? Nếu như có người nhỏ nước bọt vào mặt em, em làm thế nào?” Người em trả lời: “Em không đòi co với kẻ ấy, chỉ cần chùi sạch chỗ nước bọt là xong!” Người anh ngừng một lát, nói: “Nếu là anh, anh không làm như vậy. Sở dĩ người khác nhỏ vào mặt em là vì người ta không thích thú em, em chùi nó đi thì người ta càng không thích thú. Trong trường hợp này, cứ để cho nó tự khô, không cần phải lấy tay chùi đi, đó mới được xem là đạt đến bản lĩnh thượng thừa của sự nhẫn nhục”.

Con người sống ở đời chắc chắn sẽ nhận chịu rất nhiều điều chê cười phỉ báng. Ở vào trường hợp đó, mỗi người làm thế nào cung cấp cho mình một sức mạnh? Và từ trong sự phỉ báng chê cười ấy cần học tập phước huệ nghiêm trang.

Một người tu hành đích thực nghe người khác chê cười, phỉ báng mình, không những không tức giận mà còn cảm thấy như được uống nước cam lộ. Hòa thượng Bồ Đại từng nói: “Có người mắng lão già, lão già chỉ nói tốt; có người đánh lão già, lão già tự nằm xuống; có người nhỏ vào mặt lão già, thì nó sẽ tự khô; bạn cũng đỡ tốn hơi sức, mà tôi cũng ít phiền não.” Từ những câu nói trên, chúng ta có thể thấy đối với những đánh mắng, phỉ báng của người khác, hòa thượng Bồ Đại đã giải quyết rất là thoải mái tự nhiên.

Một người, từ khi bắt đầu hiểu được việc đời, không biết đã gặp bao nhiêu chê cười phỉ báng của người khác. Ví như ông Hồ Thích được mọi người trong xã hội tôn sùng cũng phải là “tiếng khen vừa đến, lời chê theo liền”. Thử nhìn những bậc thánh hiền vĩ đại của thế giới, có vị nào là không đi ra từ trong những lời chế giễu phỉ báng? Chế giễu phỉ báng có thể đánh đổ một số người, nhưng chỉ có thể đánh đổ những người yếu đuối tầm thường, không có năng lực, không thể đánh đổ người có lý tưởng, có trách nhiệm, có nhiệt tình. Đối với việc chê cười phỉ báng, chúng ta nên xem nó làm tăng ngược thượng duyên của trí năng phước đức để làm trang nghiêm chúng ta, tuyệt đối không nên để nó kích động cái tâm sân hận của chúng ta. Sách “Thành thực luận” ghi: “Lời ác độc mắng chửi kẻ tiểu nhân, không thể chịu nổi như chim bị ném đá, lời ác độc mắng chửi người quân tử, như voi được rải hoa.” Sự khác biệt giữa tiểu nhân và quân tử có thể thấy rõ từ trong thái độ ứng phó trước những lời chế giễu chê bai.

Khi cư sĩ Lý Bính Nam đến hoàng dương Phật pháp lần đầu tiên ở Đài Loan cũng gặp nhiều rắc rối. Lúc đó, cư sĩ Lý Bính Nam hòa nhã khiêm tốn nói: “Các vị thiện tri thức, tôi không dám xem thường các vị, các vị đều đáng là các vị Phật!” Thậm chí còn nói: “Các vị thiện tri thức, cảm ơn các vị, các vị đã đem lại cho tôi những điều khó chịu này tức là đang tiêu trừ tội nghiệp của tôi, cảm ơn các vị đã cho tôi cơ hội để tiêu trừ tội nghiệp.” Do đó, xem ra chê cười phỉ báng của người đời không những không có chỗ xấu, chỗ dở, trái lại, nó còn là nhân tố làm trang nghiêm chính mình, làm tăng trưởng trợ duyên cho trí năng phước đức. Đen tối là điềm báo trước của sự sáng sủa, những trái ngược bên ngoài càng làm tăng ngược thượng duyên của việc hành thiện. Tóm lại, có thể nói rằng không có chế giễu phỉ báng chưa hẳn đã làm tỏ lộ được nhân cách vĩ đại của con người, chưa hẳn đã tỏ rõ tiết tháo của các bậc thánh hiền.

Làm thế nào chịu đựng được sự chế giễu phỉ báng, tôi xin đưa ra ba điểm dưới đây:

1. Không nói lời chế giễu phỉ báng. Không nói lời chế giễu người khác, không nói lời phỉ báng người khác. Nếu có người phát hiện thường ngày mình hay nói chế giễu người khác, thì bắt đầu từ nay tuyệt đối mình không nói nữa, tức là mình không phải là người ác khẩu.

2. Không nghe lời chế giễu phỉ báng. Không cần để ý đến những lời chế giễu phỉ báng lan truyền từ bên ngoài. Nếu một người thường chú ý đến những lời đồn nhảm thì trong lòng sẽ càng khó chịu, một khi đã khó chịu sẽ không có sức mạnh, không có tinh thần để làm các việc khác. Cần biết “lời thị phi thường do nơi người hiểu biết”, một người có trí năng không thể lan truyền tin nhảm, và đương nhiên cũng không thể tùy tiện tin vào lời đồn nhảm.

3. Không sợ chế giễu phỉ báng. Phỉ báng, chê bai có thể tiêu trừ tội nghiệp của chúng ta, cho nên không những không sợ chê cười phỉ báng mà càng có thể chuyển biến chê cười phỉ báng thành sự kích thích sức mạnh của thân tâm.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Không nói lời thị phi là chân thành khoan hậu, không biện hộ điều sai trái của mình là cao kiến,

Biểu dương điều thiện của người khác là sự báo ơn, thương cảm tội lỗi của người khác là việc tu đức.



HỌC TẬP QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

Lãnh đạo hạng dưới thì cần làm hết khả năng của mình,

Lãnh đạo hạng giữa thì cần sử dụng hết sức lực của người,

Lãnh đạo hạng trên thì cần dùng hết cái trí của người,

Lãnh đạo hạng cao thì cần sử dụng cái có của mọi người.

Sự tu dưỡng của người lãnh đạo

Một hôm, Sở Trang Vương và quần thần luận bàn việc nước, mọi người bàn tới bàn lui đều không như ý tưởng cao minh của Sở Trang Vương. Thế là Sở Trang Vương có vẻ buồn buồn ngồi trong thư phòng, Thân Công Vu quan tâm hỏi nhà vua: “Điều gì khiến bệ hạ không vui?” Trang Vương nói: “Thời nào cũng có hiền nhân thánh nhân, điều mấu chốt là có người phát hiện hay không. Có được thánh hiền làm quân sư, có thể thành tựu nghiệp vương; có được bạn tốt có thể thành tựu nghiệp bá. Ta tự biết năng lực của ta không đủ, nhưng quần thần, mưu sĩ phò tá cho ta đều xa lánh ta, theo đó mà xét thì tiền đồ của nước Sở rất là nguy hiểm, đó là nguyên nhân khiến ta không vui.”

Bởi vì Sở Trang Vương không những đánh giá chính xác năng lực của mình mà còn dám giao trách nhiệm cho những người có năng lực vượt trội, cho nên về sau, nước Sở trở thành một quốc gia cường thịnh. Do đó, người lãnh đạo không bắt buộc phải có tài cán hơn người, nhưng phải giỏi về cách điều hòa phối hợp, phải có tấm lòng bao dung như biển cả, tất cả chỉ có thể vì chúng ta.

Rất nhiều người đều mong muốn làm một người quản lý mà không muốn bị người khác lãnh đạo. Thực ra, người quản lý đương nhiên phải có năng lực, nhưng có thể bị người khác lãnh đạo cũng không dễ dàng. Làm một người quản lý cần phải có nhân cách của người quản lý mới có thể làm hết công sức của lãnh đạo, mới có thể hoàn thành được việc của đại chúng. Vậy làm thế nào mới là một người quản lý tốt?

1. Đối xử với người khác cần điềm đạm lễ độ. Làm một người quản lý, đối đãi với thuộc cấp của mình, hay với tất cả những người mà mình quan hệ qua lại, điều quan trọng nhất là cần thân mật nhẹ nhàng, cần làm cho họ cảm thấy mình là người bình dị dễ gần. Có câu rằng “Làm tướng không được kiêu ngạo, kiêu ngạo là thất lễ, thất lễ thì mọi người xa rời, mọi người xa rời thì quần chúng phản bội.” Càng là người lãnh đạo tối cao, thì thái độ của bạn càng bình dị và lễ độ, như vậy thuộc hạ sẽ khởi tâm cung kính, chấp nhận sự lãnh đạo của bạn.

2. Làm việc cần tinh giản hợp pháp. Là một người lãnh đạo, các mặt cần quan tâm thì rất nhiều, nhưng bạn không nên quá tunn munn, quá cảm ràm, tunn munn khiến người ta chán, cảm ràm khiến người ta bực. Biến phức tạp thành đơn giản, người cấp dưới mới có thể hiểu rõ nguyên tắc phương châm của bạn, mới có thể tự nguyện cùng nhau làm việc với bạn.

3. Lý luận cần trung dung, có chừng mực. Một sự nghiệp của tập thể nhất định phải có quan điểm của việc sáng lập, bạn là người quản lý, ắt hẳn bạn phải biết rõ và nắm vững quan điểm ấy, như vậy bất kể làm việc gì mới không tổn thất, không sai trật. Đặc biệt là phải cần có chừng mực, không thể thiên tả hoặc thiên hữu, luôn giữ chính đạo, hành sự trung dung, có như vậy mới không thể đi sai phương

hương.

4. Lãnh đạo quần chúng cần hòa hợp, có tình nghĩa. Thói quen xấu nhất của tâm lý con người là “đôi bên cùng chết, đổ kỵ hẹp hòi”, do đó, lãnh đạo và quản lý đại chúng cần hòa hợp và rộng lượng. Chỉ có hòa hợp mới có thể khoan dung đại độ, chỉ có hòa hợp mới có thể giao lưu qua lại. Không những hòa hợp mà còn phải có tình có nghĩa. “Giao hảo với người, cần có tình có nghĩa, mưu sự với người, cần có trung có tín.” Bạn đối đãi có tình có nghĩa, không những lãnh đạo mà người khác cũng muốn tiếp nhận bạn, muốn đi theo bạn.

“Vị tướng giỏi, không ý mạnh, không dựa thế, được thương cũng không vui, bị nhục cũng không sợ.” Bạn có tấm lòng khoan dung, có tinh thần bình đẳng, không ý thế, không ức hiếp, không cao ngạo, đối với thuộc hạ thì hay cất nhắc, hay khen ngợi, có tội cùng gánh vác, có công cùng chung hưởng, như vậy tự nhiên bạn sẽ được thuộc hạ ủng hộ.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Quản lý tốt nhất là tự quản lý chặt chẽ chính mình,

Quản lý xấu nhất là lời mình nói và việc mình làm bất nhất.



Sự thịnh vượng của nền kinh tế cần sự cộng hưởng của các xí nghiệp lớn nhỏ

Năm 2008, do nguy cơ tiền vay cầm cố thứ cấp của Mỹ đưa đến nguy cơ khủng hoảng tiền tệ cuốn hút toàn thế giới, người dân các nước không ai là không lo lắng trước tình hình này, cuộc sống của mọi người nhân đó cũng nảy sinh biến đổi. Kinh tế làm thay đổi thế giới, kinh tế làm thay đổi cuộc sống.

Lịch sử loài người là một bộ lịch sử về kinh tế, các nhu cầu hàng ngày như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, đi lại, giáo dục, vui chơi giải trí... không một thứ gì mà có thể tách rời kinh tế. Kinh tế và dân sinh gắn bó chặt chẽ với nhau, nếu một quốc gia không có nền kinh tế sung túc, nước giàu dân mạnh, thì nhân nghĩa đạo đức cũng khó được thi hành. Quản Trọng nói: “Kho đụn dồi dào thì biết lễ nghĩa, ăn mặc đủ thì biết vinh nhục.” Khổng Tử cũng nói: “Giàu có mới chuộng lễ nghĩa.”

Kinh tế làm thay đổi thế giới, kinh tế làm thay đổi cuộc sống! Ở những nơi kinh tế phồn vinh, văn hóa, đạo đức tất nhiên được đề cao; dốt nát, nghèo đói có thể tạo ra nhiều thứ tội ác. Do nguy cơ tiền tệ đưa đến sự suy thoái kinh tế, một số công ty, cửa hiệu phải đóng cửa nghỉ việc, nhiều người rảnh việc ngồi nhà, làm thế nào phục hưng kinh tế là việc cấp bách cần phải thực hiện. Nếu không, tình hình này cứ kéo dài như vậy, an ninh trật tự của xã hội tất nhiên càng thêm rối loạn, lòng người càng khó ngay thật, quốc gia cũng khó bình yên, ổn định.

Kinh tế đã sớm có xu thế toàn cầu hóa, thị trường chứng khoán New York lên xuống, nhất cử nhất động ở phố Wall, đều có ảnh hưởng trên toàn thế giới. Kinh tế như sóng triều lên lên xuống xuống, có nơi thì suy thoái, có nơi thì hưng vượng, hầu như có tính chu kỳ, hoàn toàn không có gì đáng lo; điều mọi người chú ý nhất hiện nay là một số xí nghiệp nhỏ dần dần bị các tập đoàn tài phiệt thôn tính, nền kinh tế hầu như đã bị lũng đoạn. Đối với những xí nghiệp lớn, tập đoàn lớn, chính quyền cần ràng buộc chế tài, nếu không thì những tập đoàn, những cá nhân quá giàu cũng là hiện tượng không tốt. Đối với các xí nghiệp cỡ nhỏ, cần dựa vào sự giúp đỡ của nhà nước và các xí nghiệp cỡ lớn, để họ có được một

không gian để phát triển. Tập đoàn lớn cùng với xí nghiệp nhỏ có thể nương tựa nhau, giúp đỡ nhau, có như vậy mới có thể khiến toàn dân đều có cơ hội phát triển, khiến tiền của lưu thông như dòng nước chảy, kế thừa và sáng tạo để cho toàn xã hội đều giàu có.

Nói về toàn xã hội đều giàu có, kinh tế, tiền của cần phải giống như một dòng nước chảy, nước có chảy mới không bị hôi thối. Tiền của cũng cần có sự lưu thông, tiền của của người nhà giàu cần tạo phúc cho người bình dân, sự cố gắng làm việc của người bình dân cũng có thể đổi lấy tiền của của người giàu có, người nghèo, người giàu cần cung ứng cho nhau. Những gì Phật giáo nói về bố thí, về hợp tác hoan hỷ, tức là cần làm cho tiền của đem biếu tặng lẫn nhau, nhưng tiền của không chỉ là sự trao đổi mua bán, mà cũng cần trở thành sự giao lưu tấm lòng yêu thương nhau giữa con người với con người.

Hy vọng trong xã hội có một số nhà giàu nhân cách cao thượng, để làm cho mọi người không chỉ biết tham lam, toàn dân không chỉ biết nhìn thấy đồng tiền, mà người người nên chú trọng đến đạo đức, sự hài hòa, tinh thần trách nhiệm, lòng bao dung, biết tôn trọng lẫn nhau; không đầu cơ trục lợi, không ăn hối lộ uốn cong pháp luật, không cậy thế kiếm lợi, không kinh doanh phi pháp, mọi người đều là công dân thành thật của nước nhà, có như vậy mới làm cho nền kinh tế quốc gia phồn vinh thật sự.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Đồ vật của thiên hạ, nên để cho thiên hạ dùng,

Tiền của của thiên hạ, nên trả về cho thiên hạ lấy.



Triết lý của người phụ tá

Nữ doanh nhân Đài Loan bà Trương Diêu Hoàng Ảnh từng nói: “Sở dĩ tôi có được thành tựu như ngày hôm nay là vì tôi đã khom lưng trước bao nhiêu người mới đạt được.” Đối với những lời nói từ đáy lòng của bà, tôi xem như là tri âm. Nhớ lại pháp sư Từ Hàng từng nói: “Nếu muốn người ta ghét bạn, bạn chỉ cần ưỡn ngực ngẩng cao đầu.” Ngạn ngữ phương Tây cũng nói: “Nhà chỉ cao có năm thước, muốn chứa được người cao sáu thước thì phải cúi thấp đầu xuống thôi!”

Người ta ai cũng thích làm người lãnh đạo, không thích làm người phụ tá, bởi vì người Trung Quốc có câu ngạn ngữ “Thà làm đầu gà chứ không chịu làm đuôi trâu”. Thực ra người phụ tá giống như một chiếc cầu, một bình dầu nhờn, trong một tập thể, nếu có được một nhân vật trung tâm như vậy thì bầu không khí nhất định sẽ hài hòa, chính lệnh cũng dễ thông tỏ để thực thi. Làm lãnh đạo cũng cần có người phụ tá, nếu không đủ điều kiện, gánh nặng sẽ không đảm đương nổi. Nhưng một phụ tá giỏi giang so với người chủ quản còn khó đảm trách hơn. Xin trình bày dưới đây bốn điểm của “triết lý người phụ tá”:

1. Cần giúp đỡ chủ quản lãnh đạo. Trong lãnh đạo, nếu chủ quản không toàn diện, có chỗ thiếu sót, người phụ tá cần giúp đỡ ông ta, trên dưới nhịp nhàng, làm cho tập thể ổn định. Ví như Khổng Minh Gia Cát Lượng trung thành phò tá Lưu Bị, Lưu Thiện luôn tận tụy, để lại tiếng khen muôn đời. Người ngoài trông vào, thấy công việc như vậy cho là rất vất vả, khó khăn, nhưng một phụ tá hiểu được lẽ kính trọng, hiểu được sự thành công không phải do tại mình, thì tự nhiên cam tâm tận nguyện đóng góp tất cả công sức của mình vào việc chung.

2. Cần giúp đỡ thuộc cấp lập công. Những người thuộc cấp đều mong muốn được dìu dắt, mong muốn có cơ hội thể hiện sự rèn luyện học tập của mình. Thân làm phó chủ quản thường gần gũi với thuộc cấp, tự nhiên hiểu rõ việc làm thế nào để khích lệ thuộc cấp, khiến họ tự nguyện chuyên tâm làm việc, đạt đến thành công. Bồi dưỡng người tài, thương yêu mọi người là hoài bão căn bản của người phó chủ quản trong sự quý trọng cất nhắc thuộc cấp, liên kết sức mạnh tập thể.

3. Cần thay người gánh vác sai trái. Bất kể làm việc trong một ngành nghề nào, khó tránh khỏi người có công, kẻ có tội. Làm người cần hiểu lẽ thành công không lãnh, thất bại không đùn. Trong một tập thể, nếu ai ai cũng tranh giành công tích, đùn đẩy sai trái, thì không thể hài hòa, không thể phát triển. Do đó, khi thuộc hạ có sai trái, làm người phụ tá cần thay thuộc hạ gánh vác một phần trách nhiệm; đôi lúc vì sự phát triển của đại cuộc và tương lai của tập thể, người làm phụ tá cũng cần vì người chủ quản mà gánh vác một số công việc để thể hiện mình có năng lực đảm đương.

4. Cần chia sẻ sự thụ hưởng công tích. Công lao hay chuyện vui của tập thể cần chia sẻ cho mọi người chung hưởng, bởi vì có mọi người mới có cá nhân. Có điều hay không nên tranh hơn, có điều ích lợi không nên độc chiếm, bất kể công lao nhiều ít, nhất định nên có quan điểm này: “Công lao ấy là thành tựu của mọi người, cần chia sẻ cho mọi người cùng hưởng, đem vinh quang về cho mọi người.” Một công ty, một tập thể có thể nhờ một vị phụ tá hay giỏi mà gặt hái được rất nhiều lợi ích.

Tính cách khiêm tốn, mục tiêu cao xa là phong thái phải có của một người lãnh đạo thời đại mới. Rất nhiều phiền não của con người đều vì không biết đến vai trò của người phụ tá, nếu hiểu được “triết lý của người phụ tá” thì sẽ biết mình có một không gian thoáng rộng khác. Đó cũng là nhu cầu xã hội hiện đại của chúng ta.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Đảm đương vai quản lý cấp cao có thể lãnh đạo quần chúng, cố nhiên là rất tốt;

Làm người phụ tá kết hợp thành công mọi người, cũng rất là vĩ đại.

Người anh cả có thể yêu quý em út, làm anh hai cần tôn trọng tiền bối.



Thứ hạng của người lãnh đạo

Có người hỏi một nhà doanh nghiệp nổi tiếng: “Bí quyết thành công trong sự nghiệp của ông là gì?” Nhà doanh nghiệp lấy một viên phấn vẽ lên bảng đen một cái vòng, nhưng chừa lại một chỗ khuyết, nói: “Các bạn hỏi tôi bí quyết thành công của sự nghiệp, đó là tôi không làm tất cả các việc, giống như vẽ cái vòng vậy, nhất định chừa lại một chỗ khuyết để cho các thuộc cấp của tôi lấp đầy.”

Xã hội hiện nay coi trọng sự sáng tạo của tập thể, sự thành công của một người siêu việt xét cho cùng cũng rất hữu hạn, tập hợp trí tuệ quần chúng có thể tạo nên thành quả to lớn. Cho nên, khi làm việc, tiếp xúc với người khác, cần tôn trọng và bao dung lẫn nhau, mọi việc cần lấy phương châm làm tốt nhiệm vụ làm tiền đề. Người lãnh đạo cần có tư tưởng “thành công không hẳn do tôi, vinh quang thuộc về tập thể”.

Lãnh đạo là một môn học, là một loại nghệ thuật, và cũng là một thứ công đức, người lãnh đạo phải vì

đại chúng mà mưu cầu phúc lợi, giảm bớt gánh nặng, vạch kế hoạch cho tương lai, đảm đương trách nhiệm. Triết học của lãnh đạo có hạng cao, hạng vừa, hạng kém, tức là xem năng lực của người lãnh đạo như thế nào. Người lãnh đạo đúng phương pháp thì thuộc cấp của ông ta như tấm gôi gió xuân, đoàn kết làm việc; nếu không thì xa tâm rời đức, hoặc cố ý gây rối, hoặc mong cho ông ta đi khuất mắt. Thứ tự của người lãnh đạo có những hạng bậc nào?

Lãnh đạo hạng dưới, cần làm hết khả năng của mình. Người lãnh đạo thuộc hạng dưới cố gắng thể hiện sở trường của mình, phát huy năng lực của mình, tất cả mọi việc đều tự mình làm lấy. Người lãnh đạo như vậy đúng là rất phi thường, rất tài năng, nhưng ông ta chỉ thể hiện chính mình, bỏ qua giá trị hợp tác của tập thể, không thể xem là sáng suốt, chỉ có thể xem là người lãnh đạo thuộc hạng dưới.

Lãnh đạo hạng giữa, cần dùng hết sức của người. Người thì dùng hết tài năng, vật thì khai thác hết công dụng. Nếu một người lãnh đạo, tấm lòng của ông rộng như biển cả, không chọn thô tinh, có thể dùng hết sức lực của người khác, nghĩa là thuộc hạ của mình có sức mạnh gì thì đều được ông cho phát huy ra hết. Đó là người lãnh đạo thuộc hạng giữa.

Lãnh đạo hạng trên, cần sử dụng hết trí tuệ của mình. Một người lãnh đạo hạng trên, ông ta không những biết làm cho sức mạnh của mỗi cá nhân đều được thi thố, mà còn khiến cho tài năng trí tuệ của mọi người đều được phát triển, nhà nhà tranh tiếng, hoa hoa tranh nở. Đó là người lãnh đạo thuộc hạng trên.

Lãnh đạo hạng cao, cần sử dụng hết cái sở trường của mọi người. Người lãnh đạo ở tầng thứ cao hơn có thể sử dụng “hết cái sở hữu của mọi người”, khiến cho những người làm việc với ông ta không cá nhân nào là không cống hiến năng lực của mình, không cá nhân nào là không đem trí tuệ của mình ra để phục vụ, thậm chí không một cá nhân nào là không đem tất cả tâm tình của mình ra để cống hiến, như nhà Phật thường nói: “Sắc thân quy về thường trú, cuộc sống trao cho long thiên”, mọi người chung kế sách chung sức lực, đồng lòng thành tâm, đôi bên đều toàn tâm toàn ý chung sức, chung lòng, khi bắt tay vào việc sẽ đỡ tốn công sức, việc chóng thành tựu. “Dùng hết cái sở hữu của mọi người”, đó chính là người lãnh đạo ở hạng tối cao vậy.

Sách “Tuân Tử” viết: “Miệng nói, thân làm, đó là của quý của quốc gia, miệng không nói mà thân làm, đó là tài năng của quốc gia, miệng nói mà thân không làm, đó là cái dụng của quốc gia. Miệng nói lời lành mà thân làm điều ác, đó là yêu nghiệt của quốc gia. Người trị nước kính của quý, yêu tài năng, tin cái dụng, trừ yêu nghiệt.”

Lời trích từ sách “Thái căn dàm”

Nguyên tắc quản lý sáng suốt nhất là làm cho tập thể luôn hiểu biết lẫn nhau, là khiến cho họ tạo thành một khối;

Phương thức quản lý tốt đẹp nhất là trao quyền thay vì can thiệp, là lấy tâm mình để thể tất lòng người.



Bạn rộng là liều thuốc bổ cho cuộc sống

Một người nếu sợ làm việc, lười nhác, thì làm sao có thể thành công được? Con người khởi tâm phiền

não, bất an đều do không biết cố gắng làm việc, học tập, thời gian rảnh rỗi quá nhiều, cho nên bận rộn là liều thuốc bồi bổ cho cuộc sống.

Bận rộn là hình thái sinh hoạt của rất nhiều người, có điều công việc mà mỗi người bận rộn thì không giống nhau. Có người bận rộn việc nước, có người bận rộn việc xã hội, có người bận rộn việc gia đình, có người bận rộn việc cá nhân.

Bận rộn là một sinh hoạt không thể thiếu của toàn nhân loại. Người không phải bận rộn, trừ phi người ấy dùng tiền thay mình làm việc. Người hai tay buông xuôi, hai chân duỗi thẳng, sắp làm bạn với thần chết mới không bận rộn.

Bận rộn cũng có những thứ bậc không giống nhau:

1. Bận rộn mà thần thái an nhàn. Cùng là bận rộn, nhưng có người bận đến rói cả lên, bận đến khổ sở; người có trí tuệ làm việc theo trình tự, bận mà thần thái có vẻ an nhàn. Điều gọi là “người bận, tâm không bận”, tức là có người thì biết giao công việc, có người thì biết giao quyền, có người thì biết phân công, có người thì biết chỉ huy. Rất nhiều công việc phức tạp, qua tay của những người tài giỏi thì có thể biến phức tạp thành đơn giản, đưa ra cái chính, nắm điều quan trọng, nhờ vậy, sự việc tuy nhiều nhưng không có cảm giác bận rộn. Do đó, người hiểu được trong bận có nhàn, thì dù có bận rộn hơn cũng vẫn có những giây phút rảnh rỗi, chứ không đến nỗi bận đến độ chán ghét cuộc sống, chán ghét công việc, mà trái lại, anh ta yêu thích bận rộn, từ trong bận rộn mới cảm thấy cuộc sống đầy đủ, dồi dào. Bận rộn như vậy, con người sống có ý nghĩa.

2. Bận rộn mà tính khí xốc nổi. Có người không hiểu sự bận rộn, làm việc không có thứ tự trước sau, bận tíu tít một hơi, bận đến độ tâm tính trở nên bộp chộp, nóng vội. Chúng ta nhìn con ruồi, con muỗi bay vào cửa kính. Chúng loay hoay tìm đường ra, tông mạnh vào tấm kính mà không biết cạnh đó có một khe hở có thể chui ra. Chúng ta lại nhìn một đàn kiến, chúng bận rộn chạy lui chạy tới, nhưng chúng được phân công, có con báo hiệu, có con chỉ huy, tuy bận mà có trật tự. Có người nhắm mắt tông mạnh như con ruồi con muỗi, miệng luôn kêu bận, nhưng giải quyết công việc một cách lộn xộn. Chúng ta nên biết chia công việc theo thứ tự ưu tiên, để thực hiện, mới không dẫn đến sự bận rộn khiến cho tâm khí trở nên xốc nổi nôn nóng.

3. Bận rộn mà vui vẻ. Bận rộn là ý nghĩa của cuộc đời, là động lực của sự sống, con người bận rộn là con người đáng tự hào. Bạn xem, có nhà buôn phát tài nào mà không bận rộn? Những quan chức, lãnh đạo sao có thể không bận rộn? Bận rộn đem lại sự đầy đủ cho cuộc sống, ý nghĩa cho con người, thành tựu cho sự nghiệp, tăng trưởng cho tiền tài. Con người cần phải bận rộn, nhưng bận rộn trong vui vẻ, hưng phấn. Nếu một người không chịu bận rộn, tức là biểu hiện cuộc sống của người đó không còn ánh sáng nữa. Bận rộn là có ích, không bận rộn thì trở thành vô dụng; người vô dụng thì ai có thể sống cùng với anh ta? Cho nên, con người cần bận rộn một cách vui vẻ, vì cuộc sống sung túc mà bận rộn.

4. Bận rộn mà không tự nguyện. Có người bận rộn mà trong lòng không cam chịu, đó là con người khổ nhất. Người không cam chịu bận rộn, tất nhiên sẽ không vui vẻ gì trong sự bận rộn ấy, sẽ không nhận ra nơi gửi gắm thân tâm của mình là sự bận rộn. Vậy không bận rộn thì làm gì? Đương nhiên có người nói: “Vì ai làm cho ai phải bận?” Bởi vì anh ta không hiểu con người vì sao phải bận rộn, nên không chịu giúp đỡ mọi người. Thực ra, ở đời không ai ăn không ngồi rồi, bạn giúp đỡ mọi người cũng là giúp đỡ chính mình. Người không tự nguyện bận rộn cần phải thay đổi quan niệm: tất cả sự bận rộn

cho mọi người cũng đều có ích cho chính mình, ví như có thể thăng quan, lên cấp, được thưởng... Nếu bạn nghĩ đến tất cả sự bận rộn và tương lai của mình đều có liên quan với nhau, đều có sự trợ giúp, thì sẽ hiểu được bận rộn là một loại dinh dưỡng, là sức mạnh, là thành tựu, lúc ấy bạn có thể hỏi lại: “Con người tại sao lại không chịu bận rộn nhỉ?”

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Bận rộn mới có thể thúc đẩy sự mạnh mẽ của tâm hồn,

Bận rộn mới có thể bồi dưỡng nhân duyên của chính mình,

Bận rộn mới có thể phát huy sức mạnh của cuộc đời,

Bận rộn mới có thể nâng cao giá trị của con người.



Sống chung với cấp dưới

Có hai anh em đi xa. Trên đường đi, hai anh em ai nấy tự xách túi hành lý của mình, thỉnh thoảng đổi tay. Về sau, người anh thấy bên đường người ta có bán đòn gánh, bèn mua một cái rồi đem hành lý móc vào hai đầu đòn gánh và gánh đi, trông rất nhẹ nhàng.

Một công tác đoàn đội có tạo ra được thành tích tốt nhất hay không, vai trò người lãnh đạo luôn là then chốt. Quan niệm trước đây đều cho rằng cấp dưới muốn được lãnh đạo tán đồng không phải là chuyện dễ. Hiện nay, do ý thức cá nhân phát triển, đối mặt với nhân loại mới tư duy mới, nên công việc lãnh đạo thường không dễ dàng. Đôi lúc chỉ cần điều chỉnh phương thức lãnh đạo là có thể có lợi cho sự hòa hợp với cấp dưới, lại có thể phát huy năng lực của đoàn thể một cách hữu hiệu.

1. Lấy quan tâm thay cho can thiệp. Quan tâm cấp dưới là thể hiện sự yêu quý, bảo vệ họ. Nhưng có một số người đứng đầu vì trải nghiệm quá phong phú nên đem kinh nghiệm của mình can dự vào công việc của cấp dưới, làm cho hai bên đều không vui vẻ. Do đó, người đứng đầu nên là người cố vấn với một mức độ vừa phải phù hợp với nguyên tắc chỉ huy, lấy quan tâm thay cho can thiệp, để cho cấp dưới khoảng không gian phát triển, nhằm phát huy ưu điểm nổi bật của cá nhân.

2. Lấy phục vụ thay cho đòi hỏi. Vai trò của người đứng đầu là vạch kế hoạch tổng quát, quyết định sách lược, cung cấp phục vụ. Có một số vị lãnh đạo năng lực nhiều, tính khí mạnh, làm việc vượt thời gian, vượt chất lượng, yêu cầu nghiêm khắc, khiến cho cấp dưới không kham nổi gánh nặng. Một tập thể dựa vào vị lãnh đạo độc chiếm toàn cục có thể đem lại thành công, nhưng cũng cần có vị quản lý tập thể tốt giỏi mới có thể tiếp tục kinh doanh lâu dài. Do đó việc đòi hỏi người khác quá nhiều, quá cao, khiến họ làm không nổi, sẽ ảnh hưởng đến tinh thần làm việc, vậy chi bằng lấy phục vụ thay cho yêu cầu lại có thể dễ dàng phát huy tiềm năng của cấp dưới.

3. Lấy hợp tác thay cho mệnh lệnh. Quản lý không phải chỉ ngồi trên cao đưa ra mệnh lệnh, vì mệnh lệnh quá nhiều chưa hẳn được mọi người vui vẻ tiếp nhận. Phật giáo có câu: “Cùng làm việc với nhau”, chi bằng bạn hợp tác cùng với họ, làm việc cùng với họ, bước đi nhịp nhàng, lấy hiệp lực bàn bạc thay cho mệnh lệnh, khiến cho mọi người đôi bên trao đổi hiểu biết lẫn nhau, phát huy sáng tạo tập thể, tinh thần cùng chung sống, mới là phương cách quản lý cao nhất.

4. Lấy kích lệ thay cho trách móc. Người lãnh đạo mà giận dữ sẽ khiến mọi việc là sắt không thể thành thép. Nhưng cũng nên nghĩ rằng mỗi người đều có căn tính và nhân duyên không giống nhau. Kinh nghiệm của cấp dưới không đầy đủ sẽ khó tránh khỏi sai lầm và thiếu sót, nên việc tranh cãi, phàn nàn, trách mắng không bằng nỗ lực hiểu rõ khó khăn, thiếu sót của họ. Trong Thiền môn, thiền sư Bàn Khuê lấy từ bi, tình thương làm động lòng tên đầu trộm đuôi cướp giúp hắn thay đổi tật xấu, thiền sư Tiên Nhai dùng phương thức nói thẳng thắn chân thành đã cảm hóa chú tiểu bướng bỉnh. Vì đối phương, cần giữ lại một phần thể diện, cho họ sự chỉ dẫn thiết thực và sự khích lệ thích đáng, tin tưởng. Như vậy cấp dưới chắc chắn sẽ vui vẻ thành phục, chuyên tâm cải tiến.

5. Nói chuyện đạo lý không nên quá sâu sắc mà chỉ nên ngắn gọn rõ ràng. Đôi lúc người cấp trên nói chuyện đạo lý với cấp dưới nhưng quá sâu sắc, quá cao siêu, sẽ khó nhận biết tiếp thu, như vậy cũng bằng vô dụng. Do đó, điều quan trọng nhất là nói ngắn gọn, rõ ràng, người nghe sẽ dễ hiểu, dễ chấp hành.

6. Ra lệnh không nên phức tạp mà nên đơn giản. Lời nói là cây cầu giao lưu trao đổi giữa người với người. Đối với cấp dưới của mình, khi công bố mệnh lệnh, đương nhiên không thể sáng ra lệnh chiều thay đổi, nhưng cũng không nên quá tunc mủn. Bạn cần nắm vững nguyên tắc ngắn gọn để cấp dưới dễ dàng thực hiện, dễ dàng tạo ra một sự hiểu biết chung.

7. Dạy người không nên nghiêm khắc mà nên hiền từ. Gia Cát Lượng nói: “Vị tướng giỏi, thì cái cương của ông không thể bẻ gãy, cái nhu của ông không thể uốn cong, cho nên lấy yếu chế mạnh, lấy nhu chế cương, thuận nhu thuận nhược thì còn, thuận cương thuận cường thì mất; không nhu không cương hợp với đạo thường.” Khi chỉ bảo cấp dưới, không nên quá nghiêm khắc, mà nên có tâm từ bi, tạo cho họ phương tiện để dễ dàng thực hiện. Nói năng không làm tổn thương họ, làm việc không quấy rầy họ, nhất định họ sẽ vui vẻ tiếp nhận. Hiện nay nhiều cấp trên hạch sách cấp dưới, nói năng khắc bạc với nhân viên, đó là những người không sáng suốt. Cần để cho cấp dưới có một khoảng không gian phát triển, cam tâm tự nguyện, đôi bên mới dễ hợp tác.

8. Đối xử với người không nên hà khắc mà nên khoan dung. Nếu bạn là một lãnh đạo khoan hậu thì cấp dưới chắc chắn phục tùng và tôn trọng bạn. Nhưng nếu bạn quá hà khắc, thường làm khó dễ họ, gây phiền phức cho họ, tăng thêm khó khăn cho họ, tăng thêm khối lượng công việc cho họ, kéo dài thời gian làm việc của họ, có những đòi hỏi thái quá, họ sẽ không vâng theo bạn, thậm chí họ còn lười nhác, bỏ việc, như vậy không có ích lợi gì cả. Nếu không thông cảm cấp dưới thì sớm muộn gì cũng thất bại.

Muốn trở thành một người quản lý ưu tú, có đủ bản lĩnh thử thách, cần vạch chiến lược lâu dài và biết tư vấn tâm lý, phối hợp trao đổi nhịp nhàng, quan hệ tốt giữa người với người... Nhưng bí quyết tuyệt diệu nhất là trước tiên phải quản lý thật tốt cái tâm của mình, tức là quản lý cái tâm của mình bằng cả lòng từ bi dịu dàng, người với ta là một, việc sống chung với cấp dưới chắc chắn sẽ suôn sẻ.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Là kẻ thuộc hạ nên như đất, khiêm tốn thấp bé,

Là người chủ quản, nên như biển, không kén thô chọn tinh;

Với bạn bè giao hảo nên như rừng, chắt chứa mọi thứ,

Với mọi người chung sống nên như nước, co duỗi tự nhiên.



TIỀN ĐƯỢC SỬ DỤNG MỚI LÀ TIỀN CỦA MÌNH

Một phần dành cho mình ăn uống,

Hai phần để kinh doanh lập nghiệp;

Phần dư ra cất giữ để giúp đỡ kẻ nghèo khó.

(Kinh Tạng A Hàm)

Tiền của bất nghĩa

Theo như truyền thuyết, thiên đường và địa ngục chỉ cách nhau có mỗi bức tường. Một hôm, cơn bão lớn đã xô sập bức tường ấy, Ngọc Hoàng thượng đế ở thiên đường và Diêm La vương ở địa ngục vô cùng lo lắng. Hai bên thương lượng và quyết định mỗi bên cử ba đại biểu gồm một nhà ngân hàng (vì muốn xây tường cần phải có tài chính), một kiến trúc sư (vì xây tường là một loại công trình, ắt phải do chuyên gia phụ trách), một luật sư (vì sau khi xây bức tường xong, cần nghiên cứu quyền sở hữu của mỗi bên). Diêm La vương nhanh chóng cử ra ba vị đại biểu, còn Ngọc Hoàng thượng đế sau một hồi vẫn không tìm được đại biểu để cử đi, Ngài bèn xin lỗi: “Ở thiên đường chúng tôi tìm lui tìm tới vẫn không có ba loại người tài ấy. Vì nhà ngân hàng là chuyên gia bóc lột tiền bạc của mọi người, họ không thể sống ở thiên đường; kiến trúc sư thì khai trộm công, lấy bớt vật liệu, có quá nhiều tội lỗi cũng không thể sống ở thiên đường; luật sư chuyên môn xúc xiểm chia rẽ, chỉ lo sợ thiên hạ không rối loạn, nên họ không thể sống tại thiên đường.”

Trên đây chỉ là một chuyện cười, trong số những nhà ngân hàng, những kiến trúc sư, những luật sư cũng có rất nhiều người là nhà từ thiện. Trong những ngành nghề khác, cũng có những người có hành vi tề tậu, khinh lừa dối chiếm dụng tiền của phi pháp.

Tiền của phi pháp là gì? Đó là loại tiền không được nhà Phật thừa nhận như nhà chứa bài bạc, quán rượu, lò giết mổ, vùng săn bắt... Theo pháp luật nhà nước thì cho phép có những doanh nghiệp như thế khai thác kiếm lời, nhưng đứng trên quan niệm từ bi cứu thế của Phật pháp thì những doanh nghiệp ấy đều không thể có được. Ngoài ra có những loại tiền của, Phật pháp cho là được, nhưng pháp luật nhà nước cho là không được.

Dùng hình thức phi pháp để kiếm tiền làm giàu có 10 loại chúng ta không thể chấp nhận.

1. Trộm cắp tiền của. Như kẻ cắp vặt, tiện tay lấy của, hoặc nhặt được của rơi mà không trả lại. Phạm vật có chủ, không được người chủ vật đó đồng ý mà lấy làm của mình thì đều gọi là trộm cắp đồ vật người khác, đó là tiền của bất hợp pháp.
2. Tham ô phạm pháp. Những thu nhập do tham ô phạm pháp là tiền của bất hợp pháp như buôn lậu, hối lộ, trốn thuế... các loại thu nhập do tham ô phạm pháp là tiền của phi pháp.
3. Trốn nợ. Như tội phạm kinh tế, vỡ nợ cấp tính, bỏ chạy để tránh trách nhiệm, khai khống phiếu chi vi phạm cách thu chi, những hành vi ấy là phi pháp.

4. Nuốt không đồ ký gởi. Tiền của người khác đem ký gởi tại nhà mình mà mình không trả lại là điều phi pháp. Ở chùa Phật Quang có một cô nhi viện, một người cha đã lớn tuổi đem đứa con nhỏ gởi nhờ chúng tôi nuôi dưỡng. Ông ấy ủy thác gia sản của mình cho một người bạn: “Đợi khi đứa con của tôi khôn lớn, nhờ anh giao lại cho nó”, nhưng sau khi ông ấy qua đời, người bạn nuốt gọn số tài sản ấy. Đến khi đứa con trưởng thành, đòi thế nào người bạn kia cũng không chịu trả.
5. Lừa dối chiếm phần hơn. Nhiều người cùng hợp tác buôn bán, đáng lẽ đem lợi nhuận thu được chia đều cho mọi người, thì có người lại chiếm phần lớn về cho mình, còn phần nhỏ mới đem chia cho mọi người. Như anh em chị em chia gia tài, đáng lẽ nên chia đều cho các thành viên trong gia đình, nhưng có người lại ích kỷ, chỉ muốn mình phần nhiều, còn anh em chị em khác phần ít.
6. Nhân tiện chiếm lấy. Như giả làm việc công để mưu lợi riêng, lạm công quỹ, lại có trường hợp báo cáo giả tiền lộ phí đi công tác, mua sắm vật phẩm đòi nhà buôn khấu trừ tiền hoa hồng, đó đều là phi pháp.
7. Cây thế làm tiền. Tiền của kiếm được do dựa vào thế lực của mình là tiền của phi pháp. Như một số công chức bất hảo, có người mới đến công sở làm việc thì cố ý gây phiền hà, hạch sách họ, ép buộc người ta đưa phong bì mới chịu để cho họ làm việc, đó gọi là cây thế làm tiền. Còn có nhiều người đi dọa, đục khoét, tống tiền, đó cũng là cây thế làm tiền.
8. Kinh doanh phi pháp. Việc tư doanh thuốc lá bia rượu hiện nay, buôn bán thuốc phiện, thuốc lắc, thuốc trắng dương, kinh doanh xưởng thuốc dưới lòng đất... đều là kinh doanh phi pháp.
9. Lừa bịp đầu cơ. Nói lời đường mật, lừa bịp cuỗm tiền, những lợi ích kiếm được ấy làm thương luân bại lý.
10. Cờ bạc và quan hệ bất chính đều là nhân duyên ác, tạo ra nghiệp chướng.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

*Vàng không phải là rắn độc, đồng tiền trong sạch tạo ra thức ăn cho thầy tăng, đạo sĩ,
Tiền bạc bên ngoài tất nhiên cũng tốt, nhưng tiền bạc bên trong càng vi diệu hơn,
Làm tiền cần phải có lương tâm, không lấy tiền của không phải của mình.*



Phương cách làm ra tiền

Đừng muốn nhanh, đừng thấy lợi nhỏ; vì muốn nhanh thì không đạt, vì thấy lợi nhỏ thì việc lớn không thành.

(Luận ngữ)

Tiền của là điều mà mỗi người đều mong muốn, nhưng người quân tử kiếm tiền luôn có đạo lý. Theo quan điểm của Phật giáo, tôi xin đưa ra sáu điểm, trong đó ba điểm trước là phương pháp kiếm tiền nói chung của thế gian, ba điểm sau là phương pháp kiếm tiền theo quan điểm của Phật giáo.

1. Lao động. “Vàng theo con nước chảy đến, bạn cũng nên sớm vớt nó lên.” Cho nên tiền của đều rơi

vào tay của những người có làm việc. Có câu chuyện đời xưa lưu truyền khá phổ biến: Người cha trước khi chết, gọi con cái lại nói: Đất dưới dàn nho, cha có chôn nhiều vàng. Thế là con cái ngày ngày đến đào đất dưới dàn nho để tìm vàng, tuy nhiên vàng chẳng tìm thấy, nhưng do đất tơi xốp, những cây nho trên dàn kết đầy những chùm trái ngọt. Đó là kết quả của lao động.

2. Tiết kiệm. Tiết kiệm giúp tích góp tiền của. Tiết kiệm cũng không phải chỉ nói đến tiết kiệm tiền bạc mà bao gồm cả việc quý tiếc thời gian. Bạn tiết kiệm thời gian vì thời gian cũng là tiền bạc; không nên lạm dụng tình cảm, cần biết tiết kiệm tình cảm và vật dụng dùng trong sinh hoạt. Nói chung, phước báu của con người là hữu hạn, cũng như tiền gửi ở ngân hàng dù có nhiều đến mấy cuối cùng có lúc cũng dùng hết, nhưng phải lưu lại một ít để có lúc cần dùng đến.

3. Khoan dung nhân hậu. Nói năng nhân hậu có thể thu hoạch tiền của, có tấm lòng khoan hậu đối với người có thể sẽ đem lại rất nhiều phương tiện, mà phương tiện tức là tiền của. Điều đó gọi là ăn ở có lòng nhân hậu có thể đạt được phú quý. “Khoan hậu với người, nghiêm khắc với mình”, đó chẳng những là phương cách làm người của người xưa mà còn là phương cách phát tài của Phật giáo.

4. Lòng tin. “Ở nơi lòng tin có một bảo tàng vô tận”. Bạn có lòng tin, tiền của sẽ có tại trong tâm của bạn. Không những đối với tín ngưỡng tôn giáo cần có lòng tin, mà đối với sự nghiệp, đối với đạo đức cũng cần có lòng tin. Đối với bất cứ việc từ thiện nào, dù có bị oan ức cũng không được để mất lòng tin.

5. Kết duyên. Kết giao thiện duyên là phương pháp phát tài tốt nhất. Bạn cùng tôi trao đổi mấy câu, tức là kết giao duyên lành bằng lời nói, gật đầu mỉm cười cũng có thể gọi là kết duyên với người khác; bạn không biết đường, tôi dẫn bạn đi, tức tôi đang kết duyên cùng bạn; gặp chuyện khó khăn, tôi đến giúp bạn một tay, cũng gọi là kết duyên. Ở trên đời cần có duyên mới có thể tồn tại. Có người làm việc thuận lợi là vì người ấy kết giao rất nhiều duyên lành. Mọi vật trong vũ trụ sở dĩ tồn tại là nhờ sự tồn tại của nhân duyên. Chúng ta muốn phát tài, muốn tồn tại, thì việc kết duyên là vô cùng quan trọng.

6. Bố thí. Có lẽ bạn có thể thắc mắc, bố thí hẳn nhiên là đem cho người khác, đem cho người khác sao gọi là phát tài? Thực ra, chúng ta cũng nên biết rằng bố thí ví như gieo hạt giống vậy, bạn không bố thí làm sao có thể có thu hoạch? Phật giáo bảo cho chúng ta biết chúng ta làm công đức cũng giống như làm ruộng, phước điền chia làm bi điền và kính điền. Lấy tâm từ bi cứu giúp người nghèo khổ gọi là “bi điền”; đối với thầy giáo, cha mẹ, quốc gia, tận trung tận hiếu, gọi là “kính điền”. Gieo cây trong bi điền, kính điền đều có thể thu hoạch thành quả. Phật giáo còn nói đến “bảy vị thánh tài”, tức tín ngưỡng, tinh tấn, giữ giới, nghe pháp, hoan hỷ, trí tuệ, tâm quý (xấu hổ), đó là tiền của của bảy vị thánh.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người hiền mà có tiền thì giảm tôn chỉ khí,

Tốt nhất sau khi có tiền càng trở nên hiền tài;

Kẻ ngu mà có tiền thì làm tăng tội lỗi,

Tốt nhất là sau khi có tiền có thể trừ được sự ngu si.



Giàu nghèo sang hèn

Người giàu có nhất Đài Loan là Quách Đài Minh, khi nhận trả lời phỏng vấn của đài truyền hình, đã nói rằng vì cha ông là một công chức, nên từ nhỏ đã được cha dạy lối sống “an bản lạc đạo“, nên tuy mình đã là một nhà đại tư sản nhưng điều thích thú nhất là được ăn một bát mì do chính tay mẹ nấu. Ông còn nói cảm giác ngồi trên chiếc ghế mây cũ kỹ còn thỏa mãn hơn so với người khác ngồi trên chiếc ghế sô-pha cao cấp.

Chúng ta sống trên đời ắt phải có một số lương thực thực phẩm. Thế gian có câu: “Mở cửa ra là cần có bảy thứ, đó là củi, gạo, dầu, muối, tương, giấm, trà”, tức là điều kiện tối thiểu cần phải có cho cuộc sống hàng ngày. Đáng tiếc là người ta đã nhầm khi coi vật chất là mục tiêu của cuộc sống, từ đó nảy sinh ra sự khác biệt giữa giàu và nghèo. Người ta có câu “Nghèo giữa chợ đông không ai hỏi, giàu tại rừng sâu có khách tìm” (Bần cư náo thị vô nhân vấn, phú tại thâm sơn hữu khách tầm), “Một bữa tiệc người giàu, nửa năm lương người khó” (Phú gia nhất tửu tịch, cùng hán bán niên lương), “Thà chịu khổ lúc trẻ, không chịu cực khi già” (Ninh ngật thiếu niên khổ, bất thụ lão lai bần), “Có tiền có thể sai quý đầy cõi xay, không tiền khó thu phục kẻ anh hùng” (Hữu tiền năng sử quý suy ma, vô tiền nan đảo anh hùng hán). Đó đều là những lời cảm thán sâu sắc từ trong dân gian. Nhưng giàu nghèo có nguồn gốc nhân quả của nó. Sau đây xin đưa ra bốn điểm liên quan đến việc giàu nghèo:

Thứ nhất, giàu có do biết đủ (tri túc). Người biết đủ là người giàu nhất, như Nhan Hồi, “một nắm cơm, một bầu nước, trong ngõ hẹp, người khác không chịu nổi sự kham khổ ấy, nhưng Nhan Hồi vẫn không thay đổi niềm vui của ông ta.” Đó chính là sự mẫu mực về triết lý an bản lạc đạo. Người ta có rồi muốn có nhiều hơn nữa, thì sự nghèo nàn về mặt tinh thần lại càng đáng thương thay! Cho nên, sự giàu có của con người không phải nhìn trên con số nhiều hay ít, mà nhìn trên sự tri túc của người ấy.

Thứ hai, quý trọng do khiêm tốn. Lão Tử nói: “Người thiện cực cao thì như nước, nước giỏi làm lợi cho vạn vật mà không tranh với ai.” Do nước có tính khiêm cung, luôn chảy xuống chỗ thấp, nên mọi vật trên đời đều được nuôi dưỡng bằng nguồn nước âm thầm chảy đến. Sông băng trên nóc nhà thế giới Himalaya là nơi chứa nước cho bảy con sông lớn như sông Hằng, sông Ấn, sông Yaluzangbu, sông Ngô Giang, sông Trường Giang, sông Hoàng Hà, sông Mêkông, cung cấp nguồn nước cho hàng triệu triệu người dân thuộc các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Népal, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam. Sự cao quý của băng tuyết trên đỉnh núi khớp với dòng nước đến từ sự khiêm tốn thấp thỏi. Người quân tử có đức được tôn quý chính là do từ sự khiêm cung, không tự cho mình là cao quý.

Thứ ba, nghèo khó do bủn xỉn. Thế nào là một người nghèo khó đích thực? Sự tham lam không cùng là một thứ nghèo nàn của tâm hồn. Cõi tâm của con người không phải là nơi dùng để nuôi dưỡng dục vọng, mà là nơi nuôi dưỡng tuệ mệnh Bồ đề để viên mãn cuộc đời. Thực ra, dù con người sinh ra như thế nào, thì tiền của trong thế gian vũ trụ này mỗi người đều có một phần, cho nên có điều gọi là “một ngọn cỏ, một giọt sương”. Nhưng muốn có tiền của, trước tiên phải buông lỏng bàn tay. Nếu bạn trước sau cứ nắm chặt vật cũ trong tay, thì làm sao có thể đón nhận điều mới mẻ? Muốn viên mãn cuộc đời, trước tiên phải có ý thức “chung sống với đồng loại”, phải “hỷ xả”, mới là giàu có chân chính.

Thứ tư, thấp kém do ngạo mạn. Ngạo mạn tức là tự cao, tự đại, tức là lấy sở trường của mình để làm nhục sở đoản của người. Kinh Phật nói: “Nếu ngạo mạn nảy sinh thì sẽ nuôi dưỡng tất cả các pháp tạp nhiễm. Tâm không khiêm tốn, do đó sinh ra luân hồi sinh tử, chịu khổ đau vô cùng.” Phạm phu không biết kiếp trước, nên thường kiêu ngạo, vì kiêu ngạo nên không sợ làm điều ác chịu quả báo, lại không

chịu hồi cải, và cũng không siêng năng chăm chỉ tu hành vạn thiện.

Cho nên, sự giàu có của con người là tri túc, cái đáng quý của con người là đức khiêm cung, sự bần cùng của con người là không biết buông bỏ, sự ti tiện của con người là do tự cao, ngạo mạn.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Khi làm việc không phân chia sang hèn,

Khi phục vụ không phân biệt cao thấp,

Khi học tập không phân chia già trẻ,

Khi tu hành không giới hạn thánh phàm.



Đồng tiền được sử dụng đúng mục đích mới là đồng tiền của mình

Tôi phụ trách biên tập tờ “Nhân sinh tạp chí” trong suốt sáu năm. Nhớ có một lần, người phát hành là pháp sư Đông Sơ nói: “Đồng tiền được sử dụng đúng mục đích mới là đồng tiền của mình!” Câu nói ấy khiến tôi ghi nhớ suốt đời.

Tôi lớn lên trong sự nghèo khó từ nhỏ, vì không có tiền nên đã thành ra có thói quen không mua sắm dẫn đến không có thói quen tích lũy. Đối với cuộc đời tôi, lối sống ấy đã giúp tôi rất nhiều. Tiền của là thuộc năm nhà cùng chia nhau, gặp lụt lội, hỏa hoạn, tham quan ô lại, trộm cướp và con cái bất hiếu, thì tiền của chốc lát thành không. Có tiền là một phước báu, nhưng biết dùng tiền mới là trí huệ.

Năm 1951, tôi làm chủ nhiệm giáo vụ tại hội giảng dạy nghiên cứu Phật giáo Đài Loan, tỉnh hội Phật giáo Đài Loan trả lương cho tôi mỗi tháng 50 đồng. Đối với người bình thường, đó là số tiền không lớn lắm, nhưng vì từ nhỏ, tôi lớn lên trong chốn rừng rậm, thì 50 đồng đối với tôi là quá nhiều. Mỗi tháng tôi dùng số tiền ấy mua thêm thiết bị giảng dạy cho các lớp học của nhà trường, mua giấy bút đồ dùng cho các học sinh nghèo, mắt thấy lớp lớp học trò trưởng thành tại ngôi trường Phật học này được các cơ sở giáo dục trọng dụng, trong lòng cảm thấy vô cùng vui vẻ và yên tâm. Đó chẳng phải là một thứ tiền của quý báu sao?

Qua hai năm sau, tôi đến hội Nghi Lan Niệm Phật, mỗi tháng được cúng dường 300 đồng, tôi có cảm giác như mình đang là người rất giàu! Lúc đó, đeo thánh giá đang là một rất thịnh hành, tôi trích ra 150 đồng mua bạc làm thành dây chuyền chữ “Vạn”, và liên hệ trước với thanh niên Phật tử đến chùa nghe kinh giảng pháp muốn họ đeo dây chuyền ấy lên cổ giúp họ cảm thấy tự hào. 150 đồng còn lại, tôi đặt mua 100 tờ báo “Nhân sinh tạp chí” để cho các thiện nam tín nữ đọc. Về sau, những thanh niên theo tôi học Phật càng ngày càng nhiều, những tín đồ đọc “Nhân sinh tạp chí” theo tôi đi khắp nơi để truyền giáo, tôi càng hiểu rõ thêm câu nói “Đồng tiền được sử dụng đúng mục đích mới là đồng tiền của mình!”

Năm 1956, tôi đã bỏ cơ hội đi học tiến sĩ tại đại học Đại Chính ở Nhật Bản, tôi đem số tiền đáng lẽ đã tiêu ấy tiết kiệm lại, về sau dành cho các học sinh Từ Trang, Từ Huệ, Từ Dung, Từ Gia, Từ Di đi du học ở Nhật Bản. Năm ấy kinh tế đang hồi suy kiệt nhất, nhiều người cười tôi là một kẻ điên rồ không biết gì về chuyện tiền bạc. Kết quả, sau khi học thành tài về nước, họ đều dùng sở học ấy cống hiến,

phụng sự nhà Phật. Mười mấy năm qua, tôi không ngừng tài trợ cho những Phật tử trẻ tuổi đi học cầu tiến, thậm chí kể cả ra nước ngoài học tập, hiện nay lần lượt họ trở thành những thành viên kiên định của chùa Phật Quang.

Năm nay, tôi thường đi lại Cao Hùng và Đài Bắc, giữa đường, ăn bữa trưa tại Chương Hóa, trong quán ăn nhỏ, mỗi tô mì chay Dương Xuân là một đồng năm hào, tôi trả thành năm đồng. Mọi người đều lấy làm lạ, tôi lại cảm thấy đó là điều đương nhiên. Bởi vì lúc ấy sự nghiệp Phật giáo hoàn toàn chưa phổ biến, mình là Phật tử, tôi chỉ muốn dùng hết phần sức lực nhỏ bé của mình, những mong “ném hòn ngói lồi dẫn viên ngọc”, tức ý tôi muốn cổ vũ những thương nhân có nhiều liên quan đến sự nghiệp Phật giáo. Mỗi lần như vậy, không những thương nhân có thể nhờ Phật giáo mà nhận được ân huệ, mà còn tiện lợi cho tín đồ Phật giáo mua sắm vật dụng, phương tiện để mọi người được ăn chay, há chẳng phải là nhất cử lưỡng tiện sao?

Tôi thường đến Hương Cảng, xe taxi ở Hương Cảng thường không chở người tu hành, nếu tôi đi xe, mỗi lần tôi đều trả tiền xe gấp đôi cho tài xế mong rằng có thể thay đổi tập quán ấy. Về sau, tôi còn mở rộng ý tưởng này đến cả những chủ buôn nhỏ, ví như khi đến Bành Hồ thuyết giảng giáo hóa, tôi thường mua một đồng những viên đá nhỏ của những cư dân chào hàng sở tại, sau khi về lại không biết xử lý thế nào cho ổn; tôi đến vùng Bắc Thái Lan để hoằng pháp và thăm thú, đứng bên một quầy hàng nhỏ ngập ngừng hồi lâu, nhìn phải ngó trái đều là những thứ mình không thích, nên đã đưa cho chủ mỗi quầy 100 đồng tiền Thái, hơn 100 chủ quán lấy làm lạ đưa mắt nhìn tôi, tôi chỉ có tâm nguyện thực tiễn là “bố thí chút chút gọi là” mà thôi.

Tôi không có thói quen mua sắm, nhưng khi cần mua tôi lại không muốn mua hàng rẻ, vì sợ nhà buôn không có lời. Theo tinh thần ưa thích kết duyên để tiêu tiền mua sắm, khiến cho nhà buôn nhân cải thiện kinh tế mà tạo sự cách tân về chất lượng sản phẩm. Tiền, thay vì mua sắm phương tiện cho cá nhân, thì dùng để mua sắm đồ dùng chung cho mọi người, đem lại phú quý cho mọi người. Như vậy lần nữa, “đồng tiền được sử dụng mới là đồng tiền của mình, cũng là đồng tiền chung của mọi người trong xã hội.”

35 năm trước, từng có một cô bé nghèo khó, nhân có người giới thiệu, cô bé đến tìm tôi, có ý muốn theo tôi học tập Phật pháp. Lúc đó chính tôi gởi thân vào chốn nào cũng còn thấy khó, tôi chỉ biết nói lời nhẹ nhàng từ chối. Nhưng khi cô bé sắp ra đi, tôi lại cảm thấy vô cùng bất nhẫn, lập tức lấy 50 đồng còn trong túi đem biếu cô bé, khuyên cô tìm đến một học viện Phật giáo khác và xem đây là tiền tiêu pha ban đầu để học đạo. Không ngờ 35 năm sau, tức hôm nay, cô lại quyên tiền được hơn 10 vạn để làm quà báo đáp. Bố thí tiền bạc không phải là để mua sự hư danh, cũng không phải để chứng tỏ tiền nhiều ít, mà là một tấm lòng thành để có được sự hoan hỷ và sự an tâm, thấu tình đạt lý cho mình!

Thử nhìn lại trong thế giới ô trọc, một số người ngồi trên tiền của châu báu, đi xe hơi, ở nhà lầu, sau khi chết, tiền bạc sở hữu lúc còn sống không những không thể mang theo mà còn tạo mầm mống tai họa cho đời sau, không đáng buồn lắm sao? Chính vì vậy mới có câu nói: “Một hạt xuống đất trăm hạt thu, một đồng bố thí vạn đồng nhận; nếu người gởi tại ‘kho’ kiên cố, người và con cháu hưởng đời đời.”

Tiền bạc như nước, cần được lưu động mới có thể phát sinh tác dụng. Dùng tiền như thế nào là một thứ trí tuệ sâu sắc. Cách dùng tiền tốt nhất là làm cho mọi người có thể có được một bảo tàng Bát nhã, lấy mãi không hết, dùng mãi không kiệt, mới có thể làm cho mình vĩnh viễn hưởng được niềm vui của việc dùng tiền. Cho nên, tôi sâu sắc cảm thấy rằng có tiền là phước báo, nhưng biết dùng tiền mới là trí tuệ.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Có ruộng mà không gieo trồng thì không có thu hoạch;

Có tiền mà không biết sử dụng thì tích lũy cũng như không.



Sử dụng đồng tiền như thế nào cho hợp lý

Một con chó đi thưa kiện: “Thưa đại nhân, tôi bị đói, đến nhà một người để xin ăn. Tôi tuân thủ quy củ lễ tiết của giống chó đến nhà người này xin ăn, người này không những không cho mà còn đánh tôi nữa.”

Quan tòa nghe xong, nói: “Ồ! Chó đi xin ăn mà cũng có quy củ à?” Chó nói: “Lũ chó chúng tôi đến nhà người xin ăn, hai chân trước nằm gác vào mép cửa, nhưng hai chân sau và đuôi tất nhiên ở ngoài cửa.”

Quan tòa sai lính dẫn người kia đến xét hỏi, người ấy thẳng thắn thừa nhận, thế là tội danh đã được xác định. Quan tòa bèn hỏi chó: “Người muốn dùng cách gì để xử phạt người này?” Chó thưa: “Xin đại nhân phạt ông ta làm một người giàu có!”

Quan tòa nghe vậy, bèn cười lớn: “Đó chẳng phải là cho ông ta thêm thuận lợi ư?” Chó nói: “Thưa đại nhân, tôi vốn kiếp trước là một người giàu có, bởi vì làm giàu bất nhân, không chịu hỷ xả, nên sau khi chết đầu thai vào đường súc sinh chịu muôn vàn khổ nạn, do đó, tôi yêu cầu quan tòa xử phạt ông ấy sau này là một người giàu có!”

Có tiền của đương nhiên là rất tốt, nhưng tiền của có được từ việc làm giàu bất nhân thì không phải là một điều tốt. Thử dõi mắt nhìn xã hội ngày nay, có rất nhiều người là “kẻ nghèo của sự giàu có”, cũng có một số ít người là “người giàu của sự nghèo khó”. Đó là tại sao? Hãy nhìn rõ mà xem rất giàu có đấy, nhưng người ta lại nói ông ta nghèo, rất nghèo khó, nhưng người khác lại nói ông ta giàu có, thế thì chúng ta nên hiểu về sự giàu có như thế nào?

Người nghèo của sự giàu có nhất

Trưởng giả Thiện Sinh có được một cái hộp màu vàng làm bằng gỗ cây đàn hương hiếm hoi nhất, quý báu nhất trên thế gian, ông ta tuyên bố: “Tôi muốn tặng thứ quý báu này cho một người nghèo khổ nhất - Quốc vương Ba Tư Nặc Vương của chúng tôi có vô số vàng bạc, ông là người nghèo khổ nhất!”

Trong ý của trưởng giả Thiện Sinh, Ba Tư Nặc Vương tuy có tiền, nhưng không quan hoài đến quần chúng nhân dân, không biết làm một vài công đức cho phúc lợi đại chúng. Tuy có tiền nhưng không biết sử dụng, đó chẳng phải là người nghèo khổ nhất thế gian sao? Cho nên có tiền mà biết dùng đồng tiền mới là người giàu có nhất, nếu không, có tiền cũng chỉ là một kẻ nghèo khổ.

Người giàu của sự nghèo khó nhất

Socrates lúc sắp chết, đệ tử hỏi: “Thưa thầy, thầy còn để lại lời di chúc nào nữa không ạ?” Socrates bỗng nhớ ngay: “À! Ta còn nợ người ta một con gà, chưa trả được.”

Đại triết gia Socrates khi sắp chết mà ngay cả một con gà cũng không đủ sức để trả cho người ta, nhưng có phải ông là người nghèo khó thật sự không? Trí tuệ của Socrates vẫn ảnh hưởng đến nhiều

người trên thế giới mấy ngàn năm nay, một người như Socrates không phải là người nghèo khó, mà là người giàu có nhất.

Tương thông và riêng biệt

Tiền của về mặt “sử dụng được” là tiền của cộng thông, nhưng về mặt “sở hữu” thì có sự riêng biệt. Do đó, nhiều tài sản trên thế gian tuy đều là của riêng của con người, nhưng chúng ta cũng có thể được hưởng lợi. Ví dụ như máy truyền hình là của bạn, nhưng tôi xem nhờ một chút cũng có thể được. Hoặc như nhà lầu thuộc sở hữu của bạn, nhưng khi trời mưa tôi có thể trú nhờ dưới mái hiên. Hoặc như cây cối, hoa cỏ, tuy do bạn trồng ra, nhưng tôi có thể ngắm xem, ngửi hoa thơm, trong lòng cứ nghĩ “hương thơm quá!” Lại như người nông dân làm ruộng, những gì thu hoạch được do trồng cây đương nhiên cung cấp cho mọi người ăn uống để sinh sống, nhưng con chim sẻ nhỏ kia có thể ăn một chút cũng không sao.

“Sở hữu” của thế gian là riêng biệt, nhưng “hưởng dụng” có lúc là chung cùng. Cho nên, chúng ta không nhất thiết cho rằng mọi sự vật đều phải có quyền sở hữu mới được, chỉ cần chúng ta có thể cùng hưởng dụng đã là hạnh phúc lắm rồi.

Dùng tiền và tích lũy tiền

Ngày xưa có một người tích lũy được rất nhiều thỏi vàng, tích lũy trong hơn 30 năm. Trong hơn 30 năm ấy, tuy ông ta không sử dụng, nhưng thỉnh thoảng đến nhìn ngắm chúng lại cảm thấy rất vui vẻ. Một hôm, số vàng ấy bị kẻ trộm lấy hết, ông đau lòng đến chết đi sống lại. Có người khuyên ông: “Số vàng thỏi ấy ông cất giữ ở đây đã mấy chục năm không sử dụng. Nay tôi lấy một số viên gạch rồi dùng giấy vàng bọc lại giả làm giống như thỏi vàng và cất giữ tại đó, ông có thể thỉnh thoảng đến nhìn, cũng vui vẻ giống như vậy chứ có sao đâu?”

Tiền bạc trên thế gian đều không phải là của chúng ta, nhà Phật nói là của năm nhà^[2] cùng sở hữu, tiền bạc phải được sử dụng mới là tiền bạc của mình. Tích góp cất giữ chỉ biến mình thành nô lệ của tiền bạc chứ không phải là một người giỏi về sử dụng tiền bạc.

[2] Năm nhà: Ở đây chỉ năm sự việc xảy ra mà con người phải chi tiền ra, đó là: thiên tai hỏa hoạn, trộm cướp, quan tham, bệnh tật, con cái bất hiếu phá gia chi tử.

Phước báo và hiện duyên

Có một người đàn ông được tổ tiên để lại rất nhiều gia tài điền sản, nên đã tạo thành thói quen ưa ăn nhác làm, ngay cả ăn cơm cũng phải do vợ đút anh ta mới chịu ăn. Một hôm, người vợ có việc cần về nhà cha mẹ, biết chồng lười biếng bèn làm sẵn một số bánh lớn treo vào cổ người chồng để khi đói, anh ta chỉ việc há miệng ra là có thể ăn được. Nhưng một tuần lễ sau người vợ trở về nhà thì thấy người chồng đã bị chết đói! Vì sao anh ta bị chết đói? Bởi vì cái bánh lớn treo ở cổ gần cửa miệng nên trong ngày đầu tiên anh ta đã ăn hết, nhưng những cái còn lại do cần phải dùng tay để khều xuống mới ăn được, anh ta lại lười dùng tay để cầm, nên bị chết đói.

Đời nay duyên phận không đủ, chỉ có phước báu thì không thể làm chỗ dựa, phước báu đương nhiên là quan trọng, nhưng còn cần phải có duyên phận của đời nay, “duyên” đời nay ấy mới là điều cần thiết nhất.

Cho nên, có tiền cũng cần biết sử dụng đồng tiền nữa. Giả như mỗi tháng bạn thu nhập một vạn đồng, bạn làm thế nào với tiền của của bạn? Trong kinh “Tạp A Hàm” nói: “Một phần dùng cho thức ăn của mình, hai phần kinh doanh lập nghiệp, phần còn lại cất giữ để giúp đỡ người nghèo khó.” Tôi đem cách xử lý trên mở rộng cách giải quyết tiền của thành mười phần như dưới đây:

Bốn phần mười dùng kinh doanh lập nghiệp,

Ba phần mười dùng cho sinh hoạt gia đình,

Hai phần mười cất giữ để dùng khi cần thiết,

Một phần mười dùng làm công đức tạo phúc.

Trong kinh “Niết bàn”, khi bàn về tiền, ngoài việc dùng cho những nhu cầu của cuộc sống, số tiền còn lại chia làm bốn phần theo cách thức sau:

Một phần tư cung cấp nuôi dưỡng cha mẹ vợ con,

Một phần tư giúp đỡ kẻ ăn người ở trong nhà,

Một phần tư biếu tặng bà con bạn bè,

Một phần tư dành cho quốc gia, cho người tu hành.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người biết sử dụng đồng tiền, thì tiền bạc là công đức,

Người không biết sử dụng đồng tiền, thì tiền bạc là tội ác.



Bấy nhiêu đó cũng là tiền của

Có một người trai trẻ không làm ra tiền, suốt ngày oán trời trách người. Một hôm, anh ta gặp một ông lão đầu tóc bạc phơ, bèn ca cẩm. Ông lão nghe xong, nói:

- Anh bạn nghèo chẳng? Ta thấy anh rất giàu có đấy!

- Do đâu mà ông nói như vậy? Người trai trẻ hỏi.

Ông lão hỏi lại?

- Nay yêu cầu anh cắt đứt một ngón tay và đưa cho anh 10 ngàn đồng anh có chịu không?

- Không chịu!

- Giả như có người đưa cho anh 100 ngàn đồng, và yêu cầu anh khoét hai con mắt của mình, anh có làm không?

- Không làm!

- Nếu bảo anh biến thành ông lão 90 tuổi ngay tức thì, và đưa cho anh 10 triệu đồng anh có đồng ý

không?

- Không đồng ý!

- Được rồi, thử tính xem, anh đã có một số tiền trên 10 triệu đồng rồi đấy, vậy anh còn than van kêu khóc nỗi gì nữa?

Tiền mua được thức ăn ngon, nhưng không mua được sự thềm ăn. Tiền có được thuốc men, nhưng không mua được sức khỏe. Tiền mua được giường nệm, nhưng không mua được giấc ngủ. Tiền có thể mua được danh dự, nhưng không mua được tri kỷ. Tiền của bên trong như đạo đức, nhân cách, tiết tháo... cũng cần phải có đủ, mới là người giàu có đích thực. Vậy, rốt cuộc tiền của bao gồm những gì?

Thứ nhất, tiền của do duyên lành. Giao kết rộng rãi duyên lành là phương cách tăng thêm tiền của thuận lợi nhất. Nói lời hay đẹp, mỉm cười vẫy tay chào hỏi, giúp đỡ người khác giải quyết khó khăn, thường xuyên làm công đức, tức là đều có thể kết giao duyên lành với người khác. Một người thường kết rộng duyên lành, một ngày nào đó mình cần người khác giúp đỡ, thì nhiều duyên lành có thể không mời mà tự đến; trái lại, một người ngày thường không biết kết rộng duyên lành, nghĩ rằng chỉ cần đưa ra thật nhiều tiền và muốn người khác đối xử tốt với bạn, thì e rằng chưa hẳn, tục ngữ nói: “Con vịt nấu chín rồi cũng còn có thể bay đi”, nhân duyên thì không thể là may mắn, khiến bạn không có được trợ duyên.

Thứ hai, tiền của của niềm tin và danh dự. Bản thân niềm tin và danh dự là thứ tài sản vô hình nhưng lớn lao nhất. Xã hội ngày càng coi trọng lòng tin và danh dự, như xí nghiệp chú trọng đến thương hiệu, bảo đảm chất lượng; các nước phương Tây bắt đầu giáo dục sự chân thực cho trẻ con từ trường mẫu giáo, từ bậc tiểu học. Mỗi cá nhân đều cần xây dựng hình tượng của mình, lấy lao động, thành thực để có thu nhập, niềm tin và danh dự. Nó không chỉ giúp tăng trưởng tiền của hữu hình, mà còn làm tăng thêm tiền của vô hình từ nội tâm rộng mở.

Thứ ba, tiền của của sức khỏe. Quốc sư Mộng Song nói: “Biết đủ là giàu nhất, không bệnh là quý nhất.” Dù có rất nhiều tiền, nhưng thân thể không khỏe mạnh, thì coi như không có phước hưởng dụng, tiền của có nhiều cũng không phải là của chúng ta, thân thể không khỏe mạnh, thì làm việc không thành và khiến người thân lo lắng cho chúng ta nữa. Trái lại, dù không có nhiều tiền của, đất đai, cổ phiếu, nhưng chỉ cần thân thể khỏe mạnh, dựa vào sức lao động, sự cố gắng cũng có thể thực hiện lý tưởng. Mọi người cần bảo vệ, yêu quý sức khỏe, có sức khỏe mới có thể có tiền của.

Thứ tư, tiền của của trí huệ. Có người dùng sức lực để kiếm tiền, có người dùng kỹ năng để kiếm tiền, có người dựa vào trí huệ cũng có thể làm ra tiền. Nếu bạn có sáng ý, cộng với sự nỗ lực không ngừng, cũng có thể mang lại một số tiền khá lớn. Bạn có tiền có thể mua được những thứ quý báu vô giá bằng tiền, nhưng chắc chắn không mua được trí huệ.

Trí huệ có thể khiến bạn hiểu thấu cuộc đời, hiểu thấu chánh kiến thị phi; trí huệ có thể khiến bạn biết rõ khinh trọng, tẩy sạch phiền não. Điều này so với tiền của hữu hình quan trọng hơn nhiều. Tiền của không phải dùng con số trong sổ tiết kiệm để đánh giá, sức khỏe, trí huệ, duyên lành, thành tín danh dự mới là tiền của đích thực. Chẳng những chúng ta nên coi trọng tiền của nhất thời, mà còn coi trọng tiền của vĩnh viễn; chẳng những coi trọng tiền của hiện tại mà còn coi trọng tiền của tương lai.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

*Tiền bạc có thể mua được nô lệ, nhưng không mua được duyên phận;
Tiền bạc có thể mua được đám đông, nhưng không mua được lòng người;
Tiền bạc có thể mua được cá thịt, nhưng không mua được sự thèm ăn;
Tiền bạc có thể mua được nhà cao, nhưng không mua được tự tại;
Tiền bạc có thể mua được quần áo đẹp, nhưng không mua được khí chất;
Tiền bạc có thể mua được cỗ phiếu, nhưng không mua được viên mãn;
Tiền bạc có thể mua được sách vở, nhưng không mua được trí tuệ;
Tiền bạc có thể mua được giường nệm, nhưng không mua được giấc ngủ.*



Cứu cánh của tiền bạc

Có một nhà buôn làm ăn xa, năm hết tết đến tranh thủ về nhà cho kịp thì gặp một vị hòa thượng bán kinh kệ. Anh ta rất hiếu kỳ, bỏ ra 10 lượng vàng mua một bài kệ: “Bước lên phía trước ba bước suy nghĩ, bước lui phía sau ba bước suy nghĩ, khi lòng sân nổi lên thì cần suy nghĩ, dứt ngay cơn giận là điềm tốt nhất.” Khi nhà buôn về đến nhà thì đã quá nửa đêm, người vợ đã đi ngủ, nhưng dưới gầm giường có hai đôi giày, một đôi giày đàn ông và một đôi giày đàn bà. Nhà buôn rất giận, cho là vợ mình đang ngoại tình, lập tức xuống nhà bếp cầm lên một con dao định giết chết đôi gian phu dâm phụ.

Chính lúc định xuống tay, ông ta bỗng nhiên nghĩ đến bài kệ kia, thế là ông ta do dự, bèn nói lớn lên một tiếng làm người vợ tỉnh giấc. Người vợ nói: “Ôi dào! Tại sao chàng về trễ thế?” Người chồng tức giận nói: “Trên giường bà còn có ai nữa không?” Người vợ nói: “Không có ai!” Người chồng hỏi: “Hai đôi giày kia là sao?” Người vợ nói: “Hôm nay cuối năm thấy chàng chưa về, thiếp rất nhớ chàng, nên chỉ còn cách đem đôi giày của chàng đặt trước giường đây thôi!”

Kinh “Kim Cang” nói: “Nếu có người cô trì chú bốn câu kệ, thì công đức hơn vượt những Bồ thí bảy thứ trân quý của tam thiên đại thiên thế giới.” Bồ thí của quý tuy nhiều, nhưng kết cục cũng là hữu hạn; Bồ thí pháp tuy ít, nhưng công dụng là vô cùng. Bốn câu kệ tức là bốn câu Bát nhã của Phật pháp, công năng của nó vượt trội hơn rất nhiều công năng của bảy thứ trân quý ở tam thiên đại thiên thế giới, ý nghĩa của điều này là gì?

Tiền bạc dù có nhiều đến thế nào cũng có ngày dùng hết. Tục ngữ nói: “Gia tài vạn quan không bằng có một nghề tùy thân” (tương đương với câu tục ngữ Việt Nam: Ruộng tứ bề không bằng nghề trong tay), học để biết một loại kỹ năng tốt hơn là có nhiều tiền bạc. Nếu có được trí tuệ Bát nhã thì so với tiền bạc và kỹ năng còn cao hơn nhiều, tốt hơn nhiều!

Trí tuệ có thể khiến cho con người bình tĩnh lại để giải quyết sự việc, tránh được cơn nóng giận và có sai lầm.

Tại sao trí tuệ Bát nhã của Phật giáo cũng chính là một loại tài sản? Trí tuệ là tài sản vô giá, là con người ai cũng có, không ai là không có. Loại “tiền của trí tuệ Bát nhã” ấy ở trong tâm của chúng ta, giúp chúng ta thấu hiểu chân lý, có thể cho chúng ta thấu tình đạt lý, có thể làm cho chúng ta nhận ra

chân ngã, khiến cho chúng ta chứng ngộ cuộc sống vĩnh hằng.

Trong sinh hoạt thường ngày, đôi lúc con người cảm thấy không vừa ý, nguyên nhân chính là ưa so sánh với người khác. Nhìn thấy người khác một bước thành công, sự nghiệp thông thuận, trong lòng dấy lên sự ghen tị, từ đó sinh ra phiền não. Có lúc để tranh đoạt danh lợi, tranh thủ về sự đãi ngộ công bình, thậm chí để tranh hơn một lời nói, mà phải cãi đến cùng; mỗi lần tranh cãi, đôi bên xảy ra xung đột, thế là phát sinh tình trạng mất hòa khí, mất vui vẻ. Tục ngữ nói: “Người đua người, tức chết người”, chúng ta tự cho mình có gia tài vạn quan, là giàu có trên thế giới, nhưng còn có người giàu hơn nữa; tự cho địa vị của mình là quyền quý trong xã hội, nhưng còn có người có địa vị cao hơn nữa. Nếu cứ mãi mãi so sánh, tranh đua với người khác, thì không bao giờ cảm thấy đầy đủ, sao có thể đạt được hạnh phúc? Cho nên chỉ có trí huệ mới có thể nhìn thấu suốt chân tướng của tiền của. Có bài thơ cổ khá thông dụng, nói rất đúng: “Bạn cưới ngựa đến tôi cưới lừa, thử nhìn trước mắt tôi chẳng như, quay đầu nhìn lại anh xe đẩy, so trên không đủ, dưới có dư.” (Nễ kỵ mã lai ngã kỵ lư, khán khán nhân tiền ngã bất như; hồi đầu nhất khán suy xa hán, tử thượng bất túc hạ hữu dư). Phật giáo dạy con người nhẫn nhục, chịu thiệt thòi, Phật giáo còn bảo chúng ta nên hy sinh, cống hiến, trên thực tế, chịu thiệt thòi là chiếm thuận lợi, trong nhẫn nhịn lại có một phương cách thâm sâu vi diệu. Chẳng hạn chúng ta thường nên có một thái độ như “anh là người tốt, tôi là người xấu; anh đúng, tôi sai; anh rất vĩ đại, tôi rất tầm thường; vui vẻ dành cho anh, buồn khổ để cho tôi; giàu có nhường cho anh, nghèo cực để tôi chịu”, tôn trọng đối phương, ở đâu lúc nào cũng lo nghĩ cho đối phương, chắc chắn bạn sẽ được đối phương yêu kính từ trong đáy lòng, như vậy sẽ giảm bớt những tranh chấp không cần thiết. Do đó, yêu quý bảo vệ người khác, thực ra là yêu quý, bảo vệ chính mình; tôn trọng người khác thực ra là tôn trọng chính mình. Bạn gieo hạt giống cung kính, nhẫn nại, phục vụ người khác, bạn sẽ được gặt quả quý mến, tôn trọng của người khác.

Những kẻ tầm thường, không có trí huệ đều cho rằng tôi là người tốt, kẻ khác là người xấu, tôi có tài năng mà không gặp thời, mọi người trong thiên hạ đều phụ rẫy tôi; tôi rất vĩ đại, người khác tầm thường; những gì tôi làm đều đúng hết, người khác không có một chỗ nào đúng cả; sung sướng để tôi hưởng, khổ đau do anh gánh; chỉ cần tôi giàu có, người khác nghèo đói, không có tác đất cắm dùi cũng không chút động lòng... Thơ rằng: “Bình thường nhất dạng song tiền nguyệt, tài hữu mai hoa tiện bất đồng.” (Một vẻ như thường trăng trước cửa, chỉ có hoa mai lại không cùng). Cùng mặc áo, ăn cơm, có công việc, tiền của, nhưng một ngày nào đó có được trí huệ, cuộc sống tự nhiên thay đổi. Trí huệ là tự tính chân tri của chúng ta, là bản lai diện mục của chúng ta.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bố thí có thể gieo một gặt mười, giữ giới có thể thanh tịnh ba thứ nghiệp;

Nhẫn nhục có thể ta người đều lợi, tinh tấn có thể không việc gì không thành,

Thiền định có thể an trú thân tâm, trí huệ có thể thấu suốt mọi thứ vi diệu.



Phần 2 **SINH HOẠT**

TÌNH YÊU CÓ THỂ HỢP PHÁP VÀ KHÔNG HỢP PHÁP

Tình không nặng, không sinh ra thế giới ta bà.

Tình cảm nên đặt ở đâu

Có một phụ nữ đến chùa Phật Quang tìm tôi, vẻ mặt rất ủ dột. Tôi hỏi cô đã xảy ra chuyện gì, cô khóc lóc, cô đau khổ nói: “Con người ấy thật bạc ác...” Nói chưa hết câu, cô bật khóc thành tiếng. Tôi khuyên cô bình tĩnh, có gì từ từ nói. Cô thôn thức: “Con làm việc tại cơ quan chính phủ của thành phố, có một nam đồng nghiệp rất yêu thương con, chúng con yêu nhau trong một thời gian, sau bị người vợ của anh ấy biết được, muốn con và chồng chị ấy cắt đứt quan hệ, nhưng con không thể không có anh ấy. Con cũng đã từng yêu cầu anh ấy kết hôn với con, nhưng anh ấy lại không thể bỏ vợ và con cái. Đã không thể kết hôn với con, tại sao lại đùa bỡn với tình cảm của con? Con cảm thấy cuộc đời này quá bất công, lòng người quá giả dối!”

Việc nảy sinh tình cảm là do mình không tự chủ, là một việc đành cam chịu, không cách nào khác, nếu tình cảm tạo ra đau khổ thì đó là điều vô cùng đáng tiếc. Cô gái kia chỉ oán trách người đàn ông lừa dối mình, mà không biết phản tỉnh, tự mình đã phá hoại hạnh phúc gia đình người khác, đã làm tổn hại đến nhiều người. Những hạng người chỉ biết oán trách người khác, phàn nàn xã hội mà không biết tự kiểm điểm cuộc đời của mình, như vậy làm sao có thể hạnh phúc?

Có câu nói rằng: “Tình không nặng sẽ không sinh ra thế giới ta bà.” Phật giáo gọi con người là “chúng sinh hữu tình”. Vậy tình cảm của chúng ta nên đặt ở chỗ nào? Tiền bạc cần phải giữ ở ngân hàng mới an toàn, tình cảm nếu đặt vào chỗ không thích hợp sẽ đem lại phiền phức cho chính mình. Có một số người buông thả tình cảm vào thanh sắc, mà thanh thì vô thường, sắc thì biến đổi, kết quả, thanh sắc khiến tình cảm của bạn không thể an trú, thậm chí có thể thân bại danh liệt.

Tình cảm là trọng tâm của cuộc sống con người, tình cảm mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của con người. Nhưng tình cảm có trong sạch, cũng có đen tối, có đứng đắn, cũng có tàn độc, có cống hiến, cũng có chiếm hữu, có vô tư, cũng có ích kỷ, trong mọi trường hợp xử sự, giao tiếp, qua lại giữa người với người,... ở đâu cũng có tình cảm.

Cái tốt và cái xấu của tình cảm thì nhiều, nhưng rốt cuộc nên vận dụng như thế nào?

1. Cần dùng lý trí để dẫn đường cho tình cảm. Có một nhà triết học người Pháp nói: “Người sống bằng tình cảm thì cuộc đời là một vở bi kịch; người sống bằng lý trí thì cuộc đời là một vở hài kịch.” Tình cảm rung động nhất thời khiến người ta mờ mắt, cứ một mực lạm dụng tình cảm thì không thể lâu bền. Cho nên con người cần phải thường xuyên nhắc nhở mình: Nên có phương pháp yêu đương chăng? Yêu thương cho chính đáng chăng? Chỉ có tình cảm được lý trí dẫn đường mới không dẫn đến sai lầm.

2. Cần dùng tác phong đứng đắn để làm trong sạch tình cảm. Tình cảm chính đáng sẽ mang đến những điều tốt đẹp; dùng tình cảm vượt quy củ có thể dẫn đến sai lệch. Tình cảm đoan chính, lương thiện sẽ dẫn dắt con người tiến lên không ngừng; tình cảm ác độc, hoặc ganh ghét, hoặc lợi dụng, chỉ lấy lợi ích của mình làm động cơ, đảo lộn tình cảm yêu giận, tình thù, e rằng sẽ dẫn đến phát sinh tai họa. Do đó,

dùng tác phong đứng đắn để làm trong sạch tình cảm, thì bạn là người xử thế công bằng liêm chính, dù thân ở trong bùn lầy cũng có thể trong sạch như một đóa hoa sen.

3. Cần lấy vô tư để công hiến tình cảm. Nhiều cặp nam nữ trong yêu đương đến cuối cùng thì nảy sinh vấn đề, tại sao vậy? Nguyên nhân là do ích kỷ. Hoặc chỉ muốn chiếm hữu đối phương, hoặc đối phương hành xử không như ý mình, nên sinh ra căm giận, thậm chí có những hành vi tàn tạt lương tâm, khiến người khác không thể chịu đựng được. Nếu xuất phát từ sự vô tư, công hiến, không chiếm hữu, không lừa dối, tôi vì bạn cư xử tốt, bạn vì tôi cư xử tốt, không tính toán, không so bì, tin tưởng tình cảm của đôi bên, như vậy mới dài lâu, mới cao quý.

4. Cần lấy từ bi để thăng hoa tình cảm. Tình cảm tức là yêu thương, yêu thương thường có giới hạn, do đó cần lấy từ bi để thăng hoa tình cảm. Học yêu thương cá nhân kéo theo yêu thương gia đình, từ yêu thương gia đình mở rộng đến yêu thương xã hội, từ yêu thương xã hội mở rộng hơn nữa đến yêu thương toàn thể nhân loại. Đem tình thương ấy mà làm lan rộng hơn nữa, từ cái tôi nhỏ bé thăng hoa thành vĩ đại, chính là lòng từ bi.

Con người phải như thế nào mới có được hạnh phúc? Tức là cần lấy cái tâm trách người để trách mình, lấy cái tâm yêu mình để yêu người, không oán trời, không trách người, như vậy chắc chắn sẽ được mọi người yêu quý, được xã hội tiếp nhận. Sự đau khổ và khoái lạc của thế gian không nên để người khác khống chế thao túng, mà phải nắm chắc ở trong tay của chính chúng ta. Chúng ta là người quyết định hạnh phúc của chính mình. Nếu chúng ta dùng tâm yêu thương để nhìn thế giới, thì thế giới đâu đâu cũng tràn đầy tình thương yêu; nếu chúng ta lấy con mắt căm giận để nhìn thế giới thì thế giới là địa ngục của lửa giận thiêu đốt. Do đó, người xưa nói: “Họa phúc không có cửa ra vào, chỉ con người tự mời gọi.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người trong tâm có niềm vui thì khắp nơi là cảnh sắc của đẹp lòng vui mắt,

Người trong tâm có thiện định thì tai nghe đều là lời kệ của tám vạn bốn ngàn pháp môn,

Người trong tâm có Phật pháp thì trước mặt là thế giới của người thiện và duyên lành.



Tình yêu hợp pháp và tình yêu không hợp pháp

Con lừa Giáp rất tài hoa, khi nó chuẩn bị thực hiện chí lớn của mình thì nhận ra rằng mình đã yêu con lừa Ất mất rồi. Nó nghĩ: Cho dù cả thiên hạ đều là của mình nhưng cũng không sánh bằng tình yêu.

Mong muốn của con lừa Ất là xuống sống ở miền Nam. Lừa Giáp theo lừa Ất đi đến đó. Lừa Giáp vất vả làm việc để nuôi gia đình, suốt ngày kéo cối xay, mọi người chỉ xem nó là một con lừa, tài hoa của nó không được người ta nể trọng, áp dụng. Cuối cùng, một hôm lừa Ất phàn nàn: Anh có còn là con lừa thông minh, hóm hỉnh và lãng mạn trước đây nữa không? Tôi thật thất vọng về anh!

Tình yêu là một thứ sức mạnh duy trì và gắn bó xã hội loài người, đương nhiên người là do tình yêu sinh ra, tức là không thể tách rời tình yêu. Có tình yêu chính đáng và có tình yêu không chính đáng. Tình yêu chính đáng tức là đèn xanh, tình yêu không chính đáng tức là đèn đỏ.

Gọi là “tình yêu đèn xanh” là vì nó hợp với luân lý đạo đức, hợp với công luận xã hội. Tình yêu chính đáng có đối tượng hợp pháp, hôn lễ hợp pháp, quan hệ hợp pháp, không gian thời gian hợp pháp... Cho nên Phật giáo không loại bỏ tình yêu thế tục. Ví như trong kinh “Thiện Sinh” và kinh “Ngọc Da Nữ”, đức Phật đều nói Phật tử tại gia, tình yêu hợp pháp cần có cách sinh hoạt như thế nào; đến như Phật giáo đại thừa, kinh “Hoa Nghiêm”, kinh “Duy Ma” đều nhấn mạnh đến luân lý cương thường, sinh hoạt tình cảm v.v...

Gọi là “tình yêu đèn đỏ” là vì nếu nó không hợp với luân lý đạo đức, không hợp với thân phận, không hợp với quy củ thì xã hội sẽ không tán đồng. Ví như không được đối phương đồng ý, chỉ theo đuổi đơn phương, thậm chí dùng thủ đoạn phi pháp để ép buộc đối phương tuân theo, dẫn đến hôn nhân lừa dối, hôn nhân cưỡng đoạt, hôn nhân hai lần... Đó đều là những hành vi mà pháp luật không cho phép. Loại tình yêu đèn đỏ (tức tình yêu bất hợp pháp) này, tương lai chắc chắn sẽ đầy trắc trở và nguy hiểm.

Ngoài ra, bản thân tình yêu là một kẻ mù lòa, yêu quá độ, yêu điên cuồng, đến nỗi mù cả đầu, loạn cả tâm, mất cả phương hướng, không biết trời cao đất dày, lại hay ho lãng mạn, những tình cảnh như vậy đều có thể nảy sinh vấn đề. Cho nên, chúng ta cần lấy lý trí để ứng phó với tình cảm, trí tuệ hướng dẫn tình cảm, chánh kiến giải quyết tình cảm, chánh niệm làm chuẩn mực cho tình cảm.

Ma Đăng Ca Nữ mê đắm tôn giả A Nan, bằng sự cảm hóa khéo léo của đức Phật, cuối cùng hiểu rõ ra rằng “tình yêu là nguồn gốc của đau khổ”; Liên Hoa Sắc Nữ bị tổn thương về tình cảm, lấy việc đùa bỡn tình yêu để báo thù, sau nhờ Mục Kiền Liên khuyên giải, rốt cuộc nhận ra “ái tình không chính đáng là căn nguyên của tội ác”, thế là lầm đường biết quay trở lại.

Trên thế gian có bao nhiêu người vì tình yêu mà phạm tội, lại có bao nhiêu người biến tình yêu nam nữ trở thành tình yêu bao la lớn rộng đối với quốc gia, xã hội, nhân dân. Chí sĩ cách mạng Lâm Giác Dân, người đã đem lòng yêu thương vợ con để yêu thương mọi người trong thiên hạ, cho nên có thể khảng khái chết vì chính nghĩa; anh hùng chống Nhật Trương Tự Trung đã lấy tình yêu bao la rộng lớn của quốc gia dân tộc làm trọng, cho nên có thể hy sinh tình yêu nhỏ bé của cá nhân, lấy lòng trung trinh báo quốc để hoàn thành tình yêu lớn rộng ấy.

Có tình có nghĩa, tình yêu bao la, là tình cảm và tư tưởng đại từ đại bi. Con người cái gì cũng có thể mất, nhưng không thể thiếu lòng từ bi.

Có lòng từ bi, nếu có thêm trí tuệ hướng dẫn thì trên con đường tình yêu ắt có thể thận trọng chọn được lối đi đúng đắn, nếu không thì “sông yêu sóng cao ngàn thước, bể khổ sóng nổi vạn trùng”, chỉ một chút không cẩn thận, tất nhiên chìm đắm trong bể khổ. Mong rằng những kẻ có tình trong thiên hạ, sẽ không phải chết chìm trong bể khổ của tình yêu.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Có tình yêu ích kỷ, cũng có tình yêu dâng hiến;

Có tình yêu đen tối, cũng có tình yêu trong sạch;

Có tình yêu hẹp hòi, cũng có tình yêu bao la;

Có tình yêu ngu muội, cũng có tình yêu thặng hoa.



Cánh cửa hạnh phúc

Nghe nói thứ tốt đẹp nhất trên thế giới này là hạnh phúc, có một cô gái trẻ muốn đi tìm hạnh phúc. Hình dáng của hạnh phúc như thế nào nhỉ? Người hàng xóm của cô là một người có hạnh phúc, cô ta đem thứ hạnh phúc quý báu của mình cho cô gái trẻ xem, thì ra đó là một đôi giày thủy tinh trong suốt. Cô gái trẻ ghi nhớ hình dáng của đôi giày thủy tinh, và lên đường đi tìm. Tuy nhiên đi khắp chân trời góc bể, cô ta cũng không tìm thấy đôi giày ấy. Cô dần dần nghi ngờ trên thế giới này có thật có đôi giày thủy tinh ấy hay không, có thật có hạnh phúc hay không?

Về sau, có một người thiện tri thức nói với cô gái trẻ: “Theo tôi được biết, trên thế giới này không người nào tìm ra đôi giày thủy tinh ấy cả, chi bằng cô nên đi tìm một đôi giày hợp với ý mình.” Thế là cô gái trẻ bỏ ý tưởng trước đây, bèn mua cho mình một đôi giày thể thao ưa thích. Lúc mang đôi giày vào chân, cô ngạc nhiên phát hiện đôi giày thể thao biến thành đôi giày thủy tinh.

Mọi người sống trên thế gian đều mong muốn có những ngày vui vẻ hạnh phúc. Có người ngưỡng mộ người khác có nhiều tiền của, cho rằng đó là hạnh phúc, mà đâu biết rằng có tiền lại phải lo lắng bị cướp bị giạt; có người ngưỡng mộ quyền thế, cho rằng đó là hạnh phúc, nhưng nào có biết quyền thế thường làm cho người ta sa đọa về mặt đạo đức. Như vậy làm thế nào bước vào cánh cửa hạnh phúc? Xin đưa ra bốn ý kiến để tham khảo:

Thứ nhất, cần biết nói lời cảm ơn đối với con người. Ngạn ngữ có câu: “Uống nước nhớ người đào giếng.” Con người không thể sống tách rời quần chúng, ví như cơm ăn áo mặc cũng cần phải nhờ vào người trồng cấy, người dệt vải, người gia công, người nấu nướng. Cần rất nhiều thời gian để hoàn thành các việc ấy, do đó chúng ta phải có tấm lòng cảm ơn. Người có lòng cảm ơn mới là người giàu có. Một người biết cảm ơn mới có thể thấu hiểu nỗi vất vả của người khác đã đóng góp công sức. Một người biết cảm ơn mới có ý thức báo đáp về lòng biết ơn ấy. Một người biết cảm ơn ắt hẳn là người vui vẻ hạnh phúc.

Thứ hai, cần phải biết nhẫn nhục đối với sự việc. Tục ngữ có câu: “Nhịn nhịn nhịn, trăm nhịn thành vàng; giận giận giận, một giận thành thù.” Khi mọi người làm việc cùng nhau, sẽ có lúc xảy ra việc lộn xộn, điều quan trọng nhất là cần có sự nhẫn nhịn. Nhẫn nhịn không phải là mềm yếu, mà là sức mạnh, việc nhỏ không thể nhẫn nhịn thì có thể ập ủ thành họa lớn. Cho nên, không đòi co tính toán việc nhỏ mới có thể giảm bớt gánh nặng của tâm hồn, không nghe lời đồn nhảm mới tránh khỏi được những tranh chấp không cần thiết. Có nét tốt nhẫn nhục, nhất định có vui vẻ hạnh phúc.

Thứ ba, cần phải biết tri túc đối với vật chất. “Tranh cãi dễ sinh phiền não, không tranh sẽ được an tâm.” Cuộc sống của con người không thể thoát khỏi những nhu cầu vật chất, đi xa phải dùng xe thay cho đi bộ, đói khát cần phải ăn uống để bổ sung, nhưng vật chất thì có hạn, mà lòng tham thì vô cùng. Chỉ khi tâm ý mình cho là đủ, mới có thể hưởng thụ hạnh phúc có được ngay lúc này. Ông Amial, người Pháp, nói: “Danh từ đích thực của hạnh phúc là ‘tri túc’.” Người tri túc, tuy vật chất ít ỏi, nhưng tâm hồn thì tràn đầy niềm vui. Người không biết tri túc, tuy cuộc sống giàu có, nhưng tâm hồn lại nghèo nàn.

Thứ tư, cần phải biết sám hối đối với chính mình. Là người cần có cái tâm luôn luôn sám hối. Trong cuốn “Vạn thiện đồng quy” có viết: “Trong các thứ phước báo, sám hối là nhất, trừ được chướng ngại,

nhận được đại thiện. Sám hối khiến cho con người có sức mạnh tái sinh, như nhớp bần của nhiều năm được gột sạch trong một sớm, như mây đen được xua tan, tỏa ánh mặt trời ấm áp. Sám hối mới có thể sửa sai, sám hối mới có thể thanh tịnh và tiến bộ.”

Mỗi người đều có thể đem lại hạnh phúc cho mình, và chỉ có mình mới cho mình hạnh phúc. “Đối với tình cảm không chấp không hợp, đối với ham muốn không tham không chống, đối với thế gian không chán không cầu, đối với sống chết không sợ không rời”. Hạnh phúc không ở đâu xa, hạnh phúc đang ở mỗi giây phút hiện tại.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Niềm hạnh phúc tốt đẹp nhất của con người là trong tâm có một ngọn đèn sáng;

Điều bình đẳng tự do nhất của nhân gian là trong tâm có một đấng chân như;

Có nội hàm phong phú mới có thể tỏa phát khí chất cao đẹp;

Có áp ủ sâu dày mới có thể kích phát động lực của cuộc sống.



Yêu, chính là quý tiếc

Lúc 20 tuổi, tôi từng bị giam vào ngục, chính khi ra pháp trường để xử bắn, tôi được lính cai ngục cho tẩu thoát. 40 năm sau, tôi trở về quê cũ, tôi mới biết là một người làm công lâu dài của nhà trường đã vay mượn khắp nơi bất chấp nguy hiểm đến tính mạng, lén lút đem tiền dứt lốt chuộc tôi thoát nạn. Đáng tiếc là ân nhân của tôi đã qua đời, không còn cách gì báo đáp, do đó tôi chỉ hết sức trả ơn bằng vật chất cho những người trong gia đình, để thể hiện tấm lòng.

40 năm trước, bà Vương Như Chương vì tôi đã tới từng nhà để bán 1000 tờ “Nhân sinh tạp chí” và “Ngọc Lâm Quốc Su”. Phật giáo hồi đó chưa phổ biến nên việc đi bán vô cùng khó khăn. 30 năm sau, để báo đáp tấm lòng nhiệt tình của bà đối với văn hóa Phật giáo lúc bấy giờ, tôi đón bà đến Tinh xá Phật Quang để di dưỡng tuổi già.

Thời gian gần đây, bác sĩ Lưu, khi kiểm tra sức khỏe cho tôi đã nói tự đáy lòng rằng: “Con biết người xuất gia, đối với sắc thân không cần chú trọng lắm, nhưng xin thầy nghĩ đến bao nhiêu người đang cần thầy, xin vì mọi người mà bảo trọng thân thể.” Tôi nghe xong, trong lòng vô cùng cảm động. Tục ngữ nói: “Người thương yêu người, thì người luôn được thương yêu lại.” Tôi nghĩ trên thế gian, bất kể bà con cha mẹ, vợ chồng con cái, anh em chị em, bạn bè đồng học, nếu có thể cùng nhau “quý tiếc nhân duyên”, thì tình thương yêu giữa người với người nhất định sẽ lâu bền mãi mãi.

Khoảng 10 năm trở lại đây, tôi đi khắp nơi trên thế giới, thường nghe người ta ca tụng sự vĩ đại của tình yêu, đồng thời đưa ra nhiều câu nói của các nhà triết học phương Tây nhằm giải thích thế nào là tình yêu. Như Shakespeare nói: “Tình yêu không thể dùng mắt để nhìn, mà là dùng tâm.” Victor Hugo nói: “Tình yêu là tình cảm thăng hoa, nó như ánh sáng mặt trời chiếu sáng mặt đất, đem lại một thứ sức mạnh sinh tồn cho vạn vật, khiến cho chúng phơi phơi xanh tươi.” Một nhà tư tưởng khác của Pháp lại nói: “Tình yêu là sự ban cho để đôi phương có thể trưởng thành.”

Cũng có người hỏi tôi: “Thầy cảm thấy tình yêu là gì?” Theo góc nhìn của tôi, chân lý của tình yêu là

cần thẳng hoa vì lòng từ bi, chỉ có một từ có thể nói thay, đó là “quý tiếc”.

Thế gian cần có những kẻ sĩ có tài nỗ lực phấn đấu, công hiến sở học sở năng mới có thể làm cho xã hội tiến bộ. Đặt cơ sở trên ý niệm quý tiếc tài năng ấy, trong quá khứ, tôi đã từng giúp đỡ tiền của cho các thầy Lam Cát Phú, Trương Mạn Đào du học ở Nhật Bản; bằng sự khích lệ không ngừng của tôi, Tiêu Đình Thuận, Ông Tùng Sơn trước đó không có quá trình học tập nổi trội hơn người, nhưng nay đã là một kiến trúc sư, một kỹ nghệ gia nổi tiếng khắp Đài Loan, lại như họa gia bị nạn Lý Tự Kiện, thanh niên tàn tật Thi Kim Huy đều là những nhà nghệ thuật vang danh thế giới. Tôi cảm thấy con người không nên chỉ khai thác tài năng cho riêng mình, mà điều quan trọng là biết quý tiếc người tài, dành cho họ lòng yêu mến, sự giúp đỡ và cất nhắc đúng mực, vì xã hội mà tạo ra nhiều nhân duyên hạnh phúc.

Nói đến chữ “duyên”, thì trên thế gian mỗi một sự việc đều là duyên khởi của nhau, tương sinh tương thành. Tất cả mọi nhân duyên, bất kể tốt hay xấu, đều nên tăng thêm thiện duyên quý tiếc. Nhớ lại thời trẻ đi học, một số đàn anh nói tôi là người không có tiền đồ, tôi nghe mà không một chút buồn lòng, sau đó, tôi lập tức quyết tâm phát nguyện, nhất định mình phải là một người có tương lai. Đối với những lời trách mắng, phê bình nghiêm khắc của họ, tôi ghi nhớ trong lòng, quyết tâm thay cũ đổi mới. Ngày nay, mỗi lần trở lại quê nhà, tôi nhất định phải đến thăm hỏi những thầy giáo cũ, cúi người dâng lễ, cảm tạ ân xưa mà họ đã dạy bảo.

Con người không phân biệt già trẻ, trí tuệ cao thấp, chỉ cần chúng ta biết quý tiếc nhân duyên, chân thành tương đãi, thì tự nhiên duyên gắn kết. Hồi còn bé, tôi đã từng nuôi hai con gà lông bị cháy rụi, chỉ còn mỗi cái mỏ. Lúc đó, mỗi ngày tôi chịu khó bỏ đầy ngũ cốc vào một cái chén, rồi bón cho chúng từng chút một, lại còn thường dùng lời yêu thương an ủi chúng. Như vậy qua khoảng một năm, hai con gà không còn bị chết yếu nữa, về sau lớn lên lại còn có thể đẻ trứng, khiến ai nấy vui vẻ và yên lòng. Từ đó về sau, tôi còn nuôi một con chó nhặt được trên đường, một con chim con bị gió thổi rơi xuống mặt đất, một con sóc đang thoi thóp rơi từ trên cây xuống, một con chim bồ câu bệnh bị chủ đem đi vứt, kết quả đều do tận tâm chăm sóc nên chúng ngày một lớn mạnh. Tôi thường nghĩ: Ngay như một động vật nhỏ bé sắp chết đều có thể sống lại nhờ vào chút lòng yêu thương của con người, huống hồ nhân loại tự xưng là “linh chi vạn vật” lại không thể? Con người lại phải quý tiếc duyên lành, phát huy ánh sáng và sức nóng cho cuộc sống, soi sáng tiền đồ của chính mình, sưởi ấm cho thế giới chung quanh.

Lúc nhỏ, nghe người hàng xóm hát vang: “Một tấc thời gian một tấc vàng, tấc vàng khó chuộc tấc thời gian”, tôi bỗng thất kinh đứng sững, thế là tôi hiểu ra cần quý tiếc thời gian. Thiếu niên xuất gia, xem trong kinh sách có nói: “Ngày ngày qua đi, mệnh cũng giảm theo, như cá thiếu nước, làm sao vui được”, đọc xong lòng bỗng chấn động, từ đó tôi càng quý tiếc thời gian. Theo đà phát triển của sự nghiệp hoàng pháp, tôi ngày càng bận rộn, nhiều người hỏi tôi: Làm thế nào mà thầy sắp xếp thời gian gọn gàng sát sao như vậy? Họ đâu có biết, tôi tiếc là không thể biến một giờ làm một ngày để sử dụng, biến một ngày làm một năm để sử dụng, biến một đời làm ngàn đời vạn kiếp. Ví như có hẹn với ai, tôi không những giữ đúng giờ giấc gặp mặt, không làm lãng phí thời gian của người khác, mà trong quá trình bận rộn đó còn có thể khéo léo sử dụng chút thời gian ít ỏi của mình để hoàn thành nhanh chóng một số sự việc cần giải quyết. Khi có hội họp, tôi đều tập trung những đơn vị liên quan lại một chỗ và cùng nhau thương lượng, một lần giải quyết một số vấn đề.

Ngoài quý tiếc thời gian, tôi cũng rất quý tiếc sức lực. Trải qua 50 năm hoằng pháp, tôi đã gặp hàng vạn điều chế giễu, khó khăn, nhưng tôi xưa nay không cần hao phí tinh lực trước những thị phi, hơn kém. Tục ngữ nói: “Nắm đấm không tùy tiện đánh ra, khí lực không tùy ý dùng hết.” Chỉ có quý tiếc sức lực, tích dưỡng thâm hậu, mới có thể đủ sức để chờ cơ hội khởi phát, thực hiện lý tưởng; chỉ có quý tiếc chúng duyên, tôn trọng, bao dung, mới có thể tập hợp kẻ sách, tập hợp sức lực để cùng nhau hoàn thành việc tốt.

Trong số những thứ sức mạnh, ngôn ngữ thường là lợi khí kinh người nhất. Tôi từng có một thời gian trải nghiệm sự tiếc lời. Thời trai trẻ, do mình không biết quý tiếc lời nói, nên không biết đã tạo ra bao nhiêu khẩu nghiệp, sau thời kỳ thực hành tịnh khẩu khoảng chừng một năm, tôi phát hiện: không những tâm trí của mình ngày một sáng tỏ, nhạy bén, mà lời nói ra cũng rất khác trước đây. Đi hoằng pháp càng nhiều, tôi càng hiểu rõ rằng chỉ có câu chữ giản dị trong sáng, lời nói có căn cứ, có nội dung mới là bài giảng thuyết thành công nhất. Cho nên, nếu muốn phát huy sức mạnh của ngôn ngữ, thì không nói những lời làm tổn thương người khác, không nói những điều vô dụng, mà hãy dùng lời yêu thương của từ bi hóa giải bầu không khí nặng nề của hung ác bạo tàn, dùng lời tâm ngữ của trí huệ trừ bỏ tham giận ngu si.

Từ quý tiếc lời nói lại đến quý tiếc tiền của, bản thân tiền bạc vốn không liên quan đến tốt xấu, điều gọi là “thiện ác là pháp, còn pháp thì không thiện không ác”, tôi cảm thấy việc quý tiếc tiền của không phải ở chỗ chi dụng nhiều hay ít, mà ở chỗ sáng suốt lựa chọn đối tượng, lựa chọn công dụng. Cho nên, nếu là dùng cho việc bố thí Phật pháp, tôi sẽ đem hết những gì tôi có; nhưng tiêu phí cho một việc không có ý nghĩa, một xu tôi cũng không bỏ ra. Những năm trước đây, tôi hoằng pháp tại Nhật Bản, tôi tiết kiệm tiền ăn mỗi ngày, mua hai bộ sách đem về chùa Phật Quang để ở thư viện, mọi người đến đó cùng chuyên tay nhau đọc, tôi cảm thấy vô cùng vui.

Tiền bạc châu báu ở thế gian không hẳn phải có rất nhiều mới được xem là người giàu có, chỉ cần chúng ta có tấm lòng khoáng đạt, xem vạn vật là một thể, tam thiên đại thiên thế giới đều là những gì chúng ta có thể hưởng dụng. Đi ở năm ngòai, tôi luôn luôn hết sức thận trọng; mỗi lần khi mở cửa đóng cửa đều chậm rãi nhẹ nhàng, khi chân căng vấp phải mặt bàn chân ghế, tôi thương tiếc vồ về vuốt ve chúng. Do quý tiếc đồ vật như bảo vệ thân mình, nên đồ vật tôi dùng đều có tuổi thọ rất lâu, dù có hư rách, cũng sửa lại dùng thêm được một thời gian nữa. Cúi nhìn xuống chân, đôi giày la hán của tôi mang đã 5 năm, tuy mặt vải đã may đi may lại, đế giày đã khô đi khô lại, nhưng trước sau tôi vẫn chưa vứt bỏ, tin đồ cúng dường áo cà sa không dưới 10 cái, tôi đều gửi biểu người khác.

Yêu thương đúng là vĩ đại, nhưng nếu không có cái tâm quý tiếc lâu dài, thì trái lại, yêu thương là ích kỷ, là một thứ chiếm hữu, là một thứ ô nhiễm, là một thứ tội ác. Người xưa rất trí tuệ, đem hai chữ “ái”, “tích” hợp thành một từ “ái tích” (quý tiếc), thế là “ái” đã có phương hướng thực sự, “ái” đã có sức sống vô hạn. Cho nên, yêu quý tình cảm giữa người với người, tức là cần “quý tiếc tình cảm”; yêu quý người tài giỏi trí tuệ, tức là cần “quý tiếc tài năng”; yêu quý duyên phận giữa người này với người kia, tức là cần “quý tiếc duyên phận”; yêu quý thời gian qua mau, tức là cần “quý tiếc thời gian”; yêu quý sức lực bản thân, tức là cần “quý tiếc sức lực”; yêu quý tôn trọng ngôn ngữ, tức là cần “quý tiếc lời nói”; yêu quý tiền bạc châu báu, tức là cần “quý tiếc tiền của”; yêu quý vạn vật cùng sống chung với chúng ta, tức là cần “yêu quý vật chất”...

Biết quý tiếc, mới biết yêu thương!

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Tiếc tình cảm ơn, suối nguồn báo đáp;

Tiếc tài kết duyên, cam lòng tự nguyện;

Tiếc đời cứu sinh, dựng xây tịnh độ;

Tiếc lực ít lời, trí tâm lãnh hội;

Tiếc tiền yêu vật, pháp giới rong chơi;

Tiếc phúc khởi tâm, cùng bạn từ bi.



Bí quyết duy trì tình yêu

Người vợ hỏi người chồng: “Có đóa hoa mọc trên vách đá cheo leo, người đến hái có thể nguy hiểm đến tính mạng, anh có chịu lên đó hái về cho em không?” Người chồng suy nghĩ một lát rồi nói sáng mai sẽ có câu trả lời cho người vợ. Nét mặt người vợ lúc đó có vẻ hơi buồn. Sáng hôm sau, người vợ thấy người chồng để lại một mảnh giấy trên đó viết: “Anh không thể mạo hiểm đi hái đóa hoa kia. Bởi vì em ra khỏi nhà quên đem theo chìa khóa, anh phải giữ lại đôi chân để chạy về mở cửa cho em; em thường đi lạc đường, anh phải giữ lại đôi mắt để dẫn đường cho em; em không thích ra khỏi nhà, anh phải giữ lại cái miệng để xoa đi nỗi vắng lặng của em. Anh cần phải sống, mãi mãi đi cùng em, đợi em già còn phải cắt sửa móng tay móng chân cho em, nhổ hết tóc bạc cho em...”

Tình yêu nam nữ phải như thế nào mới có thể lâu bền mãi mãi? Có một số người kết hôn chưa được ba ngày hoặc chưa hết tuần trăng mật đã chia tay mỗi người một ngã, đó là vì không hiểu bí quyết diệu kỳ để duy trì tình yêu.

Vậy bí quyết diệu kỳ nào có thể duy trì được tình yêu?

1. Cần có sự cộng thức. Từ một số tin tức của truyền thông cho biết, hiện nay không ít những gia đình vợ chồng có tín ngưỡng bất đồng, vợ thì theo Phật giáo, chồng là tín đồ Thiên Chúa giáo, do tín ngưỡng không giống nhau mà trở nên không hợp nhau. Vì vậy, trước khi nam nữ kết hôn tuy không đủ tâm đầu ý hợp, không đi chung đường nhưng phải có hiểu biết lẫn nhau mới là quan trọng; đôi bên có cùng một ý niệm về cộng thức, tạo ra sự cộng thức nhất trí, mới có thể kết hợp.

2. Cần có sự hiểu biết. Hôn nhân cộng thức cần xây dựng trên sự hiểu biết của đôi bên, có người vì không hiểu biết mà gán bó, có người vì hiểu biết mà chia lìa, thực là đáng tiếc. Cũng có người nói: “Con người không chịu tìm hiểu”. Nếu là không chân thực, là hư ngụy, là lừa dối, đương nhiên không cần tìm hiểu; còn nếu là chân thực, có gốc gác, thì tại sao không chịu tìm hiểu? Tuổi tác, tài năng, gia thế, tiền của, học vấn, tư tưởng, lời nói việc làm, không cần phải che giấu, giả tạo, ngay như tình trạng sức khỏe của thân thể cũng cần được bác sĩ kiểm tra. Trước kết hôn có tìm hiểu đầy đủ, thì sau kết hôn, tình yêu mới được duy trì bền vững lâu dài.

3. Cần biết quan tâm. Tình yêu không phải hôm nay tặng vàng, ngày mai biểu đồ trang sức, mà có thể duy trì lâu bền; vật chất chỉ mang đến niềm vui nhất thời, chứ không giữ được tình cảm dài lâu. Tình

cảm vợ chồng cần dựa vào sự quan tâm lẫn nhau. Đôi lúc chỉ cần hỏi han nhau một vài câu, như: Em (anh) có khỏe không? Em (anh) làm có nổi không? Sức của em (anh) có chịu được không? Em (anh) có cần anh (em) giúp một tay không? Có điều gọi là vợ chồng hoạn nạn, quan hoài lẫn nhau, so với khi vinh hoa phú quý lại càng phải duy trì tình cảm hơn nữa. Đặc biệt vợ chồng hiện nay, đã không mỗi ngày sáng tối tranh cãi, lại không dài dòng thuyết giáo, mà chỉ quan tâm nhau bằng những lời dịu dàng nhỏ nhẹ. Đôi lúc cần nhìn lâu đối phương, đôi lúc cần mỉm cười với nhau... Quan tâm chăm sóc mới là chất keo gắn bó bền chặt tình cảm vợ chồng.

4. Cần tôn trọng lẫn nhau. Có một số ông chồng chỉ biết kiếm tiền đem về cho vợ, có một số bà vợ chỉ biết siêng năng công việc gia đình, cho rằng như vậy là người chồng chuẩn mực, người vợ hiền thực. Nhưng không biết rằng người nữ không phải lấy chồng vì đồng tiền, người nam cũng không phải cưới vợ vì cần một người giúp việc, cho nên, ngoài tiền bạc, công việc cần biết đối phương, tôn trọng nhu cầu, sở thích của đối phương, cần cung cấp đầy đủ cho đối phương. Yêu không phải là chiếm hữu, mà là cần tôn trọng yêu kính lẫn nhau; nhưng không chỉ tôn trọng cá nhân đối tượng mà còn tôn trọng các thành viên trong gia đình, tôn trọng thú vui, sở thích, kể cả những riêng tư hợp lý của đối phương.

5. Cần biết trợ duyên. Đã là vợ chồng, cần trợ duyên cho đối phương. Ví dụ người chồng học tập chưa hoàn tất, người vợ nên khích lệ chồng đào sâu học hỏi; nếu đi làm về trễ không nên quở trách, mà cần an ủi hỏi han; chức vụ không cao, lương tiền ít ỏi, không nên ghét bỏ, mà cần khích lệ động viên. Thường ngày nên mua thêm sách để giúp người chồng tiến bộ, đặt một vài tờ báo để an ủi chồng đọc lúc ở nhà vắng vẻ. Bạn bè, thủ trưởng của chồng là những ngoại duyên của anh ấy, cần giúp sức một tay để người chồng hãnh diện với mọi người.

6. Cần biết bao dung. Điều quan trọng nhất của hôn nhân là bao dung lẫn nhau. “Người không phải là thánh hiền, nên ai cũng có thể mắc sai lầm”, vợ chồng đôi lúc khó tránh khỏi có những ý kiến khác nhau, cũng giống như răng và lưỡi có khi cắn đụng phải nhau, quan trọng là biết chịu nhịn lẫn nhau, bao dung lẫn nhau.

Có người nói “hôn nhân là nắm mô của tình yêu”. Thực ra, giữa vợ chồng chỉ cần có sự cộng thức, hai bên hiểu biết, quan tâm, tôn trọng, toàn tâm trợ giúp đối phương, đặc biệt là sự bao dung, thì hôn nhân chắc chắn sẽ mãi mãi vững bền.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Gặp chuyện, nhẫn nhịn là diệu sách, nhẫn nhịn có thể giải trừ nguy ách,

Xử thế, lương thiện là của quý, lương thiện có thể làm tăng phước báo.



CHĂM SÓC “ĐÓA HOA” HÔN NHÂN

Trong lòng vô sự là hương hoa của thiên đường,

Ca ngợi lời hay là âm nhạc của thiên đường,

Tôn trọng bao dung là ánh sáng của thiên đường,

Không giận không tham là hiện tại của thiên đường.

Đạo vợ chồng có ba bậc

Giao lưu tình cảm lấy công bằng chính nghĩa làm nguyên tắc; trao đổi ngôn ngữ lấy thông cảm bao dung làm phong thái; chung sống giữa ta và người không lấy trái tình nghịch lý làm lẽ tự nhiên; sử dụng tiền bạc lấy mức thu nhập và mức chi tiêu làm quy tắc.

Giữa vợ chồng với nhau nên ăn ở như thế nào? Đạo vợ chồng có ba cấp bậc, bạn ở cấp bậc nào? Dưới đây xin đưa ra 6 điểm để tham khảo:

Người chồng cấp cao, về nhà giúp vợ lo liệu việc gia đình. Người chồng cấp cao biết nghĩ đến người vợ bận rộn với công việc bên ngoài, còn bận rộn với công việc trong gia đình, nhất định khá vất vả. Sau giờ làm, vì người chồng có thể thông cảm nỗi lao nhọc của người vợ, nên giúp vợ lo liệu việc nhà. Người chồng như vậy chắc chắn là người chồng tốt cấp cao.

Người chồng cấp vừa, về nhà uống trà đọc báo, khen ngợi người vợ. Người chồng không biết giúp vợ làm việc gia đình, về đến nhà, tuy chỉ ngồi uống trà đọc báo, nhưng ít nhất còn biết khen ngợi vợ, cảm ơn vợ đã bỏ công sức lo cho gia đình, người vợ dù có vất vả thế nào cũng cảm thấy ngọt ngào mát ruột.

Người chồng cấp thấp, về nhà khí thế át người, chê trách này nọ. Người chồng cấp thấp nhất là khi về đến nhà thì cho mình là người vất vả nhất, là người đóng góp nhiều công sức nhất cho gia đình. Hoặc là chê vợ nấu nướng không ngon, chê vợ không biết trang điểm, chê này chê nọ đủ điều, đó là người chồng cấp thấp nhất.

Người vợ cấp cao, thu dọn nhà cửa ngăn nắp sạch sẽ, hiền thực lễ độ. Tục ngữ nói: “Nhà có vợ giỏi giang như nước có tướng hiền tài”. Một người vợ giỏi giang biết khai thác nguồn lợi, biết tiết kiệm thu chi, giải quyết thỏa đáng việc nhà, giữ gìn môi trường trong sạch, thái độ ôn hòa mềm mỏng, quan tâm chăm sóc chu đáo, vẻ mặt hiền từ hòa thuận, khiến cho người chồng không có gì để lo lắng.

Người vợ cấp vừa, an ủi, khen ngợi sự vất vả của người chồng. Shakespeare nói: “Một người vợ tốt, ngoài lo toan giải quyết việc gia đình ra, còn là một người mẹ hiền, một người bạn tốt, một người tình say đắm.” Cho nên, khả năng lo liệu việc nhà của người vợ có phần thiếu sót, nhưng ít nhất cũng cần biết nói lời hay đẹp, biết khen ngợi sự đóng góp công sức của người chồng.

Người vợ cấp thấp, huyền thuyên không dứt, khắc bạc ích kỷ. Người vợ cấp thấp, không những không giỏi lo liệu việc gia đình, mà khi người chồng về đến nhà, người vợ còn nói huyền thuyên không dứt, nào là chê trách người chồng chức nhỏ lương ít, nào là than vãn chỗ ở không tốt, áo quần không đủ ấm,

như vậy chỉ khiến cho người chồng cảm thấy gia đình như một nhà tù.

Rất nhiều cuộc hôn nhân thất bại đều là do không biết thông cảm cho nỗi vất vả của đối phương, không thấu hiểu sự đóng góp của đối phương. Vì vậy, đạo vợ chồng nên bắt đầu từ ưa thích lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau, thì khi gặp khó khăn trở ngại mới có thể giúp nhau vượt qua chông gai, vượt qua hoàn cảnh khó khăn, cuộc hôn nhân mới tốt đẹp, vẹn toàn.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bạn lớn tôi bé, không đòi co;

Bạn đúng tôi sai, duyên phận tốt;

Bạn có tôi không, tranh chấp ít;

Bạn vui tôi khổ, hạnh phúc nhiều.



Bí quyết của hôn nhân lâu dài

Sự tu tập của ông Vương rất tốt, bất kể người vợ nói huyền thuyên thế nào, ông đều không tức giận, cùng lắm chỉ hỏi một câu: “Bà ơi, bà nói đã xong chưa?” Nhưng tiếng của bà Vương càng lúc càng lớn hơn.

Có một đạo không nghe tiếng huyền thuyên của bà Vương nữa, thì ra bà đã đọc lên một bài thơ của ông Vương: “Tương bạn lao đao tự hữu duyên, lao đao bán thế ý triền miên, khuyến quân hưu yếm lao đao giả, ninh nguyện lao đao đáo bách niên.” (Thấy bạn huyền thuyên lại có duyên, huyền thuyên nửa kiếp ý triền miên; khuyến người đừng chán người hay nói, thà cứ huyền thuyên đến bách niên)

Từ câu chuyện trên, người ta khuyên những vợ chồng trong thiên hạ rằng: Không liến thoắng nhiều lời, và lời nói lại là của quý (vô thanh thắng hữu thanh, hữu thanh cánh bảo quý), đợi cho đến khi lời huyền thuyên lắng ngớt, thì những ngày qua cũng không còn nhiều. Nói một cách đại khái, hôn nhân trong thiên hạ có thể chia làm hai loại: một loại là hôn nhân có tình cảm, một loại là hôn nhân không có tình cảm. Hôn nhân ngày xưa là do lệnh của cha mẹ, và lời của bà mối, đôi bên nam nữ sau khi kết hôn mới bắt đầu nảy sinh tình cảm; hôn nhân thời hiện đại thì tự do yêu đương, đôi bên nam nữ sau khi đã có tình cảm mới bắt đầu tính đến chuyện cưới hỏi. Đương nhiên, hôn nhân hiện đại cũng phải “theo lệnh của con cái” mới thành thân. Bất kể hôn nhân có tình cảm hay không, ai ai cũng hy vọng hôn nhân sẽ lâu bền mãi mãi, trăm năm hòa hợp.

Hôn nhân là bản khế ước hợp pháp trong việc truyền sinh liên tục của loài người, là quy tắc được công chúng tán đồng. Có người nói hôn nhân là cuộc đen đỏ, có người nói hôn nhân là sổ gửi tiền, có người nói hôn nhân như con diều, có người nói hôn nhân như nhà tù, có người nói hôn nhân là sản phẩm của yêu đương, cũng có người nói hôn nhân là nắm mồ của tình yêu, có người trước khi kết hôn thì đối với hôn nhân xem chết như về, cũng có người sau khi kết hôn thì đối với hôn nhân xem về như chết.

Phụ nữ thời xưa sinh ra không được đối xử bình đẳng với nam giới, cũng không có quyền tự chủ. Phụ nữ lấy chồng muộn cũng bị người đời bàn tán xôn xao; sau khi kết hôn, không thể ngồi ăn cùng mâm với người chồng và con cái, người chồng có thể tùy ý tìm có vợ; phụ nữ ngoài sự cam chịu, còn

phải tuân thủ tam tòng tứ đức, tam tòng nghĩa là tại nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con; tứ đức đó là công, dung, ngôn, hạnh. Ý thức nữ quyền trong xã hội hiện đại được đề cao, giới nữ đã không còn giống như trước kia suốt đời chỉ đóng một vai diễn bị sắp đặt, bị chi phối, do đó, “chủ nghĩa đại nam tử” trong quá khứ đã biến thành “chủ nghĩa người đàn ông tốt đời mới”.

Hôn nhân thời hiện đại chú trọng đến bình đẳng nam nữ, đôi bên nam nữ phải tôn trọng nhau, kính lễ nhau, nhẫn nhịn nhau, bao dung nhau, do đó Hồ Thích đã đổi tam tòng tứ đức của người phụ nữ trong quá khứ thành “tam tòng tứ đức” mà người đàn ông hiện đại phải thực hiện. Tam tòng là vợ ra khỏi nhà phải đi theo, mệnh lệnh của vợ phải tuân theo, vợ nói sai cũng nhắm mắt nghe theo, tứ đức là vợ trang điểm phải đợi, sinh nhật của vợ phải nhớ, vợ trách mắng phải nhịn, vợ tiêu tiền phải đưa. Thực ra, “tam tòng tứ đức” của Hồ Thích là nhắc nhở những đôi nam nữ đã kết hôn phải nên chiều lòng nhau, thông cảm nhau, đôi bên tin tưởng nhau, như vậy mới có thể duy trì cuộc hôn nhân tốt đẹp, trọn vẹn.

Người nam và người nữ trong hôn nhân không thể yêu cầu thay đổi ý nghĩ của đối phương mà là đối phương thích nghi lẫn nhau, tôn trọng đối phương, đôi bên dành cho nhau một khoảng không gian. Hiện tại có người vì cách nặn kem đánh răng, cách cởi vớ của đôi bên không giống nhau mà sinh ra ly hôn, tức là muốn đem hôn nhân làm trò đùa; cũng vì đôi bên không hiểu biết lẫn nhau, không chịu chiều theo những gì đối phương ưa thích.

Nhà triết học Hy Lạp cổ đại Socrates có người vợ rất hung hãn, nói huỵch thuyên suốt ngày, thường làm Socrates bẽ mặt trước đám đông. Có người hỏi kết cục cuộc hôn nhân của Socrates là gì, ông nói: “Người đàn ông cưới một người vợ tốt tính sẽ biến thành một người vui sướng, người đàn ông cưới một người vợ xấu tính sẽ trở thành một nhà triết học.”

Người nam và người nữ trong hôn nhân phải cố gắng và nhẫn nại, phải học tập mở một con mắt, nhắm một con mắt, bỏ qua và chịu đựng khuyết điểm của đối phương. Người nam và người nữ trong hôn nhân phải học tập lắng nghe, không thể truy tìm căn do của mọi việc, đôi lúc cần thông cảm sai sót của đối phương.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Vợ chồng đẹp đôi không phải do trời định, trong cảnh sống chung, nên:

Nhiều hơn sự hóm hỉnh, ít hơn sự toan tính,

Nhiều hơn sự thông cảm, ít hơn sự đố kỵ,

Nhiều hơn sự quan tâm, ít hơn sự chê trách.



Mẹ chồng con dâu và mẹ ruột con gái

Tết Đoan ngọ đã đến, mẹ chồng bảo cô con dâu nấu bánh tét. Cô con dâu không biết gói bánh tét, gói từ sáng sớm đến giữa trưa mà cũng không hề gì gói xong. Khi nấu bánh tét, cô con dâu nghe mẹ chồng gọi điện thoại cho con gái đã lấy chồng bảo nhanh nhanh về nhà ăn bánh tét. Cô con dâu vô cùng tức giận, nói thảm trong bụng: Minh bận đến mồ hôi chảy ướt đẫm lưng, còn bà thì chẳng quan tâm gì đến nỗi vất vả của mình, nay còn gọi con gái về ăn bánh tét nữa! Do trong lòng bất bình nên càng nghĩ càng

tức, cô cởi bỏ cái tạp dề ra, thay áo quần định chạy về nhà mẹ đẻ. Đang khi vừa ra khỏi cửa, chuông điện thoại reo lên, thì ra người mẹ gọi qua nói: “Con gái à, hôm nay mẹ bảo chị dâu con gói bánh tét, con mau mau về ăn bánh nhé!” Cô con dâu nghe vậy hơi ngớ ra, đúng là mẹ và con gái trong thiên hạ đều giống nhau cả!

Trong gia đình, vấn đề giữa mẹ ruột và con gái tương đối ít, vấn đề giữa mẹ chồng và con dâu tương đối nhiều.

Mẹ và con gái có tình cảm của mẹ và con gái, mẹ chồng và con dâu có quan hệ của mẹ chồng và con dâu. Bạn có thể nhận rõ sự quyến luyến vi diệu giữa mẹ ruột với con gái và giữa mẹ chồng với con dâu, tất cả đúng là không có gì để nghi ngờ.

Quan hệ của mẹ và con gái, con gái là máu thịt từ trong thân thể của người mẹ; con dâu rốt cuộc chỉ là người của gia đình khác cưới hỏi đem về, hưởng hờ con gái yêu quý nhất của mình bị bà ta chiếm hữu, quan hệ tốt đẹp của mẹ chồng và con dâu sẽ chôn chặt mọi nguy cơ tiềm ẩn. Mẹ ruột và con gái cũng được, mẹ chồng và con dâu cũng được, chỉ cần nhận ra một cách thấu đáo mối quan hệ hổ tương ấy thì đôi bên mới có thể chung sống.

Thế gian cũng có những quan hệ giữa mẹ ruột và con gái không mấy hài hòa, nhưng cũng có đôi bên mẹ chồng và con dâu thân thiết hơn cả mẹ ruột và con gái. Đạo chung sống giữa người với người, như một cái bát không thể tạo tiếng kêu, hai cái bát mới leng keng thành tiếng. Bác sĩ Triệu Lệ Vân có lần kể chuyện bà và mẹ chồng chung sống với nhau. Bà đã nói ra một bí mật: mẹ chồng và con dâu sống trong một gia đình nên như điệu nhảy Tango, người tiến kẻ lui.

Ngày xưa có hai nhà ở gần nhau, người của nhà họ Trương thì hòa thuận vui vẻ, sống những ngày tràn đầy hạnh phúc, còn người của nhà họ Lý thì ba ngày một lần cãi cọ, năm ngày một lần ẩu đả, sẽ rất khó chung sống với nhau.

Một hôm, người của nhà họ Lý chạy sang hỏi người của nhà họ Trương: Người nhà các bác sao không có cãi vã tranh chấp mà có thể chung sống hòa thuận với nhau như vậy?

- Bởi vì người nhà chúng tôi đều cho rằng mình là người xấu đã làm sai việc này việc nọ, nên có thể chịu đựng lẫn nhau, nên không có mâu thuẫn. Người nhà các bác đều tự cho mình là người tốt, do đó tranh cãi không thôi, thậm chí còn thượng cẳng tay hạ cẳng chân!

- Như vậy nghĩa là gì?

- Ví như tách trà để ở đây, có người không chú ý làm vỡ nó. Người làm vỡ tách trà không chịu nhận sai, lại còn hùng hổ nói lý lớn tiếng mắng: “Ai đã để tách trà ở đây thế?” Người để tách trà cũng không chịu thua cãi lại: “Tao để đó, tại sao mà mày không chú ý làm vỡ nó?” Hai người không ai chịu nhường ai, đều tự cho mình là người đúng, giằng co mãi không thôi, đương nhiên là cứ cãi nhau. Trái lại, người làm vỡ tách trà nếu biết xin lỗi, chỉ cần nói: “Xin lỗi, tôi vô ý đã làm vỡ cái tách.” Đối phương nghe thế, liền nói: “Việc này không nên trách anh, đúng ra là tôi không nên để cái tách trà ở chỗ ấy.” Đôi bên thẳng thắn thừa nhận là lỗi của mình, khiêm nhường lẫn nhau, làm sao có thể sinh ra tranh cãi được?

Cho nên giữa mẹ chồng và con dâu thường áp ử một thái độ “xin lỗi, tôi sai rồi”, cho mình là người

xấu, học tập đức tính của nước là chảy xuống chỗ thấp, khiêm tốn hạ mình, điều tốt nhường người khác hưởng thụ, điều xấu tự mình gánh chịu, từ trong sự nhường bộ chịu thiệt để rèn luyện tâm tính của mình, mở rộng tấm lòng bao dung độ lượng của mình.

Thực ra, ta và người chung sống, không chỉ giữa mẹ chồng và con dâu mới cần nhảy điệu Tango, mà giữa mẹ ruột và con gái, giữa vợ chồng, giữa bạn bè với nhau cũng cần nhảy điệu Tango. Trên đời bất cứ quan hệ nào giữa người với người cũng đều nên học nhảy điệu Tango, bạn tiến tôi lui, tôi tiến bạn lui. Nếu bước chân hai người cùng tiến tới thì sẽ giẫm đạp lên đối phương, nếu cả hai người cùng lui, thì điệu ấy cũng không thể nào nhảy được.

Điệu nhảy Tango ấy giữa mẹ chồng và con dâu phải nhảy thế nào mới hài hòa, mới mềm mại uyển chuyển? Đó là cần nhìn vào sự thỏa thuận ngầm giữa họ với nhau. Sinh mệnh của chúng ta chỉ là một nửa của thế giới mà mọi người liều mạng chen nhau tiến lên nhưng lại không biết rằng sau lưng còn có cả nửa thế giới rộng lớn. Chúng ta nên học tập thái độ không so sánh, không so đo, phải biết ở một góc độ khác để tìm hiểu cuộc đời.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Nếu vừa ý người thì không vừa ý mình;

Nếu vừa ý mình thì không vừa ý người;

Muốn được ý mình như ý người, trừ phi ý người như ý mình;

Người người đều được như ý, mọi người vạn sự như ý.



Bí quyết hạnh phúc của vợ chồng

Có người nói yêu nhau dễ, ở với nhau khó,

Bị mất dễ, bị miệng khó lắm thay, tất cả là thời đã qua.

Có người đem hạnh phúc làm sự nghiệp để kinh doanh, có người vì tự do hôn nhân bảo phải dùng.

Đến cuối cùng thì ai là người thắng, ai là kẻ thua, không ai đánh giá được.

Thực ra hạnh phúc không phải là chỉ dành cho hoàng tử và công chúa, ...

Nhưng cho dù là hoàng tử và công chúa như trong lời đồng dao của trẻ con, thì hạnh phúc cũng cần tưới bón, và yêu quý giúp đỡ nhau.

Tề Dự, “Hạnh phúc thị thập ma”

Vợ chồng chung sống với nhau cần ôn hòa nhẫn nại mới có thể xây dựng một gia đình vui vẻ hòa thuận. Cần lấy thái độ khoan dung thay cho ương gàn cố chấp, lấy lòng thành thật để đối đãi với nghi ngờ bất tín, dùng lối thông cảm để giải quyết sự sai lầm va vấp, lấy bắt cầu báo đáp tình cảm quan tâm của đối phương, như vậy chắc chắn sẽ như nước sữa tan hòa, thân mật khăng khít.

Rốt cuộc giữa vợ chồng với nhau cần phải chung sống như thế nào?

1. Cần trao đổi chuyện trò để biểu hiện sự cảm nhận của đôi bên. Điều quan trọng nhất giữa vợ chồng là trao đổi chuyện trò, có khơi gợi, trao đổi mới hiểu rõ sự cảm nhận của đôi bên, nói ra những điều còn tồn đọng trong lòng mới có cơ hội tiến bộ trưởng thành. Điều gọi là “Bé nhỏ biến thành lớn rộng”, tức là một chuyện nhỏ nhất chất chứa trong lòng lâu ngày, nhưng đôi bên không trao đổi hỏi han, không quan tâm lẫn nhau, tạo thành cuộc chiến tranh lạnh, hố ngăn cách tình cảm ấy có thể càng ngày càng sâu, và thường không thể vãn hồi. Là người chồng cần biết nể vợ. Sự nể vợ có nghĩa là kính nể. Một người đàn ông kính nể vợ tức là biết tôn trọng nữ giới. Một người đàn ông kính nể vợ tức là trong gia đình không so tính quyền lực lớn nhỏ, tất cả cho người vợ là lớn, mình là nhỏ, giao quyền lo liệu việc gia đình cho người vợ gánh vác. Nếu được như vậy, thì gia đình ấy nhất định gọn gàng trật tự, thuận hòa đầm ấm. Trái lại, nếu đề cao chủ nghĩa “đại nam tử”, và so tính quyền lực với người vợ, thì gia đình ấy chắc chắn mây đen khí độc, khó được bình yên. Ông Hồ Thích đã từng cực lực đề xướng “phong trào sợ vợ”, chủ trương tổ chức “Câu lạc bộ sợ vợ” để đề cao địa vị nữ giới trong xã hội.

2. Cần hài hòa để rút ngắn khoảng cách của đôi bên. Vợ chồng chung sống với nhau, thì quan điểm ý kiến, mục tiêu lý tưởng của đôi bên, cách thức làm người làm việc, giao tiếp qua lại, khó tránh khỏi có chỗ bất đồng, những lúc như vậy nên làm thế nào? Cần hài hòa, cần nhường nhịn lẫn nhau, từ trong sai khác tìm sự hòa đồng, số lần như vậy cần nhiều hơn nữa, đôi bên suy nghĩ hình thức và phương pháp làm việc để có thể rút ngắn khoảng cách, và dần dần tạo ra sự thỏa thuận ngầm.

3. Cần thích ứng để tạo ra niềm hứng thú chung giữa đôi bên. Có một số cặp vợ chồng sau khi kết hôn mới phát hiện sở thích của hai người hoàn toàn khác nhau, thông thường vì yêu cầu đối phương theo sự ưa thích của mình nên khiến đôi bên không vui vẻ. Nếu hai vợ chồng cố gắng tạo ra niềm hứng thú giống nhau thì có thể dẫn dắt lẫn nhau, bàn bạc lẫn nhau và có tiếng nói chung.

4. Cần thông cảm, cần khen ngợi sự khó nhọc của đối phương. Có một số người chồng về đến nhà chỉ có phàn nàn mình đi làm việc quá vất vả, mà không tự nguyện giúp đỡ người vợ một vài việc lặt vặt trong gia đình; người vợ thấy người chồng về nhà không giúp đỡ được gì thì đâm ra oán thán mình hàng ngày bận việc trong ngoài túi bụi, quá cực nhọc, những lần như vậy thì cãi cọ và bất mãn có thể xảy ra. Giữa vợ chồng với nhau nên thông cảm sự vất vả của đối phương nhiều hơn, đừng tiếc lời khen ngợi sự đóng góp công sức của đối phương.

Ngạn ngữ phương Đông có câu: “Gia đình hòa thuận, mọi sự tốt lành”, “Vợ chồng hòa thuận, gia đạo mới hưng vượng”, đều nói đến vợ chồng chung sống nên lấy hòa làm quý. Shakespeare cũng nói: “Sự bất hòa trong gia đình là hang ổ của thần nghèo túng”, sự nghèo túng ấy không chỉ là thiếu thốn về mặt tiền bạc vật chất, mà bao gồm cả sự nghèo túng về mặt tinh thần, tâm lý. Rốt cuộc, vợ chồng đồng tâm hợp lực mới có thể cùng đối mặt với thách thức, cùng trưởng thành, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Từ bi là thế giới của sự dịu hiền tốt đẹp,

Tôn trọng là phép màu của may mắn và hoan hỷ,

Cảm ơn là nguồn suối của hạnh phúc và an lạc,

Khen ngợi là pháp bảo của lợi người và cảm hóa người.



Điều kiện chọn vợ chồng

Hứa Doãn người nước Tấn, qua lời của bà mới cưới về một người vợ. Đêm động phòng, thấy mặt vợ, thoạt nhìn mặt mày quá xấu xí, cảm thấy không vui, bèn hỏi vợ: “Phụ nữ cần có bốn đức, đó là công, dung, ngôn, hạnh, vậy xin hỏi nàng có mấy đức? Người vợ nói: “Trong bốn đức ấy, thiếp có đủ ba đức, chỉ thiếu ‘dung’ mà thôi”.

Hứa Doãn không vui, người vợ hỏi lại: “Quân tử có trăm hạnh, vậy chàng có bao nhiêu hạnh?” Hứa Doãn đáp: “Ta có đủ trăm hạnh.”

Người vợ cười nhạo, nói: “Trăm hạnh của người quân tử thì lấy ‘đức’ làm đầu, nay chàng nhìn thấy thiếp, ‘háo sắc’ đã vượt hơn cả ‘háo đức’, sao lại nói có đủ trăm hạnh? Hứa Doãn nghe vậy, cảm thấy rất xấu hổ.

Từ đó về sau, hai người tình nghĩa mặn nồng đến đầu bạc răng long.

Con người nói chung đều tìm đối tượng để kết hôn, bởi vì một nửa phần còn lại là cần làm bạn suốt đời, nên người ta đều chọn ưu điểm mà không muốn khuyết điểm. Thực ra, việc chọn ưu điểm nhất định là tốt rồi, nhưng chọn khuyết điểm chưa hẳn đã là không tốt. Chọn ưu điểm cố nhiên ai ai cũng nói tốt; nếu khuyết điểm có cơ hội cải tiến, thì khuyết điểm cũng có thể trở thành ưu điểm, nên có điều gọi là “nguy cơ tức là chuyển cơ”, điều này chẳng phải là đã nói rõ cho chúng ta biết đó sao?

Có người bàn về hôn nhân nhấn mạnh đến vấn đề môn đăng hộ đối, lấy tiền của, quyền thế để đánh giá, lấy hứa hôn làm quà tặng cảm ơn. Nhưng hôn nhân là chuyện cả đời người, vợ chồng đi với nhau suốt cả cuộc đời, vậy làm sao có thể tùy tiện được? Ngày nay môn đăng hộ đối khó giữ mãi là môn đăng hộ đối; ngày nay có tiền của, có quyền lực, thì khó giữ tiền của, và quyền lực có ngày cũng bị thất thế. Cho nên, hôn nhân không chỉ là điều kiện của một phía, lại càng không thể tự do đa tình.

Rốt cuộc, đôi bên nam nữ nên chú ý đến điều kiện tuyển chọn vợ chồng như thế nào?

1. Hứng thú cần dung hợp. Hôn nhân là sự kết hợp của hai cá thể không giống nhau, hứng thú sai biệt có thể ảnh hưởng cuộc sống chung. Hứng thú của hai bên cần dung hợp với nhau, cùng chung mưu cầu một cuộc sống hài hòa vui vẻ. Nếu hai người ai theo ý nấy thì suốt ngày mâu thuẫn với nhau, không ai chịu ai, như vậy cuộc sống làm sao vui vẻ hạnh phúc cho được?

2. Khuyết điểm cần bổ trợ cho nhau. Con người ai cũng có khuyết điểm, bạn không thể xem vợ, chồng như một vị thánh mà hãy xem họ như là con người để yêu cầu, cần bao dung cả sở trường sở đoản của họ và cả ưu điểm lẫn khuyết điểm của họ. Lại nói, khuyết điểm của mình cũng có rất nhiều chứ! Cho nên đôi bên cần lấy chỗ dài bù chỗ ngắn, lấy cái hay phụ cho cái dở. Quả dưa, quả hồng lúc chưa chín thì chua, chát, nhưng được nắng chiếu rọi, gió phe phất chúng chín mọng thì trở nên ngon ngọt; cho nên chọn đối tượng kết hôn thì chọn ưu điểm, nhưng không nên bài xích khuyết điểm quá đáng, bởi vì khuyết điểm cũng có thể sửa đổi.

3. Cần tôn trọng nhân cách của nhau. Quan niệm truyền thống Trung Quốc đã tạo nên hiện tượng nam tôn nữ ty trong xã hội, cái gọi là chủ nghĩa “đại nam tử” mà nó biểu hiện ra chính là mặc cảm tự tôn của giới đàn ông. Đến ngày nay, ý thức nữ giới đã vùng dậy, tranh đòi nữ quyền; hoặc từ nhỏ được

thương yêu chiều chuộng, nên ở đâu cũng cần người đàn ông chiều cô, giúp đỡ. Trên đây là hai loại nhân cách lệch lạc đều cần cân bằng mới có thể đạt đến sự bình đẳng của nhân cách đáng tôn trọng. Kinh Phật nói: “Ân ái thân mật, cùng lòng khác tướng, tôn sùng kính cẩn, không yếu ớt lạnh nhạt; giỏi việc trong ngoài, nhà giàu phong thịnh, tiếp đãi khách khứa, xưng tán danh lành, đó là chồng vợ.” Đoạn kinh dẫn trên nói rõ sự quan trọng của việc tôn trọng nhân cách lẫn nhau giữa vợ và chồng.

4. Chung sống cần kính trọng lẫn nhau. Vợ chồng chung sống với nhau, nếu không kính trọng lẫn nhau thì cuộc đời lâu bền ấy thực sự không thể vượt qua được. Cho nên giữa vợ chồng cần tôn kính, cùng tin tưởng, cùng thông cảm lẫn nhau, thì sự thân tình ấy mới giữ được lâu dài. Dù thân mật như tình vợ chồng nhưng cũng phải kính trọng nhau như khách.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Học tập vui vẻ có thể trở thành một vị “Phật vui vẻ”,

Học tập tự tại có thể trở thành một vị “Phật tự tại”.

Học tập bao dung có thể trở thành một vị “Phật bao dung”,

Học tập viên thông có thể trở thành một vị “Phật viên thông”.



VỮ KHÍ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ

Làm cho đời đời gọi là đẹp, đời đời mà có sáng chói gọi là lớn.

Phụ nữ phương Đông và phụ nữ phương Tây

Có một phụ nữ phương Đông do người chồng ngoại tình ly hôn, bà hận ông ta mười mấy năm trời; trong hôn lễ giữa bà với một người Australia, hai người vợ trước của người chồng mới đều đến chân thành chúc phúc họ, bà ta vô cùng cảm kích: cùng là phụ nữ, nhưng sự khác biệt về quan niệm Đông-Tây quả là rất lớn.

Trong thế giới loài người, một nửa dân số là phụ nữ, so với đàn ông không thua kém bao nhiêu, thậm chí còn quan trọng hơn cả đàn ông. Nhưng lâu nay, người phụ nữ luôn bị kỳ thị, ngay như giữa những người phụ nữ với nhau, thì phụ nữ phương Đông và phụ nữ phương Tây cũng có những sự đả ngộ vô cùng khác nhau.

Phụ nữ phương Tây được ví như là những thiên sứ của nhân gian, nữ thần của thượng đế, là sứ giả hòa bình, phụ nữ cần được người đàn ông tôn trọng. Cho nên trong xã hội phương Tây, đâu đâu cũng có thể thấy đàn ông nhường chỗ cho phụ nữ, đàn ông nhắc ghế cho phụ nữ ngồi, dìu phụ nữ lên xe... Trong xã hội, người phụ nữ phương Tây được tôn trọng đầy đủ, do đó, ở phương Tây, có nhiều phụ nữ là giám đốc, là hiệu trưởng, là nhà doanh nghiệp, tất cả giới nữ đều có thể ngẩng cao đầu, thành đạt ngang với đàn ông, ít có người phụ nữ nào cam chịu giới tính của mình, chấp nhận thua kém giới đàn ông nửa bước.

Ở phương Tây, tài sản để lại của cha mẹ không chỉ giao cho con trai, mà con gái cũng được chia đều. Thậm chí rất nhiều phụ nữ chủ trương yêu cầu người chồng phải trả lương. Thực ra, nếu đúng là trả lương thì người chồng không trả nổi, bởi vì thời gian người phụ nữ làm việc ở gia đình tính ra nhiều hơn so với thời gian công tác của người chồng ở bên ngoài, với lại công việc cũng khá nhiều và nặng nhọc, tiền lương nhất định phải rất cao.

Tuy việc trả lương chưa hẳn đã thành sự thật, nhưng chắc chắn đàn ông, phụ nữ phương Tây không có vấn đề ai nuôi ai, mọi người thực sự được tôn trọng như nhau, có địa vị bình đẳng. Quan điểm “nam nữ bình đẳng”, thể hiện địa vị và giá trị của người phụ nữ.

Phụ nữ phương Đông thường bị cho là “bà chằng gieo họa”, “quỷ Dạ xoa”, “cọp cái”, “sư tử Hà Đông”... Người đàn bà đẹp cũng thường bị ví như “người đẹp độc ác”, “hồ ly tinh”. Người phương Đông thường hình dung người đàn bà rất đáng sợ, cho nên hàng ngàn năm nay, phụ nữ phương Đông muốn tranh giành địa vị nam nữ bình đẳng, nhưng trước sau chỉ là mộng tưởng. Nhiều năm trước đây, phụ nữ phương Đông chỉ như là người giúp việc trong gia đình, ba bữa cơm được dọn lên, đàn ông luôn ăn trước. Đàn ông có thể năm thê bảy thiếp, đàn bà chỉ may may nghi ngờ bị mất trinh, thì cả xã hội đều nhìn người đàn bà ấy bằng nửa con mắt. Trong nhà nếu có chuyện không may xảy ra, nhất định trách người đàn bà có số tử vi không tốt, là “sao chổi”, là “số khắc phu”. Đàn ông có thể bỏ vợ, nhưng không bao giờ nghe nói đàn bà có thể “bỏ chồng”. Đàn ông trong xã hội, đi đâu cũng đều nói “phụ nữ không có tài ấy là đức vậy”, phụ nữ không cần phải học hành, chỉ cần lo liệu việc nhà, nuôi nấng con cái, đã là vợ đảm mẹ hiền. Đáng thương cho người phụ nữ, cả đời chịu đủ thứ giày vò, chỉ vì tâm tính

lương thiện mà cam tâm tình nguyện.

Trên đây là những so sánh giữa phụ nữ phương Tây và phụ nữ phương Đông, nhưng chưa hoàn toàn đúng. Phương Tây cũng có những người đàn bà bị ngược đãi, phương Đông cũng có những người phụ nữ được hạnh phúc. Phật giáo nói: “Chúng sinh đều có Phật tính”, về bản chất, chúng sinh đều bình đẳng, loài người có quan niệm bình đẳng mới có thiện đức của Phật tính.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Thế giới ta bà có đủ thứ đau khổ, bất hạnh, oan ức, bất bình,

Làm thế nào mới có thể sống đời tự tại? Chỉ có một cách duy nhất,

Đó là dùng trí tuệ Bát nhã của mình tìm đến tịnh độ ở trong tâm.



Hương vị của người mẹ

Cha mẹ sinh ra ta, nuôi nấng ta, cha mẹ dạy bảo ta, dưỡng dục ta, ta chỉ nhận ở cha mẹ mà báo đền thì rất ít. Khi ta kêu khóc, cha mẹ cho ta niềm vui, khi ta thất vọng, cha mẹ động viên khích lệ ta; ăn mặc, đi ở, cha mẹ đều cung cấp, giúp đỡ ta; khi bị trắc trở hoạn nạn, cha mẹ an ủi vỗ về ta. Bao nhiêu đáng hiền lời ngọt, bao nhiêu dịu dàng thông cảm của cha mẹ, ta cũng chẳng báo đáp được bao nhiêu!

Một số người xa quê hương học tập, làm việc, thường nhớ đến hương vị của mẹ ở trong gia đình; thậm chí ngay trong cuộc đời của mỗi người, thỉnh thoảng cũng hồi tưởng thời gian trưởng thành đều có hương vị của mẹ, chẳng hạn những chuyện xa xưa của thời thơ ấu như hơi ấm bông ả của mẹ, dòng sữa ngọt ngào của mẹ, lời dạy bảo nhẹ nhàng đầy thương yêu của mẹ, cách giả vờ để đùa bỡn với bé của mẹ...

Điều gọi là “hương vị của mẹ”, thực ra đó là tấm lòng của người mẹ hiền dịu. Lòng yêu thương hiền dịu của mẹ mỗi một người con nào cũng đều cảm nhận, cho nên từ bé đến lớn, thậm chí khi mình đã làm cha làm mẹ đều luôn luôn nhớ đến “hương vị của mẹ”.

Vậy hương vị của mẹ là gì?

Lời nói của mẹ. Khi còn là đứa bé bọc trong tã lót, mẹ đã tự nói một mình với em bé. Đến lúc đứa bé ê a học nói, người mẹ từng chữ từng câu dạy cho bé nói năng. Mới đầu chỉ học một chữ như “nào”, “ngoan”, “tốt”; tiếp theo là hai chữ, như “cục cưng”, “bão bão”, “ăn ngoan”. Sau đó là dạy nói đến ba chữ, bốn chữ, cho đến khi đứa bé có thể diễn đạt ý nghĩ của mình, lúc ấy có những đứa con lại bắt đầu trách mẹ nói nhiều, một câu đã nói rồi lại nói nữa, đã dặn rồi lại dặn nữa. Cứ cho là mẹ nói nhiều, nhưng cũng phải cảm ơn sự ân cần yêu thương của mẹ.

Hành động của mẹ. Đối với đứa bé, sự quan tâm chăm sóc của mẹ thường biểu hiện qua hành động. Ví như, mẹ dang vòng tay ra, tức là biết mẹ muốn ôm ta; mẹ giấu tay sau lưng, tức là mẹ đang cất giữ một vật gì muốn cho ta. Mẹ làm ra vẻ muốn đánh ta, nhưng thực ra trong lòng mẹ đang yêu thương ta; mẹ ôm ta vào lòng, đó là lúc mẹ cảm thấy vui sướng nhất; mẹ ư ư không thành câu chữ, kỳ thực là biểu hiện ý yêu thương đối với ta; mẹ sợ ồn ào làm tỉnh giấc ngủ say của ta, nên nói nhỏ đi nhẹ; mẹ đặt ta vào nôi thực ra là mẹ đang đặt ta vào lòng của mẹ.

Nét mặt của mẹ. Thời kỳ trẻ con, mẹ là tất cả của đứa bé: nét cười của mẹ đó là thiên đường; vẻ mặt u ám của mẹ, đó là chuyện buồn của nhân gian. Bất kể mẹ có những chuyện lo nghĩ gì, nhưng đứng trước mặt em bé, nhất định xem như không có việc gì, nét mặt vẫn vui vẻ tươi cười. Đôi mắt của mẹ là đại dương màu xanh trong lòng của bé; đôi môi của mẹ nói lời hay hơn cả chim hoàng anh đang hát.

Tình ý của mẹ. Tình ý của mẹ vô cùng sâu rộng, nhưng đứa bé trẻ thơ không thể nào hiểu hết, có lúc bé cố ý kêu khóc, tức là muốn mẹ ôm mình một lát, thậm chí quấy rầy vô lối, những muốn được mẹ quan tâm. Trong tâm hồn bé bỏng của đứa trẻ, chỉ muốn chinh phục người mẹ, khiến cho mẹ hoàn toàn là sở hữu của mình, đâu có thể hiểu thấu trong lòng mẹ còn có đủ thứ những phiền não thị phi của thế giới người lớn?

Bữa ăn của mẹ. Mẹ mang thai khó nhọc, chịu khó bên ướm mẹ nằm bên ráo con lăn, đó đều là những việc người khác không thể thay thế được, thậm chí ba bữa ăn của mẹ lại càng thể hiện “hương vị của mẹ”. Mẹ sửa soạn ba bữa ăn cho gia đình, đủ các thứ mùi vị chua cay mặn nhạt, đều chiều theo ý thích của em bé, không hề nghĩ đến mình nên ăn những gì, luôn luôn muốn đem lại niềm vui cho đứa con thơ đại trong việc ăn uống.

Cuộc đời của mẹ, từ lúc con cái ra đời cho đến lúc lớn khôn tự lập, mãi mãi yêu thích con cái, cần có con cái, cho nên cuối cùng “hương vị của mẹ” còn là niềm yêu thích con cái, đó là sự thực khó có thể phân biệt cho rõ ràng.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Cuộc sống như củi cháy hết thì có lửa truyền, tức là đời đời liên miên không dứt,

Dù cho con người trên đời lui tới không nhất định,

Nhưng chân tâm Phật tính của chúng ta luôn luôn không đổi.



Vũ khí của người phụ nữ

Hán Vũ Đế đã từng vì một việc sai trái của bà nhũ mẫu mà muốn xử tử bà ta. Nhũ mẫu quá sợ bèn chạy đến nhà Đông Phương Sóc cầu cứu, Đông Phương Sóc nói: “Bà cứ để cho nhà vua xử tử, nhưng khi bà đi qua trước mặt nhà vua, bà nhớ phải nhiều lần quay đầu nhìn nhà vua.”

Sau đó, sai người đến bắt nhũ mẫu dẫn đi thọ hình, khi đi qua trước mặt Hán Vũ Đế, nhũ mẫu quay đầu nhìn Hán Vũ Đế, Đông Phương Sóc đứng bên cạnh, giả làm bộ mặt tức giận, mắng lớn: “Bà già kia, sao không đi nhanh lên! Hiện giờ hoàng thượng đâu còn cần sữa của bà nữa!”

Hán Vũ Đế nghe thế, trong lòng bỗng rộng lên, hàng loạt những chuyện trước đây hiện ra trước mắt, nhà vua bèn tha tội chết cho nhũ mẫu.

Con người muốn sống còn cần phải có sức mạnh. Phụ nữ mềm yếu nhưng lại rất kiên cường. Đối lại với sức mạnh, dũng khí, can đảm của đàn ông, phụ nữ được trời ban cho những thứ vũ khí nào?

1. Nước mắt. Thứ vũ khí phụ nữ thường dùng nhất là nước mắt, nó thể hiện sức mạnh của giới nữ. Nước mắt vốn là vũ khí của trẻ con, nhưng đôi lúc để biểu hiện một phần của người yếu đuối, phụ nữ

cũng dùng nước mắt để thị uy. Rất nhiều trường hợp hội họp xảy ra chuyện tranh luận, phụ nữ không nói lại cánh đàn ông, họ dùng nước mắt để thay thế, khiến một số đàn ông mềm lòng, chỉ còn cách kết thúc qua loa cho xong chuyện.

2. Cãi cọ. Là khả năng mạnh nhất của người phụ nữ đối phó với những thành viên trong gia đình, trước đây có điều gọi là “nhất khóc, nhì cãi, ba treo cổ tự tử”. Vỡ kịch ấy thường diễn ra trong gia đình, và cũng chẳng phải là phúc phận của gia đình. Xã hội hiện đại coi trọng giáo dục, coi trọng lý chứng rõ ràng, dùng đạo lý mới có thể thuyết phục người khác, dùng cãi cọ không thể thuyết phục được ai cả. Cho nên người cãi vã, quấy rầy vô lối thì không ai đếm xỉa đến, và cũng không ai thêm làm bạn với người ấy.

3. Làm nũng. Làm nũng cũng là một thứ vũ khí của phụ nữ. Loại vũ khí này không thể dùng bừa, chỉ có thể làm nũng một cách hạn chế trước mặt cha mẹ, ông bà, hoặc thỉnh thoảng sử dụng trước mặt người chồng của mình, và cách này cũng có thể đạt được mục đích, thu được kết quả. Nhưng cuộc sống bình thường cần có luân lý đạo đức bình thường, không thể vượt qua bình thường, không thể lạm dụng, nếu không, đến một lúc nào đó người ta sẽ coi thường, và việc làm nũng sẽ không có tác dụng nữa.

4. Sắc đẹp. Tục ngữ nói: “Anh hùng khó qua ả mỹ nhân”, người phụ nữ xinh đẹp dịu hiền thường dùng phong thái mềm mại nhu mì để chinh phục đàn ông, khiến cho cánh đàn ông phải khuất phục. Do đó, phụ nữ có thể sánh vai hoạt động trong xã hội cùng với nam giới.

5. Quan tâm, chăm sóc. Vũ khí tốt nhất của phụ nữ còn thể hiện ở mặt tích cực, như quan tâm, chăm sóc. Đây là sức mạnh rất to lớn. Người phụ nữ dịu hiền, quan tâm chăm sóc mới có thể làm tăng thêm tình cảm vợ chồng, mới có thể có được sự kính trọng của các thành viên trong gia đình; người phụ nữ biết quan tâm, chăm sóc mới là một tay cao thủ thượng thừa. Một lời an ủi, một tách trà nóng, một miếng bánh bao,... trong một thời khắc thích hợp còn mạnh hơn cả đầu đạn nguyên tử. Nguyên tử có thể giết người, nhưng không thể khiến con người tâm phục; chỉ có quan tâm, chăm sóc mới có thể chinh phục lòng người.

6. Lòng yêu thương. Người phụ nữ cần có lòng yêu thương, đối với cha mẹ chồng cần chân thành hiếu kính, đối với con cái cần chịu khó răn dạy, đối với người chồng cần tận tâm giúp đỡ. Khi ra ngoài xã hội, người phụ nữ cần thăng hoa lòng yêu thương ấy thành lòng từ bi. Lòng từ bi, sự chăm sóc rất cần cho xã hội, ví như quyên góp làm việc công ích, tham gia công tác từ thiện, cứu giúp người nghèo khổ... Những hoạt động như vậy đều được xã hội ca ngợi, đồng thời cũng có thể bồi dưỡng đức hạnh của chính mình.

Ngoài ra, còn một thứ vũ khí quan trọng nhất của người phụ nữ, đó là trí tuệ. Phụ nữ có trí tuệ, biết cương biết nhu, biết tiến biết thoái; phụ nữ có trí tuệ biết lớn biết nhỏ; phụ nữ có trí tuệ biết trong biết ngoài.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Yêu thương mới có được sự yêu thương, hận thù không thể có được yêu thương;

Kính trọng mới có được sự kính trọng, tức giận không thể có được kính trọng.



Cuộc đời của người phụ nữ

Hôm ấy bước vào động phòng, hai chân người vợ đạp lên đôi giày của người chồng. Người chồng cười nói: “Lại giở trò mê tín.” Người vợ nói: “Mẹ em bảo đạp lên giày của người chồng thì suốt đời không bị người chồng tức giận.”

Về sau, người vợ sai người chồng bưng xô nước tiểu đi đổ, người chồng làm ngay; trồng cây ngoài ruộng, người vợ bảo trồng cây gì thì người chồng trồng cây ấy; người chồng đang ngồi nói chuyện phiếm với người khác, người vợ gọi một tiếng, người chồng ngoan ngoãn chạy về nhà. Người vợ quản chặt được người chồng vô cùng đắc ý. Đến một hôm, người vợ nói trước mặt người chồng là bà mẹ chồng không tốt, người chồng nổi giận, nói: “Cô biết vì cái gì mà tôi làm theo cô không? Trước đây cha tôi tính khí nóng giận, thường hay đánh đập mẹ tôi. Tôi quyết thề nếu tôi cưới vợ, tuyệt đối không làm đau một cái ngón tay của vợ. Tôi không bao giờ quên câu nói của mẹ tôi, ‘Vợ là người đáng được người chồng yêu thương chứ không phải bị người chồng đánh đập’.”

Người vợ ngăn người kinh ngạc, từ đó thay đổi thành một người khác, đối xử với người chồng rất dịu dàng, nhỏ nhẹ, tận tình chăm sóc. Có người lấy làm lạ, hỏi: “Làm sao mà chỉ dạy hay như vậy?” Người chồng nói: “Đánh đập thì người vợ chỉ phục ngoài miệng, yêu thương thì người vợ mới phục trong lòng.”

Trên đời có đàn ông thì cũng có đàn bà. Có người đàn ông oán thán, hận là mình không sinh ra làm phận nữ nhi; có người đàn bà lại oán thán mình sinh phải nhằm đàn bà khổ đời. Rốt cuộc làm phụ nữ tốt hay không tốt? Tôi thử trình bày “cuộc đời của người phụ nữ” như sau:

Thứ nhất, cuộc đời của người phụ nữ bị người khác quản lý. “Bị người khác quản lý” tức là số phận buộc phải như vậy, không thể nào khác. Cha mẹ ngày trước dạy dỗ trông nom con gái khá nghiêm khắc, ví dụ như nói năng không được lớn tiếng, không được tranh giành đồ vật với anh trai em trai, trong nhà có khách không được xuất đầu lộ diện, phải học tập nữ công gia chánh từ nhỏ, phải giúp đỡ việc gia đình, phải coi sóc nhà cửa, không cho phép đi ra ngoài. Trái lại, con trai trong nhà tương đối tự do hơn. Sau khi xuất giá, phụ nữ lại bị chồng quản lý. Đàn ông là người chủ của gia đình, yêu cầu người vợ chăm lo việc tính toán thu chi trong gia đình, coi sóc xử lý vệ sinh trong ngoài, hàng ngày phải giặt áo quần, nấu cơm nước, cung cấp ăn mặc cho toàn thể các thành viên trong gia đình, lại còn phải hòa mục thuận thảo với người thân và bạn bè, phục vụ cho bà con bằng hữu phải đặc biệt cẩn nhắc chừng mực. Ngoài ra, người chồng bận rộn công việc làm ăn bên ngoài, người vợ ở nhà phải lo ứng phó nhiều mặt. Thường ngày thức khuya dậy sớm, chải đầu trang điểm, đi chợ mua sắm, người chồng đều đòi quản... Người phụ nữ sau khi kết hôn có danh xưng rất kêu là “nữ chủ nhân”, nhưng trên thực tế đều chịu sự giám sát và quản lý nghiêm ngặt trong tầm mắt của người chồng. Đợi cho đến lúc con cái khôn lớn thì người mẹ đã trở nên già lão, và lúc ấy lại phải bị con cái quản. Con cái không những thường hay chê mẹ cái này không biết, cái kia không hiểu, mà thậm chí còn luôn luôn ra lệnh mẹ không thể làm điều này, mẹ không thể làm điều kia... Đó là sự miêu tả chân thực đáng thương về cuộc đời của người phụ nữ.

Thứ hai, cuộc đời của người phụ nữ bị người khác sử dụng. Như trên đã nói, cuộc đời của người phụ nữ tuy được gọi bằng danh xưng hay đẹp là “nữ chủ nhân”, nhưng trên thực tế phần lớn thời gian của cuộc đời bị người khác lợi dụng. Có một số người con gái trước khi chưa lấy chồng thì thân kiêm luôn chức năng của người mẹ, giúp đỡ chăm sóc em út; sau khi lấy chồng, ngoài việc hầu hạ cung phụng cha

mẹ chồng, còn phải giúp chồng dạy con. Có những phụ nữ sinh đẻ nhiều, lúc con cái còn nhỏ, vừa cõng con trên lưng, vừa tay bồng tay dắt, rồi còn phải nấu cơm, nấu canh, làm việc nhà, thật là vô cùng vất vả. Theo thống kê, thành quả công việc hàng ngày của người phụ nữ vượt xa người đàn ông làm việc ngoài xã hội. Nếu phụ nữ làm việc gia đình có ăn lương thì thu nhập tất nhiên phải cao hơn người đàn ông.

Thứ ba, cuộc đời của người phụ nữ bị người khác ức hiếp. Phụ nữ từ nhỏ vì thể chất yếu ớt, mảnh khảnh, nên trong nhà không thể nào tranh hơn thua với anh trai em trai, chỉ thường bị ức hiếp. Gặp chuyện cãi cọ ồn ào, cha mẹ cũng chỉ có trách mắng con gái: Mày là con gái, sao lại tranh chấp với anh trai em trai? Lớn lên, ra xã hội tìm việc, phụ nữ dễ bị xem thường. Cùng công tác, cùng chức vụ, nhưng đàn ông được đãi ngộ vượt trội hơn phụ nữ, đặc biệt là nếu có cơ hội thăng chức, thì phụ nữ thường không dễ được ưu tiên chiếu cố, cũng không được coi trọng và tiến cử. Nữ hoàng nước Anh có địa vị cao, nhưng trong số phụ nữ chiếm một nửa nhân khẩu thế giới có mấy người được như nữ hoàng Anh?

Thứ tư, cuộc đời của người phụ nữ được người khác yêu thương. Điều hạnh phúc nhất của người phụ nữ là được người khác yêu thương. Có những bé gái được cha mẹ có đầu óc tiến bộ yêu thương, trở thành hạt minh châu được nâng niu bảo bọc. Lớn lên, thướt tha mềm mại, xinh đẹp nết nã, được nhiều nam tử theo đuổi, tôn sùng là tiên nữ, đó là thời gian hạnh phúc nhất của người con gái. Đến lúc hoa thơm có chủ, cần nhìn xem mức độ người chồng yêu thương cô ấy như thế nào. Có những phụ nữ tuy lấy chồng quyền quý, nhưng đáng tiếc chuyện đời phức tạp, hồng nhan bạc phận; có những phụ nữ ganh ghét kiêu ngạo lại gặp bao nhiêu là phiền não. Chỉ có những phụ nữ phát huy lòng yêu thương của nữ tính, tỏa sáng cái đức của người mẹ hiền, thì dù đến già lão cũng được người đời tôn trọng. Điều đó chỉ cần nhìn sự biểu hiện của người phụ nữ là có thể nhận ra.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Con cái có sự dạy bảo của người mẹ hiền, đó là điều hạnh phúc nhất của con người;

Người chồng có người vợ hiền giúp đỡ, đó là cảnh giới tốt đẹp vẹn toàn nhất của thế gian.



Đức của người phụ nữ

Đức của người phụ nữ đưa dẫn ta tiến lên.

Goethe, “Faust”

Phụ nữ ngày nay vất vả hơn phụ nữ ngày trước. Họ thường phải đóng nhiều vai trò khác nhau. Ban ngày phải đi làm, tan sở phải nhanh chóng về nhà nấu ăn, đốc thúc con cái làm bài, học bài, dọn dẹp nhà cửa v.v... Giữa trưa hay nửa đêm mới có chút thời gian để làm việc của mình, đọc chút sách báo. Làm thế nào để trở thành một người phụ nữ vừa thông thả vừa có trí huệ? Điều này cần phải có một cái tâm bình thường, dù làm việc gì cũng phải làm hết nhân duyên của mình, đem hết sức lực để gánh vác. Làm vợ thì làm hết chức năng của người vợ, làm mẹ thì làm như người mẹ thật sự, trong xây dựng sự nghiệp thì làm một người tôn kính sự nghiệp ấy.

Phụ nữ có bốn đức:

1. Là người con dâu, cần phải hiếu thuận với cha mẹ chồng. Làm một người con dâu không những phải chăm sóc chồng, con mà còn phải hiếu thuận với cha mẹ chồng. Đặc biệt người con dâu đến từ một bối cảnh trưởng thành khác nhau, nghĩa là không cùng huyết thống trong một gia đình, nên trong sinh hoạt hàng ngày, ngôn ngữ, cử chỉ khó tránh khỏi có chỗ chưa quen, cuộc sống mới phải tích cực chủ động để thích ứng. Ví như nhà thơ Vương Kiến đời Đường kể lại tâm lý căng thẳng của người con gái mới về làm dâu trong bài “Tân giá nương”: “Tam nhật nhập trù hạ, tẩy thủ tổ canh thang, vị ám cô thực tính, tiên khiển tiêu cô thường” (Ba ngày vào nhà bếp, rửa tay nấu cơm canh, chưa tường tính mẹ thích, nên nhờ cô nếm giùm). Có thể dùng trí thông minh nhanh nhạy để xử lý những việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt, những thành viên trong gia đình sẽ vui vẻ, cuộc sống sẽ thuận lợi.

2. Là người vợ cần phải kính trọng và phục vụ chồng. Một không khí gia đình vui vẻ đầm ấm cần dựa vào sự sáng tạo chung giữa vợ và chồng. Làm người vợ, trước mặt người khác cần phải nể mặt người chồng ba phần, giải quyết khéo léo ý kiến người khác, dùng trí tuệ hóa giải vấn đề. Cần khích lệ nhiều hơn, điều này không chỉ làm tăng thêm sức mạnh mà còn có thể đem lại ảnh hưởng sâu đậm cho con cái. Vợ chồng tin tưởng lẫn nhau, đôi bên dành cho nhau khoảng không gian đáng tôn trọng, như vậy có thể giảm bớt những mâu thuẫn không cần thiết.

3. Là người mẹ cần phải yêu thương con cái. Xã hội ngày nay, nhiều người chồng chỉ nghĩ đến chuyện kiếm tiền, còn việc dạy dỗ con cái thì không mấy quan tâm. Người ta tạo ra nhiều hình thức như “chìa khóa nhi đồng”, “bữa ăn nhanh nhi đồng”, “vi-ta-min nhi đồng”... Nhưng tình thương của mẹ thì không có cách gì có thể thay thế được. Lòng yêu thương chân chính của mẹ sẽ hướng dẫn trẻ con nhận biết giá trị của cuộc sống, quan tâm đến sự sung khổ của cuộc đời. Người mẹ lấy mình ra để răn dạy thì con cái dần dần thay đổi, khiến cho cuộc đời của chúng có phương hướng đúng đắn.

4. Là người em gái cần phải hòa thuận với anh em. Trong nhà hòa thuận thì gia đạo hưng vượng; chuyện ngoài hòa thuận thì mọi việc ắt nên. Một người phụ nữ có trí tuệ, không những biết kính yêu người chồng, hiếu thuận với cha mẹ chồng, mà còn biết tử tế với bà con, hòa mục với xóm giềng và kết giao quan hệ tốt đẹp với bạn bè thân hữu, đến nỗi trở thành người hiền nội đối với sự nghiệp của người chồng, xây dựng thành công nhân duyên tốt đẹp cho sự nghiệp. Cho nên có thể nói hòa thuận là cái gốc của gia đạo hưng vượng.

Đẹp là một thứ cảm giác vui vẻ, một thứ đức hạnh nội tại. Người phụ nữ trong gia đình cần làm Bồ tát Quan Thế Âm, nên có điều gọi là “Ngàn nơi cầu nguyện ngàn nơi ứng nghiệm”, hóa thân làm Bồ tát tức là đem từ bi hoan hỷ đến cho mỗi cá nhân, khi mỗi người tiếp nhận sự hoán chuyển nhiều vai trò khác nhau thì đó là người phụ nữ tốt đẹp nhất, chính là:

Dùng nét mặt dịu hiền nhìn người khác thì được người khác dịu dàng,

Dùng thái độ khiêm cung đối xử người khác thì được người khác tôn trọng,

Dùng cái tâm cung kính đối đãi người khác thì được người khác kính trọng.

Dùng lời lẽ khen ngợi nói với người khác thì được người khác kết duyên phận.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nét mỉm cười của ông bà là mặt trời của con cháu;

Tiếng nói của con trẻ là âm nhạc của cha mẹ;

Lời yêu thương của vợ là ngọn gió mát của người chồng;

Cánh tay của người chồng là chỗ nương tựa của cả gia đình.



Nét đẹp của phụ nữ

Mai làm cho con người cao khiết, lan làm cho con người thanh nhã, cúc làm cho con người thu nhàn, sen làm cho con người thanh đậm.

Trương Triều, “U mộng ảnh”

Đẹp là điều mà mỗi phụ nữ đều khát khao và theo đuổi. Hiện nay giới nữ đang nghĩ mọi cách để bảo vệ làn da, làm đẹp dung mạo, trang điểm, giải phẫu thẩm mỹ, nghĩa là cố gắng hết sức vì sắc đẹp của mình. Giới nữ thích đẹp, nhưng không hẳn là chỉ đẹp về diện mạo, mà còn bao gồm mấy điểm dưới đây:

1. Đẹp giản dị. Chịu ảnh hưởng của giáo dục tri thức hiện đại, một trang điểm của nữ giới đã chuyển từ cách tô hồng chuốt lục trong thời quá khứ thành phong cách tự nhiên giản dị và lịch sự. Trương Hộ đời Đường trong “Tập Linh Đài” có câu: “Khước hiềm chi phấn ô nhan sắc, đạm tẩy nga mi triều chí tôn” (Lại ngại phấn son dơ nhan sắc, mà quên tẩy nga mi triều chí tôn) (Lại ngại phấn son dơ nhan sắc, mà quên tẩy trang cho vua). Người đẹp chân chính là phải đẹp về chất, còn các vật trang sức bên ngoài không quan trọng lắm. Vậy nên phụ nữ không nhất thiết phải trang điểm thật kiêu diễm, mà chỉ cần giản dị lịch sự cũng là một thứ đẹp rồi.

2. Đẹp điềm đạm. Có người phê bình phụ nữ tập trung lại với nhau thì nói huyền thuyên đủ thứ, ồn ào như một cái chợ. Nữ giới bị cho rằng vì tính tình bộp chộp, hung dữ nên thường bị hình dung là “sư tử Hà Đông”. Truyền thuyết kể rằng Ba Tư Nặc Vương có một người con gái, vì dung mạo quá xấu xí, nên không dám đi theo chồng ra ngoài giao tiếp. Mỗi ngày bà lễ Phật, trong lòng tự nhiên tỏ lộ sự an định thông dong, dung mạo nhân đó cũng có chiều thay đổi. Điều đó gọi là người mãi kiên trì an định, tĩnh lặng thì tinh thần dễ thăng hoa, thể hiện một thứ mỹ cảm đặc biệt.

3. Đẹp khỏe mạnh. Thân thể của người phụ nữ béo gầy không quan trọng, nhưng cần thiết phải khỏe mạnh. Hiện nay có một số người phụ nữ ăn kiêng để cho thân thể yếu điệu mảnh khảnh, thậm chí mua những thức ăn giảm béo không qua kiểm nghiệm của cơ quan chức năng, kết quả tổn thương đến thân thể, và có thể nguy hại đến tính mệnh. Thôi Hộ đời Đường có câu thơ “Nhân diện đào hoa tương ánh hồng” (mặt người hồng hào như màu hoa đào), tức muốn nói phụ nữ phải có thân thể khỏe mạnh mới có sắc mặt hồng hào tươi mịn, mới hiện rõ nét đẹp của phụ nữ.

4. Đẹp trong lời ăn tiếng nói. Có người nói năng dịu dàng lịch sự, nghe ra như được tắm mát suối xuân, có người giỏi về viện dẫn nghe rất thích thú hấp dẫn, đó đều là những nét đẹp trong cách ăn nói. Năm 1943, Tổng Mỹ Linh diễn thuyết tại Quốc hội Hoa Kỳ, bà nói chỉ trong khoảng 20 phút, nhưng đã hấp dẫn rất nhiều người Mỹ hôm đó; “người đàn bà thép” nước Anh, bà Thatcher, được xem là thủ tướng diễn thuyết hay nhất trên chính trường nước Anh, sau thủ tướng Churchill. Do đó, là phụ nữ cũng cần biểu hiện nội hàm, phong cách ăn nói không thể thiếu.

5. Phong thái đẹp. Bạch Cư Dị trong “Trường hận ca” chỉ cần “đưa mắt mỉm cười vẻ đẹp xinh, sáu cung trang điểm đều như không” (hồi mâu nhất tiếu bách mị sinh, lục cung phấn đại vô nhan sắc) để hình dung sức hấp dẫn về phong thái của Dương Ngọc Hoàn thể hiện trong cử chỉ động tác của nàng. Thực ra, phong thái không chỉ ở sự thể hiện bên ngoài, ví như tỳ kheo ni Đại Ái Đạo uy đức hơn người, tỳ kheo ni Diệu Hiền đức mạo kiêm toàn, họ đều vì tu dưỡng cao thượng mà được mọi người tôn trọng, kính yêu. Tu dưỡng trang nghiêm, cử chỉ đoan chính, thể hiện một phong thái đẹp.

6. Đẹp trí tuệ. Socrates nói: “Trên thế giới, ngoài ánh sáng mặt trời, không khí, nước và nụ cười, chúng ta còn cần phải có trí tuệ.” Nữ tác gia người Mỹ Suzanne Santos được công nhận là “lương tâm của nhân dân Mỹ”, là “Paganini của phê bình văn học”; Lý Thanh Chiếu đời Tống là phụ nữ xuất sắc về tài làm thơ, văn, từ; đến như đồng nữ Diệu Huệ là người có trí tuệ thâm diệu, phát nguyện vãng vàng được mọi người kính trọng; tỳ kheo ni Tịnh Kiểm thanh nhã lễ độ, thuyết giảng giáo hóa lưu loát như gió lùa cỏ rạp. Họ đều thể hiện nét đẹp thông minh nhanh nhẹn của trí tuệ vốn có.

7. Đẹp khí chất. Trang điểm cho xinh đẹp chỉ là tạm thời, nét đẹp chân chính lâu dài thường tỏ lộ ở khí chất của nội tâm. Khí chất như dòng nước thơm, lan tỏa hương thơm khắp chốn, ví như gần đây Lâm Huy là người thành thạo về kiến trúc và nghệ thuật, dịu dàng mà kiên định, tình cảm sâu nặng mà chân thành, thái độ tự tin cao khiết của bà khiến mọi người khâm phục.

8. Đẹp tâm hồn. Vị thi thánh người Nhật là Ba Tiêu Ông, một hôm nọ đi xem hoa, giữa đường có một cô gái hiếu thảo đã làm ông cảm động, ông lấy hết tiền bạc có trong người đem biếu tặng cô gái, cũng không đi xem hoa nữa, bèn quay người về nhà. Người bạn hỏi ông vì sao, ông nói: “Đã xem được người đẹp nhất rồi, không xem hoa cũng chẳng sao cả!” Gọi là đẹp, tức là có thể làm xúc động sâu sắc từ chỗ thâm sâu trong trái tim của con người. Thấy một người mặt mày xinh đẹp mà ngạo mạn hách dịch không bằng nhìn một cô gái bình thường trên chuyến xe buýt biết nhường chỗ cho một người già cả. Từ tâm hồn lan tỏa lòng từ bi, sự thông cảm, sự hòa giải, tình thân ái, đó mới là nét đẹp chân chính.

Đông Thi bắt chước nhú mày khiến người ta chê cười; con gái của Hoàng Thừa Ngạn xấu xí, nhưng do tài học và đức hạnh được Gia Cát Lượng khen ngợi. Đúng như Mạnh Tử nói: “Người mà lòng thiện đầy đủ, hợp với ý lành thì gọi là đẹp, người đã có đẹp đầy đủ mà làm cho cái đẹp ấy sáng chói hơn nữa gọi là lớn.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Dáng đẹp khiến cho người ta vui mắt, đạo đức khiến cho người ta kính trọng,

Trinh bạch khiến cho người ta trong sạch, chân thành khiến cho người ta tin tưởng.



Phụ nữ hiện đại

Người quản lý hỏi một nữ ca sĩ, rằng trong cuộc đời, lúc gian nan vất vả nhất, điều gì đã giúp cô ta chống đỡ tốt nhất, trên bảng đề nhiều đáp án có sẵn như “xinh đẹp, lương thiện, hiền dịu, tự lập, giỏi hợp ý người, kiên cường”. Ca sĩ ấy nhìn qua một lượt, lắc đầu nói: “Không, không phải những điều ấy, điều giúp tôi vượt qua cửa ải khó khăn là trí tuệ, là bao hàm tất cả các thứ trí tuệ ấy!”

Trong xã hội ngày nay, rốt cuộc người phụ nữ cần có những đức tốt nào mới có thể làm cho xã hội vừa

ý, làm cho nam giới vừa ý, làm cho chính mình vừa ý?

Đó là thế giới của 50/50, tức là một nửa đàn ông và một nửa phụ nữ. Ngày xưa, phụ nữ được xem là không có tài ấy là đức vậy, suốt ngày từ sáng đến tối bận rộn việc gia đình; thời đại khác nhau, xã hội ngày nay chú trọng nam nữ bình đẳng, phụ nữ không còn bị ràng buộc bởi gia đình, họ tự quyết định cuộc sống của mình.

Phụ nữ làm thế nào xây dựng được niềm tin, làm thế nào vận dụng được trí tuệ một cách ung dung thoải mái trong xã hội hiện đại?

1. Có đức tốt truyền thống, và cũng cần có tri thức hiện đại. Socrates nói: “Đồ vật trang sức quý báu nhất của người phụ nữ là đức tốt, chứ không phải kim cương.” Đức tốt độc đáo của phụ nữ như hiền lành phúc hậu, dịu dàng hòa thuận, lương thiện thương người là những đức tính được mọi người ca tụng; nhưng một người phụ nữ hiện đại, ngoài đức tốt truyền thống, cần phải có đủ tri thức hiện đại như khoa học, tài chính, quản lý, nghệ thuật... mới có thể ứng phó thuận lợi với những trào lưu của xã hội đa cực. “Tri thức tức là sức mạnh.” Có tri thức mới có thể xây dựng niềm tin, mới có khả năng thực hiện lý tưởng.

2. Có thế giới tình cảm, và cũng cần có đời sống lý trí. Có người nói “phụ nữ là loài giàu tình cảm”, thực ra, mọi người ai cũng có tình cảm, nhưng chỉ có phụ nữ tương đối dễ dàng biểu lộ tình cảm. Ngoài thế giới tình cảm tế nhị, phụ nữ cũng cần chú trọng đến đời sống lý trí. Ví như công việc thì dốc toàn lực để thực hiện, không tùy tiện qua loa; đối nhân xử thế thì lịch sự nhường nhịn, không dễ dàng kích động; sử dụng tiền bạc hãy nghĩ đến ngày mai, không phô trương quá mức; làm việc chú trọng nguyên tắc, thấu tình đạt lý, có kế hoạch. Có đủ tình cảm và lý trí, nhưng người phụ nữ cũng cần có đủ khả năng thích ứng với cuộc sống.

3. Có quan niệm gia đình, và cũng cần có quan niệm xã hội. Gia đình nói chung xem “người đàn ông chủ bên ngoài, người phụ nữ chủ bên trong” là một thứ đức tốt, nhưng theo sự thay đổi của thời đại, trình độ giáo dục được nâng cao, ý thức tự chủ được tăng tiến. Thực tế, người phụ nữ có thể làm được rất nhiều việc, không hẳn chỉ có một con đường là giúp chồng lo việc nhà, nuôi dạy con cái. Ngoài việc chăm lo gia đình, người phụ nữ còn có thể tham gia công việc xã hội, kết rộng duyên lành với đại chúng, mở rộng tầm nhìn. Ví như đảm đương công tác từ thiện của các hội đoàn, làm bà mẹ từ ái, thậm chí có thể khai sáng sự nghiệp cá nhân, đó đều là những chọn lựa rất tốt cho người phụ nữ hiện đại.

4. Có tính cách dịu dàng, và cũng cần có sức mạnh của lòng kiên nhẫn. “Kiên nhẫn là đức hạnh hữu ích nhất, chịu khổ là trợ duyên hữu dụng nhất.” Phụ nữ đem đến một ấn tượng mềm yếu, nhưng thực ra từ xưa đến nay không thiếu những phụ nữ hào kiệt dựa vào nghị lực kiên nhẫn của họ mà tạo nên những công tích to lớn trong lịch sử, ví như đời Tống, Lương Hồng Ngọc cùng chồng chống giặc Kim, cuối đời Thanh có nhà nữ cách mạng Thu Cẩn, người phụ nữ anh hùng không thua kém nam giới. Đến thời hiện đại, có Ngô Kiện Hùng được ca ngợi là nhà vật lý học thực nghiệm vĩ đại nhất của thế kỷ XX. Xã hội hiện nay cạnh tranh khốc liệt, áp lực công việc rất lớn, nếu phụ nữ có thể phát huy tính cách kiên nhẫn trong vấn đề đảm đương, phụ trách công việc thì có thể thành công trong sự nghiệp.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người không có chí khí, dù vạn câu ngàn lời cũng như gió thoảng qua tai;

Người có hoài bão chí lớn, dù một lời nửa câu cũng như mưa lành đúng lúc.



DẤU ẤN CỦA SỰ TRƯỞNG THÀNH

Giáo dục có đạo lý thì trời sẽ sinh ra tài năng ngoài ý muốn.

Không làm việc thay cho trẻ

Thấy đứa con bé nhỏ đang làm bài tập, người mẹ thương con đến đau lòng, bèn nói: “Con à, con đi ngủ đi, để mẹ làm giúp bài tập cho con.” Rồi đến một ngày, ngón tay đứa con bị dao cắt đau, nó kêu lớn: “Mẹ ơi, đau quá, mẹ đến đau thay cho con một chút được không mẹ?” Lúc đó người mẹ mới thất kinh tỉnh ngộ: thì ra cuộc đời có những việc không thể làm thay được.

Mọi sự trên đời đều do tự mình gánh vác, có một số việc người khác có thể giúp bạn trong nhất thời, có một số việc người khác không thể làm thay được.

Cuộc đời có những việc gì không thể làm thay được?

1. Leo núi đi đường không thể thay thế được. Đi trên đường núi, vác nặng leo núi, dù vật nặng đang vác người khác có thể vác thay một phần, tức là giúp đỡ một ít, nhưng leo núi đi đường thì không thể thay thế được.

2. Ăn uống, bài tiết không thể thay thế được. Khi người ta đói khát, cần phải ăn cơm uống nước; ăn uống vào thì cần phải bài tiết ra. Điều gọi là “đại tiểu tiện lợi”, tôi ăn uống, bạn không thể hết đói khát; bạn cần đi tiểu tiện đại tiện, tôi cũng không thể thay bạn giải quyết được.

3. Sinh lão bệnh tử không thể thay thế được. Con người đều có sinh lão bệnh tử, sinh lão bệnh tử của mỗi cá nhân đều do mình tự gánh vác. Dù là giàu có như một đại gia, dù là thân thiết như vợ chồng con cái, mắt nhìn những người thương yêu sinh lão bệnh tử, than vãn kêu ca cũng đành chịu, không thể thay thế được.

4. Nghiệp báo nhân quả không thể thay thế được. Cuộc đời của mỗi cá nhân, hạnh phúc hay bất hạnh đều do nghiệp lực của mình đem lại; những hành vi của thân khẩu ý của mỗi cá nhân đều có thể đưa đến nghiệp báo, nghiệp báo là do cá nhân tự làm tự chịu, không ai có thể thay thế được.

5. Khiến người khác chấp nhận không thể thay thế được. Con người sống trên thế gian, điều quan trọng nhất là làm cho người khác chấp nhận mình. Là con cái phải được cha mẹ chấp nhận; là cha mẹ cũng phải được con cái chấp nhận. Là thuộc hạ của người khác, cần khiến cho người chủ quản chấp nhận; là người lãnh đạo chủ quản cũng cần làm cho thuộc hạ chấp nhận. Còn nữa, cần làm cho bạn bè chấp nhận, xã hội chấp nhận, đại chúng chấp nhận, nếu ngôn ngữ, cử chỉ, tính cách của bản thân có gì không thỏa đáng, người khác sẽ có tâm lòng giúp đỡ bạn, nhưng những việc này thì không ai có thể thay bạn để khiến người khác chấp nhận.

6. Ý chí tư tưởng không thể thay thế được. Con người ai cũng có tư tưởng, có ý chí, nhưng mỗi người có tư tưởng có ý chí riêng của mỗi người, không ai giống ai. Tư tưởng của bạn không hẳn tôi phải ưa thích, ý chí của bạn cũng không hẳn tôi phải tán đồng, cho nên thế gian sẽ có đủ các loại tư tưởng, các thứ học thuyết. Chúng ta tự do diễn đạt, hiện nay người ta đều chú trọng đến sự tôn trọng và lòng bao dung, nên không thể ép buộc mọi người phải chấp nhận, cũng không cho phép mọi người thay thế mình biểu đạt hành vi ý chí.

7. Buồn rầu khổ não không thể thay thế được. Con người đều có buồn rầu khổ não, đều phải tự mình cảm nhận những buồn rầu khổ não ấy, người khác không thể thay thế được. Buồn rầu khổ não của tôi tự giải quyết lấy, buồn rầu khổ não của nó chỉ có nó mới có thể giải quyết. Nếu có buồn rầu khổ não, người khác chỉ có thể khuyên nhủ, an ủi, khích lệ, hóa giải, nhưng buồn rầu khổ não đích thực, người khác không thể nào giúp được, càng không thể thay thế được.

8. Tiến bộ trưởng thành không thể nào thay thế được. Mọi người đều hy vọng có ngày mình sẽ tiến bộ, có ngày mình sẽ trưởng thành, nhưng tiến bộ, trưởng thành đều phải dựa vào sự cố gắng cầu học của chính mình. Điều đó gọi là “trồng cây như thế nào thì biết sẽ thu hái như thế nào”. Cây mạ trong ruộng của tôi không thể giúp cây mầm lúa mạch trong đất của bạn trưởng thành, mỗi cá nhân đều tự chăm bón, đều tự thu hoạch, bạn không thể thay thế tôi, tôi không thể thay thế bạn, mỗi người tự nhận quả báo, đạo lý đó vô cùng công bằng.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Cầu Quan Thế Âm, lạy Quan Thế Âm, không bằng tự mình làm Quan Thế Âm;

Cầu thần tài, lạy thần tài, không bằng tự mình làm thần tài.



Lễ trưởng thành

Lễ trưởng thành là một cổ lễ, lưu truyền từ rất lâu gọi là “trao hai mươi tuổi làm lễ đội mũ, gái mười lăm tuổi là tuổi cài trâm”, chỉ rõ mỗi người, từ bé nhỏ, thiếu niên đến người lớn. Đó là thứ lễ nghi của đời người, ngày xưa, người nào trải qua nghi thức này mới được chấp nhận là người trưởng thành.

Trong xã hội hiện nay, những thanh niên khoảng 18 tuổi sẽ được tổ chức “lễ trưởng thành”. Ý nghĩa của nó gồm bốn điểm dưới đây:

Thứ nhất, khẳng định chính mình. Nhà Phật có câu nói “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” (Trên trời dưới đất, chỉ ta là số một). Ý muốn nói mỗi đời người là chỉ có một không hai (độc nhất vô nhị), là tự mình làm chủ, không dựa vào ngoại lực (độc lập tự chủ). “Trời sinh ta có tài ắt có dụng” (Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng), mỗi người đều có thể có tài năng, đặc điểm của riêng mình, nhưng có người chỉ tự mình biết chứ chưa được phát hiện. Ý nghĩa của lễ trưởng thành chính là tuyên bố cho mọi người biết: tôi đã trưởng thành, hiện nay tôi là một người lớn, tôi không còn là nhi đồng, thiếu niên nữa. Trước đây đều dựa vào cha mẹ, thầy giáo, hiện nay tôi đã khôn lớn, tôi cần khẳng định chính mình, tôi là chủ nhân của chính tôi. Mỗi người có thể tự khẳng định giá trị của cuộc đời, có thể khai phá tiềm năng vô hạn của mình.

Thứ hai, gánh vác trách nhiệm. Thanh niên là động lực của xã hội, là hy vọng của tương lai nước nhà. Trong thời kỳ chưa trưởng thành, bất kể gia đình hay học đường, có tiền hay không có tiền, việc tốt hay việc xấu, tất cả đều do cha mẹ, thầy giáo gánh vác, cá nhân mình không làm gì cả. Nhưng hiện nay đã thành người lớn, trách nhiệm của mình, của gia đình, của xã hội, của nước nhà, tôi đều phải gánh vác. Trong quá trình trở thành người lớn, khó tránh khỏi những gió giập mưa dòn, cần phải nuôi dưỡng dũng khí đảm đương mới có thể trưởng thành, mới có đủ sức mạnh. Thông qua nghi thức trang nghiêm của lễ trưởng thành kêu gọi thanh niên nhận thức cuộc sống, khẳng định ý nghĩa của sự tồn tại, tiến lên để hoàn thiện nhân cách, kê vai gánh vác trách nhiệm của mình, của gia đình và của xã hội.

Thứ ba, trí tuệ và tình cảm trưởng thành. Lễ trưởng thành tức là muốn thông báo cho mọi người biết mình không còn bé bỏng. Không còn ngờ nghệch như trong quá khứ nữa, tri thức đã dần dần hoàn chỉnh, tâm lý tình cảm cũng dần dần chín chắn, quyết chí từ bỏ những tập quán xấu, làm người xử sự theo khuôn phép lễ thối. Cần xây dựng quan niệm tốt đẹp, chịu trách nhiệm về hành vi của chính mình, lan tỏa ánh sáng và sức nóng, sáng tạo để hoàn thành chính mình, hoàn thành tha nhân, hoàn thành xã hội, đó tức là sự trưởng thành của trí tuệ và tình cảm.

Thứ tư, cảm ơn báo đáp. Sống ở đời, con người không thể đơn phương tồn tại. Trong quá khứ, phải dựa vào sự yêu thương giúp đỡ của cha mẹ, cha mẹ cho chúng ta cơm ăn, áo mặc, đồ dùng; ở trường, thầy giáo dạy dỗ chúng ta, hướng dẫn, chỉ bảo chúng ta, cung cấp kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng cho chúng ta. Sau khi trưởng thành, chúng ta cần phải độc lập tự chủ, ca ngợi cuộc sống, cảm ơn cuộc sống. Bao nhiêu năm tháng của thời quá khứ, những ngày ngờ nghệch đã qua rồi; ngày nay khôn lớn trưởng thành, hiểu rõ sự đời, ta muốn báo đáp cha mẹ, giúp đỡ bạn bè, tạo phúc cho xã hội. Biết cảm ơn báo đáp mới là một cuộc sống phong phú.

Định nghĩa hai chữ trưởng thành hoàn toàn không phải là tuổi đời nhiều thêm, mà là khả năng tỉnh ngộ tự ngã về mặt tâm lý, chịu gánh vác mọi việc, biết cống hiến, luôn đem lại an vui cho mọi người, luôn nêu gương tốt cho mọi người noi theo, đó chính là tự ngã đã chín muồi. Lúc còn tuổi trẻ sung sức, phải đem sức lực ấy báo đáp xã hội; lúc còn trí não sáng suốt, phải đem trí tuệ ấy phụng sự nhân gian. Nghi thức lễ trưởng thành tuy chỉ một lúc, song ý nghĩa tượng trưng của nó là cả một cuộc đời.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Lúc còn bé, cần xem trọng thói quen lễ tiết, sau khi khôn lớn mới có thể được mọi người yêu thích;

Lúc còn trẻ, cần có thói quen học tập, lúc tuổi già mới có thể dễ dàng sống qua ngày;

Thời trung niên, cần bồi dưỡng thói quen tu hành, trong cuộc sống mới có thể hiểu được lẽ sai trái;

Lúc tuổi già, cần hiểu được thói quen bảo trọng, trong hôm sớm mới có thể tự lo lắng cho chính mình.



Nguyên tắc dạy con

Vợ Tăng Tử chuẩn bị đi chợ, vừa ra khỏi nhà, đưa con nhỏ đòi đi theo mẹ. Vợ Tăng Tử nói đối với nó: “Con ở nhà đợi mẹ, mẹ đi một lát về liền. Con thích ăn chân giò hầm chấm nước tương phải không? Mẹ đi chợ về sẽ giết heo làm cho con ăn.” Đứa bé nghe nói, liền trở nên ngoan ngoãn, nhìn theo mẹ đi xa dần.

Vợ Tăng Tử từ chợ trở về, xa xa đã nghe thấy tiếng ồn ào trong sân. Vào đến cửa thoát nhìn thì ra Tăng Tử đang chuẩn bị giết heo. Người vợ vội chạy lại ngăn cản chồng: “Trong nhà nuôi con heo để chờ đến ngày Tết mới giết mổ, sao chàng nghe thiếp chỉ nói đối với con trẻ mà cho là thật ư?” Tăng Tử nói: “Trước mặt con trẻ không được nói dối. Chúng tuổi nhỏ chưa biết gì, chúng chỉ dựa vào cha mẹ để học tập hiểu biết, nay chúng ta nói dối với nó, tức là cũng bằng dạy cho nó sau này nói dối với mọi người.”

Tăng Tử dùng lời nói và việc làm để nói với chúng ta rằng đem mình ra dạy bảo quan trọng hơn dùng

lời nói để dạy bảo.

Cha mẹ đối với việc dạy bảo con cái, nếu quá nghiêm khắc có thể làm cho chúng sợ sệt mà không dám trao đổi chuyện trò với cha mẹ, thậm chí dẫn đến con cái hình thành thói quen nói dối; nếu quá chiều chuộng, cũng có thể làm cho con cái hình thành thói quen kiêu ngạo buông tuồng. Làm thế nào dạy bảo con cái lễ phép, trật tự, nhưng không phải là biện pháp áp chế thái quá, để con cái nhanh nhẹn tự nhiên, nhưng không đến nỗi buông tuồng vô lễ thái quá, thực tế đó là một vấn đề lớn của bậc làm cha làm mẹ hiện nay. Vậy cần dạy bảo con cái như thế nào?

1. Cần có thói quen đòi hỏi chính mình. Có một số cha mẹ quá yêu thương con cái, chương trình học tập, sắp xếp cuộc sống đều do cha mẹ đốc thúc hoàn thành, thậm chí đôi lúc còn do cha mẹ làm thay. Không có cha mẹ bên cạnh, từ việc học tập của con cái đến sinh hoạt hàng ngày đều trở nên đảo lộn. Sự dạy bảo như vậy không phải là yêu thương giúp đỡ mà là làm cho con cái hình thành tâm lý ỷ lại, luôn luôn cần người chăm sóc lo lắng. Do đó, cần tạo cho con thói quen đòi hỏi chính mình, dạy con tự đảm đương mọi việc, huấn luyện con cái tự lập, hiểu được tinh thần tự chăm sóc mình.

2. Cần có thái độ tôn kính tiếp nhận. Đây là điều đặc biệt quan trọng trong quan hệ mật thiết giữa người với người của xã hội hiện nay. Có thái độ tiếp nhận mới có thể khiêm tốn chịu nhận sự hướng dẫn và ý kiến của thầy giáo, của lãnh đạo, của đồng nghiệp; tôn kính người khác mới có thể chấp nhận ý kiến của người khác, tôn trọng sự tồn tại của người khác thì trong cách xử sự mới không thể tha hồ tùy thích, làm theo ý muốn của mình. Có sự dung hòa và có thái độ tiếp nhận như vậy mới có thể cùng làm việc với người khác. Người xưa nói: “Khoan dung là phép xử sự tốt nhất”, thái độ tôn trọng tiếp nhận cũng chính là một biểu hiện của lòng khoan dung.

3. Cần có sự hiểu biết rõ ràng về luật nhân quả. Có được sự hiểu biết ấy thì con luôn luôn ý thức về hành vi thiện ác của mình. Hiểu rõ nhân quả, người con sẽ biết tất cả lời nói, việc làm, động tác của mình đều do mình gánh vác, chịu trách nhiệm; hiểu rõ nhân quả, người con sẽ nhận ra “không vì việc ác nhỏ mà làm, không vì việc thiện nhỏ mà không làm”, biết trừ ác hướng thiện. Sau khi hình thành chính kiến, cha mẹ không còn lo sợ con cái mình đi sai phương hướng trên đường đời nữa.

4. Cần phải có lòng biết ơn và lời nói đẹp. Dạy dỗ trẻ con thể hiện sự cảm tạ, miệng luôn nói lời hay đẹp, lòng luôn tỏ sự biết ơn. Người biết cảm ơn mới có thể hiểu rõ sự đóng góp công sức của người khác; người biết cảm ơn mới có thể hiểu được sự báo đáp. Một người biết cảm ơn và biết nói lời hay đẹp, nhất định phải là người “biết đủ thường vui” (tri túc thường lạc).

Dạy bảo trẻ con, cha mẹ cần chú ý đến lời nói, thái độ và phương pháp của mình, cần có cả nghiêm khắc lẫn hiền từ, chịu khó khuyên bảo dẫn dắt. Bạn không cần phải ràng buộc con cái theo một cái khung nhất định, con cái có thể dùng hết khả năng đặc thù của nó mà phát triển tự ngã. Con cái biết khiêm tốn nhân từ, hiểu rõ nhân quả, biết cảm ơn, biết tu dưỡng thân tâm, đó mới là cái đạo của giáo dục.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người thọ giáo nên như “trống không” tiếp nhận tất cả, mới có thể dung nạp chân lý;

Người thi giáo nên giống “trống không” không gì không làm, mới có thể tiếp nhận đồng sự.



Những điều cha mẹ cần dạy cho con

Có đứa bé trong lòng buồn bực: Vì sao Đồng Trác thi toàn lớp luôn luôn xếp thứ nhất, còn nó luôn luôn xếp thứ hai mươi mấy? Nó bèn hỏi mẹ: “Có phải là con ngu dốt so với những người khác không mẹ? Con và nó đều nghiêm túc làm bài như nhau, tại sao con lại xếp sau nó?” Nhất thời, người mẹ chưa có câu trả lời thỏa đáng. Về sau, người mẹ dẫn đứa con đi ngắm biển. Ngồi trên bãi cát, người mẹ nói: “Con nhìn mấy con chim nhỏ trên bờ biển, khi sóng biển ập đến, con chim xám nhỏ kia chỉ đập cánh mấy cái là bay lên không, còn chim hải âu rõ là ngu vụng, chúng nó từ trên bãi biển bay lên không trung cần rất nhiều thời gian, nhưng loài chim có thể bay vượt biển lớn chính là chim hải âu đấy.”

Tục ngữ nói: “Nhìn đứa bé ba tuổi có thể đoán định được cả cuộc đời”, ý nói sự lớn lên của đứa bé ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của đời người.

Là bậc làm cha làm mẹ, chúng ta cần dạy cho trẻ những gì?

1. Cần bảo vệ danh dự nhân cách của trẻ. Lòng tự tôn và đức tự tin của trẻ cùng phối hợp hình thành, không vì nghĩ rằng trẻ còn nhỏ mà tùy tiện trách phạt đánh mắng trước mặt đám đông, hoặc nói lời làm tổn thương chúng. Những tổn thương ấy có thể làm cho trẻ không bao giờ quên. Vì vậy, là thầy giáo cần bảo vệ danh dự nhân cách của trẻ.

2. Cần hình thành nét đẹp biết cảm ơn cho trẻ. “Cày đồng đang giữa trưa, mồ hôi giọt trên đất, ai biết cơm trên mâm, hạt hạt lấm gian khổ.” Cần làm cho trẻ hiểu bát cơm, bát cháo hàng ngày, tấm vải may mặc trong người có được đều nhờ công lao khó nhọc vất vả của cha mẹ, nông phu, công nhân, thương gia..., cần phải có lòng cảm ơn họ, cần xây dựng nét đẹp của lòng quý tiếc phúc phận, không tùy tiện phung phí.

3. Cần hình thành cho trẻ thói quen biết nhận lỗi. “Người trí sửa lỗi để đi theo đường tốt, người ngu xấu hổ vì lỗi mà càng làm bậy.” Che giấu sai trái tức là luôn sống trong sai trái, thân tâm phải gánh vác một vật vừa nặng vừa to. Nhận lỗi, tức là “biết hôm qua sai thì hôm nay đúng”, sau đó trút bỏ được lỗi lầm, thân tâm thoải mái, nhẹ nhàng, và cái dũng khí ấy được mọi người khen ngợi. Nhận lỗi, tức là có được cơ hội sửa chữa sai trái của mình, có thể khiến cho con người bắt đầu làm lại. Do đó, cần bồi dưỡng cho trẻ tâm lý sẵn sàng nhận lỗi.

4. Cần dạy cho trẻ thái độ tiếp nhận. Cái túi cần bỏ đồ vật vào mới có thể có cái dụng, cái bát cần rót nước vào mới có thể có thứ để uống. Trẻ con cũng cần những lời chỉ dạy mới có thể trưởng thành. Cho nên cần chỉ dạy trẻ: tiếp nhận là gốc rễ của sự tiến bộ, tiếp nhận mới là căn nguyên của trí tuệ.

5. Cần coi trọng lễ tiết trong xử thế của trẻ. Người xưa nói: “Coi thường lễ tiết thì sẽ rước lấy nhục.” Làm người ở đời phải có lễ tiết. Người có lễ độ tức là trong lòng hiểu rõ đạo lý, người trong lòng hiểu rõ đạo lý mới có thể có quy củ pháp luật, như vậy là người có cách xử thế không tùy tiện, khinh mạn.

6. Cần hướng dẫn trẻ sinh hoạt bình thường. Ý chí của trẻ con tương đối yếu đuối, thiếu sức tự chế, nhưng có tính co giãn lớn, tính dẻo dai cao, do đó cần huấn luyện trẻ hình thành thói quen sinh hoạt hay, đẹp. Cuộc sống bình thường thân tâm mới khỏe mạnh, làm việc có ngăn nắp, có kế hoạch.

Người xưa nói: “Cha mẹ nên dạy con trong lúc chúng đã có hiểu biết.” Thói quen của trẻ hình thành

trong ngày một ngày hai, đợi đến lúc khôn lớn cần có sự chỉnh sửa. Cho nên, việc giáo dục trẻ trong học tập nên bắt đầu khi chúng đã có một số hiểu biết tối thiểu nào đó.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Gia sản vạn quan không bằng có một nghề tùy thân;

Bụng đầy chiến lược không bằng một chút thiện trong tâm;

Nói chuyện trời biển không bằng một lời chắc nịch;

Văn chương dài dòng không bằng một chữ ngàn vàng.



Thế nào gọi là đại học

Cái gọi là đại học không phải là nơi có cái lầu cao lớn, mà là nơi có những giáo sư tài giỏi.

Mai Di Kỳ

Để thi đỗ đại học, học sinh lo lắng, cha mẹ bồn chồn, thầy giáo âu lo, hầu như cả xã hội đều chuyển động.

Gọi là một trường đại học tốt không phải do nhà trường có diện tích lớn hay nhỏ, có kiến trúc đồ sộ hay không, có học sinh nhiều hay ít. Có những đại học, số học sinh rất ít, diện tích không lớn, nhưng những người được đào tạo ra đều là những người ưu tú, có trình độ cao. Đại học không phải do những điều kiện ngoại tại nói trên. Thế thì rốt cuộc đại học đúng nghĩa của nó là do những điều kiện nào?

Thứ nhất, cần có tri thức cao. Gọi là đại học tức là cái học của các bậc đại nhân quân tử, đại học lấy vị trí chiến lược văn hóa giáo dục quốc tế làm mục tiêu, lấy trung tâm học thuật thế giới làm hy vọng. Học tập tại đó cần có nhận thức cao, kiến văn rộng, kế hoạch lớn, tư tưởng lớn, lấy thiên hạ làm gia đình, lấy thế giới làm đối tượng, có đủ quốc tế quan, hiện đại quan, vị lai quan, có thể đảm đương sứ mệnh tiếp nối lớp trước, khai sáng đời sau, có thể gánh vác trách nhiệm giáo hóa đại chúng, như thế mới có thể đào tạo những con người có đủ phong độ của bậc đại tri thức.

Thứ hai, cần có đức hạnh lớn. Người học ở đại học không còn là đứa bé nữa, nên cần phải tự đòi hỏi chính mình, khẳng định chính mình, nuôi dưỡng phẩm cách đạo đức của mình, xây dựng hình tượng kỳ vĩ, phát khởi chí nguyện to lớn, như vậy mới có thể từ nội tâm sản sinh một thứ năng lượng to lớn nhằm phát huy giá trị và ý nghĩa cuộc đời của mình.

Thứ ba, cần có tấm lòng rộng mở. Đọc rất nhiều sách, kiến thức rất sâu rộng, nhưng khí lượng hẹp hòi, như thế cũng không có ích gì. Ý nghĩa là khi đã học đại học, dù ngôi trường không lớn, nhưng có tấm lòng rộng mở, quả đất lớn rộng bao nhiêu, thế giới lớn rộng bao nhiêu cũng đều dung nạp trong tâm của chúng ta, lịch sử lâu dài bao nhiêu, thâm sâu bao nhiêu cũng đều thu gọn trong tâm của chúng ta, tất cả chúng sinh trên thế giới cũng đều tồn tại trong tâm của chúng ta, tâm như hư không, tạo thành khí độ khoan dung, sau này mới trở thành đại nhân quân tử, làm nên việc lớn.

Thứ tư, cần có con đường lớn. Thông thường người lái xe đều mong được đi trên con đường rộng lớn, ví như trên các đường cao tốc, có sáu hoặc tám làn đường chẳng hạn, chắc chắn sẽ đi thoải mái hơn so

với con đường chỉ có 4 lần. Cuộc đời cũng như vậy, chúng ta không những cần mở rộng con đường của chính mình để được đi trên con đường lớn, mà cũng cần giúp hoàn thành nhân duyên của người khác, khiến cho người khác cũng được đi trên con đường lớn. Đường lớn ấy chính là chân lý, là ánh sáng, gọi là đại học tức là được đi trên con đường lớn.

“Người trí dùng kiến thức, hiểu rõ mọi sự; người nhân dùng tình yêu, bao dung mọi sự, người dũng dùng nghĩa dũng, hy sinh tất cả; người trung dùng thành thật, cống hiến tất cả.” Đại học phải là theo đuổi lâu dài của tri thức, là truyền bá cung điện của chân lý, là bồi dưỡng gốc gác của vĩ nhân, là rèn luyện đạo tràng của thánh hiền. Một người thầy dẫn thân phải như cây đèn sáp, vừa thấp sáng cho mình vừa chiếu sáng cho học sinh; một thầy giáo có đức phải như hoa sen lan tỏa hương thơm, ban ân huệ cho học sinh. Một thầy giáo bình thường chỉ biết trình bày, một thầy giáo giỏi hiểu rõ phương pháp giảng dạy, một thầy giáo xuất sắc có khả năng là một tấm gương, một thầy giáo có Phật tâm chú trọng sự gợi mở.

Nói tóm lại, đại học cần phải có đủ nội hàm tư tưởng nhân văn, có đủ tinh thần tập hợp các quan điểm bất đồng, có đủ khái niệm phúc phận và trí năng, có đủ tinh thần giáo dục lý thuyết đi đôi với thực hành.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Giáo dục không phải là mảnh vụn của tri thức mà là thành lũy của học vấn;

Giáo dục không phải là dây khô của giáo điều mà là vườn hoa của sự sống;

Giáo dục không phải là vòng hoa để trang sức mà là nội hàm của sự uyên áo;

Giáo dục không phải là tặng phẩm để yêu quý mà là suối nguồn của Phật tâm.



Điều kiện của giáo dục

Tử Lộ hỏi Khổng Tử: “Thưa thầy, những gì thầy giảng về đạo nhân nghĩa đúng là khiến cho người ta phải ngưỡng vọng, đạo lý ấy nên thực hành ngay phải không thầy?” Khổng Tử nói: “Trò đang còn cha, trò cần phải chăm sóc, cứ sao lại nghe nói về đạo lý ấy mới bắt đầu thực hành?” Một lát sau, Nhiễm Hữu cũng đến hỏi: “Thưa thầy, con theo thầy đến đây nghe những đạo lý về nhân nghĩa ấy cần phải lập tức thực hành phải không thầy?” Khổng Tử nói: “Ừ, đúng vậy.” Công Tây Hoa đứng bên cạnh hỏi: “Thưa thầy, khi Tử Lộ hỏi, thầy bảo không thể thực hành ngay; nhưng khi Nhiễm Hữu hỏi, thì thầy lại bảo đã nghe phải thực hành ngay. Con không hiểu rõ, xin thầy chỉ giáo ạ.” Khổng Tử nói: “Nhiễm Hữu là người nhu nhược, nên cần khích lệ trò ấy; Tử Lộ mạnh bạo hơn người, nên cần trung hòa trò ấy.”

Đức Phật vì chúng sinh khác nhau nên nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tức là dựa vào phương tiện thiện xảo để giảng pháp đối với những người có căn cơ không giống nhau. Điều gọi là “trời sinh ta có tài ắt có dụng”, tức là mỗi cá nhân có mặt trên thế gian này đều được trời ban cho một sở trường đặc biệt nào đó, dựa vào tính chất đặc biệt ấy mà ban phát một phương pháp để khai phá sở trường ấy, tức là trách nhiệm của người truyền đạo vậy.

Như vậy, có những phương pháp giáo dục cụ thể nào?

1. Cần xét căn cơ để giáo dục. Điều đó gọi là “Trong thiên hạ không có ai là không thể giáo dục được”, chúng ta thử nhìn những danh nhân thế giới như Einstein, Beethoven, Newton... đều không vì bị xem thường hay vứt bỏ mà có những thành tựu vĩ đại. Giáo dục là dựa vào căn cơ của người học mà dạy bảo, chứ không phải lấy phương pháp của một văn bản có sẵn để đánh giá. Ví như chăm sóc cây hoa vào các mùa khác nhau, chủng loại khác nhau, nếu cứ dùng cùng một cách thức thì chắc chắn thất bại nhiều hơn thành công.

2. Cần biết và làm phù hợp nhau. Học vấn để vận dụng vào đời sống thực tế, chứ không phải chỉ thuộc lòng hay hiểu biết về mặt chữ nghĩa. Thành tựu của học vấn không phải là việc đọc bao nhiêu bộ sách, mà là vận dụng có thuần thực hay không, trong thực tiễn cuộc sống có kết quả nhiều hay ít. Khổng Tử nói: “Điều mình hiểu đúng thì không khiến cũng làm, điều mình không hiểu đúng, dù có khiến cũng không làm.” Đó chính là tính chất quan trọng của hiểu và làm phù hợp nhau. Vì vậy, người hướng dẫn cần làm cho người học từ trong lời nói và việc làm của mình thấy được sự ứng dụng của học vấn.

3. Cần loại bỏ nghi hoặc, xây dựng lòng tin. Goethe nói: “Theo sự tăng gia của tri thức, hoài nghi cũng theo đó cũng tăng thêm.” Là thầy giáo không thể coi nhẹ những điểm hoài nghi của học sinh, cần giúp học sinh từ trong nghi vấn tìm ra lời giải. Nên có điều gọi là “Sự tiến bộ của học vấn là do nghi ngờ: nghi lớn tiến nhiều, nghi nhỏ tiến ít, từ chỗ nghi ngờ mới thành hiểu rõ.” Hướng dẫn người học thế nào để đi từ nghi vấn mà sản sinh ra tri thức đó là chức trách của người thầy giảng đạo lý, truyền nghề nghiệp, giải nghi hoặc.

4. Cần đem lại lợi ích cho chúng sinh. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã làm thay đổi quan niệm trước đây của con người chỉ biết nghe theo sự sắp đặt số mệnh của ông trời. Ví như việc dự báo bão táp hay động đất đã làm giảm bớt những tổn thất về tài sản và tính mệnh của con người; việc phát minh điện tín truyền thông đã làm giảm thiểu những nguy hiểm trong những chuyến đi dài của con người, hoặc không còn lo sợ mất liên lạc với người thân lúc chia xa, việc phát minh máy vi tính, sự phát triển của y dược v.v... đều làm thay đổi nền học vấn của cuộc sống con người. Cho nên, giáo dục có thể nâng cao trí năng của nhân loại, có thể đem lại lợi ích cho giới hữu tình.

Giáo dục là con đường khai phá năng lượng và nâng cao kiến thức. Một nhà giáo dục có tài có thể mở mang tâm trí của học viên, bồi dưỡng người tài cho xã hội, khai thác tiềm năng của người mông muội, thậm chí là sức mạnh của sự ổn định tiến bộ đối với xã hội, đối với quốc gia, chính vì vậy nên có điều gọi là “Giáo dục có đạo lý thì trời sẽ sinh ra tài năng ngoài ý muốn.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Giáo dục hiện đại cần mở mang nội hàm tư tưởng nhân văn rộng lớn;

Giáo dục hiện đại cần phát huy tinh thần hoan hỷ dung hòa;

Giáo dục hiện đại cần thúc đẩy ý niệm phúc khí và thông tuệ;

Giáo dục hiện đại cần giáo dục thực tiễn biết, và làm đều quan trọng.



Những khuyết điểm của người thanh niên

Có một người thanh niên đi du ngoạn về nông thôn, thấy một người nông dân vớt cỏ gia súc ăn lên mái hiên để cho bò vớ lên ăn, lấy làm lạ, bèn hỏi: “Tại sao bác không để cỏ ngay trên đất tiện cho bò ăn có phải hơn không?” Người nông dân nói: “Loại cỏ này không ngon, nếu tôi để trên đất thì nó chẳng thèm ngó lại; còn tôi để trên cao khiến nó phải gắng sức vớ lên đến mái hiên, bấy giờ nó sẽ cố mà ăn, và nó ăn một thoáng là hết sạch.”

Sự trưởng thành của thanh niên thường phải chịu đựng nhiều thử thách, tôi luyện, và chỉ có như vậy mới có thể thành tài. Trong thử thách tôi luyện ấy, người thanh niên khó tránh khỏi những sai lầm, phạm phải khuyết điểm.

Trong quá trình trưởng thành của người thanh niên, vấn đề tồn tại phổ biến là những vấn đề gì?

1. Muốn nhanh mà không chịu khó. Việc lập chí của người thanh niên thường “phát tâm ban đầu dễ, giữ thường tâm lâu dài khó”, những muốn một bước lên trời, mà không biết tu luyện thâm hậu, do đó khó thành chí lớn. “Hoa hái ép không thơm, quả hái gượng không ngọt”, một cái cây khỏe mạnh thì rễ phải đâm sâu xuống đất, cành lá mới sum suê xanh tốt; nếu thường di chuyển nó, làm sao cây có thể lớn mạnh được? Nên có câu “hòn đá hay lăn thì rêu xanh không mọc”, thường thay đổi công tác, làm việc không lâu, rèn luyện không đủ, làm sao trở thành hòn đá tảng vững vàng bất động?” “Hôm nay chịu khó làm việc là bàn đạp của thành công trong tương lai, hôm nay rèn luyện công phu là nấc thang của sự nghiệp trong mai hậu.” Người thanh niên muốn lập nghiệp thành công, cần phải cố gắng lâu dài, không lười nhác, rèn luyện không ngừng nghỉ mới thành gang thép.

2. Muốn vớ cao mà không thiết thực. Ưu điểm của tuổi trẻ là ở chỗ tràn trề nhiệt tình, lòng đầy lý tưởng, tức thường mắc phải khuyết điểm ham cao muốn xa, mắt cao tay ngắn, hoàn toàn không thiết thực. Nên có câu “trước phải làm binh lính, sau mới lên tướng soái”, tức là muốn lên chức cao, bậc lớn trong chốn quan trường, cần phải vững chắc từng bước, trước tiên phải bắt đầu từ cấp thấp, tuân tự làm theo từng bước, nếu không sau này làm lãnh đạo làm sao có thể quản lý nhân viên cấp dưới? Leo núi trước tiên cũng bắt đầu từ chân núi mới có thể đi lên đến đỉnh núi; cũng như người học múa ba-lê, bước nhảy cơ bản đã làm được, nhưng cần phải từng bước luyện tập lại nhiều lần mới đi đến thành công. Chẳng thà ham cao muốn xa, chi bằng trước hết cần hiểu rõ ưu thế của mình, nhận ra khuyết điểm của mình, tự mình tu luyện bồi dưỡng, rồi hướng đến mục tiêu cần phấn đấu.

3. Lý tưởng mà không thực tế. Trong kế hoạch của cuộc sống, người thanh niên dám xây dựng nhiều mơ ước, nhưng thường thường viển vông, không thực tế, không phải ảo tưởng nhưng không thể thực hiện một cách chắc chắn. Đã có lý tưởng, thì mình phải đứng ra thực hành. Nên có câu “việc lớn trong thiên hạ cần bắt đầu làm từ việc nhỏ, sự nghiệp xưa nay phải làm nên từ thực tế”, trong thực tế có lý tưởng, trong lý tưởng cũng cần có thực tế, nếu không thì chỉ xây dựng một thứ ảo ảnh, và lý tưởng sẽ trở thành vọng tưởng.

4. Trách người mà không biết trách mình. Có nhiều người trẻ tuổi làm việc gì cũng hay oán trách, luôn cảm thấy mình có tài mà không gặp thời, không được người đời nể trọng, gặp nhiều trắc trở, khi nhận thấy sự việc xảy ra không như mong muốn, lại không tự phản tỉnh, một mực oán người khác, trách cảnh ngộ. Nhược điểm lớn nhất của con người là tự bào chữa, che giấu sai trái của mình, không chịu sửa sai. Phản tỉnh là kết quả của trí tuệ, là nấc thang của phẩm đức tinh tấn, có thể lấy cái tâm trách người để trách mình, lấy cái tâm chê người để chê mình, như vậy mới là tiến bộ.

5. Không nhận sai lầm mà cố chấp. Làm người, khuyết điểm lớn nhất là không chịu nhận sai lầm; nhiều người thanh niên đối với sai trái của mình, thường không có dũng khí thừa nhận, cố chấp không nhận trách nhiệm. Ví như không làm xong sự việc đã dặn dò, bạn sửa sai anh ta, anh ta mượn cớ nói: “Người khác dặn dò không rõ”, hoặc thoái thác “Thời gian không đủ, không kịp làm xong”. Người xưa nói: “Người không phải là thánh hiền, ai cũng có thể sai lầm, nhưng sai mà biết sửa sai thì không gì tốt bằng!” Mỗi chúng ta ai cũng có thể có khuyết điểm, nhưng không chịu nhận sai lầm thì không thể nào sửa đổi, như vậy làm sao có thể tiến bộ được? Người thanh niên tại sao không chịu nhận sai lầm? Đó chính là ngã chấp, tự cho mình là tốt nhất, đúng nhất, mắc phải bệnh “chấp trước”. Tăng Tử nói: “Mỗi ngày của ta ba lần phản tỉnh tự thân.” Một người không biết khuyết điểm của mình làm sao có được sức khỏe của thân thể và tâm hồn?

6. Không chú ý mà vô tâm. Kinh “A Hàm” nói rõ tình trạng “phi nhân” (không phải người), trong đó có một điều là “nghe lời nói hay mà không chú ý”. Người thanh niên, đối với ý kiến của mình thì cố chấp, không buông bỏ, đối với lời hay ý đẹp thì lơ đãng, không chú ý, khuyết điểm phổ biến là mắc bệnh “vô tâm”. Thầy giáo nói với họ: “Các bạn cần nắm chắc thời gian tuổi trẻ, phải học tập nghiêm chỉnh!” Người thanh niên lại nói thầm trong bụng: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!” Nhớ lúc còn bé, một đêm cuối năm, mọi người quây quần bên lò sưởi kể chuyện đời xưa, kể rằng: “Trong một cánh rừng sâu, có một ông lão râu tóc bạc phơ bị bệnh, không có người nào chăm sóc ông ấy...” Câu chuyện chưa kể xong, mọi người không ai tìm thấy tôi cả, tìm một hồi mới phát hiện tôi đang nằm khóc thút thít dưới gầm bàn, hỏi kỹ mới biết tình tiết cảm động của câu chuyện khắc sâu vào tâm hồn thơ dại của đứa bé, kích động lòng từ bi, liên tưởng đến “ông ngoại đang ở quê người xa xôi thật là đáng thương”, hận không được đội mưa tuyết đi ngay trong đêm nay đến thăm ông mới yên lòng. Từ nhỏ đến nay, tôi rất dễ bị những câu chuyện như thế làm cảm động, cũng có thể bị những lời nói đầy thiện tâm làm cảm động, biểu thị trong câu chuyện vừa rồi đã khắc sâu trong trí óc và đưa đến sự cộng hưởng. Nghe lời nói thiện mà chú ý là sức mạnh nuôi dưỡng thiện tâm tinh tấn. “Trên đời không có việc gì khó, chỉ sợ người không có quyết tâm”, có quyết tâm làm một việc gì, thì việc đó không thể không thành công. Cần một lòng một dạ, ở đâu cũng lưu tâm, lúc nào cũng chú ý, ngoài dùng đôi mắt ra, còn phải dùng đến cái tâm, quan sát mỗi sự vật, suy nghĩ kỹ đầu đuôi ngọn ngành, làm được như vậy, không gì là không đạt, không gì là không thành.

7. Không làm thiện mà ích kỷ. Rất nhiều thanh niên hiện nay thiếu hẳn lòng từ bi, làm việc không tương ứng với lòng từ bi. Thấy chúng sinh khốn khổ, không ai thấy nỗi đau thâm thiết của người đuối nước như mình đuối nước, của người đói khát như mình đói khát, tất cả hầu như không liên quan gì đến mình cả, không làm việc từ bi, không làm điều thiện có ý nghĩa, có thể nói họ như mắc “bệnh ích kỷ”. Ích kỷ tức là chỉ nghĩ đến mình, không nghĩ đến người khác; ích kỷ chỉ biết có mình mà không biết có chúng sinh. Chúng ta thử phân tích lỗi cấu tạo chữ “ngã” (我): bên phải chữ “ngã” là chữ “戈” (qua – là một loại binh khí), vì là ích kỷ, ai ai cũng mưu đồ lợi riêng cho mình, nên dễ dấy động can qua (chiến tranh, đánh nhau), có cái tôi lớn thì có tranh chấp. Đức Phật dạy chúng ta trong Tam Pháp ấn rằng: “Các pháp đều vô ngã”, tức là đã sớm chỉ rõ cho chúng ta thấy chân lý bất biến từ ngàn xưa: chỉ có trừ bỏ tự ngã mới có yên bình.

8. Không đào sâu mà hời hợt. Pháp sư Ấn Thuận từng bàn luận với tôi về vấn đề liên quan đến thanh niên thiếu tinh thần đi sâu tìm hiểu. Tôi nói với Pháp sư: “Thanh niên ngày nay học tập ở viện Phật học khoảng mấy năm, rồi vội vàng vàng muốn về một ngôi chùa nào đó làm trú trì, không có tinh thần

đi sâu tìm hiểu Phật pháp như ngày trước.” Pháp sư nói: “Người trước đây cuộc sống khó khăn, muốn trở thành một vị hòa thượng, ít nhất cũng phải tu tập tích dưỡng trải qua trên 10 năm; người ngày nay cuộc sống quá dễ dàng, quá sung túc, học mấy năm Phật pháp, liền trở thành hòa thượng, có thể thu nạp đệ tử, quản lý tự viện, thu nhập cúng dường. Viện Phật học trước đây ít, muốn được thành tựu, không thể không tự ẩn tu trong một thời gian dài; ngày nay làm hòa thượng rất dễ, làm trú trì cũng dễ, vậy cần gì phải mất trên 10 năm để học tập tu dưỡng?” Pháp sư Hội Tính vốn ở núi Sư Đầu, đóng cửa 6 năm tu tĩnh, chùa Nguyên Quang ở núi Sư Đầu mời Pháp sư làm trú trì, nhưng ngài không làm, ngài về thôn quê ẩn cư đọc kinh tạng, vì thế ngài thành tựu chí lớn. Những cây đại thụ ở chốn núi cao lạnh lẽo, lớn mạnh được phải vô cùng chậm chạp, vân tuổi của chúng dày đặc, nên chất gỗ rất rắn chắc, là thứ gỗ tốt để làm nhà, làm cầu. Vì thế, người thanh niên cần phải bỏ công sức làm việc học tập, đi sâu nghiên cứu, không thể hấp tấp nóng vội.

Biết khuyết điểm của mình, chấp nhận chúng và ra sức chú tâm sửa đổi. Phương pháp trừ bỏ khuyết điểm là cố gắng đổi chữ “không” thành chữ “phải”, tức là “phải chịu khó”, “phải thiết thực”, “phải thực hiện”, “phải gánh vác”; phải nhìn mình trước gương để uốn nắn cử chỉ của mình mới có thể thực hiện được lý tưởng.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Có thể tùy duyên bất biến làm việc mới có mục tiêu nguyên tắc;

Có thể bất biến tùy duyên làm người mới buông nắm tự nhiên.



Người có tương lai

Tỷ phú Rockefeller của nước Mỹ mỗi lần đi công tác xa, đến một khách sạn chỉ thuê một phòng ngủ bình thường. Người hầu của ông không hiểu, hỏi: “Con của ngài mỗi lần đi như thế này đều thuê phòng ngủ đắt nhất, tại sao ngài không làm như vậy?” Rockefeller trả lời: “Vì nó có một người cha giàu có bạc tỷ, còn tôi thì không được như vậy.”

Một người có tương lai hay không thì nhìn vào thời thanh thiếu niên của người ấy. Lúc đó, tại ngã tư đường của đời người, bạn muốn theo đường thiện hay theo đường ác? Tương lai của bạn có lợi cho xã hội hay có hại cho xã hội? Đó là giai đoạn mấu chốt của sự lựa chọn. Do đó, hy vọng tất cả mọi thanh niên tự yêu quý mình, tự tôn trọng mình, tự thể hiện mình, như vậy ắt hẳn sau này sẽ có tiền đồ.

Thế nào là người có tiền đồ? Xin đưa ra bốn ý để thanh niên tham khảo.

1. Đối với người cần biết ơn. Cơm ăn, áo mặc, đồ dùng đều do cha mẹ cung cấp, học vấn kiến thức đều do thầy giáo truyền dạy, làm người xử sự đều do người lớn hướng dẫn, những thiết chế công cộng khác, các ngành các nghề trong xã hội đem lại cho chúng ta phương tiện ăn mặc, trú ngụ, đi lại, chúng ta hưởng dụng rất nhiều nguồn lợi của thế gian, do đó, chúng ta phải biết cảm ơn, đối với người cần có sự cảm kích và biết ơn.

2. Đối với mình cần kiềm chế. Thanh niên đang lúc khí lực hăng mạnh, rất dễ xung động, dễ tức giận, dễ nổi nóng. Do đó, điều cần thiết là phải biết tự kiềm chế mình, đồ vật không phải của mình thì đừng tham chiếm, điều không đáng tức giận thì không cần phải nổi nóng. Người biết trầm tĩnh mới là người

có chí lớn.

3. Đối với sự việc cần hết sức. Tuổi thanh niên gặp công việc đừng ngại thất bại, cần có dũng khí gánh vác, đem hết tâm trí sức lực ra thực hiện. Điều gọi là “gặp thời đem hết toàn lực để làm, kết quả tùy duyên vô cầu”. Trên đời, mọi sự đều do nhân duyên tạo thành, chỉ cần có lợi cho chúng sinh thì nên đem hết tâm sức để làm, nếu đem tâm huyết, công hiến, lao động, trí tuệ của bạn để cố gắng làm việc, thì bạn sẽ có được sự tin cậy của mọi người.

4. Đối với sự vật cần quý tiếc. Người thanh niên đối với tiền bạc cần quý tiếc, đối với vật dụng cũng cần quý tiếc. Ví như đôi giày thể thao, vốn có thể mang đến ba năm, nhưng bạn chỉ mang một năm đã bị hư, chiếc áo sơ mi có thể mặc năm ba năm, nhưng không hợp thời trang, bạn vứt đi, đó đều là không biết quý tiếc vật dụng. Nếu không quý tiếc phước báo, cũng giống như tiền gửi ở ngân hàng, bạn tùy ý tiêu, thì đến một ngày nào đó sẽ không còn một xu. Thiền sư Tuyết Phong không vứt bỏ một ngọn rau, dùng vật mình yêu thương để tu tập tự ngã là điều mà người thanh niên hiện đại cũng cần phải học tập.

Lúc học tiểu học, thầy giáo ra bài tập làm văn, với đề tài là “Chí hướng của tôi”, có người có chí hướng làm kiến trúc sư, có người có chí hướng làm nhà giáo dục, người thầy thuốc, nhà phi hành không gian, nhà khoa học... Con người cần phải phát nguyện lập chí, sức mạnh của sự phát nguyện lập chí giống như nhiên liệu cần cho chiếc xe, đó là sức mạnh thúc đẩy sự thành công của chúng ta. Có chí nguyện mới có sức mạnh.

Lãng phí thời gian là làm hại chính mình, tiêu hao tinh lực là hủy hoại chính mình. Rất nhiều thanh niên hiện nay uể oải lười nhác, làm việc không cố gắng, không hăng say, học tập không có hứng thú. Đó đều là do không thật sự phát nguyện lập chí. Ví như có một thanh niên phát tâm: Cần trình bày sắp xếp tốt tờ đặc san tốt nghiệp. Có tâm nguyện ấy như gắn thêm cho mình một thứ trách nhiệm, chẳng khác nào như lên dây cót đồng hồ, sẽ sản sinh sức mạnh, quên ăn bỏ ngủ, vắt kiệt đầu óc để làm sao cho tờ đặc san thật đầy đủ chỉnh chu. Lúc đó, tâm không có việc gì khác, chỉ một lòng một dạ thực hiện mong muốn, nhất định ý nguyện sẽ hoàn thành. Trong bài “Khuyến phát Bồ đề tâm”, Đại sư Tĩnh Am nói: “Vào đạo cần có pháp môn, phát tâm làm đầu; tu hành là việc khẩn thiết cần phải lập chí phát nguyện làm đầu. Chí nguyện đã xác lập thì có thể hóa độ chúng sinh, tâm ý đã phát dẫn thì Phật đạo có thể thành tựu.” Ngạn ngữ nói: “Có chí hay không có chí, hãy nhìn cách nhóm lửa, quét sân”, “Chỉ cần nhìn trẻ thời nhỏ, có thể đoán được đời già”. Sa di Sâm Điền tuy nhỏ, nhưng lúc tư chung đã hiểu được kính chung như Phật, thảo nào sau này lớn lên trở thành một vị thiền sư; Đại sư Huyền Trang tự khích lệ: “Nói không danh lợi, làm không viển vông”, quả thật là Phật giáo vinh quang! Cho nên, lập chí cần phải sớm trước một bước, cố gắng thực hiện thì sẽ thấy kết quả trước mắt. Chính vì vậy, có điều rằng: “Chỉ có quý tiếc sức mạnh, tu tập công phu, mới có thể hội đủ thể lực chờ ngày khởi phát thực hiện lý tưởng; chỉ có quý tiếc nhân duyên, tôn trọng, bao dung, mới có thể cộng hợp trí tuệ năng lực cùng thành việc lớn.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Cây ôm không xuể bắt đầu từ hạt giống tí ti,

Nước chảy xuyên đá bắt đầu từ từng giọt nhỏ;

Nền tảng của thành công do sức lao động;

Nhân duyên của ngộ đạo gốc bởi dụng tâm.



THÊM CHẤT NGỌT CHO ĐỜI

Người ăn nhiều, thân xác nặng nề hay lười nhác;

Đời này đời sau, đều không lợi cho thân thể;

Giấc ngủ tự khổ sở, lại còn phiền người khác;

Mê muộn khó thức ngủ, nên tùy lúc tính lượng ăn.

Đại Tát Già Ni Can Tử Kinh

Nghệ thuật sống chậm rãi

Trong bài dạy quy định của học viện Ha Phật Thương, thầy giáo đưa ra tình huống quản lý của 3 công ty, sau đó bảo học viên đánh giá tương lai của mỗi công ty.

Công ty A: 8 giờ vào làm việc, đi trễ về sớm một phút trừ 50 đồng; đồng phục thống nhất, phải đeo thẻ bài trước ngực; mỗi năm tổ chức một lần du lịch, hai lần hội họp, ba lần liên hoan, bốn lần thi đấu thể thao thể dục, hàng năm mỗi công nhân cần đưa ra 4 sáng kiến về hợp lý hóa công việc.

Công ty B: 9 giờ đi làm, nhưng không kiểm tra chuyên cần; mỗi người làm việc trong một phòng riêng, có thể căn cứ công việc ưa thích của cá nhân mà bố trí; trên bức tường trắng dọc hành lang có thể thuận tay vẽ viết lung tung mà không bị cấm đoán; đồ uống và nước trái cây được cung cấp miễn phí; lúc làm việc có thể đi cắt tóc, đi bơi lội.

Công ty C: Muốn đi làm việc lúc nào cũng được; không cần mặc đồng phục chuyên môn, muốn mặc gì thì mặc; đi làm có thể đem theo chó hay con nhỏ đều được; trong thời gian làm việc có thể đi dã ngoại, đi du ngoạn không bị trừ lương.

90% học viên cho rằng tiền đề của công ty A tốt nhất. Lúc đó, thầy giáo đã công bố tình hình thực sự của 3 công ty: Công ty A là số một, công ty B là hơi yếu, công ty C những năm gần đây là công ty tăng trưởng nhanh nhất.

Tại thành phố lớn như Hương Cảng, trong các tàu điện ngầm, thời gian cao điểm đến cơ quan và giờ tan tầm thường là những dòng người nhanh vội xô đẩy nhau, người nào chỉ cần chậm một bước đều bị lấn ra khỏi dòng người. Trong xã hội hiện đại, mọi sự đều chú trọng đến tốc độ, bước chân của con người đều giống như dây cót của chiếc đồng hồ, giây phút luôn luôn chạy tới, không bao giờ ngừng nghỉ. Trong vấn đề giáo dục trẻ con hiện nay cũng như vậy, vì không muốn để cho trẻ con thua ngay trong bước khởi đầu, nên rất nhiều bậc phụ huynh cho các bé còn quá nhỏ đi học Anh văn, toán pháp, nghệ thuật... Lớn lên, những thanh niên háo thắng cũng cố tranh lên phía trước, thi đủ các thứ bằng cấp, vì sợ bị xã hội đào thải.

Thực ra, con người không thể một mực mong cho chóng thành, điều đó gọi là “Cơm chưa nấu chín, không thể tự cho mình là có công; trứng chưa ấp thành, không thể tự cho mình đã có mỡ”, mọi việc trong thế gian đều có cái đạo quân bình, “chậm chậm tiến hành” là phương pháp hữu hiệu quan trọng đối ngược với điều tệ hại của sự nhanh chóng, vả lại, chậm không hẳn là nhân tố của hiệu quả thấp

kém.

Như vậy, chậm rãi có thể phát huy những thành quả hữu hiệu nào?

1. Làm việc chậm có thể dưỡng nghệ. “Làm việc chậm rãi sẽ sinh ra công việc tinh tế”, chậm khắc tinh trí tức là cần phải thực hiện công việc một cách chậm rãi. Dương Châu có một người phụ nữ đã bỏ thời gian 60 năm của cuộc đời để đem hết tâm trí theo bức tượng Quan Thế Âm. Tôi đã từng chứng kiến một cô gái của xứ Bành Hồ đã bỏ ra 50 năm để chăm sóc hai người bệnh. Nhìn thành tựu của họ tuy là hữu hạn, nhưng trên thực tế, cuộc đời của họ đã mãi mãi trở thành bất hủ.

2. Bước đi chậm có thể dưỡng sinh. Y học hiện đại đã chứng minh đi bộ chậm có thể dưỡng sinh. Chạy đường dài, chạy tốc độ thích hợp cho các vận động viên trong các cuộc thi điền kinh để tỏ rõ bản lĩnh, khả năng của họ, còn dưỡng sinh thật sự là cần chạy bộ chậm rãi. Chúng ta nhận thấy con cọp tuy hung mãnh, nhưng chỉ có thể có ba lần vồ rồi thôi; con rùa bò chậm chậm, có thể bò từ sáng đến tối liên tục không ngừng nghỉ. Những đám mây trên trời kết tụ rất nhanh, nhưng cũng chóng tiêu tan; con suối nhỏ chậm chậm có thể chảy mãi chảy mãi, quanh năm không cạn kiệt.

3. Nói chậm có thể dưỡng sức. Có người nói năng vụng về, ngày thường luôn luôn im lặng ít nói; có người ưa thích luận bàn, nói chuyện trời biển không đâu. “Một lời thịnh nước, một lời mất nước”, người ưa phát biểu đại ngôn, không biết tự kiềm chế mình, rất nhiều lời nói không suy nghĩ kỹ buộc miệng nói ra, một ngày kia rước phải phiền hà, lúc ấy có hối cũng đã muộn. Thực ra, đó là người có tiếng của thời đại, không thể không nói ra, không thể không biểu đạt, nhưng những lời khó nghe, những lời đồn đãi là do người ta không thích mà nảy sinh, vì vậy, người phát ngôn cần biết tiết chế, đặc biệt là cần chú trọng đến nội dung. Nếu biết thận trọng trong lời nói, không những có thể biểu hiện khả năng tự kiểm soát mình mà còn tăng thêm trọng lượng cho lời nói của mình. Đối với những người ưa nhiều lời, thì im lặng là vàng, lời nói đúng là sức mạnh, không thể không suy nghĩ.

4. Sống chậm có thể dưỡng thọ. Người hiện đại công việc bận rộn, nhịp sống nhanh vội, do áp lực cuộc sống căng thẳng nên sinh ra nhiều thứ bệnh văn minh hiện đại. Nên làm chậm bớt bước đi của cuộc sống, ăn uống không cần phải vội vàng, lái xe không cần phải nhanh quá, nói năng không cần phải như súng liên thanh, không cần phải có quá nhiều sô diễn, không cần phải luôn luôn bận rộn vì người khác, đôi lúc cũng phải sống cho riêng mình. Phản ứng tư duy không nên quá nhanh nhạy, chậm một chút, vụng một chút cũng không sao cả; mỗi việc không nhất thiết phải tranh đua cùng người khác, mỗi ngày cũng không cần phải làm ngoài ca. Năm chòng thàng chất không được nghỉ ngơi thì dù là máy móc cũng phải hư mòn, huống nữa là con người; người hiện đại cần nghĩ đến việc bảo trọng thân tâm khỏe mạnh an lạc, sống chậm sẽ không làm mất đi cái đạo dưỡng sinh.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Có những việc không thể chờ đợi mà phải làm liền tay,

Chỉ cần đem thời gian chờ đợi biến thành sáng tạo thì hư mục cũng có thể chuyển thành mới lạ.



Năm quan điểm về ăn uống để khỏe mạnh

Thịt ít rau nhiều, giết ít thả nhiều, đường ít trái cây nhiều, ăn ít uống nhiều, xe ít bộ nhiều, giận ít vui

nhiều, nói ít làm nhiều, tham ít cho nhiều.

Chúng ta cần ăn uống để duy trì sự sống, nhưng có khi ăn uống lại sinh bệnh tật, bệnh do từ miệng mà vào, nghiêm trọng hơn, có lúc mất mạng như không. Thực ra, nhiều bệnh tật phát sinh là do quan niệm ăn uống của mỗi cá nhân không thích đáng.

Cho nên, Phật giáo đưa ra “năm quan điểm ăn để sống” nhằm đối phó, chữa trị.

1. Lựa chọn ăn uống đúng cách mang lại lợi ích như uống thuốc bổ. Mục đích của việc ăn uống là duy trì sức khỏe của thân thể, nhưng người đời nay có thói quen chọn béo lựa gầy, khiến cho bệnh tật hoành hành. Cho nên, thức ăn của chúng ta không cần phải mong cầu cao lương mỹ vị, mà cần làm cho thức ăn ấy trở thành chất thuốc có lợi cho sức khỏe thân thể.

2. Tăng giảm vị ngon, tốt xấu bình đẳng. Rất nhiều người do thức ăn không hợp khẩu vị nên tùy ý vứt đi, rất lãng phí. Phật môn coi trọng “chúng ta cần phải biết cơm đang ăn vốn không dễ làm ra”, ngoài bốn phận phải cảm ơn người cúng dường, chúng ta cũng cần phải hình thành thói quen tri túc và quý tiếc phước báo. Chúng ta cần học tập ý tưởng “mặn nhạt đều có vị” của Đại sư Hoàng Nhất, đối với những thứ ưa thích hay không ưa thích đều lấy tâm bình đẳng để tiếp nhận.

3. Trừ đói trừ khát, mượn giả tu thật. Thân thể của chúng ta do tứ đại và ngũ uẩn kết hợp mà thành, nếu không có sự trợ giúp và chăm sóc từ việc ăn uống, con người rất dễ đói khát mà sinh ra bệnh tật. Thân thể tuy có thể sinh bệnh, có thể là cái xác bị lão hóa tử vong, nhưng con người cũng cần mượn giả tu thật, bám vào sinh mệnh tạm thời để hoàn thành lý tưởng hay đạo nghiệp của mỗi cá nhân.

4. Như ong hút mật, không hao hương sắc. Con người ngày nay vì muốn ăn uống đầy đủ, sung túc nên không ngừng nuôi trồng số lượng lớn động thực vật một cách phi pháp, điều này không những khiến cho động vật đau khổ mà còn làm tàn hại đến cảnh quan môi trường. Kinh “Phật Di giáo” nói: “Như ong hút mật, nhưng luôn giữ được vị, không tổn hại hương sắc.” Đối với việc ăn uống, chúng ta cũng nên giống như ong hút mật, không thể làm tổn hại quá nhiều đến thế giới này, bởi vì rốt cuộc người bị tổn hại lại là chính chúng ta.

5. Biết lượng sức mình, tránh tham lam. Trên thị trường hiện nay, các loại quán ăn hoặc các bao hộp đồ ăn thức uống đều quảng cáo “ăn đến no”, “tăng thêm sức mạnh”... Ngoài ra, trừ bữa ăn chính trong ngày, các món ăn vặt ban đêm cũng khiến người ta phát thèm. Hậu quả là nhiều quán ăn mọc lên với quảng cáo như “quán ăn làm gầy thân thể”, “trung tâm giảm béo”... dành cho những người ưa thích ăn uống. Cần rời bỏ ý tham lam, biết định thời định lượng mới giữ được sức khỏe mà không tổn tiền vô ích.

Ăn uống giúp cung cấp thành phần dinh dưỡng cần thiết cho thân thể chúng ta, nhưng tinh thần ổn định mới có thể có tác dụng tốt cho khí huyết trong thân thể. Tôn Tư Mạc đời Đường, trong “Thiên kim yếu phương” cho rằng việc dưỡng sinh có năm điều khó: “Không bỏ danh lợi, không trừ vui giận, không rời thanh sắc, không dứt mùi vị, lo nghĩ tinh tán.” Có quan điểm chính xác về ăn uống, đồng thời luôn luôn giữ yên tĩnh bình hòa, tâm tình vui vẻ tự tại, xác định tin tưởng, thân thể khỏe mạnh.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Quan niệm về sự hưởng thụ có thể mở rộng phạm vi cuộc sống của chúng ta,

Khiến cho chúng ta cảm thấy mình là người giàu có nhất thế giới.

Mọi vật trên đời chúng ta đều có thể tùy ý hưởng dụng, cần gì phải chiếm dụng?



Hương vị của bát canh rễ rau

Không tham không dâm có thể dưỡng đức, thường hay thanh đạm có thể sống lâu, ít ăn ít giận có thể dưỡng thần, không cầu không tranh có thể dưỡng khí.

Vua Càn Long (Nhà Thanh)

“Tâm an nhà tranh ổn, tính định rễ rau thơm, việc đời tĩnh mới rõ, tình người giản dị mới bền.” Mỗi người muốn thành công ở đời cần phải chịu khổ, chịu thiệt, chịu khó.

Việc ăn uống của chúng ta phải như thế nào mới khỏe mạnh?

1. Ăn uống nên sớm, mới có thể tràn đầy sinh lực. Ruột đói còn cào có thể khiến cho tinh thần kém sút, hiện nay giới đi làm ca thường không ăn bữa sáng, lâu ngày có thể ảnh hưởng đến sức khỏe. Một chiếc xe đồ đầy xăng dầu mới có thể chạy trên đường dài, tương tự, bữa sáng cần được ăn no thì bộ máy ngũ tạng mới hoạt động bình thường, con người mới tràn đầy sinh lực.

2. Ăn uống nên chậm, sẽ giúp cho quá trình tiêu hóa. Người xưa nói: “Học tập cần đi sâu nghiên cứu, ăn cơm cần nhai kỹ nuốt chậm.” Phật giáo nói cần ăn uống trong chánh niệm, ăn nhanh nuốt vội có thể làm tổn hại cho bao tử và đường ruột, tiêu hóa khó khăn. Chewing thật kỹ thì nước bọt trong miệng mới thấm ướt để phân giải thức ăn, giúp cho bao tử hấp thu tiêu hóa dễ dàng.

3. Ăn uống nên ít, mới có thể kéo dài tuổi thọ. Phật giáo lấy phương châm “ăn ít là liều thuốc hay”, ăn quá no chỉ được thân hình béo mập, kinh mạch trong người không điều hòa, tháng năm chùng chát, thân thể rất dễ sinh bệnh. Cho nên, “ăn cơm chỉ ăn no vừa phải” mới có thể “sống lâu chẳng thấy già”; ruột và bao tử không nhọc nhằn mới có thể khỏe mạnh ít bệnh sống thọ.

4. Ăn uống nên ấm, sẽ giúp tươi nhuận dưỡng thân. Thức ăn quá khô làm cho miệng khô khốc, quá mát lại dễ đau bụng đi tả, ăn đồ quá nóng dễ làm rát lưỡi, đau cổ họng, còn đồ đông lạnh làm cho thức ăn đọng lâu trong bao tử, cũng có thể làm cho việc trao đổi chất không thuận lợi.

5. Ăn uống nên mềm, mới có thể bảo vệ đường ruột và bao tử. Cháo có thể là thức ăn mềm tốt nhất, nên có câu “một bát cháo từ tâm còn hơn uống thang thuốc có nhân sâm”. Thức ăn nấu quá cứng rất khó tiêu hóa, còn nấu quá nhừ lại mất đi chất dinh dưỡng. Nấu vừa chín mềm hợp lý nhất, giúp mọi người, kể cả người già, người bệnh đều thích nghi.

6. Ăn uống nên nhạt, mới có thể tai thông mắt sáng. Thức ăn cay mặn làm cho con người nóng nảy, u tối. “Ăn uống theo sự ham muốn sẽ làm tổn hại đến lục phủ ngũ tạng”, sao bằng “miệng ăn những vị thanh hòa, ruột rà vô hại, não bộ minh mẫn”. Bát canh rễ rau thơm ngon đậm bạc mới có thể khiến chúng ta tinh thần sáng khoái, mắt sáng tai thông.

Tục ngữ nói: “Có ăn là phúc trời, tham ăn sinh phiền não.” Kinh “Đại Tát Già Ni Can Tử” cũng nói: “Người ăn nhiều, thân xác nặng nề hay lười nhác; đời này đời sau, đều không lợi cho thân thể; giấc ngủ

tự khổ sở, lại còn phiền người khác; mê muộn khó thức ngủ, nên tùy lúc tính lượng ăn.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Ăn chay, ngoài thân thể khỏe mạnh, hợp vệ sinh ra, còn có thể nuôi dưỡng tâm địa từ bi, thái độ nhẫn nhục.

Đặc biệt giúp hình thành sức chịu đựng lâu bền, đó là điều kiện cần và đủ cho bất kỳ sự nghiệp thành công nào trên thế giới.



Gợi ý của ánh trăng

Có một tên trộm muốn lẻn vào một nhà giàu để trộm đồ đạc, anh ta đem theo đứa con nhỏ để thực tập. Tên trộm nói với đứa con: “Con đứng ngoài cổng canh chừng giúp cha, thấy có người xuất hiện thì thông báo cho cha.” Đang khi tên trộm chuẩn bị ra tay thì bỗng nhiên đứa con ngoài cổng la lớn: “Cha ơi! Có người đã thấy chúng ta rồi!” Tên trộm nghe thế, kéo theo đứa con chạy trốn. Chạy được một đoạn khá xa, tên trộm đứng lại mới hỏi đứa con: “Hồi nãy ai đã thấy chúng ta?” Đứa con trả lời: “Là ánh trăng đang thấy chúng ta!”

Ý của câu chuyện vui trên muốn nói: Không ai biết chúng ta đang làm việc xấu, lẽ nào trời không biết, đất không biết sao? Lẽ nào nhân quả và chư Phật, Bồ Tát cũng không biết sao? Cho nên không phải là không có người biết! Cứ cho là không có người biết đi, nhưng ít nhất chính mình cũng cần phải hiểu rõ. Một người chính nhân quân tử, dù ở một mình trong phòng riêng, làm bất cứ việc gì cũng như có mười con mắt đang nhìn mình, mười bàn tay đang chỉ bày mình nên thận trọng đề phòng. Cho nên người xưa gọi người quân tử là “mười con mắt đang nhìn, mười ngón tay đang chỉ”, quả là đáng tin vậy!

Phật pháp nói: “Giữ giới pháp như ngọn đèn sáng, có thể chiếu rọi chốn u mê, giữ giới pháp như trăng soi, có thể ở ngay trong tâm của mình.” Ánh trăng tượng trưng cho tự tính của chúng ta, trong tự tính của mỗi cá nhân đều có một kho tài sản quý vô tận, nếu biết được trong nhà mình có kho của quý thì cần gì phải đi ăn trộm của quý của người khác?

Ánh trăng, từ xưa đến nay là thứ mà người thiện, người tốt, người tình, người thơ đều yêu thích. Một vầng trăng sáng treo lơ lửng trên bầu trời đã khiến biết bao văn nhân thi sĩ ca ngợi ngâm vịnh, cho nên có câu rằng trăng sáng sao thừa, đời người bao nỗi, trong lời cảm thán của cuộc đời khổ tạm hầu như ẩn chứa bao nhiêu là buồn khổ sâu bi chưa nói hết! Cũng như xưa nay biết bao nhiêu chúng sinh thường bị oan khuất mà không nơi tỏ lộ, bị khổ lụy mà không nơi giải bày, chỉ có ngẩng đầu nhìn trăng sáng mà tâm thần ủ ê thương cảm!

Thực ra, ánh trăng tượng trưng cho sự vẻ vang, tròn đầy. Một số đôi tình nhân yêu nhau say đắm, thường chỉ trăng thề nguyện, mong ông tơ bà nguyệt chứng kiến cho tình cảm đôi lứa của họ. Tuy nhiên, sự đời vô thường, ông tơ bà nguyệt làm sao có thể là người chủ hôn được? Thơ rằng: “Trăng sáng cong cong chiếu chín châu, bao nhà vui sướng bao nhà rầu?” Trăng có lúc sáng tối đầy vơi, người có khi vui buồn ly hợp; trăng tròn rồi trăng lại khuyết, nói cạn lẽ sự đời dâu bể, đa đoan!

Có câu thơ rằng: “Người xưa chẳng thấy trăng đời nay, mà trăng đời nay từng soi sáng người xưa.” (Cổ nhân bất kiến kim thời nguyệt, kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân). Ánh trăng soi sáng người xưa,

và nay ánh trăng ấy vẫn soi sáng chúng ta, trăng xưa vẫn còn, người xưa đã khuất! Ánh trăng hôm nay chúng ta đang thấy, tương lai vẫn tiếp tục chiếu sáng cho người đời sau, nhưng ánh trăng sau này làm sao có thể chiếu sáng cho chúng ta hôm nay? Thời gian tuần tự luân phiên, việc đời lăm nổi vô thường, chả trách nhà thơ nhìn trăng mà hoài cảm!

Hoặc nói: “Trăng đến trung thu trăng sáng rõ, đời người mấy độ đón trung thu?” Trăng khuyết lại có lúc trăng tròn; trăng mờ lại có lúc trăng sáng. Nhưng cuộc đời chúng ta đã đi rồi, biết bao giờ mới trở lại?

Người xưa nói: “Trăng tròn trăng khuyết vẫn là trăng, xưa nay không có tối sao lại có sáng?” Mặt trăng do chúng ta nhìn mà thấy trăng tròn trăng khuyết, trăng sáng trăng tối, thực ra, đó là do các vì sao di chuyển và mặt trăng gặp mây đen che lấp nên xảy ra hiện tượng ấy. Bản thân mặt trăng hoàn toàn không có hiện tượng tròn khuyết sáng tối, tự thân nó trước sau vẫn là mặt trăng như thế mà thôi.

Do đó, con người chúng ta nếu tâm như mặt trời mặt trăng, thì bất kể trăng tròn trăng khuyết, trăng sáng trăng mờ, ánh trăng vẫn thường tồn, nên gọi là “Mặt trời lơ lửng giữa không trung, mặt trăng chiếu rọi vào tâm hồn, như vậy, tâm ta có mặt trời mặt trăng, còn sợ gì không có ánh sáng”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bụi bám vào gương, lau chùi tức sạch; mặt đất tối tăm, mặt trời lên ắt sáng;

Chuối vốn không tâm, bóc hết cũng không; củi đang đốt cháy, dập mạnh là tắt;

Xuân về hoa nở, gió thổi tức rụng; tháng đông băng giá, xuân về chảy tan;

Chúng sinh mê vọng, giác ngộ tức rõ; si ám vô minh, chứng rồi tức biết.



Trong cháo có đạo

Danh tướng đời Tống là Phạm Trọng Yêm, lúc trẻ nhà nghèo, ba năm học tập trong nghèo khổ, hàng ngày chỉ ăn cháo cho no bụng, sau ông đỗ đạt thành công. Ông nói: “Trong cháo có đạo.”

“Ma Ha Tăng Kỳ Luật” nói: “Cháo có mười điều lợi: màu sắc phong phú, làm tăng khí lực, bổ khí sống lâu, an vui mềm mại, lời nói rõ ràng, miệng lưỡi khoan khoái, tiêu hóa dễ dàng, già bệnh thích nghi, trừ khát trừ đói, điều hòa khí sắc.” Có một bài thơ vui nói về cháo rằng: “Chữ phạn hà như chữ chúc cường? Hảo đồng nhi nữ tế thương lương; nhất thăng khả tác tam thăng dụng, lưỡng nhật kham vi lục nhật lương. Hữu khách chỉ tu thêm thủy hỏa, vô tiền bất tất tác canh thang; mạc hiềm đạm bạc thiếu tư vị, đạm bạc chi trung tư vị trường.” (Nấu cơm sao bằng nấu cháo đây? Nên cùng con trẻ bàn kỹ ngay; một thăng thành lợi ba thăng gạo, hai ngày lương ăn đáng sáu ngày. Có khách chỉ cần thêm nước lửa, không tiền bất tất có canh thay; đừng chê đạm bạc không mùi vị, vẫn trong đạm bạc mùi vị đầy).

Trước đây, ở nông thôn, phần lớn những nhà nghèo khó đều thường nấu cháo, có lúc dùng gạo trắng nấu cháo cũng không dễ dàng gì, đa số dùng các loại đậu, các loại gạo khác nhau để nấu. Lúc vua Quang Vũ Lưu Tú thời Đông Hán dẹp loạn ở Nhiêu Dương, trời rất lạnh, đất đóng băng, lương thực thiếu thốn, đại tướng Phùng Dị dâng lên nhà vua một bát cháo đậu, đói lạnh đều tiêu tan. Về sau Lưu Tú có được thiên hạ, ra chiếu ban thưởng cho Phùng Dị.

Ngày nay, do mức sống được nâng cao, bữa ăn sáng của mọi nhà không sữa bò bánh bao thì cũng nước trái cây trứng gà, rất ít người ăn cháo. Ngẫu nhiên được ăn một bữa cháo lỏng, người ta cảm thấy thích thú; đặc biệt là những người già cả hay người mới khỏi bệnh, họ đều rất thích ăn một bữa cháo trắng. Hiện nay, còn có những văn nhân thi sĩ thành lập “hội ăn cháo”, để biểu thị cho nét phong nhã. Vì vậy, bản thân vật chất không có tốt xấu, chỉ do nhu cầu của con người mà thôi.

Con người nói chung không ai là không chú ý bảo vệ sức khỏe của mình. Tình cờ có chút bệnh tật gì, có người dùng thuốc men để chữa trị, có người dùng biện pháp vật lý để chữa trị, có người dùng thể dục thể thao để chữa trị, có người dùng biện pháp tâm lý để chữa trị... Thực ra, trong các biện pháp chữa trị trên, chữa trị bằng ẩm thực cũng là biện pháp vô cùng quan trọng. Trị liệu bằng ẩm thực trước hết và trên hết là ăn cháo.

Thời xưa, Trung Quốc chiến tranh liên miên, mỗi lần gặp cảnh binh lửa loạn lạc, hoặc gặp lúc lụt lội hạn hán mất mùa, những nhà từ thiện phát cháo cứu người để tỏ bày nghĩa cử thiện lương, dân chúng cứ theo cách đó để được cứu tế.

Những nhà giàu có hiện nay, hàng ngày ăn no thừa thãi, tình cờ được ăn bát cháo đĩa rau, cộng với dưa tương đậu phụ, không những cảm thấy mình muốn ăn thêm, mà còn thay đổi cả ký ức kham khổ của việc ăn cháo, lấy đó để bồi dưỡng ý thức về khó khăn hoạn nạn, tăng thêm ý thiện từ bi, làm trong sạch phong khí xã hội.

Do đó, xã hội ngày nay, nếu mọi người đều nhất trí thực hiện việc ăn cháo, thì không những tiết kiệm tiền bạc chi tiêu trong các bữa tiệc, mà còn có thể sống đời thanh bản, có thể tăng thêm phẩm đức cho mỗi cá nhân, đó chẳng phải là điều rõ ràng đúng đắn “trong cháo có đạo” sao?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Cuộc sống vui vẻ, chẳng phải là do sơn hào hải vị, mà là do thanh hòa đạm bạc;

Cuộc sống vui vẻ, chẳng phải là do nhắm mắt theo đuổi, mà là do chân thành đối xử với nhau;

Cuộc sống vui vẻ, chẳng phải là do cứu giúp người khác, mà là do chính mình;

Cuộc sống vui vẻ, chẳng phải là do tương lai xa vời, mà là do có được ở hiện tại.



Sự hưởng thụ tốt nhất

Kinh Phật nói: “Đầu thai làm người rất khó, được nghe Phật pháp rất khó, được sinh lại trong nước rất khó.” Đầu thai làm người khó, nhưng nay đã được làm người, đó là sự cảm ân có giá trị nhất của con người; chỉ có điều là làm thế nào sống một cuộc đời tốt đẹp nhất cho cái thân đầu thai làm người khó đạt ấy?

Chúng ta thử tập hợp những lời nghị luận chung chung về “cách hưởng thụ cuộc sống tốt nhất” theo mấy điểm dưới đây:

1. Ăn món ăn do người Hoa nấu. “Dân lấy ăn làm trời” (dân dĩ thực vi thiên), có người cả đời lấy chuyện ăn làm thú hưởng thụ số một. Món ăn của người Hoa không những màu sắc hương vị đều toàn

mỹ, mà còn có nhiều món ngon vào bậc nhất toàn cầu. Nghệ thuật ẩm thực của người Hoa có thể gọi là tuyệt vời nhất thế giới.

2. Ở nhà Tây. Ngoài ăn ra, một điều quan trọng nữa là chỗ ở. Phòng ốc sân vườn phương Tây rộng rãi thoáng mát, thiết kế hoàn chỉnh, tọa lạc chôn núi rừng, ven biển, quang cảnh vô biên, giống như đảo nguyên tiên cảnh.

3. Mặc áo quần Ấn Độ. Chất liệu tơ lụa Ấn Độ mềm mượt, nhẹ nhàng, màu sắc xinh đẹp, phụ nữ Ấn Độ thường khoác lên người một tấm thì ai ai cũng giống như Đại sĩ Quan Âm, xinh đẹp vô cùng.

4. Dùng nước hoa của Pháp. Nước hoa Paris nổi tiếng thế giới. Thực ra, không phải chỉ có nước hoa, mà thời trang Paris, bánh kẹo nước Pháp đều là những thứ đáng hưởng thụ nhất của cuộc đời.

5. Cưới vợ người Nhật. Nói chung, trong xã hội nam quyền chủ nghĩa, phụ nữ phải tam tòng tứ đức, cả đời hầu như sống cho người đàn ông. Nhưng thời đại thay đổi, người phụ nữ Nhật bản không còn như trước đây, cả đời chỉ bám người đàn ông, chỉ ở trong gia đình, mà họ đã ra khỏi nhà, gia nhập vào xã hội, cùng nam giới làm việc, cống hiến cho nước nhà, cho xã hội.

6. Đi tàu biển nước Anh. Tàu chuyến hàng hải nước Anh được phát minh sớm nhất thế giới, là loại tàu du lịch hàng hải thoải mái nhất, bố trí phòng ốc sáng sủa, rộng rãi, hoa lệ, quang cảnh xinh đẹp bên ngoài cửa sổ. Đặc biệt là phòng ăn, phòng khiêu vũ, phòng chiếu phim, hồ bơi, phòng thể dục, tất cả đều hoàn hảo. Do đó, cuộc đời của mỗi người được đi tàu du lịch Anh Quốc chu du thế giới cũng là một lạc thú ở đời.

7. Đi máy bay Singapore. Hàng năm theo đánh giá về hàng không thế giới, hàng không Singapore được nhận định là đứng hàng đầu, không những thiết bị máy bay tốt, chất lượng phục vụ cao mà thái độ phục vụ của nhân viên phi hành đoàn cũng rất thân mật, tất cả đều khiến cho khách du lịch vừa ý.

8. Đi xe nước Đức. Xe hơi của hãng Mercedes Benz, BMW nổi tiếng thế giới, hình dáng đẹp, máy móc tốt, đặc biệt là khung xe bền chắc, có thể chịu được sự va chạm.

9. Uống sữa bò nước Úc. Nước Úc có những đồng cỏ rộng lớn, không bị ô nhiễm, thời kỳ bò sữa lớn lên ở đó được hưởng môi trường thiên nhiên tươi đẹp, chất sữa sản xuất ở đây tinh khiết tươi ngon, có thể gọi là nhất thế giới.

10. Uống nước khoáng New Zealand. Hiện nay cả thế giới đều dùng nước khoáng để làm thức uống, hội họp hay mời khách, mỗi người đều có một chai nước, thậm chí ở các trạm xăng để chào mời khách hàng cũng tặng nước khoáng. Khắp nơi trên thế giới đều có nước khoáng, trong đó nên uống nước khoáng New Zealand là tốt hơn hết, bởi vì nước lấy từ nguồn sông băng ở Nam Bắc đảo New Zealand là trong sạch nhất, chất nước cũng tốt nhất.

11. Đi du lịch Trung Quốc. Trung Quốc có nhiều cảnh lạ, nhiều danh lam thắng tích, như mương Cửu Trại, khu Trương Gia, núi Phở Đà, núi Nga Mi, Côn Minh, Quế Lâm, Đôn Hoàng, tượng binh mã ở Tây An, lăng Trung Sơn ở Nam Kinh, Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh, Vạn Lý Trường Thành, mười ba lăng đời Minh v.v... tất cả đều xinh đẹp, hoành tráng, đáng nên đi du lịch một chuyến để thăm thú, tham quan.

Nói cho cùng, cũng cần khuyên quý vị một câu: sự hưởng thụ to lớn nhất của con người, thực ra không

phải ăn uống vui chơi, mà do ở sự phong phú của tâm hồn; làm cho cuộc sống có ý nghĩa, cuộc sống an nhiên tự tại, đó mới là sự hưởng thụ to lớn nhất, và cũng là cuộc sống có phước báo đầy đủ nhất.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Trong tất cả mọi thứ khoái lạc, không có khoái lạc nào sánh bằng sự cát tường an lạc;

Trong tất cả mọi sự hưởng thụ, không có sự hưởng thụ nào sánh bằng sự yên tĩnh bình hòa.



TRÍ TUỆ TRONG XỬ TRÍ CHUYỆN VẬT Ở ĐỜI

Chút chút kim cương có thể phá hoại núi Tu Di;

Chút chút ánh lửa có thể là một nguồn chất đốt;

Chút chút vi khuẩn có thể làm hại thân thể;

Chút chút sám hối, có thể phá tan đại ác.

Trang điểm

Có người hỏi chuyên gia trang điểm rằng người như thế nào mới được xem là biết trang điểm. Chuyên gia trang điểm nói: “Trình độ cao nhất của trang điểm chính là tự nhiên, khiến người ta nhìn vào mà giống như không trang điểm gì cả; trang điểm cấp một là người bỗng xuất hiện liền đem lại sự chú ý; trang điểm vụng về là một lần xuất hiện thì bị nhận ra là trang điểm quá dày đậm để che bớt khuyết điểm hoặc tuổi tác... Trang điểm hạng ba là trang điểm bộ mặt, trang điểm hạng hai là trang điểm tinh thần, trang điểm hạng nhất là trang điểm cuộc sống.”

Một bó hoa buộc thêm sợi dây màu thể hiện tình ý của người tặng hoa; trong phòng ăn có một ít hoa tươi, một chút âm nhạc, làm tăng thêm ý thích cho thực khách. Hàng hóa ngày nay, người ta thường chú trọng đến mẫu mã bao bì. Về bộ mặt, đầu tóc, toàn thân đều cần trang điểm để làm đẹp thêm. Đến như ngôn ngữ, cử chỉ cũng cần quan tâm chỉnh sửa.

Tôi cho rằng có bốn loại trang điểm:

1. Trang điểm về ngoại hình. Trước hết, con người thường coi trọng trang điểm ngoại hình, dựa vào việc trang điểm mà bổ sung những thiếu sót cho ngoại hình nhằm tạo ra hình ảnh xinh đẹp khi giao tiếp đi lại với mọi người. Rất nhiều phụ nữ dậy sớm, nếu không thoa sơ chút son phấn thì không dám ra khỏi nhà; những diễn viên nghệ thuật không trang điểm tạo hình cũng cảm thấy không thể lên sân diễn, cho đến trường hợp đi làm, đi dự tiệc, hay đi hội họp, nếu không trang điểm thì cũng cảm thấy mình như thất lễ. Trang điểm về mặt ngoại hình như vậy có thể nói là điều kiện cơ bản nhất trong cách xã giao hiện đại.

2. Trang điểm về phong cách. Ngoài việc trang điểm một số nét thuộc ngoại hình như làm đẹp bộ mặt, đôi mắt, lông mi lông mày ra, cũng cần trang điểm về phong cách, tức là làm đẹp ngôn ngữ, tâm tính. Có người tai mắt mũi miệng đều hoàn chỉnh xinh đẹp, nhưng lời nói, bụng dạ không đẹp thì khó mà có giá trị lâu dài. Có người không cần phải có mỹ phẩm trang điểm nổi tiếng, nhưng lại dùng phong thái trang nghiêm giản dị cũng có thể lôi cuốn người khác, điều đó là nhờ dựa vào phong độ, cử chỉ đoan trang của mình, biểu lộ nét đẹp dễ cảm mến, lấy lễ độ tôn kính để gây thiện cảm đối với người khác.

3. Trang điểm về tâm hồn. Có câu rằng: “Tiền bạc có thể mua được mỹ phẩm, nhưng không thể mua được khí chất.” Sau khi nâng cao thứ tự trang điểm của cá nhân, cô ta không nhất thiết phải dựa vào sự trang điểm ngoại hình, cũng không dựa vào sự trang điểm phong cách, mà dựa vào sự trang điểm tâm hồn. Gọi là trang điểm tâm hồn, tức là không giả tạo, mà là thể hiện khí chất một cách tự nhiên phát

xuất từ nội tâm của mình. Qua lại trao đổi với cô ấy sẽ khiến bạn cảm thấy cô là người từ bi nhân hậu, vui vẻ phục vụ, cống hiến, hoặc cách xử thế của cô rất linh hoạt trí tuệ, công bằng hòa nhã; bạn cũng có thể cảm nhận tính tình của cô rất dịu dàng đáng trọng, thân thiết hiền từ, khoan dung đại độ.

4. Trang điểm về cuộc sống. Mỗi cá nhân có thể hòa nhập cuộc đời của mình vào đại chúng để phục vụ, dẫn thân vào không gian thời gian vô hạn để cống hiến, không may mắn phân biệt, thậm chí phải có tấm lòng “lo cái lo trước của thiên hạ, vui cái vui sau của thiên hạ”, những người như vậy có thể nói là lấy giá trị cuộc sống cao nhất để trang điểm.

Hoa tốt không phải do xinh đẹp mà do hương thơm; dao tốt không phải do to lớn mà do bén sắc; lời tốt không phải là do nói khéo mà do chân thực; trang điểm không phải do mỹ phẩm đắt giá mà do hợp với thân hình. “Ba phần do người, bảy phần do trang điểm”, cho nên trang điểm rất quan trọng. Ngoài việc ngoại hình cần được trang điểm xinh đẹp ra, thì nội tâm đạo đức, từ bi trang nghiêm, giao hảo phục vụ, cống hiến vô tư, đều là nội dung của cuộc sống có thể được trang điểm cho mỗi con người chúng ta, vậy bạn chọn loại trang điểm nào trong số các loại trang điểm kể trên?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Dáng ngồi như cái chuông, cần phải vững chãi;

Dáng đứng như cây tùng, cần phải ngay thẳng;

Dung mạo như cái gương, cần phải trong sáng;

Đi đứng như pháp độ, cần phải hợp lẽ;

Suy nghĩ như dòng nước, cần phải trong sạch.



Du lịch

Tài hoa là sông núi của lòng người; sông núi là tài hoa của trời đất. Nếu như sông núi và tài hoa hoàn toàn không liên quan gì với nhau thì Tư Mã Tử Trường có cơ gì bám lấy núi cao sông dài mà mở rộng dòng suy tư viết lách, làm lớn mạnh bút pháp của sử quan?

Có câu rằng “Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường”, nghĩa là sự hiểu biết ngoài học trong sách vở, trong nhà trường do thầy giáo truyền thụ, đi tham quan du lịch cũng là cách mở rộng kiến văn, thậm chí có thể kết hợp kiến thức trong sách vở với sự thể nghiệm của cuộc sống, tức là tri hành hợp nhất, biết và làm đều quan trọng. Do đó, thói quen ưa thích đi du lịch hiện nay trở nên thịnh hành, đó là một việc tốt đáng được khích lệ.

Ý nghĩa của du lịch là gì? Xin đưa ra bốn điểm dưới đây:

1. Tăng thêm sự hiểu biết về địa lý. Đi du lịch ở các nơi, trước hết cần phải biết rõ địa lý ở những nơi đó, như khí hậu, sinh thái, giao thông... như vậy trong quá trình du lịch, có thể có những hiểu biết sâu sắc về vùng đất sở tại, rồi lan tỏa vào ký ức của bản thân. Ví dụ, đến nước Mỹ du lịch, thì nước Mỹ đang ở trong tâm của tôi, đến châu Âu nghỉ hè, thì châu Âu ở trong tâm của tôi, vùng đất chúng ta du lịch càng phong phú, thì tầm nhìn tâm hồn của chúng ta càng khoáng đạt.

2. Tăng thêm sự tìm tòi về lịch sử. Khi chúng ta đi du lịch, ngoài thân tâm thư thái, tinh thần vui vẻ ra, còn gặt hái thêm một số kiến thức mới. Ngoài cảnh đẹp ngoại tại, còn có thể tăng thêm phần nội hàm, tìm tòi một vài vấn đề văn hóa lịch sử, nhận ra những giá trị của văn hóa, nhận ra ý nghĩa của lịch sử. Ví dụ, một công trình kiến trúc nọ 3.000 năm trước, đã trải qua những triều đại nào, có những thay đổi gì... chúng ta có thể phân tích văn hóa lịch sử của nó, như thế tức là đã gắn kết nó với cuộc sống của chúng ta.

3. Tăng thêm sự nhận thức về phong cảnh tích xưa. Bất kể du lịch trong nước hay ngoài nước, dọc đường đi thưởng thức phong cảnh, nghe chim hót trùng kêu, nhìn núi xanh mây trắng, có thể kích thích sức sống, mở rộng tầm nhìn, cho chúng ta cảm nhận sâu sắc phong vị tươi đẹp của thiên nhiên. Lại nhìn những kỳ quan vĩ đại của thế giới, thăm thú những danh thắng cổ tích, có thể khơi dậy trong chúng ta tình cảm sâu xa của niềm hoài cổ, khiến chúng ta như đang ở vào thời cổ đại, trở về với quá khứ, thể nghiệm sự vẻ vang của thời xa xưa ấy.

4. Tăng thêm tình hữu nghị về việc kết bạn giữa những người du lịch. Có những người vui vẻ kết bạn thành nhóm 5, 3 người cùng giúp nhau trong du lịch, đi đến nơi nào đều thanh thản thoải mái, tự nhiên tự tại. Cũng có những người vui vẻ tham gia các đoàn lữ hành, trong một đoàn thể như vậy, được làm quen với nhiều thành viên khác nhau, già có trẻ có, nam có nữ có, đến từ nhiều gia đình khác nhau, nhiều tính cách khác nhau, mọi người cùng đi du lịch với nhau, tôn trọng lẫn nhau, thân mật với nhau, cùng làm việc cùng nghỉ ngơi. Nếu bạn có thể sống chung với bất cứ người nào đều cảm thấy yên tâm, đều thể hiện tính cách tùy duyên tùy hỷ, thì chắc chắn bạn có thể kết giao rộng rãi với rất nhiều bằng hữu.

Đời người ngắn ngủi nên trong những năm tháng hữu hạn ấy, chúng ta nên lấy du lịch để tăng thêm kiến văn, kết rộng duyên lành, làm giàu hiểu biết, mở rộng lĩnh vực sinh hoạt của chúng ta. Khi đi du lịch, phải có tinh thần tìm thầy giỏi hỏi đạo mới có thể không có tình trạng hối tiếc “như vào núi quý mà trở về tay không”.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nghe nhiều không bằng thấy nhiều, nói nhiều không bằng làm nhiều;

Nghĩ nhiều không bằng hỏi nhiều, lo nhiều không bằng phòng nhiều.



Thưởng thức hương vị

Trên thế giới này thứ có hương vị nhất là không cần tiền, mà là cần trăng thanh gió mát, cần bà con bạn hữu.

Lý Bích Hoa

Người đời nay rất chú trọng đến hương vị của cuộc sống: Luận bàn tình yêu có hương vị của luận bàn tình yêu, sử dụng tiền bạc có hương vị của sử dụng tiền bạc, trang phục áo quần có hương vị của trang phục áo quần, giao tiếp thù tạc có hương vị của giao tiếp thù tạc. Hương vị không dựa vào tiền bạc, hoàn cảnh được tạo ra từ bên ngoài, mà hương vị cần được làm nên từ những chi tiết nhỏ nhất của cuộc sống gắn gũi với chính mình, ví như đối với người thì có lễ độ, đối với việc thì có trách nhiệm,

đến như cách xử trí, tiết kiệm, thương người, đó đều là hương vị.

Thực ra, từ trong sinh hoạt gia đình cũng có thể tạo ra hương vị của mỗi cá nhân:

1. Nấu ăn cần có hương vị của mẹ. Ăn là việc không thể thiếu của con người, người vợ siêng năng vào bếp, mỗi ngày ba bữa chế biến đầy đủ cơm nóng canh sốt cho các thành viên trong gia đình quây quần dùng bữa, gia đình như vậy tất nhiên rất là hạnh phúc. Cho nên, suốt cả cuộc đời của nhiều người luôn luôn nhớ đến những bữa ăn gia đình do chính tay mẹ nếm nấu, hiểu rõ lòng thương yêu và nỗi khó nhọc của mẹ trong chuyện lo cơm nước cho cả nhà. “Hương vị của mẹ” do đó trở thành hoài niệm có giá trị nhất trong cuộc đời của mỗi người.

2. Nói chuyện cần có hương vị của cha. Một người có tài cán có thể diễn thuyết khắp nơi, một người bình thường cũng có thể tham dự các cuộc hội nghị, có cơ hội trình bày. Nhà kinh doanh buôn bán, khi thương lượng công việc, mở rộng thị trường đều cần nhờ đến kỹ năng nói chuyện. Khi nói chuyện, ngoài sự chân thực cũng cần có “hương vị của cha”, tức là trình bày giản dị trong sáng, tư duy mạch lạc rõ ràng, phong cách rộng rãi phóng khoáng, như vậy mới có sức thuyết phục.

3. Kể chuyện cần có hương vị của bà. Thường ngày, chúng ta đều thích kể chuyện cho mọi người nghe, hoặc đem những chuyện tâm đắc xem từ phim ảnh, đọc trên báo chí, hoặc đến cả chuyện mình đọc được trong sử sách kể cho mọi người cùng chia sẻ thưởng thức. Dù là kể chuyện đời xưa, chuyện cười hay chuyện tâm đắc, đều không được quên gia thêm “hương vị của bà”, bởi nét cười hiền từ, giọng nói thân thiết của bà khi kể chuyện đời xưa, nhất là về trải đời của bà đều thể hiện đầy đủ ở trong đó. Cho nên, nghe bà kể chuyện đời xưa cũng đã trở thành kỷ niệm trẻ thơ đẹp đẽ nhất của rất nhiều người.

4. Trang sức cần có hương vị của chị. Nhà cửa cần trang hoàng, ăn mặc, cử chỉ, động tác của mỗi người cũng cần được trang sức. Trang sức không phải là giả tạo, cũng không cần thiết phải hoa lệ xa xỉ, mà quan trọng là phải giản dị lịch sự, đặc biệt là có “hương vị của chị”, tức là dáng vẻ đoan trang nhã nhặn, nết nã hơn người, đó mới là trang sức tốt nhất.

5. Sinh hoạt cần có hương vị của gia đình. Từ trong sinh hoạt có thể nhận ra phẩm cách làm người của mỗi cá nhân. Người có cha mẹ trong tâm ắt phải tôn kính tất cả các bậc tôn trưởng; người biết yêu kính anh chị, ắt phải quan tâm đến bằng hữu; người biết chăm sóc em út ắt phải quan hoài đến trẻ nhỏ... Như vậy, cuộc sống của cá nhân đó mới có thể tỏa ra hương vị của toàn thể gia đình.

Từ gia đình mở rộng ra thì đức tốt, quan niệm luân lý, cách đánh giá đúng đắn việc cư xử chắc chắn tỏa lan đến các cơ quan đoàn thể trong toàn xã hội. Do đó việc lập thân ở đời còn gì là khó khăn nữa đâu?

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Yêu trong phạm vi hẹp là yêu những gì liên quan đến mình, yêu trong phạm vi rộng là yêu những gì liên quan đến người khác;

Yêu đúng đắn là yêu chân lý, yêu công bằng, yêu đất nước, yêu thế giới, yêu hòa bình nhân loại.



Bản tính của phụ nữ đa số thích đi mua sắm. Có câu nói phụ nữ thích đi mua sắm cũng giống như đàn ông thích ra sức xây dựng sự nghiệp, tức là trong chốn thương trường rộng lớn tìm kiếm nhãn hàng giá trị để thể hiện chính mình.

Mục đích lớn nhất của đi phố là để mua sắm. Những công nhân viên chức thường ngày phải đi làm việc, chỉ có thể tận dụng ngày nghỉ hoặc mỗi sáng mỗi chiều đi phố mua sắm vật dụng hàng ngày. Một số công ty đoàn thể có nhân viên tạp vụ phụ trách việc mua sắm, người ta thường liệt kê danh sách chi tiết các hạng mục để lên phố mua sắm một cách hiệu quả nhất. Người vợ trong nhà thì mua sắm vật dụng theo nhu cầu hàng ngày. Do đó, đi phố đối với một số người trở thành một nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu trong sinh hoạt. Nhưng không phải tất cả mọi người đều đi phố để mua sắm, người ta đi phố còn có những ý đồ khác:

1. Thỏa mãn ham muốn. Người đi phố không hẳn là để mua sắm, đôi khi cũng không có mục đích gì cả, thuần túy chỉ là đi phố để nhìn ngắm dòng người đi dạo trên hè phố, nhìn ngắm những thứ hàng hóa trưng bày trong các tủ kính. Dù không mua, nhưng nhìn ngắm cũng cảm thấy thỏa mãn tính ham muốn theo đuổi vật chất của con người.

2. Giết thời giờ. Trên đường phố có thể nhìn ngắm đủ dáng vẻ người và vật. Đặc biệt là trên phố đông luôn xảy ra khá nhiều sự việc, có thể nhìn ngắm sự nhộn nhịp cũng đủ giết thời giờ. Có những bậc cha mẹ chiều chiều dẫn con cái dạo phố, có thể nhân nhìn thấy những điều trên phố mà lấy đó làm cơ hội giáo dục, hoặc có thể đến một quầy ăn nhỏ ăn chút quà vặt để giúp cho người bán hàng ăn ấy, đó cũng là một cái thú đi phố.

3. Săn lùng điều mới lạ. Tâm trạng khi đi dạo phố thường hưng phấn và hiếu kỳ. Đi trên đường phố, nhìn các loại biển hiệu với màu sắc ánh sáng rực rỡ, nhìn những pa-nô quảng cáo ở các rạp chiếu bóng khiến người ta rời cả mắt. Đi qua mỗi rạp chiếu bóng, người ra vào đông như mắc cửi. Trong lúc đó, dọc đường phố có người rao mời bán báo, có người bung trái cây đi chào mời khắp chốn, thỉnh thoảng lại có viên cảnh sát đuổi một người bán hàng vặt, thậm chí có cảnh một phụ nữ xuất hiện mắng chửi người khác trên đường phố. Tóm lại, săn lùng tin lạ là mục tiêu và hứng thú của nhiều người đi dạo phố.

4. Điều tra thị trường. Một thành phố có phồn thịnh hay không, thì chợ búa và đường phố có thể phản ánh tình hình thực tế của thành phố đó. Văn hóa tập tục, dân tình địa phương cũng có thể được nghiên cứu rất ráo từ những sinh hoạt trên đường phố. Để nghiên cứu học thuật, một số học giả về nông thôn đi điền dã để điều tra, hoặc lên thành phố xem sách vở để tìm hiểu. Đặc biệt là các công xưởng, hãng buôn, để nắm bắt nhu cầu thị trường, cũng đến thành phố điều tra thị trường. Có người rảnh rỗi đi phố dạo chơi, cũng có thể nhìn xem những xu thế lưu hành, vật giá lên xuống, tình cảnh chợ búa... Do đó đi phố trở thành “giải pháp tuyệt vời”.

5. Đưa bạn đi thăm thú. Tình cờ trong nhà có bà con bạn hữu từ phương xa đến, đưa họ đi thăm thú chốn đường xa xứ lạ mà khỏi phải tốn tiền, nếu hẹn họ đi phố, có thể vừa dạo chơi vừa nói chuyện, vừa có hiểu biết vừa có bàn luận, nói đủ thứ chuyện mà chẳng tốn tiền. Cho nên quán trà, tiệm cà phê dễ trở thành nơi tụ tập của người dạo phố.

Tóm lại, bất kể người ở nơi nào đều có kinh nghiệm đi phố. Đi phố có thể để lại sự thể nghiệm cuộc sống sinh động và thú vị, để lại rất nhiều tư liệu đáng bàn, trở thành sự lịch duyệt quan trọng của con

người.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Trong thế cố nhân tình, có thể có rất nhiều điều bình thản và thú vị,

Tức là trong thế gian bất bình ấy có thể tìm được niềm vui và hạnh phúc.



Mắc bệnh

Có người đổi câu châm ngôn tự răn mình “còn một hơi thở, cố sức làm việc” thành “giữ gìn sức khỏe, cố gắng làm việc”. Bệnh tật nhắc nhở bạn: “Đi nhiều ở công viên, ít đi vào bệnh viện”, tức là chân lý của cuộc sống, “trong ngục thất không có phạm nhân của nhà ta, trong bệnh viện không có bệnh nhân của nhà ta”, đó là hạnh phúc không gì to lớn bằng.

Ngôi nhà có mối mọt thì đó là ngôi nhà đang có bệnh, cần phải chữa trị; nền kinh tế tiêu điều là nền kinh tế đang có bệnh, cần phải chấn hưng. Con người và sự vật trên thế gian đều có thể mắc bệnh, đã có bệnh thì cần phải chữa trị.

1. Ngôn ngữ sinh bệnh. Có người nói năng mà người ta gọi là “trong miệng chó không thể nhả ra ngà voi”, tức là chỉ người nói không thể nói ra được một câu hay đẹp, mỗi câu nói của người đó đều xúc phạm đến người khác, khiến người ta không vui vẻ. Có người nói năng thì trong lời nói đều có dao có kiếm, làm tổn thương người khác, khiến người ta không bằng lòng tiếp nhận. Sự bất hòa của người đời thường là do ngôn ngữ khiếm khuyết tạo thành mâu thuẫn.

2. Thân thể sinh bệnh. Thân thể người ta, thời trai trẻ có thể chống lại các thứ bệnh, nhưng đến lúc già lão, nhiều thứ bệnh phát sinh, mắt không nhìn rõ cảnh vật, tai không nghe rõ âm thanh, răng lung lay, cuộc đời lúc ấy chỉ còn những kỷ niệm của thời dĩ vãng.

3. Tâm lý sinh bệnh. Bệnh tâm lý của con người so với bệnh của thân thể thì nghiêm trọng hơn người. Ví như điêu ngoa, độc ác, nghi ngờ, ganh ghét, cay nghiệt, hà khắc... Khi trong lòng đã có các bệnh như vậy thì luôn nghĩ đến chuyện hại người, có thể truyền cho người khác, khiến cho người khác cũng bị hại sâu nặng hơn. Một người có khuyết điểm về ngôn ngữ, sẽ có người chỉ bảo cải sửa, một người có thân thể bị bệnh, có thể tìm đến thầy thuốc chữa trị; một người trong tâm có bệnh, người khác không thể nhìn thấy. Người bị bệnh tâm lý không biết lúc nào giương cung bắn lén hại người, khiến người ta rất khó đề phòng.

4. Xã hội sinh bệnh. Lòng người không tốt có khả năng gây ảnh hưởng không nhỏ, phong khí toàn xã hội chắc chắn sẽ theo đó mà bại hoại, ví như phát sinh một số hiện tượng như xã hội thiếu công bằng chính nghĩa, kẻ mạnh ức hiếp người yếu, người giàu áp chế người nghèo. Như vậy, toàn xã hội hỗn loạn, phong khí bất chính. Con người sống trong xã hội đó, sinh mệnh tài sản không được bảo đảm, mọi người đều tự cảm thấy nguy hiểm, hằng ngày sống trong phập phồng lo sợ, không biết lúc nào có thể gặp điều bất trắc, cuộc sống không có chút vui sướng, sống một ngày dài như một năm.

5. Dư luận sinh bệnh. Sở dĩ xã hội bị bệnh trầm trọng là do không có dư luận công bằng chính nghĩa. Quan chức chính trị ngày ngày đánh nhau bằng phát ngôn, các nhà doanh nghiệp tài chính ngấm ngấm

giao dịch giá cả để trục lợi; những người tốt việc tốt trong xã hội không được biểu dương ca ngợi, việc hủy hoại đạo đức cá nhân diễn ra tràn lan, khiến cho xã hội phát sinh nhiều chuyện thương luân bại lý. Rõ ràng là con chó cắn người, nhưng hẳn ta không nói lời đúng thật mà cứ nói người cắn chó, mới nghe qua ai cũng kinh hoàng khiếp sợ. Dư luận xã hội như vậy, người dân không dám khinh suất tán đồng, không thể tin tưởng, kêu than vô ích, đành bó tay.

6. Thế giới sinh bệnh. Hiện nay nhân loại đang đối mặt với một tai nạn khủng khiếp, đó là “thế giới đang bị bệnh”. Thế giới ngày nay chỉ có cường quyền, vậy công lý ở đâu? Chỉ có mạnh và yếu, vậy công bằng ở đâu? Không những chính trị, xã hội của các quốc gia trên thế giới sinh bệnh mà ngay cả thiên nhiên cũng bị sinh bệnh. Núi non sông ngòi, rừng rậm thảo nguyên của tự nhiên do con người phá hoại, nên bầu không khí của đại tự nhiên không còn tươi mát trong lành nữa, đại tự nhiên bị con người xâm hại một cách vô tội vạ, đã làm cho “chim khó hót, hoa khó nở”, đặc biệt là trong những năm gần đây, khí hậu ngày một ấm lên, điều đó không khiến cho con người lo lắng sao?

Tóm lại, “sinh bệnh”, tức là con người có thân mệnh thì có thể bị bệnh; có bệnh có thể bị già lão, và dẫn đến tử vong. Đương nhiên hoa tàn đã kết thành hạt giống, hạt giống chỉ cần gặp được nhân duyên thì lại tái sinh. Nhưng chúng ta không thể không đặt câu hỏi: Nhân duyên tốt đẹp của thế giới ngày nay đang ở đâu?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bệnh tật là con đường ngăn nhất gần với đạo tâm;

Khổ đau là cơ hội gần với sự phấn chấn;

Bận rộn là con đường quan yếu gần với giá trị;

Khuyết điểm là nấc thang gần với sự tròn đầy.



Đọc sách

Người Anh có niềm yêu thích đọc sách báo nổi tiếng thế giới. Ở nước Anh có một mạng lưới thư viện công cộng rất hoàn chỉnh, số lượng đầu sách tổng cộng trên 100 triệu bản. Tại các thư viện công cộng ấy, ngoài việc mượn sách đọc, nhạc bản, đĩa hát ra, còn cung cấp các loại dịch vụ đặc thù khác cho nhi đồng, cho bệnh nhân ở bệnh viện, cho tù nhân trong các trại giam, ví dụ như trò chơi đọc sách, tổ chức diễn thuyết, chiếu phim, salon âm nhạc, dạy học cho người đã trưởng thành...

Sự hiểu biết của con người đến từ việc đọc, đọc không hoàn toàn giới hạn vào sách vở. Có người theo một sự việc mà có được sự khởi phát, người đó có thể từ trong “sự đọc việc” mà có được trí tuệ; có người cả đời theo một người và hình như cả đời chỉ đọc mỗi người ấy, “sự đọc người” cũng có thể nảy sinh ra tư tưởng. Cuộc sống của con người, thì luôn có giới hạn, còn cái biết thì vô giới hạn (sinh hữu nhai, tri vô nhai). Có người suốt một đời nghiên cứu động vật, biển cả, không gian vũ trụ và trở thành chuyên gia; có người đọc rộng biết nhiều, trở thành nhà thông thái. Đó chính là chí hướng của họ.

Chúng ta rốt cuộc phải đọc như thế nào mới có kết quả?

Thứ nhất, đọc đất nước. Đọc thế giới, đọc nhân loại, đọc vũ trụ, đôi khi đọc các lĩnh vực quá rộng quá

sâu như vậy không có cách gì tiêu hóa, dung nạp cho hết được, chỉ làm lãng phí thời gian vô ích. Tốt nhất là đem khả năng của mình ra để đọc. Ví như đọc văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, nhân vật của một quốc gia, chẳng hạn cách trị nước thời Trinh Quan nhà Đường ở Trung Quốc, thời văn nghệ phục hưng ở châu Âu, thời chiến tranh Nam Bắc ở Hoa Kỳ, bạn có thể đọc thông thạo, hiểu thấu đáo, và có thể trở thành chuyên gia nghiên cứu nước Mỹ, chuyên gia nghiên cứu nước Anh, chuyên gia nghiên cứu Trung Quốc...

Thứ hai, đọc một lĩnh vực. Nếu chúng ta thu hẹp phạm vi xem đọc, đi sâu nghiên cứu, có thể đọc một lĩnh vực nào đó. Ví như đọc lĩnh vực đàn ông, phụ nữ, các giới sĩ nông công thương, nghiên cứu bối cảnh hình thành, phương pháp sinh hoạt, mô thức hoạt động, lập trường tư tưởng... Chúng ta cũng có thể nhắm đến các loài, các nhóm tổ chức theo bầy đàn. Đi sâu điều tra nghiên cứu, viết thành sách và phổ biến để mọi người chia sẻ thưởng thức, đó cũng là những điều vô cùng có giá trị.

Thứ ba, đọc một gia tộc. Gia đình là đơn vị tạo thành xã hội. Trên thế giới, có nhiều gia đình, họ mạc có ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội, rất đáng được tìm hiểu, nghiên cứu. Ví như lịch sử xây dựng gia tộc họ Rockefeller, vụ oan khuất bị giết 10 họ của nhà nho Phương Hiếu Nho đời nhà Minh, lịch sử hưng vong của nhà buôn Hồng Đỉnh Hồ Tuyết Nham. Nào những gia đình thư hương, gia đình hoạn quan, gia đình nông dân... đều có thể bỏ thời gian ra để đọc rồi viết những việc thành bại của họ thành luận văn nghiên cứu, công bố cho đời, cũng có thể đem lại những gợi ý hay đẹp cho mọi người.

Thứ tư, đọc một tôn giáo. Tôn giáo phần lớn đều có tính loại trừ, đôi bên không có sự bao dung, cho nên phần lớn các chủ thuyết, các nghị luận đều tự cho mình là tốt, là trên hết. Nếu có người có thể đọc thuyết “vô ngã” trong Phật giáo rồi sau đó đi sâu nghiên cứu nghĩa lý của các tôn giáo khác thì cũng là một cống hiến đối với nhân loại.

Thứ năm, đọc một cuộc đời. Có người cuộc đời của họ đại biểu cho một thời đại, một xã hội. Có người cuộc đời của họ có ảnh hưởng cho cả một quốc gia, thậm chí cho cả nhân loại. Như Thích Ca Mâu Ni, Jésus, Mohamet, Khổng Tử, Socrates, Einstein, Darwin, Napoléon, Alexandre, Thành Cát Tư Hãn v.v... Các nhà tôn giáo, nhà triết học, nhà khoa học, nhà chính trị ấy, chúng ta nghiên cứu cuộc đời của họ, trình bày sự tích và công trạng của họ để con cháu đời sau hiểu biết ghi nhớ, há chẳng phải là thích thú lắm sao?

Thứ sáu, đọc chính mình. Trong bài “Cầu nguyện cho con” của Douglas Mac Arthur có câu: “Nhận ra chính mình là nhận ra mọi nền tảng của tri thức.” Nhận ra chính mình tức là một sự luyện tập tự giác, tức là thấy rõ tâm tính (minh tâm kiến tính), như Thiền tông thường nói: “Biết tự bản tâm, thấy tự bản tính”, cũng có nghĩa là biết được “bản lai diện mục”. Một người có thể đọc chính mình, soi rọi chính mình, nhìn ra những được thua công tội của đời mình một cách rõ ràng, cuối cùng có thể đọc ra Phật tâm Phật tính của chính mình, đó mới là học vấn lớn lao nhất, có giá trị nhất thế gian.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Người thường đọc sách cần đọc thông suốt cái biết của sự sống;

Người thường nghiên cứu cần nghiên cứu thấu triệt cái biết của sinh tử.



Một ngày nọ, “vua rừng thiêng” sư tử cầu xin thiên thần: “Hàng ngày, mỗi sáng sớm con luôn bị tiếng gà gáy đánh thức. Cầu xin thần ban cho con sức mạnh để con không còn bị nghe tiếng gà gáy đánh thức nữa!” Thiên thần nói: “Người hãy đến tìm lão voi, lão ấy sẽ nói cho người lời giải đáp.”

Sư tử tìm đến nhà voi, thấy lão voi đang giận dữ giậm chân, sư tử hỏi: “Vì sao ngài giận dữ như vậy?”

Lão voi gào lên: “Có con muỗi chui vào tai ta, làm ta ngứa muốn chết được!”

Sư tử thầm nghĩ: “Thì ra thân hình to như lão voi mà còn sợ con muỗi bé tí, thôi thì mình có gì để than phiền, oán trách nữa đâu?”

Con người có thói quen oán trách, nhưng không biết rằng thói quen ấy có thể đem lại cho mình nhiều rắc rối. Vợ chồng oán trách nhau thì làm sao có thể sống tình nghĩa lâu dài? Thuộc hạ oán trách lãnh đạo, lãnh đạo có vui khi nghe thuộc hạ oán trách không? Làm bạn với nhau nhưng nhiều người trách đối phương không tốt, như vậy liệu có thể làm bạn lâu dài được không? Vua chúa trước đây, đối với các tôi thân hay than phiền, trách cứ, nhà vua không những đối xử lạnh nhạt, mà còn có thể mang họa vào thân.

Cái xấu tệ của oán trách thì rất nhiều, xin liệt kê một số dưới đây:

1. Oán trách là đầu mối của nhụt chí. Một ngày nọ, con người lòng đầy oán hận, đâm ra oán trời trách người, luôn cảm thấy đời không công bằng, mình phải chịu oan ức, người ta đều có lỗi với mình, đó là dấu hiệu nguy hiểm của cuộc đời. Bởi vì bạn chưa đủ nhiệt tình đối với xã hội, bạn không hiểu rõ việc giao tế đối với cuộc sống, bạn không cam tâm đóng góp công sức đối với chính mình, bạn không sẵn nguyện về những gì mình có, do đó bạn cảm hận bất bình, âu lo nhụt chí, cuộc đời từ đó sẽ khó phấn đấu vươn lên. Thực ra, xã hội ngày nay, trước hết bạn cần phải đóng góp công sức của mình mới có thể có được thu nhập tương đối, còn bạn cứ một mực oán trách, than phiền thì làm sao có kết quả tốt đẹp cho được?

2. Oán trách là nguyên nhân của thù hận. Oán trách tuyệt đối không được một ai ưa thích, bạn oán trách người ta một phần, thì người khác có thể bài xích lại bạn gấp bội phần. Nhiều người dốc sức làm việc, nhưng bạn oán trách đối phương không đủ tâm, không đủ sức, không trình độ, làm sao đối phương có thể vui vẻ, vừa lòng, khâm phục bạn được? Bởi vì sự oán trách của bạn chỉ tạo ra hận thù, căm tức, dẫn đến chia rẽ. Hai người qua lại với nhau đều cảm thấy tôi chi cho bạn nhiều, mà bạn chi cho tôi ít, bất giác buộc miệng buông lời trách cứ, lòng mang mối oán hờn. Lòng đã hận thì sẽ thể hiện ra nơi sắc mặt, miệng đã trách sẽ truyền đến tai đối phương. “Mình biết kính trọng người khác, người khác mới kính trọng mình”, tương tự, mình oán trách người khác, thì người khác oán trách lại. Theo tình và lý mà nói thì bạn oán trách người khác, người khác làm sao không oán trách lại bạn? Một ngày kia, đến lúc duyên ác tuần hoàn nhân quả, thì đối với quốc gia, hai nước có thể cắt đứt quan hệ; đối với đoàn thể, các thành viên có thể không qua lại; đối với bạn bè làm sao có thể có được kết quả tốt đẹp? “Tình bạn của Bảo Thúc Nha và Quán Trọng” có được là nhờ Bảo Thúc Nha không để bụng “sự vượt trội” của Quán Trọng. Về mặt tiền tài, sự nghiệp, không có nửa lời oán trách thì đôi bên mới có thể hiểu nhau quý nhau, mới có thể có được kết quả tốt đẹp.

3. Oán trách là hành vi hủy hoại đạo đức. Người hay oán trách thì tinh thần trở nên tồi tệ, mượn rượu giải sầu. Có người thậm chí vì oán trách gia đình quá sâu nặng nên dứt khoát không trở về nhà, suốt ngày quanh quẩn nơi trà đình tửu quán; có người vì quá bất mãn với công ty, mà xin nghỉ việc để đi

chơi, thậm chí tiết lộ những cơ mật của công ty, khiến cho công ty làm ăn thua lỗ. Kết quả của sự oán trách có thể làm cho đối phương chỉ tổn hại có chừng, nhưng chính mình lại tạo ra hành vi hủy hoại đạo đức rất lo lớn. Ví như người oán trách cha mẹ sẽ trở thành đứa con bất hiếu, người oán trách bạn hữu rất cuộc trở thành thù địch, người oán trách đồng nghiệp dẫn đến hai bên mâu thuẫn nhau gay gắt. Mọi thứ hành vi hủy hoại đạo đức đều do oán trách mà nảy sinh, thật là đáng sợ.

4. Oán trách là nguyên nhân của tạo nghiệp. Trên thế gian, rất nhiều hành vi đánh đấu, hủy hoại, sát hại... đều do oán trách tạo nên, oán trách là nguyên nhân của tạo nghiệp. Nếu mỗi người luôn luôn khởi niệm thiện lành, dù bị oan ức, bị người đời hiếp chế, chỉ cần mình biết tu dưỡng, cộng thêm sự nhẫn nại thì đều vượt qua được. Giả như cảm thấy lợi ích không đồng đều, bị người khác chiếm dụng thì cũng đừng vì tài lợi phù vân mà tạo nên oán hận, nghiệp báo khó có thể bồi hoàn, nếu không, rốt cuộc người bị hại lại là chính mình. Do đó, một ngày kia, nếu trong lòng khởi niệm oán trách thì tự mình nên lập tức tự giác, cần biết hồi tâm phản tỉnh: người ta đối xử với mình như vậy, mình đối xử với người ta như thế nào đây? Mọi sự đều có thể suy bụng ta ra bụng người, hay thậm chí “thà để người ta phụ mình, chứ mình không thể phụ người ta”, có được niệm thiện lành như vậy, thì oán trách làm sao có thể nảy sinh?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nếu từ trong tâm của chúng ta tạo ra được ý kiến rõ ràng, tư tưởng tốt đẹp, quan niệm trong sạch, đồng thời sản sinh ra thứ ngôn ngữ như ánh sáng, như hoa thơm, như nước sạch để cho mọi người cùng chia sẻ hưởng thụ, chắc chắn sẽ có được một cuộc sống phong phú tốt đẹp.



Phần 3 **CUỘC SỐNG**

KHÔNG THỂ KHÔNG BIẾT KINH NGHIỆM CỦA CUỘC SỐNG

Trong một niệm

Đại sư Giám Chân đời Đường rất cảm kích đối với các tăng lữ Nhật Bản cầu học Phật pháp một cách chí thành, ngài khởi niệm muốn đem Phật pháp truyền rộng ra đến tận biển Đông, trong khoảng 12 năm có đến bảy lần thử nghiệm; lúc về già, tuy hai mắt đã mờ, nhưng không quên được ý niệm ban đầu, ngài trải mọi gian khổ, cuối cùng cũng hoàn thành tâm nguyện, ngài đã truyền bá giới luật của đức Phật đến xứ Nhật Bản.

Sự khởi niệm của đại sư Giám Chân rõ ràng rất khác với nhiều người, nhờ thế mà sự phát triển văn hóa Phật giáo và cuộc sống nhân dân của toàn thể nước Nhật đã có sự thay đổi lớn về diện mạo. Trong một niệm bao gồm tất cả không thời gian, tất cả sự đối đãi giữa ta và người. Về mặt thời gian, trong một niệm mà vượt hẳn ba thời a tăng kỳ kiếp; về mặt không gian, trong một niệm vượt hẳn mười phương.

Trong một niệm mà như có cả hư không vũ trụ, trong một niệm mà chóng vánh như bóng câu qua khe hở, rốt cuộc, trong một niệm của chúng ta là tình cảnh như thế nào?

1. Thành công và thất bại chỉ ở trong một niệm. Sự nghiệp to lớn của nhiều nhà kinh doanh phát triển là do khởi từ một niệm lúc ban đầu, có nhiều xí nghiệp nổi tiếng cũng do khởi từ một niệm tính toán không tốt mà cuối cùng sụp đổ, phá sản. Trong một niệm mà khiến nhiều người thành công, cũng khiến nhiều người thất bại. Một câu ra lệnh của vị tướng nơi biên cương có thể làm cho hàng vạn người mất mạng; một niệm thiện lành của các vị vua hiền tài sáng có thể khiến cho vô số dân đen được cứu vớt. Một niệm của nhân vật tầm cỡ liên quan đến quốc kế dân sinh; một niệm của nhân vật tầm thường liên quan đến sự được thua của cuộc sống gia đình. Một niệm khởi lên, không thể không thận trọng.

2. Khoái lạc và đau khổ chỉ ở trong một niệm. Con người nói chung đều mong muốn có nhiều vật chất, vật chất đã có nhiều thì con người sẽ sung sướng vô hạn, nhưng một ngày kia những gì có được bị mất đi thì sẽ buồn rầu u ám, không thể sống nổi. Đại sư Đạo An thời Đông Tấn mong mình càng có ít đồ vật càng tốt; thiền sư Đại Mai Pháp Thường thì chỉ cần “một hồ lá sen mặc không hết, một số hoa từng ăn có thừa” là quá vui rồi! Đại Ca Diếp ở giữa nghĩa trang, làm bạn cùng với thi thể hài cốt mà cũng cảm thấy vui vẻ vô cùng; Nhan Hồi “ở trong ngõ hẹp, một giỏ cơm, một bầu nước, người ta không ai chịu khổ cho nổi, nhưng Nhan Hồi không thay đổi chí vui thích của mình”. Như vậy, chúng ta có thể thấy đau khổ hay khoái lạc không phải do vật chất từ bên ngoài quyết định, mà là do sự tu dưỡng tâm cảnh của mình.

3. Giàu sang và nghèo hèn chỉ ở trong một niệm. Người đời đều có phận giàu sang nghèo hèn, nhưng nghèo hèn không phải do có tiền nhiều hay ít. Có rất nhiều người nghèo mà giàu sang, cũng có nhiều người giàu mà nghèo hèn, căn cứ vào vật chất rất khó quyết định, tâm cảnh mới quyết định tất cả điều mà họ có. Có người sống ở thiên đường mà như địa ngục; có người sống ở địa ngục mà như thiên đường. Như vậy có thể thấy giàu nghèo chỉ do một niệm biết đủ (tri túc) hay không mà thôi.

4. Thiên lành và độc ác chỉ ở trong một niệm. Luận “Đại thừa Khởi Tín” nói: “Nhất tâm mở lối”, có hai lối đi, một là “tâm chân là cửa”, hai là “tâm sinh lập cửa”. Chân tâm là lối đến Phật môn, thấy rõ chân tâm tức là ra khỏi sinh tử, thấy được tự tánh; nếu không biết rõ tự tánh, thì ở mãi trong vòng của năm thú sáu nẻo luân hồi. Do đó, thiên đường hay địa ngục chỉ ở trong một niệm, một niệm có thiên đường, một niệm có địa ngục. Có người buông dao giới sát tức thì thành Phật, có người lại ở trong vòng luân hồi sinh tử. Cho nên, dù có hiểu rõ tam thiên đại thiên thế giới thì cũng không bằng hiểu rõ chân tâm của mình.

5. Giác ngộ hay mê lầm chỉ ở trong một niệm. Một niệm tỉnh sáng là tỏ ngộ, một niệm si ám là mê lầm. Chư Phật Bồ Tát ở trong cảnh giác ngộ, chúng sinh ngu si trong chốn mê lầm. Nếu một người trong tâm có Phật, có Bồ Tát, có lương tâm đạo đức, có ý thức đem lại lợi lạc cho chúng sinh thì sự giác ngộ của người ấy không còn xa vời nữa; nếu trong tâm người ấy chỉ biết ích kỷ, tự ngã, chỉ biết lợi lộc cho riêng mình, hoàn toàn không coi trọng hạnh phúc lợi lộc của người khác, thì đó là sự si mê cùng cực vậy.

6. Thiên đường và địa ngục chỉ ở trong một niệm. Có người thường hỏi: “Thiên đường địa ngục ở đâu?” Đương nhiên, thiên đường là chỗ thiên đường hiện hữu, địa ngục là chỗ địa ngục tồn tại. Nhưng nói như vậy người bình thường không dễ gì hiểu được. Thực ra, thiên đường ở tại nhân gian, địa ngục cũng ở tại nhân gian. Bạn thử xem, một cuộc sống thoải mái, ăn mặc, đi ở đầy đủ, mọi thành viên trong gia đình chan hòa thuận thảo, thì đó là cuộc sống ở tại thiên đường; trái lại, vợ con ly tán, ăn ngày ba bữa không no, chịu đủ thứ đau thương của đao súng gậy gộc, thậm chí nơi chợ búa lại gieo neo khốn khó, đó chẳng phải là địa ngục sao? Có thể nói, thiên đường hay địa ngục đều ở trong tâm chúng ta, một niệm trong tâm tức là thiên đường, một niệm trong tâm tức là địa ngục. Bạn muốn ở thiên đường hay trong địa ngục? Nếu mở xẻ một niệm của chính mình đang muốn gì thì có thể biết được ngay.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Khởi một niệm từ, thì mọi sự đều lành;

Khởi một niệm sân, thì đủ điều là ác.



Đẹp bỏ nỗi sợ trong lòng

Một chàng trai trẻ chuẩn bị đi xa. Trước khi khởi hành, anh ta đến thăm ông trưởng họ, và xin ông chỉ giáo. Ông trưởng họ đang luyện thư pháp, liền viết ra ba chữ “Không nên sợ” (Bất yêu phạ). Rồi nói: “Cháu à, bí quyết của cuộc sống bao gồm trong sáu chữ, nay bác nói cho cháu biết ba chữ giúp cháu sử dụng cho nửa cuộc đời đầu.” Ba mươi năm sau, chàng trai trẻ du tử năm nào đã có một số thành tựu, và cũng có rất nhiều chuyện đau lòng. Trở về quê cũ, anh ta lại đến thăm hỏi vị trưởng họ ngày xưa, không ngờ ông ấy đã qua đời mấy năm trước, người nhà vị trưởng họ đưa cho anh ta một phong thư và nói: “Đây là phong thư ông gửi lại cho anh lúc còn sống, ông ấy nói có thể một ngày nào đó anh sẽ trở lại.” Chàng du tử trở về quê cũ sau chuyến đi xa dài ngày mở phong thư ra, trong đó có ba chữ “Không nên hối” (Bất yêu hối).

Phật giáo nói khổ là thực tướng của cuộc đời, sợ dĩ con người đau khổ là vì có quá nhiều chuyện đáng sợ, như sợ bị trộm, bị cướp, sợ tổn thương, thậm chí sợ không có tiền, không có việc làm, không có

vợ, không có con... Bởi vì chuyện đáng sợ quá nhiều, nhiều người luôn sống trong tình trạng sợ hãi, bất an, nên Bồ Tát Quan Thế Âm có thể vì chúng sinh mà thực thi tinh thần vô úy và rất được chúng sinh tin tưởng, kính vọng.

Thực ra, cuộc sống cũng có nhiều lúc “không sợ”:

1. Tai điếc không sợ người khác mắng chửi. Người thính tai có thể nghe âm thanh của thế gian rất rõ ràng; nhưng nếu bị điếc tai cũng không nên buồn khổ, tai không thính, lòng không phiền, dù người khác có phê bình, mắng nhiếc, bởi không nghe thấy nên vẫn an nhiên vui vẻ.

2. Lúc chết không sợ người ta chê trách. Khi còn người còn sống thường sợ người khác coi nhẹ, sợ người khác chê cười. Một ngày kia, con người chết đi, bất kể bạn chê trách thế nào, người đó cũng chẳng hề để ý. Do đó, con người đến lúc chết, đúng là mọi sự đều vô nghĩa, đều vứt bỏ, cho dù những thứ ưa thích nhất bị lấy đi, người ấy cũng chẳng cần quan tâm. Chết vốn là điều ai cũng sợ, nhưng kỳ thực cái chết đến một cách tự nhiên là cơ hội để con người vứt bỏ mọi thứ.

3. Lý ngay không sợ dư luận hiểu sai. Con người cần chú trọng đến đạo lý, nhưng có lúc “học sĩ gặp quân binh, thì dù có lý cũng nói không xong.” Khi bạn gặp phải những người có thiên kiến, dù bạn có nói sự lý thế nào cũng đều vô ích. Cho nên chỉ cần lòng mình không thấy hổ thẹn, chỉ cần mình ngay thẳng, công bằng thì sẽ không sợ gì những người quá khích hiểu sai lệch chúng ta, chúng ta chỉ cần nghĩ “không thể chiều hết ý mọi người, chỉ cần lòng mình không thấy hổ thẹn” là đủ rồi, không cần phải lo nghĩ quá nhiều về điều đó.

4. Lòng nhân từ không sợ lòng người hiểm ác. Trên đời, điều đáng sợ nhất không phải là rắn độc hay thú dữ, cũng không phải là lụt lội, động đất, mà là nhân tình thế thái. Điều gọi là lòng người hiểm ác, tức là đôi khi giữa bạn bè với nhau, thậm chí giữa cha mẹ anh em với nhau, khi có sự xung đột về lợi ích, cũng có thể dẫn đến tàn sát lẫn nhau không thương tiếc, ngay cả vị vua anh minh Thái Tông nhà Đường cũng có hành vi giết hại anh em ở Huyền Vũ Môn. Mặc dù như vậy, nhưng chúng ta phải luôn có tâm từ bi. Nên có điều gọi là “không ai nở vung tay đánh người đang vui cười”, người từ bi không có kẻ thù, cũng không sợ sự gian ác hiểm độc của người đời.

5. To gan không sợ ma quỷ càn quấy. Con người nói chung, có người thì gan to tày trời, có người thì gan nhỏ như chuột. Chúng ta sống ở đời không cần phải to gan lớn mật. Nhưng đằng sau gan to mật lớn ấy cần phải có đạo đức, có lương tri, có trí tuệ phụ giúp, như vậy, dù ngoại cảnh tự nhiên có phong ba bão táp, dù xã hội có thù hằn ân oán, dù chính trị có nhiều mối nguy hại, vì chúng ta có gan dạ đối diện với hiện thực, lý ngay khí mạnh, còn gì để đáng sợ hãi kia chứ?

6. Chăm học không sợ tư chất kém. Có người thường than vãn mình không có trí huệ, trời sinh ngu tối, bởi vì không có tài năng nên không thể được người đời coi trọng. Thực ra, đời là vô thường, tất cả không phải đều đã được định hình. Nếu tự thấy mình không có trí huệ, chỉ cần có tinh thần chăm chỉ học tập, thì “người ta thứ nhất, mình cũng thứ mười”, vậy còn gì để lo mình không thể thành tựu? Lịch sử không thiếu những người trên bốn, năm mươi tuổi mới thi đỗ tiến sĩ, và các đại học hiện nay cũng có những học sinh trên năm sáu mươi tuổi, cho nên chỉ cần chăm chỉ học tập, tư chất cũng không thể xác định cuộc đời của con người.

7. Trí cao không sợ đối mặt với việc khó. Con người chúng ta đang đối mặt với bao nhiêu sự việc, có những việc nhẹ nhàng và dễ dàng giải quyết, nhưng có những việc gặp gian nan không dễ vượt qua.

Tiền đồ của con người tựa như leo núi, chỉ cần chăm chỉ miệt mài, vận dụng trí năng, thì sẽ lên đến đỉnh.

8. Bên chí không sợ sự thách thức của nghịch cảnh. Thách thức trong cuộc sống của con người thì rất nhiều, sự nghiệp không xuôi thuận, tình yêu bị trắc trở, bị người đời phá hoại làm mất vẻ tôn nghiêm. Nhưng mỗi chúng ta chỉ cần phát nguyện lập chí thì dù nghịch cảnh thế nào cũng có thể vượt qua.

Con người nếu cứ sợ hãi rút lui, không dám tiến lên gánh vác trách nhiệm thì làm sao có thể ngẩng đầu tiến lên phía trước, dũng cảm chiến đấu giành thắng lợi?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

“Trong lòng có chuyện không an thì cả thế gian cũng nhỏ, trong lòng vô sự thì chỉ một cái giường cũng rộng thênh thang.”

Thường giữ một cõi lòng vô sự thì có thể hưởng được một đời an định thanh bình không mộng寐.



Kiểm soát số phận của mình như thế nào

Có một người đến hỏi một vị thiền sư: “Thầy nói có số phận thật phải không? Có phải theo số phận của con thì thế nào cũng phải nghèo khổ suốt đời phải không?” Thiền sư bảo người ấy đưa bàn tay trái ra: “Anh có thấy rõ không? Đường chỉ ngang này gọi là đường tình yêu, đường chỉ lệch này gọi là đường sự nghiệp, đường chỉ dọc này là đường vận mệnh.” Sau đó, thiền sư bảo ông ta nắm tay lại, rồi hỏi: “Anh thử nói những đường chỉ ấy do đâu mà có?” Người kia nói: “Do từ trong bàn tay của con!”

Mỗi người đều có hoàn cảnh sống không giống với những người khác, đôi lúc thấy người khác một bước lên mây lại nghĩ mình làm gì cũng không đạt, rồi than thở “do thời, do số, do mạng”, và cảm thương cho số phận hẩm hiu của mình, thậm chí đâm ra oán trời trách người. Thực ra, số phận của chúng ta người khác không thể khống chế được, người khống chế số phận của chúng ta là chính chúng ta.

Vậy chúng ta khống chế số phận của chúng ta như thế nào?

Thứ nhất, thói quen không chế số phận.

Phật pháp nói phiền não khó dứt, nhưng từ bỏ một thói quen càng khó hơn. Thói quen xấu làm cho chúng ta khổ cả đời, và để lại họa hại cho nhiều kiếp. Thói quen sẽ mãi mãi ở bên ta. Thói quen thành ra tự nhiên, thành ra tập khí thâm căn cố đế, tức trở thành chướng ngại của sự tu chứng đạo Bồ đề. Ví như một người tính khí nóng nảy, độc miệng mắng người, lâu ngày thành quen, không kết duyên với người khác, nên làm việc không được ai giúp đỡ, như vậy hy vọng thành công tự nhiên bị giảm sút. Có người tạo thành thói xấu như ăn nhậu, bài bạc, quan hệ bất chính, tán gia bại sản, vợ từ con tránh, chôn vùi hạnh phúc cuộc đời trong bàn tay của mình. Lại có người huênh hoang lừa bịp, triệt tín phá nghĩa, tuy lừa dối hưởng thụ được một thời, nhưng lại tự nâng mình lên cao quá khiến mọi người mất hết niềm tin đối với con người huênh hoang tự đại ấy.

Thứ hai, mê tín khống chế số phận.

Trong xã hội chúng ta ngày nay, mê tín rất thường dễ nhận thấy, ví như dựng nhà, xây lầu không thể có “tứ lâu” (bốn tầng), bởi vì “tứ” (bốn) đồng âm với chữ “tử” (chết), người vật ở trong đó (tức nhà bốn tầng) không yên bình; hoặc như năm mới quét nhà, không quét ra phía ngoài mà chỉ quét vun thành đống trong góc nhà, bởi vì sợ quét tiền của ra khỏi nhà; hoặc phụ nữ mang thai không được tụng kinh “Kim Cang”, vì sức mạnh của kim cương rất lớn, có thể trục hoại thai nhi; hoặc như người con gái qua đời, có thể đem bài vị gả cho người ta, đường đường chính chính là một thanh niên vốn có thể mai mối cưới vợ đàng hoàng, lại đi cưới một bài vị về cúng bái! Hành vi mê tín như một đám mây đen khiến cuộc sống của chúng ta như bị che khuất bởi bóng tối, không thể thấy được ánh sáng của tự tánh.

Thứ ba, tình cảm nhớ nhung không chế số phận.

Cuộc đời chúng ta chịu ảnh hưởng sâu nặng nhất là sự ràng buộc của tình cảm, có người vì tình cảm không thuận mà hủy hoại cả tương lai, có nhiều gia đình vì chồng theo hầu, vợ ngoại tình mà hạnh phúc bị đổ vỡ. Nếu tình cảm không được xử lý thỏa đáng thì số phận bất hạnh sẽ theo như bóng với hình. Phật pháp nói “Tình không nặng thì không có thể giới ta bà”, có người cố vùng vẫy để ra khỏi xích xiềng của danh lợi, nhưng lại không thoát được sự ràng buộc của dây tình, không thể dứt tình cảm thân thiết đối với gia tộc, gắn bó với bạn bè, tình cảm yêu thương của trai gái. Họ sẽ phải sống trong vũng lầy của đau khổ. Muốn thoát khỏi sự ràng buộc của tình cảm, cần phải có kiểm soát của trí năng, có tâm tình khoáng đạt, biết khống chế và không bị tình cảm chế ngự.

Thứ tư, quyền lực khống chế số phận.

Quyền lực cũng là một yếu tố khống chế số phận của chúng ta. Con người khi có tiền của thường chăm chăm theo đuổi quyền lực. Điều đó gọi là có tiền có thể như cọp thêm cánh. Nhưng quyền lực lại dễ làm biến chất bản tính thuần khiết của con người. Rất nhiều người có quyền lực ra uy thét mắng đã đánh mất cái bản chất đáng quý của gia phong; có người ném trái đu các thứ mùi vị của quyền lực, nhưng lại không thể thưởng thức được mùi vị căn bản của tách trà thế nhân. Có thể nói quyền lực ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta rất mạnh mẽ.

Nói về quyền lực khống chế số phận của chúng ta, tôi xin nói rõ mấy điểm dưới đây:

Một là thần quyền. Có người bắt kể chuyện hôn nhân, tang chế, đều khẩn cầu bói toán, thỉnh giáo thần linh những điều tốt xấu, họa phúc mới dám yên tâm thực hiện. Việc không phân tốt xấu, người không kể thiện ác, miễn sao thần linh thừa nhận thì họ sẽ chỉ làm theo “lời chỉ bảo” của thần linh, còn tự mình không có hiểu biết để phán đoán đúng sai. Như vậy chẳng khác nào giao phó cuộc đời của mình cho thần linh cai quản, cam tâm làm nô lệ cho thần linh, thực ra, đó là một hành vi khờ khạo. Theo thuyết pháp của Phật giáo, trời thần cũng không tránh khỏi luân hồi nhân quả, như vậy làm sao có sức mạnh nào có thể thao túng số phận của chúng ta được?

Hai là chính quyền. Chính quyền có sức mạnh to lớn ảnh hưởng đến số phận của quần chúng nhân dân. Đọc trong lịch sử, nhân dân sống trong thời thánh vương cai trị và dân đen cổ sống qua ngày dưới cường quyền của bạo chúa thì sự khác biệt rất rõ ràng.

Ba là tình thân. Gánh nặng của tình thân đôi lúc có thể trở thành chương ngại của đứa trẻ cầu đạo. 30 năm trước, tôi đến Bành Hồ thuyết giảng hồng pháp, có gặp người cháu gái của vị trấn trưởng đã nghỉ hưu. Cô ấy khoảng 17, 18 tuổi, rất xinh đẹp, tài năng xuất chúng, đăng đàn diễn thuyết Phật pháp được quần chúng yêu thích ủng hộ. Mọi người bèn khích lệ cô đến Đài Loan học tập ở viện Phật học. Cô

nói: “Không được! Cha tôi bảo bà nội già cả sức khỏe không được tốt, phải cần người chăm sóc.” 20 năm trôi qua, bà nội được cô tận tâm chăm sóc đã thanh thản ra đi, còn cô vẫn là cô gái năm nào nhưng nay đã gần đến tuổi “bất hoặc” (tức 40 tuổi). Người ở tuổi 40 vẫn còn có khả năng làm việc, có người lại khuyên cô nắm lấy cơ hội để hoàn thiện chính mình, cô nói: “Cha mẹ bảo bà bác tuổi đã lớn, đang cần người phục dịch.” Lần thứ hai lại qua đi, cô đã 50 tuổi, phong độ tài hoa năm xưa đã không còn nữa, lý tưởng ôm ấp trước đây đã tiêu tán. Cô đã hy sinh số phận của đời cô theo mệnh lệnh của tình thân, tức sự ràng buộc của những người thân thuộc trong gia đình. Trong xã hội của chúng ta, có bao nhiêu người tài giỏi đã vì quá ràng buộc với người thân mà bị chôn vùi một cách vô vị. Cha mẹ yêu quý con cái, nên để cho con cái có quyền chọn lựa và quyết định phương hướng cho cuộc đời của chính mình, chứ không do một tay cha mẹ đạo diễn để rồi hối hận đáng tiếc!

Bốn là ham muốn. Dục vọng là điều đáng sợ không chế số phận chúng ta, biến chúng ta thành nô lệ. Ví như chúng ta thấy người khác có xe hơi, nhà lầu, tâm lại khởi niệm tham cầu, nhưng chính mình lại không đủ khả năng mua sắm, thế là không chừa một thủ đoạn nào, hoặc trộm cắp, hoặc lừa bịp, hoặc cướp đoạt, vi phạm pháp luật, quấy rối làm xã hội mất an ninh.

Thứ năm, nghiệp lực không chế số phận.

Sức mạnh lớn nhất không chế số phận của chúng ta là nghiệp lực. Nghiệp là kết quả những hành vi của chúng ta, bao gồm miệng nói ra, tâm nghĩ tưởng, thân hành động, thường gọi là ba nghiệp thân, khẩu, ý. Có câu rằng “Lành dữ cuối cùng đều có báo, chỉ tranh đến trước hoặc đến sau” (Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì). Nghiệp gồm có nghiệp lành (thiện nghiệp) và nghiệp dữ (ác nghiệp). Chúng ta tự tạo ra nghiệp lành hay nghiệp dữ, khi thời cơ chín muồi thì sẽ tùy theo nghiệp lực ấy mà nhận quả báo, nghiệp lực không chế số phận của chúng ta không hề sai lệch. Tuy nghiệp lực có thể không chế số phận của chúng ta, nhưng điều gây ra nghiệp lực lại do từ chính chúng ta; nếu có thể cải thiện cuộc sống chúng ta, không tạo nghiệp dữ, rộng gieo căn lành, thì số phận của chúng ta chắc chắn sẽ sáng sủa.

Nghiệp lực chịu quả báo như thế nào? Có người theo cộng nghiệp tương đối nặng thì nhận quả báo trước, có người tùy theo thói quen mà nhận quả báo, có người tùy theo sự nghĩ tưởng mãnh liệt trong tâm mà nhận quả báo. Về thời gian, có người đời nay làm đời nay nhận quả báo, có người đời nay làm đời sau nhận quả báo, có người đời sau làm mà mấy đời trước mấy kiếp trước của quá khứ lại nhận quả báo. Ví như trồng cây ăn quả, có cây trồng mấy năm mới có quả, có cây trồng chưa lâu đã có đầy quả. Bất kể một năm, hai năm hay lâu hơn nữa, muốn ăn quả chín ngọt phải thực sự gieo trồng. Chúng ta muốn hưởng được quả báo tốt lành, cần phải gieo trồng nghiệp nhân tốt lành.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nỗi buồn lớn nhất của con người là ngu dốt, sai lầm lớn nhất của con người là tà kiến,

Phiền não lớn nhất của con người là tham muốn, lo nghĩ lớn nhất của con người là sống chết,

Phiền nhiễu lớn nhất của con người là thị phi, nét tốt lớn nhất của con người là từ bi,

Giàu có lớn nhất của con người là biết đủ, nguồn lực lớn nhất của con người là tín ngưỡng,

Cái được lớn nhất của con người là cảm ơn, tu tập lớn nhất của con người là khoan dung,

*Mong muốn lớn nhất của con người là yên bình, phát tâm lớn nhất của con người là lợi tha,
Tài sản lớn nhất của con người là trí tuệ, bệnh tật lớn nhất của con người là phiền não.*



Nhận biết thời gian

Hồi nhỏ, A Ba Cách và người cha bị lạc đường trong thảo nguyên, A Ba Cách vừa mệt vừa sợ, liền nằm bất động. Người cha lấy từ trong túi ra 5 đồng tiền kền, rồi lấy một đồng chôn xuống đất, bốn đồng còn lại ông nhét vào tay của A Ba Cách, và nói: “Đời người có 5 đồng tiền kền, ấu niên, thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên mỗi giai đoạn là một đồng. Con đã dùng hết một đồng, thì nay chôn đồng ấy trong vùng đất này. Con không thể vứt bỏ cả 5 đồng tiền ấy tại thảo nguyên này được, con phải biết dùng từng đồng, và mỗi lần dùng đều không giống nhau, như vậy mới không uổng phí đời người.”

Báo đăng nước Mỹ sắp xây một tòa tháp đồng hồ trường cửu hiện đại trị giá 10 triệu đô la Mỹ, đồng hồ ấy mỗi năm tích tắc một tiếng, mỗi thế kỷ chuông đổ một hồi, với hy vọng nhắc nhở loài người đang bận rộn với công việc hãy bước đi chậm lại, suy nghĩ những khoa học kỹ thuật để thoát ra khỏi sự cao tốc và nhân từ trong sự bận rộn ấy tạo ra cái lợi trước mắt cho loài người. Đúng vậy, nhận biết chính xác thời gian, sử dụng tốt thời gian là sự suy nghĩ nghiêm túc của chúng ta hiện nay đồng thời cũng là vấn đề cần được điều chỉnh.

Trong cuộc sống, có người cảm thấy thời gian quá eo hẹp, phải tranh thủ từng giây từng phút; cũng có người cảm thấy đau khổ vì thời gian dài đằng đặc, họ than vãn rằng mỗi ngày qua đi dài như một năm. Có người dùng thời gian cho công danh lợi lộc, lơ là quan tâm tới người thân trong gia đình; có người dùng thời gian cho vui chơi, bỏ bê việc học tập nghiên cứu. Nếu học sinh không chịu khó đến lớp ngày ngày nghe thầy giảng, thì sau này làm thế nào có được kiến văn sâu rộng? Nếu người nông dân không chịu ra đồng cày cuốc gieo trồng, thì năm sau làm sao thu hoạch được kết quả? Từ đó, chúng ta có thể thấy thời gian cũng như vậy, nếu không biết quý tiếc, thì “phù du sáng sinh tôi chết mà không oán, cuộc đời trăm năm mưa nắng mà không đủ”!

Có người đã từng hỏi thiền sư Trạch An sử dụng thời gian như thế nào, thiền sư đáp: “Ngày này không trở lại, mỗi tắc thời gian là một thước của quý.” Hạ Vũ không quý trọng viên ngọc có đường kính cả thước (thước cũ tương đương 0,33m) mà quý tiếc mỗi tắc thời gian trong ngày. Có người than “đời người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm” (nhân sinh thất thập cổ lai hy), nhưng có người hưng phấn lại nói “đời người bảy mươi tuổi mới bắt đầu” (nhân sinh thất thập cang khai thủy). Người nắm bắt thời gian mới là người có sự sống.

“Người mệt mỏi không chịu nổi thì đường dài thêm, người không thể ngủ yên thì đêm dài thêm, người không hiểu chân lý thì sống chết lâu dài thêm.” Lành thay những lời nói ấy! Chúng ta nên biết thời gian của “quá khứ” đã lặng lẽ trôi qua, không bao giờ trở lại; thời gian của “hiện tại” như mũi tên, chớp mắt là đi mất; “tương lai” trong chốc lát bỗng thoáng vượt qua. Đúng như người xưa nói: “Cuộc sống của một ngày là báu vật của ba ngàn thế giới, hãy quý tiếc nó!”

Đối với mối quan hệ với thời gian, không gian, nhân gian, kể cả con người, Phật giáo có rất nhiều lời kiến giải, vô cùng rốt ráo, sâu sắc. Về thời gian, Phật giáo cho rằng có quá khứ, hiện tại, tương lai;

quá khứ có vô số a tăng kỳ kiếp, thời gian kéo dài trong rất nhiều năm tháng; tương lai cũng có vô số a tăng kỳ kiếp, thời gian kéo dài trong biết bao nhiêu năm tháng. Về không gian, Phật giáo cho rằng có thế giới này, thế giới khác, thế giới ở những nơi khác nữa, và vô lượng thế giới ở cả mười phương. Chúng ta thường nói tam thiên đại thiên thế giới, thì chẳng qua chỉ là một thái dương hệ, còn quan niệm của Phật giáo về thế giới thì có vô lượng vô biên thế giới, có vô lượng vô số thái dương hệ. Về nhân gian, Phật giáo không những nói về mối quan hệ giữa bạn và tôi, mà còn nói đến mối quan hệ giữa tôi và chúng sinh, về chúng sinh thì có quá nhiều không kể sao cho xiết, nghĩa là có vô lượng vô số chúng sinh.

Xin kể câu chuyện về thầy Lương Thấu Minh. Lương Thấu Minh là một thầy giáo mặc áo dài truyền thống giảng dạy văn hóa phương Tây. Ông cùng với Hồ Thích mặc Âu phục giảng triết học Trung Quốc là hai giáo sư nổi tiếng của trường Đại học Bắc Kinh. Theo như người ta nói, hồi trẻ, giáo sư Lương và mấy bạn học cùng đến trường Đại học Bắc Kinh để ghi tên dự thi vào đại học. Sau khi treo bảng, các bạn đồng học đều được trúng tuyển, chỉ có mỗi giáo sư Lương bị đánh hỏng. Nhưng ông không nhụt chí, mà trái lại phát tâm nguyện: Sẽ có một ngày mình đến Đại học Bắc Kinh để dạy học. Thế là ông đến ở ẩn trong một ngôi chùa quyết chí học tập, nghiên cứu Phật giáo. Trong vòng mấy năm, ông không chỉ am hiểu sâu sắc Phật pháp, mà kiến thức thế gian ông cũng vô cùng tiến bộ. Lúc ấy, Sở Giáo dục Giang Tây có người tình cờ nhận ra sự hiểu biết của ông quá phi phàm. Đến kỳ nghỉ hè, Hội Giáo dục Giang Tây tổ chức mời ông đến Sở Giáo dục công khai dạy học, đề tài là “Triết học văn hóa Đông Tây”. Ngoài việc giảng dạy, hàng ngày ông còn phát biểu trên báo chí những nội dung mà ông diễn giảng, những việc làm này đã làm chấn động giới học thuật lúc bấy giờ. Hiệu trưởng trường Đại học Bắc Kinh nồng nhiệt mời ông đến Bắc Kinh dạy học. Lúc đó, bạn đồng học cùng ông thi vào Đại học Bắc Kinh mấy năm trước hiện đang học năm thứ tư.

Thời kỳ chiến tranh chống Nhật, thầy Lương Thấu Minh đến Tứ Xuyên diễn thuyết tại Học viện Hán Tạng giáo lý do đại sư Thái Hư chủ trì. Ông nói với mọi người: “Các bạn đồng học Phật giáo đều trách Lương mỗ này, trước đây nghiên cứu Phật học, nay lại giảng thuyết về Nho học, giống như tôi là người bất trung bất nghĩa đối với Phật giáo; tôi chỉ vì sáu chữ mà xa rời Phật giáo để đến với Nho giáo, sáu chữ ấy là ‘thử thời, thử địa, thử nhân’ (lúc này, chỗ này, người này). Phật giáo nói đến thời gian thì luôn suy cho đến xa thật là xa, mà vấn đề hiện tại của chúng ta lại không giải quyết; Phật giáo nói đến không gian thì có thế giới Tây phương, thế giới Đông phương, thế giới các phương, mà vấn đề xã hội hiện nay lại không giải quyết; Phật giáo nói đến nhân gian thì có người, súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục, người trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và đông đúc chúng sinh thập pháp giới, nhưng vấn đề của con người không giải quyết. Tôi cảm thấy lý luận Phật giáo cường điệu quá mức, tôi tiếp nhận không nổi, dung nạp không hết. Lý luận của Nho gia tương đối thực tế, hiện thực, xây dựng và con người hiện tại.”

Sau khi thầy Lương Thấu Minh nói xong, đại sư Thái Hư liền đưa ra quan điểm: “Về thời gian, Phật giáo tuy nói quá khứ, hiện tại, tương lai, nhưng coi trọng lợi ích hiện tại; về không gian, Phật giáo tuy nói thế giới các phương, thế giới mười phương, nhưng vẫn coi trọng vấn đề hiện thực; về nhân gian, Phật giáo tuy nói chúng sinh vô lượng vô biên thập pháp giới, nhưng chú trọng đến loài người, lấy con người làm gốc.”

Chỉ cần chúng ta biết nhận rõ thời gian, sử dụng thời gian hiệu quả thì có thể đạt được thành công; chỉ cần chúng ta biết quý tiếc thời điểm hiện tại, thì tự nhiên trong lập đức, lập công, lập ngôn có thể thể

nghiệm cuộc đời “một sát na tức là vĩnh hằng”. Nhưng thời gian quý báu có phải chỉ giới hạn trong mỗi năm một tiếng tích tắc, mỗi thế kỷ chuông đổ một hồi của cái đồng hồ vĩnh cửu hiện đại hay không?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người biết tận dụng thời gian vụn vặt ít ỏi giống như người giỏi tích góp, lâu dần gom ít thành nhiều, lại có được một suất thu nhập ngoài định mức.

Tương tự như vậy, thời gian vụn vặt ít ỏi có thể thành tựu được nhiều công việc to lớn.



Thay đổi số phận như thế nào

Có một sa di theo học đạo với một vị thiền sư có thần thông kiệt xuất. Một hôm, vị thiền sư phát hiện sa di kia chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi, lòng thấy bất nhẫn, bèn tìm cách cho sa di về nhà thăm cha mẹ.

Sau bảy ngày, sa di bình an vô sự trở lại chùa, thiền sư nhìn thấy rất đổi kinh ngạc, bèn hỏi: “Trong bảy ngày con về nhà con có làm việc gì không?” Sa di nghĩ một lát rồi nói: “Trên đường về nhà, khi đi qua một hồ nước thấy một đàn kiến đang bị nạn trong nước, con bèn quẳng xuống hồ một ngọn lá để giúp đàn kiến đang khốn khổ tìm đường sống.” Thiền sư nghe xong biết sa di vì khởi niệm từ bi cứu được đàn kiến mà có thể kéo dài mạng sống của mình.

Một niệm từ bi của tiểu sa di không những cứu được mạng sống của đàn kiến, mà còn biến cải cả số phận của chính mình. Phật giáo cho rằng số phận không phải đã được định hình, mà có thể biến đổi. Thói quen, mê lầm, tình cảm, quyền lực, tham vọng, nghiệp lực không chế số phận của chúng ta, nhưng tất cả thói quen cho đến nghiệp lực các thứ đều do chính chúng ta tạo ra, chỉ cần chúng ta tăng bổ điều lành, nhiếp trì chánh niệm, nói làm thận trọng, thì có thể chuyển đổi số phận không may thành số phận tốt đẹp.

Thay đổi số phận gồm những phương cách nào?

1. Quan niệm có thể thay đổi số phận

Sau khi đức Phật thành đạo, ngài nói rõ cho chúng ta chân lý thế gian đầy đau khổ, tiếp theo ngài nói đến phương cách diệt trừ đau khổ là thực hành Bát Chánh đạo. Trong Bát Chánh đạo, điều quan trọng nhất là chánh kiến, khi đã có chánh kiến thì bảy chánh đạo còn lại chỉ dựa vào luật tắc đã có mới không bị sai lạc. Gọi là chánh kiến tức là kiến giải đúng đắn, quan niệm đúng đắn. Xây dựng quan niệm đúng đắn vô cùng hệ trọng đối với việc tu thân lập nghiệp của cá nhân, sự tiến bộ phồn vinh của xã hội, sự yên vui hòa bình của thế giới. Phật giáo cho rằng mỗi hành vi của cá nhân có khuyết điểm đều có cơ hội cứu vãn; nhưng nếu quan niệm sai trái bất chính thì sẽ để lại tai họa to lớn cho loài người.

Trên đời, có nhiều gương thành đạt trong sự nghiệp, tuy có vô vàn nhân tố, nhưng quan niệm có đúng đắn hay không đó mới là vấn đề mấu chốt. Ví như có người siêng ăn nhác làm, người lớn trách mắng anh ta lười biếng, anh ta ngoan cố thêm nữa: “Lười biếng thì lười biếng. Ông nói tôi không tốt thì tôi

càng không tốt để ông thất vọng.” Như vậy là mình tự hại mình, tự thoái lui, không muốn tiến bộ, cam tâm ở vào hàng thấp kém. Lại có một số người bị người khác chê trách thì liền tự mình phản tỉnh, quyết chí sống tốt, hy vọng sẽ có biểu hiện mới để người khác thay đổi ấn tượng về con người cũ của mình trước đây. Do quan niệm của hai hạng người trên khác nhau, nên kết quả khác nhau như trời với vực. Lại có một hạng người, luôn tìm ra sự tích cực trong khó khăn, có ý tưởng lạc quan, tìm ra hướng phấn đấu trong khó khăn, hiểu được niềm vui cuộc sống trong đau thương. Cũng có người lại tiêu cực, nhụt chí, bi quan, cuộc đời đầy rẫy những u ám, suốt ngày sống trong lo buồn, với hạng người này mà nói thì cuộc đời quá thừa thãi, không đáng sống. Như vậy, có thể thấy quan niệm có ảnh hưởng đến thái độ sống của mỗi chúng ta, thay đổi số phận của chúng ta. Đối với cuộc sống, nếu giữ được quan niệm từ bi hỷ xả bố thí sẽ làm cho chúng ta trở nên giàu có, còn quan niệm keo bần tham lam sẽ khiến cho chúng ta nghèo nàn. Giữ lòng yêu thương để đối xử với tất cả thế gian thì sẽ có cuộc sống vui vẻ, thế giới sẽ tươi đẹp, cõi ta bà sẽ là tịnh độ. Nếu đem lòng sân hận để đối xử thì nước Phật mát lạnh cũng sẽ biến thành nhà cháy nóng rất.

2. Tín ngưỡng có thể thay đổi số phận

Có tín ngưỡng ví như trong hàng hải có mục tiêu, trong lữ trình có phương hướng, làm việc có quy củ, có thể quyết chí tiến lên, nhanh chóng đạt được mục đích, giảm bớt những tìm kiếm không cần thiết. Sức mạnh của tín ngưỡng giống như động cơ, là động lực tiến lên phía trước giúp thay đổi số phận của chúng ta.

Sức mạnh của tín ngưỡng là điều không cần bàn cãi, mà đối tượng của tín ngưỡng cũng không giới hạn trong tôn giáo. Như nhà nghệ thuật hết lòng đối với nghệ thuật, xem thành tựu của nghệ thuật là tín ngưỡng của mình, cam tâm vì nghệ thuật mà lao tâm khổ tứ. Trong lịch sử văn hóa, rất nhiều nhà tư tưởng, triết học, suốt đời vì cộng đồng nhân loại chỉ để hoàn thành những khái niệm lý tính trong phạm trù tư tưởng triết học. Họ đã bôn ba khắp nơi, như trường hợp của bách gia chư tử thời Tiên Tần. Hoặc như Nhạc Phi đời Tống suốt đời lấy “tận trung báo quốc” làm tín ngưỡng, cuối cùng cầu nhân được nhân, tận lực trung thành, hiến dâng cả tính mệnh. Đối với quốc gia, tín ngưỡng “tận trung” của ông đã làm thay đổi số phận của mình, đã xây dựng nên một hình tượng kiên nghị liêm liệt cho lịch sử, đến nay vẫn còn ảnh hưởng đến lòng dân trong xã hội, trở thành vị anh hùng được mọi người dân lễ bái.

Trong các loại tín ngưỡng, tôn giáo đem lại sức mạnh lớn lao nhất cho con người. Đối với tôn giáo, một khi đã có tín ngưỡng, thì tất cả những nghịch cảnh, bức hại của cuộc sống đều không đau khổ, mà ngon ngọt như mạch nha, đường phèn. Lòng thành kính đối với tôn giáo làm cho chúng ta có dũng khí để đối mặt với những đả kích chét người, có lòng khoan hồng độ lượng để bao dung những bất bình của thế nhân mà khai phá những số phận khác nhau.

3. Kết rộng duyên lành có thể thay đổi số phận

Con người là một thành viên của xã hội không thể sống đơn độc, tách rời quần chúng. Số phận cuộc đời của chúng ta có mối quan hệ mật thiết với quần chúng xã hội. Những nhu cầu ăn mặc hàng ngày đều dựa vào sự phân công hợp tác của các tầng lớp trong xã hội, phương tiện đi lại vận chuyển thường ngày cũng không thể thiếu được. Đến trường học tập, do sự tận tình dạy bảo của các thầy cô chúng ta mới thoát khỏi sự yếu kém. Sau này dần thân phụng sự xã hội, rất cần sự giúp đỡ của các đồng nghiệp, những người đi trước, sự dìu dắt của lãnh đạo, mới có thể phát huy năng lực của mình, mới có thành

tự. Do đó, nếu chúng ta muốn mọi sự như ý, vận hội hanh thông thì cần duy trì sự qua lại với người khác một cách hài hòa. Điều Phật giáo gọi là “kết duyên” có nghĩa là xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người.

Phật giáo nói khi chưa học Phật pháp, thì trước tiên hãy kết duyên với mọi người. Chúng ta cần kết rộng duyên lành với mọi người để đem phương tiện cho mọi người, kết duyên càng rộng thì chắc chắn phương tiện hồi báo cho mình càng nhiều, giúp người tức giúp mình. Bởi vì mình và người không phải là đối kháng mà là nhất thể, chỉ có ở trong sự hoàn thiện người khác mới có thể hoàn thiện chính mình. Do đó, Bồ Tát lấy chúng sinh làm nơi tu hành, thực hành rộng rãi lòng từ bi, từ trong sự kết pháp duyên Bồ đề với chúng sinh mà thành tựu đạo pháp. Kết duyên có thể thay đổi số phận của chúng ta, cũng là con đường đi đến Phật pháp. Trong cuộc sống hàng ngày, một nụ cười thân mật, câu khen ngợi khích lệ, cử chỉ giúp đỡ nhẹ nhàng, lời thăm hỏi chân thành... đều có thể đem lại niềm vui to lớn cho đối phương, tăng thêm mối quan hệ hòa thuận giữa đôi bên. Kết duyên làm cho cuộc sống của chúng ta càng rộng rãi, vận số hanh thông, có niềm vui nào hơn nữa?

4. Giữ giới có thể thay đổi số phận

Quan niệm, tín ngưỡng, kết duyên có thể thay đổi số phận của chúng ta, giữ giới cũng có thể chuyển biến số phận của chúng ta. Giữ giới không sát sinh sẽ chuyển tuổi thọ ngắn yếu thành tuổi thọ lâu dài; giữ giới không trộm cắp sẽ biến cuộc sống nghèo khổ thành cuộc sống giàu có; giữ giới không tà dâm sẽ duy trì hạnh phúc gia đình luôn luôn tốt đẹp vẹn toàn; giữ giới không dối trá sẽ được sự tin tưởng, khen ngợi của người khác; giữ giới không uống rượu có thể giữ gìn sự khỏe mạnh cho thân thể và sự sáng suốt cho tinh thần. Giữ giới có thể biến đổi số phận vốn gặp nhiều long đong vất vả thành số phận phúc lạc an lành.

Có một nhà buôn ra chợ mua bán hàng hóa, thấy một chú rùa nhỏ nước mắt giàn giụa đang chăm chú nhìn mình, lập tức nhà buôn khởi lòng trắc ẩn, thế là bỏ ra một số tiền lớn để mua chú rùa và thả nó vào hồ nước để được sống còn. Qua một khoảng thời gian, nhà buôn ra ngoài mua bán, đường đi phải băng rừng qua núi, gặp phải trộm cướp, tiền bạc bị lấy sạch, người cũng bị ném xuống hồ. Đến lúc gần bị chết chìm, thì bỗng nhiên ông cảm thấy dưới chân có vật gì đó đang đỡ mình lên, mượn lấy sức mạnh ấy, nhà buôn cuối cùng cũng lên được bờ bình an. Tập trung nhìn kỹ thì ra chú rùa mà ông đã cứu mạng trước đây đã đem bạn bè đến cứu ông để báo ơn. Giữ gìn giới luật, không sát hại sinh linh, một lòng yêu quý sinh linh, tăng phước báo cho người và trời là điều không cần phải nói ra.

Làm thế nào chúng ta thoát ra khỏi sự khống chế của số phận để mở ra cuộc sống riêng mình? Đó là chỉ cần bồi dưỡng quan niệm đúng đắn, có tín ngưỡng kiên định, biết kết rộng duyên lành với mọi người, giữ nghiêm giới luật thanh tịnh. Được như vậy thì sẽ không bị số phận khống chế, mà còn có thể tự do điều khiển số phận.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nhìn tướng tay, tướng mặt, không bằng nhìn tướng của tâm, tâm là chủ nhân của chúng ta.

Chuyện xấu chuyện tốt của thế gian này đều do từ tâm, tâm sinh thì vạn pháp sinh, tâm diệt thì vạn pháp diệt.

Làm thế nào biến đổi thế giới ở ngoài tâm là điều không thể khống chế được, nhưng chắc chắn tâm

của tự ngã thì có thể làm chủ của chính mình.



ÁNH SÁNG CỦA SỰ GIAO TẾ GIỮA NGƯỜI VÀ NGƯỜI

Thương cho trời lo cho người, cẩn thận trong lời nói và việc làm.

Làm việc thiện cho người, bằng tấm lòng tự nguyện.

Giữ bí mật là một hình thức tu dưỡng

Thái tử Đan nước Yên và dũng sĩ Điền Quang mưu giết Tần Vương. Điền Quang tiến cử Kinh Kha, thái tử Đan căn dặn: “Việc này quan hệ đến sự mất còn của nước Yên, cốt giữ bí mật.” Điền Quang nhận lời, sau khi về nhà liền tự sát; ông ta dùng cách này để chứng tỏ mình không được tiết lộ bí mật ấy.

Con người ở đời có việc chung, việc riêng, việc chung nên để cho mọi người biết, việc riêng không nên để cho mọi người biết. Giữa bạn bè với nhau cũng có những bí mật, đôi bên biết bí mật của nhau càng nhiều thì tình bạn càng gắn chặt. Cho nên bạn tốt của nhau thì cần có bổn phận phải giữ gìn bí mật cho đối phương. Khi một người cảm thấy giữ bí mật vui sướng hơn là tiết lộ bí mật thì đó là người rất chín chắn.

Thế nhưng, trên thế gian này có bí mật thật sự không? Con người nói chung, khi gặp người để nói chuyện thì đều nói: “Tôi có bí mật này nói với anh, nhưng xin anh đừng nói với người khác nhé!” Người nghe ấy sau đó lại đem nói với một người thứ ba rằng: “Tôi có một bí mật nói với anh, anh không được nói lại với người khác đấy.” Cứ qua tai nhiều người như vậy trong một thời gian, thì điều gọi là bí mật dĩ nhiên mọi người trong thiên hạ đều biết.

Lan truyền bí mật là một khuyết điểm của tính cách con người, mỗi cá nhân đều có một số chuyện kín bên trong nhằm biểu hiện nét đặc thù của thân phận mình, họ có biện pháp của riêng mình; còn tiết lộ bí mật cũng có thể là để thể hiện uy quyền của mình, cho nên tình trạng tiết lộ bí mật là rất phổ biến. Ngay như trong “Lục Tổ Đàn kinh”, sau khi đệ tử nghe Lục Tổ giảng kinh, có người còn hỏi: “Ngoài ra còn có bí mật gì nữa không?” Lục Tổ đáp: “Bí mật ở bên cạnh của các vị!” Qua đó, có thể thấy ưa thích điều bí mật, kín đáo chính là bản tính của con người!

Có người thích dò hỏi điều bí mật, có người hận không được xa rời những việc cơ mật. Bởi vì biết bí mật của người khác, đôi lúc vướng phải điều thị phi, thậm chí còn mang họa vào thân, cho nên người ta cố sức tách ra khỏi những câu chuyện, những lời bàn, những công việc bí mật của người khác; nếu là việc bí mật, cố gắng ít tham dự vào, đó cũng là điều khôn ngoan để bảo toàn thân mạng.

Gọi là giữ bí mật và không giữ bí mật, tức là hay nói và không hay nói. Mọi sự có thể nói cho người khác mà không nói, gọi là “thất nhân”, mọi sự không nên nói cho người khác mà nói, gọi là “thất ngôn”. Chuyện bí mật của mình không đem lan truyền rộng, đó gọi là tu dưỡng; chuyện bí mật của người khác lại truyền lan rộng ra quá mức, đó gọi là thất đức. Giữ bí mật và lộ bí mật chính là ở chỗ đó!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Tiền bạc mất đi có thể kiếm lại, danh dự mất đi mãi mãi không trở lại.

Cho nên làm người ở đời cần để lại những lời tốt đẹp (khẩu đức), đặc biệt là những việc làm thiện đức cho đời sau (âm đức).



Sức mạnh của sự hòa giải

Có một cô gái trên 20 tuổi xem cha như kẻ thù, sau khi nghe tin cha qua đời, cô khóc mãi không thôi. Có người hỏi cô: “Cô có còn hận cha cô nữa không?” Cô trả lời: “Trước kia thì tôi hận lắm chứ!”

Thường ngày, nhìn con gà con vịt bị trói ta thấy chúng rất đáng thương; nhìn con chim bị nhốt trong lồng cũng cảm thấy đau khổ vì bị sống kiếp tù túng. Thực ra, con người sống trên đời chẳng phải cũng bị nhiều thứ thương yêu tình hận ràng buộc đó sao? Con người muốn được giải thoát ắt phải hiểu rõ tự mình hóa giải. Như vậy, con người cần hóa giải những gì?

1. Hóa giải nguy cơ. Điều đó gọi là “người đang ngồi trong nhà, nguy cơ đến từ tứ phía”, con người ở đâu mới không có nguy cơ? Một cơn lốc xoáy ập đến, nhà cửa bị gió đánh tan, tấm nóc cũng không còn; một chiếc xe hơi mới mua, vì mưa lớn suốt đêm máy móc ngập nước, thế là chiếc xe đi đứt! Muốn hóa giải nguy cơ, trước tiên cần xây dựng ý thức biết đề phòng lo lắng. Nguy cơ xảy ra bất cứ lúc nào, mọi việc đều cần phải chú ý cẩn thận, chỉ dựa vào mình mà cầu phúc lộc, không thể nhờ vả người khác. Ví như làm nhà cho vững chắc thì không sợ những cơn lốc xoáy; hoặc ở nơi dân cư đông đúc để có xóm giềng trợ giúp, cùng nhau chống giữ. Theo đó loại suy, phạm là con người, sự việc, thời gian, nơi chốn, sự vật... có thể tạo ra nguy cơ thì trước hết đều cần đề phòng mới có thể hóa giải nguy cơ.

2. Hóa giải thù hận. Giữa người với người thường có những sự thù hận không cần thiết, có người vì hiểu lầm, có người vì thua thiệt, cũng có người vì lời nói làm tổn thương mà sinh ra thù hận. Có những thù hận trực tiếp, có những thù hận gián tiếp. Thù hận gián tiếp đôi khi đương sự căn bản không có vấn đề gì, chỉ do người ngoài đơm điều đặt chuyện, thêm mắm dặm muối, do đó gây mối ân oán giang hồ. Thực ra, con người không nên có thù hận, tức là có bị thiệt thòi hay mắc lừa thì cũng không nên đòi co, tính toán, mà nên bỏ qua, thông cảm. Nên có câu “oán thù nên giải không nên kết”, thù hận, oan ức đều là những việc không tốt đẹp, vậy nên hóa giải là thượng sách.

3. Hóa giải đối lập. Giữa con người với nhau có lúc tự đào hố ngăn cách, có lúc tự xây tường cô lập, nhân đó mà sinh ra đối lập. Cho nên đối lập phần lớn đều do ganh ghét, hoặc do sợ lợi ích của mình bị tổn hại. Kẻ đồng hành nên xem nhau là bà con quyến thuộc, có lợi ích thì dù chia phần ít cho người ta cũng không có gì quan trọng. Thiên hạ lớn rộng, quần chúng đông nhiều, chỉ cần mình có trí huệ thì dù mua bán cũng không thành mua bán, dù có lợi ích cũng hưởng không hết lợi ích.

4. Hóa giải nghi nan. Người và người có thể vốn là bè bạn của nhau, nhưng có người trong lòng có đề phòng tức là khó có thể cùng làm việc với nhau. Trên đời, có người thích hoàn thành việc tốt của người khác, có người lại thích phá hoại việc tốt của người khác. Nếu có người khởi tâm đề phòng chúng ta, chúng ta khiêm tốn, lễ phép, hoặc khen ngợi, tặng quà cho họ đều có thể hóa giải mối nghi tâm của họ. Cho nên, “tâm hại người không thể có, nhưng tâm phòng người không thể không”, đối với kẻ tiểu nhân, đương nhiên chúng ta không thể không có tâm đề phòng; nhưng đối với người quân tử,

không có tâm đề phòng cũng chẳng sao, chân thành đối đãi với nhau, bởi vì chỉ có lòng chân thành mới có thể giúp mọi người trở nên thân mật.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Giữ giới có thể biến đổi số phận long đong vất vả thành số phận phúc lạc an lành;

Tu thiền có thể chuyển đổi tâm tính xúc nổi, nóng vội thành lý trí bình tĩnh sáng suốt.



Lợi cho mình và lợi cho người

Một người nghèo khó cầm đồng tiền còn lại duy nhất của mình đi mua đồ ăn, người bán hàng xem qua, nhận ra là tiền giả, không chịu bán cho người ấy. Ông ta chỉ chực rơi nước mắt. Lúc đó có một người lính đi qua, hỏi rõ nguyên do, anh ta bèn lấy ra một đồng tiền đưa cho người nghèo khó, và bỏ đồng tiền giả ấy vào trong túi, đoạn bước đi. Người nghèo khó cảm kích rơi lệ, mua được thức ăn rồi về nhà, người lính sau đó ra mặt trận. Một hôm, một viên đạn bắn tới, người lính cảm thấy ngực mình rung lên một cái, nhưng hoàn toàn không bị thương tích gì cả. Người lính sờ sờ vào vùng ngực, lấy đồng tiền giả kia từ trong túi ra, phát hiện chính giữa đồng tiền lõm xuống một chút, thì ra đồng tiền giả ấy đã cứu sống người lính tốt bụng kia.

Trên đây là câu chuyện lợi người mà cũng lợi mình, cứu người gặp nạn cũng bằng tự cứu mình.

Trong Phật giáo Đại thừa, Bồ Tát phát tâm trước vì chúng sinh, sau mới vì mình, “Chỉ nguyện chúng sinh được thoát đau khổ, không cầu an lạc cho chính mình”. Bồ Tát Địa Tạng Vương chủ trương “Địa ngục không trống, thề không thành Phật”, tinh thần lợi người ấy chỉ là một bộ phận nhỏ. Một người bình thường dù không thể làm lợi cho người mà cũng không lợi cho mình thì ít nhất cần nghĩ đến lợi ích cho người khác nương theo cái lợi cho mình.

Trong xã hội nói chung, đối với việc làm lợi cho mình và cho người, có thể chia làm bốn loại: Lợi cho người không lợi cho mình, lợi cho mình không lợi cho người, người và mình đều không được lợi, lợi cho mình lại lợi cho người. Việc lợi người không lợi mình thì trong sự tích của đức Phật có chuyện cắt thịt cho điều hâu, xả thân nuôi cọp, là điển hình nhất. Làm lợi cho mình không lợi cho người có thể nói là phổ biến nhất, mỗi cá nhân sống trên đời, đâu đâu cũng đặt “cái tôi” lên trên hết, lo nghĩ đến lợi ích cho mình. Ví như là hàng xóm của nhau, bụi rác trong sân của mình thì quét dọn sạch sẽ, rãnh nước trước cổng nhà mình thì đẩy qua hai bên; chỉ cần trước nhà của mình gọn sạch, còn rác bừa bãi đến nhà người khác cũng mặc kệ. Hoặc như người ở trên lầu, đêm hôm đánh bài, vui cười, ồn ào đến 11, 12 giờ khuya, không hề nghĩ đến người ở dưới lầu có được ngủ yên hay không. Đó là ích kỷ, lợi mình, người không công bằng, không đạo đức. Làm việc gì khiến cho người và mình đều không lợi thì đó là việc làm ngốc nghếch nhất trong thiên hạ. Hãy xem người mở sòng bạc, quán rượu, họ mê hoặc người đời, làm cho nhiều gia đình bất hòa, đem lại bất lợi nhất cho mọi người. Họ tạo ra nhân ác, sau này chính họ lại chịu quả ác. Còn việc chế tạo thuốc phiện, buôn lậu hàng cấm cũng là loại công việc ta - người đều không được lợi. Cuối cùng, có một thứ lợi người và lợi mình như câu chuyện dưới đây:

Ngày xưa, ở Ấn Độ có một vị quốc vương tên gọi là Nhất Thiết Thí (bố thí tất cả), bất kể là ai, chỉ cần yêu cầu ông là đều có thể toại nguyện. Cảnh nước ông có một người theo đạo Bà La Môn, sống rất cực khổ, thế là người mẹ bảo đưa con đến nhà ông Nhất Thiết Thí cầu xin.

Lúc ấy, Nhất Thiết Thí đang đối mặt với sự tấn công của quốc vương nước láng giềng. Đại quân nước này đến chiếm các thành của vua Nhất Thiết Thí đều không gặp kháng cự, tiến đánh nhanh chóng, dễ dàng chiếm hết thành trì. Nguyên nhân là do vua Nhất Thiết Thí không để cho muôn dân phải bị tổn hại, còn mình thì nửa đêm trước để lại ấn tín, lạng lẽ rời kinh đô. Ông muốn dâng hiến hết đất nước cho vua láng giềng để đổi lấy sự bình an cho bách tính. Nhưng ông vua bạo ngược tham lam muốn nhỏ cỏ tận gốc, bèn treo thưởng lớn cho những ai bắt được vua Nhất Thiết Thí.

Ngay khi vua Nhất Thiết Thí rời cung điện, thì gặp người Bà La Môn nghe lời mẹ đến cầu xin quốc vương hôm nọ. Vua Nhất Thiết Thí sau khi gặp đưa con đã đồng tình đáp ứng lời cầu xin của cậu ấy. Cậu ta rất đổi hoài nghi, nghĩ bụng: Vua Nhất Thiết Thí không có thứ gì trong người cả, làm sao giúp đỡ được mình? Vua Nhất Thiết Thí nói: “Vua nước láng giềng đang bỏ số tiền lớn để thưởng cho ai bắt được ta, nay ngươi đem thủ cấp của ta về lãnh thưởng.” Đứa bé không đắn tâm, cuối cùng vua Nhất Thiết Thí nói: “Vậy người hãy trói ta lại, áp giải ta về cũng được nhận thưởng!”

Đứa trẻ còn nhỏ chưa biết gì, bèn làm theo lời vua Nhất Thiết Thí. Đi vào thành, dân chúng trong thành thấy vua Nhất Thiết Thí bị trói áp giải trở về, mọi người đều buồn thương không dứt. Có người báo tin vua Nhất Thiết Thí bị bắt cho ông vua láng giềng hung bạo biết, ông vua hung bạo liền ra lệnh cho đưa vào cung. Các đại thần thấy vua Nhất Thiết Thí đều nằm lăn xuống đất khóc lóc thảm thiết. Ông vua hung bạo hỏi các đại thần: “Tại sao các người lại thương cảm quá độ như vậy?” Các đại thần đáp: “Thưa đại vương, vua Nhất Thiết Thí không những vứt bỏ cả quốc gia và vương vị mà hiện tại nhà vua còn đem cả thân mạng của mình ra để bố thí cho người khác nữa, hành vi của nhà vua thật là vĩ đại, chúng tôi rất cảm động trước nghĩa cử cao đẹp ấy.”

Ông vua hung bạo nghe các đại thần nói như vậy, cái tâm tàn bạo của ông dần dần bình ổn trở lại. Ông ta quỳ trước mặt vua Nhất Thiết Thí, giao lại ấn tín cho nhà vua, và nói: “Tôi chiếm được đất nước của ngài, nhưng tôi không có dân tâm của ngài; ngài tuy cam tâm bố thí tất cả, nhưng ngài có được nhân tâm đáng quý nhất. Bây giờ tôi đã biết rõ, dùng bạo lực để có được các thứ đều không có giá trị, đất nước của ngài tôi xin trả lại cho ngài.”

Đó là sức mạnh của lợi người.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Đãi người nên như gió xuân,

Xử sự nên như sen hè,

Giữ mình nên như hơi thu,

Lợi người nên như nắng đông.



Thầy giỏi và bạn tốt

Một hôm, giờ tụng kinh sớm vừa xong, mọi người đang chạy thể dục buổi sáng, tôi nhận thấy có một người đội mũ đang đi bộ trước mặt, với tư cách là một đội trưởng, tôi nói lớn: “Sao anh đi chậm rì vậy, nhanh lên một chút cho bằng người đi trước chứ!” Tôi nhìn kỹ lại thì ra người này là gia sư! Ông

không hề tức giận, mà còn mỉm cười với tôi. Gia sư tuy trách la tôi rất nghiêm, nhưng thầy vẫn luôn luôn dành cho tôi lối thoát để vẫn hồi khiến tôi cảm thấy gia sư không chỉ là thầy giỏi mà còn là bạn tốt nữa.

Sư phụ của tôi là Chí Khai Thượng Nhân từng nói: “Ba phần là thầy trò, bảy phần là đạo hữu.” Bạn tốt giống như thầy giỏi, thầy giỏi cũng có thể trở thành bạn tốt.

Trong quá khứ, thầy giáo là trời, học sinh là đất, dù quan hệ khăng khít thế nào, nhưng khoảng cách giữa trời và đất lúc nào cũng xa vời. Chỉ trong Phật môn mới có sự nhận biết “ba phần là thầy trò, bảy phần là đạo hữu”, đó là một thứ tư tưởng dân chủ và bình đẳng. Tư tưởng này làm cho luân lý của Phật môn càng thêm linh hoạt, càng thêm sức sống.

Về thầy giỏi và bạn tốt, tôi có bốn ý như sau:

1. Khi họ gặp trắc trở, ta cần cho họ dũng khí. Sự việc bất như ý trong cuộc sống thường có đến tám, chín phần mười, khó khăn và trắc trở vốn có thể dùng để nâng cao đẳng cấp cuộc sống của chúng ta, cũng là một quá trình có thể khiến cho tâm linh càng thêm trong sạch, nhưng nếu không thể hoặc không muốn chấp nhận thì những thứ đó sẽ trở thành khổ nạn thật sự. Người trong cuộc mê mờ, người ngoài cuộc sáng suốt, mình là bạn hữu cần ra tay cứu vớt, có yêu cầu có đáp ứng, giúp họ vượt qua cảnh ngộ khó khăn của nội tâm. Đến khi vượt qua khó khăn rồi quay đầu nhìn lại sẽ thấy trắc trở đã trở thành một sức mạnh mới.

2. Khi họ suy sụp, ta cần cho họ niềm tin. Suy sụp, ảm đạm là điều ai cũng có, khi bạn bè buồn phiền, chán nản, thất vọng nhụt chí, chính là lúc chúng ta phát huy tình bạn thân đáng quý. Cần nghĩ cách kích thích lòng tin của bạn, nhắc nhở bạn lòng tin vốn có trước đây. Lòng tin là sức mạnh, lòng tin là phương hướng. Hôm nay họ dựa vào bạn để đi lại, ngày mai có thể bạn sẽ dựa vào họ để bay nhảy.

3. Khi họ mê lầm, chúng ta cần cho họ sự chỉ dẫn. Câu danh ngôn của Trịnh Bản Kiều: “Thông minh khó, hồ đồ khó, từ thông minh vào hồ đồ lại càng khó hơn.” Đó là người đại trí, mở một mắt, nhắm một mắt để thông cảm sự thiếu hiểu biết của người đời, đó gọi là “giả hồ đồ khó trở thành hồ đồ” vậy. Nhưng mê lầm không phải là hồ đồ, càng giả hồ đồ thì không thể trở thành hồ đồ, mà đúng là đánh mất phương hướng của cuộc đời. Lúc ấy có thể chỉ dẫn họ lấy tôn giáo làm niềm tin chân chính, lấy ánh sáng của trí tuệ tôn giáo để soi rọi tiền đồ của họ, cũng có thể lấy những lời bổ ích của thánh hiền thời xưa để chỉ ra mê lầm của họ; đợi khi mây tan trăng tỏ, sẽ là quang cảnh của “bóng liễu hoa tươi một mùa xuân”.

Khi họ ngu si, ta cần cho họ trí huệ. Hai chữ “ngu si” hoàn toàn không phải nói là không thông minh, mà là nói sự chấp trước một người, một việc, hoặc một niềm tin nào đó, tức là không thể cởi mở, buông bỏ. Thậm chí trong kinh Phật đã xếp “thế trí biện thông” vào loại “bát nạn”. Những ví dụ về người thông minh trên thế gian lại bị sự thông minh làm sai lạc nhiều vô kể, đặc biệt là người tự cho mình thông minh rất dễ tự mình vạch giới hạn rồi nhốt mình trong đó, cuối cùng không tìm ra lối thoát. Đó chính là một thứ ngu si, những lúc như vậy ta cần cho họ trí huệ.

Làm thế nào phân biệt thông minh và trí huệ? Người thông minh hiểu biết nhiều, phản ứng nhanh, nhưng nếu dùng sự thông minh ấy theo ý riêng ngạo mạn của mình thì thường tự trói tay trói chân mình lại; nếu dùng sự thông minh ấy cho việc lợi người thì đó là hành vi của trí huệ. Mọi sự nên nghĩ đến cái lợi cho người khác, lòng từ bi làm cho người khác cảm kích, có thể chiêu cảm nhiều duyên lành,

vận tốt.

Kết giao với thầy giỏi bạn tốt có thể nâng cao chính mình, khai phá cuộc sống. Làm một thầy giỏi bạn tốt có thể có được bạn hiền trong tình bằng hữu, đôi bên dắt dìu lẫn nhau, khích lệ, an ủi lẫn nhau. Thậm chí giữa vợ chồng với nhau nếu có thể xây dựng được mối quan hệ thầy giỏi bạn tốt thì gia đình càng hài hòa và phát triển.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Là bậc cha mẹ có thể có sự nhận thức “ba phần thầy trò, bảy phần đạo hữu” thì con cái không chỉ là cốt nhục mà còn là bạn hữu của mình nữa;

Là bậc thầy giáo có thể có sự tu dưỡng “ba phần thầy trò, bảy phần đạo hữu” thì học trò không chỉ là văn bối mà còn là đồng học của mình nữa;

Là bậc lãnh đạo có thể có sự nhận biết “ba phần thầy trò, bảy phần đạo hữu” thì cấp dưới không chỉ là thuộc hạ mà còn là đồng sự của mình nữa.



Người tốt vô dụng

“Bạn đã trải qua cuộc du lịch này, bạn đoán xem cảm tưởng của tôi như thế nào? Bạn cảm thấy tôi có chán hay không chán?”

“Bạn không chán, nhưng hoàn toàn không có ích gì cả.”

Hồng Tiệm không ngờ Tân Mi có thể trả lời dứt khoát như vậy, giận quá, nhưng chỉ còn cách cười gượng mà thôi.

Tiền Chung Thu, “Vi thành”

Nói về cách phân loại hạng người, có thể chia làm hai loại: người tốt và người xấu. Thực ra, trong số người tốt cũng có người xấu, trong số người xấu cũng có người tốt.

Người tốt thường được ca tụng, khen ngợi. Có một hạng người tốt vô dụng, tức là hạng người mà việc thành không đủ, việc bại có thừa; nhưng anh ta không hại ai, mọi sự đều nhường nhịn, không tranh chấp với ai, im lặng làm lấy bản phận của mình.

Chúng ta thường nghe nói người này là người tốt, nhưng điều kiện của người tốt ví như phẩm chất đạo đức của lòng nhân từ, sự thông minh tài cán của tình cảm sống chung vui vẻ, tinh thần cần mẫn phục vụ để tiến lên, kỹ năng chuyên môn để làm lợi cho người khác... thử hỏi anh ta có thật đầy đủ chưa? Nếu anh ta có đủ khả năng đặc biệt, có thể vui vẻ gánh vác công việc trong mọi trường hợp, như vậy anh ta không chỉ là người tốt, mà còn là người có tài cán, có năng lực. Trái lại, nếu người tốt mà thoái thác mọi sự, không chịu đảm đương, không có chủ trương, đắn đo suy nghĩ, sợ trước sợ sau, khôn ngoan giữ thân mà không dám tố giác người xấu, đó là loại người tốt vô dụng; nếu người khi đáng tức giận mà không tức giận, khi đáng theo lý tranh cãi mà không dám theo lý tranh cãi, đó là người tốt cầu hòa vô dụng. Những hạng người ấy là hệ lụy ngăn cản sự lớn mạnh đoàn thể, là chướng ngại của tiến bộ xã hội, và cũng là nguy cơ của lợi ích quốc gia.

Đối với người tốt, chúng ta nên định nghĩa như thế này:

1. Từ bi là người tốt. Từ bi không thể thể hiện quá mức. Nếu đối với người xấu cũng từ bi, thậm chí bao che giấu diếm kẻ phạm tội đang bị truy nã vì phạm pháp, đó là điều tàn nhẫn đối với quần chúng. Cho nên người tốt cần có trí huệ, từ bi, dũng cảm.

2. Lao động là người tốt. Lao động không thể đem sức người ra làm việc không hiệu quả, cũng không thể làm chuyện xui nguyên giục bị, đơm đặt thị phi. Lao động cần phải có mục đích chính đáng, như làm việc để phục vụ người khác, để tu học giữ thân, để làm việc nghĩa, như vậy mới là tiêu chuẩn của người tốt.

3. Dũng cảm là người tốt. Dũng cảm không có nghĩa là bày tỏ cái dũng của kẻ thất phu, thô lỗ vô trí, dùng sức để mua vui, ý mạnh hiếp yếu, hiếu thắng đấu càn. Dũng cảm nghĩa là cần phải có nhân từ, có nghĩa khí, dám làm dám chịu, chân thành hướng thượng, đó mới là điều kiện của người tốt.

4. Thấu tình đạt lý là người tốt. Thấu tình đạt lý không thể chỉ là biện giải sự lý, bày tỏ tài ăn nói, tranh cãi. Nói năng rõ ràng mạch lạc, nhưng một việc gì cũng không thành, đó có được xem là người tốt không? Thấu tình đạt lý là làm theo điều thiện, vì người mà làm việc thiện, như vậy thấu tình đạt lý là đòi hỏi tự bản thân, khoan hồng đại độ, đó mới là bí quyết của người tốt.

Ở đời, ai là người tốt, người xấu chỉ nhìn bên ngoài thì rất khó phân biệt. Có người nhìn qua tưởng như là người tốt, nhưng lại là “miệng cười Di Lặc, bụng ngầm rắn độc”, hạng người này còn đáng sợ hơn cả người xấu; có người nhìn qua tưởng như người xấu, nhưng là “kẻ cướp cũng có đạo lý”, như trong truyện “Thủy Hử”, những anh hùng hảo hán Lương Sơn Bạc diệt ác trừ gian có thể nói là loại người tốt vô dụng, nhưng lại được xưng tụng là người tốt.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Là con người đừng lo mình không có tài, biết tiến lên ắt tiến lên được;

Là con người đừng lo mình không rộng lượng, thấy rộng ra ắt thành rộng lượng.



Giữa người và ta

Ve, sẻ, bướm, ong, rùa tụ họp nhau lại cùng bàn mỗi người nói ra một câu tục ngữ, nhưng câu ấy phải chú ý đến lời tự cảnh giác cho bản thân mình.

Ve nói: “Gió thu chưa đến tôi đã biết, ngấm đến vô thường chết chẳng hay.”

Chim sẻ nói: “Người vì tiền mà chết, chim vì ăn mà vong.”

Bướm nói: “Nguyện vì hoa mà chết, có làm quỳ cũng phong lưu.”

Ong nói: “Hút cả trăm hoa để thành mật, một năm vất vả bởi vì ai?”

Chỉ có rùa là không nói được, nóng lòng quá bèn thò đầu ra nhìn quanh nhìn quất, một chú bé con nhìn thấy, nó lấy đá đánh vào đầu rùa. Rùa rút đầu lại, rồi nói: “Thị phi chỉ tại do mồm mép, phiền não giai do gọng ló đầu.”

“Người tự cao khó có bạn thân, người ích kỷ khó có quần chúng.” Con người là sinh vật xã hội, không xử lý tốt mối quan hệ giữa người và ta thì có thể tạo ra phiền não và thất bại. Mỗi người muốn tự nâng cao mình phải dựa vào tư tưởng, giáo dục để phát huy; con đường chung sống giữa người và ta cần phải dựa vào giáo dục để rèn luyện, bồi dưỡng.

Mối quan hệ giữa người và ta phải hành xử như thế nào cho thật tốt, sau đây xin đưa ra bốn ý kiến để tham khảo.

Thứ nhất, nhiều lời là bán rẻ cuộc đời đáng quý. “Keo nhiều không dính, lời nhiều không hay”, nói năng là để diễn đạt tư tưởng, truyền đạt khái niệm, cần chú trọng lời gọn ý đủ, không rườm rà vô ích. Có sự việc chỉ cần nói vài ba câu là xong, nhưng nhiều người nói đi nói lại, hoặc bài diễn thuyết nội dung chỉ có nửa tiếng, hay một tiếng đồng hồ, không cần phải nói đến hai, ba tiếng đồng hồ mà vẫn không xong. Nói nhiều không chỉ khiến người ta chán mà còn đem bán rẻ cuộc đời đáng quý của mình. Nói năng không cần nhiều, chỉ cần có lợi cho người, đó mới là đáng quý.

Thứ hai, thù tiếp làm lãng phí thời gian quý báu. Trong cuộc sống, con người khó tránh khỏi những cuộc giao hảo thù tiếp. Thù tiếp chính đáng thì đúng là điều cần thiết, còn những buổi thù tiếp vô vị thì quả là làm lãng phí thời gian quý báu của người khác. Cuộc đời của con người có được bao nhiêu thời gian để làm việc hữu ích? Có người không biết quý tiếc, chỉ biết tổ chức những buổi thù tiếp không cần thiết, làm lãng phí thời gian, quả thật là đáng tiếc.

Thứ ba, ở một mình là cơ hội tốt để tự tu dưỡng. Sống chung với mọi người thì phải chấp nhận những tiếng ồn ào, nhưng đối với riêng mình thì cần sự yên lặng. Trong một ngày, chúng ta sinh hoạt chung, nhưng cũng cần có thời gian ở một mình. Khi ở một mình cần phải nhìn vào bên trong, nhìn thế giới của vô tướng, nghe âm thanh của sự yên lặng. Ở một mình hoàn toàn không phải là để đọc báo chí, xem truyền hình, nghe âm nhạc, bởi vì trong báo chí, truyền hình, âm nhạc có đủ thứ thị phi của người và ta, những âm thanh ồn ào náo nhiệt gây nhiều loạn chúng ta. Ở một mình nơi thanh vắng là để cho mình không nghĩ, không nhìn, không nghe, những thời khắc ấy mới có thể tìm lại chính mình.

Thứ tư, sống chung vui vẻ là động lực để mọi người phát huy. Mỗi người cần tĩnh, nhưng cũng cần động; cần ở một mình, nhưng cũng cần ở chung vui vẻ với mọi người. Người có tính quần chúng có thể hòa nhập với xã hội, có thể chung sống với đại chúng, có thể cùng đóng góp mưu trí và năng lực, cùng cống hiến tâm trí, phục vụ nhân quần, thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Sống chung với mọi người cần phải như nước, co duỗi tự nhiên, đặc biệt là trong tâm mình có người, luôn luôn lo nghĩ cho người khác.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

“Người quân tử muốn mọi người cùng yêu thích, kẻ tiểu nhân muốn mọi người cùng ghét bỏ”.

Lấy dầu và nước để ví tính cách của người quân tử và tính cách của kẻ tiểu nhân, rất là xác đáng.

Chất mờ màng đậm đặc của dầu giống như kẻ tiểu nhân, sự trong sạch thanh đạm của nước tựa như người quân tử.

Nước có thể làm cho vật không sạch trở nên trong bóng, dầu có thể làm cho vật đang sạch biến thành bẩn dơ.

Trong đám người quân tử có một kẻ tiểu nhân thì như trong một dòng nước trong có một giọt dầu, Nước có thể lắng lẽ dung nạp dầu, nhưng nước là nước, dầu là dầu, tức là “hòa mà không đồng”.

Nếu trong đám tiểu nhân có một người quân tử thì như trong chỗ dầu có một giọt nước,

Dầu là kích bác, nổ tung, hoàn toàn không dung nạp nhau, nước thì khác, hai bên đánh nhau đến tổn hại mà vẫn không chịu thôi.

Từ dầu và nước có thể nhận thấy sự khác biệt giữa quân tử và tiểu nhân.



Nói chuyện là một nghệ thuật

Khi tôi bị bệnh, đệ tử lũ lượt đến thăm tôi, họ luôn miệng hỏi tôi: “Sur phụ ngữ ngon không?” “Vết thương có đau lắm không?” “Ăn có ngon miệng không?” “Thầy thuốc nói thế nào?” Mỗi lần hỏi một câu, tôi trả lời một câu, giống như giới thiệu chung chung vậy, sau cùng, thực ra là tôi nhác trả lời, nên chỉ nói: “Đến thăm là được rồi, đừng có hỏi tôi nữa!”

Nhớ trước đây có mấy pháp sư như Đại Tĩnh, Đông Sơ, Từ Hàng đều rất ưa thích đàm luận với tôi, mỗi lần khi nói lời từ biệt với họ, họ đều giữ tôi ngồi lại một lát nữa. Pháp sư Từ Hàng mỗi khi biết tôi đến Sa Chỉ thì luôn quan tâm chào mời đủ thứ, một vấn đề này vừa nói xong, lại dẫn ra một vấn đề khác, và từ trong chuyện trò mà trình bày luôn kiến giải và quan điểm của mình. Các vị pháp sư ấy cũng thường dựa vào ý tưởng của tôi mà cung cấp cho tôi một số ý kiến, cho nên trong không khí cùng góp chung tiếng nói ấy, chúng tôi thường chuyện trò rất say sưa.

Từ xưa đã có câu rằng “Một lời làm nước tịnh, một lời làm nước mất”, nói chuyện là một nghệ thuật: “Lời đã đạt thì dừng, vì nhiều lời không đáng quý.”

Nói năng như thế nào mới được người ta hoan nghênh? Xin nêu lên bốn điểm dưới đây:

1. Với người bị cùng khốn hãy nói một lời giải nguy. Giúp người không phải chỉ có tiền bạc, sức lực, thời gian phục vụ, mà cách nói năng cũng có thể giúp đỡ người khác. Ví như, khi một người đối mặt với sự lúng túng không biết làm thế nào để thoát ra khỏi cảnh cùng khốn, bạn kịp thời nói một lời có thể giúp anh ta giải nguy, đó cũng là một thứ công đức cứu người.

2. Với người bị chán nản hãy nói một lời khích lệ. Ngôn ngữ phương Tây có câu: “Lời nói cho chúng ta một thứ ích lợi là trong quan hệ của chúng ta cần nói một lời dễ nghe.” Thế nào là một lời dễ nghe? Đó là lời nói hay đẹp. Nói lời hay đẹp khiến cho người ta như tắm mát suối xuân, khiến cho người ta phát khởi lòng tin. Người bị trắc trở, suy sụp tinh thần, có thể khích lệ họ, an ủi họ, nói cho họ một lời cổ vũ, kích khởi lòng tin, đó là dùng lời nói để đem lại sức mạnh cho họ.

3. Với người đang nghi hoặc hãy nói một lời làm cho tỉnh ngộ. Tôn Tử nói: “Tặng người lời nói đáng quý hơn tặng viên ngọc trai.” Người đang phải loanh quanh giữa ngã ba cuộc đời, người nghi hoặc trước cuộc đời, ta kịp thời nói một lời làm cho họ tỉnh ngộ, đôi khi có thể làm thay đổi cả cuộc đời của họ, thậm chí cứu sống một sinh mạng.

4. Với người không có trợ giúp, hãy nói một lời ủng hộ. Người không có sự trợ giúp thường không đủ

niềm tin vào chính mình, cần người khác khẳng định mới có thêm sức mạnh. Loại người này thường sống trong lời nói thiện hay ác của người khác, một câu nói có thể quyết định tâm tính người ấy tốt hay xấu. Đối với người không có sự trợ giúp, chúng ta nên cho họ nhiều lời ủng hộ, động viên khiến cho họ khởi phát niềm tin vào chính mình, khẳng định chính mình.

“Thuyết uyển” viết: “Quân tử nói ít mà chân thực, tiểu nhân nói nhiều mà giả dối.” Nói năng không cần nhiều mà cần thiết thực và thỏa đáng. Mạnh Tử nói: “Lời nói gần mà chỉ xa tức là lời nói hay vậy.” Nếu nói năng gần cận mà dụng ý sâu xa, đó là lời nói hay. Cho nên, nói năng cần phải cẩn thận từng lời, mới không thể làm cho người khác cảm thấy lỗ mãng, thiếu nghiêm túc, thậm chí gây ra oán hận.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

*Ôn hòa là nghệ thuật xã giao,
Nói vừa nghe là tượng trưng của văn minh,
Mỉm cười là ánh sáng của giao tiếp,
Tin tưởng là bạn hữu của thành công.
Lời khen như hoa thơm, ngào ngạt mà vui thích,
Giúp người như nắng đông, hợp thời mà ấm áp,
Niềm tin như ghe thuyền, theo gió mà vượt sóng,
Hy vọng như trăng tròn, sáng sủa mà tốt đẹp.*



Bốn loại ruộng

Có anh nông dân nghi ngờ đức Phật, cho là đức Phật cũng nên cày ruộng gieo giống để phục vụ nhu cầu ăn uống cho mình. Đức Phật trả lời: “Ta cũng đang cày ruộng gieo giống đấy chứ!”

Anh nông dân ngờ vực hỏi: “Nhưng tôi chưa từng thấy ông biết dùng cày dùng bừa, vậy xin hỏi ông làm thế nào để cày ruộng? Đức Phật đáp: “Ta lấy niềm tin là hạt giống, lấy pháp thiện làm ruộng tốt, lấy trí tuệ làm cày bừa, lấy cái tâm biết xấu hổ làm cày xe, lấy giữ giới làm ách kéo. Lấy khổ hạnh làm việc giáo hóa, tu tập, xới trừ cỏ úa của phiền não, gặt hái thành quả tốt đẹp. Như vậy cày ruộng có thể được nhiều quả ngọt, có thể vượt hơn ruộng của tam giới, diệt trừ hết mọi phiền não.”

Từ xưa đến nay, ai có ruộng đất rộng lớn thì đó là người giàu có. Trung Quốc từ sau ngày lật đổ địa chủ, những nhà giàu có nhiều đất đai của thời đại cũ đều bị phá sản, nhưng trên cơ bản, ruộng vẫn còn được duy trì trong quan hệ sản xuất đối với con người, còn ruộng được nói trong Phật giáo là “kính điền”, “ân điền” “bi điền”, cộng thêm loại ruộng mà tôi gọi là “tâm điền” nữa, tức gồm bốn loại ruộng, đó đều là ruộng có thể cầu phúc.

Thứ nhất, kính điền. Trên thế gian, các vị sư trưởng trong tôn giáo, các vị thiện nhân quân tử, đều là những đối tượng đáng được chúng ta kính trọng. Chúng ta cúng dường cho họ cũng giống như đang gieo cày nơi đám ruộng vậy, có thể thu gặt được quà tặng rất lớn. Trong Phật giáo có câu chuyện “Cây

đèn của cô gái nghèo”: Một cô bé nghèo khổ, cắt tóc của mình đem bán để lấy tiền mua một cây đèn dầu cúng Phật, có phước báo được làm hoàng hậu. Cho nên, bố thí giống như gieo hạt giống, có thể gieo một gặt trăm, giao trăm gặt vạn, gieo vạn gặt triệu, thu hoạch công đức đến trăm ngàn vạn triệu.

Thứ hai, ân đền. Cha mẹ, sư thầy đều là những đối tượng chúng ta phải báo ơn. Đối với ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ, ơn dạy bảo chỉ bày của sư thầy, chúng ta phải phát tâm chân thành cảm ơn và báo đáp, giống như đang gieo cây nơi đám ruộng, sẽ gặt hái thành quả tốt đẹp. Đáng tiếc là trong xã hội ngày nay, nhiều người không biết hiếu thuận với cha mẹ, không biết tôn kính sư thầy, vong ân bội nghĩa, giống như bỏ hoang rất nhiều đất ruộng, không chịu trồng cấy, như vậy sao có thể thu hoạch được?

Thứ ba, bi điền. Trên thế gian, người cần chúng ta từ bi chăm sóc rất nhiều, như những người cùng khổ, người tàn tật. Chúng ta đang gieo hạt giống nơi đám ruộng từ bi, giống như khai vỡ những đám đất khô cằn, tuy khắp nơi đều cát sạn sỏi đá, chỉ cần chúng ta chú tâm trồng cấy thì đất ấy sẽ giúp cây nở hoa kết trái, sẽ được thu hoạch. Điều cần chú ý của việc gieo cấy là thu hoạch, thế gian ngày nay ở đâu không có kính điền, ở đâu không có ân điền, ở đâu không có bi điền? Chỉ cần chúng ta mong muốn, thì ở đâu chúng ta cũng có thể gieo cấy để trở nên giàu có.

Thứ tư, tâm điền. Mỗi người đều có một cái tâm, tâm là công xưởng của chúng ta, sản xuất ra các loại sản phẩm; tâm cũng là ruộng đất của chúng ta, trong tâm điền, bất kể gieo hạt giống gì cũng đều có thể ra hoa kết trái. Giống như học sinh đi học, gieo hạt giống đi học vào tâm điền thì có thể sinh ra sự hiểu biết (trí tuệ). Tương tự, chúng ta gieo hạt giống nhân duyên phước đức vào tâm điền, thì có thể sinh ra cây lúa công đức. Hiện nay, một chiếc máy vi tính nhỏ nhỏ có khả năng dung nạp hàng triệu triệu câu danh ngôn, hướng hồ tâm điền vô hình vô tướng của chúng ta? Gieo cấy trong đám ruộng công đức rộng lớn vô biên kia sẽ giúp bạn thu hoạch gấp hàng trăm, ngàn vạn lần.

Cho nên, tu hành trong Phật giáo cần chú trọng đến tu tâm. Thực ra, tu tâm tức là gieo ruộng phước, bạn có gieo mới có gặt. Hiện nay có nhiều người không chịu cày cấy mà chỉ mong được thu gặt, suốt ngày họ cầu thần xin quẻ, bói toán, điều này giống như đứng trước ruộng đất mà kêu lớn: “Ruộng đất ơi, cầu xin người cho ta phước báo, để ta có thứ thu hoạch!” Nhưng bạn không gieo nhân làm sao có thể gặt quả? Muốn thu hoạch quả ngọt đầy kho, phải gieo cấy tâm điền cho thật tốt.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Có hoạt động bên ngoài, cũng có trải nghiệm bên trong (nội tâm);

Có cuộc sống tiếp nhận, cũng có nét đẹp cảm ơn;

Có cá tính riêng mình, cũng có thói quen theo người;

Có thể giới trước mặt, cũng có cảnh giới nhường bộ;

Như vậy mới có thể có cuộc sống toàn diện.



Trả lại vé

Có ông chồng đi phố muốn mua một bộ áo quần tặng vợ. Tại cửa hàng ở phố Đông, ông hỏi rõ giá tiền,

một bộ 250 đồng; nhưng vì ông ta cần mua vài thứ khác, nên nói với người bán hàng lát sau trở lại mua. Nhưng không ngờ đến phố Tây thấy mặt hàng cũng giống bộ áo quần ở phố Đông, giá chỉ 200 đồng. Nghĩ đến việc đã hứa với người bán hàng nhận mua ở phố Đông, nên ông chồng kia thà phải tiêu thêm 50 đồng chứ không chịu trả vé làm mất chữ tín.

Bạn đã có lần nào trả lại vé chưa? Trả lại vé là một việc làm bất đắc dĩ, và cũng là hành vi thiếu trách nhiệm.

Trả lại phiếu của ngân hàng chứng tỏ sự phá sản về kinh tế; trả lại vé của tình cảm, ví như ly hôn, là sự thiếu sót của tình yêu; trả lại vé của việc học, ví như bỏ học, chứng tỏ sự lạc hậu của giáo dục; trả lại phiếu của chức nghiệp, ví như từ chức, có thể tạo ra sự tổn thất cho xã hội; thậm chí như hiện nay thường xảy ra sự kiện tự sát, tức là không biết yêu quý mạng sống, tức là trả lại phiếu từ trong cuộc sống. Hội họp hên hò, tụ tập ăn uống, dùng một cái tâm ý thay đổi, đều gọi là trả lại vé cả. Trả lại vé là sự việc làm tổn thương tình cảm.

Đặt vé xe lửa, máy bay tức là đã ấn định chương trình đi lại, dùng một cái thay đổi, người khác phải phục vụ cho mình nhiều việc khác nữa, cho nên có thể thấy trả lại vé sẽ làm phiền người khác, làm phiền chính mình, đôi bên lợi không bù hại. Hoặc như việc đào ngũ trong quân đội cũng là một sự trả lại vé; thậm chí hai quốc gia cắt đứt bang giao đều xem như là hành vi trả lại vé. Từ trả lại vé trong chính trị đến trả lại vé trong tín ngưỡng, trong tình bạn, trong niềm tin đều là hành vi vô cùng bất trí.

Con người nên tạo thành một thói quen không trả lại vé. Vương Bảo Xuyên khổ sở ôm giữ hàm lò lạnh lẽo không chịu trả lại vé trong tình yêu; Chu Công giúp Thành Vương, Gia Cát Lượng phò A Đâu, đều không chịu trả lại vé trong trung thành chính trị; Gandhi của nước Ấn Độ phát động phong trào bất bạo động và bất hợp tác, dù nhiều lần bị vào tù ra khám vẫn không chịu trả lại vé; Nelson Mandela của Nam Phi tranh đấu địa vị bình đẳng với người da trắng trong nhiều năm trời mà vẫn không trả lại vé, cuối cùng được bầu làm tổng thống của nước Nam Phi bình đẳng chủng tộc. Đó là những biểu hiện không trả lại vé vì lý tưởng, vì quốc gia, vì nhân dân.

Tất cả mọi người trên thế gian đều phải tiến lên phía trước, dù gian nan cũng không xâm phạm, thoái thác, không trả lại vé. Không xâm phạm tức là không làm hại tính mệnh, tài sản, danh dự của người khác, không thoái thác tức là không trốn tránh trách nhiệm của mình, không che giấu sai trái, khuyết điểm của mình. Ý trước (không xâm phạm) là tôn trọng người khác, ý sau (không thoái thác) là tôn trọng chính mình. Trong xã hội có một thói tục không tốt, khi người khác cần chúng ta giúp đỡ, có người tìm mọi cách ngáng trở, ôm giữ thái độ kiên quyết, không muốn giải quyết khó khăn giúp người khác. Có lúc chúng ta đến cơ quan công quyền nhờ làm một số việc, có một số nhân viên công vụ không cung cấp những yêu cầu cần thiết, họ đùn đẩy lẫn nhau, tìm có để làm khó dễ đủ thứ. Đó là một loại tác phong quan liêu của thói thoái thác trách nhiệm, làm cho công việc hành chính bị ách tắc, không thuận lợi, làm trở ngại sự tiến bộ của quốc gia xã hội. Tại sao sản sinh ra hiện tượng dây dưa lười nhác, đùn đẩy trách nhiệm? Chung quy chính là do không tạo được thói quen “con người lấy phục vụ làm mục đích”, “giúp người là cái gốc của niềm vui”. Có người tuy tài giỏi hơn người, năng lực có thừa, nhưng do không có quan niệm phục vụ, cho rằng đi phục vụ người khác là hạ thấp thân phận của mình, bị người khác lợi dụng. Nhưng trên thực tế, bị người khác lợi dụng không phải là việc xấu, có thể bị người khác lợi dụng tức là biểu thị chúng ta còn có năng lực, còn có giá trị để tồn tại. Một người đến khi ngay cả giá trị cũng không có để bị người khác lợi dụng nữa thì cuộc sống sẽ mất đi ý

nghĩa. Huống hồ cuộc đời biết cho đi so với cuộc đời chỉ biết nhận thì càng phong phú, và đầy đủ hơn.

Muốn biết bạn là người như thế nào có thể thống kê số lần trả lại vé của chính mình, nếu trả lại vé nhiều lần, tức là trong cách làm người xử thế của bạn có vấn đề. Nếu trong danh lợi, trong chức vị, bạn biết rút lui thì bạn không mất đi một lần tu dưỡng, vì trong tiền tài danh vọng biết thôi lui mới là tiến tới.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nhẫn nại là khả năng bao dung rộng lớn nhất trong trời đất,

Vô ngã là động lực hòa bình vĩ đại nhất trong vũ trụ.



PHƯƠNG PHÁP CHIẾN THẮNG TRÂM CẢM

Lòng từ ý đúng, tội diệt phúc sinh;

Chính không dung tà, vạn ác tiêu trừ.

Đức Phật cũng có thể bị người khác chê bai

Năm 1963, lần đầu tiên tôi đi thăm các nước Đông Nam Á, khi đến trạm cuối cùng, một vị đồng đạo đưa ra ý kiến: “Trên đường đi, người ta biếu tặng quá nhiều đồ vật, đi tàu thủy là tiện nhất.” Tôi nói: “Còn đi máy bay thì tương đối thoải mái.” Không ngờ, sau khi về nước, người vốn đề nghị đi tàu thủy lại viết trên một tạp chí Phật giáo rằng ông Tinh Vân vì có ý làm ăn, trên đường đi mua nhiều hàng hóa nên chủ trương đi tàu thủy, v.v.... Có một người đồng hành biết việc này, an ủi tôi: “Anh không cần phải buồn, lòng người không ai giống ai, mỗi người một tính. Người ở đời, chỉ cần họ tán đồng thì cảm thấy là chân, thiện, mỹ; họ không tán đồng thì lên án là xấu xa tồi tệ. Phỉ báng, chê bai đôi lúc cũng là một thứ phân bón đấy!” Tôi nghe bạn bè nói như vậy như trút bỏ được gánh nặng. Nhiều năm sau này, mỗi lần bị chế giễu, nghĩ đến tinh thần từ nhẫn của Đức Phật, lòng tin của tôi lại trở dậy, mạnh dạn tiến thẳng về phía trước. Ngày nay, tôi cũng cần nói ra những trải nghiệm của chính tôi cho các đệ tử biết: Đức Phật cũng có thể bị chê bai. Hy vọng họ cũng có thể nhẫn nhục gánh vác.

Trong cuộc đời, tôi đã bị bao nhiêu người phỉ báng, vu cáo hãm hại, thời trai trẻ tuy cố gắng nhẫn nhục, nhưng cũng không khỏi buồn lòng. Bởi vì tôi luôn tận tâm tận lực vì đại chúng, luôn mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp, mà người khác lại muốn làm hại ý tốt ấy của tôi, nên trong lòng tôi cảm thấy không thể cân bằng.

Kể từ sau khi đến Nghi Lan vào năm 1954, tôi vì chùa Lô Âm hy sinh tất cả, kể cả tính mệnh. Tôi dâng hiến tất cả tâm trí, sức lực, và những đạo hữu sở tại cũng hết sức giúp đỡ tôi; nhưng mỗi khi có người đề nghị giao chùa cho tôi quản lý, thì luôn có một số tin đồn lắt léo do cho tôi là người ngoại tỉnh, giữ thái độ phản đối. Tôi hoàn toàn không lấy đó làm buồn, người tự giác xuất gia nên lấy việc đi đây đi đó để hoàng pháp làm mục đích chính của mình, cho nên ngoài việc xử lý công việc của nhà chùa theo lệ thường, thời gian rảnh rỗi còn lại, tôi phát nguyện đi giúp tất cả mọi người bằng tấm lòng của mình. Phỉ báng của người khác đúng là một cơ hội tốt giúp tôi tự kiểm điểm, làm cho tôi càng kiên định giữ vững phương hướng mục tiêu.

Đức Phật trong kinh “Tứ thập nhị chương” nói, phỉ báng hãm hại người khác, cũng giống như “ngựa mặt lên trời mà nhỏ nước bọt, nhỏ không làm bẩn trời, mà chỉ làm bẩn mình; ngược gió rê bụi làm bẩn người khác, bụi không làm bẩn người, mà chỉ làm bẩn mình”. Thành thực tức là không nói lời giả dối. Cho nên “quân tử thường rộng rãi thẳng thắn, tiểu nhân thường buồn khổ hẹp hòi”, tấm lòng của chúng ta chỉ cần ngay thẳng như ánh mặt trời, những lời phỉ báng xấu xa ắt chỉ như sương mù sẽ tiêu tan.

Nhớ trước những năm 30, tôi mở mang xây dựng chùa Phật Quang, khi bắt đầu xây Đại Hùng bảo điện, từng có người nói với giọng khinh thị rằng: “Đúng là thời đại mặt pháp, Phật giáo suy vi, lại đi xây điện đường to lớn thế kia!” Không lâu sau, khánh thành Phật điện, ngoại cảnh trang nghiêm đã hấp dẫn rất nhiều tín đồ đến dâng hương chiêm bái. Khi mới bắt đầu xây khách sạn Viên Sơn, cũng có người

tìm chúng tôi đòi bản vẽ để tham khảo. Về sau, tôi lắp đặt máy lạnh, trải thảm sàn nhà tại phòng khách, giảng đường, phòng họp... bị người ta phê bình; rồi một bộ phận trung gian của biệt viện có viên ba mép mặt bàn một đường biên bằng vàng để trang trí, cũng bị người khác cho là xa hoa lãng phí.

Thực ra, trong kinh Phật có tịnh độ nào không có vàng ròng trải nền, lầu đài bảy báu, gió nhẹ lay rèm, bày chim thuyết pháp? Cảnh tượng đẹp mắt thư nhàn không những là yêu cầu của chúng sinh mà còn là điều kiện phải có của kiến trúc hiện đại. Ngày nay không chỉ có nhiều chúng dân phố thị đi nghe kinh giảng pháp, mà ngay cả những thủ trưởng cơ quan chính quyền cũng thích hội họp tại nhà chùa. Cho nên, chúng ta cần đối mặt với phỉ báng, lấy đó làm thứ để thử vàng đá của lòng tin và ý đạo của chúng ta.

40 năm trước, tôi thường dẫn thanh niên nam nữ về nông thôn để tuyên truyền giáo hóa, lúc ấy, một số người thích vẽ chuyện thường nói sau lưng những điều rất khó nghe, nhưng rút cuộc con mắt của quần chúng rất tinh tường, lâu dần, đội ngũ hoàng pháp trang nghiêm trật tự của chúng tôi được quần chúng thừa nhận, một số phụ huynh còn bảo con cái họ đi theo chúng tôi học Phật pháp. Lúc đó, những con mắt nhìn tỳ kheo ni không có vẻ gì là tôn trọng, tôi cố gắng tranh cho nữ chúng có một vị trí trong giáo giới, do đó mà tôi từng bị các đồng đạo trong giáo giới nói là “đội trưởng của đại đội công tác nữ giới”, thậm chí có người dùng giọng khinh miệt nói các tỳ kheo ni là “sống bám nhờ Phật”. Cũng may là họ rất có chí vươn lên, trước mắt, chùa Phật Quang có nhiều tỳ kheo ni chuyên tâm học tập, thậm chí có người đang dạy ở đại học. Ở Đài Loan, “Phật Quang Đại tự điển” được phát hành trước tiên cũng là do một tay những tỳ kheo ni biên tập mà thành, thành tích nổi bật của họ không những được người đời ca ngợi mà còn đánh tan những lời phỉ báng ác độc sai thực tế.

Năm xưa, tại Đài Loan, người ta sợ nhất là bị chụp hai loại mũ - loại mũ vàng (vấn đề xã hội) và loại mũ đỏ (vấn đề tư tưởng). Hiện nay, Đài Loan vẫn tồn tại vấn đề của chiếc mũ, ví như chụp cho bạn cái mũ kinh tế thì nói bạn là hòa thượng kinh tế, chụp cho bạn cái mũ chính trị thì lại biến thành hòa thượng chính trị. Giới truyền thanh truyền hình cũng tranh nhau đưa tin để gây sốc trong thiên hạ. Ví như mấy năm trước, báo chí đánh giá tài sản của giới Phật giáo, dù chùa Phật Quang đã sớm rút lui vào bóng tối, nhưng các ký giả truyền thông vẫn truy đuổi đến cùng, viết một bài báo dài, nói một vùng đất trồng cây của chùa đáng giá 10 vạn đồng tiền Đài Loan, đất của chùa Phật Quang chiếm đến 50 giáp, trị giá khoảng 15 tỷ tiền Đài Loan. Tôi và hòa thượng trú trì lúc đó vẫn bình tâm nói: “Chùa Phật Quang có số tiền lớn như vậy mà tôi không hay biết tí gì cả, chỉ cần có người đưa ra 1/10 số tiền trong số 15 tỷ ấy, chúng tôi sẽ bán ngay, chùa viện phòng ốc đều là người ta cúng dường. Nhưng ai đến mua? Chúng tôi có thể bán được chăng?”

Tin đồn nhắm đến từ những người ác ý. Kinh “Thánh ý” nói: “Lòng từ ý đúng, tội diệt phúc sinh; chính không dung tà, vạn ác tiêu trừ.” Đó là phương pháp hay nhất của đức Phật để đối trị với phỉ báng. Đức Phật cũng bị người đời phỉ báng, chê bai, cho nên phỉ báng có thể là do chúng ta biểu hiện quá tốt. Chúng ta nên cảm ơn những lời phỉ báng của người khác, bởi vì mỗi lần như vậy giúp chúng ta tự phản tỉnh soi rọi lại mình, là cơ hội trừ tai giải oán, khiến chúng ta có thể từng bước nâng cao trên đường tu đạo Bồ Đề.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Phỉ báng, đả đảo không nổi một người có chí khí, trừ phi bản thân của mình không hoàn hảo, không có thực lực;

Phương pháp tốt nhất đối với những lời phỉ báng là không cần biện bạch, đối với thị phi là im lặng dửng dưng.

Làm người không phải tranh một hơi thở nhất thời, mà cái cần tranh chính là tháng năm trường cửu.



Nguyên nhân của khoái lạc

Có một thiếu niên thỉnh giáo một nhà trí thức: “Tôi phải như thế nào mới trở thành một người tự khoái lạc, mà cũng có thể đem lại khoái lạc cho người khác?”

Nhà trí thức nói: “Tôi sẽ cho anh bốn câu. Câu thứ nhất, biến mình thành người khác.” Thiếu niên nói: “Như vậy tức là nói, khi tôi cảm thấy đau khổ thì biến mình thành người khác, đau khổ sẽ giảm đi, khi tôi vui vẻ, biến mình thành người khác, thì vui vẻ sẽ trở nên trung hòa.”

Nhà trí thức gật đầu, tiếp theo nói: “Câu thứ hai, biến người khác thành chính mình.” Thiếu niên nói: “Như vậy tức là có thể thật sự đồng tình, hiểu rõ nhu cầu của người khác, khi người khác cần thiết giúp họ thỏa đáng.”

Hai mắt nhà trí thức sáng rực, tiếp tục nói: “Câu thứ ba, biến người khác thành chính mình.” Thiếu niên nói: “Như vậy tức là cần tôn trọng tính độc lập của mỗi cá nhân, trong bất cứ tình huống nào cũng không được xâm phạm người khác.”

Nhà trí thức nói: “Câu thứ tư, biến chính mình thành chính mình.” Thiếu niên nói: “Ý nghĩa hàm ẩn của câu này tôi không nhận ra. Trong bốn câu nói ấy có nhiều chỗ mâu thuẫn với nhau, tôi phải dùng cái gì mới có thể thống nhất chúng lại với nhau?”

Nhà trí thức nói: “Dùng thời gian của cuộc đời và sự trải nghiệm của chính mình.”

Con người sinh ra trên thế gian này ai cũng muốn theo đuổi hạnh phúc, vậy làm thế nào có được hạnh phúc?

Thứ nhất, hạnh phúc do gia đình hòa thuận. Trong một gia đình, mỗi thành viên nên vì sự hòa thuận của gia đình mà cống hiến, không ích kỷ, không cố chấp, không so đo tính toán. Nếu có người hàng ngày chỉ muốn giải buồn, du ngoạn, coi gia đình như tù ngục, hầm băng, thậm chí vốn là người thân máu thịt mà xem như cừu địch cùng chung sống, cuộc sống gia đình như vậy làm sao có thể hạnh phúc được?

Thứ hai, hạnh phúc do hoàn cảnh thiên nhiên. Nhà ở ven núi có thể tản bộ trên những con đường nhỏ quanh đây; nhà ở ven sông có thể rong chơi nhàn nhã trên những con đê. Nhà ở gần công viên, phố chợ, có thể đi bộ, hoặc đi mua sắm đều rất vừa lòng thỏa ý; nếu nhà ở những nơi phố xá đông đúc, ra đường đi lại khó khăn, hoặc ở những nơi xa xôi hẻo lánh, giao thông bất tiện, đương nhiên tính khí có thể xốc nổi, nóng nảy. Ngày xưa, có câu chuyện mẹ Mạnh Tử ba lần chuyển nhà, ngày nay, sở dĩ những người giàu có cần tìm chỗ tốt hợp phong thủy là vì hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến tâm tính con người. Hoàn cảnh đối với hạnh phúc của chúng ta vô cùng quan trọng.

Thứ ba, hạnh phúc do quan hệ giao tế. Mỗi người lập thân ở đời luôn luôn có những bạn hữu. Thường ngày, chúng ta tham dự các hoạt động xã giao, cùng qua lại với các thân hào nhân sĩ. Mình thường giúp

đỡ, khen ngợi người khác, tức là “kính người thì người hăng kính lại”, người khác cũng giúp đỡ, khen ngợi chúng ta, sự giao tế giữa người với người trở nên lịch sự, hòa thuận với nhau, đương nhiên mọi người đều cảm thấy hạnh phúc, vui vẻ. Trái lại, có người xử sự không khéo léo, thiếu lượng bao dung, thường chê cái này không tốt, trách cái kia không hợp, tự mình không có sự bồi dưỡng nhân tốt duyên lành, đương nhiên không thể có được tình bạn. Những người như vậy khó tránh khỏi phiền não, cuộc sống làm sao có hạnh phúc, vui vẻ cho được?

Thứ tư, hạnh phúc do tâm lòng rộng mở. Người khác có tâm lòng muốn mang lại hạnh phúc cho bạn, nhưng do lòng dạ của bạn không rộng mở, để dung nạp, ắt hạnh phúc tự nhiên sẽ xa rời. Biết bao dung, không tính toán chi ly, hẳn là người có tâm lòng rộng rãi, khoáng đạt, nhìn thấy mọi sự cao xa, không bị những được thua trước mắt che lấp; người bụng dạ ích kỷ hẹp hòi, luôn luôn so đo tính toán với người khác, hạng người này rất khó thành tựu chí lớn. Như Đỗ Phủ mơ “làm sao có nhà rộng ngàn vạn gian, để che chở cho những học sinh nghèo trong thiên hạ được tươi vui” thể hiện tâm lòng rộng mở vì dân chúng nghèo khổ của nhà thơ, nếu lấy tâm lòng khoáng đạt bao dung tất cả, thì tự nhiên có thể thấy thế giới tốt đẹp biết bao nhiêu!

Thứ năm, hạnh phúc do nội tâm tĩnh lặng. Phần lớn thời gian của cuộc đời thánh Gandhi ở trong lao ngục, nhưng lúc nào ông cũng cảm thấy an nhiên tự tại, vì nội tâm của ông luôn luôn giữ được sự tĩnh lặng và thanh đạm. Bất kể hoàn cảnh rối loạn thế nào, mỗi chúng ta cần vượt qua tâm trạng xóc nổi bồn chồn, từ trong tĩnh lặng của nội tâm sẽ tìm thấy hạnh phúc đích thực.

Thứ sáu, hạnh phúc do tự nguyện quan tâm. Người có lòng từ bi thường tự nguyện quan tâm đến người khác, như Bồ Tát Quan Thế Âm làm “người bạn không mời”, dùng ba mươi hai ứng hóa thân tìm nghe âm thanh để cứu khổ cứu nạn, cho nên được chúng sinh tôn sùng, ngưỡng vọng. Hạnh phúc và sung túc do từ người khác đem lại chỉ là thứ nhất thời, chủ động bố thí, tự nguyện quan tâm đến người khác, mang lại hạnh phúc, vui vẻ cho tâm hồn mới là thứ đích thực.

Thứ bảy, hạnh phúc do nội tâm của mình. Dù hạnh phúc hay đau khổ đều do nội tâm của chúng ta tạo ra. Nếu có thể cải thiện cách nghĩ của nội tâm nhằm đem lại lợi ích cho người khác, luôn lo nghĩ đến người khác, thì hạnh phúc tự nhiên sẽ đến mãi không ngừng. “Hỏi mương vì sao trong như thế? Bởi có đầu nguồn nước chảy ra.” Mỗi người đều mong muốn có cuộc sống hạnh phúc, nhưng có người trong lòng đầy ắp những hạt giống không tốt như cỏ cháp, gàn dở, ganh ghét, ngạo mạn... Có người một mực theo đuổi vật chất, ưa thích hưởng thụ. Thực ra, cuộc sống hạnh phúc không phải ở chỗ sơn hào hải vị mà là ở chỗ trong trẻo thanh đạm; không phải ở việc nhắm mắt theo đuổi, mà là ở việc chân thành đối đãi với nhau; không phải do người khác ban cấp, mà là do chính mình cố gắng; không phải ở tương lai xa vời, mà là có được ngay tức thì.

Vì vậy, nguồn gốc của hạnh phúc là:

1. Sự khỏe mạnh của thân tâm. Thân tâm khỏe mạnh là điều kiện quan trọng nhất của hạnh phúc, ngôn ngữ phương Tây có câu: “Khỏe mạnh sinh ra hạnh phúc, hạnh phúc sinh ra khỏe mạnh.” Thử nghĩ, tứ đại trong thân thể của bạn không điều hòa, bị bệnh nằm trên giường, hoặc tam độc trong tâm bạn hừng hực bốc lên, chướng môn mở rộng, mê lầm tạo nghiệp, như vậy có thể hạnh phúc được chăng? Có người nói vui cười có thể bỏ não, tốt hơn cả ăn cơm uống thuốc; mỗi ngày miệng luôn vui cười, thân thể tự nhiên khỏe mạnh điều hòa.

2. Lòng nghĩ đến nhân từ. Người có lòng nhân từ thì người khác ưa thích gần gũi, hành vi nhân từ của người ấy có thể khiến cho người khác ghi tâm khắc cốt. Lòng nhân từ của các vị cao tăng đại đức thời xưa, như Trí Nghiêm đích thân chống ôn dịch, Cao Am khám bệnh tận tình, hoặc như Trí Thuận cắt tai cứu trẻ, Tăng Quân cứu con vịt chết khát, tinh thần thương xót chúng sinh bị bệnh tật của họ không chỉ được người đương thời tôn sùng kính trọng, mà cũng được người đời sau lấy làm mẫu mực của lòng thương người yêu vật.

3. Thái độ thành kính. Sách “Lễ ký, Đại học” viết: “Người trên phải hiếu thuận với cha mẹ thì dân chúng mới hưng khởi đạo hiếu, người trên phải tôn kính bậc trưởng thượng thì dân chúng mới hưng khởi lòng lễ (kính nhường), người trên phải thương xót người cô quả thì dân chúng mới không làm phản, cho nên người quân tử phải giữ đạo đúng theo quy củ.” Thành thật kính trọng người khác thì làng xóm mới hòa thuận, nhà hưng nước thịnh. Đối với việc theo đuổi chân lý trong tôn giáo tín ngưỡng, cũng cần phải một lòng thành kính mới có thể hiểu rõ Phật tính chân như.

4. Tín ngưỡng thuần khiết. Trẻ nhỏ phải dựa vào cha mẹ thì sinh mạng mới an toàn; người già cần dựa vào cái gậy đi lại mới yên ổn; trong đêm tối cần có ánh đèn, người đi đường mới nhìn rõ phương hướng. Sự nương tựa của chúng ta vào tín ngưỡng cũng giống như vậy, tức là tín ngưỡng thuần khiết có thể dẫn đường cho cuộc đời của chúng ta. Cuộc sống có tín ngưỡng thì có dũng khí để đối mặt với khó khăn và áp lực; gia đình cùng một tín ngưỡng, tinh thần, lý tưởng, tự nhiên sẽ hài hòa, thuận thảo. Khổng Tử từng nói: “Người nhân không lo”, đối với cuộc sống, nếu có thể, những thứ như giàu nghèo được thua, thành bại có không mà không lo, không chống thì cuộc đời còn gì đáng buồn rầu, mà không hạnh phúc, vui vẻ kia chứ? Đương nhiên, hạnh phúc cần phải trải qua cố gắng làm việc mới có thể có được, không có tinh thần và thực tế hy sinh, cống hiến thì không thể thấy được hạnh phúc đích thực.

Sau cùng, xin cung cấp mọi người mấy phương pháp tu dưỡng:

Thứ nhất, rèn luyện không ngừng. Mỗi cá nhân luôn mong mọi tiến bộ không ngừng, tự rèn luyện không ngừng, đó cũng là một thứ hạnh phúc, vui vẻ. “Lễ ký” nói: “Học tập rồi mới biết là không đủ, rèn luyện rồi mới biết là khó khăn.” Xã hội hiện nay đề xướng học tập suốt đời, học tập là công việc của cả đời người, là vấn đề quan trọng của cuộc sống. Thường ngày, chúng ta có thể rèn luyện, học tập từ trong cuộc sống, trong nhân cách, trong kiến thức, khoa học kỹ thuật... để nâng cao chính mình và gọi mở tư tưởng.

Thứ hai, thực hiện nguyện vọng. Có lý tưởng nhưng cũng cần phải thực hiện, hai thứ đó tương phụ tương thành, như vậy mới có thể thu được thành quả to lớn. Chỉ cần có tâm nguyện thì thế giới này không xa không gần; chỉ cần có phát tâm, nhân gian này không sương không khổ. Nếu mỗi người không ngừng phát nguyện, phát tâm rồi đi đến thực hiện nguyện vọng của mình thì đó là điều hạnh phúc.

Thứ ba, hài hòa cùng chung làm việc. Sống chung, làm việc chung với người khác, không tranh chấp mà tôn trọng lẫn nhau, bao dung lẫn nhau, đó là điều tốt đẹp nhất và hạnh phúc nhất. Mỗi phần tử trong đoàn thể đều rất quan trọng, không nên tự ti mặc cảm, đánh giá thấp mình, cũng không nên xem nhẹ người khác. Chung sống với người, nếu giữ được “triết lý của người phụ tá” như bạn đúng tôi sai, bạn lớn tôi nhỏ, thì chắc chắn sẽ hài hòa, phát huy sức mạnh và hiệu quả to lớn nhất khi làm việc chung.

Thứ tư, thấu triệt chân lý. Con người ở đời có thể hiểu rõ chân lý là điều hạnh phúc, vui vẻ. Chúng ta tôn thờ Phật giáo chủ yếu là để hưởng thụ niềm vui của chân lý. Niềm vui của thế tục chỉ là tạm thời,

sự hoan hỷ trong pháp lạc sâu rộng không cùng. Cái học của thế tục thì hữu hạn, pháp lạc của Phật thì vô biên; tri thức biến đổi, chân lý thường hằng. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật chưa thành đạo, là thái tử tôn quý của một nước, hưởng thụ vô vàn khoái lạc, được muôn dân kính vọng; nhưng ngài không lấy làm thỏa mãn trong cuộc sống ở hoàng cung, không cam tâm làm một kẻ phàm phu. Ngài đã vứt bỏ tất cả vinh hoa phú quý, tình yêu thân tộc, lên đường theo đuổi con đường của chân lý, cuối cùng, không chỉ mình ngài tỏ ngộ mà ngài đã giúp chúng sinh khai sáng cuộc sống hạnh phúc viên mãn tự ngã về mặt tinh thần.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Biết đủ thường vui là “thiên đường”, từ bi hỷ xả là “đạo tràng”,
Phục vụ giúp người là “phước điền”, vui vẻ chan hòa là “lạc viên”.



Thế nào là không tự ti

Thầy Trịnh Phong Hỷ bị bệnh tê liệt từ nhỏ, không thể đi lại được, dùng tay làm chân để lặn bò trong nhiều năm, bị nhiều bạn học vô cảm bắt nạt, chịu đựng trước cái nhìn ghê lạnh quái dị của người đời. Nhưng thầy không tự ti, không rời bỏ, dùng ý chí kiên cường để hoàn tất chương trình giáo dục cao đẳng, tổ chức cuộc sống gia đình tốt đẹp. Thầy đã viết lại cuộc đời đầy lao đao vất vả của mình thành tác phẩm “Con thuyền giữa đại dương” (Uông dương trung đích nhất điều thuyền), đem lại một nguồn cổ vũ và khích lệ lớn lao cho những người tàn tật, khiến cho nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội quan tâm đến hạnh phúc của những người tàn tật.

Người ta thường nói mình không tự tin, rất tự ti, như vậy làm thế nào mới không tự ti, không chán nản? Trước tiên, về mặt tinh thần, chúng ta cần xây dựng mấy quan điểm dưới đây:

1. Cần phải cho mình là người hạnh phúc nhất trên thế giới.

Sở dĩ chúng ta cảm thấy đau khổ là vì chúng ta không giữ bỏ được sự cố chấp, cho thất ý, phiền não là quan trọng, đối với con người hay sự việc, nếu chúng ta có thể nắm giữ hay buông bỏ một cách thoải mái, không bị câu thúc, thì còn gì là không yên thân?

Đức Phật trước khi xuất gia có một người anh tên là Bạt Đề, được đức Phật cảm hóa, ông bỏ hết những vinh hoa phú quý của thế tục, xuất gia tu hành. Có một hôm, Bạt Đề đang tu tập thiền định trong hang động ở núi sâu, bỗng nhiên ngài lớn tiếng ca ngợi: “Hạnh phúc thay! Hạnh phúc lắm thay!”

Người đồng tham thiền ngồi bên cạnh lấy làm lạ hỏi ngài: “Ông nói hạnh phúc, rốt cuộc vì sao mà hạnh phúc?”

“Trong quá khứ, tôi là một chí tôn vương tử, từ bé tôi được thương yêu chiều chuộng ở trong cung cấm, thức ăn hàng ngày là những thứ sơn hào hải vị, nhưng ngày nay đi khát thực được một bát thức ăn mới thấy được sự ngon ngọt, đồ mặc là những gấm vóc lụa là trước kia không sánh được một chiếc áo cà sa tôn quý mình mặc hôm nay. Quá khứ có cả một đội quân hộ vệ, sớm chiều đao thương bảo vệ tôi, nhưng tôi vẫn lo sợ kẻ xấu đến ám sát. Hiện nay tôi chỉ có một mình, ngồi thiền giữa chốn rừng hoang trống vắng, không có người bảo vệ, nhưng trong lòng tôi không sợ hãi, tôi cảm thấy vô cùng

hạnh phúc và khinh khoái!”

Hạnh phúc đích thực là thứ hạnh phúc có từ bên trong. Thứ hạnh phúc có từ nội tâm ấy lấy không hết, dùng không kiệt, đó mới là hạnh phúc chân chính.

2. Cần phải cho mình là người khỏe mạnh nhất.

Có người thân thể khỏe mạnh, không có bệnh tật, tay chân hoàn toàn chắc khỏe, nhưng tinh thần đầy những buồn phiền khổ não. Nếu chúng ta bình tĩnh suy nghĩ lại, thì chắc nhận ra mình thật là hạnh phúc! Chúng ta được cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng, có hai mắt để nhìn thế giới muôn màu tươi đẹp, hai chân để đi chu du khắp hành tinh, hai tay để làm những gì mình thích, vậy có gì mà cảm thấy không đủ nữa? Trên thế giới có nhiều người bất hạnh, suốt năm chỉ nằm trên giường, toàn thân bại liệt, phải dùng một sức mạnh rất lớn mới có thể nhấc đầu một chút từ bên phải qua bên trái. Có người không có cả hai tay, nhưng vẫn cố gắng tiến lên, dùng miệng ngậm bút viết thư pháp với bút lực rắn rỏi, lão luyện. Có người đôi mắt bị mù, để đọc được sách, thời gian họ bỏ ra phải gấp nhiều lần so với một người bình thường như chúng ta, nếu nhờ người tụng niệm, thì hóa ra mình lại mù chữ. Nếu so sánh chúng ta với những người ấy, thì chúng ta không có tư cách gì cho mình là phiền não, là không chịu tiến lên. Có người nói, sức khỏe là tài sản. Chúng ta thường có thứ tài sản đáng quý ấy, nhưng không biết quý tiếc, vậy hãy đem tài sản ấy làm ra nhiều tài sản khác để tinh thần nhân loại tăng thêm ánh sáng, nếu không làm như vậy sẽ thật đáng tiếc!

Nước Nhật có một vị tỷ kheo ni tên là Đại Thạch Thuận Giáo, trong một lần bị tai nạn, bà mất cả hai tay, nhưng lòng tin của bà vững chắc, sức mạnh ý chí của bà không bị lay động, bà dùng cái cổ của mình nắn nốt viết xong bộ “Tâm kinh”, người Nhật gọi đó là bộ “Tâm kinh của người không viết bằng tay”, được xem là vật báu của quốc gia. Ví dụ cảm động ấy đã gợi mở cho chúng ta: sự không hoàn chỉnh của thể xác hoàn toàn không thể hiện sự tuyệt vọng của cuộc sống, chỉ cần có nghị lực kiên nhẫn, vẫn có thể đập bằng mọi khó khăn để sống cuộc đời cao quý.

3. Cần phải cho mình là người giàu có nhất.

Chúng ta có rất nhiều của quý, nhưng không biết quý trọng, trái lại có lòng tham vô bờ, hâm mộ ruộng tốt, vợ đẹp của người khác. Nhà ở của chúng ta tuy không có máy điều hòa không khí, nhưng có mặt trời sẵn sàng sưởi ấm chúng ta, có gió lành thổi mát chúng ta, trăng sáng trên trời, hoa tươi dưới đất, chúng ta tha hồ thưởng thức, vách đá nơi núi cao, suối khe nơi thanh vắng, chúng ta mặc sức ngao du, tất cả núi sông, đất cát đều thuộc quyền sở hữu của chúng ta, chúng ta có cả vũ trụ bao la, một đám mây, một hạt cát cũng đều chất chứa niềm hoan lạc cho cuộc sống của chúng ta, vậy trên thế gian còn có gì giàu có hơn được ôm trọn vẻ đẹp của vũ trụ trong vòng tay?

Có người thấy người khác có tiền triệu tiền tỷ trong tay thì rất hâm mộ và ước ao. Thực ra, đối với vật chất, nếu chúng ta tham lam quá độ thì sự ràng buộc của tinh thần càng to lớn. Một người quyết tâm cống hiến cho chân lý, thì trước tiên cần bồi dưỡng tinh thần không ham muốn, không bị những dục vọng bên ngoài mê hoặc.

Thời Xuân Thu, ẩn sĩ người nước Tề là Kiềm Lô, nghèo đến độ lúc chết không có đủ vải để che thân, nhưng lúc sống với cốt cách cao thượng, khí tiết kiên trinh, cương quyết không chịu ra làm quan. Đời Đường, thiền sư Đại Mai Pháp Thường, lấy lá sen làm áo, lấy hoa thông làm cơm, an lạc tự tại. Gần đây, có đại sư Hoàng Nhất, thoát hết trần tục, đi theo Phật giáo, nguyện suốt đời lấy việc hoằng dương

giới luật làm nghiệp dĩ, ông có một chiếc khăn len dùng hàng chục năm, rách bươm không còn dùng được, nhưng vẫn quý tiếc như lúc còn mới. Sở dĩ những vị thánh hiền cao tăng ngày xưa có hoài bão thanh cao đạm bạc, an nhàn tự tại như thế, vì họ có thể làm chủ kho tàng quý báu của nội tâm, đồng thời biết phát huy nó một cách đầy đủ.

Mỗi chúng ta đều có một kho tàng quý giá vô tận mà ngàn vàng khó đổi, đó là thứ mà trộm cướp không chiếm đoạt được, quan tham không thu giữ được, nếu khai thác toàn bộ nguồn năng lượng quý báu ấy thì chúng ta sẽ là người giàu có nhất vũ trụ.

4. Cần phải cho mình là người số một của thế giới.

Gọi mình là người số một của thế giới, tức là mình phải xây dựng một nhân sinh quan biết tri túc, biết cảm ơn và quý trọng đồ vật của mình (dù không tốt đẹp, không đáng giá...).

Có lẽ có người sẽ hoài nghi hỏi rằng: tôi đã không có tiền bạc, cũng không có địa vị, mọi thứ chẳng giống ai, tại sao gọi mình là người số một của thế giới? Thực ra, chỉ cần suy nghĩ một chút chúng ta sẽ phát hiện mình có quá nhiều danh hiệu đứng đầu thế giới. Là con cái, cần chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ là người nhân từ nhất thiên hạ, là người yêu thương chúng ta nhất trên đời; là cha mẹ, cần dạy bảo con cái mình thành người ngoan ngoãn, đáng yêu, cha mẹ yêu thương con cái, con cái kính yêu cha mẹ, cha từ con hiếu, gia đình tự nhiên hạnh phúc. Là người chồng, cần tạo điều kiện để vợ mình luôn xinh đẹp, hiền thực nhất thế giới, đối với gia đình gánh vác trách nhiệm, cần làm cho người vợ sống đời hạnh phúc; là người vợ, cần để cho chồng mình là người đàn ông cần mẫn nhất, có trách nhiệm nhất thế giới. Vợ chồng với nhau có thể tôn trọng, thông cảm lẫn nhau, tự nhiên hưởng được cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vui vẻ. Là cấp trên, cần hỗ trợ để cấp dưới của mình là những người tài giỏi, ưu tú nhất thế giới, hết sức dành cho họ sự thông cảm, yêu quý họ, tự nhiên bạn sẽ được thuộc cấp tôn trọng kính mến; là cấp dưới, cần giúp cho cấp trên của mình là những người lãnh đạo sáng suốt nhất thế giới, thành tâm chấp nhận sự chỉ dẫn của họ. Trên khiêm tôn dưới cung kính, tự nhiên công việc tiến hành tốt đẹp.

Mọi người đều ôm giữ trong lòng tâm lý “tôi là người số một của thế giới”, lấy con mắt bao dung để nhìn thế giới, thì sẽ phát hiện thế giới này xinh đẹp biết nhường nào! Có thể lấy tâm thái “tôi là người hạnh phúc nhất thế giới” để nhìn thế nhân, thì dù bị bức hại tàn độc, vẫn có thể bình thản đứng vững, bởi vì đó là trách nhiệm nặng nề được trao để người ấy có cơ hội rèn luyện. Do đó, nếu chúng ta có thể bồi dưỡng nhân sinh quan “tôi là người hạnh phúc nhất thế giới, khỏe mạnh nhất thế giới, giàu có nhất thế giới”, không tự ti, không chán nản, thì hạnh phúc sẽ không còn xa nữa.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Trên thế gian không có người tâm thường, chỉ cần phát đại tâm thì trở thành người vĩ đại;

Trên thế gian không có vấn đề lớn, chỉ cần có cái tâm trống rỗng, thì không có cái gì gọi là lớn cả.



Làm thế nào để dứt bỏ phiền não

Có cô bé nằm bên bậu cửa sổ nhìn một người đang chôn con chó nhỏ yêu mến của cô, tuôn trào nước mắt. Ông lão thấy tình cảnh ấy, dẫn cô bé đến một cửa sổ khác để cô bé thưởng thức vườn hoa hồng.

Quả nhiên tâm tình cô bé liền trở nên thư thích. Ông lão nâng cằm cô bé lên, rồi nói: “Con à, con đã mở không đúng cửa sổ.”

Thơ cổ viết: “Trời cao đất dài có lúc hết, hận này không lúc dừng.” Phiền não cũng như vậy, từ nhỏ đến lớn, phiền não của con người có thể nói là vô hồi vô lượng, không bao giờ chấm dứt. Rốt cuộc, phiền não từ đâu đến? Có thể nói tất cả đều từ “vô minh”. Vô minh là vì trí tuệ không có, nên không thể hiểu rõ chân lý, không thể giải quyết vấn đề; vô minh là vì tâm niệm không đúng, nên không thể thỏa mãn, thậm chí tự mình tìm đến phiền não, bởi vì “thiên hạ vốn vô sự, do mình tự khuấy lên.”

Rốt cuộc, làm thế nào dứt bỏ phiền não?

1. Cần có khả năng tự phản tỉnh. Có khả năng tự phản tỉnh, tức là sẽ giảm bớt phiền não, từ trong phản tỉnh, chúng ta không ngừng làm trong sạch tâm hồn, không ngừng chuyển hóa. Lưu Bị biết tự phản tỉnh chứ không như Tào Tháo mưu trí cao sâu, nên ông đã dùng lễ mời mưu sĩ Từ Thứ, Gia Cát Lượng, để sau này thực hiện thành công sách lược chia ba thiên hạ; cư sĩ Viên Liễu Phàm cố gắng vượt bậc để tự phản tỉnh, đã làm thay đổi số phận của mình. Có khả năng phản tỉnh là có thể dứt bỏ phiền não, cải thiện chính mình, thành tựu sự nghiệp.

2. Cần có khả năng tự học tập nghiên cứu. Người xưa nói: “Vàng ròng cũng phải vào lò luyện, ngọc quý cũng cần tay khéo mài.” Chịu đựng được rèn luyện, thử thách thì phiền não sẽ không làm gì được chúng ta. Rèn luyện chính mình có thể bắt đầu từ việc nghiên cứu học tập. Xuất thân từ dân nghèo như Chu Nguyên Chương, đi đánh giặc cũng không quên học tập nho sĩ quanh mình, luôn được giảng dạy, ông đã trở thành một ông vua mở nước. Cuối đời Thanh, “Trung hưng danh thần” Tăng Quốc Phiên, tay không rời sách, tự học tập, nghiên cứu, nên thành tựu công danh sự nghiệp. Ngày nay đề xướng cuộc vận động mọi nơi học tập, chúng ta càng cần học tập suốt đời, phá trừ phiền não mới có thể tiến bước trên đường đời của mình.

3. Cần có khả năng tự nhẫn nại. Làm thế nào để không có phiền não? Tự mình nhẫn nại. “Nhịn một lời, gió êm sóng lặng, nhường một bước, biển rộng trời trong”. Trong thiên hạ có rất nhiều phiền não, bạn chỉ cần chịu nhịn: Nhịn đói nhịn khát, nhịn lạnh nhịn nóng, nhịn phải nhịn trái, nhịn một lời nói, được như vậy thì bạn sẽ có khả năng nhận biết, giải quyết, tiêu diệt phiền não. Chu Du vì không biết nhịn Gia Cát Lượng, nên cuối cùng phải tức mà chết; Anderson xuất thân từ dân nghèo, nhưng biết chịu đựng sự chèn ép và bắt nạt của người khác, duy trì sự lạc quan và nghị lực của mình mà trở thành một nhà văn nổi tiếng. Chữ “nhẫn” có một sức mạnh vô cùng to lớn, có khả năng phá trừ phiền não.

4. Cần có khả năng tự phê bình. Làm thế nào phá bỏ phiền não? Phê bình chính mình. Người giàu nhất thế giới là Bill Gates nói: “Người tự giác là người biết tự phê bình một cách khách quan.” Giám đốc Công ty Giáp cốt văn, CEO Lary Erisson nói: “Con người cần phải khai phóng, người giàu phải có tinh thần tự phê bình, hoàn toàn thành thật.” Con người cần phải biết tự phê bình một cách tích cực mới có thể nhận rõ phiền não, biết hóa giải phiền não mới có thể tiến bộ. Nếu chúng ta chỉ biết chê trách, phê bình người khác, thì đó là việc vô ích, chỉ rước thêm phiền não mà thôi.

Bậc thánh nhân ngày xưa nghe người khác chỉ ra lỗi của mình thì vui vẻ, cố trừ ác theo thiện. Người thông minh cần quản lý mình thật tốt, tự phản tỉnh từ bên trong để phát huy trí tuệ, hoàn thiện chính mình thì sẽ không còn phiền não.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Ở chỗ có thù ghét thì gieo hạt giống từ bi,
Ở chỗ có đau khổ thì gieo hạt giống thông cảm,
Ở chỗ có nghi hoặc thì gieo hạt giống tin tưởng,
Ở chỗ có chán nản thì gieo hạt giống hy vọng,
Ở chỗ có khổ cực thì gieo hạt giống an vui.



Xa rời thị phi phiền não

Có một lần tôi đến Nhật Bản xem Đông Chiếu Thần cung, thấy trên đòn dông có chạm khắc ba con khỉ: Một con che mắt, một con bịt tai, một con bưng miệng. Tôi bỗng hiểu ra rằng ba con khỉ này tượng trưng cho một triết lý nào đó. Vậy đó là triết lý gì?

Cảm quan của con người gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, hàng ngày không ngừng theo bám ngoại vật, phân biệt thế giới hư ảo bên ngoài, do đó sinh ra nhiều phiền não. Nếu chúng ta có thể trở về với tự tâm và không để cho cái tâm ấy biến động theo cảnh, thì cái không đáng nhìn không nhìn, điều không đáng nghe không nghe, việc không đáng nói không nói. Điều này cũng giống như Khổng Tử nói: “Không đúng lẽ không nhìn, không đúng lẽ không nghe, không đúng lẽ không nói, không đúng lẽ không sờ”, tức là có thể khiến cho tâm của chúng ta không bị tham sân si làm ô nhiễm. Như vậy, hành vi sẽ không dẫn đến sai lầm, phiền não cũng sẽ tự nhiên giảm bớt.

Đức Phật từng nói con người có hai mươi cái khó, cái khó thứ nhất là “không nói đúng sai, khó”. Thánh nhân lấy “giữ kín miệng, ít nói, không lan truyền” làm phương châm cho trí tuệ, tức muốn nói cho chúng ta biết rằng không nghe, không lan truyền, không nói, không để ý đến đúng sai, thì tự nhiên có thể xa rời sự ràng buộc của thị phi phiền não.

Làm thế nào để xa rời thị phi phiền não?

1. Tai họa do ở chỗ có lo phòng trước hay không. Chúng ta thường nói: “Người không lo xa, ắt có buồn gần”. Trong bài “Kinh Khê” của nhà thơ Đỗ Tuân Hạc thời Văn Đường có viết: “Kinh Khê thạch hiểm nhân cánh thận, chung tuế bất văn khuynh phúc nhân; khước thị bình sa vô hiểm xứ, thời thời văn thuyết hữu trầm luân.” (Đá hiểm sông Kinh người thận trọng, suốt năm chẳng thấy có người chìm; nhưng tại dòng bằng không nguy hiểm, luôn luôn nghe nói bị chết chìm). Điều này chính là để nhắc nhở chúng ta biết “trữ lúa phòng đói, trữ áo phòng lạnh” (tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn), có phòng bị không lo tai họa. Người xưa, trong những năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu phần lớn đều có tích trữ lương thảo để đề phòng việc mùa màng thất bát đột nhiên xảy đến. Chúng ta cũng nên luôn luôn có ý thức để tâm lo nghĩ đến họa hoạn, cần có kế hoạch dự trù trước cho tương lai, mới có thể giảm thiệt hại tối thiểu nếu có họa hoạn xảy ra.

2. Thị phi do ở chỗ là người có trí hay không. Trong chú sớ kinh “Dược Sư” có đưa ra một ví dụ: Có hai con mãnh hổ tình cảm rất khăng khít, tên gọi là “Cẩn giỏi” và “Bất giỏi”, thường ngày chúng cùng làm bạn đi bắt động vật để ăn thịt. Có một con cáo xảo trá chuyên đến gần để kiếm thức ăn thừa của hai con hổ. Con cáo lo sợ có ngày hai con mãnh hổ có thể hợp sức lại để đối phó với mình thì nguy,

nên thường phao tin đồn nhằm có ý phân biệt đối với hai con hổ để ly gián tình cảm của chúng, nhân đó hai con hổ xem nhau như cừu địch. Về sau, con hổ có tên “Bất giỏi” bình tĩnh phân tích trước sau một cách chí lý, vạch trần sự kích bác của con cáo mới có thể hóa giải sự hiểu lầm giữa chúng. Do đó, khi nghe lời thị phi chúng ta cần dùng trí tuệ để phán đoán mới có thể thoát khỏi họa hoạn của thị phi.

3. Thất bại do ở chỗ có mưu kế hay không. Thành bại của một sự việc được quyết định bởi chương trình sách lược đã dự thảo trước đó của chúng ta. “Sách lược vạch ra trong trống mạc, quyết định chiến thắng ngoài ngàn dặm”, tức là nói người giỏi vạch kế hoạch sự việc ắt thành công. Trái lại, làm việc cầu thả, không vạch kế hoạch đầy đủ trước khi làm, chắc chắn sẽ thất bại. Sở dĩ Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ chính là nhờ Trương Lương có mưu kế hoàn hảo. Nếu làm việc có kế hoạch trước, thì tránh được sự thất bại và nghênh đón sự thành công.

4. Phiền não do ở chỗ có quán chiếu hay không. Khi phiền não sản sinh, “đưa ra chánh niệm” là phương pháp tốt nhất. Có thể từ trong phiền não mê mờ mà nhìn rõ sự lý, soi rõ tư duy, rồi hiểu rõ mà phản tỉnh, sám hối, thừa nhận sai lầm, tự nhiên phiền não tiêu tán. Trong “Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư ngữ lục” có nói: “Liếc nhìn là bệnh, không nhìn thêm nữa là thuốc, không sợ niệm khởi, chỉ ngại biết trễ.” Cho nên, không cần phải khiếp sợ phiền não, điều quan trọng là cần có sức quán chiếu, có sức quán chiếu thì có thể phá vỡ phiền não, xa rời phiền não.

Thị phi, phiền não, thất bại, họa hại của cuộc đời luôn luôn phát sinh trong mọi sinh hoạt của chúng ta, ta chỉ có dựa vào trí tuệ của mình để đưa ra những phán đoán thận trọng hợp lý trước mọi sự để thoát khỏi sự ràng buộc của thị phi phiền não.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Dùng chìa khóa của khoan dung để mở cánh cửa lòng chật hẹp,
Dùng kiếm sắc của trí tuệ để chặt đứt sợi dây tình của phiền não,
Dùng phương thuốc của lòng yêu thương để bồi bổ đau khổ của vết thương,
Dùng pháp thủy của hoan hỷ để tưới thấm cho cuộc sống ưu phiền.



Mỉm cười

Người trí nói: “Xin hãy học mỉm cười trước tất cả mọi sự.”

Người u uất nói: “Tôi chẳng có lý do gì để mỉm cười cả.”

Người trí nói: “Khi bạn mỉm cười lần đầu tiên với một người, bạn không cần phải có lý do.”

Người u uất nói: “Thế sau đó thì sao?”

Người trí nói: “Sau đó, lý do để mỉm cười sẽ đến tìm bạn. Nếu bạn là một hạt giống của mỉm cười thì người khác là đất để bạn gieo hạt giống ấy.”

Mỉm cười là cách thể hiện tình cảm đẹp nhất trên thế giới. Mỉm cười không cần ngôn ngữ, động tác.

Mỉm cười có thể trao đổi qua lại giữa đôi bên, xích gần khoảng cách. Mỉm cười giống như nắng ấm mùa đông, như gió mát mùa xuân; có thể tạm so sánh mỉm cười với tiếng vỗ tay.

Lợi ích của mỉm cười thì rất nhiều:

1. Mỉm cười có thể chuyển tải thiện ý. Trong lòng của một người nghĩ gì đối phương không thể biết được, nhưng khi gặp nhau, trên bộ mặt của bạn hé lộ một nụ cười chân thật thì có thể chuyển tải một thiện ý nào đó với đối phương. Đối phương nhận được sự tỏ lộ thiện ý của bạn, sẽ đáp lại bạn bằng một thái độ thân thiện hữu hảo. Mọi người đều đối đãi với nhau bằng thiện ý, thì nụ cười sẽ tạo nên người bạn mới.

2. Mỉm cười có thể giải tỏa áp lực. Con người thời hiện đại dễ gặp phải áp lực rất lớn, bởi vì ngày ngày bạn trơ mắt ra, hoặc giam hãm mình trong ngõ tối, đương nhiên cảm thấy áp lực. Cho nên thỉnh thoảng bạn nên mỉm cười, hoặc mỗi ngày nên cười lớn nhiều lần, cười có thể giải tỏa áp lực, có thể tăng niềm vui thích. Cười có thể tạo ra một thế giới mới, một cảnh giới mới, vui thế sao không làm?

3. Mỉm cười có thể giúp cởi mở tâm tình. Con người chịu áp lực của sinh kế, gánh vác trách nhiệm nặng nề của công việc gia đình, đặc biệt sự chấp trước giữa ta và người, sự trói buộc của thị phi, sự âm lạnh của nhân tình, sự thành bại của công việc, luôn có nỗi lo được lo mất. Mỗi ngày tâm tình của chúng ta đều bị buộc rất chặt, khó thoát ra được. Kỳ thực, cuộc đời của con người vốn là một con đường đầy gập ghềnh gian nan, lên xuống, bạn cần phải thích ứng, phải cố tập quen, phải luôn cười lớn, thì có sầu lo nào là không thể giải quyết được?

4. Mỉm cười có thể khích lệ người khác. Mỉm cười không chỉ khích lệ chính mình mà còn có thể khích lệ người khác. Khi một người đang phiền não, thất vọng, bạn mỉm cười với họ như trăm hoa nở rộ, đem lại một bầu không khí mùa xuân, niềm hy vọng cho họ. Mỉm cười có thể mang lại cho con người niềm vui, sức mạnh, tình bạn, mối quan hoài. Mỉm cười là bố thí tốt nhất. Nhưng bố thí cũng cần có tiền vốn, mà tiền vốn vui vẻ của mình không đủ, vậy làm thế nào có được lợi tức để bố thí người khác? Cho nên, con người cần mỉm cười để khích lệ người khác.

5. Mỉm cười có thể trao đổi qua lại với người khác. Giữa người với người thường do ý kiến bất đồng mà sinh ra xa cách. Nếu như chúng ta có thể dùng nụ cười để giao tiếp với nhau thì có thể xích gần khoảng cách, xây dựng mối quan hệ thân thiện. Do đó, không kể bạn mới hay cũ, cần mỉm cười, khen ngợi nhau nhiều hơn, như vậy chắc chắn sẽ tăng thêm không khí thân mật vui vẻ hữu nghị. Mỉm cười là chất keo rất mạnh kết dính mọi người với nhau, cũng là chất bôi trơn tốt nhất.

6. Mỉm cười có thể thể hiện sức sống. Một người với bộ mặt lạnh lùng, cứng nhắc khiến cho người khác có một ấn tượng không tốt, chính mình cũng cảm thấy cuộc đời chẳng thú vị. Nếu bạn thường nói cười cởi mở, thì người ta nhìn thấy sẽ vui vẻ. Đồng thời người khác tâm tình vui vẻ thì sẽ lan truyền đến bạn, tiếp tục mang lại nhiệt tình, sức sống cho chính bạn. Con người ở đời dựa vào sức sống để hành động, làm việc, tồn tại. Sức sống là động lực để con người tiến lên. Nguồn gốc của sức sống không phải ở sự lạc quan mà là ở nụ cười. Người thường mỉm cười chính là người lạc quan, đầy sức sống. Cho nên, nếu nói mỉm cười là lai nguyên của cuộc sống thì đúng không phải là nói quá.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Một chút mỉm cười cũng đem lại cho người khác niềm vui vô hạn;

Một lời yêu thương cũng đem lại cho người khác sự thích vô biên;

Một chút việc thiện cũng đem lại cho người khác nhân duyên vô lượng;

Một câu chuyện nhỏ cũng đem lại cho người khác sự gợi mở vô tận.



DÙNG CON MẮT THIỆN CẢM ĐỂ NHÌN THẾ GIỚI

Trong mộng rõ ràng có đủ sáu thú vui, nhưng sau khi tỉnh ngộ trông không chẳng có thế giới nào cả.

Làm công đức như thế nào

Một buổi chiều, tôi theo sườn núi phía Đông để đến viện Phật học dạy học. Từ xa, bên cầu có một người đàn bà thấp bé, lưng gù, chân nhỏ đang nỗ lực bước đi. Tôi tiến lên phía trước và nói với bà: “Mời bà đến hội quán Triều Sơn nghỉ chân.”

Bà chỉ lo bước đi chẳng đoái hoài đến ai, tôi thấy bà có vẻ sốt ruột muốn xuống núi bằng các bậc đá của hai công trước, tôi chỉ còn cách tiến lên trước hoa tay hoa chân nói với bà: “Bà ơi, đường đó có đến hơn 100 bậc đá, khó đi lắm, đôi với bà không tiện đâu. Đằng kia có một con dốc tương đối dễ đi, tôi sẽ dẫn bà đi, được không?” Tôi dẫn bà đi một đoạn đường, thấy ổn, tôi mới yên tâm trở lui.

Nhiều năm sau, tôi đến Malaysia hoằng pháp, bà gọi điện thoại yêu cầu gặp tôi, bà đưa cho tôi một túi da bò, và nói với tôi: “Cái này giao cho thầy lo về chuyện giáo dục.” Tôi mở túi ra thì thấy quả có 800.000 đồng bà yêu cầu tôi dùng cho quỹ giáo dục.

Về sau, mỗi lần tôi đến Malaysia, bà đều xuất ra cho tôi hai ba triệu đồng. Nghe nói các nhân sĩ giới Phật giáo khác bố thí cho bà, bà chẳng bỏ ra một đồng nào cả. Có người hỏi bà vì sao lại đối xử đặc biệt với tôi như vậy, bà nói: “Một người già cả cùng khổ như tôi khi đến chùa Phật Quang, ông ấy không hề chê bỏ tôi, ông là một vị pháp sư có tình cảm ấm áp của tình người. Do đó, tôi phải quyên góp tất cả cho ông ấy, đó đều do tôi tự nguyện.”

Bà ấy chính là Lê Cô.

Làm công đức, làm việc thiện đều cần biết nắm cơ hội. Trong xã hội, có một số người rất lơ đãng trong vấn đề “kịp thời làm việc thiện”, đây là chuyện vô cùng nghiêm túc. Có người muốn làm việc thiện, nhưng cứ rề rà, đợi đến khi phát tâm thực sự thì đã không còn tiền nữa. Đặc biệt là những người làm quan chức cần biết kịp thời làm việc thiện, đó gọi là “công sở biết tu hành”, nếu không, đến khi chức vị không còn, thì còn quyền thế đâu để làm việc tốt nữa? Rất nhiều nhà buôn giàu có, không cần đợi người khác cầu xin trợ giúp mới đem bố thí, thấy mình có dư thừa thì nên kịp thời làm việc thiện. Tiền của như dòng nước chảy không dễ gì níu lại, thế thì tại sao không kịp thời làm việc thiện?

Vương Vĩnh Khánh cùng nhà công nghiệp thạch hóa tiên phong của Đài Loan từng nói: “Chúng tôi biết làm ra tiền, nhưng chúng tôi không biết làm việc thiện, chúng tôi cần những người đang hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo giúp chúng tôi làm công đức.” Như vậy, có thể thấy trong xã hội có rất nhiều người vui vẻ làm việc thiện, ưa thích bố thí, chỉ có điều họ không biết gõ ở cửa nào mà thôi. Thực ra, phạm vi của công đức rất rộng, và cũng không giới hạn ở tiền của, cho nên mọi người đều có thể làm công đức.

Vậy chúng ta có thể làm công đức như thế nào?

Thứ nhất, dùng vật chất, tiền của để làm công đức. Trong quá khứ, Phật giáo có thiết đặt phùng xay lúa gạo, tiệm cầm đồ, mở tiệm trà miễn phí, hay tu bổ cầu đường, nhằm tạo tiện ích cho chúng sinh. Gần đây, tín đồ Phật giáo dùng vật chất, tiền của để làm công đức, ủng hộ các đạo tràng phát huy công đức hoằng pháp, làm lợi cho chúng sinh, như tổ chức hoạt động văn hóa giáo dục, công tác cứu tế từ thiện... Ngoài ra, nhiều người ngày nay bận rộn công việc, không thể tham gia các hoạt động công ích thường xuyên, nên đã trích ra một số tiền dự trữ hàng ngày của mình để làm tiền bố thí, hoặc dùng vật chất tiền bạc giúp đỡ người có khó khăn trong cuộc sống. Bố thí dù ít dù nhiều không quan trọng, không kể việc lớn hay việc nhỏ, như “cô gái nghèo cúng dường cây đèn” chẳng hạn, một chút tiền bố thí sẽ được phúc vô lượng.

Thứ hai, dùng phục vụ, hiến công để làm công đức. Có câu gọi là “có tiền giúp tiền, có sức giúp sức”, trong xã hội ngày nay có một phong khí tốt đẹp, đáng quý: Nhiều người đến các cơ quan đoàn thể, bệnh viện, chùa chiền để làm công tác từ thiện, hoặc đến các trường học đảm nhiệm vai trò bà mẹ từ tâm, đến bãi cát, vườn rừng, công viên, đường phố, ngõ hẻm để quét tước, dọn vệ sinh... Đó đều là dùng phục vụ, hiến công để làm công đức.

Thứ ba, dùng lời khen ngợi để làm công đức. Có tiền mà dùng không đúng chỗ sẽ sinh ra tội; có sức, anh giúp sức, tôi giúp sức cũng không có nhiều việc để làm; do đó, công đức so với giúp tiền, giúp sức cao hơn một bậc đó là lời khen ngợi. Nói lời tốt đẹp không sợ nhiều, người một nhà nói lời hay đẹp thì gia đình hòa thuận, vui vẻ, dân chúng nói lời hay đẹp thì quốc gia yên ổn, mọi người toàn thế giới nói lời hay đẹp thì thế giới hòa bình, hữu hảo.

Thứ tư, dùng tình thật chúc phúc để làm công đức. Có lẽ bạn nói tôi không có tiền không thể làm, nói được gì, điều đó không liên quan. Khi người khác làm việc tốt, trong lòng tôi vui vẻ, đó là công đức lớn nhất. Trong tất cả các thứ công đức, dùng tấm chân tình của mình chúc phúc cho người khác là lớn lao nhất, bởi vì công đức bố thí bằng vật chất là thứ có hình, có tướng, có lượng, có giới hạn, còn chúc phúc bằng tâm tình là thứ không hình, không tướng, không lượng, không giới hạn. Ví dụ như chúc “Trong sự che chở của Tam Bảo, cầu mong bạn yên vui khỏe mạnh”, hoặc “Chân thành cầu chúc bạn phước huệ cùng tăng”... Người khác làm công đức chúng ta có lòng hoan hỷ ngợi khen, đó cũng có công đức ngang với người bố thí vậy.

Nhưng vui vẻ làm việc thiện, việc tốt cũng cần có nguyên tắc, không thể tùy tiện bố thí, nếu không, có thể sinh ra phản tác dụng, hoặc gây thêm phiền nhiễu cho người khác, hoặc gây phản cảm nơi người khác. Trong kinh “Tăng A Hàm” có nói, không thể đối với một người không có tín ngưỡng mà bố thí Phật pháp, bởi vì có thể gây ra cái tâm sân hận nơi người đó. Như một người đau ung nhọt còn chưa thuyên giảm, lại có người lấy dao đến chọc vào cái nhọt đó, khiến người ấy càng đau thêm.

Cho nên, bố thí cũng có thứ bậc của nó:

1. Bố thí chân lý là bố thí bậc cao. Phật giáo cho rằng bố thí bậc cao là bố thí pháp khiến cho tâm linh được soi sáng, gợi mở, đó là điều rất nhiều người còn thiếu sót. Một người dù có nhiều tiền của, địa vị cao sang, mà không rõ sự lý, không an nhiên tự tại, thì cũng nghèo nàn. Chân lý là điều ai cũng cần phải có, nếu bố thí chân lý, kiến thức khoa học kỹ thuật cho người khác, thì không những có thể cải thiện cuộc sống của con người, mà còn mở mang trí tuệ cho con người, như vậy người được lợi càng nhiều hơn. Đó là bố thí bậc cao.

2. Nhiệt tình công ích, vui vẻ giúp người là bổ thí bậc vừa. Khi nhìn thấy trong xã hội có nhiều chuyện bất công, chúng ta nên dũng cảm nêu cao chính nghĩa. Nhìn thấy các tập thể chuyên làm từ thiện, các đoàn thể yếu thế tồn tại khó khăn, chúng ta nên dành cho họ sự ủng hộ và giúp đỡ, tức là làm cho nó phát triển để phát huy tinh thần nhiệt tình công ích, vui vẻ giúp người. Đó là bổ thí bậc vừa.

3. Giúp nghèo cứu khổ là bổ thí bậc thấp. Có câu rằng “giúp ngặt không thể giúp nghèo.” Đối với việc cứu trợ hoạn nạn cấp thiết nhất thời, ví như tuyết lạnh cho than, khiến cho người được cứu nạn giữ sự sống, thì đó là nhân duyên từ thiện không có gì to lớn bằng. Nhưng đối với sự nghèo khổ thường trực, đôi lúc không thể cứu giúp được, vì công tác từ thiện theo kiểu đối phó ấy hoàn toàn không phải là cứu cánh của việc bổ thí.

4. Bổ thí không tự nguyện là bổ thí bậc kém. Có người bỏ tiền ra ủng hộ việc công ích, nhưng sau khi bổ thí trong lòng cảm thấy buồn khổ và hối tiếc, hoặc do người khác ép buộc quyên góp, tâm không tự nguyện, đau khổ giống như bị rút đi máu huyết xương tủy trên thân thể của mình vậy. Loại bổ thí không xuất phát từ tấm lòng vui vẻ như vậy gọi là bổ thí bậc kém.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bổ thí không mong cầu, trang nghiêm cao quý khiến người ta cảm kích không quên;

Bổ thí không hối tiếc, thân tâm sáng rõ khiến người ta khen ngợi.



Người người làm cảnh sát

Một thanh niên người Đức trú tại khu nhà tập thể, luôn luôn mở đèn sáng, một người thuê phòng khác thấy như vậy không được, đề nghị anh ta không dùng thì tắt đèn đi. Thanh niên ấy nói: “Liên quan gì đến anh?” Người thuê phòng nói: “Anh làm lãng phí năng lượng, khiến cho nhà nước rơi vào nghèo nàn, tại sao lại không liên quan đến tôi?”

Ở nước Mỹ, trẻ em uống nước có ga xong thì tiện tay vứt bừa chai không, bà lão thấy vậy cho là không được, bà ra lệnh cho đứa bé nhặt lên. Đứa bé nói: “Liên can gì đến bà?” Bà lão nói: “Tại sao không liên can đến bà, cháu vứt lung tung tạo ra rác rến, ô nhiễm môi trường, nhà cửa đất đai của khu vực chúng ta do đó mà xuống giá, điều này liên hệ đến bà lắm chứ!” Bà lão này chính là gương mẫu của người người làm cảnh sát.

Trật tự an ninh xã hội không chỉ là sự chế tài của luật pháp mà còn do trách nhiệm của cảnh sát, nên toàn dân cũng cần đồng tâm hiệp lực. Xã hội cần lấy đạo đức, lương tâm làm chuẩn tắc. Xã hội hiện nay đầy rẫy những kẻ ăn hối lộ bẻ cong pháp luật, lấy của công làm của riêng, sao có thể khiến cho dân chúng tin tưởng phục tùng? Một số doanh nghiệp công thương làm ăn tắc trách, bần bệ với nhau cũng nghi ngờ ganh ghét, phao tin đồn nhảm, hãm hại phỉ báng, ức hiếp được thì ức hiếp, dối lừa được thì dối lừa, trong tập thể thì đấu đá lẫn nhau, như vậy làm sao có thể là gương mẫu cho toàn xã hội? Nếu con người đầy ngu si tà kiến, ngang bướng cố chấp, ích kỷ tự lợi, tranh đoạt lẫn nhau, thường xảy ra chuyện hại người mà chẳng lợi cho mình, xã hội như vậy làm thế nào có thể đáng yêu, đáng sống?

Lãnh đạo cấp trên, cơ quan truyền thông đại chúng và các tổ chức giáo dục cần cùng nhau nêu cao khẩu hiệu “nước mạnh dân giàu”. Như người làm chính trị phải biết mình là công bộc, chứ không phải

quan liêu; người làm giáo dục phải biết dạy bằng hành vi hơn là lời nói; người làm y sĩ hộ lý phải biết coi bệnh nhân như người thân; người công nhân phải bỏ riêng theo chung; người buôn bán phải biết không dối gạt mọi người... Nếu toàn xã hội đều vì chung mà quên riêng, biết thành tín hòa mục, biết xấu hổ cảm ơn, cùng nhau dùng lời dịu dàng khen ngợi, đôi bên có tình có nghĩa, thì sẽ thúc đẩy sự hài hòa tốt đẹp trong xã hội, và làm tăng động lực cho quốc gia.

Nếu chúng ta mong muốn xây dựng một xã hội đạo đức, làm được nhiều việc công ích, thì ắt hẳn “người người đều làm cảnh sát”. Cảnh sát là người chấp hành nhiệm vụ, trừ bạo an dân, giữ gìn và bảo vệ trật tự công cộng, nhưng xã hội rộng lớn, nếu chỉ dựa vào cảnh sát cũng không thể bảo vệ sự an toàn cho quốc gia. Muốn duy trì và bảo vệ trật tự xã hội còn cần phải có sự đóng góp công sức của toàn thể quốc dân, ai ai cũng phải có quan niệm công bằng liêm chính, làm việc công ích, ai ai cũng cần có tinh thần mình vì mọi người.

Dân tộc tính của người Trung Quốc thường là khi lợi ích của mình bị xâm phạm, thì họ có thể làm mọi thứ như kiện tụng, đánh đấu, biểu tình thị uy, điều đó biểu thị tinh thần tự cứu lấy mình; nhưng đổi lại, lợi ích của người khác bị tổn hại, tức là có tâm lý ôm nhiều việc không bằng ít việc, tức là không chịu ra sức duy trì, theo đuổi làm việc công ích, ngọn lá rụng xuống cũng sợ vỡ đầu, đó chính là nhu nhược, là ích kỷ.

Mọi người đều cần có trách nhiệm giáo hóa, hướng dẫn phong khí xã hội, sống cuộc đời đạo đức thì xã hội mới hài hòa, gia đình mới an vui, bạn bè mới tin tưởng, quan hệ người và ta mới tương trợ. Nhiều cộng đồng dân cư ngày nay đưa ra khẩu hiệu “bảo vệ cộng đồng, giúp đỡ lẫn nhau”, xã hội của chúng ta ngày xưa cũng thường tôn trọng anh hùng hiệp nghĩa, bởi vì họ duy trì công bằng chính nghĩa. Xã hội là đại gia đình của chúng ta, chúng ta là một phần tử của đại gia đình ấy, ai ai cũng có trách nhiệm bảo vệ gia đình, sẽ giữ cho gia đình không bị rối loạn. Cho nên, người người làm cảnh sát bảo vệ công lý chính nghĩa, là ý thức cộng đồng cần phải được xây dựng của con người hiện đại.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Người người làm cảnh sát, nêu cao công lý, đề xướng chính nghĩa;

Người người làm việc công ích, bảo vệ cộng đồng, giúp đỡ lẫn nhau, dắt dìu lẫn nhau;

Người người làm thiện nhân, phục vụ công hiến, khuyên người làm việc thiện;

Người người làm công dân, phụng sự việc chung, giữ gìn pháp luật, hết lòng vì chức nghiệp.



Tôi là Phật

Thiền sư Phật Ấn và Tô Đông Pha cùng nhau tản bộ, nhìn thấy bức tượng Quan Âm, Phật Ấn liền chấp tay lễ bái. Tô Đông Pha nghi ngờ hỏi: “Quan Âm là đối tượng chúng ta cần phải lễ bái, nhưng trên tay của đức Quan Âm cũng cầm chuỗi tràng hạt, cũng chấp tay niệm Phật, vậy Quan Âm niệm ai thế?”

Thiền sư Phật Ấn nói: “Điều đó cần hỏi chính ông đây.”

Tô Đông Pha hỏi: “Làm sao tôi biết Quan Âm tay cầm tràng hạt niệm ai?”

Thiền sư Phật Ấn nói: “Câu người không bằng câu mình.”

Tôn Trung Sơn nói: “Tín ngưỡng là sức mạnh!”, con người cần phải có tín ngưỡng. Có tín ngưỡng cũng như có cây gậy dùng để đi trên đường đời gập ghềnh, giúp chúng ta vượt núi băng rừng; tín ngưỡng giống như chiếc thuyền từ bi giúp chúng ta đi từ bờ khổ ải sang bờ an lạc!

Trong tín ngưỡng, tà tín là điều xấu nhất, giống như một người mù dẫn đường cho đám người mù, không thể đạt được mục đích lại mất phương hướng. Trên tà tín là bất tín, trên bất tín là mê tín, trên mê tín là chính tín, tức là một thứ niềm tin chân chính.

Có nhiều người, tay cầm nén hương, quỳ trước tượng thần, miệng lầm rầm khẩn đảo. Tuy người ta nói họ mê tín, nhưng tinh thần của họ nhân đó mà có chỗ nương tựa, thể hiện hy vọng đối với cuộc sống.

Nhưng điều cần nhất là phải có chính tín. Chính tín cần có hai điều kiện: Một, tín ngưỡng tôn sùng Tam bảo; hai, tín ngưỡng giá trị tự thân.

Chúng ta thường than rằng thời Phật cách nay quá lâu, điều gọi là “thời thánh ra đi đã xa”, nhưng đừng quên rằng còn có sức mạnh của Tam bảo, Tam bảo luôn luôn bảo bọc che chở chúng ta! Tam bảo bao gồm Phật, Pháp, Tăng.

Phật, giống như ánh sáng, công năng của ánh sáng là ấm áp, soi sáng, che chở. Ánh sáng từ bi của đức Phật sưởi ấm chúng ta, ánh sáng trí huệ của đức Phật soi sáng chúng ta, ánh sáng phước đức của đức Phật che chở chúng ta.

Pháp, giống như nước, công dụng của nước là tưới ướt, tẩy rửa, làm tăng trưởng. Nước pháp (pháp thủy) có thể tưới ướt thấm đẫm lúa má, nước pháp có thể tẩy rửa gột sạch tất cả dơ bẩn, làm tươi tốt vạn vật cỏ cây.

Tăng, giống như gió, công dụng của gió là thổi qua, làm thông thương, làm mát mẻ. Gió đức của tăng bảo có thể thổi mát chúng sinh, làm thông thương xã hội, đem lại mát mẻ cho chúng sinh.

Phật, Pháp, Tăng, tính chất quan trọng của Tam bảo giống như ánh sáng, như nước mưa, như không khí (gió), xem ra rất đối bình thường, nhưng thiếu một trong ba thứ đó đều không được. “Ánh sáng, không khí và nước, đó là ba thứ trân quý của cuộc sống”, “Phật, Pháp, Tăng là Tam bảo xuất thế!” Tam bảo là gì? Là Tam bảo tự tính! Khi đức Phật thành đạo có nói: “Mọi người đều có Phật tính”, cho nên cầu người không bằng cầu mình. “Tôi là Phật”, rõ ràng thay, tự tại thay!

Thừa nhận “Tôi là Phật” có những điều bổ ích nào?

Thứ nhất, tôi có thể sửa sai hướng thiện. Một người có thể trực tiếp thừa nhận “Tôi là Phật”, tức là có thể dễ dàng sửa đổi sai lầm. Làm sao có thể không cố gắng hướng thiện? Thừa nhận mình là Phật, thì công đức cơ bản nhất là sửa sai hướng thiện để có được nhiều lợi ích to lớn.

Thứ hai, tôi có thể nhìn gương hiền tài mà bắt chước. Tôi đã thừa nhận “Tôi là Phật”, tức là luôn noi gương “Như Lai để làm theo”. Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, tôi có thể không từ bi được chăng? Chư Phật, Bồ Tát đại trí đại huệ, tôi có thể không có trí huệ được chăng?

Thứ ba, có lòng bao dung đại độ. Lòng khoan hồng đại lượng của đức Phật có thể bao dung trời đất, tôi có thể không khoan dung rộng lượng với người khác được chăng? Tôi đã thừa nhận “Tôi là Phật”,

tức là không thể tính toán chi ly trước sai trái của người khác; cần phải lấy “cái tâm trách người để trách mình, để xem lại mình”.

Thứ tư, tôi có thể phóng khoáng tùy duyên. Cuộc sống tùy duyên thật là tươi đẹp, cuộc sống phóng khoáng thật là khoáng đạt! Đối với sự phát tâm “không làm điều ác”, tôi cần phải tùy duyên; đối với hành vi “theo đuổi điều thiện”, tôi cần phải thực tế. Tôi làm lớn rộng tự ngã, khai phá tương lai, tôi hướng theo đạo Bồ Đề để cố gắng tiến lên, hăng hái làm việc; trong cuộc sống phóng khoáng tùy duyên, tôi có thể đảm đương việc “hoằng pháp là việc nhà, lợi tha là sự nghiệp.”

Thứ năm, tôi có thể vô tư vô ngã. “Tôi đã là Phật”, thì ích lợi riêng tư của thời quá khứ tôi đã phá trừ tất cả, ý nghĩ xằng bậy đảo điên của thời quá khứ tôi đã dứt tuyệt. Tôi lấy cái tâm “vô tư vô ngã” để làm người, xử sự, lấy thái độ “vô tư vô ngã” để phục vụ người đời; đã vô tư vô ngã, không chấp không cầu, tôi có thể tôn trọng mọi người và bao dung tất cả. Có lẽ hành động nhất thời của tôi khó có thể chu toàn, nhưng tôi có nghị lực kiên định, có sức mạnh tâm nguyện, luôn khẩn cầu “Tôi là Phật” để Phật tính ở trong tâm của tôi dần dần tỏa sáng, và ánh sáng ấy chiếu rọi khiến những ích kỷ, cố chấp đều bị tiêu trừ dưới ánh sáng của tịnh độ.

Thứ sáu, tôi có thể tự giác theo Phật. “Tôi là Phật”, tức là tôi tự biết sự dạy bảo hướng dẫn của người khác chỉ là gợi ý nhất thời, sau này, tôi chắc chắn phải tự biết. Tôi tự biết những phiền não sâu xa của nội tâm, ắt phải dũng cảm trừ bỏ; tự biết những toan tính, được thua, vọng tưởng, tôi cần cố gắng hết sức để đối phó. Tôi tự biết việc làm người của tôi không hoàn hảo, học vấn không sâu rộng, tài năng còn kém cỏi, việc làm lợi cho người khác của tôi không đầy đủ, cho nên tôi cần phải cố gắng tự bổ sung cho mình. Lòng từ bi, trí Bát nhã, lối giải thoát của đức Phật tôi luôn phải theo đuổi với hy vọng mình có thể giải thoát tự tại như đức Phật, bởi vì tôi đã thừa nhận “Tôi là Phật”.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Dùng tâm buông bỏ kết rộng vô lượng duyên lành,

Dùng tâm trong sạch xa rời sắc dục nhiễm ô,

Dùng tâm thiên định xử trí tình huống xuôi ngược,

Dùng tâm cầu nguyện tạo dựng thế giới viên mãn.



Thật và giả

Hai vị thiên sứ đi xin ở trọ, đến một gia đình giàu có, chủ nhà để cho họ ngủ qua đêm trong một hầm băng lạnh lẽo ở dưới đất. Khi lên giường nằm, thiên sứ lớn tuổi phát hiện trên tường có một cái lỗ, ông tiện tay lấp kín lại. Thiên sứ trẻ tuổi hỏi tại sao, vị thiên sứ lớn tuổi nói: “Có một số việc hoàn toàn không giống như nó được nhìn thấy.”

Qua ngày thứ hai, họ đến ngủ qua đêm tại nhà một nông dân nghèo khổ, chủ nhân đối đãi với họ rất nhiệt tình. Sáng hôm sau, hai vợ chồng người nông dân đang ngồi khóc, thì ra nguồn sống duy nhất của họ là con bò sữa bị chết đêm qua. Vị thiên sứ trẻ tuổi rất tức giận, chất vấn vị thiên sứ lớn tuổi tại sao không ngăn cái chết của con bò sữa lại.

Vị thiên sứ lớn tuổi nói: “Khi ở dưới hầm đất ngủ qua đêm, theo lỗ tường hờ, tôi thấy cả một đồng tiền ở nơi đó, bởi vì lão chủ nhà bị tham dục mê mờ, không muốn cho người khác chia sẻ hưởng dụng số tài sản của mình, nên tôi lấp bít chỗ tường hờ ấy lại. Đêm qua, thần chết đến gọi người vợ của anh nông dân, tôi đành để con bò thế mạng bà ấy. Cho nên có một số việc không giống như nó được nhìn thấy.”

Mọi việc trên thế gian như thật như giả, như giả như thật, thật thật giả giả, vàng thau lẫn lộn, khiến cho con người không biết đi theo đường nào.

Thứ nhất, lời đồn thị phi thật thật giả giả. Có người nói “lời đồn nhằm do ở người có hiểu biết”, đơn giản là xã hội ngày nay lời đồn nhằm đầy rẫy khắp nơi, vậy người có hiểu biết của chúng ta ở đâu? Hiện tại, dân chúng nói chung đều dựa vào các trung tâm truyền thông tin tức làm nguồn hiểu biết cho mình, thực ra truyền thông tin tức, đài truyền hình, tập san báo chí, phần lớn đều có thể khác xa với sự thực.

Thứ hai, tình cảnh trong mộng thật thật giả giả. Cuộc đời như giấc mộng, nhưng cuộc đời trong mộng lại có thể là mộng. Những gì suy nghĩ ngày thường, chuyện cũ ngày xưa, suy nghĩ xằng bậy điên đảo đều có thể thành mộng. “Trong mộng rõ ràng có đủ sáu thú vui, nhưng sau khi tỉnh ngộ trống không chẳng có thể giới nào cả”, trong cuộc đại mộng ai là người biết trước? Người ở trong mộng thật không dễ gì tỉnh ngộ. Trong giấc mộng, ta người thị phi, phong cảnh sông núi, vinh hoa phú quý, được mất cùng thông, đều giả bộ như thật; một khi tỉnh mộng, cái nào là thật, cái nào là giả thật khó để người đời luận đoán. Có người cho mộng là thật, có người cho mộng là giả, cảnh trong mộng thật thật giả giả, có thể nào tin được chẳng?

Thứ ba, tình người âm lạnh thật thật giả giả. Con người thường cảm thán thói đời lãnh đạm, tình người âm lạnh. Nụ cười trên mặt, lời khen trên môi chưa hẳn đã thật tâm; một thái độ nghiêm túc, những lời nói khó nghe chưa hẳn đã dối lòng. Đàn ông có thể hóa trang thành đàn bà, đàn bà có thể hóa trang thành đàn ông, là nam hay là nữ, là nữ hay là nam, há nào biết được tình người âm lạnh, thật giả khó lường?

Thứ tư, cuộc đời vui buồn thật thật giả giả. Trong cuộc đời, có người hạnh phúc vui vẻ, có người đau khổ buồn rầu, cho nên nói cuộc đời chua ngọt đắng cay đều có. Nhưng có người khi nghèo khổ lao đao vẫn giữ tâm tình lạc quan khoáng đạt, có người khi phú quý vinh hoa vẫn chất chồng phiền não, quả khiến cho người ta mê loạn không biết đâu mà lần; vậy rốt cuộc, trên đời này giàu sang tốt hay nghèo hèn tốt? Thực ra vui buồn đều tương đối, buồn rầu chưa hẳn là buồn rầu thực sự, vui vẻ chưa hẳn là vui vẻ thực sự. Nếu có thể biến buồn rầu thành sức mạnh, thì trong vui vẻ cũng không được quá đắc ý huênh hoang, thật thật giả giả, vậy chúng ta phải làm thế nào đây?

Thứ năm, suy nghĩ xằng bậy điên đảo thật thật giả giả. “Bát Nhã tâm kinh” dạy chúng ta “xa rời mộng tưởng điên đảo”, tức là nói đừng để thị phi điên đảo làm mê hoặc, không được lấy thật làm giả, lấy giả làm thật. Khi đức Phật thành đạo, ngài ở trong thế giới giác ngộ quan sát chúng sinh trên thế gian đều đang sống trong điên đảo. Bạn nói với một người “chân như Phật tính” là thực có, anh ta cho là giả; bạn nói với anh ta ăn uống vui chơi là cái gốc của nhân sinh khổ não, là hư giả không thật, nhưng anh ta chấp giả là thật. Cho nên, chúng sinh lấy thật làm giả, giả làm thật, như vậy là suy nghĩ xằng bậy điên đảo, cho sai là đúng, đức Phật cũng vì thế mà không nhìn được sự cảm thán sâu sắc. Ngài cảm thấy không làm gì được.

Thứ sáu, mọi sự trên thế gian thật thật giả giả. Mọi sự trên thế gian mê hoặc con người, như một người lữ hành, biết rõ trong giếng khô có con rắn độc đang nằm, nhưng vì trên giếng có năm tổ ong mật đang nhỏ xuống năm giọt mật ong, khiến anh ta quên cả nguy hiểm cố dấn chân bước xuống. Khi con người bị đau khổ, cảm thấy mọi niệm đều vô nghĩa, tất cả đều không; khi gặp một cảnh giới khác, tự ngã lại bị mê hoặc, suy nghĩ xằng bậy điên đảo, thật thật giả giả, giả giả thật thật, không đi đến chỗ giác ngộ triệt để thì làm sao phân biệt được rõ ràng!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nhân quả không thể mơ hồ;

Làm thiện có thiện báo, làm ác có ác báo;

Không thể không báo, chỉ chưa đến kỳ đầy thôi.

Chân lý không thể lừa dối;

Thật thật giả giả, giả giả thật thật;

Sau thật giả, phải có cân bằng.



Phát tâm

Một vị sư phụ có thần thông, nhưng đáng tiếc lại không có tâm cứu độ người khác. Một lần nọ xuất ngoại, theo sau ông có một đồ đệ tâm niệm rằng: “Chúng sinh có nhiều đau khổ và chướng ngại, mình muốn cứu vớt chúng sinh.” Sư phụ có “tha tâm thông” (có thần thông biết được tâm của người khác nghĩ gì, muốn gì), nên biết đồ đệ đang phát tâm nguyện lớn, ông liền dừng lại, nói: “Đưa tay nải đây cho tôi, và trò đi lên phía trước đi!” Đồ đệ cũng không biết tại sao, cứ đưa tay nải cho sư phụ. Sư phụ mang tay nải đi theo sau, nghĩ: “Xấu hổ quá! Cái tâm cứu độ chúng sinh như vậy mình không thể nào phát khởi được; ta xin lỗi đồ đệ, đồ đệ ta đã phát tâm Bồ tát. Cũng nên để cho cậu ấy đi lên phía trước, còn sư phụ như mình cam tâm vác tay nải cho cậu ấy!”

Lại đi thêm một đoạn đường, trước mặt là một hồ nước, hàng ngàn hàng vạn con kiến đang bị nước vây khốn, đồ đệ bỗng nghĩ: “Ôi trời! Ngay cả đàn kiến bị vây khốn trong hồ nước mà mình cũng không có cách gì cứu được, vậy làm sao mà độ được chúng sinh?” Sư phụ đi phía sau liền biết tâm ý của đồ đệ, bèn nói: “Dừng lại! Tay nải đây, hãy vác đi, và đi lui phía sau!”

Mở đầu “Bát nhã tâm kinh” là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” (ngắm thấy năm uẩn đều không), “Kinh Kim cang” cũng nhấn mạnh lại “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng” (không có tướng ngã, không có tướng người, không có tướng chúng sinh), “tự kỷ vị độ, tiên độ nhân, giá thị Bồ tát đích phát tâm” (chưa độ mình, độ người trước, đó là phát tâm của Bồ tát). Câu chuyện kể ở phần trước cho chúng ta biết phát tâm là điều rất trọng đại.

Những gì con người nghĩ tưởng phần lớn đều lấy tôi làm trung tâm, lấy tôi làm tiêu chuẩn, như cần thi vào một trường học chất lượng, tôi cần có thành tích rất tốt, sau này tôi sẽ có nghề nghiệp tốt, tôi cần phải giỏi giang, tôi cần phải thành công... Tất cả những gì trong não suy nghĩ đều là “tôi” thu hoạch như thế nào, có được như thế nào, tất cả các thứ khác đều không quan trọng đối với “tôi”. Về cơ bản,

Phật học yêu cầu chúng ta “trước hết phát tâm độ người, sau đó mới độ mình.”

Con người không những biết sự tồn tại của chính mình mà phải biết ngoài mình ra còn có người khác; và có rất nhiều chúng sinh của mười phương thế giới; không chỉ biết tuổi đời mấy mươi năm hiện tại của chúng ta, mà còn phải biết thời gian vô hạn, cuộc sống lâu dài; cũng không chỉ biết đất nước của chúng ta, mà cần phải biết thế giới mười phương vô lượng vô biên, bạn cần mở rộng tâm mình ra, rộng như hư không, bao dung trời đất. Tất cả chúng sinh trong vũ trụ là chúng sinh trong tâm của chúng ta, tam thiên đại thiên thế giới là thế giới ở trong tâm của chúng ta. Cho nên, ngoài bản tâm giác ngộ của các vị thánh, không có chúng sinh, không có thánh quả. Chúng ta nói phát tâm, tức là nói theo quan niệm của thế gian nói chung gọi là lập chí. Lúc trai trẻ lo học tập lập chí, một khi đã có chí nguyện, không việc gì là không thể làm, một khi đã có phát tâm, không việc gì là không thành. Chúng ta cần tự khai thác nguồn tài năng của chính mình, đem trí tuệ, năng lực, tình cảm của mình thành tâm nhiệt tình cống hiến cho đại chúng.

Phát tâm, tức là phát những tâm gì?

1. Phát tâm từ bi, không phân biệt ta người

Từ bi là căn bản của Phật pháp, không có từ bi thì bất kỳ học thuyết nào cũng có thể xem như là tà thuyết. Chúng ta thường nói: “Từ bi là nền, phương tiện là cửa”, từ bi và phương tiện là những gì mà mỗi cá nhân cần thích ứng với thực tiễn Phật pháp. Giữa người với người, nếu có lòng từ bi thì đôi bên có thể chung sống hài hòa; mở rộng lòng từ bi đến tất cả chúng sinh, không phân biệt người vật, bất cứ một sinh mệnh nào cũng đều cần sự yêu thương và quan tâm của người khác. Xã hội ngày nay đề xướng phong trào thể hiện lòng yêu thương, thực ra đó là lòng từ bi của Phật giáo. Từ có thể đem lại an vui, bi có thể diệt trừ đau khổ, từ bi là phương pháp duy nhất làm tăng mối quan hệ giữa người và người.

2. Phát tâm tín nguyện, luôn theo Phật học

Chúng ta cần có niềm tin, tâm nguyện. Trong niềm tin có một kho báu vô tận, bởi vì Phật pháp mênh mông, chỉ có niềm tin của người tài giỏi mới có thể thấu triệt. “Niềm tin là mẹ của nguồn đạo công đức, nuôi dưỡng tất cả mọi thiện căn”. Chúng ta không nên cho rằng tuổi trẻ chỉ cần nói về kiến thức mà không bàn đến tín ngưỡng; thực ra không thể coi nhẹ tín ngưỡng. Bất kỳ một tôn giáo, một học thuyết nào cũng cần có tín ngưỡng. Dù theo tín ngưỡng nào, tốt hay xấu, đều có hiệu quả nhất định. Tôi tạm chia tín ngưỡng làm mấy cấp bậc, đương nhiên cao nhất là chính tín, dưới chính tín là mê tín, dưới mê tín là bất tín, dưới bất tín là tà tín. Tà tín, tức là đặt niềm tin sai lạc, điều này rất nguy hiểm. Bất tín, tức là không tin vào gì cả, tức không có niềm tin, cũng không tốt. Mê tín so với bất tín còn khá hơn một bậc, bạn không nên cho rằng thấy một ông già một bà già đang quỳ trước thần linh khẩn vái cầu nguyện là không có ý nghĩa gì, thực ra thái độ tôn sùng, tâm địa lương thiện ấy vẫn đáng được khen ngợi. Mê tín cũng có sức mạnh ghê gớm, chính tôi theo tín ngưỡng Phật giáo, người ta nói tôi có chính tín đối với Phật giáo, cố nhiên đó là điều rất tốt, nhưng người ta nói tôi mê tín Phật giáo cũng không có gì quan trọng. Điều gọi là mê tín thì không biết vì sao điều cần tin ấy lại gọi là mê tín, bởi chính xác thì tín ngưỡng vào điều không có ý nghĩa mới gọi là mê tín. Nhưng mặt khác, điều gọi là tín ngưỡng thì không nói đến điều kiện, không có yêu cầu, chỉ có một mực cam tâm tự nguyện vì điều cần tin mà cống hiến tất cả, đó cũng có thể gọi là mê tín, “vì chủ nghĩa mà hy sinh”, “vì truyền giáo mà tuần nạn”. Nếu nhất định muốn hỏi tại sao, thì có thể sức mạnh ấy có sự sai lệch. Cho nên có người cười tôi là mê tín,

tôi không cần phải biện hộ, mà trái lại thấy mình vui vẻ, cảm thấy rất tốt, và tôi càng tìm đến mê tín. Đương nhiên, Phật giáo hoàn toàn không đề xướng mê tín mà là phải chính tín. Chính tín nhất định phải có đối tượng thật sự, phải tin vào thánh hiền viên mãn thanh tịnh, phải tin vào người có sức mạnh to lớn đủ sức cứu độ chúng sinh. Bởi vì người có tín nguyện chân chính mới có thể thường theo Phật học.

3. Phát tâm Bồ đề, trên hoàng pháp dưới giáo hóa

Tâm Bồ đề là đại tâm cao nhất trong sự phát tâm. Gọi là phát tâm thì trên mở rộng đạo Phật, dưới giáo hóa chúng sinh, đó chính là tâm Bồ đề (Bồ đề tâm). Chúng ta không thể coi nhẹ tâm Bồ đề, một khi đã phát nguyện tâm Bồ đề thì có thể nói khả năng thành Phật có thừa.

Tâm Bồ đề có nhiệt tình của thanh niên, sức mạnh của tuổi trẻ, có thể nói tâm Bồ đề là tâm của tuổi trẻ thuần khiết. Người thanh niên dũng cảm dù khó khăn trắc trở cũng không lùi bước, lương tâm biết đau buồn trước thời thế khó khăn, biết thương xót vì nhân dân khốn khổ, rất phù hợp Bồ đề tâm trong Phật giáo “dù khó làm cũng có thể làm được, dù khó nhịn cũng có thể nhịn được.”

4. Phát tâm vô ngã, mở rộng để hoàn thành

Chúng sinh chấp ngã, cho nên không thể có phương cách giải thoát; từ bi có ngã, tức là có đối đãi; tín nguyện có ngã, tức là có giới hạn; Bồ đề có ngã, tức là Bồ đề cũng không thể thành tựu. “Muốn học Phật pháp, trước tiên phải vô ngã”, vô ngã hoàn toàn không phải là hủy diệt tự ngã, mà là thành tựu, mở rộng và hoàn thiện chính mình.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Mỗi ngày nói một đôi lời vui vẻ,

Mỗi ngày làm một vài việc lợi chúng.

Mỗi ngày đọc một ít sách bổ ích,

Mỗi ngày độ một vài người có duyên.



TRÍ HUỆ THẤU SUỐT SINH TỬ

Mùa xuân không phải là mùa mà là nội tâm;

Đời người không phải là thân thể mà là tâm tính;

Người già không phải là tuổi tác mà là tâm tình;

Cuộc đời không phải là năm tháng mà là vĩnh hằng.

Con người có kiếp sau hay không

Năm 1984, William Parker bị tử hình vì tội giết người. Trong ngục thất, anh bắt đầu nghiên cứu Phật giáo. 7 năm sau, Parker là người tu hành đạo Phật duy nhất ở nhà tù thuộc bang Kansas. Parker nói: “Điều quan trọng nhất của thiên định là suy nghĩ về cái chết, tôi cầm chắc cái chết trong tay, nhưng tôi vẫn cảm thấy lúng túng trước cái chết. Phật giáo nói chết là một lời nói không thật, là một điều mê hoặc lớn lao, hiện nay tôi biết cái thân xác hữu hình này là thứ có thể chết đi, nhưng có một thứ khác ở bên trong sẽ tiếp tục sống mãi.”

Ngày tử hình theo thời hạn đang đến gần, pháp sư tổ chức nghi thức thọ giới cho anh ta, Parker có pháp danh mới là “Vĩnh Hằng Sơn” (Núi vĩnh hằng). Trong giấy chứng nhận, một vị pháp sư viết: “Khi anh ra đi, phải tôn nghiêm như một ngọn núi, tin rằng sự sống của anh sẽ tiếp tục mãi mãi.”

Có người nói con người chết như ngọn đèn tắt, một lần chết là hết, làm gì có kiếp sau. Đó là điều không thấy của sự mê lầm.

Cũng có người nói con người có kiếp sau, một hạt giống gieo xuống đất là có thể ra hoa kết trái, có thể có kiếp sau; sau khi con người chết đi, đương nhiên có thể trở lại làm người, không thể thay đổi. Đó là điều thường thấy của sự mê lầm.

Nói không thấy con người sau khi chết có kiếp sau và nói thường thấy con người sau khi chết có kiếp sau đều không phải là chân lý của cuộc sống. Con người chết không như ngọn đèn tắt, cũng không hẳn là sẽ làm người lại, tùy theo nhân duyên nghiệp báo, năm hương chuyển vận, sáu nẻo luân hồi, làm thiện thì là người, trời, làm ác thì là địa ngục, ác quỷ, súc sinh, đó mới là cuộc đời đích thực.

Một hạt giống gieo xuống đất có đủ các thứ nhân duyên như ánh sáng, không khí, nước sẽ lớn lên, ra hoa, kết trái. Làm sao có thể nói con người chết là hết? Thế nhưng từ nhân đến quả, trong đó duyên phận cũng rất quan trọng; nếu chỉ nói nhân mà bỏ đi cái quan trọng nhất là duyên, thì đó là điều mê hoặc lớn nhất.

Vốn là một người làm quan lớn, chỉ vì phạm pháp trong khoa cử mà bị xiềng xích tù đày, bị đày đọa trong lao ngục không bằng vật nuôi trong nhà. Nhìn theo quả báo đời này, những gì cuộc đời của con người đã làm hoặc đã nói đều có thể ảnh hưởng đến họa phúc, hoặc hạnh phúc hoặc bất hạnh, tất cả đều có thể biến đổi, huống nữa là kiếp sau với thời gian có xuân, hạ, thu, đông, với thế giới có thành, trụ, hoại, không, với suy nghĩ có sinh, trụ, dị, diệt, với cuộc đời có sinh, lão, bệnh, tử. Vũ trụ, con người và vạn vật đều ở trong trạng thái xoay vòng, giống như giờ trên đồng hồ, cứ chạy và chạy mãi xoay quanh 12 con số vẫn không bao giờ xong. Đời người, sinh cũng không phải là bắt đầu, chết cũng

không phải là kết thúc, đi lên phía trước cũng có lúc sẽ quay đầu lại, chứ không phải đi thẳng. Mặt trời mọc, mặt trời lặn, đi rồi về lại, đó đều là nói rõ con người có kiếp sau. Con người có kiếp sau mới có hy vọng, nhưng cũng cần phải có thiện duyên. Thiện duyên, thiện báo chính là thế giới của những người giác ngộ.

Tôi thường thích lấy áo quần để so sánh với việc chết đi của con người: Một bộ áo quần rách phải được thay bằng áo quần mới; thân xác đã phân hủy cần thay một thân hình mới. Tôi cũng thường lấy việc chuyển nhà để so sánh với sự chuyển giao cuộc sống; ngôi nhà này đã bị rách nát, cần chuyển đến ở một ngôi nhà mới. Vấn đề là bạn có đủ vốn liếng hay không? Nếu bạn có tiền, bạn có thể thay bộ áo quần đẹp hơn, hoặc có thể chuyển đến ở một ngôi lầu cao sang hoa lệ hơn. Vốn liếng ấy có thể ví như công đức của con người; nếu bạn không có vốn liếng nghĩa là bạn không tích góp nhiều công đức thì giống như bạn đem cầm cố áo quần vốn có của bạn, hoặc đem bán ngôi nhà vốn có của bạn, như thế bạn chỉ đổi được bộ áo quần rách hay ở trong một gian nhà nhỏ hẹp tuềnh toàng.

Con người sau khi chết, tình trạng chuyển đổi sự sống là như thế nào? Trong “Khuyến phát Bồ đề tâm văn” có đề cập đến việc chuyển đổi sự sống của con người giống như con rùa lột xác, rùa lột xác phải vô cùng đau đớn, sự sống của con người sẽ chuyển từ thể này sang thể khác cũng giống như vậy. Con người khi sắp tắt thở có rất nhiều điều đáng sợ, có thể gọi là “gió lửa nung nấu, thần thức hoảng loạn, máu huyết khô kiệt, da thịt khô héo từ ngoài vào trong. Không một sợi lông nào là không bị kim chui, dù còn một lỗ cũng bị dao cắt. Rùa sắp đem nấu, sự lột xác của nó tuy dễ hơn sự lột xác của con người; thần hồn muốn tạ từ, nhưng sự rời hình hài của nó cũng khó bội phần”.

Con người đều muốn biết tương lai, thực ra, “muốn biết nhân của đời trước, thì nhìn điều mà đời này chịu; muốn biết quả của đời sau thì xem việc mà đời này làm”. Muốn biết con người có kiếp sau hay không, nhân quả tuần hoàn, bạn cũng có thể lấy hiện tại để suy đến tương lai, ngộ đạo lập tức thì có thể thấy ba thời một thể, ba ngàn thế giới một niệm.

Con người có hay không có kiếp sau? Nghiệp là sợi dây kết nối quá khứ, hiện tại, tương lai của đời người, đúng là “đừng cho rằng làm ác kiếp sau không báo, đừng cho rằng làm thiện kiếp sau không đền”. Kém hiểu biết lớn nhất của loài người là cho rằng không có kiếp sau, bởi vì con người có sự mê mờ trong cõi âm, đối với tương lai chính mắt mình không chứng kiến, cho nên không tin có đời sau. Thực ra, bạn đâu có thấy được không khí, đâu có thấy được sóng điện, thậm chí lòng thương yêu bạn cũng không thể thấy, nhưng bạn có thể nói là không có được không?

Gen có thể biến đổi phẩm chất của giống người, thiện ác nhân duyên có thể biến đổi tương lai của người đời, sự mê lầm hay giác ngộ của con người trên thế gian không thể không lưu ý!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Con người có lớn nhỏ, pháp không có cao thấp;

Con người có sống chết, Phật không có đi về.



Giải thoát cuộc đời

Ngày xưa có một vị thiền sư tên là Phi Tích, ông nói với các nhà sư khác: “Người nằm chết, các ông

có xem không?”

Các nhà sư nói: “Đương nhiên là xem rồi!”

- Vậy ngồi chết, các ông có xem không?

- Cũng xem chứ. Các nhà sư liền đưa ra mấy ví dụ.

- Thế thì đứng chết, các ông có xem không?

- Tuy là hiếm thấy, nhưng cũng xem.

- Thế còn đầu cắm xuống đất, chân đưa lên trời, đứng ngược mà chết, các ông có xem không?

Các nhà sư khác nói: “Cách chết như vậy chưa từng nghe thấy.”

Thiền sư Phi Tích nói: “Được! Để tôi chết cho các ông xem.” Nói xong liền đứng ngược tư thế mà chết.

Trong lời nói đùa vui mà giải quyết chuyện lớn về sinh tử, thì đó là người đã thấu triệt, đã giác ngộ biết đường nào! Đó chẳng phải là giải thoát sao? Cuộc đời của người giải thoát là cuộc đời như thế nào? Người ấy không kỳ thác sự giải thoát vào tương lai, cũng không mơ tưởng viễn vông rằng “không bệnh”, “không già”, “không chết”. Giải thoát cuộc đời ngay tức thì bạn có thể thấy được.

Giải thoát cuộc đời là không có tình cảm lo buồn khổ não. Một người nếu có tình cảm lo buồn khổ não thì không thể giải thoát; chỉ cần chúng ta có đủ khả năng đối phó với chuyện lo buồn khổ não thì có thể giải thoát.

Giải thoát cuộc đời là không có quan niệm có không, được mất. Thông thường con người thích lo được lo mất, có thì vui vẻ, không thì buồn rầu, được thì thích thú, mất thì đau khổ. Người khăng khăng ràng buộc vào sự được thua là người không thể giải thoát.

Giải thoát cuộc đời là không có vướng mắc, gò bó, trở ngại. Thế gian này đặt ra nhiều gò bó, trở ngại cho con người, thử quan sát tâm hồn của một người giải thoát, bất kể sự gò bó trở ngại to lớn như thế nào, người ấy đều không cho là khó khăn, gò bó trở ngại càng to lớn hơn nữa cũng không thể quấy nhiễu được tâm hồn của người giải thoát.

Giải thoát cuộc đời là không có cảm nghĩ về sinh lão bệnh tử. Bất cứ ai cũng phải trải qua sinh lão bệnh tử, người không tin Phật giáo phải trải qua sinh lão bệnh tử, người tin Phật giáo cũng trải qua sinh lão bệnh tử. Nhưng người có tín ngưỡng và người không có tín ngưỡng (tức người giải thoát và người không giải thoát) thì cảm nghĩ về sinh lão bệnh tử không giống nhau. Người không có tín ngưỡng, tức người không giải thoát, thì sống là vui, nhưng khi đối mặt với bệnh, với chết thì kinh hoàng, khiếp sợ, điên đảo, thật khó nói cho hết; còn đối với người có tín ngưỡng (tức người giải thoát) thì cảm nghĩ của họ là sống cũng không có gì là vui, chết cũng không có gì là buồn, sống chết đều là thực tướng giống nhau.

Ngày xưa có một vị cư sĩ họ Bàng, cả nhà theo Phật. Một hôm cư sĩ họ Bàng cùng với vợ đi về thế giới cực lạc, đứa con đang cày ruộng nghe được tin ấy bèn kêu lên: “Ôi trời ơi! Sao mà cha mẹ đi nhanh thế! Con phải đi theo cha mẹ thôi!” Nói xong, lập tức ra đi. Các bạn xem, tuy là chết, nhưng

cách chết ấy đẹp lắm thay!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nâng cao tâm hồn, mở rộng tầm nhìn, tự nhiên có thể khoáng khoáng không gò bó;

Buông bỏ cố chấp, tùy duyên phóng khoáng, tự nhiên có thể vượt qua sinh tử.



Tuổi thọ

Tôi xuất gia năm 12 tuổi, năm nay đã 70 tuổi, trong suốt thời gian ấy tôi chưa từng được rảnh rang, cũng không biết mùi vị của sự nghỉ ngơi. 10 năm nữa, tôi tròn 80 tuổi, tính từ năm 20 tuổi, tôi đảm nhận chức hiệu trưởng Bạch Tháp Quốc, thì thời gian làm việc của tôi sẽ tròn 60 năm. Trong 60 năm làm việc để sinh sống ấy, lượng làm việc mỗi ngày của tôi có thể tương đương với năm người, tính ra như vậy tuổi thọ của tôi có đến 300 tuổi.

Người xưa nay theo đuổi ước mơ “ngũ phúc lâm môn” (năm thứ phúc đến nhà), trong năm thứ phúc ấy, người ta cho “sống lâu” (trường thọ) là số một. Tuổi thọ dài, rốt cuộc tốt hay xấu? Một người nếu sống đến 120 tuổi, thì hẳn là con cái có người đến 100 tuổi, chắc cũng đã đi trước người ấy rồi, thậm chí đứa cháu 80 tuổi cũng có thể đã chết luôn, người đầu bạc tiễn người đầu xanh, sống lâu như vậy có tốt không? Mặt khác, nhìn những cơ năng trên thân thể của người già 120 tuổi, răng đã rụng hết, ăn thứ gì chắc cũng rất khó khăn, độ thính của tai không còn bén nhạy, mắt cũng đã mờ lòa trông thấy không rõ ràng, cuộc sống mà “tai không thính, mắt không rõ” thì còn gì là ý nghĩa? Cuộc đời nên tùy theo tự nhiên, sống đến một số tuổi nào đó là đã đủ rồi. Bởi vì ý nghĩa của cuộc đời không phải do nhục thể sống đến lâu dài, mà là do sống có cống hiến cho nhân quần thế giới hay không. Nhà Nho có ba loại sự nghiệp bất hủ là “lập đức”, “lập công”, “lập ngôn”, con người chúng ta, ngoài mong cầu cho thân thể sống lâu, cũng nên theo đuổi những thứ tuổi thọ khác:

Thứ nhất, tuổi thọ của ngôn ngữ. Trên thế gian, có người nói như gió thoảng qua tai, không ai nhớ gì cả, nhưng có người nói lại trở thành danh ngôn, châm ngôn, có thể lưu truyền, giáo hóa nhân gian, đó gọi là tuổi thọ của ngôn ngữ. Ví như hiện nay chúng ta thường dẫn “Phật nói”, “Khổng Tử nói”, “Mạnh Tử nói”... tức là chứng tỏ rằng những lời nói của các vị thánh nhân đã trải qua ngàn năm vẫn còn sức sống.

Thứ hai, tuổi thọ của sự nghiệp. Có người gây dựng sự nghiệp to lớn, giúp nhiều người được hưởng lợi. Ví như vua Đại Vũ trị thủy, đến nay ở Nam Kinh còn lưu lại bia ghi công tích của ông; hoặc như Luy Tổ dạy người nuôi tằm dệt lụa, đến nay người mặc tơ lụa cũng cần nhớ ơn Luy Tổ. Điều này cho thấy tuổi thọ của sự nghiệp có thể lâu dài.

Thứ ba, tuổi thọ của đạo đức. Những “Gương mẫu đời xưa” như Nhạc Phi, Văn Thiên Tường, Sử Khả Pháp... sát thân thành nhân, hy sinh vì đại nghĩa, thà chết để bảo toàn danh tiết, đạo đức của họ để lại tiếng thơm cho muôn đời, khiến cho hậu thế nhớ mãi, đó chính là tuổi thọ của đạo đức.

Thứ tư, tuổi thọ của tín ngưỡng. Mỗi thời đại đều có người vì tuổi thọ của việc truyền thừa tín ngưỡng mà phát tâm dâng hiến. Ví như có người xây dựng chùa chiền, tồn tại ngàn năm, có người in ấn kinh sách, lưu truyền vạn đại. Ngoài ra, cũng có người dứt đoạn được phiền não nhờ có trong tôn giáo tín

ngưỡng, an nhiên tự tại, xem sinh tử như một trò chơi. Ví như thiền sư Thuyền Tử, thổi sáo trên sông mà chết, cả nhà Bàng Uẩn sống chết đi về tự nhiên tự tại, đại sư Huệ Viễn phát nguyện niệm Phật, đích thân thấy Di Đà tiếp dẫn. Về mặt tôn giáo, những người này đã tự giải thoát cuộc đời, chẳng phải đó là điều vô cùng đáng quý lắm sao?

Thứ năm, tuổi thọ của trí huệ. Những phát minh của nhiều nhà khoa học xưa nay vẫn luôn đem lại lợi ích cho nhân loại, chẳng phải trí huệ của họ sống mãi với người đời đó sao? Những lời nói đầy trí tuệ của những nhà triết học luôn luôn được người đời dẫn dụng để làm phương châm xử thế. Ví như trí huệ Bát nhã của đức Phật đến nay vẫn phát sáng ra toàn thế giới; như Tư Mã Thiên, tuy thân thể thọ hình khốn khổ, nhưng trí huệ của ông đã thăng hoa trong bộ “Sử ký” trứ danh lưu truyền mãi mãi. Cho nên, tuổi thọ của trí huệ là bất tử.

Thứ sáu, tuổi thọ của sự chung sống. Người phương Đông chú trọng đến việc truyền tông nối dõi, cuộc đời trở thành cuộc thi tiếp sức, đời này tiếp đời kia. Điều quan trọng nữa là chúng ta coi nặng ý nghĩa của cuộc đời, có người vì dòng họ mà nỗ lực phấn đấu, có người vì Tổ quốc mà hy sinh, có người muốn ôm cả nhân loại, khai sáng tuổi thọ của “cùng loài chung sống”. Như Trương Tải nói: “Vì trời đất lập chí, vì dân sinh lập mệnh, vì thánh hiền dứt bỏ học vấn, vì muôn đời mở nền thái bình thịnh trị”, như vậy, có thể vì tuổi thọ của quốc gia, của xã hội, của thế giới, của cộng đồng nhân loại mà công hiến, và cuộc đời của tiểu ngã mới có giá trị, cho nên tiểu ngã không bằng đại thọ là vậy.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Thế gian lấy tuổi thọ một trăm năm làm lâu dài, người đạt đạo lấy tuổi thọ vô lượng làm an lạc;

Thế gian lấy mê tín chấp ngã làm chân lý, người đạt đạo lấy từ bi vô ngã làm sự thật.



Lời dặn dò trước khi chết

Thời Hàm Phong nhà Thanh, thủ tướng Nhật Bản là Lục Áo Trung Quang có một cô con gái xinh đẹp bị chứng nan y. Lúc sắp chết, cô gái hỏi cha: “Thưa cha, con sắp chết đến nơi, nhưng con chưa yên lòng, bởi vì có một vấn đề mà xưa nay con không biết.”

Lục Áo Trung Quang nói: “Con có vấn đề gì cứ nói ra được không?”

Thế là cô gái mới hỏi: “Thưa cha, con rốt cuộc từ đâu đến? Hiện nay con sắp chết, vậy sau khi chết con đi về đâu?”

Vị thủ tướng xưa nay vốn túc trí đa mưu, nhưng nhất thời đành giương mắt cứng lưỡi, không thể trả lời.

Con người “có sống ắt có chết”, đó là quy luật bất biến, nhưng vẫn có câu “chết rồi cũng có thể sống lại (tái sinh)”. Theo quan điểm của Phật giáo, con người có sống sẽ có chết, chết rồi có thể sống lại (tái sinh), sống chết không có điểm dừng. Sống không lấy gì làm vui, chết không có gì đáng buồn, sống chết vốn là mối quan hệ xoay tròn, việc gì phải tách biệt sống chết.

Con người sống ở đời, điều quan trọng nhất là lúc sống cần sống cuộc đời tự do tự tại, còn đối với cái chết cần chuẩn bị sắp đặt trước, để khi chết như một sự giải thoát tốt đẹp. Con người đều phải đối mặt với cái chết, nên cần có những lời dặn dò trước, đừng đợi lúc cái chết đến nơi sẽ luống cuống vội

vàng.

Về lời trời trần trước khi chết, xin tóm tắt mấy điều:

1. Viết di chúc. Con người sống trên thế gian khoảng mấy mươi năm, kết giao nhiều quan hệ nhân duyên, nên có rất nhiều mối ràng buộc. Đến lúc họ chết đi, dù có nhiều thứ không hợp cũng chẳng làm được gì. Có điều lúc còn sống nên lập di chúc dặn dò, ví như bạn thiếu nợ người khác, người khác thiếu nợ bạn, đều được nói rõ trong di chúc. Thậm chí bạn muốn làm gì, hoặc còn có tâm nguyện gì chưa làm được cũng có thể dặn dò rõ ràng trong di chúc. Những chuyện riêng tư, những suy nghĩ thuộc cá nhân đều có thể viết đầy đủ trong di chúc. Ví như bài thơ của nhà yêu nước Lục Phóng Ông đời Tống: “Tử khứ nguyên tri vạn sự không, đản bi bất kiến cửu châu đồng; vương sư Bắc định Trung Nguyên nhật, gia tế vô vong cáo nãi Ông.” (Đến chết mới hay mọi sự không, nhưng buồn không thấy Tổ quốc chung; quân vua bình Bắc trời Trung Quốc, nhà cúng không quên báo cùng Ông). Đến lúc chết, điều ông lo lắng nhất là sự hưng vong của nước nhà.

2. Giải quyết sản nghiệp để lại. Một đời cố gắng làm việc, trước khi chết ắt hẳn có để lại một số tài sản. Có người, lúc sống họ biết bố thí, làm việc thiện, bởi vì “đồng tiền đem dùng mới là đồng tiền của mình, không đem dùng là đồng tiền của người khác”. Mình có tiền để lại cho con cháu, đôi lúc khiến cho con cháu sinh ra tranh chấp, đến nỗi tạo cho con cháu thói quen siêng ăn nhác làm. Ở nước Mỹ, có nhiều động vật hoang dã vô cùng đáng yêu, luôn luôn làm cho mọi người vui thích. Nhưng chính phủ Mỹ quy định không được tự ý nuôi dưỡng chúng, họ lo động vật hoang dã sẽ có thói quen dựa vào sự nuôi dưỡng của con người, như vậy sẽ làm yếu đi bản năng sinh tồn tự nhiên của chúng. Do đó, đối với con cháu, chúng ta nên để lại cho đời sau đạo đức, khoa học kỹ thuật, không cần thiết phải để lại tiền của cho họ. Tiền của có thể giao lại cho các tổ chức từ thiện, các hội đoàn làm việc công ích, thông qua các đoàn thể đáng tin cậy ấy, những gì có được của một đời làm ăn vất vả đem biếu tặng mười phương, đó mới là hành vi của người sáng suốt.

3. Sắp đặt việc an táng. Việc hậu sự của con người cũng rất quan trọng. Có một số gia đình bất đồng ý kiến, nên làm cho sự việc trở nên xáo trộn, mất đoàn kết. Tốt nhất là người ấy lúc còn sống cần dặn dò rõ ràng kỹ lưỡng, như dặn dò hỏa táng, thì chính mình thảo ra văn bản cáo phó, kính báo cùng bà con bằng hữu, đại khái như: “Bản thân tôi vốn hiểu rõ sống chết vô thường, là chuyện tự nhiên. Nay duyên đời đã hết, tôi sẽ trở về nguyên gốc. Bản thân tôi tính vốn đơn giản chân thực, sau khi chết không nên phô trương ồn ào, không dùng ban nhạc, không sát sinh cúng kỵ. Linh cốt rải xuống biển, không dám làm phiền người khác vì người chết mà phải hao phí nhiều thời gian, sức lực. Con cháu vốn được giáo dục bình thường, làm người lương thiện, cố gắng phục vụ thật tốt cho xã hội. Sự sống đến từ tự nhiên thì lại trở về với đại tự nhiên, mong rằng hãy chúc mừng cho tôi, đó là điều tôi thành thật cầu xin.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Mùa xuân không phải là mùa mà là nội tâm;

Đời người không phải là thân thể mà là tâm tính;

Người già không phải là tuổi tác mà là tâm tình;

Cuộc đời không phải là năm tháng mà là vĩnh hằng.



Kết quả của việc tự sát

Theo thống kê của nhà nước Trung Quốc, cứ 100 nghìn người thì có 23 người tự sát. Mỗi năm, số người chết vì tự sát là 287 nghìn người. Tỷ lệ tự sát chiếm 3,6% trong tổng số người chết, tỷ lệ nữ giới tự sát cao hơn nam giới 25%, tự sát ở nông thôn cao gấp 3 lần ở thành phố...

Kết quả của tự sát là gì? Là đau khổ!

Con người vì sao phải tự sát? Ất hẳn là do đau khổ, xấu hổ, khôn khéo, cũng có thể do bất đắc dĩ, những tưởng dùng cái chết để giải quyết vấn đề. Thực ra, tự sát không những không thể giải quyết vấn đề, mà còn gây ra nhiều đau khổ hơn nữa.

Tự sát là hành vi tự ý, người tự sát cho rằng có thể lấy cái chết để kết thúc mọi chuyện, nhưng lại để lại những đau khổ khó hóa giải cho người nhà, bạn hữu, khiến cho tình cảm người sống bị tổn thương nặng nề.

Tự sát là hành vi của người yếu đuối. Ở đời, không có vấn đề gì là không thể giải quyết, tại sao cần phải tự sát để trốn tránh? Gặp vấn đề khó khăn có thể nhờ người lớn khuyên giải, bạn bè góp ý, gia đình giúp đỡ, vậy tại sao phải tự sát? Như vậy thật là yếu đuối!

Tự sát là hành vi vô minh. Đối diện với vấn đề, người tự sát không thể nghĩ được cách giải quyết. Bởi vì vô minh, không rõ chân lý của cuộc đời, nên nhất thời tâm tình uất kết gờ mãi không được mới tự sát để trốn tránh hiện thực.

Tự sát là hành vi tăng thêm khổ lụy. Người tự sát không những bị đau đớn về nhục thể, mà còn bị giày vò về tâm lý.

Nếu sau khi chết không còn biết gì nữa thì cần gì phải lấy tự sát để kết thúc cuộc sinh tử? Nếu sau khi tự sát mà biết nhìn lại chuyện đã qua, lẽ nào không đau khổ?

Trong quyển sách “Tự sát đích chân tướng” (Sự thực của tự sát) có nói, nỗi đau khổ mà người tự sát cảm nhận không bút mực nào có thể tả xiết: Người nhảy xuống sông ngộp thở mà chết do nước sông chảy mạnh, sức ép của nước từ ngoài tràn vào phổi, trong ngoài chống nhau, đau đớn không chịu nổi; người thắt cổ mà chết thì khí quản bết tắc, máu chảy ngược trở lại, thân xác đau như dao cắt, tiếp theo cả người tê liệt, đau đớn muôn phần; người uống thuốc sâu, a-xít trúng độc mà chết thì ngũ tạng hư nát, đau đớn tột cùng không thể chịu nổi; người uống thuốc ngủ mà chết thì đầu óc mê muội, hơi thở ngắn gáp, ngũ tạng bị khuấy động mạnh, có lúc tạm ngưng thở, tim cũng tạm ngừng đập, không khác gì đã chết, nhưng sau khi nhập liệm họ từ từ tỉnh lại, quần quai muốn ra khỏi quan tài nhưng không thể, họ vùng vẫy trong quan tài, sợ hãi đau khổ mà chết.

Người tự sát do làm ăn thất bại, tình yêu thất ý, lý tưởng mất hướng, hoặc do tai biến xảy ra ngoài ý muốn mà mất đi tất cả những gì đã có, không chấp nhận hoàn cảnh trắng tay nên tự sát để mong được giải thoát.

Trong xã hội rất nhiều người có buồn khổ, áp lực, trách nhiệm, dục vọng, được thua, nhưng vì “có” quá nhiều mà suy không ra, nên lấy tự sát để trốn tránh hiện thực.

Tự sát cũng là sát sinh, nghiệp báo rất nặng. Phật giáo nói đến sự chết tự nhiên, chết tự nhiên mới có thể vãng sinh cực lạc và giải thoát đích thực.

Tự sát là thể hiện sự vô tri về ý nghĩa của cuộc sống, là hành vi của người yếu đuối. Điều tàn nhẫn nhất trên thế giới là kết thúc sự sống của một sinh linh, đặc biệt là kết thúc sự sống của chính mình. Phật giáo nói “vô thường”, tức là khi đối diện với khó khăn trắc trở, chỉ cần chúng ta chịu cải thiện nhân duyên, thì tất cả đều có thể qua đi; chỉ cần chúng ta chịu thay đổi hiện tình, tự mình có thể hướng tới tương lai tốt đẹp, đó cũng là chỗ đáng quý của sự sống. Mong rằng chúng ta đều sẽ tự trân trọng mình, tận lượng sống trong hy vọng, sống trong tự tại, bình an, vẻ vang.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

An lành chính là phước báo, công đức chính là tuổi thọ;

Tri túc chính là giàu sang, hợp tình chính là tự tại.



Phần 4 **TINH THẦN**

LỐI VÀO PHÁP MÔN BẤT NHỊ

Một nhiều không hai,

Có không không hai,

Đúng sai không hai,

Thiện ác không hai.

Núi Tu Di và hạt cải

Thích sử Giang Châu Lý Bột đời Đường hỏi thiền sư Trí Thường: “Trong kinh Phật có nói đến chuyện ‘núi Tu Di ở trong hạt cải, hạt cải chứa cả núi Tu Di’, phải nói là quá kỳ lạ khó hiểu, nhỏ như hạt cải làm sao có thể chứa hết cả núi Tu Di to lớn đồ sộ như vậy?”

Thiền sư Trí Thường nghe nói mà bật cười, ông hỏi: “Người ta nói ông đọc sách hư rách đến cả vụn quyển, có chuyện ấy thật không?”

- Đương nhiên là có rồi! Lý Bột dương dương tự đắc nói.

- Thế hàng vụn cuốn sách mà ông đã đọc nay đang ở đâu?

- Ở trong này này! Lý Bột chỉ vào não bộ nói.

Thiền sư Trí Thường chấp tay trước ngực tỏ vẻ tôn kính, mỉm cười: “Kỳ lạ nhỉ, tôi thấy cái não của ông chỉ lớn bằng cái gáo dừa làm sao có thể chứa hết cả hàng vụn cuốn sách nhỉ?”

Lý Bột nghe thế, lập tức đại ngộ: Thì ra sự vật vốn không phân biệt lớn nhỏ, lớn hay nhỏ đều do tâm sinh ra.

So sánh ngọn núi Tu Di to lớn đồ sộ với hạt cải bé tí ti, rốt cuộc ai lớn ai nhỏ? Tôi nói lớn nhỏ giống nhau. Trong Phật pháp có nói, tự tính cũng lớn mà không ở ngoài, cũng nhỏ mà không ở trong, không bị sự chi phối của thời gian và không gian, cũng tức là chân lý “sự lý vô ngại”.

Theo quan niệm của người thông thường, “một” tức là chỉ một cái, “nhiều” tức là chỉ nhiều cái; nhưng theo Phật giáo mà nói thì một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều không hai (bất nhị).

Một bông hoa và một khoảng hư không, ai nhiều ai ít, ai lớn ai nhỏ? Một hạt giống cây hoa từ khi gieo xuống đất cho đến lúc trưởng thành cần có nước mưa tưới ướt, bón phân vun gốc, ánh nắng chiếu rọi, rồi cần có gió thổi truyền phấn nhị, không khí nuôi dưỡng cho cây hoa lớn mạnh... Như vậy, bông hoa là sự tập hợp sức mạnh của cả vũ trụ vạn hữu mới có thể nở ra được. Một bông hoa tức tương đương với một khoảng hư không vô tận, “nhân duyên có hai, thực tính không hai”, đó cũng chính là một nhiều không hai (bất nhị).

Lại nói theo pháp thế gian, cuộc sống hàng ngày của chúng ta cần ăn cơm, mặc áo, đi xe, nhà ở, tìm tòi hiểu biết, bồi bổ thân thể... Tất cả những thứ đó không phải từ trên trời rơi xuống mà nhờ người nông dân làm ruộng, công nhân dệt vải, tài xế lái xe, kiến trúc sư xây nhà, chuyên gia học giả giảng dạy, tin tức khoa học kỹ thuật truyền bá... mà có. Điều gọi là “những gì cần hàng ngày, trăm thứ đều sẵn sàng”,

tức là mỗi người cần phải dựa vào sự tập trung của rất nhiều người, nhiều việc mới có thể tồn tại, trong cái “một” ấy đã bao hàm vô số yếu tố.

Trong kinh “A Hàm” có một câu chuyện cũng ghi lại sức mạnh của một hạt gạo tương đương với ngọn núi Tu Di.

Chuyện kể rằng có một cặp vợ chồng nghèo sống trong hầm lò, bốn bức vách tiêu điều xơ xác, thậm chí hai vợ chồng chỉ có một bộ áo khố, chồng mặc đi ra ngoài thì vợ chỉ quanh quẩn trong nhà, khi vợ đi ra ngoài thì chồng mặc áo không đủ che thân, chỉ ngồi chờ trong động. Một hôm, nghe có đức Phật dẫn đệ tử ôm bình bát đi khát thực gần quanh động, hai vợ chồng bàn định: “Quá khừ của chúng ta không biết bố thí gieo phước điền, nên ngày nay mới rơi vào tình cảnh nghèo khó như thế này, hiện nay cũng không dễ mong được đức Phật đến đây giáo hóa, vậy làm sao chúng ta có thể để mất cơ hội bố thí này được?”

Bàn qua bàn lại, người vợ mới thở dài, nói: “Trong nhà hầu như không có lấy một thứ gì cả, chúng ta đem cái gì đi bố thí đây?”

Người chồng suy nghĩ rồi quả quyết: “Chúng ta thà chết đói chứ không thể bỏ lỡ cơ hội này. Hiện chúng ta chỉ còn một thứ tương đối hoàn chỉnh duy nhất là bộ áo khố này, chúng ta sẽ đem cúng dường đức Phật!”

Hai vợ chồng vui vẻ cầm bộ áo khố đi bố thí, điều này khiến cho các đệ tử của đức Phật cảm thấy khó xử. Mọi người chuyên qua đây về cái khó ấy, ai nấy đều bung mũi tránh đi, cuối cùng tôn giả A Nan cầm chiếc khố ấy đến chỗ đức Phật xin chỉ giáo: “Bạch Phật, cái khố này đúng ra không thể mặc, hay là nên vứt đi?”

Đức Phật nhân từ giảng dạy: “Các đệ tử không được nghĩ như vậy, của bố thí của người nghèo là vô cùng đáng quý, hãy đem đến đây cho ta mặc!”

A Nan cảm thấy xấu hổ, cầm cái khố cùng với Mục Kiền Liên đến bờ sông giặt sạch, đột nhiên cái khố vừa ngâm xuống sông thì cả con sông lập tức tuôn trào dậy sóng, lên thật cao xuống thật sâu. Mục Kiền Liên gấp rút vận sức thần thông chuyển núi Tu Di đến để trấn áp, nhưng không thể dẹp yên sóng cả, hai người chỉ còn cách chạy về bẩm báo với đức Phật. Lúc ấy, đức Phật đang thọ trai, ngài bèn nhẹ nhàng nhón lên một hạt cơm rồi nói với hai người: “Nước sông dậy sóng bởi vì Long vương cảm khái tâm nguyện tận lực bố thí của người nghèo khó, hai người hãy cầm hạt cơm này đến bờ sông sẽ dẹp yên được sóng cả.”

A Nan cảm thấy kỳ lạ, bèn hỏi: “Bạch Phật, to lớn như núi Tu Di mà không thể đè bẹp nổi sóng cả, hạt cơm bé nhỏ này làm sao có thể trấn áp nổi cơn sóng cao ngút trời ấy?”

Đức Phật cười, nói: “Hai người cứ cầm đi làm thử rồi hãy hay!”

A Nan và Mục Kiền Liên nửa tin nửa ngờ cầm hạt cơm đến ném xuống dòng sông, dòng sông liền hết dậy sóng, bình lặng như thường. Hai người sâu sắc nhận ra rằng đây là điều kỳ diệu: Lẽ nào sức mạnh của núi Tu Di lại không bằng hạt cơm ư? Sau đó, họ trở về thỉnh giáo đức Phật. Đức Phật nói: “Tính của vô nhị (không hai) tức là thực tính. Một hạt lúa gieo xuống đất từ ban đầu đã được tưới tiêu, bón phân, thu gặt, chế biến, bán ra... tức là chất chứa rất nhiều công sức và gian khổ mới có thể có được

một hạt gạo, công đức mà nó bao hàm là vô lượng, cũng giống như bộ áo khố kia là tài vật và gia sản duy nhất của hai vợ chồng nghèo khó, tâm lượng mà nó bao hàm cũng là vô hạn! Long vương bốn bề hiểu được công đức của hạt gạo và công đức của bộ áo khố cũng lớn lao như nhau, đều do nhất niệm lòng thành đưa dẫn, cho nên liền nhượng bộ rút lui. Do đó, có thể thấy chỉ cần nhất niệm lòng thành thì sức mạnh của một hạt gạo bé tí, của một bộ áo khố tầm thường cũng có thể ngang bằng với hàng ngàn hàng vạn ngọn núi Tu Di!”

Về sau, có người lấy sự kiện này viết thành một bài kệ để cảnh báo chúng sinh trong thiên hạ: “Phật quan nhất lạp mễ, đại như Tu Di sơn; nhược nhân bất liễu đạo, phi mao đái giác hoàn.” (Phật xem một hạt gạo, lớn bằng núi Tu Di, nếu người không hiểu đạo, mang lông đội sừng trả - “mang lông đội sừng trả” ý nói phải làm thân trâu ngựa, tức súc sinh, để trả cái nghiệp không hiểu đạo lý ấy.)

Trong kinh Phật còn có một câu chuyện tương tự như vậy.

Có một cô gái nghèo đi ăn xin khắp nơi để sống cũng nghĩ đến một thứ phước điền, thế là cô dành tiền từng xu rất chật vật, bớt ăn nhịn tiêu mới có được một đồng, cô quyết tâm đem đi bố thí. Hòa thượng trú trì nhà chùa biết được việc này bèn nói với các đệ tử: “Lễ cúng trai hôm nay ta cần đích thân chủ trì vì nữ cư sĩ thành tâm này cầu phước!”

Không lâu sau đó, công đức một đồng tiền đã đem lại cho cô gái nghèo ấy cuộc gặp gỡ kỳ lạ vô cùng. Nguyên là từ sau khi vương hậu của quốc gia này qua đời, quốc vương rầu rĩ không, các đại thần vì muốn giúp quốc vương vui sầu muện bèn tổ chức một buổi du ngoạn săn bắn. Khi quốc vương đi qua một vùng rừng rậm, bỗng thấy phía trước có một vòng sáng chớp chớp hào quang. Quốc vương thấy rất lạ, một người trong đoàn quất ngựa tiến lên, khi đến gần thoáng nhìn, thì ra một cô gái đẹp như tiên giáng trần, áo quần tuy rách rưới, nhưng tướng mạo vô cùng thanh tú. Quốc vương vừa nhìn đã thấy yêu cô gái và đưa cô về hoàng cung, không lâu sau kết hôn thành vợ chồng.

Sau khi cô gái nghèo trở thành vương hậu, trong lòng cô vô cùng vui vẻ: Ngày trước ta chỉ cúng dường một đồng, không ngờ lại gieo được một ruộng phước to lớn như thế này; ta cần phải trở lại ngôi chùa ấy để tạ ơn Bồ tát, bố thí nhiều tiền hơn nữa mới phải!

Thế là cô ăn mặc lộng lẫy chuẩn bị mấy mươi xe tiền và vật phẩm để cúng dường, tiền hô hậu ủng đi về phía ngôi chùa. Suốt dọc đường đi cô luôn nghĩ: năm xưa mình chỉ bố thí có một đồng mà hòa thượng trú trì của chùa đích thân cầu phúc cho mình; ngày nay mình bố thí nhiều như thế này nhất định hòa thượng sẽ rất coi trọng mình!

Không ngờ, lần này chỉ có mấy vị sư phụ thay mặt trú trì ra tiếp đãi, chúc nguyện, hành lễ theo nghi thức, hoàn toàn không có biểu hiện nào đặc biệt long trọng. Vương hậu trẻ tuổi giận dữ bỏ đi, lúc ấy trú trì mới nhờ người mang thư đến cho cô, nói: “Năm xưa, một đồng tiền là tất cả tài sản của cô, cô đem tất cả tấm lòng thành để cúng dường, tỏ rõ sự cung kính bố thí của mình. Ngày nay, mười mấy xe vật phẩm cúng dường chỉ là một phần nhỏ trong số tài sản lớn, đồng thời cô đang mang một tâm lý tự đại để cúng dường, thân tâm của cô không thể không nhiễm, không vắn đục, nào đâu phải là công đức trang nghiêm?”

Cho nên, bố thí với “một niệm hoan hỷ” thì công đức thật là lớn lao. Bất kể so sánh lớn nhỏ núi Tu Di với hạt cải, hay là so sánh lớn nhỏ với công đức bố thí, nhỏ lớn lớn nhỏ, hoàn toàn không chấp nê theo hình tướng, theo ngoại tướng, mà là theo sự lý viên dung, pháp thân huệ mệnh trong ngoài như một đấng

thê hội và chứng nghiệm, vì vậy nên có điều gọi là “gộp tất cả lời nói vào một câu, gom đại thiên thể giới vào một hạt bụi”.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Chỉ cần luôn luôn chịu đựng, thì làn sóng của thời gian sẽ đưa dẫn nhân vật “nhỏ bé” tiến lên theo hướng thời đại;

Chỉ cần đi vào thực tiễn, thì tay cự phách của lịch sử sẽ đưa dẫn nhân duyên “nhỏ bé” kết tụ thành công lao to lớn.



Không chẳng phải không, có chẳng phải có

Có một người ở tuổi trung niên tên là Lý Đại Phúc, không có nghề nghiệp đàng hoàng, hàng ngày đều lên quán trà để uống trà buổi sáng. Một hôm, anh ta ngồi bên cửa sổ quán trà nhìn xuống, thấy dưới đất có một xâu tiền, lòng tham nổi lên, vội chạy xuống lâu để nhặt chỗ tiền ấy. Không ngờ đến gần nhìn qua, thì ra đó là một con rắn chết, đâu có bóng dáng đồng tiền nào? Lý Đại Phúc thất vọng trở lại căn lầu, càng nghĩ càng không cam lòng, nhìn xuống một lần nữa, lại thấy lấp loáng một xâu tiền. Anh ta chạy như bay xuống lâu, nhìn qua, lại là xác con rắn chết! Anh ta cúi đầu chán nản đi lên lầu, lại nhìn xuống, cũng thấy một đồng tiền. Lần thứ ba anh ta chạy xuống lâu, lại là rắn. Việc này khiến cho những người trong quán trà đều cười anh ta là si mê điên cuồng. Anh ta hoàn toàn không chịu thua, bèn đem cái xác con rắn chết về treo trên tường, vừa nhìn vừa chửi: “Mày là cái thứ gì mà sáng sớm đã hại tao, bắt tao lên lên xuống xuống khổ sở, để tao xem mày biến thành thứ gì cho biết!” Nói chưa dứt, rắn chết trên tường lại biến thành một xâu tiền đồng. Lý Đại Phúc vội xông tới muốn túm lấy nó, vô ý vấp phải chân bàn bị té gãy chân, lại phải một phen mất trắng số tiền để lo chạy chữa thuốc thang.

Đối với thế nhân vạn vật tham cầu không chán, rốt cuộc trở thành nghèo xơ nghèo xác; đối với sinh tử vận hạn tham ái cố chấp, cuối cùng khó tránh khỏi hư không, khổ ải. Nguyên nhân căn bản là chúng ta luôn cho rằng không tức là không có gì cả, có tức là có tất cả, con người bình thường đều muốn tránh không theo có, cho rằng có tốt hơn so với không có, kết quả thường khiến tâm ở trong trạng thái chối bỏ không, vọng tưởng có và phải mệt mỏi vì bon chen. Trong “Cảnh Đức truyền đăng lục” có nói: “Chư Phật và tất cả chúng sinh chỉ là nhất tâm, không có pháp nào khác. Tâm ấy từ vô thủy đến nay không từng sinh, không từng diệt, không xanh không vàng, không hình không tướng, không từng có không, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, vượt qua tất cả giới hạn của lời nói, dấu vết, đối đãi, đương thể tức đúng, động niệm tức sai.”

Thực ra, không không phải là không thật sự, có không phải là có thật sự, giữa không và có vừa không phải là đối đãi, vừa không phải là sai biệt, mà là hoàn toàn như một, lý và sự vô ngại. Nguyên tắc ấy có thể theo những công án dưới đây để nhận ra một số tin tức.

Có người hỏi thiền sư Tây Thường Trí Tạng: “Có thiên đường và địa ngục không?”

Trí Tạng đáp: “Có”.

Người ấy lại hỏi: “Có hay không có Phật?”

Đáp: “Có”.

Người ấy còn hỏi tiếp một số vấn đề khác, thiền sư Trí Tạng đều trả lời “có.”

Người ấy do đó tức giận trách hỏi: “Thưa hòa thượng, tại sao ông cứ nói ‘có’ hoài vậy? Lẽ nào không có ngoại lệ chẳng? Tại sao tôi đã từng đem những vấn đề giống như thế này hỏi hòa thượng Kính Sơn, thì hòa thượng Kính Sơn toàn nói là ‘không’, còn ông thì nói hoàn toàn tương phản?”

Thiền sư Trí Tạng cười, rồi hỏi người ấy: “Ông có hay không có vợ?”

Người ấy đáp: “Có”.

Trí Tạng lại hỏi: “Hòa thượng Kính Sơn có hay không có vợ?”

Người ấy thất cười nói: “Không có ạ!”

Trí Tạng cũng cười: “Nói như vậy, tôi nói có, hòa thượng Kính Sơn nói không, có phải là đôi cực chẳng?”

Người ấy nghe xong lập tức đại ngộ, và bái tạ mà đi.

Có là pháp thế gian, là diệu dụng của cuộc sống; không là pháp của xuất thế gian, là bản thể của cuộc sống. Phật pháp thực hành theo trung đạo viên dung của có và không, là chân không diệu hữu của trung đạo viên dung. Nếu chúng ta có khả năng dùng trí Bát nhã quán chiếu thực tướng của “chân không diệu hữu”, không thổi “gió phân biệt”, không nổi “mưa đối đãi” thì tự nhiên giữa không và có hòa hợp viên dung, giống như mặt trời soi sáng sơn động, sơn động tắm ánh mặt trời, tự nhiên có thể “không có không hai” (không hữu bất nhị).

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Muốn ở trên đầu ngàn người, trước tiên phải ở dưới chân vạn người;

Chỉ có làm trâu ngựa cho chúng sinh trước, sau mới có thể trở thành rường cột tốt nhất.



Đúng và sai

Có một người đang cầu cứu thiền sư Tào Sơn: “Con đang bị bệnh cả người, xin sư phụ chữa trị cho con!”

Thiền sư Tào Sơn hươ tay, ngược mắt nhìn lên trời, nói: “Không chữa!”

Người ấy sững người, nghi hoặc hỏi: “Tại sao không chữa?”

Thiền sư Tào Sơn cười, nói: “Để cho người muốn sống không được muốn chết cũng không xong!”

Xem qua câu chuyện trên, độc giả có nghi ngờ liệu có cái lý ấy chẳng? Không cứu người thì thôi, sao lại để người ta muốn sống không được, muốn chết cũng không xong? Phải nói điều này quá tàn ác! Phật pháp không chỉ đúng là đúng, sai là sai, mà còn có “đúng tức là sai, sai tức là đúng”, lại còn có “muốn sống không thể, muốn chết không được”.

Nay tôi mời mọi người thử tham khảo:

Bạn bệnh là gì? Không bệnh là gì?

Bạn sống là gì? Chết lại là gì?

Từ nhỏ, chúng ta từng được dạy bảo là đúng sai phải rõ ràng, đúng là đúng, sai là sai, không thể lẫn lộn, đó là nguyên tắc cơ bản trong đạo làm người. Nhưng theo Phật pháp mà xét thì những đúng đúng sai sai trên thế gian đều là tướng điên đảo, tính hư ảo, có lúc chúng ta càng muốn làm rõ ràng thì càng không minh bạch. Trong Phật pháp “sắc không khác không, không không khác sắc”, “sắc tức là không, không tức là sắc”, đúng sai chân chính thường thường nhất trí, đúng tức là sai, sai tức là đúng, đúng và sai là không hai (thị phi bất nhị).

Trong kinh “Kim Cang” có nói: “Phật nói tất cả các pháp là không phải tất cả các pháp, mà là tất cả các pháp”. Tôi giải thích câu kinh văn trên là: Phật pháp có lúc rời xa tất cả danh tướng, ta người, như con linh dương đến ở một nơi hẻo lánh không có dấu vết, đó không phải là Phật pháp; có lúc lại xa kinh phản đạo, hữu nhiễm hữu lậu, tức ngược lại khiến người ta như hoa trong gương như trăng dưới nước, thanh tịnh hiện ra, như trong bãi sâu bụi trần bùn đọng mọc lên vô số hoa sen diệu pháp, như vậy không phải là Phật pháp mà lại thành Phật pháp.

Chúng ta niệm “A Di Đà Phật”, giữ tâm không sân hận, đó là Phật pháp; khi đưa bé quá bướng bỉnh, dạy nó đôi câu, đánh nó một cái, đó cũng là Phật pháp.

Triều Sơn lễ Phật, sớm chiều cúng bái, đó là Phật pháp; nhưng nếu khi lạy Phật, ba thứ độc (tức tham sân si) quá mạnh, trong lòng tham cầu tiếng tăm lợi ích, thì đó là xa rời Phật pháp.

Cho nên một người có tin Phật hay không, có làm theo pháp hay không, không thể chỉ nhìn bên ngoài, mà cần dựa vào bản tâm, tự tính, điểm xuất phát của người ấy để tìm hiểu. Những sự lý lạ kỳ trong pháp môn thì rất nhiều, nhưng không thể chỉ suy đoán theo góc độ của những biện giải thông thái đời thường, những sự lý kỳ lạ ấy cần phải do những nhân vật kỳ lạ biện giải mới có thể biết rõ bảy mươi hai tầng trời, tám vạn bốn ngàn pháp môn.

Trong lịch sử thiền Tông Trung Hoa có một công án rất nổi tiếng giải thích pháp môn đúng sai không hai ấy (thị phi bất nhị), đó là ngũ tổ Hoằng Nhẫn bảo các đệ tử làm bài kệ ngộ đạo, dựa vào đó để truyền tâm ấn và y bát. Lúc đó, đại đệ tử Thần Tú làm bài kệ như sau: “Thân thị Bồ đề thụ, tâm như minh kính đài; thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai” (Thân là cây Bồ đề, tâm là đài gương sáng; ngày ngày lo lau chùi, không để bám bụi trần). Còn về sau, Huệ Năng trở thành Lục tổ có một bài kệ khác mà ý cảnh rất sâu xa: “Bồ đề vốn vô thụ, minh kính diệc phi đài, bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai? (Bồ đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay không có vật, bụi trần bám vào đâu?).

Chỉ nhìn qua câu thơ, chắc các vị cảm thấy kỳ lạ: Cây Bồ đề có cành có lá, tại sao cho là không phải cây? Đài gương sáng có bàn có đế, tại sao cho là không có đài? Thoạt nghe qua có vẻ như vô lý, đúng mà lại sai. Điều đó là do thói quen của chúng sinh dùng lô-gic thông thường để nhận biết tướng thế gian, đối với tất cả mọi sự mọi vật đều phân biệt đối đãi. Một không phải là hai, đúng không phải là sai, hai phạm trù đó tường lũy rõ ràng, từ đó dần dần hình thành sự mâu thuẫn không thể thống nhất. Nhưng các vị thiền sư đã chứng ngộ cảnh giới không tăng không giảm, thực tướng trung đạo, có thể

theo thứ lớp ta vật đều quên để phản chiếu thế giới, cho nên có thể từ trong sự sai khác thể nhận tính bình đẳng, từ trong rối loạn thể hiện sự an tĩnh của họ, lúc đó những đúng đúng sai sai của thiên hạ hoàn toàn mất đi tính đối đãi trong nội tâm khoảng khoáng tĩnh lặng của họ, mà trở lại cảnh giới trời sinh hoàn toàn như nhau. Vì thế cho nên thân hiện ra ở cảnh giới Bồ đề, tâm trú tại nơi Tam muội minh kính.

Xin mời các vị thử tham khảo:

- Thân của bạn là gì? Tâm là gì?

- Thân của bạn không phải là gì? Tâm không phải là gì?

Trong thiên tông có một công án khác, là “ngựa xứ Mục Châu ăn cỏ, ngựa xứ Ích Châu trương bụng”, dùng ngôn ngữ hiện đại để giải thích như sau, ví như một con ngựa ở Đài Bắc ăn cỏ thì một con ngựa khác ở Cao Hùng bụng trương phình. Nếu nhìn theo góc độ hiện thực thì câu nói trên hoàn toàn nghe vô lý, tôi ăn no hoàn toàn không giống bạn ăn no, tôi không muốn sống hoàn toàn không giống bạn sống mà không thể chịu khó. Nhưng đối với các thiền sư, vật ta như nhau, trong ngoài là một. Núi sông đất đai ở bên ngoài cũng là núi sông đất đai của nội tâm, đại thiên thế giới cũng là đại thiên thế giới của nội tâm, chúng sinh cũng là chúng sinh ở nội tâm của tôi, như vậy, khi ngựa xứ Mục Châu ăn cỏ thì ngựa xứ Ích Châu trương bụng cũng là sự việc hợp lý, tự nhiên. Chúng ta học thiền trước tiên cần chú ý đến một điểm là phải hiểu rõ tất cả pháp giới là thật có cũng là thật không, là bình đẳng cũng là vô sai biệt. Lấy đó mà xem xét lại bản tính của hư không, hiểu rõ không có vật gì có thể nhìn thấy mà mọi vật hiện ra, hiểu rõ không có vật gì có thể biết được mà mọi vật biết nhau, trong một niệm tức thì phá bỏ chấp thủ, độc lập vượt cao.

Thiền sư Nghĩa Huyền Lâm Tế theo học thiền sư Hoàng Phách ba năm chưa từng hỏi một câu, lại được sư phụ thượng tọa khích lệ, mới bước vào phương trượng tham thiền của thiền sư Hoàng Phách hỏi: “Xin hỏi sư phụ, ý của Tổ sư từ Thiên Trúc đến là gì ạ?” Thiền sư Hoàng Phách nhìn ông, không nói một lời, cầm thiền trượng đánh một cái, Nghĩa Huyền kinh hoàng chạy ra ngoài. Cứ như vậy, ba lần hỏi ba lần bị đánh, đánh đến nỗi thiền sư Lâm Tế nghĩ mãi cũng không hiểu tại sao, càng nghĩ càng buồn, cho là tư chất của mình ngu muội, nghiệp chướng quá nặng, bèn quyết định từ biệt thiền sư Hoàng Phách xuống núi thăm thú học tập. Thiền sư Hoàng Phách cũng không ngăn cản, chỉ bảo ông đến chỗ thiền sư Đại Ngu để theo học.

Thiền sư Lâm Tế đến Giang Tây xin yết kiến Đại Ngu. Vừa thấy mặt, Đại Ngu liền hỏi: “Thiền sư Hoàng Phách sư phụ của ông gần đây có pháp ngữ gì dạy ông không?”

Thiền sư Lâm Tế nói: “Có ạ, tôi đã ba lần cầu xin sư phụ từ bi dạy cho tôi thế nào là ý nghĩa của Phật pháp, hỏi một lần bị đánh một lần, hỏi ba lần bị đánh ba lần, không biết tôi đã sai ở chỗ nào?”

Đại Ngu nghe xong, bất giác cười lớn, nói: “Hoàng Phách ơi là Hoàng Phách, phải nói là người quá nóng vội trong lòng, ông ấy muốn giải trừ triệt để khó khăn cho đệ tử, nhưng đệ tử lại ngờ nghệch đi khắp nơi cầu hỏi mình sai ở chỗ nào!”

Lâm Tế bỗng hiểu tất cả, trong sát na đã phá hư không, xua tan bóng tối thấy rõ ánh sáng, ông cười và nói với Đại Ngu: “A! Hôm nay tôi mới biết Phật pháp của Hoàng Phách vốn ở chỗ không nói nhiều lời.”

Đại Ngu nghe nói như vậy, biết là ông ấy đã khai ngộ, có ý muốn kiểm tra ông xem sao, liền nắm chặt cổ áo của ông, hét lớn: “Ông kia! Ông vừa mới nói không hiểu, còn bây giờ miệng luôn nói hiểu rồi, vậy rốt cuộc ông hiểu cái gì nào?”

Thiền sư Lâm Tế bèn không nhiều lời, chỉ đưa tay đánh vào sườn Đại Ngu ba cú, Đại Ngu cũng không ra tay, chỉ cười và đẩy tay của ông ấy ra, nói: “Còn không mau trở về tạ ơn sự phụ của ông đi à? Thật may mắn đã được ông ấy tận tâm chỉ dạy.” Lâm Tế trở lại chỗ Hoàng Phách, sau khi được gặp lại, Hoàng Phách hỏi: “Ông cứ đi đi về về, sao có vẻ vội vã như vậy?”

Lâm Tế chấp tay tạ ơn, nói: “Thì là học tính nóng nảy của sư phụ đấy!”

Hoàng Phách nghe nói liền biết là Đại Ngu tiết lộ bí mật thâm diệu, bị Lâm Tế biết tởng lai lịch, lập tức vừa như cười vừa như giận nói: “Cái lão thiền sư Đại Ngu đa sự ấy, nếu lần sau tôi gặp lão ta, tôi phải đánh lão ấy một trận mới được!”

Thiền sư Lâm Tế liền nói: “Thầy nói đợi lần sau gặp mặt ư? Chi bằng tốt nhất là đánh ngay bây giờ đi!” Nói xong, đánh ngay một chưởng vào người Hoàng Phách. Hoàng Phách không những không tức giận mà còn cười lớn.

Công án này vừa mới xem qua đúng là đại nghịch bất đạo: Thiên hạ sao có chuyện không yêu thương đệ tử mà lại còn ngang ngạnh đánh đập họ. Đạo lý ở đâu khi đệ tử không tôn kính sư phụ mà ra tay mạo phạm? Nhưng người hiểu rõ thiền học mới có thể lãnh hội một cách sâu sắc, ở đây thể hiện một lòng từ ái rất sâu nặng! Thì ra sư phụ đánh đệ tử là để đánh đổ chương ngại về kiến văn của đệ tử, khiến đệ tử dùng chân tâm để tìm tòi nghiên cứu, xa rời “ngã chấp”, ra khỏi “pháp chấp”, ở trong vô tướng thấy thực tướng, không theo những câu nói nổi tiếng được ca ngợi mà đem ra giảng giải; đệ tử đánh sư phụ thì ý nghĩa này lại càng sâu sắc, tức là biểu thị phương pháp dụng công để được chứng ngộ dựa trên tâm tính, là cảm tạ sự khai thị của sư phụ bằng phương tiện thiện xảo và bằng “tính nóng nảy”, vì sư phụ mà diễn lại một lượt “cảnh cũ vốn có”.

Theo công án của Hoàng Phách và Lâm Tế, mọi người không khó để hiểu:

- Là Phật pháp thì không phải là Phật pháp.

- Không phải Phật pháp là Phật Pháp.

Trong sự huyền diệu của Phật pháp, sự xung đột giữa đúng sai đã bị tiêu diệt, sự tranh chấp của biểu tượng cũng bị trừ khử, tất cả vạn vật đều trở về với tự tính viên mãn của nó, thông suốt tỏ ngộ lẫn nhau không trở ngại, “chấp sự vốn không phải là mê lầm, hợp lý cũng không phải là tỏ ngộ”, các pháp hoặc tùy thân mà hiểu, tùy tâm mà hiểu, từ cảnh giới mà ngộ, trong chân lý vô ngã, vô chấp, vô quan hệ, vấn đề ai đúng ai sai đã không còn là vấn đề nữa!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Đây cũng là đúng sai, đó cũng là đúng sai;

Tự tâm không đúng sai, không nghe tự nhiên không.



Sạch bản không hai

Chùa Lương Sơn có một thiền sư Vô Danh, thấy nhiều tín đồ ăn thịt uống rượu vô cùng lo ngại, bèn bảo sư phụ Đại Liêu làm nhiều cái bánh thật to, rồi triệu tập tất cả tăng chúng của chùa cùng đi đến rừng xác chết. Ông dẫn mọi người đến một vùng hoang dã ở ngoại thành, tìm một xác chết đã bị thối rữa, cùng ngồi trên đất, bóc thịt hôi thối trên xác chết kẹp vào chiếc bánh lớn rồi pha rượu và bắt đầu ăn, lại bảo mọi người cùng ăn theo ông. Những người thường ăn thịt uống rượu thấy vậy, có người thì bụng mặt chạy trốn, có người thì nôn mửa không thôi, thiền sư Vô Danh lập tức cảnh cáo mọi người: “Các người nếu không thể làm sạch cõi tâm của mình thì cũng chẳng khác gì việc này (tức việc ăn bánh kẹp xác chết thối rữa ấy).”

Việc hành hóa của thiền sư không trốn tránh sạch hay bản, tức là một hình thức xa rời vết tích còn lại của thụ tướng hành thức. Phật giáo cho rằng: sạch không phải là sạch, bản không phải là bản, sạch sẽ chưa hẳn là không nhuốm bản, nhuốm bản có lúc lại là sạch sẽ; trong đạo Phật chân chính không có tuyệt đối sạch bản, khác với tri kiến thông thường của thế gian.

Lấy người để nói, chúng ta coi phân (người) là thứ dơ bản, hôi thối, nhưng chó, dòi bọ... coi đó là thức ăn ngon lành, ai sạch ai bản, làm sao có thể phân biệt một cách tuyệt đối?

Lại lấy bàn tay của chúng ta để xem, vẻ bên ngoài da thịt và móng tay của chúng ta đều sạch sẽ, nhưng nếu dùng kính hiển vi phóng đại để phân tích, thì trên đó bám đầy những bụi bản, vi khuẩn, các bạn nghe tôi diễn tả như vậy có cảm thấy ngứa ngáy và muốn đi rửa tay ngay không?

Có người bên ngoài áo mũ tươm tất sạch sẽ, nói năng cử chỉ nhã nhặn lễ độ, rõ là một khí độ quý phái, nhưng lòng dạ lại hẹp hòi xấu xa, vô cùng bản thủ, giống như trong tiểu thuyết người ta thường mắng “mòm đãi đưa đạo đức nhân nghĩa, bụng chứa đầy ý xấu cuồng dâm” (Người Việt có câu ca dao ý nghĩa tương tự, ngoài miệng thơn thớt nói cười, trong lòng nham hiểm giết người không dao), loại người ngoài sạch trong bản ấy rốt cuộc tốt hay xấu? Cũng có rất nhiều người bình dân áo quần rách rưới, thậm chí thân thể dơ bản hôi hám, nhưng họ có một tấm lòng lương thiện, trong sáng, tình trạng trong sạch ngoài bản ấy, thì một chữ “sạch” hay một chữ “bản” làm sao có thể tùy tiện nhận xét cho được?

Chúng ta thường ăn dứa, khi nó chưa chín thì vừa chua vừa chát ăn vào sẽ bị ngứa lưỡi rất hòng, đợi đến chín vàng, khi trái dứa mọng đầy nước thơm ngon, ăn vào sẽ thấy ngọt mát đầy hương vị. Chát ngọt thơm ấy do đâu mà có? Cái chua chát ban đầu đã trải qua gió thổi, nắng chiếu, mưa gội, đất cát nuôi dưỡng mà trở thành ngọt mát như đạo Bồ đề. Nếu không có chua chát làm sao có ngọt thơm? Không có phiền não làm sao có Bồ đề? Không có sự tô điểm của dơ bản làm sao có trong sạch?

Cho nên chỉ cần trừ bỏ cái tâm phân biệt có không, đối đãi mà dùng con mắt bình thường, bình đẳng để xem xét thì thế gian này vốn phạm thánh là một thể, có không đều như nhau, chỉ cần không dừng ở tình phạm, không khởi lên ý thánh thì người người đều có nhân cách đứng trong trời đất, người người đều có thể tự tại, như thiền sư Tuyết Đậu từng nói: “Thấy nghe nhận biết không nhất nhất, núi sông chẳng phải nhìn trong gương; trời sương trắng lặn đêm gần hết, ai cùng đắm trong rọi bóng hàn?” (Văn kiến giác tri phi nhất nhất, sơn hà bất tại kính trung quan; sương thiên nguyệt lạc dạ tương bán, thủy cộng trừng đàm chiếu ảnh hàn?)

Vua A Dục ở Ấn Độ chân thành tin Phật, gặp tỳ kheo nào cũng đều đánh lễ, do đó khiến cho người

ngoại đạo phê bình sau lưng và thường đem lời can gián: “Thừa đại vương, ngài là chủ tể của một quốc gia, thân phận vô cùng tôn quý, làm sao có thể gặp một tỳ kheo nào đại vương cũng khúm núm đánh lễ? Lẽ nào đầu của đại vương phải cúi xuống?”

Vua A Dục nghe xong liền bảo người giết một con heo, rồi đem đầu heo ra chợ bán với giá 50 lượng. Một ngày sau, vua A Dục lại sai người lấy đầu của một tử tù đem ra chợ bán, và dặn người này rao lớn giữa chợ là: “Đầu của vua A Dục đây, chỉ bán 10 lượng bạc thôi!” Kết quả, mọi người trong chợ đều sợ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi han gì cả. Nhân dịp này, vua A Dục trách các đại thần rằng: “Các người xem, một cái đầu heo máu me nhớp bần thê mà có thể bán được 50 lượng, còn cái đầu của ta chỉ bán 10 lượng bạc mà không một ai cần đến, các người nói đầu ta đáng quý vô cùng, vậy rốt cuộc đáng quý ở chỗ nào?”

Sạch, bản trong pháp thế gian thường không có tiêu chuẩn, không chân thật, không lâu bền. Khi hòa thượng Diệu Thiện ăn cơm, ông thường thích trộn cái gỉ sét trên nồi vào cơm để ăn, đôi khi còn quậy thêm một ít nước mũi giải của mình vào chén cơm mới nhai nuốt vào bụng. Ông lại không quen nhìn thấy vỏ dưa, vỏ đậu phộng, vỏ trái cây, giấy viết, giấy loại các thứ, thường ngày đi đứng nằm ngồi, bất kể lúc nào, bất kể ở đâu, hễ thấy các thứ đó ông liền đưa năm ngón tay vàng ra nhặt lấy, tay vừa nhặt vừa bỏ vào miệng cho vào bụng, nhai nuốt ừng ực một loáng sạch trơn. Cách ăn uống như vậy, mọi người nói chung không ai dám làm theo, nhưng hòa thượng Diệu Thiện vốn coi đó là thường. Câu chuyện “sạch bản không hai” ấy, độc giả xem có thể cảm thấy chịu được hay không? Thật ra, “tu đạo do từ nhục thân, và nhục thân cũng có thể thành đạo”, phải hiểu rõ cái xấu hư nhớp bần trong sinh hoạt mới có thể chứng ngộ sự trong sáng thanh tịnh trong cuộc đời. Trong Phật pháp, cảnh giới sạch bản không hai giống như bầu trời muôn dặm không mây, nếu chấp trước vào cái bản thì cũng chẳng khác nào như mây đen che lấp bầu trời, nếu ngu si ôm giữ cái sạch thì cũng giống như đất bằng nổi mù sương phủ khuất mặt trời. Cho nên, chúng ta không những cần gột sạch pháp tướng sạch bản, mà cũng cần vứt bỏ tri kiến sạch bản.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Giữ mình không thể quá sạch sẽ, tất cả ô nhục, dơ bẩn cũng cần dung nạp được;

Xử sự không thể quá rõ ràng, tất cả hiền ngu, tốt xấu cũng nên bao dung được.



Thiện ác nhất tâm

Bạch Cư Dị đời Đường thỉnh thị thiền sư Điều Khoa về những yếu chỉ của Phật pháp, thiền sư Điều Khoa nói: “Những việc ác không làm, những việc thiện phải làm!”

Nghe xong, Bạch Cư Dị rất đổi thất vọng, nói: “Chỉ hai câu đơn giản ấy là yếu chỉ của Phật pháp sao? Đứa bé ba tuổi cũng đã biết rồi!”

Hòa thượng Điều Khoa mỉm cười, nói: “Đứa bé ba tuổi cũng biết, nhưng ông lão tám mươi tuổi làm không được đây, mọi việc miệng nói thì dễ, nhưng tự mình đi làm lại rất khó!”

Người xưa nói: “Thiện là tốt đẹp, thiện có thể là không tốt đẹp, thiện của tổ tiên xưa kia ắt cũng có để lại tai họa, nhưng tai họa chấm dứt thì trở nên tốt đẹp; ác là xấu xa, ác có thể là không xấu xa, ác của

tô tiên xưa kia ắt cũng có để lại âm đức, nhưng âm đức hết tận thì trở nên xấu ác.” Làm người, chúng ta phải nhận biết nguyên tắc “thiện ác như bóng theo hình, nửa bước không rời” và trong đời sống hàng ngày, chúng ta cần phải chú ý tuân thủ không được đánh mất.

Con người đều biết rõ làm nhiều điều thiện thì được thiện báo, làm nhiều điều ác thì bị ác báo, nhưng thường do vô minh mê lầm nên chỉ thấy trong nhất thời mà không thấy lâu dài, rất dễ bị tình cảnh trước mắt bùng bít dôi lừa. Thấy người thiện nghèo khổ, người ác hưởng phúc thì đâm ra căm giận, bất bình, cho là đạo trời không phân minh, rồi dao động lòng tin đối với nhân quả, thậm chí trôi nổi theo thói tục, khởi lên những hoặc nghiệp vô minh; thấy người trộm cướp làm ác mà không bị đạo trời hay phép nước xử trị thì có người cũng theo đó làm điều ác để cầu lợi, quen thói sau đôi ba lần bị lún sâu vào tình cảnh tội ác, cuối cùng phải tự mình nhận quả xấu, có hối cũng không kịp, lúc đó mới biết thiện ác đều có quả báo. Kinh Phật nói: “Nghiệp ác chưa chín muồi thì người ác cho là sướng; khi nghiệp ác đã chín muồi thì người ác mới thấy cái ác. Nghiệp thiện chưa chín muồi thì người thiện cho là khổ, khi nghiệp thiện chín muồi, người thiện mới thấy điều thiện.”

Trong xã hội hiện nay, việc trộm cắp, cướp đoạt, giết người xảy ra không ngừng, những người làm điều ác ấy phụ thuộc vào tính khí vui giận nhất thời, một khi thân bị giam vào tù ngục, cuộc sống tốt đẹp chấm dứt, họ mới tin “nhà tích thiện, ắt có phúc ấm đời đời, nhà gieo điều ác ắt có lằm tai ương; sự báo đền của thiện ác như bóng theo hình, nhân quả ba đời tuần hoàn không mất”, lúc đó có hối cũng không kịp. Nếu ý nghĩ và tinh thần làm điều xấu đều dùng để làm điều tốt, tin tưởng mọi sự cuối cùng sẽ sáng sủa tốt đẹp, không so tính khó khăn trắc trở nhất thời, cuối cùng sẽ có ngày thiện quả chín muồi và tự mình hái lấy để thưởng thức.

Lưu Bị thời Tam Quốc, lúc sắp chết nói với con rằng: “Đừng cho việc ác nhỏ mà làm, đừng cho việc thiện nhỏ mà không làm.” Kinh Phật nói lại càng sâu sắc hơn: “Đừng xem thường việc ác nhỏ mà cho là không gây họa, giọt nước tuy nhỏ, nhưng dần dần sẽ làm đầy đồ chứa; đừng xem thường việc thiện nhỏ mà cho là không đem phước, giọt nước tuy nhỏ, nhưng phước vẫn tràn đầy.” Từ lời nói, cử chỉ đến việc khởi niệm phát tâm trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta cần thực hiện nhiều thêm điều thiện, không thể coi thường, lơ đãng bỏ qua, cho rằng một sai trái nhỏ nhỏ sẽ không gây tổn hại gì tới đại cuộc. Trong chôn quan trường lại càng phải chú ý, bởi vì một đốm lửa nhỏ thường là nguyên nhân của cơn hỏa hoạn.

Có người thấy người khác an hưởng vinh hoa phú quý của nhân gian, còn mình cô đơn cùng khổ bệnh tật, nên ngưỡng mộ số phận thông thuận của người khác, và thán oán mình bất hạnh gặp khó khăn lận đận. Thực ra, tất cả những vui buồn, họa phúc, thiện ác trên thế gian này đều do tâm mình tạo ra, tâm có thể tạo nghiệp, tâm cũng có thể chuyển nghiệp. Cho nên có điều gọi là “tâm tốt mệnh lại tốt, thì giàu sang phát đạt sớm; tâm tốt mệnh không tốt, thì cuộc đời được no ấm; mệnh tốt tâm không tốt, thì tiền đồ khó giữ; tâm mệnh đều không tốt, thì nghèo khổ cho đến già.”

Thời Võ Tắc Thiên có một viên quan rất ác ôn nhưng lại rất được trọng dụng, đó là Chu Hưng. Hắn thường dùng các loại hình phạt tàn khốc để cai quản ngục thất, trên từ các quan của triều đình, dưới đến bình dân bách tính, không ai là không kinh hoàng khiếp sợ. Chu Hưng hoành hành một thời, gieo thù gây oán khắp nơi. Về sau có người ôm hận mật báo, nói Chu Hưng có ý đồ mưu phản, Võ Tắc Thiên rất giận, bèn giao vụ án này cho tay nịnh thần sủng ái khác là Lai Tuấn Thần điều tra hành xử.

Lai Tuấn Thần không thay đổi sắc mặt, chuẩn bị thiệp, mời Chu Hưng cùng dùng cơm, tại bàn ăn, Hu

Hoài thánh giáo: “Thừa Chu đại nhân, nếu có phạm nhân xảo quyết ngoan cố, tội rất khó truy tìm, nhưng hẩn không cung khai, không nhận tội, vậy đại nhân dùng hình phạt gì mới có thể để hẩn cúi đầu nhận tội?”

Chu Hưng cười nói: “Việc này quá dễ, ta sẽ chỉ cho ông. Ông sai người chuẩn bị một cái chum lớn, bốn bề đốt lửa than đỏ, hừng hực như than để nướng, rồi bắt phạm nhân ấy ngồi vào trong, cứ làm như vậy, thì dù là người gan đồng tim đá cũng phải cung khai!”

Lai Tuấn Thần nghe nói xong, lập tức sai người đem lại một cái chum lớn, theo phương pháp của Chu Hưng bắt đầu vun than đốt lửa, đến khi lửa nóng hừng hực mới rời chiếu đứng dậy, lấy ra tờ chiếu viết tay của Võ Tắc Thiên, nói: “Chu Hưng, trong cung có chiếu, nghe ông có ý đồ mưu phản, sai tôi hỏi tội. Nay cái chum lớn đã đốt than nóng rực, vậy mời ông vào ngồi trong chum!” Chu Hưng nghe nói, chỉ trong giây lát đã hồn xiêu phách lạc, bỗng nhiên bưng tỉnh, ngày thường làm chuyện tán khóc, không từ thủ đoạn, lạm dụng hình phạt, ngày nay báo ứng đến lượt mình chịu, Chu Hưng liền khấu đầu sợ hãi nhận tội.

Đúng là “Thiện tựa thông xanh, ác tựa hoa, rành rành trước mắt chẳng như tha (là nó, tức cây thông), có ngày gặp phải sương tuyết dập, chỉ thấy thông xanh chẳng thấy hoa.” (Thiện tự thanh tùng ác tự hoa, khán khán nhãn tiền bất như tha; hữu triều nhất nhật tao sương đả, chỉ kiến thanh tùng bất kiến hoa). Nhân quả của thiện và ác tương tự như thông xanh và đóa hoa, chúng ta thà làm cây thông xanh giải dầu sương gió chứ không tham lam vinh hiển nhất thời mà như đóa hoa đã nở ra tội ác để lại ân hận suốt đời.

Tất cả pháp tướng đều do từ thân hiển hiện, một bước đi sai, ngàn kiếp khó chuộc, nên có điều rằng: “Công bằng chính nghĩa chớ coi khinh, chưa từng khởi niệm đã tiên tri, khuyên bạn đừng làm điều thất đức, lưới trời kim cổ chẳng chừa ai.”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Tình người quan trọng hơn so với tiền bạc, nhưng đạo nghĩa lại cao hơn so với tình người;

Danh dự quan trọng hơn so với tính mệnh, nhưng lương tâm lại cao hơn so với danh dự.



CUỘC ĐỜI CỦA ĐẠI NGÃ

*Tay gieo lúa mạ khắp cánh đồng,
Đầu cúi nhìn trông nước trời trong;
Sáu căn thanh tịnh đứng vì đạo,
Nhường bước thì ra lại tiến lên.*

Bệnh nặng của đời người - tham

Có một vị tiên thu nhận hai đệ tử, để giúp họ chứng được đạo tiên, sư phụ hoàn toàn không cho đệ tử tiếp xúc với phụ nữ. Đến khi hai đệ tử khoảng 20 tuổi, tiên nhân muốn thử đạo tâm của họ, bèn dẫn hai đệ tử đến một thành phố đông đúc ồn ào đi quanh một vòng.

- Tiên sư, đây là cái gì vậy ạ? Một đệ tử tay chỉ vào một cô gái trẻ tuổi xinh đẹp thốt tha hỏi, bởi vì từ trước đến nay chưa từng thấy đàn bà con gái.

- Đó là con cạp ăn người. Tiên sư nói.

Khi về đến động tiên, tiên nhân mới hỏi: “Này các đệ tử, các con đi một ngày trời, vậy các con cảm thấy điều gì là đáng yêu nhất?”

- Con cạp ăn người là đẹp nhất! Hai đệ tử cùng trả lời giống nhau.

- Các con chẳng có tiền đồ gì cả! Tiên nhân nói, và giận dữ đuổi hai đệ tử ra khỏi cửa.

Bệnh nặng của con người, theo Phật pháp nói, đó là tham, sân, si luôn luôn chiếm cứ trong tâm của mọi người. Vì sao nói bệnh nặng của con người là tham, sân, si?

Con người sống trên thế gian này không muốn có nhà lầu, xe hơi đời mới, thì cũng muốn có một phụ nữ hoa lệ xinh đẹp; không chú tâm đến danh lợi phú quý, thì cũng đi tìm món ngon vật lạ. Những ý nghĩ viển vông ấy chính là bệnh tham lam của chúng ta.

Chữ “tham” ấy không hẳn là một điều hoàn toàn xấu, ví như chúng ta tham muốn kiến văn sâu rộng, học vấn uyên bác, hoặc tham muốn thoát vòng sinh tử, chứng ngộ đạo quả Vô thượng, chữ “tham” dùng trong các trường hợp này hoàn toàn không sai. Nhưng có điều tâm tham muốn học vấn, kiến văn, mong cầu thoát vòng sinh tử chứng quả Phật Vô thượng ấy không phải hại người lợi mình, không phải tự tư ích kỷ, mà là thứ quý báu vô giá của con người. Chữ “tham” mà chúng ta nói đến ở đây là những ham muốn hại người lợi mình, tham lam ích kỷ.

Để mong cầu có được một phần phúc lạc, hay tư lợi trước mắt, con người kể cả giữa cha con với nhau thường tranh nhau đến độ đổ mắt tía tai, hoặc giữa tình cảm bạn bè với nhau cũng đá đổ tất cả; để thỏa mãn ham muốn của lòng tham, bao nhiêu nghĩa lý của tình người, bao nhiêu công bằng đạo đức, họ đều bỏ qua. Một xã hội như vậy, khi mà tiền bạc, sắc đẹp, địa vị đang ở ngay trước mắt, thì cướp đoạt, cưỡng dâm, đầu đá, kiện tụng, bao nhiêu trò bịp đều có thể diễn ra, những tham dục ấy há chẳng phải là bệnh nặng của người đời đó sao?

Tham là do yêu thích mà sinh ra. Con người thường yêu thích sắc đẹp, tiền của, địa vị, hưởng thụ, để thỏa mãn sự ham thích ấy, tuy sắc đẹp như cọp sói, tiền của như rắn rết, địa vị như hàm bầy, hưởng thụ như dao sắc, nhưng con người vẫn cứ tham cầu. Con người vì sự ham thích ấy mà đâu đâu cũng có trường hợp khiến cho sắc đẹp như cọp sói nuốt gọn, khiến cho tiền của như rắn rết tằm độc, khiến cho địa vị như hàm bầy ràng buộc, khiến cho hưởng thụ như dao sắc giết hại, vô cùng đáng sợ!

Thuốc chữa trị bệnh “tham” cần dùng là chữ “buông bỏ”. Tất cả đều vì mình mà lo nghĩ, không chịu dành lợi ích cho người khác, những gì đáng yêu của thiên hạ đều mong sẽ thuộc về mình, không bận tâm đến hạnh phúc của người khác, bản làm gì đến an vui của người khác, sự sống chết, được mất của người khác đều không liên quan gì đến mình, do vậy, bệnh tham cứ gắn chặt với chúng ta. Nếu biết xả bỏ, thấy được tinh thần hay vật chất của người khác đều có đau khổ, thì sẽ rất vui vẻ đem bỏ thí những hạnh phúc, an vui, lợi ích của mình cho mọi người, như vậy, bệnh “tham” sẽ không còn sinh ra nữa.

Nhưng nói đến chữ “buông bỏ”, rất nhiều người đều cảm thấy mình có thể đã làm rồi, như tặng quà cho người khác, giúp người giải quyết một số khó khăn... Nhưng như vậy không thể xem là buông bỏ chân chính. Bởi vì khi tặng quà cáp hay giúp người khác giải quyết khó khăn, trong lòng ta đôi khi có một chút ý tưởng mong được báo đền; đó lại là ý tưởng tham rồi, không thể gọi là buông bỏ.

Buông bỏ đích thực phải như cây đèn sáp, khi mình hy sinh chỉ mong người khác được soi sáng là đủ; buông bỏ đích thực phải như giọt sương mai, biết rõ mình trong chốc lát sẽ mất đi, nhưng vẫn dùng chút sức lực nhỏ bé của mình để tưới thấm vạn vật lớn lên; buông bỏ đích thực phải như ánh sáng mặt trời, chiếu sáng khắp mặt đất một cách vô điều kiện, không những không mong vạn vật báo đền, mà còn cảm thấy đó là nghĩa vụ mà mình phải tận lực thi hành.

Kinh Phật nói: “Chỉ mong chúng sinh được thoát khỏi khổ đau, chứ không mong cầu mình an lạc.” Đó là ý nghĩa của buông bỏ.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Khi vinh quang đến, cần kiểm điểm lại tâm của mình, nếu không bức tường ngạo mạn sẽ ngăn cách tâm nhìn của mình;

Khi phiền não xảy đến, cần kiểm điểm lại tâm của mình, nếu không ngọn lửa của sân hận sẽ tiêu diệt công đức của mình;

Khi có tình cảnh rối loạn, cần kiểm điểm lại tâm của mình, nếu không dòng thác của tham dục sẽ nhấn chìm ý chí của mình;

Khi lo nghĩ việc được thua, cần kiểm điểm lại tâm của mình, nếu không gió chướng của nghi kỵ sẽ thổi bay lòng tin của mình.



Bệnh nặng của đời người - sân

Thời Đường Thái Tông, hoạn quan có quyền lực nhất triều đình là Ngưu Triệu Ân hỏi thiền sư Dược Sơn: “Trong ‘Phẩm Phổ Môn’ có nói, ‘ngọn gió đen tối thổi thuyền trôi như bay phiêu dạt vào nước quỷ La Sát’, xin hỏi gió đen tối là gió gì?”

Thiền sư không khách sáo nói thẳng: “Ngư Triều Ân! Sao ông kém thế, ông hỏi vấn đề này làm gì?”

Ngư Triều Ân nghe xong, hằm hằm biến sắc, thiền sư Dược Sơn cười nói: “Đó là ngọn gió đen tối thổi thuyền trôi như bay đây.”

Ngư Triều Ân không vui vì thiền sư Dược Sơn chế giễu mình, nên lòng sân hận nổi lên. Bệnh nặng của lòng sân hận ai ai cũng có, không phân biệt già trẻ trai gái. Đứa bé mong muốn người mẹ cho mình bú sữa, nhưng mới chỉ một chút không vừa ý nó liền đập tay đập chân khóc lớn, chừng đó đủ thấy sự giận dữ luôn luôn xảy ra. Có người nói miệng ngọt ngào mà bụng đầy ác ý, đó là lòng sân hận ẩn ngầm bên trong; có người quắc mắt hung ác, đó là lòng sân hận biểu hiện bên ngoài. Mở miệng mắng nhau, vung tay đánh nhau, đều do từ lòng sân hận phát ra.

Khi một người nổi lên lòng sân hận, tất cả mọi thứ đều có thể bị phá hoại. Vợ chồng cãi vã tranh chấp, để trút hết sự tức giận trong lòng, những đồ vật ưa thích có thể bị đập phá cũng không thấy tiếc, sau đó bỏ tiền ra mua lại, mới cảm thấy hối hận, nhưng đã quá muộn.

Nếu đối xử với nhau bằng tính khí bùng bùng nóng nảy, không kìm được lửa giận, vợ chồng dù đang yêu thương vẫn có thể ly hôn, bạn bè đang tốt đẹp cũng dễ bất hòa. Trong đại chiến thế giới thứ hai, Hitler ghét giận tù binh Hồng quân Liên Xô, ra lệnh miễn là Hồng quân thì nhất loạt đánh giết. Hồng quân bị đàn áp đến mức chỉ còn cách liều mạng chứ không chịu đầu hàng, từ đó, cục diện trận chiến thay đổi, Hitler đang thắng thế bỗng phải chuyển hướng. Trương Hiến Trung tức giận người Tứ Xuyên, ra lệnh tàn sát hàng trăm vạn người. Họ phải hy sinh chỉ vì một cơn tức giận!

Lòng sân hận nổi lên chỉ muốn mọi người đau khổ gia tăng, chỉ muốn mọi người càng bất hạnh càng tốt, bất kể lời nói độc ác như thế nào, bất kể thủ đoạn tàn độc như thế nào, tất cả đều do từ lòng sân hận đại ác phát tiết ra. Kinh Phật nói: “Một niệm sân hận nổi lên, muôn vạn cánh cổng chướng ngại mở ra.” Lại nói: “Lửa sân hận có thể đốt cháy cả rừng công đức.” Như vậy, có thể thấy lòng sân hận chính là cơn bệnh nặng nhất của người đời.

Bệnh nặng của lòng sân hận từ đâu đến? Nó đến từ sự “không ưa thích” mà sinh ra. Không ưa thích tức là ghét bỏ. Con người vì không ưa thích nên oán nhà ghét người, không ưa thích người khác làm việc trái với ý của mình, không ưa thích người khác hơn mình, không ưa thích điều mà mình ưa thích bị người khác chiếm đoạt, tức giận do đó mà sinh ra.

Có một người như thế này, con cái hay đầy tớ hễ làm việc gì không vừa ý, ông ta liền nổi cơn thịnh nộ. Bởi vì tính khí ông ta nóng nảy, tài sản trong nhà tuy nhiều, nhưng không có nhiều người thích chung sống với ông ta. Ông cũng tự biết giận dữ là không tốt nên quyết tâm sửa đổi, ông viết trên một tấm thẻ bằng gỗ ba chữ “không tức giận”, treo trước ngực để tự răn mình. Một buổi tối nọ, ông nghe những người đầy tớ trong nhà ngồi lại với nhau cùng bàn luận: “Lòng sân hận của chủ nhà chúng ta quá lớn, không như ông Lưu ở nhà bên cạnh nhân ái thương người, cho nên chúng ta luôn luôn muốn xa rời ông ấy.” “Mấy đứa bay to gan quá nhỉ!”, vừa nói ông vừa lôi cái thẻ gỗ với ba chữ “không tức giận” đeo ở ngực xuống, rồi đánh đứa ở đã phê bình ông, “Hiện tại đã cố gắng tu dưỡng rất nhiều, đã sửa đổi lòng sân hận của tao, các người lại nói tao không bằng người khác!”

Tuy ngoài miệng ông nói nghe cũng xuôi tai, nhưng lòng ông lại không thích người khác nói đến sai trái của mình, không thích nghe nói người khác tốt hơn mình, rốt cuộc lòng sân hận lại nổi lên.

Thuốc chữa trị bệnh “sân” là một chữ “nhẫn”. Con người sở dĩ lo sợ bệnh sân hận này là vì họ thiếu công phu tu tập, một nghịch cảnh đang hiện ra trước mắt, lòng sân hận nổi lên thì bạn bè lâu năm cũng có thể biến thành thù địch, vợ chồng kết tóc cũng có thể trở thành oan gia đối địch. Lúc đó, mọi thứ bên mình đều giống như đang cười giễu, tất cả đều đáng chán, đáng ghét, chỉ một mục muốn đánh đổ toàn thế giới! Nếu lúc đó biết nhịn (nhẫn), biết tất cả mọi thứ trên thế gian đều bình đẳng như nhau, không có phân biệt ta người, không có sự khác nhau của tốt và xấu, nếu có sự tu dưỡng chữ “nhẫn” ấy, thì bệnh nặng “sân” không dễ nổi lên.

Thực ra, trên thế gian, tất cả sự việc không như ý, tất cả vấn đề khó giải quyết, lẽ nào chỉ nổi lòng sân hận là có thể giải quyết được? Chắc chắn là không thể được. Lòng sân hận chỉ có thể làm tăng thêm tính nghiêm trọng của sự việc. Cho nên, mọi sự cần phải suy nghĩ kỹ càng, không nên tức giận một cách vô lối. Phật nói: “Nếu lấy tranh chấp để chấm dứt tranh chấp thì rốt cuộc không thể chấm dứt được; chỉ có nhẫn nhịn mới có thể chấm dứt tranh chấp.”

Chữ “nhẫn” (忍), ở trên là chữ “đao” (刀), ở dưới là chữ “tâm” (心), điều này có nghĩa là dùng một con dao sắc nhọn cắm trên trái tim của bạn, bạn có thể không kêu lên một tiếng, không động đậy một chút, như vậy mới có thể gọi là nhẫn nhịn!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Khi gió xấu của ngu si thổi đến, cần giữ chặt tảng đá của trí tuệ minh lý;

Khi lửa nóng của sân hận bùng cháy, nên rải tung nước pháp (pháp thủy) của nhẫn nại ôn hòa;

Khi dòng nước của tham muốn lên cao, cần mở rộng cánh cổng của bố thí và hỷ xả;

Khi núi cao của kiêu ngạo nổi lên, phải vận dụng cuộc bàn của lòng tôn trọng và sự khiêm tốn.



Bệnh nặng của đời người - si

Có một phú ông, hàng ngày trên trường danh lợi luôn luôn suy nghĩ phương cách, tinh thần vô cùng bồn chồn bất an. Ở dưới lầu cách ông không xa, có một gian nhà tranh, có một người nghèo khó đang trú ngụ, nhưng người này ngày ngày vô cùng vui vẻ, thoải mái. Ông nhà giàu thấy vậy vừa ganh tị vừa nghi ngờ, ông ta nói chuyện này với pháp sư, pháp sư nói: “Cuộc sống của ông tuy có danh có lợi, nhưng đó chỉ là cuộc sống vật chất, vật chất thì hữu hạn mà ham muốn của ông thì vô cùng, vật chất hữu hạn đương nhiên không thể thỏa mãn ham muốn vô tận, cho nên ông đau khổ phiền não. Ông không hiểu ý nghĩa đích thực của cuộc đời, giống như đang lạc đường tìm không ra lối về chỗ trọ, dĩ nhiên ông sẽ bất an. Người nghèo khó kia, tuy thiếu thốn cực khổ, nhưng ông ấy coi nhẹ sự ràng buộc của vật chất, nhận rõ ý nghĩa của cuộc đời. Cho nên, con người ngoài cuộc sống vật chất, nhất định cần phải có nơi an trú tinh thần thì tâm cảnh mới ổn định, yên bình!”

Ngu si là cơn bệnh nặng của con người, chúng ta đang lẫn lộn trong biển cả mê mông của sinh tử, rồi thiên tai địch họa, và vô số những phiền khổ xâm hại đến thân tâm của chúng ta, tại sao chúng ta không thể thoát ra khỏi những đau khổ ấy để được an vui? Bởi vì chúng ta không có trí năng nên ngày ngày phải lẫn lộn trong sự ngu si ấy!

Phần lớn người trên thế gian cho rằng tứ đại (đất, nước, lửa, gió), ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) và sắc thân của chúng ta là có thật, là thường hằng, cho nên người ta đều sống một cách mơ hồ với “sáng nay có rượu sáng nay say”, còn như “ai người chịu nghỉ trước lúc chết?” thì đây là vấn đề rất ít người chú ý. Con người ở đời trong khoảng mười mấy mùa nắng mưa, nhưng họ không hiểu thân người quý giá, ấy thế mà không chịu mong cầu giải thoát, đó chẳng phải là quá ngu si sao?

Có những người trên thế gian cho rằng con người sau khi chết trở lại làm người; nhưng số khác cho rằng con người chết như ngọn đèn tắt, không còn gì nữa. Tư tưởng của nhóm người trước cảm thấy con người dù có làm điều ác cũng không sợ, bởi vì chết rồi cũng trở lại làm người, cũng không có nhân quả báo ứng gì cả; còn tư tưởng của nhóm người sau cảm nhận rằng con người không cần phải làm điều thiện, tức là làm điều ác cũng không cần phải lo sợ, bởi vì sau khi chết, tất cả đều không có gì, cho nên tốt nhất là nên kịp thời hưởng lạc. Lối kiến giải ngu si như vậy rất nguy hiểm đối với người đời.

Lại có một số người cũng muốn giải thoát đau khổ, mong cầu an lạc, do đó tin vào tôn giáo, nhưng hoàn toàn không theo con đường đạo giáo chính thống. Ở Ấn Độ thời xa xưa, có người quan niệm rằng vào rừng sâu đem thân cho cọp ăn, hoặc lên vách núi cheo leo xả thân xuống vực, hoặc nhảy vào trong lửa để chết cháy, như vậy sẽ được giải thoát. Ở Đài Loan ngày nay có tục sát sinh tế lễ tạo nên vô số tội ác, vì người ta cho rằng làm như vậy sẽ được quỷ thần ban phúc và có rất nhiều người tin theo. Những việc làm kể trên có phải là ngu si không?

Cũng có một loại người biết rõ tham, sân, si là không tốt, hiểu rõ tội ác của sát sinh, trộm cắp, dâm loạn, nhưng họ không thể ra khỏi tham, sân, si, không thể bỏ được sát sinh, trộm cắp, dâm loạn. Đó là căn bệnh nguy hiểm tàn phá cuộc đời con người.

Cơ bệnh nặng ngu si do mê lầm mà có. Mê lầm tức là không hiểu rõ sự lý. Con người vì không hiểu rõ sự lý nên khởi ác tạo nghiệp, do nghiệp mà chịu khổ, vì vậy con người sẽ không bao giờ được bình an tự tại.

Vì sao con tằm tự trói mình? Vì sao con thiêu thân tự bay vào lửa? Mọi người đều biết rõ trước mặt là vách đá cheo leo, hoặc là vực sâu đen tối, nhưng vẫn cứ ngu si đi theo con đường hủy diệt. Người trộm cắp biết rõ mình có thể bị ngồi tù, kẻ giết người cũng hiểu rõ giết người phải đền mạng, nhưng họ cứ trộm cắp mọi thứ của người khác, họ vẫn giết hại sinh mạng của người khác, đó không phải ngu si thì là cái gì? Người đến nhà thổ biết rõ có thể bị lây nhiễm bệnh hoa liễu, người đi chơi bài bạc biết trước có thể bị thua sạch, nhưng rốt cuộc họ vẫn làm, đó cũng là ngu si mà không tự cảm thấy.

Con người không biết thế gian là đau khổ, vô thường, không hiểu được muôn vàn phiền não khó giải thoát, luôn chìm đắm trong những thú vui tạm thời, hay ngập trong vũng bùn đau khổ, không chịu nghiên cứu sự lý, không chịu tin theo đạo Phật, cuộc đời của những người vô minh ấy như đang ở trong một giấc mộng lớn mơ mơ hồ hồ vậy!

Thuốc chữa trị bệnh “si” là một chữ “giác”, tức là hiểu biết, là giác ngộ. Con người sở dĩ lo sợ bệnh ngu si hoàn toàn là do mê lầm mà không biết giác ngộ. Hai bệnh nặng tham, sân sở dĩ trở nên ghê gớm đều do ngu si. Tám vạn bốn ngàn thứ phiền não, cuộc sinh tử của người đời có nguồn gốc sâu xa từ hai chữ “ngu si”. Ngu si làm tăng thêm tà kiến, tà kiến có thể tạo ra tất cả tội nghiệp, sau này sẽ dẫn đến quả khổ của địa ngục, súc sinh. Nếu có tâm giác ngộ, sẽ biết rõ mình cũng có trí huệ, cố gắng duy trì

mặt biển tĩnh lặng, không được để cho gió ngu si làm dậy sóng hại người.

“Bề khô mênh mông, quay đầu là bờ.” Con đường phía trước mịt mù không biên giới, con người ở thế gian, nếu không có tâm giác ngộ quay đầu sẽ dễ lạc mất cả hành trình và đường đi, thì quả là vô cùng nguy hiểm!

Cho nên, chúng ta cần hiểu rõ sự lý mà mình chưa hiểu rõ, vứt bỏ những hiểu biết sai lạc mà mình cho đó là đúng, ra sức trừ khử và chữa lành những bệnh nặng tham, sân, si và thói quen không tốt của con người bấy lâu nay, đó mới là lối giải thoát đích thực.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

“Buông bỏ” có thể chữa trị bệnh “tham lam”, khi không thể buông bỏ, nên tri túc, vì tri túc mới có thể trong trắng đạm bạc;

“Nhẫn nhịn” có thể chữa trị bệnh “sân hận”, khi không thể nhẫn nhịn, nên có lòng từ bi, vì từ bi mới có thể diệt khổ hưởng vui;

“Giác ngộ” có thể chữa bệnh “ngu si”, khi không thể giác ngộ, nên theo chánh kiến, vì chánh kiến mới có thể chuyển ngu thành trí.



Thế giới đằng sau

Tay gieo lúa mạ khắp cánh đồng,

Đầu cúi nhìn trông nước trời trong;

Sáu căn thanh tịnh đúng vì đạo,

Nhường bước thì ra lại tiến lên.

Hòa thượng Bồ Đại (đời Đường)

Người nông dân cấy mạ, cúi đầu thì thấy bầu trời dưới nước, vừa cấy vừa đi lui, đi lui hết hàng thì đi tới, cứ như vậy cấy xong cả đám ruộng. Cho nên, quay đầu, nhường bước có thể hoàn thiện chính mình, nhẫn nhịn, nhường bộ thì có cả một thế giới rộng lớn.

Con người sinh ra hai mắt chỉ để nhìn thế giới trước mặt, mà không nhìn thế giới sau lưng. Thế giới trước mặt chỉ mới là một nửa của vũ trụ, trong chặng đường đi của đời người, thế giới trước mặt là một cánh cổng chật hẹp, một con đường nhỏ bé, nhưng con người lại chen nhau trong cánh cổng chật hẹp ấy, cho nên có vô vàn thị phi, tranh chấp.

“Bề khô mênh mông, quay đầu là bờ.” Đôi khi con người quay đầu không phải là thụt lùi, mà để hoàn thiện chính mình, bởi vì thế giới sau lưng rộng lớn hơn thế giới trước mặt. Trên chặng đường mấy mươi năm của cuộc đời, chúng ta vẫn cảm thấy xấu hổ, hối tiếc, mình còn biết quá ít về vũ trụ này, còn có nhiều điều lực bất tòng tâm. Do đó cần phải quay đầu để nhìn lại xem thế giới đằng sau còn có những pháp bảo nào nữa chẳng. Có thể nói rằng việc đáng sợ nhất của con người là không biết quay đầu. Con người quay đầu bước đi càng trở nên đĩnh đạc hơn, càng có ý nghĩa hơn trong một giai đoạn

khác của cuộc sống.

Thế giới đằng sau là gì?

1. “Nhường nhịn” là thế giới sau lưng. “Nhịn một lời, biển rộng trời cao, gió yên sóng lặng.” Làm người ở đời không phải dựa vào cái dũng của kẻ thất phu, mà dựa vào sự cương cường của khí huyết mới biểu thị sức mạnh mà mình có; nhường nhịn không phải là tiêu cực, yếu mềm, mà là sức mạnh tốt nhất, có thể giúp chúng ta mở rộng không gian để dung thân. Thế giới khắp nơi ồn ào náo nhiệt, người người tranh đoạt, nếu biết nhường nhịn trong thế giới đằng sau thì không một ai còn tranh giành với mình.

2. “Ly dục” là thế giới sau lưng. Thế giới trước mặt của chúng ta có thể nói là thế giới của ngũ dục (năm thứ ham muốn), là tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, thức ăn, giấc ngủ, cũng là thế giới của ngũ trần (năm thứ thuộc cõi trần), tức sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mọi người vì ngũ dục mà bận rộn đến độ không có thì giờ nghỉ ngơi, bức bách đến nỗi thở không ra hơi, gánh đời quá nặng. Vậy làm thế nào mới có thể theo đuổi được thế giới đằng sau? Chúng ta đã không tranh giành tiếng tăm, cũng không vì lợi lộc, để vinh hoa phú quý sang một bên, để tiền tài danh vọng qua chỗ khác, điều cần bàn đến là Phật tính chân như, là thanh tịnh đại đạo, đó chính là thế giới đằng sau. Không ly dục là sống trong vực sâu của phiền não, không ly dục là sống trong thị phi ta người; nếu ly dục là một cảnh tượng thanh tịnh, thoải mái khác đang hiện ra trong cuộc sống của chúng ta.

3. “Quay đầu” là thế giới sau lưng. Mọi người đều có một quê hương xinh đẹp, xin bạn tạm thời bỏ lại, mọi người đều có những người thân thích đáng yêu, cũng xin bạn tạm thời bỏ lại; cũng có nhiều việc, nhiều người phải quan tâm, nhưng xin bạn hãy tạm thời bỏ lại. Nếu bạn không thể bỏ lại những gánh nặng ấy, thì bạn không phấn chấn nổi tinh thần, đảm đương trách nhiệm vừa mới mẻ vừa nặng nề.

4. “Không vô” là thế giới sau lưng. Trong quá khứ, bạn sống trong thế giới có sắc, có tướng, hiện tại bạn đã biết quay đầu, điều này khác với những gì mà trước đây bạn đã theo đuổi, mong muốn; điều cần theo và học hiện nay là “không” và “vô”. Không vô của Phật giáo hoàn toàn không phải là bảo bạn không có quyền sở hữu, mà là cần bạn nhận biết. Xin bạn hãy bỏ lại tất cả những chấp trước của thế giới sắc tướng, hữu vi của thời quá khứ. Đối với những điều ấy bạn phải vô cùng nghiêm túc, nhưng trong lĩnh vực chân lý đó chỉ là những thứ hư ảo. Quay đầu với thế giới không vô mới là cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp, đầy đủ đích thực. Cần phải từ bên trong của cái “không” để hiểu “có”, không “không” tức là không “có”. Thế giới đằng sau, đó mới là gốc rễ của chúng ta. Sau đó lại bắt đầu triển khai tương lai cuộc sống của chúng ta, lúc này bạn không những có thế giới trước mặt mà có cả thế giới sau lưng, bạn không chỉ có cái “có” về hiện tượng, mà có cả cái “không” của bản thể. Đến lúc đạt được “trước sau” là một, “có không” như nhau, thì nghĩa là toàn thể vũ trụ nhân sinh này mới thuộc về bạn.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Thế giới phía trước tuy tích cực, nhưng thế giới đằng sau rộng lớn hơn;

Chỉ có nhìn rõ hai thế giới ấy mới có được một thế giới hoàn chỉnh đích thực.



Mở rộng cảnh giới của cuộc đời

Có một lần Phật Thích Ca Mâu Ni đi thuyết pháp trở về, những đệ tử ai ai cũng mong nhớ đức Phật, tranh nhau đi nghênh đón đức Phật. Tỳ kheo ni thần thông số một là Liên Hoa Sắc gặp mặt đức Phật đầu tiên, cung kính thưa với đức Phật: “Bạch Phật ạ, con đệ tử Liên Hoa Sắc là người đầu tiên đến nghênh đón đức Phật đây ạ!”

Đức Phật nói: “Liên Hoa Sắc, người đầu tiên nghênh đón ta không phải là con!”

- Không phải con, thì là ai?

- Là Tu Bồ Đề!

- Tu Bồ Đề ư? Ông ấy ngay cả một cử động cũng không làm, nhưng đã ngồi ở trong rồi ư? Liên Hoa Sắc hỏi.

- Liên Hoa Sắc này, người thấy được chân lý mới là người thấy Phật đích thực. Con chỉ thấy sắc thân của Phật, còn Tu Bồ Đề lúc này đã thấy được pháp thân của Phật, nên ông ấy mới là người nghênh đón đức Phật đầu tiên!

Con người ở đời luôn mong muốn có nhiều kiến thức, muốn hiểu rõ thế giới càng nhiều càng tốt, nên có điều gọi là “đi vạn dặm đường, đọc vạn cuốn sách”. Nhưng theo như câu chuyện kể trên, bạn đã thấy qua nhiều ít, người khác chẳng thấy qua cái gì, điều đó không có gì ghê gớm cả, thật sự hiểu rõ phong cách, tôn chỉ, nội hàm của mục tiêu, đối tượng mới là cuộc sống phong phú đích thực.

Tuy sắc thân của con người quá bé nhỏ, nhưng tầm lòng, tầm mắt lại vô cùng rộng lớn! Mở rộng là nguyên tắc rất cần thiết của việc làm người. Chỉ có mở rộng tầm lòng đến vô hạn, dời xa tầm mắt đến vô biên mới dễ đạt được sự trao đổi, giao lưu giữa người với người, giữa người với sự vật và giữa người với thú vật.

Phần lớn tầm lòng của con người thường hẹp hòi, như khi tuổi nhỏ chỉ biết yêu thương cha mẹ, lớn lên lấy vợ lấy chồng chỉ biết yêu thương bạn đời và yêu thương con cái... Tại sao chỉ biết yêu thương hạn hẹp như vậy? Tục ngữ nói: “Bụng dạ ông tể tướng có khả năng chèo chống con thuyền”, người học Phật cần tiến một bước mà biết dung chứa trời đất và tất cả chúng sinh, cần mở rộng tầm lòng đến độ “tâm trùm thái hư, lượng bao vũ trụ”!

Nói đến tầm nhìn không bờ không bến, chúng ta phải than rằng con người có cái nhìn quá thiên cận! Đặc biệt là thanh niên ngày nay, tôi không chỉ sợ có nhiều người mắt bị cận thị, mà nghiêm trọng hơn là sợ có nhiều người có đôi mắt của tâm (tâm nhãn) bị cận thị! Thông thường, họ chỉ nhìn thấy chính mình mà không nhìn thấy người khác; nhìn thấy phía trước mà không nhìn thấy đằng sau, nhìn thấy hiện tại mà không nhìn thấy tương lai...

Có một thanh niên học năm thứ ba khoa sử tại Đại học Đài Bắc, anh ta rất thích leo núi. Khi leo núi, anh nói với bạn đồng hành: “Mỗi lần leo núi cùng với bạn, ở trên đỉnh núi cao chót vót này phóng tầm mắt nhìn một lượt, thấy biển trời bao la, lúc đó tôi cảm thấy mình quá bé nhỏ, vì vậy khi mình vào học lại, mình càng phải khiêm tốn hơn, mở rộng tầm lòng của mình hơn. Nhưng khi xuống núi, về đến nhà thì mình lại cảm thấy buồn phiền. Cha mẹ tôi đều là giáo sư của trường Đại học Đài Bắc, nhưng thường cãi vã với nhà bên cạnh, thậm chí nội dung chuyện cãi vã chỉ đơn giản là ‘Lá cây nhà ông tại sao lại rụng ở sân nhà tôi? Nước bồn nhà ông tại sao lại chảy qua mương nhà tôi?’...”

Thế đây! Là giáo sư đại học, có học vấn rất cao, nhưng đôi lúc sự khác biệt về tri thức của thế tục lại khiến cho con người càng ích kỷ, càng hẹp hòi. Con người càng so đo, tranh chấp, thì thân tâm càng đi đến chỗ bế tắc.

Chấn tác tinh thần, cởi mở tâm lòng có thể khiến cảnh giới của cuộc đời khoáng đạt, rộng thoáng. Không Tử từng nói: “Lên núi Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ bé.” Người tu hành cũng giống như người lên núi cao tất nhiên sẽ nhận thấy: sự đời cũng giống như một trò đùa, có gì đáng để bạn phải phí tâm tính toán chi li nhỉ?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Lấy hiếu thuận để phụng dưỡng cha mẹ, lấy đạm bạc để làm sáng chí khí, lấy cần kiệm để sinh hoạt;

Lấy vụng về để học tinh xảo, lấy tai điếc để đừng nghe phi báng, lấy thanh tịnh để xa rời sắc dục;

Lấy lời thận trọng để ngăn ngừa miệng nói, lấy bệnh hoạn để nhắc nhở, khích lệ, lấy hứng thú để đọc sách;

Lấy nghi nan để tìm hiểu cùng lý, lấy sự trách mình để siêng năng rèn đức, lấy lòng thành để giữ lễ;

Lấy tâm nguyện để lập chí, lấy trách nhiệm để làm việc, lấy báo ơn để giúp nghèo khó;

Lấy không trí để tu đạo, lấy tự trọng để tránh hối hận, lấy sám hối để sửa sai;

Lấy nhiệt tình để làm người, lấy vô cầu để kết bạn, lấy từ bi để xử thế;

Lấy trí huệ để trừ khử mê lầm, lấy cần mẫn để học tập, lấy thiên định để xử sự.



Lấy tư tưởng xuất thế để làm việc thế gian

Tôi đã hỏi một thanh niên đang làm việc tại chỗ tôi: Chùa Phật Quang trả lương cho các anh rất thấp, với học vấn của các anh, các anh rất dễ tìm việc làm tốt ở chỗ khác, tại sao các anh lại không lựa chọn? Thanh niên ấy mỉm cười, nói: “Ở đây, những gì tôi làm là công việc mà tôi tự nguyện, những gì tôi thực hiện là chí hướng mà tôi theo đuổi, cho nên ngày ngày luôn vui vẻ, công việc càng làm càng trở nên tốt đẹp, đó chẳng phải là có giá trị hơn so với tiền bạc sao?”

Xưa nay tôi thường khởi xướng: Trước tiên hãy lấy tư tưởng xuất thế để thực hiện công việc của thế gian; hãy có đủ trí Bát nhã để nâng cao tinh thần của nhân thế. Có người có thể nhập thế mà không thể xuất thế; có người có thể xuất thế mà không thể nhập thế. Chỉ cần đưa ra ví dụ đơn giản: Một khu vực phần hoa náo nhiệt, một thành phố văn minh vật chất, nơi mà chúng ta đang sống rất hài lòng, rất quen thuộc, bỗng nhiên vứt bỏ đời sống văn minh vật chất ấy đến tu tập ở nơi thâm sơn cùng cốc, sống cuộc đời của người xuất thế, chắc chắn sẽ không quen. Có người quen sống cuộc đời của người xuất thế, có thể không cần đến gia đình, có thể xa rời bạn hữu, vứt bỏ tất cả tiền tài danh lợi, ưa thích tĩnh lặng, nay bạn bảo người ấy nhập thế, sống với tiếng xe cộ, tiếng ồn ào chôn đô thị, chắc chắn sẽ không chịu nổi dù chỉ một ngày.

Không có tư tưởng xuất thế, theo đuổi sự nghiệp ở thế gian sẽ sinh tâm tham lam, sẽ sinh tâm chấp trước; có tư tưởng xuất thế mà theo đuổi sự nghiệp thế gian thì sẽ như “quan văn không tham tiền, tướng võ không sợ chết”, thấy tiền của không khởi lòng tham, gặp sinh tử chẳng hề sợ chết. Sức mạnh của tư tưởng xuất thế ấy cần được bồi dưỡng, vun đắp thêm lên.

Tư tưởng xuất thế gian là gì?

1. Cần có cảnh tỉnh vô thường đối với cuộc đời. Con người trên thế gian đều có quan niệm ưa sống ghét chết, nhưng thực ra sinh mệnh một thời của con người trong khoảng mấy mươi mùa mưa nắng, chỉ như chớp mắt, chốc lát vụt qua. Cuộc đời dâu bể, sáng như tóc xanh, chiều như mây trắng, hôm qua xinh đẹp, ngày nay già lão. Bồ Tát Phổ Hiền có kệ răn chúng rằng: “Ngày rồi cũng qua, mạng rồi cũng diệt, như cá thiếu nước, làm sao vui được?” Đối với thế gian, nếu chúng ta có được cảm giác vô thường, đối với cuộc đời, nếu chúng ta có sự cảnh tỉnh về khổ đau đoản tạm, thì đó được xem là tư tưởng xuất thế.

2. Cần có quan điểm xa rời đối với vật chất. Mỗi người sống trên đời hầu như ai cũng muốn có tiền của vật chất, thậm chí có người đến lúc chết vẫn không chịu ban cấp tiền của vật chất của mình cho người khác, vì họ cho rằng kiếp sau còn có thể hưởng dụng, cho nên tham lam vor vét tích góp, cuối cùng khi đóng nắp quan tài, nằm dưới ba thước đất, ôm hận mà về với cát bụi. Tiền của vật chất vốn để cho con người sử dụng, nhưng có người không biết sử dụng, mà bị tiền của vật chất “bắt” làm tù binh. Tô Đông Pha nói: “Vật chất hữu hạn, lòng tham vô cùng.” Đối với vật chất, nếu chúng ta không có quan điểm xa rời nó thì có thể trở thành nô lệ cho vật chất; nếu chúng ta có tư tưởng xuất thế, thì có thể thoát ra ngoài trần thế.

3. Cần có quan niệm giảm nhẹ đối với tình yêu. Tình cảm lãng mạn là giấc mơ đẹp tình tứ mà thanh niên nam nữ thường ngưỡng vọng, buộc thanh niên coi nhẹ tình yêu, đó là điều cưỡng ép khó thực hiện, không thích hợp. Đương nhiên tình yêu khiến người ta tâm thần mê muội, đôi khi cũng đem lại không ít phiền phức, thậm chí có thể chìm người ta vào đáy vực. “Nếu tình không nặng, sẽ không sinh ra thế giới ta bà”, bởi có yêu mới có sinh tử, mới có thị phi; bởi có yêu mới có anh, có tôi, mới có phiền não. “Ý niệm về yêu không thể trừ bớt một phần, thì ý niệm về đạo không tăng thêm một phần”, Phật giáo không yêu cầu con người xả bỏ tình yêu, mà yêu cầu con người biết “trí hóa” (tình yêu có sự can thiệp của lý trí) tình yêu. Con người có thể dùng trí Bát nhã để giảm nhẹ tình yêu, thì nhất định có thể đạt đến sự hưởng dụng tốt nhất của Phật pháp.

4. Cần có yêu cầu bất mãn đối với chính mình. Xưa nay con người nói chung đều bất mãn đối với người khác, vậy thế nào là tự mình bất mãn? Kỳ thực, đó là tôi tham lam, tôi yêu thương, tôi cố chấp, tôi sân hận, tôi oán trách, tôi ganh ghét, tôi ngu si, tôi ích kỷ... nếu bản thân mình có tất cả những khuyết điểm ấy thì làm sao có thể thỏa ý đối với chính mình? Thỏa ý chính mình là chướng ngại lớn nhất đối với sự tiến bộ của đạo nghiệp. Con người đâu đâu cũng có thiếu sót, nhưng đối với thiếu sót bạn lại thỏa ý thì thiếu sót làm sao có thể lấp đầy? Con người toàn thân đều là nghiệp chướng, nhưng đối với nghiệp chướng bạn lại thỏa ý, thì nghiệp chướng làm sao có thể trừ khử? Nếu đối với mình có bất mãn, thì đạo đức, nhân cách mới có thể tăng tiến.

Lấy tư tưởng xuất thế để khai sáng sự nghiệp của con người ở thế gian. Tôi thường nói rõ về vấn đề này rằng, lấy thoái làm tiến, lấy không làm tôi, lấy không làm vui, đó là tư tưởng xuất thế của chúng ta. Chúng ta có đủ tư tưởng xuất thế để thực hiện sự nghiệp của thế nhân thì sẽ có niềm vui mà người khác

không có. Cho nên, không đãi ngộ lương tiền không quan trọng, không khen thưởng ca ngợi không quan trọng, tức là dù có gặp trắc trở khó khăn cũng không hề động tâm. Vì vậy, xuất thế chân chính mới có thể nhập thế chân chính.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Cuộc sống cần Phật pháp hóa,

Tin ngưỡng cần lý trí hóa,

Xử thế cần bình hòa hóa,

Tu trì cần nhật thường hóa.



Nhân quả ba đời

Có vị pháp sư già phát tâm xây một ngôi chùa. Ông đi quyên tiền đã hơn ba tháng, nhưng không ai quan tâm đến ông. Có một cậu bé bán bánh nướng khởi tâm từ bi đem tất cả tiền bán bánh được quyên góp cho hòa thượng. Mọi người trong chợ nghe chuyện này, trong lòng cảm thấy xấu hổ, thế là anh bố thí, tôi cũng quyên góp, chẳng bao lâu số tiền trừ định làm chùa cũng tạm đủ. Pháp sư già rất đổi cảm ơn cậu bé ấy, ông nói với nó: “Chú bạn nhỏ à, hôm nay chú đã phát tâm làm công đức lớn, là đại đức hộ pháp của bốn chùa, sau này nếu chú có khó khăn gì, chú nhớ đến chùa tìm ta nhé!”

Cậu bé vui vẻ về nhà, không ngờ vì tiền bán bánh nướng không đủ giao cho ông chủ, nên bị ông chủ thái hời không thuê bán nữa. Cậu bé ấy ngày ngày lang thang trên đường phố, cuối cùng phải đi ăn xin, trên đầu mọc đầy ghẻ chốc, đôi mắt cũng bị mù. Đến bước đường cùng, nó bỗng sực nhớ lời của pháp sư già đã nói với nó trước đây, nó mò mẫm từng bước tìm đường đến chùa. Vị pháp sư già nghênh đón cậu bé vào chùa, kính cẩn tiếp đãi, chiếu cố đủ thứ, không ngờ bỗng có một đêm đưa bé đi ra nhà xí lại xảy ra chuyện. Số là do không chú ý, nó bị rơi xuống hố phân chết ngột. Tin tức truyền lan, có nhiều người biết rõ nguyên nhân tỏ ra bất bình thay cho nó: “Các người xem, trên đời này nào có nhân quả báo ứng gì đâu? Thằng bé này vốn bán bánh mưu sinh, cuộc sống khá suôn sẻ tốt đẹp, đúng là từ sau khi làm cái công đức nợ, thì nó rơi vào vận xấu, trước hết bị thái hời không thuê bán bánh rồi trở thành kẻ ăn xin, lại bị mù đôi mắt, rồi vào chùa cũng không dễ được yên ổn, vô ý rơi xuống hố phân chết ngột. Các người thử nói xem, trên thế giới này có nhân quả gì không?”

Ông pháp sư già nghe qua những lời này, bèn tập hợp mọi người giảng giải, nói rõ đầu đuôi của nhân quả ba đời: “Cậu bé này chiếu theo nghiệp báo của đời quá khứ thì phải chịu ba đời khổ: đời thứ nhất phải chịu quả báo nghèo cực, bị ghẻ chốc đầy mình; đời thứ hai phải đui mù không thấy; đời thứ ba phải trật chân té ngã xuống hố phân chết ngột. Nhưng do cậu ấy có lòng từ bi, phát tâm làm được công đức lớn, nên tội nghiệp ba đời rút lại còn một đời chịu quả báo, giảm bớt được hai đời chịu đau khổ giày vò, hiện nay đã siêu sinh tịnh độ! Nhân quả đều do từ thân hiện ra, rõ ràng trước mắt, làm sao có thể nói là không có báo ứng?”

Mọi người nghe xong đều thờ dài vì xúc động, họ cảm nhận sâu sắc nhân quả ba đời là điều không thể nghĩ bàn.

Về nhân quả báo ứng thì căn cứ vào thời gian để nói, tức là giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai có liên quan với nhau. Trong kinh Phật có lời nói “ba đời báo ứng”, tức là hiện báo, sinh báo, hậu báo. Gọi là hiện báo tức là nói báo ở đời này, ở thời hiện tại đã có báo ứng. Gọi là sinh báo, tức là nói việc đời này làm đến đời sau mới có báo ứng; gọi là hậu báo, tức là nói những gì đời này gieo nghiệp, không báo ứng ở đời này, cũng không có báo ứng ở đời sau mà phải trải qua nhiều đời sau nữa mới có báo ứng. Có bài kệ nói rằng: “Hành tàng hư thực tự gia tri, họa phúc nhân do cánh vấn thù, thiện ác đão đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai tri” (Thực hư đi ở tự mình hay, họa phúc duyên do biết hỏi ai? Lành dữ cuối cùng đều có báo, chỉ là đến trước hoặc sau thôi). Tục ngữ cũng nói: “Không phải không có quả báo, thời khắc chưa đến đấy thôi!” Theo thời gian để thấy nhân quả, chỉ khác nhau sớm hay muộn mà thôi.

Trong kinh Phật có bài kệ rằng: “Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong; nhân duyên tế ngộ thời, quả báo hoàn tự thụ” (Giả sử trăm ngàn kiếp, điều nghiệp làm không mất, nhân duyên đã gặp lúc, quả báo tự chịu thôi). Bài kệ có ý nói rằng gieo hạt giống thiện hay hạt giống ác, dù trải qua bao nhiêu năm tháng vẫn nằm trong đất tầng trường như thường, một ngày nào đó nhân duyên tụ hợp thời cơ chín muồi, lại có ánh sáng, không khí, nước tưới, nó nảy mầm trở lá, ra hoa kết trái, tự chịu tự báo.

Chúng ta cần phải biết tín ngưỡng có nhân quả của tín ngưỡng, đạo đức có nhân quả của đạo đức, khỏe mạnh có nhân quả của khỏe mạnh, giàu có có nhân quả của giàu có, không phải khẩn vái thần linh là có thể cầu gì được nấy. Bạn muốn thân thể khỏe mạnh, thì cần phải điều tâm giữ giới, cần vận động nhiều nhưng phải bảo vệ sức khỏe, tâm an tự nhiên thân lạc; bạn muốn tài chính dồi dào tăng tiến, thì phải kết rộng duyên lành, cần nhẫn chịu khó, giữ uy tín, có trí tuệ và năng lực, tự giúp mình trời sẽ giúp cho. Bạn nâng cao tiền lời cho vay, bóc lột người nghèo khổ, làm những điều vô đạo đức mà lại cầu xin Phật gia hộ phát tài, đó chẳng phải là muốn Phật và bạn cùng ở trong dòng ô nhiễm sao?

Kinh Phật nói: “Muốn biết nhân đời trước, nhìn điều người đời này chịu; muốn biết quả đời sau, nhìn điều người đời này làm.” Nghĩa là quá khứ gieo nhân gì, hiện tại nhận quả ấy; hiện tại tạo nhân gì, tương lai kết quả ấy. Tuy Phật giáo nói ba đời nhân quả, nhưng chú trọng đến nhân quả đời này. Nhân ác quả ác của quá khứ, đời này có thể chuyển đổi, tức là nhân thiện quả thiện của tương lai cũng có thể dựa vào sự tu tập của đời này mà có được, do đó, chúng ta cần kịp thời sớm gieo nhân thiện để năm sau kết thành quả ngọt. Chính vì vậy nên có câu rằng: “Người người đều biết có năm sau, nên mọi nhà đều gieo cấy lúa của năm sau; người người đều biết có kiếp sau, sao không tu tập để giữ phúc của kiếp sau?”

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Nguyện làm một cây đèn sáp thắp sáng cho mình, chiếu sáng cho người;

Nguyện làm một cây bút vẽ tô điểm cho thế gian, tặng phần tươi đẹp;

Nguyện làm một đĩa đèn chiếu toạc màn đêm, dẫn đưa ánh sáng;

Nguyện làm một cây đại thụ cành lá sum suê che bóng mát cho người đi đường;

Nguyện làm một quyển sách quý trình hiện những chân lý đem lại tri thức cho con người;

Nguyện làm một vùng đất rộng chở khắp chúng sinh, nuôi dưỡng vạn vật;

Nguyện làm một đóa hoa tươi ngào ngạt đem lại hương thơm cho con người;

Nguyện làm một cơn gió mát lành thổi nhẹ cây héo úa, vỗ về những vết thương.



NIỀM VUI Ở CÔI NIẾT BÀN

Niết bàn lập tức chấm dứt phiền não

Tôi đã tìm thấy

Hòa thượng Hy Thiên đến Tào Khê lúc trên mười tuổi, bái đại sư Lục tổ Huệ Năng làm thầy. Không lâu sau đó Lục tổ nhập diệt, Hy Thiên hỏi: “Sau khi thầy nhập diệt, đệ tử nương dựa vào ai?” Lục tổ đáp: “Hãy trầm tư” (nguyên văn là “tâm tư khứ” nghĩa là đi tìm ông Tư tức Hành Tư, nhưng cũng có nghĩa là hãy tìm tòi suy nghĩ, nên Hy Thiên mới trầm tư suốt ngày).

Sau đó, ngày ngày Hy Thiên suy nghĩ, ngồi kiết già, tham thiền, có vị trưởng lão thấy kỳ lạ, liền hỏi: “Tại sao ông chỉ trầm tư suy nghĩ, và ngồi kiết già?” Hy Thiên nói: “Trước khi sư phụ nhập diệt có dặn tôi cần phải ngồi trầm tư.”

Trưởng lão cười, nói: “Là sư phụ bảo ông ở núi Thanh Nguyên có vị sư huynh tên là ‘Hành Tư’, ông cần phải đến đó để tham kiến sư huynh!”

Thế là Hy Thiên đến núi Thanh Nguyên, Hành Tư thấy Hy Thiên đến liền hỏi: “Ông từ đâu đến?”

- Từ Tào Khê đến! Câu nói này rất quan trọng, có nghĩa như muốn nói với Hành Tư rằng: tôi từ chỗ sư phụ đến đây, vậy ông là sư huynh của tôi.

- Ông được cái gì nào? Hành Tư lại hỏi.

- Chưa đến Tào Khê thì cũng chưa mất cái gì! Hy Thiên trả lời.

- Đã chưa được cái gì, vậy có sao lại đến Tào Khê cho mất toi một chuyến đi?

- Nhưng nếu chưa đến Tào Khê thì làm sao lại biết mình chưa từng mất cái gì nào?

Đây là một công án đầy chất thiền, hôm nay tôi kể ra đây là muốn dẫn dắt mọi người vào con đường trầm tư. Nhớ mấy năm trước đây, trên thành xe của loại xe buýt công cộng ở Đài Bắc dán một tấm quảng cáo, trên đó viết một câu như thế này: “Tôi đã tìm thấy!” Tôi đã tìm thấy! Vậy tôi đã tìm thấy cái gì?

Trước hết, tôi nghĩ là cần phải tìm thấy chân lý của vũ trụ nhân sinh. Chân lý của vũ trụ nhân sinh là gì? Trong Phật giáo, chân lý phải có đủ ba điều kiện: một là phổ biến như thế, hai là vốn dĩ như thế, ba là tất nhiên như thế.

Ví dụ như, tôi sẽ chết, anh cũng sẽ chết, mọi người đều sẽ chết, con người xưa nay và ở đâu miễn có sinh là có tử, cho nên sinh tử là vô thường, hợp với phổ biến như thế, vốn dĩ như thế, tất nhiên như thế, bởi vì sinh tử vô thường là chân lý của thế gian. Theo thuyết nhân quả của Phật giáo mà nói nhân nào thì nhận quả nấy, cũng là như thế. Nhân quả bàng bạc khắp tất cả sự lý, nhân quả tức là chân lý. Hoặc như, vì sao phải ăn cơm? Vì bụng đói. Vì sao phải đi ngủ? Vì mệt mỏi. Kết quả của ăn cơm là no, kết quả của đi ngủ là khôi phục tinh thần. Ngay cả chuyện ăn cơm, đi ngủ bình thường cũng đều nằm trong thuyết nhân quả, do đó, nhân quả có tính phổ biến, tính vốn dĩ, tính tất nhiên.

Chân lý trong Phật giáo rốt cuộc là gì?

Ví như nghiệp cảm. Đời người sở dĩ sinh không ngừng, luân hồi không dứt đều là do kết quả của khởi cảm, tạo nghiệp, báo ứng. Con người sở dĩ có sự khác nhau giữa vinh hoa phú quý và cùng khổ nghèo hèn cũng là do kết quả của nghiệp báo ràng buộc. Hoàn toàn không phải do thần linh ban phát hay chi phối, người nắm giữ vận mệnh đích thực chính là chúng ta. Cái giá phải trả của nghiệp là do hành vi của mình quyết định tất cả. Ý nghĩa của nghiệp là điều vô cùng bình đẳng và tự do, tất cả đều là tự làm tự chịu, không ai có thể thay đổi được. Ngày trước, Phật Thích Ca Mâu Ni giác ngộ triệt để chân lý nhân sinh vũ trụ khi ngồi trên tòa kim cương dưới gốc cây Bồ đề. Đó chính là giác ngộ sự luân hồi của cuộc sống, thể nhận đầy đủ “cuộc đời tùy nghiệp mà lưu chuyển”, “sức mạnh duy trì sự sống là nghiệp lực”.

Ví như nhân duyên. Nói đức Phật ngộ đạo, vậy đức Phật ngộ đạo gì? Đó là giác ngộ nhân sinh vũ trụ, tất cả đều do nhân duyên, do duyên khởi. Vạn pháp trong vũ trụ đều dựa vào duyên mà sinh ra, tất cả các pháp không thể tự tồn tại một mình, chúng có sự quan hệ tồn tại nhất định. Chúng ta sống trên thế gian, trong sinh hoạt hàng ngày chúng ta luôn cần cảm tạ nhân duyên. Ví dụ như cơm mà chúng ta ăn mỗi bữa là do từ gạo của nhà buôn bán ra, gạo ấy lại do từ người nông dân cày cấy, người nông dân gieo hạt giống xuống ruộng, lại cần có ánh sáng mặt trời, không khí, nước mưa, phân bón v.v... tức là tập hợp cả một chuỗi nhân duyên như thế mới trưởng thành, mới có kết quả! Từ trong một hạt gạo nhỏ bé ấy chứa đựng biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt lao nhọc của con người, biết bao điều kiện của nhân duyên, từ đó đủ biết mọi cái có được đều không dễ dàng, lẽ nào chúng ta không nên vì đó mà cảm tạ? Chúng ta muốn đi xe, thì có tài xế lái xe, muốn xem truyền hình thì có diễn viên biểu diễn... Mọi sự mọi vật trong vũ trụ đều do nhân duyên nương dựa vào nhau mà tồn tại, cho nên bất cứ sự vật nào cũng đáng để chúng ta ghi nhớ cảm ơn nhiều lần! Nhưng quan niệm về nhân duyên không phải nằm trong phạm vi bàn luận của tri thức, nhân duyên phải do từ tu chúng mới có thể thể nghiệm một cách chính xác, mới có thể hiểu rõ một cách đúng đắn.

Ví như tính không. Thứ nhất, nói đến “không” mọi người sẽ nghĩ đến “tứ đại giai không”, nhưng “tứ đại giai không” ấy lại là “có”. Có cái gì? Có quan niệm của “không”.

Tiếp theo, tôi nghĩ nên tìm đến con người của đại ngã. Chỉ vì mình, chỉ vì cơm ăn áo mặc tầm thường của cuộc sống vật chất cá nhân, chẳng khác nào cuộc đời của phường giá áo túi cơm thì không có ý nghĩa gì cả. Cho nên cần tìm đến con người của đại ngã, sinh mệnh của chúng ta và của tất cả chúng sinh tương hợp thành một sinh mệnh cộng đồng; sinh mệnh của chúng ta mở rộng ra khắp thế gian, đâu đâu cũng có sinh mệnh của chúng ta, nên có điều gọi là “đọc đều ba cõi, ngang khắp mười phương”, khắp nơi đều là cuộc sống của chúng ta. Nếu chúng ta có thể phá bỏ hàng rào tiểu ngã ích kỷ thì một thế giới rực rỡ sẽ hiện ra trước mắt chúng ta - trẻ già trai gái không còn cách biệt, anh, tôi và tất cả mọi người đều giống nhau. Bản thể sinh mệnh của chúng ta là một chứ không phải là hai, tức là xem như cái chết có đến cũng chỉ là cái chết của nhục thể, chứ chân ngã vĩnh hằng không thể chết được.

Áo quần bị rách có thể thay một bộ áo quần mới; thân thể bị hư hoại tương tự cũng có thể thay bằng sắc thân mới. Nguyên lý ấy tuy giống nhau, nhưng khi “tôi” chuyển nhà, do nghiệp lực không giống nhau, nên có sự sai khác của người ở chốn lầu cao nhà lớn với người ở chỗ nhà tranh thấp bé, chỉ có giá trị của sinh mệnh là không hai, không khác.

Hiểu được nguyên lý nói trên, tức là có thể nhận ra tiền đề của cuộc sống vô cùng sáng sủa, có thể tạo

ra hy vọng lớn lao đối với cuộc sống tương lai. Đó là học Phật đem lại cho chúng ta nhiều lợi ích đích thực. Nếu chúng ta tiến thêm một bước để tìm hiểu chân lý Phật pháp thì chúng ta càng có thể cảm nhận thúy trúc xanh xanh, dương liễu xanh xanh là không gì ngoài pháp thân Như Lai, nước chảy róc rách, chim kêu oanh hót cũng đều là pháp thân Như Lai. Cho nên người ta nói “tiếng suối chính là cái lưỡi dài rộng, sắc núi không gì ngoài thân thanh tịnh” là như thế đó. Những thiền sư trước kia có người nghe tiếng thợ rèn gõ sắt mà khai ngộ, có người thấy hoa nở hoa rụng mà đạt đạo, đó cũng là chuyện tự nhiên thôi.

“Tôi đã tìm thấy!” Tôi đã tìm thấy cái gì? Tôi đã tìm thấy chính tôi!

“Tôi đã tìm thấy!” Tôi đã tìm thấy cái gì? Tôi đã tìm thấy bản lai diện mục!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Đóng kín tên giặc lục căn, giam chặt cái tâm vọng tưởng;

Nhìn thẳng quân ma tam độc, giữ sạch ba nghiệp thân khẩu ý;

Hiểu rõ ngũ uẩn có không, không để phiền não ràng buộc;

Phải như người thực tế, mới là thánh nhân đắc đạo.



Lợi ích của tinh thần tu tập

Thời tự tại - Mệnh tự tại; Chỗ tự tại - Tâm tự tại;

Vật tự tại - Xả bỏ tự tại; Khắp nơi tự tại - Nghiệp tự tại;

Lớn nhỏ tự tại - Sống tự tại; Có không tự tại - Tâm tự tại;

Động tĩnh tự tại - Tin tưởng tự tại; Sâu cạn tự tại - Nguyện tự tại;

Vô ngại tự tại - Các pháp tự tại; Không tự tại cũng tự tại - Trí tự tại.

Phật giáo không chỉ nói đến kiến thức, luân lý, tín ngưỡng thành kính, đạo đức tốt đẹp, chính yếu nhất là luôn coi trọng thực tiễn, mà còn nói đến tu tập. Kinh “Kim Cang” có câu: “Gọi là Phật pháp tức là không phải Phật pháp.” Lại nói: “Gọi là tất cả các pháp đều là Phật pháp.” Tôi cảm thấy hai câu kinh văn này vô cùng thâm thúy tận đáy lòng, hàm nghĩa rất sâu sắc. Thử diễn giảng hai câu kinh văn ấy như sau: Là Phật pháp đấy, nhưng có lúc không phải là Phật pháp; ngược lại, không phải Phật pháp, nhưng có lúc lại là Phật pháp. Ví như niệm Phật là Phật pháp, lạy Phật là Phật pháp, tụng kinh, ngồi kiết già, bố thí, giữ giới đều là Phật pháp. Nhưng nếu khi bạn đang niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, ngồi kiết già, bố thí, giữ giới mà trong tâm vẫn khởi vọng tưởng, khởi tham sân si, hoặc nếu khi bạn đang bố thí mà lòng vẫn ôm giữ tham danh cầu tiếng thì lúc ấy là Phật pháp cũng không phải là Phật pháp nữa.

Con người ngày càng coi trọng tinh thần tu tập, tôi cho rằng dùng phương cách của Phật pháp để tu luyện tinh thần là một lối tu hành rất tốt. Tu tập có rất nhiều điều lợi ích, tôi gom thành sáu loại dưới đây:

1. Rèn luyện thân tâm khỏe mạnh.

Tu tập có thể làm cho thân tâm mạnh mẽ, vững vàng. Ví như lạy Phật, thức dậy lạy Phật, trước khi đi ngủ lạy Phật là một cách vận động thân thể tốt nhất. Như sau khi ăn cơm đi tản bộ giúp cho việc tiêu hóa, “sau bữa cơm đi bách bộ, sống đến chín mươi chín tuổi”; hoặc như đến các chùa ở trên núi để lễ Phật, một là để gần gũi với thiên nhiên, thư giãn tinh thần, hai là để tăng thêm niềm tin, kết rộng duyên lành.

Xung danh niệm Phật là một phương pháp kỳ diệu để tu tâm dưỡng tính. Ví như khi chờ xe buýt chẳng hạn, thay vì sốt ruột chờ xe lâu đến, chỉ bằng tĩnh tâm niệm Phật, không chút nôn nóng tức giận. Ngồi kiết già, tĩnh tâm quán chiếu đều là phương pháp tốt nhất để làm trong sạch tư duy.

Tin tưởng đạo Phật không phải xem đó là thứ thuốc thần diệu. Những đòi hỏi vô lý của con người nói chung đều cho rằng một khi đã có tín ngưỡng thì không có đau khổ, không có chết chóc. Thực ra, đau khổ phiền não, sinh lão bệnh tử là hiện tượng tự nhiên của người đời. Nhưng có tín ngưỡng, có tu hành thì sức mạnh của thân tâm trở nên mạnh mẽ, nhờ đó không còn sợ cái khổ của sinh lão bệnh tử, như chứng được quả A La Hán, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ dưới gốc cây, bên núi ven sông tiêu dao tự tại. Nguyên nhân là sau khi tu hành, sức đề kháng của thân tâm tăng mạnh, dù có thiếu thốn vật chất, dù có tai ương khổ não cũng đều chịu đựng được. Nếu không tu hành, thì tâm lực mềm yếu, thấy người khác có cuộc sống giàu sang với xe hơi nhà lầu, trong lòng không chịu nổi những mê dụ vật chất, do đó khổ não càng thêm tăng. Cho nên có thể nói tu hành làm cho thân tâm thêm mạnh mẽ, vững vàng.

2. Làm trong sạch phiền não, tập khí.

Con người có vô số những phiền não lớn nhỏ giống như cát sông Hằng, nếu không tu hành thì không có cách gì có thể đối trị. Tập khí cũng vậy. Cho nên có điều rằng “núi sông dễ chuyển, bản tính khó dời”, muốn làm trong sạch những tập khí ấy, chỉ có tu hành mới là phương cách căn bản nhất.

Khi bạn phiền não, nên làm thế nào để đối trị? Nên tụng kinh, lạy Phật, quán tưởng lòng khoan dung đại độ của đức Phật, hoặc lớn tiếng niệm Phật, dựa vào lực từ bi của Phật để tiêu trừ phiền não của bạn. Khi bạn lạy Phật, chuyên chú một lòng, đầu tuy cúi xuống, nhưng tâm hồn lại thẳng hoa. Khi bạn lạy Phật mà được pháp hỷ thì vô minh phiền não cũng nhân đó mà tiêu trừ sạch hết. Một người không biết tu hành, khi phiền não nổi lên, không thể tự trấn, do đó mà sinh ra tức giận, tranh chấp với người khác, trong trường hợp này phiền não không những không thể tiêu trừ mà tức giận cũ vẫn còn đó, rồi lại thêm buồn phiền mới. Trong phẩm “Phổ môn”, đức Phật nói với Bồ tát Vô Tận Ý rằng: “Nếu có vô số trăm ngàn vạn triệu chúng sinh đang chịu nhiều phiền não, nghe Quan Thế Âm Bồ tát này một lòng xưng danh, Quan Thế Âm Bồ tát lập tức xem xét tiếng nói kia, đều được giải thoát.” Tu hành có thể đem lại rất nhiều lợi ích.

3. Gặp được Tam bảo gia hộ.

Người tu hành, mắt không nhìn láo liên, tai không nghe bậy bạ, miệng không nói lung tung, tâm không nghĩ xằng bậy, thân không làm điều xấu. Khi ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, dù không có ánh sáng diệu lành của Tam bảo gia hộ, nhưng bản thân cũng có thể thanh tịnh. Huống hồ làm được nhiều công đức, tu đủ các thiện hạnh, cõi người cõi trời đều có lời khen ngợi, Tam bảo lẽ nào không gia hộ độ trì? Nên có điều gọi là “người đắc đạo được xưng thịnh”, một người lương thiện còn được trời ban điềm lành, huống hồ một người tu hành?

Khi đức Phật tu hành dưới gốc cây Bồ đề từng cảm ơn con vợ nung dăng quả. Đại sư Thiện Đạo đời

Đường nhất tâm niệm Phật, sức chưa kiệt chưa chịu dừng, tuy trong băng lạnh cũng tu niệm cho đến lúc đổ mồ hôi để thể hiện lòng thành. Về sau, mỗi lần Đại sư Thiện Đạo niệm thành tiếng “A Di Đà Phật” thì một luồng ánh sáng từ trong miệng đi ra, niệm mười tiếng, trăm tiếng ánh sáng cũng đều như vậy, những người chung quanh đều nhìn thấy.

Trong phẩm “Quan Thế Âm Bồ tát Phổ môn”, đức Phật nói: nếu người có niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát, thì dù ở trong lửa lớn thế nào cũng không sợ bị lửa thiêu cháy, đó là vì do uy đức thần lực của Bồ tát. Lại nói, nếu khi sắp bị làm hại hay bị giết hại, niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát thì dao hay gậy của người định làm hại sẽ gãy đứt từng đoạn, vừa không bị đánh lại không bị giết. Những điều đó đều nói lên rằng, một người chỉ cần tu hành, tùy lúc đều có thể được Tam bảo gia hộ.

4. Thường được người, trời tôn kính.

Một người có tu hành, cử chỉ thong dong tự tại, lời nói dịu dàng từ tốn, giàu lòng từ bi, bất kể đi đến đâu cũng được mọi người tôn kính.

Lúc Phật tại thế, đại đệ tử Tu Bồ Đề ngồi tĩnh tọa trong hang động, nhập định trong thiền tư Tam muội, công phu tu hành rất thâm hậu ấy làm cảm động đến chư thiên hộ pháp. Rất nhiều người trời xuất hiện trong không trung, rải rắc hoa trời, từng đóa từng đóa sắc màu rực rỡ đều rơi xuống trước mặt Tu Bồ Đề, đồng thời họ chấp tay khen ngợi: “Tôn giả! Ông làm người ở thế gian có danh tiếng vang dội khắp nơi, có nhiều tiền của châu báu, mà không khiến cho người ta cảm thấy tôn quý. Dù là quốc vương, là người giàu có nổi tiếng, họ giống nhau ở chỗ là suốt ngày bị làm tù nhân của dục vọng và phiền não. Tôn giả! Trên thế gian, người được tôn kính đích thực là những người tu hành như ông, ánh sáng uy đức của ông chiếu rọi khắp thiên cung. Ông Tu Bồ Đề vĩ đại, xin hãy tiếp nhận hoa trời cúng dường của chúng tôi, chúng tôi quý lạy ông để tỏ rõ lòng tôn kính của chúng tôi.”

5. Có thể minh tâm kiến tính.

Ngày xưa mài gương, nếu không trải qua mài giũa nhiều lần thì độ sáng của gương sẽ không hiện ra. Một tác phẩm nghệ thuật càng thượng đẳng thì càng cần nhiều công phu gọt giũa. Nhân loại cũng thế. Phật nói: “Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng giống Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng ngộ.” Mây đen che lấp ánh sáng mặt trời giữa không trung, chỉ có cách tẩy trừ đám mây đen phiền não mới có thể hiển lộ bản tính chân như. Làm thế nào trừ khử mây đen của phiền não? Việc này phải dựa vào sức mạnh của tu hành. Chỉ có tu hành mới có thể biết rõ bản lai diện mục của chính mình; chỉ có tu hành mới có thể chứng được thực tướng của chân như.

Chính vì vậy mà có điều rằng: “Không qua đợt lạnh thấu tận xương, sao có hoa mai thơm ngát hương”. Không có Thích Ca trời sinh, tự nhiên sẽ không có Di Lặc, một người muốn có thành tựu ắt phải siêng năng cần mẫn, không được nhác lười, muốn minh tâm kiến tính ắt phải nghiêm túc tu hành.

6. Dứt bỏ khổ đau sinh tử.

Con người ở đời, điều khổ nhất là không vượt qua được sinh tử. Khi người thân sắp qua đời, nỗi khổ đau của một lần sinh ly tử biệt ấy như dao cắt nát con tim, đúng là đứt cả ruột gan. Làm thế nào mới có thể tránh được nỗi đau khổ ấy? Đức Phật nói với chúng ta rằng chỉ có dứt bỏ khổ đau sinh tử, đi vào cõi Niết bàn không sinh không diệt. Làm thế nào mới dứt bỏ được khổ đau sinh tử để đi vào cõi Niết bàn? Phật nói, chỉ có tu hành.

Nếu người không tu hành thì mãi mãi không thể giải thoát. Ngày thường, nếu chỉ thực hiện một số công đức, cùng lắm chỉ có thể được quả báo ở cõi trời, người. Tuy có thể được hưởng phúc ở cõi trời, nhưng khi phúc báo đã hết vẫn phải đọa lạc chịu khổ, không thể thoát khỏi sinh tử. Chỉ có phát tâm muốn xa rời, từ bỏ ham muốn thế gian, không bị ham muốn ràng buộc, phải có tinh thần nhập thế, làm công tác hoằng pháp cứu độ chúng sinh, mới có thể ra khỏi biển khổ sinh tử của ba cõi. Chư Phật và các vị Bồ tát thời quá khứ có thể ra khỏi biển khổ sinh tử, tiêu dao trong ánh sáng thường hằng tĩnh lặng đều đã trải qua tu hành, rèn luyện trong nhiều đời nhiều kiếp mới có thể thể nghiệm và chứng ngộ tất cả.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Bốn niệm trú có thể an định thân tâm;

Bốn uy nghi có thể định chuẩn hành vi;

Bốn nhiếp pháp có thể kết rộng duyên lành;

Bốn thánh đế có thể hiểu rõ chân lý.



Cảnh giới của Niết bàn

Thiền sư Kim Bích Phong đã chứng ngộ thành đạo, duy chỉ cái chén ngọc dùng để ăn cơm là ông yêu thích không rời tay, mỗi lần trước khi nhập định, ông nhất quyết phải đem thu kỹ cái chén ngọc ấy, sau đó mới yên tâm đi vào cảnh giới của thiền định.

Vì tuổi đời của ông đã hết, Diêm La Vương sai mấy tên tiểu quỷ đến bắt. Kim Bích Phong đã đoán biết giờ đã điểm, bèn đi vào cảnh giới thiền định rất sâu, mấy tên tiểu quỷ lúng lúng phải trái khắp nơi vẫn không bắt được, nhận thấy không có cách gì có thể làm đúng theo lời Diêm La Vương sai bảo, nên đành đi thỉnh giáo thổ công. Thổ công nghĩ ngợi, nói: “Cái ông Kim Bích Phong này rất thích cái chén ngọc của mình, nếu các người có thể nghĩ cách lấy được chén ngọc của ông ấy, thì ông sẽ nhớ cái chén mà xả thiền!” Bọn tiểu quỷ nghe xong liền nhanh chóng tìm ra được cái chén ngọc của Kim Bích Phong, chúng ra sức rung gõ nó, Kim Bích Phong nghe được cái chén ngọc của mình bị rung gõ thành tiếng vang lên, nóng lòng, ông bèn nhanh chóng xả thiền để giữ lại. Bọn tiểu quỷ thấy ông xuất hiện, vỗ tay cười nói: “Tốt lắm! Bây giờ xin ông theo chúng tôi đi gặp Diêm Vương!”

Thiền sư Kim Bích Phong liền đại ngộ, biết rõ tham ái nhất thời hầu như đã hủy diệt huệ mệnh ngàn năm của mình, lập tức ném cái chén ngọc vỡ tan tành, rồi nhập định lại, ngoài ra còn để lại một bài kệ nổi tiếng xưa nay: “Nhược nhân dục nã Kim Bích Phong, trừ phi thiết luyện tóa hư không; hư không nhược năng tóa đắc trú, tái lai nã ngã Kim Bích Phong.” (Nếu ai muốn bắt Kim Bích Phong, trừ phi luyện thép khóa hư không; ai nếu hư không mà khóa được, xin mời đến bắt Kim Bích Phong).

Con người nói chung không hiểu rõ ý nghĩa của Niết bàn, nên nảy sinh ra hàng loạt hiểu lầm. Ví như chúng ta thường thấy trên trướng liễn đi điếu người chết có viết “Đắc đại Niết bàn” (được lên Niết bàn), hoặc như nghe người ta nói: “Cũng may mà chết đi sống lại” (nguyên văn tiếng Hán là “khí đắc nhất Phật xuất thế, nhị Phật Niết bàn”, theo như câu này, dân gian thường cho rằng “xuất thế” là sinh, “Niết bàn” là tử, câu này phải hiểu trong bối cảnh là một người đã trải qua những việc nguy hiểm thừa

chết thiếu sống nhưng may mắn thoát được, có nghĩa là như chết đi sống lại) tức là cho ý nghĩa của Niết bàn là tử vong. Nếu nói Niết bàn là tử vong, thế là cầu chứng Niết bàn chẳng khác nào là theo đuổi cái chết, chẳng phải là quá nhảm nhí đáng cười sao? Do đó, Niết bàn không phải là tử vong mà là cảnh giới siêu thoát rành rành khác với tử vong.

Xưa kia, Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa kim cương dưới gốc cây Bồ đề, ban đêm nhìn những vì sao sáng mà chứng ngộ chân lý vũ trụ nhân sinh, thành Chính đẳng Chính giác, Chính đẳng Chính giác ấy là Niết bàn, cũng tức là tiêu trừ quan hệ đối lập giữa ta - người, vượt qua chướng ngại của không gian, chứng ngộ cảnh giới vô hạn thường hằng của sinh mệnh. Tại sao phải tìm cầu Niết bàn? Bởi vì cuộc đời của con người, về thời gian chẳng qua chỉ kéo dài mấy mươi năm, biến đổi vô thường, không gì ngoài cảnh mộng, về không gian cũng chỉ là tấm thân nhục thể trên dưới hai mét, “nhà lớn ngàn gian, đêm nằm ngủ chỉ năm ba mét; ruộng đất vạn sào, ngày ăn cơm không quá vài bát”; đối mặt với cuộc đời hữu hạn như vậy, nếu chúng ta có thể chứng ngộ Niết bàn thì cũng giống như phá vỡ những rào chắn của không gian, gieo rải cuộc sống ra khắp không gian, “dọc đều ba cõi, ngang khắp mười phương”, tràn ngập với mọi thời gian, “liên tục xưa nay mà không hề thay đổi, trải qua vạn kiếp mà vẫn thường mới”. Cuộc sống như vậy không đâu là không tồn tại, không nơi nào là không hiện hữu, tức là có thể vượt qua nỗi sợ hãi tử vong và vô thường, trong thời gian và không gian vô hạn mệnh mông ấy sự sống không bao giờ ngừng.

Cho nên, trong cảnh giới của Niết bàn, “tâm trùm thái hư, lượng bao vũ trụ”, ta - vật tương ứng, ta - người như một, không có ganh tỵ so đo, lại không tồn tại sân hận phân biệt. Nói một cách đơn giản nhất: Niết bàn là cảnh giới vô thượng quang minh đã tiêu trừ quan hệ ta - người, chướng ngại thời - không và đối đãi vật - lượng; Niết bàn là bản tính thanh tịnh, là tự ngã chân thật của mọi người chúng ta.

Đằng sau Niết bàn là cảnh giới cực kỳ lý tưởng của sự tiêu diệt tất cả mọi đau khổ kết tụ, là thế giới của sự trừ khử tham ái, buông bỏ chấp trước, tiêu trừ phiền não ham muốn, là miền an lạc của những đức hạnh tròn đầy, là cảnh giới tuyệt đối không chướng ngại không cố chấp.

Thứ nhất, cảnh giới đằng sau Niết bàn là cảnh giới vô sinh. Niết bàn là không có sinh tử, là cảnh giới không sinh không diệt, không tạo ra những phiền não tạp nhiễm hữu lậu, cũng không khởi lên ý tưởng Niết bàn thanh tịnh vô lậu, là thế giới tuyệt đối của nhiễm tịnh đều xả bỏ, cảnh ta đều tiêu mất, vô sinh pháp nhãn.

Có một anh phu xe, ngày đêm kéo một chiếc xe nặng chất đầy hàng hóa cố đi gấp đôi cho kịp, không chú ý xe hàng bị sụp vào một cái hố bên đường. Chính lúc lòng nóng như lửa đốt, anh gặp được hai người đi qua đường cùng hợp lực đẩy xe hàng ra khỏi hố. Một trong hai người đó nói với anh phu xe: “Xe đã ra khỏi hố rồi, anh nên lấy chút gì để tạ ơn chúng tôi chứ?”

“Không có thứ gì có thể cảm tạ hai vị cả, tôi có tấm lòng cảm tạ thôi!”

“Anh đem cái ‘không có thứ gì’ cho chúng tôi cũng được!”

“‘Không có thứ gì’ làm sao cho các anh được?” Người phu xe có vẻ khó xử nói.

“Thế nào cũng có cái ‘không có thứ gì’ để có thể cho chúng tôi chứ!” Người qua đường kia vẫn cố ý đòi cái “không có thứ gì” ấy.

Lúc này người đi đường khác đứng một bên rớt cuộc mới lên tiếng: “Anh ta nói ‘không có thứ gì’ tức là đã cho chúng ta cái ‘không có thứ gì’ ấy rồi, tại sao lại đòi cái ‘không có thứ gì’ nữa?”

Cảnh giới của Niết bàn là tiêu trừ các loại phân biệt, đối đãi, có không, sinh diệt vô ý nghĩa, không sinh một pháp nào mà lại tóm thu tất cả các pháp, không khởi một niệm nào mà lại bao hàm cảnh giới của tam thiên đại thiên thể giới “không có thứ gì”.

Thứ hai, cảnh giới đằng sau Niết bàn là cảnh giới vô trú. Niết bàn đã không sinh không diệt, thì còn trú ở đâu? Đằng sau Niết bàn không nơi nào là không trú, như ở trong tâm thanh tịnh, trong Phật tính chân như, trong hư không muôn dặm... Sau khi chứng được Niết bàn, pháp thân ấy an nhiên bất động, trú tại thành Niết bàn mênh mông bát ngát. Thành Niết bàn ở đâu? Thành Niết bàn ở nơi có cảnh tượng của “mênh mông trăng gió mắt trong mắt, bất tận đất trời đèn ngoài đèn; bóng liễu hoa tươi mướt vạn hộ, gõ cửa đâu đâu cũng có người”.

Thứ ba, cảnh giới đằng sau Niết bàn là cảnh giới vô ngã. Niết bàn đích thực là phá bỏ ngã chấp, đạt đến tự tại vô ngã, rồi từ trong vô ngã tạo dựng chân ngã. Cho nên, cái ngã đằng sau Niết bàn mới là cái ngã chân chính.

Có một người ngoại đạo oán trách đức Phật: “Thưa Thế tôn, Phật pháp của ngài điều gì cũng tốt cả, chỉ có mỗi cái ‘vô ngã’ là đáng sợ nhất, tôi không thể tin được.” Đức Phật nói với người ấy: “Ta cũng có nói đến ‘hữu ngã’ đấy chứ!” Cái “hữu ngã” của đức Phật là cái “chân ngã” đã được cởi bỏ hết các lớp áo của ngã chấp, cũng tức là Phật tính chân như của chúng ta, ví như vàng ròng đã được lấy hết các tạp chất, hiện ra ánh rực rỡ của Đại thừa, hiện ra ánh chói lọi của từ bi, bình đẳng, chiếu sáng khắp chúng sinh trên thế gian.

Thứ tư, cảnh giới đằng sau Niết bàn là cảnh giới vô khuyết. Cảnh giới của Niết bàn là miền đất an vui thường hằng của tâm hồn chúng ta, ở đó nét mặt tràn đầy pháp lạc, có tĩnh lặng hoàn toàn, có an lạc cao nhất, có hạnh phúc đời đời, được hoàn thành phước huệ, được giải thoát triệt để, được tự tại thường hằng, có thể giới chân thực... Niết bàn an lạc hương hoa ấy ai ai cũng có thể chứng được, lúc nào cũng có thể thể hội được. Có một vị tỷ kheo xuất gia khi một mình ngồi thiền tu tĩnh, một người ngoại đạo nhìn thấy bèn hỏi: “Ông đang tu cho kiếp sau được an lạc phải không?” Vị tỷ kheo trả lời: “Không! Tôi tu cho an lạc của kiếp này.”

An lạc của Niết bàn không phải đợi đến sau khi chết mới có thể đạt được, niềm vui lớn của Niết bàn dập tắt mọi khổ não bòn chòn. Cho nên, Niết bàn tức là dứt bỏ tức thì mọi phiền não, chúng ta không nên xem Niết bàn là niềm an lạc của kiếp sau, nên xem nó là việc của ngày hôm nay. Mọi người tìm đến chân thực nhưng cái cuối cùng là cái ngã thanh tịnh thường lạc, tức là có thể thể hội chân lý cao diệu vô ngã Niết bàn của chư Phật ngàn xưa, sống một cuộc đời hạnh phúc vui vẻ.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Thân thể giống như căn nhà cha mẹ tạo dựng cho chúng ta để tâm của chúng ta cư trú trong đó.

Nhưng chúng ta chỉ là người khách qua đường, cư trú, sử dụng một thời gian, rồi sau đó phải xa rời.

Vì vậy, chúng ta nên từ ngôi nhà của thân thể mà tiến tới xây dựng ngôi nhà của tâm linh, cuối

cùng xây dựng ngôi nhà của vũ trụ và trở thành người chủ của vũ trụ; và có thể lấy pháp giới vũ trụ làm căn nhà cho chúng ta, khi đó mới có thể trường cửu thường hằng.



Trong cuộc sống, làm thế nào để nâng cao chính mình

Một hôm, các đệ tử của đức Phật là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đến Am Ma La Viên. Nhiều vị tỷ kheo trẻ thấy sư huynh trở về đều rất vui vẻ, chạy nhanh ra nghinh đón, nhiều người cùng nhau nói chuyện. Đức Phật thấy vậy lớn tiếng gọi: “Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, bước ra đi! Các con không nên nói rầm rầm rì rì như vậy, giống như người đánh cá gỡ lưới bị cá trong lưới nhảy đành đạch một khắc cũng không chịu dừng, các con nói chuyện có giống như vậy không?”

Di Lan Đà Vương đã vì chuyện này mà hỏi vị tỷ kheo kia rằng: “Đức Phật có tu trì không? Làm sao lại có sự giận dữ ghê gớm như vậy nhỉ?”

Vị tỷ kheo ấy đáp: “Cũng giống như mọi người thôi, lúc đi đường bị rễ cây, cành cây vướng một chút, hay đi đường không chú ý bị ngã té, gặp trường hợp như vậy thì không thể trách chỗ đất được, chỗ đất hoàn toàn không động đậy, chỉ vì người ấy không chú ý mà thôi; đức Phật cũng giống chỗ đất vậy, ngài hoàn toàn không tốt xấu, mừng giận, pháp chế như vậy, vấn đề là của Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, đức Phật hoàn toàn không dấy khởi mừng giận gì cả. Ví như chúng ta nhìn thấy cha mẹ đánh mắng con cái, hoặc nhìn thấy sĩ quan quân đội răn dạy binh lính thuộc hạ, đôi lúc cũng rất nghiêm khắc, nhưng thực ra đó là từ bi, chứ không phải sân hận.”

Người có tín ngưỡng là sang giàu nhất, người có đạo đức là an vui nhất, người chịu tu hành là ổn định nhất, người có trí tuệ là đáng quý nhất. Trước đây, tôi theo học ở trong rừng rậm, lúc ấy lời giáo dục phải chịu đựng có thể nói là lời giáo dục bằng đánh mắng, mắt không thể nhìn láo liên, miệng không thể nói lời bậy bạ, nếu không bất cứ lúc nào cũng có thể bị đánh, bị mắng. Ví như tham thiền tại thiền đường, vô lý ba mươi hèo, có lý cũng ba mươi hèo. Trong hoàn cảnh ấy, đánh cũng được, mắng cũng được, xem ra không liên quan gì đến Phật pháp cả, có lẽ có người cho thật là quá đáng, thật là không thể tắt lòng người; nhưng trên thực tế, để nhanh chóng hoàn thiện cá nhân, để mong chúng ngộ đạo quả của Phật pháp đôi lúc không thể không làm như vậy, do đó, đánh mắng lúc này đều biến thành Phật pháp. Nên có điều gọi là thiền ngộ bằng roi vọt, la mắng chính là ý này.

Để nâng cao tinh thần cần phải khổ tu, mỗi người trong sinh hoạt hàng ngày phải tu hành như thế nào để nâng cao tự ngã?

1. Làm thế nào giải quyết việc ăn mặc đi ở?

Áo quần dùng để che thân thể, nhưng cần phải chỉnh tề sạch sẽ, giản dị mộc mạc, không cần phải xa xỉ hoa lệ, nhưng cũng không thể cố ý mặc áo quần rách rưới, dơ bẩn để tỏ ra tu hành. Y phục không chỉnh tề, hoặc quá sang trọng sẽ khiến người đời cười chê; nhưng nếu mặc quá rách rưới cũng khiến mọi người chế giễu. Đức Phật dạy đệ tử khi mặc áo quần phải đọc kệ rằng: “Khi trên mặc áo phải nguyện chúng sinh đạt được căn lành cùng pháp qua bờ bên kia.” “Khi dưới mặc quần phải nguyện chúng sinh tuân phục căn lành biết điều xấu hổ.” “Khi chỉnh quần áo phải nguyện chúng sinh kiểm soát căn lành đừng để mất đi.”

Ăn uống là để nuôi dưỡng thân tâm, không cần phải chọn lựa. Đức Phật đã răn dạy đệ tử khi ăn cơm

cần quán tưởng năm điều: tính công lao ít nhiều, và xét thực phẩm từ đâu đến; nghĩ kỹ hành vi nhân đức của mình đủ hay thiếu để được hưởng sự cúng dường; ngăn ngừa cái tâm, tránh xa tội lỗi, trong đó tham sân si vẫn là chủ yếu; điều chính của thực phẩm như là thuốc tốt để chữa trị thân hình khô yếu; vì thành đạo nghiệp nên được ăn những thực phẩm này. Làm ra hạt gạo rất vất vả, đem được hạt gạo về nhà không phải chuyện dễ, do vậy khi ăn cơm không được coi khinh hạt cơm, phải nghĩ đến sự vất vả của người nông dân, phải mang cái tâm cảm ơn họ và thích thú được ăn những thực phẩm này.

Đến việc ở, đi, cần dùng những phương tiện cho phù hợp là được, không cần phải tham lam hưởng thụ. Theo Phật pháp mà nói, một đệ tử của Phật tu hành phải luôn luôn cảnh giác lỗi sinh hoạt của mình, không được theo đòi xa hoa lãng phí, lấy niềm vui của thiền định làm thức ăn, lấy đạo đức làm y phục, lấy hư không làm chỗ trú, lấy tâm tịnh tự tại, không lo nghĩ để đi lại, không cần loay hoay theo đuổi vật chất để bị vật dục trôi buột.

2. Làm thế nào sắp xếp thế giới của thân tâm?

Một người tu hành, tuy không cần phải quá coi trọng sự hưởng thụ thoải mái của thân tâm, nhưng cũng không thể bỏ bê quá mức thân tâm của mình. Có người luôn đòi hỏi phải được hưởng thụ: Ăn những sơn hào hải vị, mặc nhiều đoạn gấm vóc, ở nhà cao cửa rộng, đi xe kiệu sang trọng. Sự tham lam ấy khiến con người bị lạc mất phương hướng, như vậy làm sao tu hành đạt đạo? Lại có người làm trái lại, áo quần không mặc, thực phẩm không ăn, để tỏ rõ mình là thanh cao tiết tháo, nếu vì vậy mà thân tâm của mình bị hủy hoại thì lấy gì để tu hành đạo Phật? Phật nói: “Thân hình khó có được”, lại nói: “mượn giả tu thật” (ý nói thân là giả tạm, tức là mượn cái thân để tu hành), do đó, một đệ tử của Phật chân chính phải sắp xếp thỏa đáng thế giới thân tâm của mình, không để mình bị mê hoặc trong thế giới vật chất, để có thể tinh tấn trong tu hành đạt đạo.

Kinh “Pháp cú” nói: “Người làm cung điều chỉnh góc, người thủy thủ điều khiển thuyền, người thợ mộc uốn nắn gỗ, người trí thức điều ngự thân”. Kinh “Tâm địa quán” nói: “Quán tự thân như con mới sinh, mẹ hiền thương mến, luôn luôn bảo vệ. Thân ta cũng như vậy, nếu không bảo vệ, thân tâm sinh bệnh, tức là không thể tu hành đạt đạo.” Đức Phật từng nói, con người bị bệnh gồm mười nhân duyên: 1. Ngồi lâu không ăn. 2. Ăn không tiêu. 3. Lo buồn. 4. Quá mệt nhọc. 5. Dâm dật. 6. Sân hận. 7. Nhịn đi đại tiện. 8. Nhịn đi tiểu tiện. 9. Không chế thế thượng phong. 10. Không chế thế hạ phong.

Mỗi người cần phải biết sắp xếp thân tâm của mình, tuy sắc thân do tứ đại giả hợp, nhưng đánh mất thân thể, vạn kiếp khó tìm.

3. Làm thế nào sắp xếp hài hòa quan hệ giữa người với người?

Con người nên làm thế nào để sống chung với người khác? Tôi dùng 16 chữ để làm tiêu chí sống chung, đó là “bạn lớn tôi nhỏ, bạn có tôi không, bạn vui tôi khổ, bạn đúng tôi sai”. Thông thường giữa ta và người xảy ra tranh chấp, thực ra tất cả không ngoài vấn đề “bạn lớn tôi nhỏ, bạn có tôi không, bạn vui tôi khổ, bạn đúng tôi sai”. Nếu như về địa vị, nhường chức lớn cho người khác, về công việc và hưởng thụ, nhường việc nhẹ, điều vui cho người khác, những việc gì sai mình nhận lãnh, nếu làm đúng như vậy thì giữa ta và người tuyệt đối không có sự tranh chấp, mọi người nhất định có thể sống chung một cách hài hòa vui vẻ. Có lẽ có người sẽ cho rằng đem nhường cho người cái lớn, cái nhiều, sự hưởng thụ, còn mình tự nhận lãnh tất cả chỗ xấu, chỗ sai, điều này chẳng phải trở thành kẻ ngốc nghếch nhất trong thiên hạ sao? Thực ra, kẻ đại trí như người ngu, bị cho là kẻ ngốc nghếch nhất mới

là người có trí năng đích thực. Dù tích góp được bao nhiêu vật chất của thế gian, cuối cùng cũng có lúc mất mát hoặc dùng cạn kiệt; có quyền cao thế lớn, lúc tại vị quất mây thét gió, muốn gì được nấy, khi đại hạn xảy đến, vẫn như mây khói lướt qua, chẳng lưu dấu vết. Vất vả tranh giành cho được, vậy có gì đích xác thuộc về mình chẳng? Những gì con người cần tranh giành, thì ngoài địa vị, vật chất, hưởng thụ ra, còn có rất nhiều thứ, ví như nhân cách cao thượng, tín ngưỡng cho tâm linh, cuộc đời thanh thoát tự tại... Mọi người cần công danh phú quý thì giao lại cho họ, mọi người không cần nhân cách đạo đức thì mình cố gắng giữ lấy, như vậy không chỉ có thể chung sống hài hòa trong quan hệ giao tế giữa con người với nhau, mà còn có thể gặt hái được nhiều điều tốt đẹp trong việc tu hành.

4. Làm thế nào sử dụng tiền bạc của cải?

Đức Phật từng nói: “Tiền bạc là rắn độc.” Nhưng một người tu hành tại gia không thể không có tiền bạc của cải, nào là chi phí cho cuộc sống của vợ con, nào là chi phí cho giáo dục, cho thuốc men chữa bệnh, nếu không có tiền của làm sao có thể sắp đặt cuộc sống cho họ? Nhưng nếu chỉ một mực lo kiếm tiền mà liều mạng cố sức, thì còn chút tinh thần nào cho tu hành, tiền của dù nhiều, nhưng cuộc đời như vậy có thể nói là không có ý nghĩa gì cả!

Tiền bạc chỉ cần giữ cho hợp pháp, không cần lo lắng nó là rắn độc, điều mấu chốt là sử dụng tiền bạc như thế nào. Nếu ra sức cất giữ, tích góp mà không biết tạo phúc, không biết cúng dường, thì dù tiền bạc có nhiều cũng chẳng có điều ích lợi nào. Khi một người sắp qua đời, đại hạn đã đến, thì khi rời cõi đời cũng chỉ là hai bàn tay trắng, để lại tài sản lo lớn, không bị sung công thì cũng khiến anh em tranh giành, điều đó chẳng phải là uổng phí một đời vất vả sao?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Dùng huệ tâm quán chiếu năm uẩn đều không;

Dùng tự tâm quán xuyên sự sinh hoạt của sáu căn;

Dùng tín tâm khai thác tiềm năng của chính mình;

Dùng từ tâm chung sống hài hòa với mọi người;

Dùng hiếu tâm chỉnh lại luân thường đạo nghĩa;

Dùng ái tâm sở hữu cuộc sống vui vẻ;

Dùng bi tâm hoàn thành sự nghiệp lợi tha;

Dùng hỷ tâm bao dung vạn vật vũ trụ.



Tu thân và tu tâm

Trong ngôi chùa cổ ở chốn rừng sâu có một hòa thượng tu hành; ma quỷ muốn phá hoại đạo hạnh của ông, nó biến thành một quái vật không có miệng hiện ra trước mặt để đe dọa ông. Hòa thượng nhìn thấy, liền nói: “Ừa, cái gì thế này? Tại sao không có miệng mồm gì cả?” Rồi dùng lời dịu dàng nói: “Thực ra, không có miệng cũng tốt, đã không có miệng thì sẽ không ăn những thứ bậy bạ, nói những lời bậy bạ.”

Ma quỷ thấy không thể đe dọa được hòa thượng, lại biến thành một quái vật không có mắt đứng lù lù trước mặt ông, hòa thượng nhìn thấy, nói: “Ồ! Tại sao lại không có mắt thế này? Thực ra, không có mắt cũng không quan trọng, từ nay về sau khỏi nhìn thấy những chuyện bậy bạ.”

Ma quỷ nhận thấy ông hòa thượng này chẳng sợ hãi gì cả, bèn biến thành một quái vật không có tay. Hòa thượng vẫn bình tĩnh nói: “Không có tay cũng tốt, từ nay về sau không thể đánh bài, không thể đánh bậy với người khác.”

Ma quỷ hết biến thứ này qua thứ khác, nhưng hòa thượng vẫn không động lòng. Cuối cùng ma quỷ dứt khoát biến thành một quái vật chỉ có nửa thân trên, không có chân. Hòa thượng nhìn thấy, lại nói: “Không có chân cũng tốt, không có chân sẽ khỏi phải chạy lung tung, từ nay về sau không thể tự ý đến các quán rượu, đến các vũ trường.”

Tu thân bao gồm cả tu mắt, tu tai, tu mũi, tu lưỡi.

Nhớ hồi tôi còn trẻ, có lần tôi bị ho, cổ họng nói không ra tiếng, không thể đi thuyết giảng. Bởi vì ở lâu trong giáo lý Phật pháp, nên rất nhiều việc thấy được rõ hơn, buông bỏ được nhiều thứ hơn, lòng chột nghĩ: người câm là người không thể tạo được khẩu nghiệp nhất trên thế giới, làm được người câm cũng tốt.

Lại có một lần khác, tôi bị chứng phong thấp, nằm yên trên giường khoảng chừng một tháng, bác sĩ nói cần phải cưa chân, nếu không thì sẽ nguy hiểm. Có người lo lắng thay cho tôi, nhưng trong bụng tôi lại nghĩ: cưa chân cũng chẳng sao, đỡ phải chạy lui chạy tới bên ngoài, có thể yên tâm nằm nhà xem sách, đọc kinh, viết văn, đó cũng là một cách sống!

Đối với vấn đề làm thế nào tu thân, làm thế nào tu mắt, làm thế nào tu tai, trong Phật pháp đều có chỉ dẫn.

Lúc 15 tuổi tôi thọ giới ở giới đàn, thầy giáo đặc biệt răn dạy chúng tôi, bảo chúng tôi mắt không được nhìn bậy bạ. Bởi vì khi ấy chúng tôi chỉ là những đứa bé con, đôi lúc nghe bên ngoài có chút gì động tĩnh đều giương mắt ra nhìn, thầy giáo lập tức đánh ngay một bạt tai, rồi mắng: “Nhìn cái gì! Ngoài kia có cái gì là của các con không?” Lòng tôi lại nghĩ: “Đúng quá rồi! Ở đó hoàn toàn không có cái gì là của mình cả!” Đôi lúc cái miệng lại muốn nói, có chuyện gì đó cũng muốn đưa ra ý kiến, ưa lắm lời, vừa mới mở miệng, lại bị một bạt tai giáng xuống: “Mày ưa nói cái gì? Đây là ở đâu mà mày có tư cách để nói?” Lòng tôi lại nghĩ: “Đúng quá rồi! Đây là Phật đường, làm gì đến phiên mình nói cơ chứ?” Do đó, lại phải tự chế mình, không được nhìn bậy bạ, không được nói lung tung. Về sau tôi dứt khoát không nói, tịnh khẩu luôn. Tôi có kinh nghiệm không nói trong khoảng một năm, trong thời gian đó, tôi có được rất nhiều lợi ích. Ngày nay nhớ lại, tôi cảm thấy ngày trước thầy giáo nghiêm khắc đánh mắng chúng tôi quả là ân huệ cao như núi, sâu như biển.

Mỗi người, ngoài tu thân ra, còn có tu tâm. Tâm của chúng ta như một tên trộm, rất khó tìm bắt, rất khó nắm gọn. Nhưng con người lại đem cái tâm như một tên trộm ấy nuôi dưỡng trong nhà, chuyên phá hoại việc tốt, phải nói là quá nguy hiểm. Ông Vương Dương Minh từng nói: “Bắt tên trộm trên núi dễ, bắt tên trộm trong tâm khó.”

Thường nghe nói có nhiều người phàn nàn, oán trách con người không chịu nghe theo lời của chính mình. Thực ra, điều không đáng nghe nhất là lời của chính chúng ta. Tâm của chúng ta luôn luôn thay

đôi, bất định khó lường, bạn có thể nắm chắc được cái tâm của mình không? Cho nên, cần phải tu tâm, khiến cho tâm phải chịu sự chỉ huy của chính mình.

Thân của mỗi người có cái khô của lão, bệnh, tử, tâm của mỗi người lại có cảnh phiền não của tham, sân, si, cái lão, bệnh, tử của thân thể tương đối dễ hiểu thấu, còn cái tham, sân, si của tâm lại không dễ chữa trị. Ví dụ như, tham dục như đóa hoa, sân hận như con ong, ngu si như cám gạo. Tại sao lòng tham như đóa hoa? Khi hoa nở, tươi đẹp vô cùng, nhưng khi tàn úa lại khô héo. Lòng tham của con người cũng vậy, muốn điều này điều kia, giống như đóa hoa nở, dù bạn có tất cả, thậm chí cả thế giới đều thuộc về bạn, bạn sẽ như thế nào? “Ruộng tốt vạn sào, rôt cuộc mỗi ngày ăn hết bao nhiêu?” “Nhà rộng ngàn gian, đêm ngủ chưa đầy tám thước”. Tham có được nhiều, lại để dùng vào việc gì cơ chứ? Tâm sân hận như con ong, hại người hại mình. Ong mật đốt người, sau khi đốt người thì tự mình cũng không thể sống được. “Một niệm khởi tâm sân hận, ngàn vạn cánh cửa chướng ngại mở ra.” “Lửa của sân hận có thể thiêu đốt những cánh rừng của công đức.” Nếu như trước mọi việc mình thường nổi cơn nóng giận, cuối cùng người chịu thiệt thòi lại là chính mình. Tâm sân hận hay nổi nóng hoàn toàn không thể giải quyết vấn đề, chỉ làm cho vấn đề ngày càng trở nên rối rắm. Ngu si đúng là không có tri thức, đôi lúc người rất thông minh cũng là ngu si, nên có điều rằng “thông minh lại bị thông minh làm cho sai lầm”; sau khi tri thức bị bệnh thì biến thành ngu si. Ngu si giống như cám gạo, cám đã bao phủ gạo trắng. Một người nếu ngu si, tức là làm cản trở trí tuệ chân chính, trí tuệ không phát triển thì vô minh trỗi dậy, lúc đó đối với chân lý của thế gian đều không được tỏ ngộ.

Việc tu hành thân tâm chia làm ba cấp: cao, vừa và thấp. Cấp thấp nhất là “thân tu hành mà tâm không theo”, tức là trông bề ngoài có một vẻ nguy trang rất đỗi từ bi, miệng nói rất đỗi hay ho cảm động, thái độ biểu hiện rất đỗi thân mật, một mẫu người đức hạnh cao vời, đạo mạo trang trọng, nhưng thực ra trong tâm lại không phải như vậy, nên có điều rằng “miệng toàn những lời nhân nghĩa đạo đức, bụng đầy cả đạo tặc tà dâm”, đó là cấp thấp nhất. Tu hành cấp vừa là “tâm hành đạo mà thân không theo”, tức là trông bề ngoài chẳng ra làm sao cả, nhưng trong lòng lại rất là từ bi, rất có đạo đức. Thân tâm đều hành đạo, trong ngoài thống nhất, đó là cách tu hành cấp cao nhất.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Tâm tham dục cần dùng tâm thích hợp để đối trị;

Tâm sân hận cần dùng tâm từ bi để điều khiển;

Tâm ngu si cần dùng tâm trí huệ để hướng dẫn;

Tâm ngạo mạn cần dùng tâm khiêm tốn để trông coi;

Tâm nghi hoặc cần dùng tâm tin tưởng để cảm hóa;

Tâm ô nhiễm cần dùng tâm tỉnh lặng để tiêu trừ;

Tâm lung lạc cần dùng tâm thiên định để chi phối;

Tâm an ổn cần dùng tâm chân thật để không ché.



Sau khi đại sư Đạo Khải đòi Tống đả pháp, dương danh cho môn phái Thiên tông, một hôm, nhà vua sai sứ ban tặng áo màu tía (tử y - tức loại y phục màu tím thời xưa dành cho quan lại triều đình, gọi là quan công phục), và ban hiệu là Định Chiếu Thiên sư. Đại sư bảo từ chối không nhận. Nhà vua lại hạ lệnh cho quan ở phủ Khai Phong là Lý Hiếu Thọ đích thân đến chỗ đại sư, nói rõ ý khen thưởng của triều đình, đại sư cũng không lãnh nhận. Do đó nhà vua nổi giận, giao cho quan sở tại bắt giam.

Quan sở tại biết đại sư nhân hậu trung thành, kê tai hỏi nhỏ: “Thân thể đại sư yếu ớt, đáng người tiêu tụy, có phải đại sư bị bệnh không?” Đại sư trả lời “Không!”

“Nếu nói bị bệnh thì đại sư có thể khỏi bị pháp luật xử phạt.” Quan sở tại thành khẩn tìm lối thoát cho đại sư. Đại sư lớn tiếng đáp: “Không có bệnh là không có bệnh, tại sao để khỏi bị xử phạt mà phải nói dối là có bệnh?”

Quan sở tại không còn cách gì hơn bèn đày đại sư đến Tri Châu, mọi người nghe thấy đều rơi nước mắt.

Đại sư Đạo Khải đức hạnh cao vời, tiết tháo uy nghiêm, tuy được triều đình tôn vinh, nhưng lại chối từ không nhận, tuy bị quan châu trừng phạt, nhưng vẫn nhẫn nhịn không dỗi, đó là do tín ngưỡng mà có được tinh thần nhẫn nhịn có thể làm gương sáng cho người sau noi theo. Trong Phật giáo, chúng ta tôn sùng cuộc sống đạo đức như thế nào?

1. Cuộc sống đạo đức tùy hỷ.

Trong mười điều nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, có một điều nguyện gọi là “tùy hỷ công đức”, Phật giáo không chỉ nói đến bố thí mà còn chú trọng đến tùy hỷ. Công đức bố thí tùy hỷ so với việc quyên tặng tiền của báu vật của những người nhà giàu thậm chí còn có công đức hơn, công đức tùy hỷ là công đức không có số lượng hạn định. Tùy hỷ tức là đem niềm vui tùy lúc tùy nơi san sẻ cho người khác. Ví như buổi sáng thức dậy, gặp người khác cất lời chào nói: “Chào buổi sáng!”, hay nói: “Xin chào!”, đó gọi là bố thí tùy hỷ; gặp người khác mỉm một nụ cười thân thiện, đó cũng là bố thí tùy hỷ.

Trong cuộc sống thường ngày, tùy hỷ có thể được thực hiện tùy lúc tùy nơi. Ví như gật đầu chào hỏi, phụ giúp một tay, khen ngợi việc làm hay đẹp, quan tâm một cách chân thành... đó đều là cuộc sống đạo đức tùy hỷ. Khi bạn ăn của ngon vật lạ, mời bạn bè cùng thưởng thức, bạn sẽ cảm thấy mùi vị của thức ăn đó thơm ngon hơn. Khi bạn nghe những lời vàng ngọc, cần chuyển lại cho bạn bè của mình để cùng bạn lưu giữ, bạn sẽ cảm thấy cảnh giới của cuộc đời lớn rộng hơn nhiều. Còn nếu bạn có thể bố thí những câu kinh như châu báu của Phật pháp cho bạn bè hay mọi chúng sinh thì sinh mệnh của bạn càng trở nên tốt đẹp, cuộc sống của bạn càng trở nên đầy đủ, có ý nghĩa muôn phần. Xin mọi người đừng quên: Tùy lúc bạn hãy nở nụ cười trên khuôn mặt của bạn, hãy tỏ lời chào hỏi trên đôi môi của bạn.

2. Cuộc sống đạo đức từ bi.

Thiền sư Trí Thuần đời Đường đi bộ tham thiền ở bên ngoài. Một hôm, đi đến một vùng rừng núi, thiền sư ngồi dưới gốc cây để điều hơi thở. Một con gà đồng bị người thợ săn bắn trúng, vết thương rất nặng, chạy đến trước chỗ ngồi của thiền sư, thiền sư lấy tay áo bọc giữ sinh mệnh nhỏ bé ấy. Người thợ săn chạy đến chỗ thiền sư đòi lại con gà đồng: “Con gà đồng của tôi đâu rồi? Trả lại đây cho tôi!” “Nó cũng là một sinh mệnh, hãy tha cho nó đi!” Thiền sư khuyên bảo người thợ săn. “Ông không biết

con gà đồng ấy là một bữa nhậu của tôi sao?” Người thợ săn cứ mãi cò cưa với thiền sư, thiền sư hét cách, bèn lấy con dao đem theo trong người ra cắt gọn một lỗ tai của mình đưa cho người thợ săn, nói: “Cái lỗ tai này có đủ nặng bằng trọng lượng của con gà đồng chưa? Ông cầm về mà làm bữa nhậu của ông đi!” Thiền sư Trí Thuận vì muốn cứu một sinh linh mà không tiếc cắt đi một phần thân thể của mình, đức hạnh “nguyện vì chúng sinh được xa rời đau khổ, chứ không vì mình cầu an lạc” ấy chính là sự biểu hiện cụ thể của lòng từ bi.

Tinh thần căn bản của Phật pháp ở tại lòng từ bi, khởi tâm phát nguyện của tất cả Bồ tát cũng do từ lòng từ bi - tức là “thương” những khổ nạn của tất cả chúng sinh, mà tự nguyện thay họ gánh vác. Điều người xưa nói “cái tâm của người bất nhân” chính là từ bi, mọi người nên có cuộc sống đạo đức từ bi, đồng thời cố gắng thực hiện điều đó.

3. Cuộc sống đạo đức tầm quý.

Tầm quý tức là đối với những hành động và ý nghĩ không tốt của mình cần phải cảm thấy xấu hổ, biết sám hối và biết sửa đổi. Trong kinh “Phật di giáo” có nói: “Biết xấu hổ là trang nghiêm bậc nhất.” Tuy phạm sai lầm, nhưng nếu biết xấu hổ, thì những khiếm khuyết của thời trước có thể được khử trừ, tỏ lộ sự trang nghiêm vô cùng. “Con người không phải là thánh hiền, ai cũng có lỗi lầm, biết lỗi lầm có thể sửa đổi, thật không gì tốt bằng!” tức là nhấn mạnh việc sửa đổi lỗi lầm là điều đáng quý.

Đối với người có lỗi lầm, không được xem thường họ, chỉ cần người ấy có tâm biết xấu hổ, biết sám hối, thì một chút như bản trên tấm vải trắng có thể dùng nước giặt sạch. Mọi người không nên nhìn vết ố nhỏ trên tấm vải trắng mà cố sức buông lời chỉ trích, so với tấm vải lau nhà nhũ cũ bản thường dùng trong nhà thì một vết nhỏ dơ bản ấy nào có đáng coi ra gì? Nhưng bởi vì tấm vải trắng quá sạch sẽ, chỉ một chút hơi dơ là người ta đã nhìn thấy; ví như một miếng giẻ lau dơ bản đến độ tìm không ra một chút sạch sẽ nào càng có cơ hội trả lại cho nó sự tinh sạch vốn có. “Lỗi lầm của người quân tử như nhật thực và nguyệt thực. Lỗi lầm mọi người đều thấy, sửa đổi (lỗi lầm) mọi người đều ngưỡng mộ.”

4. Cuộc sống đạo đức nhân quả.

Ông Hồ Thích có một câu nói như thế này: “Muốn gặt hái cái gì thì trước tiên phải trồng cây cái đã!” Quan niệm nhân quả hoàn toàn không phải là thuyết định mệnh. Thuyết định mệnh cho rằng tất cả thành bại, được thua đều do thần số phận nắm giữ ở tận đâu đâu không ai biết rõ, mọi cố gắng của con người đều vô ích. Còn quan niệm nhân quả cho rằng tất cả quả báo, bất kể thiện ác, đều do chính bạn tạo ra. Quyền hạnh phúc hay đau khổ không phải do thần mà là do chính hành vi của chính bạn quyết định.

Có một cậu bé xảy ra xích mích với bạn của mình, cậu chạy đến một hang núi hét lớn để trút ra những buồn bực trong lòng. Cậu nói lớn trước hang núi thâm u: “Ta hận người! Ta hận người!” Tiếng nói vừa buông ra, trong hang sâu liền có tiếng vọng lại: “Ta hận người! Ta hận người!” vang hoài không dứt. Cậu bé chán nản trở về nhà, cậu đau khổ khóc lóc và nói với mẹ: “Mọi người trên thế gian này đều hận con.” Người mẹ hỏi rõ nguyên nhân, thế là bà dắt tay cậu bé trở lại hang núi. Người mẹ nói: “Con à, bây giờ con nói lại ‘Ta hận người!’ trước hang núi đi!” Cậu bé làm theo lời mẹ, lập tức từ bốn phương tám hướng truyền lại âm thanh “Ta hận người!”

Câu chuyện trên nói với chúng ta rằng: Dùng tình yêu thương mới có được yêu thương, lấy hận thù đối với hận thù thì tư tưởng hận thù chỉ tăng thêm mà thôi.

5. Cuộc sống đạo đức giới luật.

Giới luật là hàng loạt những quy củ do đức Phật đặt ra để chế ngự trạng thái thân tâm của các đệ tử khi tu tập. Có lẽ có người cho rằng giới luật là xiềng xích trói buộc hành động tự do, việc gì phải tự tìm lấy phiền phức, chịu sự câu thúc của giới luật. Trên thực tế, nếu chúng ta có thể tuân giữ giới luật, quả quyết không vi phạm, thì chúng ta có nhiều tự do - giải thoát.

Giới luật là liều thuốc bôi trơn trong quan hệ chung sống giữa người với người. “Giới” có rất nhiều điều lệ và sai biệt, tinh thần căn bản của nó là không xâm phạm người khác. Chúng ta không xâm phạm người khác thì người khác không thể làm tổn hại chúng ta. Bởi vì gây thù càng ít thì bạn tốt càng nhiều, làm việc gì cũng gặp nhiều điều tốt đẹp, sự nghiệp hanh thông. Do đó, giữ giới luật không phải là tự trói tay chân mình mà là khai mở con đường rộng lớn hơn. Đặc biệt là mọi hành động đều đúng chuẩn mực, hợp giới luật, thì cõi lòng thanh thản bình an không hổ thẹn. Đó là điều quý báu khó đạt được vô cùng.

Ác khẩu là thứ dao kiếm sắc nhọn nhất, tham lam là loại thuốc độc mạnh nhất, sân hận là ngọn lửa đáng sợ nhất, ngu si là đêm đen dài nhất, phiền não là hang tối sâu nhất. Các thứ phiền não vô minh ấy bao gồm đủ các chủng loại của tội nghiệp và chướng ngại, chúng ta cần giữ kỹ khiên mộc của giới luật, cần mặc khôi giáp của tám quý để đối trị, mới có thể có được ánh đèn sáng chói của trí tuệ.

6. Cuộc sống đạo đức tin tưởng và nhẫn nhục.

Có một tỳ kheo, một ngày nọ đi khát thực đến trước cổng nhà buôn vàng Châu Bảo Thương. Châu Bảo Thương chính là quốc vương Xuyên Châu, thấy vị tỳ kheo đang đến khát thực, ông lập tức vào lấy thức ăn. Không ngờ, viên ngọc trai từ trên bàn lăn xuống đất, bị con ngỗng mổ nuốt vào bụng. Sau khi Châu Bảo Thương trở lại, không thấy viên ngọc trai, nghi nhằm vị tỳ kheo lấy trộm, ông lấy roi tre quát đánh vị tỳ kheo. Tỳ kheo im lặng chịu đòn, mãi đến khi máu trên người rơi tung tóe, con ngỗng mới thò cổ ra uống máu, Châu Bảo Thương nổi giận quát con ngỗng một roi gài chết, lúc ấy tỳ kheo mới nói viên ngọc trai bị con ngỗng nuốt trôi. Châu Bảo Thương bèn giết chết con ngỗng để lấy viên ngọc, đồng thời xin sám hối trước tỳ kheo. Khi hỏi vì sao không nói rõ nguyên ủy trước khi sự việc xảy ra, tỳ kheo nói: “Nếu tôi nói ra con ngỗng nuốt viên ngọc trai thì mạng sống của nó khó bảo toàn; hiện nay con ngỗng đã bị đánh chết, tôi mới nói ra sự thật.”

Để bảo vệ mạng sống của một con vật, cam tâm nhận chịu những đòn roi vọt quát lên da thịt, điều này là do sức mạnh của tín ngưỡng đem lại. Trong cuộc sống thường ngày, nếu chúng ta có lòng tin vững chắc, tự nhiên sức mạnh của sự nhẫn nhục tăng thêm, như vậy nhân cách mới có thể thăng hoa, cuộc đời mới có vinh dự!

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Hy sinh chính mình, chịu nhận cầu toàn, không làm hại người khác, đó là sức mạnh của giới luật;

Tiêu trừ nghi kỵ, vứt bỏ kiêu ngạo, không xâm phạm người khác, đó là công phu của thiên định;

Quán chiếu tự ngã, biết rõ nhân quả, không oán trách người khác, đó là trí Bát nhã.



TÂM SINH VẠN PHÁP

Niết bàn lập tức chấm dứt phiền não

Mọi thứ phiền não đều do tâm động

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất đời Đường suốt đời xướng xuất ‘tức tâm tức Phật’, Pháp Thường, đệ tử của ông đã theo câu nói ấy mà tiến sâu vào con đường giác ngộ, và sau khi giác ngộ triệt để, ông ẩn cư ở núi Đại Mai. Có một hôm, Mã Tổ sai thị giả đi thăm dò Pháp Thường, thị giả nói với ông: “Pháp Thường, ông đã hiểu rõ ‘tức tâm tức Phật’ của thầy, nhưng gần đây thầy lại nói ‘phi tâm phi Phật’ !” Pháp Thường nghe xong, không hề thay đổi, nói: “Cái gì khác đó tôi không cần biết, tôi vẫn cứ ‘tức tâm tức Phật’ thôi!” Thiền sư Mã Tổ nghe thị giả báo lại, vui vẻ gật đầu nói: “Trái mơ đã chín mùi thật rồi!”

Vị cao tăng đạo Phật ngày xưa nói rằng “Bóng trúc quét thềm không nổi bụi” (trúc ảnh tảo giai trần bất động), Pháp Thường đã ngộ đạo lý “tức tâm tức Phật”, ổn chắc như núi Thái Sơn, dù thầy có quay 180 độ mà nói rằng “phi tâm phi Phật” thì đối với ông đó chẳng qua cũng giống như bóng trúc gió lay chẳng dấy lên một chút bụi nào.

Một khi tâm động thì thế gian vạn vật cũng theo đó mà dấy khởi, ồn ào rối loạn, không lúc nào ngơi; một khi tâm tĩnh, cuộc sống phiêu bồng lại trở về yên ắng, tranh chấp mất tăm, phiền não tiêu trừ. Trạng thái động của tâm có muôn ngàn sai khác, đủ hình đủ vẻ, “các hạnh vô thường, mọi pháp vô ngã”, trạng thái tĩnh của tâm thì “Niết bàn tĩnh lặng”. Điều gọi là “khi tâm bất tại (tâm không tập trung) thì nhìn mà không thấy, nghe mà không hiểu, ăn mà không biết mùi vị”, dù thế gian sai khác náo loạn thế nào, đối với người ngộ đạo thì những sai khác to lớn ấy vẫn trở về bình đẳng, những náo loạn điên đảo ấy cũng trở về tĩnh lặng.

Phật giáo thường dùng “viên ngọc trong tay” để ví dụ Bát nhã Phật tâm hoàn toàn không ở chốn cao xa, mà là mọi người ai cũng có thể nắm bắt, giống như viên ngọc nắm trong tay. Nhưng “lửa trong đá, không gõ không ra lửa”, viên đá có thể phát ra lửa, nếu không gõ lửa sẽ không phát ra; tuy trong tâm mọi người đều có Phật tính, nhưng nếu không tu chứng thì cũng giống trong bọc có viên ngọc lớn mà không biết đem dùng thật là uổng phí vậy!

Khi Linh Mộc Đại Chuyết, người Nhật Bản, hoằng pháp Thiền tông ở châu Âu, có người hỏi ông: “Phật Thích Ca Mâu Ni rốt cuộc hy vọng điều gì ở chúng sinh?” Linh Mộc Đại Chuyết trả lời: “Phật Thích Ca Mâu Ni cuối cùng hy vọng ở chúng sinh là: Dứt bỏ tâm lý ỷ lại.” Tâm lý của con người thường ỷ lại người khác, tự mình không thể làm chủ, lại thường bị ngoại cảnh lôi kéo, tự mình không thể nắm giữ, đó chính là căn nguyên của mọi thứ phiền não. Làm thế nào để tâm của chúng ta mãi mãi tĩnh lặng?

Trong lòng của chúng ta thường có tâm vọng tưởng, tâm thị phi, tâm nghĩ ác, tâm ích kỷ... Tất cả những cái tâm vọng động ấy cần phải dùng cái tâm chính động để đối trị chúng. Ví như nói chúng ta cần có cái tâm biết xấu hổ (tàm quý tâm), tâm biết sám hối (sám hối tâm), luôn luôn tự phản tỉnh, tự đòi hỏi mình; cần có cái tâm hoan hỷ, tức là đối với tất cả mọi người, luôn có tâm hoan hỷ để bao dung họ. Trong cuộc sống, nếu chúng ta thường nuôi giữ cái tâm hoan hỷ thì có thể tiếp cận với Phật

tâm. Cần có tâm cảm ơn, tâm tri túc (biết đủ), phải luôn luôn nghĩ “mình có thể cho người khác cái gì”, không ích kỷ vụ lợi, không nghĩ đến “người khác có thể cho mình cái gì”. Những người nói lời dọa nạt, nói lời khiêu khích ly gián, nói lời dối gạt phỉ báng, nói lời không do tự đáy lòng... những lời ấy đúng là đừng để tâm.

Trước hết cần có tâm từ bi, sau đó đi vào sự tĩnh tâm. Thế nào là tĩnh tâm? Tâm bình đẳng là tĩnh tâm, tâm rộng mở là tĩnh tâm, tâm Bồ đề là tĩnh tâm, tâm yên lặng là tĩnh tâm.

Thứ nhất, đối với tình cảm, tĩnh tâm tức là không chấp không hòa. Con người là loài chúng sinh có tình cảm, muốn dứt bỏ tình cảm không thể được, nhưng nếu cố chấp quá đáng cũng không được, cho nên chúng ta cần dùng lý trí để hướng dẫn tình cảm, cần dùng từ bi để làm trong sạch tình cảm. Tình cảm quá nhạt nhẽo thì lạnh như băng, tình cảm quá nồng nàn thì nóng như lửa, lạnh như băng, nóng như lửa đều rất khó chịu, tốt nhất là dùng con đường trung dung để giải quyết. Trí tuệ của đạo trung dung có thể thăng hoa tình cảm của chúng ta, làm cho chúng ta tiến gần đến cái tâm của trạng thái tĩnh.

Thứ hai, đối với ngũ dục, tĩnh tâm tức là không chống không tham. Năm thứ dục là chỉ tiền của, nhan sắc, danh lợi, thức ăn, ngủ nghỉ. Đối với ngũ dục, có người tham lam không chán, có người lại sợ như nước lụt, như thú dữ. Thực ra, ngũ dục không đáng sợ, “sắc không làm mê người, chỉ có người tự mê, rượu không làm say người, chỉ có người tự say”, điều đáng sợ là tâm của chúng ta không biết làm thế nào để hướng dẫn giáo hóa ngũ dục. Nếu lặn lội trôi nổi trong bể dục, đương nhiên có thể bị nuốt chửng, nhưng con người trên thế gian cũng cần có cuộc sống ngũ dục chính đáng. Ăn quá nhiều thì quá no, ngủ quá nhiều thì trở nên hôn ám. Thế nhưng không ăn không ngủ thì khí lực không thể nào vững mạnh, sự tinh tấn không thể nào thực hiện. Cho nên, đối với cuộc sống ngũ dục chính đáng, chúng ta không chống đối nhưng không tham lam.

Thứ ba, đối với thế gian, tĩnh tâm tức là không chán không cầu. Đối với thế gian, có người đòi hỏi quá nhiều, đã có con gái còn muốn có con trai, đã có nhà lầu lại muốn có xe hơi, mong cầu càng nhiều, dục vọng càng lớn, khả năng tiêu tan cũng càng lớn, giống như trẻ con thổi bọt xà phòng, càng thổi càng lớn càng đẹp, đồng thời lại càng nguy hiểm. Cũng có người chán đời thái quá, chỉ sống thui thủi một mình, vứt bỏ, thóa mạ danh lợi, một khi bàn đến điều gì có liên quan đến tên mình thì nói: “Tôi không cần tên tuổi, cứ viết giùm tôi là vô danh đi!” Thực ra “vô danh” cũng là một loại “tên” vậy. Cho nên, đối với thế gian này không nên chán ghét cũng không nên tham cầu, mà giữ lấy tâm bình thường để an nhiên chung sống. Tâm bình thường chính là tâm ở trạng thái tĩnh nhưng vẫn hoạt bát.

Thứ tư, đối với sống chết, tĩnh tâm tức là không sợ không mê. Sống là chết, chết là sống, sống chết như cây đèn cù, nổi buồn to lớn nhất ở trong tâm là sự chết. Mê đắm trong sinh tử, sợ hãi đối với sinh tử, thì có tâm sinh tử; có tâm sinh tử thì có chuyện sinh tử luân hồi không dứt. Con người thường bị sinh tử làm mê đắm, hay sợ hãi đối với sinh tử. Thực ra, sinh tử có gì đáng mê? Sinh tử có gì đáng sợ? Chúng ta thử nhìn tuổi trẻ ngày nay, thường bắt chước khí phách thô mãnh trong các tiểu thuyết nghĩa hiệp: “Muốn giết là giết, có gì phải sợ? Dù sao hai mươi năm sau lại vẫn là một trang hảo hán!” Nhưng đó chỉ là cái dũng của kẻ thất phu, không có ý nghĩa đích thực. Nhân sinh quan của đấng Chính giác đối với cách nhìn nhận sinh tử là vừa không mê đắm vừa không sợ hãi. Cái chết không hẳn đã là kết thúc tất cả, mà là giống như sự chuyển nhà, ngôi nhà này sụp đổ phải nghĩ cách tìm đến một ngôi nhà khác.

Tóm lại, chúng ta sống trên thế gian này, đối với tình cảm không chấp không hòa, đối với ngũ dục không chống không tham, đối với thế gian không chán không cầu, đối với sống chết không mê không

sợ, như vậy, trong tĩnh tâm, chúng ta có thể sống cuộc đời trọn vẹn tốt đẹp.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Trong tâm cần có gốc mới có thể ra hoa kết trái;

Trong tâm cần có nguyện mới có thể thành tựu sự nghiệp;

Trong tâm cần có lý mới có thể đi khắp thiên hạ;

Trong tâm cần có chủ mới có thể định chỗ đều đúng;

Trong tâm cần có đức mới có thể dung nạp vạn vật;

Trong tâm cần có đạo mới có thể có được tất cả.



Tâm động hay phước động

Sau khi Lục tổ Huệ Năng đắc pháp, ngài chuyển đến chùa Pháp Tính ở Quảng Châu. Một hôm gió thổi, cái phướn theo gió lay động, có một vị tăng nói là “gió động”, một vị tăng khác phản bác nói là “phướn động”, hai người tranh luận không dứt, thế là Lục tổ đi đến nói với họ: “Không phải gió động cũng không phải phướn động, mà là tâm hai vị đang động đấy!”

Công án nổi tiếng này cho chúng ta biết rằng nếu tâm định tĩnh thì không thể biến động theo ngoại cảnh mà chấp trước bằng tri kiến phân biệt, sở kiến sở đắc nhỏ nhoi của mình mà cho là hoặc gió động hoặc phướn động.

“Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, tất cả mọi sự vốn theo tâm mà hiện, theo tâm mà biến, nhưng phần lớn thời gian tâm chúng ta không làm chủ nổi, nên không những không thể định tĩnh hay chuyển đổi được sự vật, mà còn tùy theo sự biến động của ngoại cảnh mà chuyển động xoay vòng. Bạn có tiền bạc, vật chất, thì tiền bạc, vật chất ấy có thể mua cái tâm động của bạn; bạn có sắc đẹp, có tình yêu thì sắc đẹp, tình yêu ấy có thể mua cái tâm động của bạn; bạn có danh vị, có quyền thế thì danh vị, quyền thế ấy có thể mua cái tâm động của bạn. Tâm của chúng ta thường bị tiền bạc, tình yêu, danh vị, quyền thế tác động mạnh. Có một số người chỉ cần có mấy trăm mấy ngàn đồng ít ỏi thì tâm ý đã dao động, tựa hồ như tâm của họ đã ghi rõ giá tiền mấy trăm, mấy ngàn đồng rồi vậy; có một số người dù được nhận cả một kho vàng, có đô-la hàng mấy trăm vạn, mấy ngàn vạn mà núi Thái Sơn có đang sụp trước mắt thì sắc diện của họ cũng không hề thay đổi. Người ta thường nói “người cùng chí đoản”, thực ra, tại sao người cùng chí lại đoản? Nếu tâm của chúng ta tự mình làm chủ thì câu nói kia phải đổi lại là “người cùng mà chí không đoản”. Tuy nói như vậy, nhưng nếu tâm của chúng ta không tu dưỡng thì cũng khó mà điều khiển, sức mạnh mà nó sinh ra cũng trở nên yếu kém bất kham.

“Tán thư, truyện Nhạc Quảng” ghi: Nhạc Quảng mời một người bạn đến nhà ăn cơm uống rượu, sau khi từ biệt, lâu thật là lâu người bạn ấy không hề lui tới nhà Nhạc Quảng. Một hôm, Nhạc Quảng tình cờ gặp lại mới hỏi lý do vì sao như vậy. Người bạn nói: “Lần trước được ông mời uống rượu, nhưng hôm đó khi tôi nâng chén lên định uống thì thấy một con rắn nhỏ đang trườn trong chén, lúc đó trong lòng tuy chán nản và hơi thắc mắc, nhưng ngại vì nể mặt ông là chủ nhân đã nhiệt tình mời mình, nên tôi đành uống đại cho xong. Sau khi về nhà tôi bị sinh bệnh, mời thầy y, uống thuốc cũng không thấy

đỡ. Hiện nay trong người tôi rất khó chịu, cơm nước chẳng muốn nghĩ đến!” Nhạc Quảng nghe xong hoảng hồn, bụng thầm nghĩ: Trong chén làm sao có thể có một con rắn nhỏ được? Sau khi về nhà, ông nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ đêm nghĩ ngày, nghĩ mãi cũng không ra duyên cớ. Đến một hôm, khi ăn cơm, Nhạc Quảng ngồi đúng vào chỗ người bạn ngồi lần trước, cầm chén rượu lên, vô tình nhìn lướt trong chén bỗng giật thót người: Trong chén quả có một con rắn nhỏ! Lắc lắc chén rượu, chuyển chuyển chỗ ngồi, rồi nhìn kỹ: Ô! Thì ra cái bóng cánh cung treo trên vách khúc xạ trong chén rượu. Nhạc Quảng vội mời người bạn ấy đến nhà bảo ông ta ngồi vào vị trí lần trước, rót một chén rượu đưa mời: “Anh nhìn xem có phải có một con rắn nhỏ không? Cánh cung tạo ra cái bóng con rắn ấy chính là đầu sỏ của tội đồ lần trước!” Người bạn chợt hiểu ra, lúc đó bụng ông đau dữ dội, nôn ra một con rắn nhỏ. Lòng nghi thành bệnh, lâu dần có thể từ không sinh ra có, cho nên nói “tâm sinh thì vạn pháp sinh”.

Có người đã làm thí nghiệm xem sức mạnh của sự giải tỏa tâm tình rốt cuộc có được bao nhiêu. Người ta tìm trong nhà lao một người tử tù, nói với người ấy: “Anh đã bị xử án tử hình, chém đầu hoặc bắn chết đều rất đau khổ, hiện nay nếu tôi chích cho anh, máu chảy ra từ từ, khi chảy hết máu anh sẽ chết một cách rất an ổn, anh có bằng lòng không?” Người tử tù nghe xong, liền chấp nhận, nằm trên giường chấp nhận sự sắp đặt. Người ta bịt hai mắt người tử tù lại, trên cánh tay sau khi chích kim vào, tức thì tiếng máu từng giọt từng giọt rơi xuống thùng, bên cạnh có người thỉnh thoảng nói bên tai anh ta: “Máu của anh đã chảy ra hết 1/5 rồi, mặt của anh đã bắt đầu nhợt nhạt rồi!” Cuối cùng, người tử tù ấy mặt trắng bệch, sợ hãi mà chết. Trên thực tế, từng giọt máu của anh ta không hề chảy ra, tiếng giọt trong thùng chỉ là tiếng của giọt nước, nhưng anh ta ám thị tất cả trong tâm tạo thành một cảnh tượng như thật, cho nên anh ta hoàn toàn bị tác dụng của nội tâm mình làm cho sợ mà chết.

Tô Đông Pha từng làm một bài kệ thi, tự cho là nổi tiếng xưa nay, vì không ghìm được tính tự đắc, nên vội bảo người nhà gấp rút chèo thuyền đến chỗ cư trú của thiền sư Phật Ấn tại chùa Kim Sơn ở Giang Nam, trong bụng nghĩ thế nào thiền sư cũng ca ngợi hết lời. Bài kệ của Tô Đông Pha là: “Khê thủ thiên trung thiên, hào quang chiếu đại thiên; bát phong xuy bất động, đoan tọa tử kim liên.” (Cúi lễ trời giữa trời, hào quang chiếu vạn nơi, gió thổi không lay động, ngồi ngay giữa tòa sen). Ai ngờ thiền sư Phật Ấn xem xong không nói một lời, chỉ phê hai chữ “cục phân”, rồi bảo người nhà đem về. Nhận được hồi báo, Tô Đông Pha đọc thấy hai chữ đó, ông ta rất tức giận nên bảo người nhà chuẩn bị thuyền. Con thuyền nhỏ vừa đến Trường Giang thì mắt nhìn thấy thiền sư Phật Ấn đứng bên bờ sông mỉm cười nghênh đón. Tô Đông Pha không kìm nổi cơn giận, xông lên nói lớn: “Thiền sư, hồi nãy tôi sai người nhà đến trình bài kệ, tại sao không đối lại? Tại sao thiền sư mở miệng mắng mỏ người ta?” Thiền sư Phật Ấn cười lớn, nói: “Tôi nghe ông nói là ‘gió thổi không lay động’, sao chỉ mới nghe tôi nói hai chữ tôi phê mà phải đi thuyền vượt sông đến đây?” Phật giáo gọi tám loại cảnh phong thường ảnh hưởng nhất đến thế giới nội tâm của chúng ta là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc là “bát phong” (tám thứ gió), Tô Đông Pha tự cho là tâm của mình sẽ không bị các thứ lợi dự xung cơ của thế giới bên ngoài tác động, nhưng không ngờ lại không chịu nổi sự thử thách của hai chữ đó.

Không hiểu nội tâm, bên trong không định, thì tâm có thể tùy vật mà chuyển; có thể hiểu rõ tâm của mình thì động tĩnh như nhau, mọi sự mọi vật đều tùy tâm mà chuyển. “Tất cả do tâm tạo ra”, nếu có thể chiếu theo tâm thanh tịnh để nhìn tất cả mọi sự mọi vật thì tất cả đó chính là tịnh độ. Cho nên kinh “Duy Ma Cật” nói: “Muốn đạt đến tịnh độ, cần tịnh cái tâm của mình; tùy theo cái tâm tịnh ấy tức Phật độ tịnh.” Lục tổ từng dạy tỳ kheo Pháp Đạt: “Tâm mê Pháp hoa chuyển, tâm ngộ chuyển Pháp hoa.” Ở đây muốn nói tụng kinh quý ở chỗ hiểu rõ ý nghĩa của kinh, tâm làm theo sự thể hội ấy, tiến tới ngộ

được tự tính của con người, lại có thể chuyển kinh thành công đức để hưởng dụng không cùng, nếu không như thế thì mất công miệng tụng mà tâm không hiểu, dù tụng ngàn vạn lần cũng sẽ bị kinh pháp, ngoại cảnh chi phối, lại càng bị mê loạn bản tâm mà thôi! Kinh “Lãng Nghiêm” cũng nói: “Nếu có thể chuyển vật tức là giống Như Lai rồi vậy.”

“Tâm như một họa sĩ giỏi, có thể vẽ đủ mọi vật.” Những năm đầu thời Dân Quốc, Pháp sư Viên Anh giảng giải kinh “Lãng Nghiêm” tại Thiên Đàn ở Bắc Kinh, ngày ngày giảng “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, mỗi ngày giảng hai tiếng đồng hồ, giảng xong một tiếng nghỉ giải lao mười lăm phút, trong thời gian ấy, mọi người có thể đưa câu hỏi. Bắc Kinh hồi ấy là nơi quy tụ những học giả, là đô hội văn hóa của những nhân sĩ nổi tiếng. Một hôm, trong số những người ngồi nghe diễn thuyết có một vị giáo sư tôn thờ chủ nghĩa duy vật, ông ấy hỏi: “Mỗi ngày ngài giảng ‘Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức’, tôi cho rằng không phù hợp với sự thật. Chúng tôi giảng dạy chủ nghĩa duy vật, tất cả đều phải có chứng cứ mới đáng tin. Ngài đã nói tất cả đều do tâm hiện, tất cả đều là thức biến, vậy bây giờ không cần lý luận, chúng tôi chỉ yêu cầu ngài lấy thực tế từ trong tâm biến ra một con ngựa!” Pháp sư Viên Anh nghe thế, nghĩ bụng: Đối phương muốn mình như một tay ma thuật biến ra một con ngựa thực sự, việc này phải làm thế nào đây? Nhưng pháp sư trả lời: “Vấn đề của ông, ngày mai tôi sẽ treo câu trả lời trên biển, ông muốn tôi biến thành ngựa, mời ông ngày mai đến nhìn lên tấm biển.” Pháp sư Viên Anh lúc ấy hoàn toàn không tính toán được gì cả, suốt đêm nghĩ biện pháp nên không ngủ được, trần trọc trần trở, mãi đến gần sáng bỗng nhiên nảy ra sáng kiến, vội bảo thị giả đem biển ra, lập tức múa bút nói: “Triệu Tử Ngang vẽ ngựa mà mình biến thành ngựa, duy tâm ư? Duy vật ư?”

Họa sư Triệu Tử Ngang sở trường vẽ ngựa, để vẽ một trăm con ngựa, mỗi ngày ông ta phải nghiên cứu hình dáng, động tác, tính tình... của ngựa. Do quá chuyên chú đến việc vẽ ngựa mà nhập tâm, nên một hôm trong giấc ngủ hồn thật bay đi nơi khác và biến thành một con ngựa. Người vợ chuẩn bị lên giường nằm ngủ, vừa mới vén màn, bỗng thấy trên giường nằm lù lù một con vật lo lớn, sợ quá nằm bất tỉnh. Tiếng té ngã của người vợ bỗng làm tỉnh giấc mộng của Triệu Tử Ngang, ông vội nâng vợ dậy và cứu tỉnh. Người vợ vừa mở mắt, liền la lên: “Không được! Trên giường có một con ngựa đấy!” Triệu Tử Ngang ngoảnh nhìn lại cái giường, nghĩ bụng: Trên giường làm gì có ngựa? Vừa rồi rõ ràng là tôi nằm ngủ trên đó mà! Sáng hôm sau nghĩ lại mới rõ: Chắc chắn là hàng ngày mình chỉ nghĩ đến ngựa, tất cả do tâm, nhân đó mà mình biến thành một con ngựa.

Điều đó gọi là “vật tùy tâm chuyển”, sự kiện Triệu Tử Ngang vẽ ngựa và mình biến thành ngựa cũng được ghi chép trong sử sách, pháp sư Viên Anh dẫn chứng câu chuyện ấy nêu lên trên biển. Thị giả nhìn thấy những gì ghi chép trên biển lòng mừng khắp khởi, liền nói: “Pháp sư của chúng ta quả là người có trí năng quảng bác nhỉ!” Một thị giả khác ngồi bên cạnh lại nói: “Chỉ may mắn thôi! Cũng may vật mà đối phương yêu cầu là ngựa, nếu nói biến thành trâu thì làm sao biến cho được?” Pháp sư Viên Anh nghe thế, lớn tiếng nói: “Về thôi! Về thôi! Ta sẽ còn nói lại chuyện này một lần nữa, nhưng cần phải biết vẽ ngựa có thể biến thành ngựa, vẽ trâu lại không thể biến thành trâu ư?”

Từ chuyện trên có thể thấy, tất cả thế gian đều có thể do từ tâm mà biến hiện, chỉ nhìn tâm của chúng ta có do tự mình làm chủ, có thể định tĩnh, có quảng đại bao dung mà không bỏ sót một vật nhỏ lớn nào hay không, tức là một hạt bụi, một hạt cải cũng không cho là nhỏ, hay dù đại thiên thế giới cũng không cho là lớn. Con người thường đối với ai mình yêu thích thì nói “Bạn là người luôn ở trong tâm của tôi.” Thực ra, không chỉ người mình yêu thích mới là người ở trong tâm của chúng ta, mà tất cả người trên thế gian, tất cả vật trên thế gian đều là người, là vật ở trong tâm của chúng ta.

Lời trích từ sách “Thái căn đằm”

Con người, nếu từ trong ngu si mê lầm mà tỉnh ngộ, mới có thể nhận ra chân lý của cuộc đời;

Con người, nếu từ trong tham cầu hướng ngoại mà biết quay đầu, mới có thể tìm thấy kho báu của nội tâm.



Bát nhã của nội tâm

Trưởng lão Ký Thiên Bát Chỉ Đầu Đà hồi nhỏ không hề đọc sách, một hôm đi qua hồ Động Đình, ngồi trên thuyền buộc miệng nói một câu thơ rất tuyệt diệu “Động Đình ba tổng nhất tăng lai” (sóng nước hồ Động Đình tổng tiến một thầy tu), mọi người đều thán phục.

Câu thơ ấy không những hàm súc ý nghĩa văn chương mà còn chứa đầy chất thiền. Trưởng lão Ký Thiên không đi học ngày nào, làm sao có thể nói ra một câu thơ đầy ý vị như vậy? Đó chính là do từ trí Bát nhã trong tâm của người ấy. Thế giới nội tâm xán lạn, nhiều màu nhiều vẻ, đó là điều chúng ta cần khai thác, bởi vì cái nguyên ủy ấy đều là bản tính của chúng ta. Trí Bát nhã ở trong tâm là gốc rễ của chúng ta, trí thức ở bên ngoài là cành lá của chúng ta, gốc rễ đã có, cành lá tự nhiên sẽ lớn mạnh. Trong quá khứ, chúng ta đã bỏ qua trí Bát nhã ở trong tâm của mình, đã bỏ qua cái gốc rễ, chỉ chú ý nghiên cứu cành ngọn và thường hao phí khá nhiều tâm lực, nhưng thu gặt chỉ là hữu hạn. Phật giáo nói “chúng sinh đều có Phật tính”, mỗi người đều có thể thành Phật; trong cụm từ “có thể” thành Phật, thì “có thể” chính là bản tính của chúng ta. Nguồn năng lượng đích thực phải là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Nhà khoa học có trí năng Bát nhã khai thác nguồn năng lượng của bản tính có thể đưa con người ra ngoài vũ trụ, đến chỗ mặt trăng; nhà triết học khai phá nguồn năng lượng của chính mình để có thể đi sâu nghiên cứu nhân sinh vũ trụ. Bất kể một học thuyết nào, nếu có những thành tựu đặc biệt đều cần phải nghiên cứu nguồn năng lượng bên trong của chính mình.

Thế nào mới gọi là trí Bát nhã ở trong tâm?

Thứ nhất, Phật tính vốn có chính là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Đức Phật mới đầu tu thành Chính giác dưới gốc Bồ đề, câu nói đầu tiên sau khi Ngài chứng ngộ là: “Lạ thay! lạ thay! Chúng sinh trên thế gian này đều có trí năng đức tướng Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng ngộ được đầy thôi.” Trí năng đức tướng của Như Lai chính là Phật tính của chúng ta, cũng chính là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Vậy tại sao chúng ta ôm ngọc mà đi xin ăn, có vàng mà thành cùng khổ?

Thứ hai, chân như của nội chứng chính là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Chân như và Phật tính là tên gọi khác nhau nhưng cùng nghĩa, chúng ta luân hồi sinh tử, có thể đến ngàn vạn kiếp là dựa vào cái chân như vốn có. Chúng ta có thể xa rời phiền não, sinh tử cũng dựa vào chân như vốn có của chúng ta. Chân như ví như một khối vàng ròng, dù bạn có thể làm thành chiếc nhẫn, vòng đeo tay, hoa tai, đồng hồ... nhưng bản chất của vàng vẫn không thay đổi. Chúng ta dựa vào chân như bất biến có thể thăng hoa chính mình, tịnh hóa chính mình.

Thứ ba, tâm thanh tịnh vô trú là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Kinh “Kim Cang” nói: “Đừng trụ vào đâu cả để mà sinh cái tâm” (ung vô sở trú nhi sinh kỳ tâm) Bởi vì tâm của chúng ta có chỗ trụ, cho nên tâm có sai lệch, có chấp trước. Nếu cái tâm thanh tịnh không có chỗ trụ thì là vô hạn, vô lượng, vô

biên, vô tận. Nếu chúng ta có trí Bát nhã vô trụ thì cần gì phải chi li tính toán những cái lợi bé nhỏ hay so đo ta người, thị phi?

Thứ tư, bản thể thường hằng là trí Bát nhã ở trong tâm của chúng ta. Tất cả thế gian đều là tạm bợ vô thường, chỉ có trí Bát nhã ở trong tâm mới là bản thể thường hằng của chúng ta, mỗi chúng ta cần phải tìm gốc rễ của mình, tìm cái sinh mệnh thường hằng của mình. Để tìm gốc rễ, tìm sinh mệnh thường hằng, trước tiên phải thể chứng trí Bát nhã ở trong tâm, thấu triệt tất cả, thì tri thức thế gian sẽ từ trong tự tính Bát nhã ấy mà tỏ lộ.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Độ lượng của tâm mỗi người có như thế nào thì sự nghiệp có như thế đó;

Khả năng của tâm mỗi người chứa bao nhiêu thì thành tựu có bấy nhiêu.



Người chủ của tâm

Ngày xưa, có một người nhà giàu có đến bốn bà vợ, ông ta rất cưng chiều bà vợ trẻ đẹp thứ tư. Về sau, người nhà giàu bị bệnh nan y, trước khi chết, ông nói với bà vợ thứ tư: “Thường ngày ta đối đãi với nàng tốt nhất, vậy nàng có cùng chết với ta được không?” Bà vợ thứ tư hoảng sợ, nói: “Không! Lúc sống cùng ở với nhau đương nhiên là tốt rồi, nhưng sau khi chết ở với nhau thì có gì là tốt kia chứ?”

Người nhà giàu lại yêu cầu bà vợ thứ ba, bà vợ thứ ba nói: “Tôi còn trẻ tuổi, với nhan sắc của tôi, tôi cũng có thể cải giá, tại sao lại chết cùng với chàng?”

Người nhà giàu hỏi người vợ thứ hai, bà vợ thứ hai khoát tay nói: “Chuyện nhà cửa đều do tôi lo liệu, tôi không thể không chăm nom việc nhà!”

Người nhà giàu không biết làm thế nào, cuối cùng ông nói với bà vợ cả: “Trước đây tôi đối xử với bà quá lạnh nhạt, hiện nay tôi sắp chết, một mình tôi chỗ âm phủ sẽ vô cùng cô đơn, bà có bằng lòng cùng đi với tôi không?” Bà vợ cả nghiêm túc trả lời: “Lấy chồng theo chồng, tôi đương nhiên bằng lòng chết theo với ông, tôi mãi mãi đi theo cùng ông.”

Trong câu chuyện kể trên, người nhà giàu lúc còn sống không bao giờ xa rời bà vợ thứ tư là chỉ thân thể của chúng ta. Mỗi người đều thích trau chuốt thân thể của mình trẻ trung xinh đẹp, nhưng trẻ trung xinh đẹp hoàn toàn không giúp được gì cho tương lai của chúng ta. Ý muốn tái giá của bà vợ thứ ba dùng chỉ tiền của của chúng ta, con người một ngày kia chết đi, tất cả tiền của đều có thể biến thành của người khác. Việc chăm nom nhà cửa của bà vợ thứ ba dùng chỉ bà con bạn hữu từng trải qua hoạn nạn cùng có nhau, khi chúng ta sắp rời xa trần thế, những bà con bạn hữu ấy ở lại thế gian còn có rất nhiều việc chưa hoàn thành, họ cũng chỉ đưa tiễn người chết đi một đoạn đường mà thôi. Còn bà vợ cả xưa nay không được coi trọng kia chính là tâm thức của chúng ta, khi sống, chúng ta chỉ biết tham lam ngu dục, quan tâm đến bà con bạn hữu, chăm lo bảo vệ thân thể, mà thường lơ là tâm thức của chúng ta. Đến khi cuộc đời sắp kết thúc, cái gì mang theo cũng không được, chỉ có mỗi một cái mang theo được đó là tâm thức của chúng ta, nên có điều rằng “vạn thứ không thể mang theo, chỉ có cái nghiệp tùy thân”, chính là ý nghĩa này.

Tâm của chúng ta không chỉ thuộc đời này của chúng ta, mà là đời đời kiếp kiếp, mãi mãi đều thuộc vào chúng ta, nhưng chúng ta lại thường coi nhẹ nó. Biết rõ thân thể tối đa chỉ dùng được trong khoảng mấy mươi năm mà thôi, nhưng chúng ta lại dùng mọi cách để bảo vệ nó. Đến như việc bảo vệ tiền bạc, trộm cắp có thể cướp giật tiền bạc của chúng ta, thiên tai có thể nuốt gọn tiền bạc của chúng ta, con cháu bất hiếu có thể vung vãi tiền bạc của chúng ta; tiền của vốn là của chung của năm nhà chứ không phải là của riêng của một mình chúng ta, chúng ta cũng dùng mọi cách để bảo vệ nó, nhưng chúng ta lại không biết quý tiếc cái tâm còn đáng quý hơn cả tiền bạc rất nhiều.

Thường ngày chúng ta thấy được khuôn mặt của người khác, nhưng không thể thấy được khuôn mặt của mình; đôi khi chúng ta biết chuyện này chuyện khác, nhưng lại rất khó biết cái tâm của mình. Thường nghe có người nói “bạn không thể hiểu tôi”, nhưng kỳ thực mình đâu có hiểu được mình? Chỉ có hiểu được tâm của mình mới có thể nhận biết được chính mình, nhưng rốt cuộc tâm của chúng ta là như thế nào nhỉ? Trước hết hãy theo những câu thành ngữ của người xưa nói về cái tâm.

Khi chúng ta mô tả tâm ý bất định thì nói “tam tâm nhị ý” (ba tâm hai ý, tức nói tâm ý không nhất quyết, do dự); miêu tả tâm tư chơi vơi tán loạn thì nói “tâm viên ý mã” (tâm vượn ý ngựa, tức nói tâm bất thường, nhiều thay đổi, hay nói tâm tư không chuyên nhất, biến hóa vô chừng); nếu sắp nổi điên, hung dữ đáng sợ, chúng ta mô tả bằng câu “tâm như cuồng tượng” (tâm như voi điên, tức nói tâm ý hung hãn dữ tợn rất đáng sợ); một hôm cái tâm ấy bỗng nảy sinh ý tưởng kỳ lạ, tâm xằng ý bậy, chúng ta nói là “quỷ mê tâm khiêu” (bị ma ám, tức tâm trí bị ngoại vật mê hoặc, hồ đồ nhất thời). Ngoài lối dùng ma quỷ, động vật để ví dụ, chúng ta cũng dùng thực vật, khoáng vật để mô tả sự vô tình của tâm. Như nói “tâm như băng thủy” (trái tim lạnh giá, tức chỉ tâm không nồng nhiệt, có vẻ lạnh lùng), “tâm như thiết thạch” (trái tim như sắt đá, tức chỉ tâm không rung cảm, tâm vô cảm), tâm đúng là lạnh lùng, tâm quá cứng rắn. Có lúc chúng ta dùng “tâm như họa sư” (tâm như một người họa sĩ), “tượng tâm độc vận” (tâm ý khéo léo cao diệu) để mô tả tâm tư tình cảm khéo léo, xảo diệu, chúng có thể thành tựu vô số những sự chuyện khác đời. Đôi lúc cũng nói “tâm như oán tặc” (lòng như oán giặc). Vương Dương Minh nói rất đúng: “Bắt tên giặc trên rừng dễ, bắt tên giặc trong tâm khó.”

Trong kinh Phật thường dùng viên ngọc quý tùy màu sắc mà nó tiếp xúc để ví dụ sự thần diệu của tâm con người, nó biến hóa không lường mà không thể đoán trước. Gọi là “tùy màu sắc” (tùy sắc) tức là nói nó có thể tùy theo màu sắc sự vật bên cạnh mà biến đổi, ngọc gần màu đỏ thì biến thành đỏ, gần màu vàng thì biến thành vàng, đặt vào thiên đường thì biến thành thiên đường, đặt vào địa ngục thì biến thành địa ngục, đặt vào trước Phật thì biến thành Phật, từ đó suy ra trước ngạ quỷ súc sinh, trước già trẻ trai gái, trước nhà buôn binh sĩ, thì cũng đều tùy loại mà biến. Còn bản sắc của ngọc thì không thể nào biết được, hình dáng căn bản của tâm thì không thể nào tìm ra, đó chính là ý nghĩa của ngọc có tên là ngọc, của tâm có tên là tâm.

Lại có một trường hợp ngược lại mà trong y học phát triển ngày nay cũng không thiếu những ví dụ, đó là tế bào não đã chết, năng lực phân biệt đã không còn, chỉ dựa vào các ống dẫn truyền chất dinh dưỡng để “sống” như con người thực vật; bởi vì đã mất hết ý thức (vô tâm), gọi là còn sống đó, nhưng không phải là con người sống thật.

Trong mọi lúc, chúng ta xem tâm như một vị lãnh tụ, có thể gọi là “tâm quân”, “tâm vương” (vua tâm). Tâm thống lĩnh năm giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, “tâm vương” tốt thì có thể lãnh đạo chúng ta thành tựu được nhiều công đức, nếu lãnh đạo không đúng đắn, chúng ta có thể đi lạc đường, tạo ra tai

họa.

Tâm là người chủ đích thực của chúng ta, nhưng người chủ này thường thiếu chức phận. Hứa Hành đời Nguyên, trong một lần chiến loạn toi bời chạy thoát đến Hà Dương, suốt mấy ngày vừa đói vừa khát, đến nước cũng không có mà uống. Đúng lúc đó bên đường có một cây lê, mọi người tranh nhau hái ăn, chỉ có Hứa Hành ngồi ngay ngắn dưới gốc cây. Người bên cạnh có vẻ nghi ngại hỏi ông: “Hãy ăn quả lê này cho đỡ đói, đỡ khát đi! Tại sao ông lại không ăn?” Thần thái Hứa Hành an nhiên trầm tĩnh trả lời: “Cây lê này là do người khác trồng, tức là vật có chủ, làm sao có thể tùy tiện hái ăn được?” Mọi người cười lớn, nhao nhao nói: “Hiện nay người ta đều chạy lánh nạn, chủ của cây lê này cũng không biết chạy trốn ở đâu, cần gì phải để ý đến ông ta?” Hứa Hành nghiêm sắc mặt nói: “Lẽ nào lại nói người chủ của cây lê không còn, thế thì ngay cả người chủ của nội tâm mình cũng không còn sao?”

Nếu tâm của chúng ta có khả năng làm chủ chính mình thì cần gì phải cầu thần, xem bói? Nếu tâm của chúng ta có chủ nhân, thì cần gì phải tin nghe lời thị phi, lời đồn nhảm, lời xu nịnh của người khác?

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Có cái tâm tốt là:

Lấy tâm chân thành để đối trị tâm hư ngụy, lấy tâm Bát nhã để đối trị tâm ngu si;

Lấy tâm từ bi để đối trị tâm sân hận, lấy tâm cảm ơn để đối trị tâm oán trách;

Lấy tâm thành kính để đối trị tâm khinh mạn, lấy tâm công bằng để đối trị tâm hẹp hòi;

Lấy tâm bao dung để đối trị tâm oán hận, lấy tâm hướng thượng để đối trị tâm buông thả;

Lấy tâm thanh đạm để đối trị tâm hào nhoáng, lấy tâm sửa sai để đối trị tâm chấp trước;

Lấy tâm tầm quý để đối trị tâm vô si, lấy tâm vĩnh hằng để đối trị tâm nhất thời;

Lấy tâm kỷ luật để đối trị tâm phóng túng, lấy tâm tích cực để đối trị tâm tiêu cực.



Người thân kẻ thù đều bình đẳng

Trong kinh Phật có ghi chuyện Bồ tát Thường Bất Khinh, mỗi lần kẻ ngoại đạo dùng lời độc ác, gây gộc, gạch đá hướng về phía ông, thì ông vẫn dùng thái độ cung kính thành khẩn trả lời: “Tôi không dám khinh mạn các anh, sau này các anh có thể trở thành đấng Chính đẳng Chính giác, các anh đều là đức Phật tương lai.”

Bồ tát Thường Bất Khinh có tinh thần nhẫn nhục như vậy, có tấm lòng vô cùng quảng đại như vậy để bao dung mới có thể hết lần này đến lần khác do thành thật ở bên trong mà thể hiện ra bên ngoài, luôn luôn cung kính chấp tay thi lễ đối với những kẻ ngoại đạo mặt mày hung ác.

Thông thường chúng ta gọi loài người là giống “hữu tình”. Vì là “hữu tình”, nên từ khi lọt lòng mẹ, ngay từ hơi thở đầu tiên, con người không cần dạy bảo cũng đã biết yêu thương người và được người yêu thương. Lúc còn bé ẵm thì yêu thương cha mẹ, và được cha mẹ yêu thương; lớn lên, yêu thương anh em bạn hữu và được anh em bạn hữu yêu thương; sau khi thành gia thất yêu thương vợ con và được

vợ con yêu thương, kính trọng. Mạnh Tử nói: “Lòng trắc ẩn mọi người đều có”, ngày nay chúng ta cũng có thể nói: “Lòng yêu thương người mọi người đều có”. Không những có lòng yêu thương người mà còn có lòng yêu thương vật. Chúng ta mở mắt ra nhìn đến xa hút tầm mắt, chỉ toàn là những sự vật tốt đẹp, bất kể là tiền của, sức khỏe, kiến thức, vật dụng, phong cảnh, hoa cỏ, âm thanh, thức ăn... không vật gì mà không khiến chúng ta ái mộ. Cũng do “hữu tình” mà tính yêu người, yêu vật ấy tạo ra như vậy, phản ánh thế giới bên ngoài, khiến cho trong các tác phẩm văn học của chúng ta có không biết bao nhiêu là thơ văn làm cảm động lòng người. Bởi vì tâm có điều để yêu thương nên sinh tử, phiền não buộc chặt chúng ta lại.

Con người ai cũng có bản tính yêu thương người, yêu thương vật như vậy, trong thế giới vạn pháp đầy màu sắc rực rỡ này, chúng ta dần dần trưởng thành, học tập để nhận biết xã hội. Xã hội này, phạm điều nên thì đều đáng mừng, điều hư thì đều đáng ghét; cái đẹp thì đều đáng yêu, cái xấu thì đều đáng ghét; người lớn mạnh thì đáng phục, người yếu đuối thì đáng thương; người cao quý thì được tôn trọng, kẻ thấp hèn thì xem tầm thường. Ví như em bé xem phim ảnh hay nghe chuyện kể, vừa bắt đầu thì nó liền hỏi ai là người tốt, ai là người xấu, sau đó mới yên tâm ngồi xem hay ngồi nghe.

Dưới góc nhìn tri kiến thị phi đối chọi như vậy, tâm của chúng ta bị hạn chế, và trở nên hẹp hòi, điều mà chúng ta yêu thương cũng nằm trong điều kiện hữu hình, hữu hạn. Do đó, vợ yêu thương chồng, thì trong tâm chỉ dung nạp người chồng mà không dung nạp cha mẹ chồng; mẹ kế yêu thương con đẻ của mình thì trong tâm chỉ dung nạp đứa con do mình đẻ ra mà không dung nạp con cái người vợ trước của chồng; yêu thương người thân của mình thì chỉ có người mà mình thân, mình yêu mới là người ở trong tâm của mình, còn không thể dung nạp người ngoài và hầu như người ngoài cũng không thể chen vào một góc hẹp nào ở trong tâm của chúng ta. Dù đôi lúc chúng ta cũng chân thành tự phản tỉnh, tự trách mình, mong muốn mình mở rộng tâm lòng hơn, bao dung nhiều hơn, nhưng bao nhiêu thành kiến ăn sâu trong tâm thức lại nổi dậy ngăn chặn ở trong tâm của chúng ta - vừa gieo hạt giống thì quan niệm vùng miền hạn hẹp lại trở thành thứ ma ám, cho nên có sự khác biệt gọi là tỉnh mình tỉnh người, miền nam miền bắc, người Khách Gia người Phúc Kiến, người mắt xanh người mắt nâu... và cứ thế khiến chúng ta không biết tại sao thân cận với ông Giáp nọ mà lơ là với ông Ất kia; vừa gieo hạt mầm là bóng đen của đoàn thể, phe nhóm, lợi ích xung đột khiến mỗi lần chúng ta nhìn thấy đối phương thì nảy sinh ảo tưởng thù hận ghê gớm, tức là thứ ảo tưởng xem như kẻ thù không đội trời chung vậy. Thảo nào mà trong kinh Phật đã ví “tâm phân biệt ta - người như là biển sâu - núi cao”. Một khi “tâm phân biệt ta - người” nổi lên sóng gió thì “biển tâm” (tâm hải) sục sôi cuộn cuộn tạo ra ác nghiệp cao to như núi Tu Di.

Tục ngữ có câu “tể tướng đỡ lý năng xanh thuyền, đại độ năng dung thiên hạ nan dung chi sự”, nghĩa là tâm bụng tể tướng có thể chèo chống con thuyền, người có lòng đại độ mới có thể khoan dung những việc mà thiên hạ khó khoan dung, phàm là những người tài giỏi, văn võ song toàn, tất nhiên tâm lòng của họ rộng rãi khoáng đạt hơn những kẻ phàm phu tục tử, dù bạn có cười cợt chê bai, vinh nhục tiến thoái, thiện ác chính tà, tất cả đều có thể bao dung mà an nhiên tự tại.

Phật giáo xem “oán ghét” là một trong tám loại đại khổ của cuộc đời. Có lúc chúng ta có thể dịu dàng hòa ái quan tâm, khen ngợi người khác, tiếp đãi, giúp đỡ những người lạ không từng liên quan với chúng ta, phát huy tối đa tâm tình đồng cảm, chia sẻ nỗi buồn rầu hay có thể nhường cơm sẻ áo đối với một số người đau khổ hoạn nạn trong xã hội. Nhưng chỉ cần kẻ thù vừa xuất hiện trước mặt, thì không thể không quắc mắt trợn mày, cắn răng nghiêng lợi, càng nhìn hấn ta càng thấy gai mắt, muốn lấy mạng

kẻ thù, quả đúng như lời tục ngữ thường nói “Cái gai trong mắt, cái kim trong thịt”.

Tất cả những thị phi, thiện ác, có không, tốt xấu, tươi héo, ta người, họa phúc, đẹp xấu... ấy là những tri kiến hẹp hòi của sự phân biệt đối đãi, một khi chúng ta không thể triệt phá thì không thể hiểu rõ cảnh giới của an lạc viên mãn; một khi chúng ta không thể vượt qua thì không thể lãnh ngộ tâm của đức Phật ôm trọn cả không gian vũ trụ trong lòng. Tâm của đức Phật bao dung tất cả trời đất, tất cả chúng sinh, tất cả hư không, Ngài không những yêu thương người thân mà thậm chí yêu thương cả kẻ thù, Ngài xem kẻ phản bội đã nhiều lần âm mưu hại mình là Bồ Đề Đạt Đa như một thiện tri thức, tăng thượng duyên. Nếu không có đen tối, làm sao có ánh sáng? Nếu không có tội ác, làm sao có đạo Phật? Đức Phật thực hiện theo tinh thần “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, tức là kể cả người thân hay kẻ thù đều xem là bình đẳng mà ban vui diệt khổ. Tâm của đức Phật giống như hư không, trong hư không ấy có sông có núi, có cây có hoa, có trời có trăng. Trong hư không ấy đầy đủ tất cả, đức Phật bao dung tất cả.

“Lục Tổ đàn kinh” nói: “Tự tính mê lầm tức là chúng sinh, tự tính giác ngộ tức là Phật.” Tâm, Phật, chúng sinh, ba đối tượng ấy không có gì sai khác, Phật tức là chúng sinh, chúng sinh tức là Phật. Sự sai khác chỉ do tâm mê hay ngộ - mê thì vọng niệm chúng sinh, vạn duyên bám vào, biên cương ngăn cách, ta người đối lập; ngộ thì thông thoáng sáng sủa, xa rời vọng duyên, bình đẳng nhiếp chúng, tâm ôm vũ trụ. Quý vị có biết không? Tâm của chúng ta vốn cũng có thể bao dung tất cả như tâm của đức Phật. Tâm của chúng ta vốn là quý báu biết bao, là rộng lớn biết bao! Tâm của chúng ta giống như mặt trời, mặt trăng, có thể chiếu sáng những nơi u tối; tâm của chúng ta giống như ruộng đất, có thể ươm mầm thiện căn, trồng cây công đức; tâm của chúng ta giống như gương sáng, có thể nhìn thấu mọi vật, hiện rõ tất cả; tâm của chúng ta lớn như biển cả chứa kho báu năng lượng vô hạn.

“Nếu con người muốn nhận ra cảnh giới của Phật, phải làm sạch cái tâm của mình như hư không”, nếu chúng ta muốn cùng nổi danh bình đẳng với chư Phật của ba đời, trước tiên mở rộng, mở rộng hơn nữa cõi tâm của chúng ta giống như hư không. Không chỉ chồng, con chúng ta đáng yêu mà ngay cả cha mẹ chồng, chị em dâu đều đáng yêu; không chỉ con ruột của mình đáng yêu mà con cái người vợ trước của chồng mình cũng rất đáng yêu; không chỉ người thân, bạn hữu của chúng ta đáng yêu mà đến cả những đồng nghiệp bên ngoài, mọi người trong xã hội, đồng đạo chúng sinh trên thế gian, mỗi cá nhân đều rất đáng yêu. Trong tâm chúng ta có Phật, mỗi một chúng ta đều có thể mở rộng cõi tâm của mình. Nếu bạn muốn giàu sang thì trước tiên bạn phải mở rộng tâm của mình khiến nó có thể bao bọc, dung chứa, bao bọc rộng, dung chứa rộng, như vậy tự nhiên giàu sang sẽ ở ngay trong đó.

Lời trích từ sách “Thái căn đàm”

Trông dưa được dưa, đạo lý rõ ràng;

Nhân lành duyên tốt, như bóng theo hình.

Sở dĩ cuộc đời có ý nghĩa là do có thể vì cuộc đời lưu lại sử sách, vì xã hội lưu lại từ bi, vì chính mình lưu lại tín ngưỡng, vì nhân gian lưu lại công hiến.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

